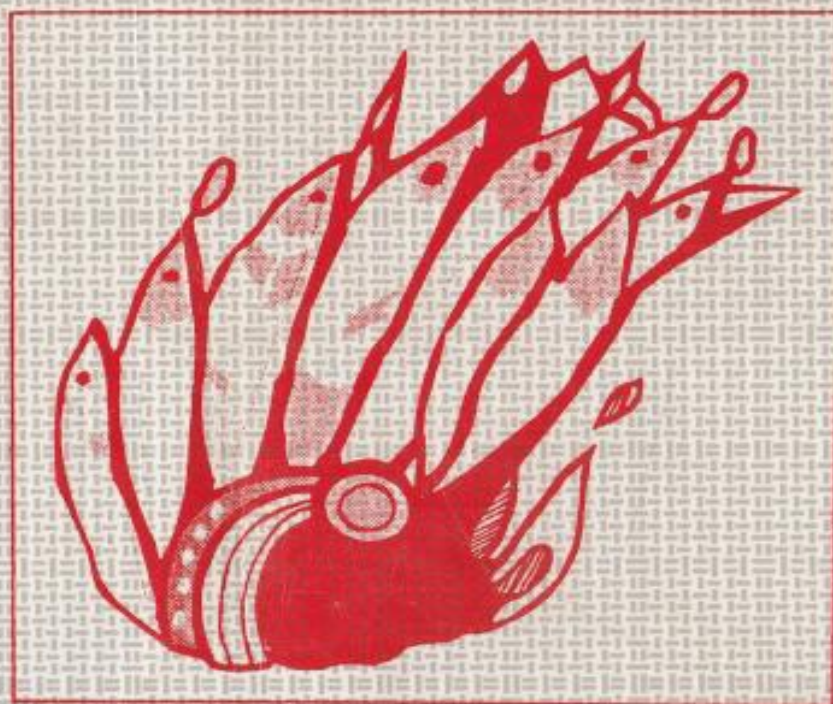


Louis Ferdinand Céline

HÀNH TRÌNH
ĐẾN TẬN CÙNG ĐÊM TỐI



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

HÀNH TRÌNH ĐẾN TẬN CÙNG ĐÊM TỐI
Nguyên tác: **(VOYAGE AU BOUT DE LA NUIT)**

--- ✱ ❖ ✱ ---

Tác giả: **Louis Ferdinand Céline**

Dịch thuật: **Hoàng Phong**

Nhà xuất bản **Hội Nhà Văn**

Với sự giúp đỡ của Đại Sứ Quán Pháp

Theo nguyên bản tiếng Pháp in trong Tủ sách Tao đàn của Nhà xuất bản
Gallimard, Paris, 1952. In lại năm 1994 trong Tủ sách Folio Classique
Paris.

Scan: **thanhbinhtran**

OCR-Ebook: **Mèo lười**

Ebook này tặng Totoro.



gumshiniki 2/2.

Chuyện ấy đã bắt đầu như thế đấy. Tôi thì tôi chẳng bao giờ nói gì đâu. Chẳng nói gì cả. Nhưng Arthur Ganate lại gọi cho tôi nói. Arthur, một thằng bạn sinh viên, cùng khoa y với tôi. Hai đứa gặp nhau ở quảng trường Clichy. Lúc ấy đã sau bữa trưa. Cậu ta có chuyện gì đó muốn nói với tôi. Tôi nghe cậu ta. “Thôi, không ngồi ngoài này nữa, chúng mình về đi”, cậu ta bảo. Tôi về với cậu ta. Thế đấy. Rồi cậu ta bắt đầu câu chuyện. “Ngoài hiên này dành cho khách ăn trứng la-coóc. Chúng mình lại đằng kia đi!” Lúc ấy đường phố vắng tanh, chẳng có ma nào, vì trời nóng bức; xe cộ cũng không, chẳng có gì hết. Trời lạnh thì cũng chẳng ma nào ngoài phố; tôi nhớ rằng chính cậu ta nói với tôi cái ý này: “Dân Paris cứ làm ra vẻ lúc nào cũng bận bịu, nhưng thật ra họ dong chơi suốt từ sớm đến tối. Chứng cứ là khi nào thời tiết không đẹp để họ đi chơi, hoặc lạnh quá hoặc nóng quá thì có thấy họ quái đâu, tất cả còn chúi mũi vào quán cà phê hay quầy bia hơi. Là thế đấy! Họ bảo rằng thế kỷ của chúng ta là thế kỷ tốc độ! Đâu nào? Rồi lại nói đến những thay đổi lớn! Nói thế thôi, thay đổi gì nào? Thật ra chẳng thay đổi cái quái gì cả. Họ chỉ bocc nhau lên đó thôi. Mà cái chuyện bocc nhau thì cũng chẳng mới mẻ gì. Toàn chuyện ngôn từ, mà ngôn từ thì cũng có đổi mới được bao nhiêu đâu! Hai ba cái ở chỗ này, chỗ kia, toàn những đồ nhỏ nhoi, vặt vãnh”. Khoái trí vì giống được lên những hồi chuông tưởng như là chân lý hữu ích, cả hai đứa chúng tôi ngồi lì ở đó, thích thú, nhìn ngó các cô hàng cà phê.

Sau đó, câu chuyện quay về với tổng thống Poincaré vừa cắt băng khai mạc, đúng vào sáng hôm ấy, cuộc triển lãm chó cún; và thế rồi, chuyện tán róc rỉ rả trên tờ *Thời báo* (Le Temps). Arthur nói chọc tôi: “Thằng cha *Thời báo* quả là bậc thầy làng báo. Không thể có lấy hai tờ báo như thế để mà bênh vực cái giòng giống Pháp này!” Tôi bảo: “Rõ ràng là cần có một giòng giống Pháp, nhưng làm quái gì có!” Trả miếng hẳn ta như thế để tỏ ra rằng tôi cũng là thằng nói năng có sở cứ lắm chứ.

“Có đấy! Có một giòng giống Pháp, mà lại là giòng giống tốt nữa cơ - hẳn

nhấn mạnh - thậm chí còn là giọng giống tốt nhất thế giới cơ đấy. Chỉ tội một nỗi là rất khỏe bị cầm sừng mà lại cứ nói ngược!” Thế là hẳn ta bắt đầu nổi khùng với tôi. Tất nhiên tôi phải tự trấn tĩnh và vững vàng.

“Không đúng đâu. Cái mà cậu gọi là giọng giống, chỉ là một mớ táp nham những kẻ khố rách áo ôm như loại tớ thôi, toàn là một bầy chấy rận, toét mắt, run rẩy trôi giạt vào đất này, lại còn bị đủ thứ đói rét, dịch hạch bám đuôi, những kẻ thất thế khắp bốn phương trời đổ về đây. Họ không còn đi xa hơn được nữa vì biển cả đã ngăn bước chân họ lại. Đây, nước Pháp và dân Pháp là thế đấy”.

Trầm hẳn giọng xuống và đượm vẻ buồn, cậu ta bảo tôi:

-Bardamu ơi, ông cha mình đáng tự hào lắm, chớ có nói vậy!

-Cậu có lý, Arthur ạ. Cái ấy thì cậu có lý! Luôn luôn hẳn học và dễ bảo, bị xâm phạm, bị đánh cắp, bị moi ruột và ngốc nghếch... Ông cha ta đáng tự hào lắm chứ! Cậu có thể nói là thế! Chúng ta có gì thay đổi nào? Giày tất, không thay đổi; chúa tể, không thay đổi, chính kiến cũng không, hay có chăng thì cũng quá muộn màng, chẳng còn đáng để trông đợi nữa. Chúng ta bẩm sinh đã là những kẻ trung thành, điều ấy thì rõ quá đi rồi! Lính tráng không lương, anh hùng cho tất cả mọi người, cho tất cả những con khỉ biết nói tiếng người... Những từ ngữ đã làm khổ tai nhau quá rồi. Chúng ta chỉ là những thần dân của Đức Vua Khốn khổ. Ngài chính là chúa tể của chúng ta. Chừng nào mà ta không ngoan ngoãn thì ngài siết chặt lại. Những ngón tay ngài siết chặt cổ tất cả chúng ta, nói đã chẳng ra lời, còn phải liệu, thần hồn nếu muốn ăn nuốt cho trôi... Ngài bóp hầu bóp cổ ta chẳng cần có nguyên cớ gì hết... cứ thế thì còn cớ gì là đời nữa...

-Còn chứ, còn tình yêu, Bardamu ơi!

-Arthur này, tình yêu là cái quái gì, chẳng qua cũng chỉ ngang tầm với mấy con cún con thôi. Còn tớ, tớ có cái phẩm giá của tớ chứ! tôi trả lời cậu ta.

-Vậy thì hãy nói về cậu đi! Cậu chỉ là một thằng cha vô chính phủ, thế thôi!

Quả đây là một thằng nhóc láu cá. Dù thế nào thì các bạn cũng đã thấy được cái đó và thấy được sự phát triển sớm của một chính kiến.

-Này cái thằng mặt phỉ kia ời, mày bảo tao là đồ vô chính phủ, ừ thì tao là thế đấy! Chúng có rõ ràng nhất là tao đã soạn thảo ra những lời cầu nguyện để trả thù đời và có liên quan đến cái xã hội con người mà mày đang định nói với tao đấy. Đó là truyện ngắn “*Những đôi cánh bằng vàng*”. Tiêu đề của truyện là như vậy. Và tôi đọc cho nó nghe:

“Một ông thần ngồi tính từng phút, từng đồng xu, một ông thần thất vọng, dâm dục và bẩn gắt như một con lợn. Một con lợn với đôi cánh bằng vàng sà xuống khắp chốn, ưỡn cái bụng lên để sẵn sàng chờ đón những mơn trớn vuốt ve, chính là hăn đấy, chính là thầy của chúng ta đấy. Ôm nhau hôn đi nào?”

-Cái mẫu chuyện ấy của cậu chẳng đậu lại được trên đời này đâu. Ta sinh ra ở đời là đã có sẵn trật tự an bài rồi, dẫu ta không thích gì cái trò chính trị. Tuy vậy, đến ngày nào đó Tổ quốc bảo ta phải đổ máu ra, thì chắc chắn là Tổ quốc sẽ thấy được sự có mặt của ta, và thấy ta không phải là một đứa vô tích sự, mà là đứa sẵn sàng làm việc đó! - hăn trả lời tôi như thế.

Đúng vào lúc ấy chiến tranh đã xấp lại gần rồi mà hai đứa chúng tôi chẳng hay biết gì cả, còn tôi thì cũng chẳng giữ cho cái đầu mình được vững nữa. Cuộc tranh luận ngắn ngủi nhưng lại dai ngoách này khiến tôi mệt óc. Đã thế, thằng cha bồi bàn lại hơi có vẻ coi tôi bần xỉn trong khoản tiền “boa”... Cuối cùng thì hai đứa cũng dàn hòa với nhau để kết thúc câu chuyện. Và hai đứa lại cùng nhau nhất trí hết mọi sự.

- Đúng thế, tóm lại là cậu có lý, - tôi nhận với cậu ta như thế, để dàn hòa. Nhưng rút cục, khi chúng mình đã phải ngồi với nhau trên con thuyền ga-le thì chỉ còn nước bắt tay vào cùng nhau mà chèo chống. Cậu không thể nói khác tở được!... Cho dẫu có phải ngồi trên những hàng đình nhon mà chèo thuyền thì cũng đành cùng nhau chịu thế thôi! Và rồi ra sẽ được cái gì nào? Chẳng có cóc gì cả, chỉ có roi vọt, cực khổ, nghe những chuyện phịa và lại còn phải chịu đủ thứ ác nghiệt nữa chứ! Chúng nó bảo: Nào các bạn, ta lao động đi thôi! Nhưng cái thứ lao động của chúng nó thì còn tệ hại hơn đủ mọi

thứ trên đời này. Người ta phải chui rúc dưới khoang thuyền ngột ngạt, thở không ra, hôi hám, nhớp nháp thế đó... Còn trên boong mát mẻ thì các ông chủ nhớn nhợ chẳng phải làm gì cả, có chẳng chỉ là bận bịu với mấy mụ đàn bà xinh xắn, sức nước nước hoa ẻo ẹn trên đầu gối các lão. Họ gọi chúng tôi lên boong. Đầu họ đội mũ cao, miệng họ rống lên: “Ta đồng thanh hô to nào: “Tổ quốc muốn năm !” Hô thật to cho người ở xa cũng nghe thấy nào! Ai hô to nhất thì người ấy sẽ được thưởng mề đay và được ban kẹo của Chúa Giêsu! Quân khốn kiếp! Đứa nào không muốn mất xác vào biển cả thì sẽ được chết trên đất liền lại còn nhanh hơn cơ đấy!”

-Tất cả là thế! Arthur tán thành với tôi, và rõ ràng là trở nên dễ thuyết phục hơn.

Nhưng kìa, ngay trước mặt cái quán cà phê chúng tôi đang ngồi, một trung đoàn lính hành quân qua, với một viên đại tá cưỡi trên lưng ngựa, và lại còn có vẻ rất dễ thương và rất hoạt bát nữa chứ! Tôi nhảy căng lên vì khoái trí, và la hét với Arthur: “Để tớ xem xem có đúng thế không”, và thế là tôi dẫn thân vào, mà lại còn ra sức rảo bước chân nữa...

-Ferdinand, cậu thật là thẳng ngốc ời là ngốc... Arthur gào lên lúc quay trở lại, với vẻ phật lòng, có lẽ vì thấy mọi người đang trở mắt dõi nhìn cái cử chỉ anh hùng ngốc nghếch của tôi.

Tôi cũng hơi bực vì cách xử sự của cậu ta, nhưng vẫn không dừng lại mà cứ bước một đi theo đoàn quân, bụng nhủ thầm: “Đã đâm lao thì theo lao!”

-Rồi sẽ biết nhau, thẳng hèn kia ời! - Tôi còn đủ thời giờ để hét lên với Arthur trước khi rẽ sang phố khác cùng cái trung đoàn hành quân theo sau ông đại tá và đội lính kèn. Chuyện xảy ra chính xác là như vậy.

Và thế là tôi nhập vào đoàn quân, hành quân khá xa. Các phố cũng đông dần lên, rồi đám dân thường cùng vợ con từ trong nhà hò reo cổ vũ đoàn quân, và họ tung hoa trước các thềm nhà, các sân ga, các nhà thờ đầy người. Quả là có vô khối người yêu nước! Nhưng rồi thì các nhà yêu nước ấy cũng biến mất dần... Mưa rơi càng mau hạt thì những tiếng reo hò cổ vũ cũng lắng xuống, rồi chẳng còn mống nào trên đường phố nữa...

Vậy là chúng tôi chỉ còn lại với nhau thôi ư? Kẻ trước người sau thế này ư? Nhạc cũng im rồi. “Nói tóm lại, tôi tự nhủ thầm, mọi cái phải làm lại từ đầu thôi!” Tôi tính rời khỏi hàng quân nhưng đã quá muộn! Đám dân thường đã lặng lẽ đóng kín cửa ngay sau lưng chúng tôi rồi. Họ chui lủi hết như chuột cả rồi...

Một khi đã đâm lao thì phải đâm cho trúng đích. Họ cho chúng tôi đi ngựa, nhưng rồi chỉ được khoảng hai tháng, chúng tôi lại phải cuốc bộ. Có lẽ vì tốn kém quá. Thế rồi, một buổi sáng, ông đại tá đi tìm con ngựa mà cậu cần vụ có lẽ đã giấu nó vào chỗ khuất nào đó để tránh các làn đạn ác hiểm ngoài đường cái. Trong khi chính ông đại tá và tôi lại đang bò ra tận đó, tay tôi còn ôm theo cuốn sổ ghi mệnh lệnh của ông ta.

Từ trên mặt đường cái, chúng tôi thấy phía xa xa có hai chấm đen di động; tuy cách nhau khá xa nhưng cũng đủ nhận ra hai thằng lính Đức đang mài miết ngấm bắn ở giữa đường, có đến mười lăm phút đồng hồ.

Ông đại tá liệu có biết được hai thằng Đức ấy đang ngấm bắn vì nguyên cớ gì, và tất nhiên hai đứa ấy đã biết được lý do; còn tôi thì, thú thực là tôi chẳng biết gì cả. Lục lọi trong trí nhớ, từ trước đến giờ mình chẳng làm điều gì có hại cho người Đức. Lúc nào cũng đối xử tử tế, nhã nhặn với họ. Tôi hiểu biết họ ít nhiều, vì lúc còn bé đã theo học một trường của họ ở ngoại thành Hanovre. Tôi nói được tiếng của họ. Tôi còn nhớ là hồi đó, những thằng nhóc con có vẻ dần dần mà cứ luôn mồm la hét toáng lên, hai con mắt thì nhờ nhờ và hay nhìn lén như mắt chó sói; cứ tan giờ học là lại rủ nhau đi sờ soạng bọn con gái ở trong các khu rừng nhỏ quanh đấy, nơi lũ học trò chúng tôi thường chơi trò bắn súng hay bắn nỏ mua vé bốn đồng mác hần hoi. Rồi kéo nhau đi uống bia ngọt. Thuở ấy là thế, vậy mà bây giờ chúng nó lại nhắm bắn chúng tôi ngay giữa đường giữa sá chẳng thềm nói trước với nhau một lời, thì quả là đã có một khoảng cách, thậm chí một vực thẳm ngăn cách nhau rồi. Lắm cái khác biệt quá chừng rồi.

Chiến tranh, tóm lại, là tất cả những gì mà chẳng ai có thể hiểu được. Không thể cứ tiếp tục như thế mãi.

Phải chăng những con người kia đã trải qua những cái gì đó khác thường mà tôi chẳng nhận được ra chút nào? Mà mình cũng hà tất phải nhận biết cái đó làm gì.

Tình cảm của tôi đối với họ luôn luôn không có gì thay đổi. Tuy cũng có lúc thử tìm hiểu xem cái tàn bạo ở họ ra sao, nhưng trước hết tôi muốn thoát ra khỏi nơi đây đã, muốn ghê gớm, muốn tuyệt đối, đến mức như mọi cái đó bỗng nhiên hiện ra trước mắt tôi như thể do tác động của một sai lầm khủng khiếp.

“Đã thế này thì chẳng còn quái gì nữa, chỉ còn nước tếch đi thôi”, cuối cùng thì tôi cũng tự nhủ mình như thế...

Trên đầu chúng tôi, cách khoảng hai ly, có lẽ chỉ cách thái dương có một ly, mấy viên đạn vừa rít lên vạch thành hai đường chỉ thép dài nhằm giết chúng tôi, trong cái không khí ngày hè nóng nực.

Chưa bao giờ tôi lại thấy mình vô tích sự giữa những làn đạn và dưới ánh nắng chói chang thế này. Một sự giấu cợt mệnh mông, phổ cập.

Hồi ấy tôi mới có hai mươi tuổi. Xa xa là những trang trại bỏ hoang, những nhà thờ trông rỗng toang hoác, cứ như thể bà con nông dân ở đây bỏ cửa bỏ nhà suốt ngày để sang dự lễ hội ở tận bên kia hàng tổng, họ tin cậy giao cho chúng tôi trông giữ tất cả của nả, cả làng quê, những cỗ xe, những chiếc cáng ngổn ngang trên đường làng, rồi cả đồng ruộng, nhà kho, đường sá, cây cối và cả những con bò, con chó bị xích, tất tần tật... Để kệ ai muốn làm gì thì làm trong khi họ vắng mặt. Như thế thì bà con cũng tử tế đấy chứ. “Cứ cho là thế đi - tôi thì thăm - nếu họ không rời đi nơi khác, nếu ở đây vẫn còn có người làng thì chắc chắn không ai lại cư xử bỉ ổi đến thế này! Thật là tồi tệ! Có lẽ chẳng ai dám làm như thế trước mắt bà con đâu! Nhưng còn có ai để mà kiểm soát chúng tôi! Hơn nữa chúng tôi lại đang hăm hở như cặp vợ chồng vừa làm xong lễ cưới, chỉ nhằm nhằm đợi họ hàng khách khứa kéo nhau ra về là hai đứa thả sức làm những trò con lợn”.

Tôi cũng nghĩ thầm (ở sau một gốc cây) rằng có lẽ mình cũng muốn thấy lão ta ở đây, cái lão Déroulède ^[1*] mà người ta thường nhắc đến, để xem lão làm thế nào khi đón nhận một phát đạn trúng cái bụng căng tròn của lão.

Mấy thằng lính Đức vẫn ngồi chồm hồm trên đường cái, ngang bướng nhưng xem ra có vẻ là lũ bắn tòi, tuy chúng nó sẵn đạn để mà vung vãi, có

thế những ổ đạn của chúng nó vẫn đầy ắp không chừng. Chiến tranh thì rõ ràng là vẫn chưa kết thúc! Đại tá của chúng tôi, phải nói rằng, ông ta có vẻ là con người dũng cảm kinh người. Ông ta cứ thản nhiên tản bộ ngay giữa đường cái, dọc ngang giữa các đường đạn, như người đang chờ đón bạn trên sân ga xe lửa không bằng, chỉ hơi có vẻ sốt ruột một chút mà thôi.

Còn tôi thì xin nói ngay rằng, tôi chưa bao giờ biết được nông thôn ra thế nào, tôi cứ thấy nó buồn buồn, lúc nào cũng chỉ thấy bùn lầy nước đọng, nhà cửa thì chẳng có ma nào ở, đường xá mù mịt chẳng biết dẫn tới đâu. Lại thêm chiến tranh nữa, thật không sao mà chịu được. Đã thế gió lại nổi từng cơn, thô bạo, từ cả hai bên sườn dốc, những hàng dương xào xạc trong gió giạt trộn lẫn tiếng đạn réo khô khốc trên đầu. Máy thẳng lính quèn ấy bắn trượt hoài, dẫu rằng trăm nghìn cái chết đang bủa vây mà chúng tôi vẫn cứ thấy rằng mình được bao bọc che chở. Tôi không còn dám cựa mình nữa.

Ông đại tá thì quả là quý sứ nhà trời! Tôi có thể đoán chắc rằng lúc này ông ta còn tệ hại hơn cả con chó, không thèm mừng tượng đến cái chết là gì nữa! Cùng lúc, tôi nhận ra rằng trong hàng ngũ chúng ta hẳn không ít người can đảm như ông ta, những tay can đảm, và cả phía bên kia cũng có thể như thế lắm chứ. Ai đếm được xem là có bao nhiêu? Một, hai hay nhiều triệu người như thế chẳng? Từ đó, cái sợ trong tôi trở thành một nỗi kinh hoàng, cứ với những con người như thế thì sự ngu xuẩn hung bạo này sẽ còn tiếp diễn vô cùng vô tận. Ừ mà tại sao nó phải ngừng lại cơ chứ? Chưa bao giờ tôi thấy ra cái bản án khép cho con người và sự vật lại trở thành thứ định mệnh không sao tránh được như lúc này. Phải chăng tôi là thằng hèn nhát duy nhất trên trái đất? Tôi nghĩ thế, và thấy nó mới hãi hùng làm sao!

Phải chăng tôi đang lạc lõng giữa hai triệu thằng điên anh hùng, không bị xiềng xích và được vũ trang đến tận chân tơ kẽ tóc? Kẻ đội mũ sắt, kẻ không mũ, không ngựa, kẻ cười mô tô la hét, kẻ ngồi trên ô tô bóp còi inh ỏi, lính biệt kích, lính gài mìn, đứa ngồi sau tay lái, đứa quỳ gối, đào xới, ẩn núp hay tung tăng trên những con đường mòn, súng nổ ran như pháo, lấp lánh giữa mình trên khoảng đất giống như cái chòi con để thỏa sức tàn phá sạch sành

sanh, cả nước Pháp, nước Đức, cả các Lục địa, phá tuốt những gì đang thờ, cuồng dữ hơn cả bầy chó dại lên cơn (tất cả những gì mà chó dại cũng không làm), nghìn lần rồ dại hơn cả nghìn con chó dại và còn đòi bại hơn biết mấy! Cứ nhìn thử chúng tôi mà xem, mới đẹp làm sao! Rõ ràng là tôi đã nhận ra điều đó và thấy rằng mình đang lao vào một cuộc thập tự chinh tận thế.

Chúng tôi là những gã trai tơ của sự kinh hoàng cũng như trai tơ của khoái lạc. Khi rời quảng trường Clichy, tôi đâu có thể nghi ngờ được về cái sự kinh hoàng này? Ai thấy trước được rằng mình sắp đâm đầu vào một cuộc chiến tranh chứa đựng cái tâm linh bản thiêu, vô tích sự lại mang màu sắc anh hùng của con người? Hiện tại, tôi đang kẹt trong cuộc tháo chạy hàng loạt để lao vào cuộc chém giết chung, vào máu lửa... Cái đó đến từ những nơi sâu kín và nó đã xảy ra kia rồi.

Ông đại tá vẫn không nhúc nhích, tôi nhìn thấy ông ta đứng trên một gò cao, tiếp nhận những mảnh thư của ông tướng gửi đến, rồi xé vụn ra sau khi đọc vội đọc vàng giữa những loạt đạn. Không có mảnh thư nào cho lệnh chấm dứt ngay tức khắc cái trò ghê tởm này hay sao? Từ các cấp trên không ai nói cho ông đại tá biết là có sự lầm lẫn hay sao? Sai lầm kinh khủng? Hiểu lầm? Rằng người ta đã sai lầm? Rằng đó chỉ là những trò người ta muốn bày ra để cười vui chứ không phải là những vụ giết người! Không đâu! “Tiếp tục đi, đại tá. Ông đang đi đúng hướng đấy!” Đó, có lẽ ông tướng Des Entrayes, chỉ huy cả sư đoàn, thủ trưởng của tất cả chúng tôi, đã viết cho ông đại tá như thế. Cứ năm phút, ông đại tá lại nhận được một phong thư, do một người liên lạc mang đến. Mỗi lần cậu ta phải đem thư đến thì cái sự lại càng làm cho cậu ta tái xanh tái tử và khiếp nhược thêm. Có lẽ tôi có thể kết nghĩa với chàng trai run rẩy ấy! Nhưng ở cái chốn này thì còn hơi sức đâu mà bày chuyện kết nghĩa anh em.

Như thế là không có chuyện sai lầm sao? Cái trò bắn súng vun vút trên đầu, dẫu chẳng nhìn thấy mặt mũi nhau thế nào, là chuyện không ai cấm đoán sao? Cái đó cũng là chuyện có thể làm như mọi chuyện khác mà không lo ai rầy la sao? Có lẽ những người đứng đắn cũng thừa nhận, khuyến khích, như

thế đối với chuyện rút thăm, chuyện hứa hôn hay một trò săn đuổi mà thôi!... Chẳng có gì phải nói! Tôi bỗng như khám phá được ra toàn bộ cuộc chiến tranh này. Y như một chàng trai bị phá tân. Phải gần như đơn độc đối diện với cuộc chiến tranh như tôi lúc này đây thì mới thấy rõ được từ mọi phía, cả nhìn thẳng lẫn nhìn nghiêng cái con bò điên cuồng ác độc ấy. Người ta vừa nhóm lên ngọn lửa chiến tranh giữa chúng tôi và những kẻ đối diện. Và bây giờ thì lửa đã bén, y như ngọn lửa cháy giữa hai thỏi than ở chiếc đèn hồ quang. Và thỏi than chẳng có vẻ gì muốn tàn lụi cả. Tất cả mọi người đang phải lần lượt chui qua cái khe lửa ấy. Ông đại tá cũng như lũ chúng tôi, dầu cho ông ta có tinh khôn thế nào thì cái thứ thịt bèo nhèo của ông ta chắc cũng chẳng quay được giòn hơn thịt da tôi khi dòng lửa lem lém xuyên qua giữa hai bờ vai.

Thì ra ở trên đời có vô số cách để mà chịu tội chết. Trời! Vào lúc ấy tôi rất có thể làm cho mình bị cầm tù để khỏi phải dấn thân vào chỗ chết mà sao tôi không làm, thật là một thằng ngốc! Tỉ dụ như gặp được thời cơ, mình cứ ăn cắp một vật gì đó, ở đâu đó, không phải suy tính gì cả, cốt để bị bắt, để được ngồi tù, nhưng đến lúc hết chiến tranh mình được thả ra thì mạng sống vẫn còn. Tất cả những gì còn lại chỉ dặt chuyện ngôn từ thôi.

Giả dụ như tôi còn thời giờ, nhưng đến lúc này thì đã muộn mất rồi. Chẳng còn cái quái gì nữa để mà ăn cắp! Tôi nghĩ thầm, phải chi mình được giam trong một nhà tù nhỏ nhỏ nhưng yên ổn, mũi tên hòn đạn không lọt tới, thì hay biết mấy! Không lọt tới được! Tôi đã từng biết một nhà tù như thế, rất sẵn sàng tiếp nhận mà lại có đủ cả ánh nắng mặt trời sưởi ấm nữa! Trong giấc mơ tôi thấy rõ cái nhà tù ấy, nó ở Saint-Germain, ngay cạnh rừng, ngày trước tôi thường đi qua đó, tôi biết rõ lắm. Mọi cái đã đổi thay rồi! Khi ấy tôi còn trẻ con, mỗi lần đi qua nhà tù là phát khiếp lên. Chỉ vì tôi nào đã biết gì về con người! Giờ thì tôi không còn tin được những gì người ta nói, người ta nghĩ nữa. Chỉ có con người, chỉ có họ là đáng sợ, mãi mãi là thế.

Liệu phải bao lâu nữa lũ quỷ ấy mới dứt cơn điên dại, mới kiệt sức? Cơn điên này còn kéo dài bao lâu nữa? Nhiều tháng? Nhiều năm? Bao nhiêu lâu?

Có lẽ phải đến lúc tuyệt diệt cả cái thiên hạ này, cả lũ điên rồ này? Cho đến đũa cuối cùng chẳng? Và trong khi mọi sự diễn ra theo chiều hướng tuyệt vọng thì tôi quyết định thử đánh ván bài liều được ăn cả ngã về không, thử đi một nước cuối cùng, tối hậu, tôi, một mình tôi thôi, thử tìm cách chặn đứng chiến tranh lại! Ít nhất thì cũng ở cái xó xỉnh tôi đang có mặt này.

Ông đại tá nhích lên hai bước. Tôi tính nói với ông ta điều mà tôi chưa hề làm. Đến lúc này thì phải dám làm. Ở chỗ chúng tôi đang đứng đây thì chẳng có quái gì để mà lo thua thiệt cả. “Chú muốn gì?”, tôi tưởng tượng đến việc ông ta sẽ hỏi tôi với thái độ rất ngạc nhiên về sự táo bạo dám cắt ngang luồng suy nghĩ của ông, và khi ấy người ta sẽ thấy được ông ta, ngài đại tá, nghĩ gì. Mọi sự chỉ là những gì ta phải tự giải đáp trong cuộc sống. Có điều là muốn làm được việc đó thì hai người vẫn hơn là chỉ có một mình mình.

Tôi đang sắp thực hiện cuộc vận động có tính quyết định ấy thì vừa đúng lúc một anh chàng kỵ sĩ chạy bộ (theo cách gọi thời ấy) cao lêu nghêu, linh kinh đủ thứ trên người, rảo bước chân như một vận động viên thể thao, tiến đến phía chúng tôi với chiếc mũ cối lật ngửa trong tay y như tướng Bélisaire ngày trước ^[2*], người lấm bùn, run rẩy, mặt xanh nhợt hơn cả cậu giao thông lúc nãy. Anh chàng kỵ sĩ lắp ba lắp bắp, dường như muốn chứng tỏ rằng anh ta mới từ dưới mồ lên, thoát ra khỏi một tai họa chưa từng có và đang đau thắt trong tim. Vậy ra cậu chàng này cũng không thích thú gì những đường đạn của con ma ấy chẳng?. Hay cậu ta cũng đã nhận ra được những cái đó như tôi? “Cái gì đây”? Ông đại tá chặn cậu ta lại, với giọng bức bối vì bị quấy rầy và ném một cái nhìn lạnh như thép vào cái hồn ma ấy.

Càng nhìn anh chàng kỵ binh khốn khổ trong bộ quân phục chẳng mấy chính quy, thảm hại trong cơn xúc động, ông đại tá lại càng nổi nóng. Ông ta không thể nào chấp nhận những kẻ khiếm nhược. Điều đó là dĩ nhiên rồi. Nhất là cái mũ cối lật ngửa trên tay cậu ta như chiếc mũ quả dưa, đã đủ làm xấu đi thậm tệ cái trung đoàn chủ công này, một trung đoàn đang tiến ra trận tiền. Thế mà cậu ta, cái cậu kỵ sĩ chạy bộ ấy, lại còn làm ra vẻ hoan nghênh cuộc chiến tranh ấy, khi dẫn thân vào.

Dưới cái nhìn miệt thị đó, cậu chàng đưa thư chuệnh choạng lập nghiêm, hai tay duỗi thẳng theo đường khâu của ống quần, như tư thế thường thấy trong những trường hợp tương tự. Anh chàng lão đảo lắc lư, người cứng đờ, trên gò cao, mồ hôi vã ra chảy ròng ròng xuống cổ, hai hàm răng run cầm cập phát ra những tiếng ú ớ như một con chó ngủ mơ. Không còn làm sao mà biết được rằng cậu ta muốn nói với chúng tôi hay muốn khóc.

Mấy thằng Đức chồm hồm ở phía đằng kia con đường cũng đúng lúc thay xong bình khí. Bây giờ chúng nó dùng súng liên thanh để chơi tiếp những trò ngu xuẩn của chúng; cứ như là chúng nó xòe lửa từng bao diêm lớn một; xung quanh chúng tôi đạn bay vun vút như đàn ong vỡ tổ.

Rồi thì anh chàng cũng mở được miệng, làm liền một lèo:

-Thưa đại tá, thầy đội Barousse vừa hy sinh.

-Sao nữa?

-Trình đại tá, thầy đội bị giết trong khi đi tìm chiếc xe chở bánh trên đường Étrapes.

-Sao nữa?

-Thầy đội bị một quả trái phá nổ tung.

-Rồi sao nữa, đồ khốn kiếp!

-Thưa, có thể thôi ạ, trình đại tá.

-Chỉ có thể thôi à?

-Thưa vâng, tất cả chỉ có thế, thưa đại tá.

-Thế còn bánh thì sao? đại tá hỏi.

Đó là đoạn kết của cuộc đối thoại, vì tôi vẫn nhớ được rằng ông ta chỉ còn đủ thì giờ để hỏi lại vồn vện có một câu: “Thế còn bánh thì sao?” Rồi tất cả cũng chỉ có thế. Và liền sau đó thì chẳng có gì ngoài lửa cháy và những tiếng đạn nổ kèm theo. Tuy nhiên trong những tiếng nổ ấy có một tiếng nổ chát chúa chưa từng thấy. Ngay lập tức, tôi thấy nó tận mắt, nghe tận tai, đầy cả mồm miệng, mặt mũi, ngỡ rằng mình đã hết đời rồi, đã biến thành lửa, thành tiếng nổ luôn rồi.

Nhưng không, lửa tan đi, còn tiếng nổ thì cứ oang oang mãi trong đầu tôi,

rồi như có ai đó đứng đằng sau xô đẩy khiến cho chân tay tôi run lên bần bật như sắp sửa rụng rời ra khỏi người. Cứ thế, hai tay hai chân như rụng ra rồi lại lắp vào như cũ. Khói đạn cay sè hai mắt khá lâu, mùi thuốc súng, mùi diêm sinh hăng hắc bám quện lấy người như muốn trừ diệt mọi giống chấy rận trên toàn trái đất này.

Liên ngay đó, tôi nghĩ đến thầy đội Barousse bị tan xác như cậu chàng nọ cho biết, đó là một tin hay. Càng tốt! Tôi nghĩ luôn thế này: “ít ra thì cũng bớt đi được một thằng chó chết trong trung đoàn”. Hẳn ta đã có ý muốn lôi tôi ra hội đồng kỷ luật chỉ vì một hộp thịt. Tôi tự nhủ: “Thôi thì thằng nào có phận thằng ấy”. Về mặt đó, phải thừa nhận rằng đôi lúc chiến tranh cũng có vẻ phục vụ được cái gì. Tôi còn biết rõ ba bốn thằng rác rưởi khốn kiếp khác trong trung đoàn mà tôi có thể sẵn sàng trợ giúp chúng nó tìm được những viên trái phá như Barousse.

Còn đối với ông đại tá, tôi chẳng muốn nghĩ điều gì xấu cho ông ta. Hơn nữa ông ta cũng đã chết rồi. Trước tiên là tôi sẽ chẳng còn được thấy ông ta nữa. Ông ta đã bị phát đạn nổ hất tung qua cái gò nổi, sóng soài bên sườn gò, và thế quái nào lại rơi luôn vào vòng tay cu cậu kỵ sĩ chạy bộ. Cái anh chàng đưa thư ấy cũng toi mạng. Hai người từ nay sẽ mãi mãi ôm nhau, chỉ tội cho cậu kỵ sĩ bị cụt mất đầu, còn lại có cái cửa mở phía trên cổ, máu vẫn sôi ùng ục ở bên trong như nồi hầm mứt quả. Ông đại tá thì bụng phanh ra toang hoác ruột gan, mặt nhăn nhúm lại đến phát khiếp. Chắc ông ta đã phải qua một cơn đau ghê gớm sau khi trúng đạn. Thôi cứ kệ xác ông ta! Giá mà ông ta chịu rời khỏi chỗ này từ lúc những phát đạn đầu tiên bay đến thì đã không nên nông nổi.

Cả mấy tảng thịt ấy đều tuôn máu xối xả.

Cả hai bên phải trái hiện trường, đạn vẫn nổ liên hồi.

Không chút chần chừ, tôi bỏ đi luôn, và thật sung sướng có được cái cơ đẹp để đánh bài chuẩn. Thậm chí còn hát lầm nhảm trong mồm, tung tăng bước chân như anh chàng vừa thắng cuộc đua thuyền leo lên bờ với đôi cẳng trông đến kỳ cục. “Chỉ một phát trái phá! Chỉ cần một phát trái phá là xong

tuốt thôi mà!” tôi nghĩ thầm. Rồi cứ thế lặp đi lặp lại: “Ái chà, anh bạn! Ái chà chà, anh bạn!”...

Trên đường chẳng còn lấy một mống nào. Bọn Đức cũng đã rút rồi. Tuy vậy từ những chuyện vừa xảy ra, tôi rút luôn được bài học là muốn bảo mạng thì phải lẩn vào những rặng cây. Trong lúc hồi hã về chỗ đóng quân của trung đoàn xem liệu còn có ai chết trong khi đi trinh sát, tôi cũng thầm nghĩ đến những cung cách để cho quân địch bắt làm tù binh!... Đây đó vẫn còn những đám khói bám trên các mô đất. “Đến lúc này có thể là họ đã chết cả rồi chẳng?” tôi tự hỏi. Chỉ vì họ chẳng cần biết sự thể ra sao. Ấy thế mà lại hay, lại thực tế, vì họ đều được chết rất chóng vánh... Như vậy thì mình có thể kết thúc được chuyện này ngay lập tức... Mình sẽ có thể trở về nhà... Có lẽ sẽ qua cả quảng trường Clichy một cách vinh quang... Có lẽ sẽ chỉ còn một vài người sống sót... Trong sự mong muốn của tôi... mấy chàng trai tử tế, cân đối, đi theo sau ngài đại tướng, còn những cậu khác chắc nghèo cả như ông đại tá, như Barousse, như Vanille (một thằng cha đều cáng khác)... vân vân... Người ta sẽ phủ lên người chúng tôi đủ thứ huân chương, hoa lá, và tất cả sẽ đi qua Khải hoàn môn. Mọi người chúng tôi có thể vào các quán ăn, được phục vụ không phải trả tiền, không phải trả bất cứ cái gì cả, suốt đời sẽ không bao giờ phải trả tiền gì nữa! Người ta đã là anh hùng mà! Có ai đó đòi tiền thì người ta sẽ tự xưng như thế. Những người bảo vệ Tổ quốc! Thế là đủ rồi!... Người ta sẽ trả bằng những lá cờ Pháp nho nhỏ!... Các cô thủ quỹ có lẽ cũng sẽ không nhận tiền của các anh hùng đưa trả mà có khi lại còn đưa tiền cho các anh nữa, cùng với những nụ hôn khi các anh đi qua quầy tiền của các cô. Nếu quả là thế thì sống cũng bổ lắm chứ!

Trong lúc chạy trốn, tôi nhận ra cánh tay mình rớm máu, nhưng chỉ mới trầy da tí chút thôi, chưa đủ để được coi là bị thương. Chuyện đó lại bắt đầu.

Trời lại đổ mưa. Các cánh đồng ở vùng Flandres ngập ngụa bùn lầy. Đi một thôi đã khá xa mà chẳng gặp một ai. Chỉ thấy có gió và mãi sau mới ló ánh mặt trời. Thi thoảng một phát đạn vu vơ đâu đó, rít trong tiếng gió, xuyên qua ánh nắng, hình như nó vẫn riu rít, ngoan cố dõi theo tôi, tìm cách hạ sát

tôi trong cảnh cô đơn thế này. Sao thế nhỉ? Dẫu tôi có sống lấy một trăm năm nữa thì cũng sẽ không bao giờ thêm đi dạo vùng quê như thế này nữa, thề độc đấy!

Vừa đi tôi vừa nhớ đến cuộc lễ hôm trước. Trên một cánh đồng cỏ ở bên kia đồi, nơi tiến hành cuộc lễ, ông đại tá oang oang hô hào cả trung đoàn: “Hãy dũng cảm lên!... Dũng cảm lên! Nước Pháp muôn năm!” Khi người ta không có trí tưởng tượng thì cái chết chỉ là nhỏ nhoi, nhưng khi đã có rồi thì cái chết lại trở nên quá đáng. Đây là ý kiến của tôi. Chẳng mấy khi mà cùng một lúc tôi lại hiểu ra được lắm thứ như thế.

Ông đại tá thì có lẽ chẳng có được trí tưởng tượng bao giờ. Tất cả nỗi bất hạnh của ông ta bắt nguồn từ đó. Liệu trong trung đoàn này tôi có phải là kẻ độc nhất có được trí tưởng tượng không? Tôi thích cái chết đến với tôi chậm hơn... Hai chục năm... Ba chục năm... Có thể lâu hơn nữa, mới đến cái mà người ta mong muốn ở tôi, là phải tọng vào mồm thứ bùn đất của xứ Flandres này, tọng thật đầy vào, đầy đến phải ứa ra, ngập lên tận cái mang tai đã bị đạn trái phá bửa ra. Người ta có quyền phát biểu về cái chết của mình chứ. Nhưng để rồi đi đến đâu? Cứ nhắm phía trước mà tiến lên à? Xây lưng lại phía kẻ thù à? Bọn hiến binh mà vớ được tôi đang nhớn nhoe thế này thì cứ liệu hồn. Lập tức, ngay chiều nay thôi, chúng nó sẽ lôi tôi ra xét xử hết sức mau lẹ, không cần nghi thức gì cả, tại một lớp học của ngôi trường bỏ hoang. Khắp những nơi chúng tôi hành quân qua, có khá nhiều trường học trống rỗng. Người ta sẽ diễn trò xử tội tôi giống như bọn học trò chơi trò như thế những lúc thầy cô vừa ra khỏi lớp. Những kẻ mang lon sẽ ngồi trên bục giảng, còn tôi thì phải đứng ở phía dưới, trước dãy bàn học trò, tay bị còng. Rồi sáng ngày ra, có thể họ sẽ xử bắn tôi: mười hai viên, cộng thêm một viên nữa được gọi là cú gia ơn. Rồi sao nữa?

Và tôi lại nhớ đến ông đại tá. Một con người dũng cảm như ông ta, như tôi đã chứng kiến, dưới những làn đạn liên thanh và đại bác, sẽ được người ta rước đến một rạp ca vũ chật cứng khán giả như rạp Alhambra thuở ấy, với bộ áo giáp trên mình, với mũ sắt và hàng ria, có lẽ ông ta sẽ che lấp cả Fragon,

một diễn viên giỏi kinh khủng ở cái thời mà tôi đang kể với các bạn đây. Đó chỉ là tôi nghĩ thế thôi. Tôi nghĩ rằng: “Nào ta hãy hèn nhất đi!”^[3*]

Giờ này tiếp giờ khác, cuộc bộ, chui lủi và lò dò từng bước, cuối cùng thì tôi cũng đã thấy được mấy cậu lính cùng đơn vị đang loanh quanh trước một xóm trại. Nơi này là đồn tiền tiêu của chúng tôi. Có một đại đội đóng giữ. Họ cho tôi biết không có ai thương vong cả. Còn sống tuốt! Làm ra vẻ mình đang có một cái tin quan trọng, vừa đến gần cổng đồn, tôi đã gào tướng lên: “Đại tá tử trận rồi!” Nhưng tay đội trưởng Pistil lại đốp chát luôn: “Đại tá thì thiếu địch gì!”. Chẳng biết tay ấy đang phiên trực gác hay đang bị phạt cỏ vê.

- Thôi nào, trong lúc chờ đợi người đến thay đại tá, thì cậu, thằng cu cà rốt kia, hãy tiếp tục đi tiếp phẩm với hai cậu Empouille và Kerdoncuff. Mỗi cậu vác về đây hai tải nhé. Ở phía sau nhà thờ ấy... Chúng nó đang còn ở đằng ấy cả... Mà này, chú ý đừng có khuân về rất những xương xấu như hôm qua nhé, cổ xoay xở mà về với tiểu đội trước lúc tối trời đấy, lũ khốn.

Thế là cả ba đứa lại lên đường.

Bực mình, tôi bụng bảo dạ: “Khỏe thế, từ rày ông địch thêm cho chúng nó biết chuyện gì hết!” Kể lại cái thảm cảnh mà mình vừa chứng kiến cho những thằng như thế chỉ phí lời, mà cũng đã quá muộn rồi, ai còn quan tâm đến những chuyện ấy nữa. Giá mà chuyện này xảy ra sớm hơn lấy tám ngày trước thì may ra người ta còn tương lên bốn cột báo với cả cái ảnh chân dung của tôi, người đã biết tường tận về cái chết anh hùng của một ngài đại tá... Rõ thật lũ đàn độn.

Người ta đang chia phần thịt cho cả trung đoàn trên một bãi cỏ, dưới những rặng anh đào và ngay trên bãi cỏ úa vàng vì nắng hạ. Thịt thà đã chia sẵn từng cân quăng lên những chiếc bao tải và những tấm vải bạt, quăng cả lên cỏ lẫn đất cát. Từng đồng, nào thịt nào lòng, mỡ vàng, mỡ xám, những con cừu bụng bị mổ phanh ra, ruột gan lộn tung phèo, máu me chảy tràn ra khắp xung quanh. Có cả một con bò bị xả làm đôi, treo lơ lửng lên cành cây, bốn tay đồ tể của trung đoàn vừa gào vừa xĩa dao xẻo từng mảng thịt. Người của tiểu đội này cái nhau với người của tiểu đội kia tranh lấy phần nạc, đùn

đầy mỡ màng, bạc nhạc... Ruồi nhặng vo vo như những bầy chim nhỏ riu rít.

Chỉ những máu là máu. Máu khắp chỗ. Trên nền cỏ, trên mặt đất. Từng vũng từng vũng, tìm chỗ dốc mà chảy xuôi xuống. Xa đó một tí, người ta đang mổ một con lợn cuối cùng. Bốn cậu lính cãi lợn với một tay đồ tể chỉ vì một khúc lòng.

“Này thằng lưu manh kia, có phải hôm qua mày đã nuốt tươi của ông một miếng sườn bò không?...”

Tôi còn đủ thì giờ để hai ba lần nhìn những cuộc giành giật thực phẩm ấy. Tựa lưng vào một gốc cây, cố nhịn để khỏi nôn mửa, nhưng cũng chỉ được một chốc là đã ngất xỉu.

Kể thì họ cũng còn tử tế, cáng tôi về tận trại, nhưng cũng không hề bỏ lỡ cơ hội, thuồng luôn của tôi hai cái túi bằng vải cao su.

Tôi tỉnh lại trong tiếng xỉ vả của tay đội trưởng. Thế là chiến tranh vẫn chưa qua!

Mọi việc cứ tiếp diễn và đến lượt tôi được đề bạt làm đội trưởng vào khoảng cuối tháng tám năm ấy. Tôi thường phải đi làm nhiệm vụ với năm cậu nữa, theo lệnh của ông tướng Des Entrayes. Ông thủ trưởng này, người nhỏ thó, trầm lặng, thoạt nhìn không thấy được vẻ gì là dữ dằn hùng hổ... Nhưng hãy coi chừng... Hình như cái mà ông ta khoái nhất là được mọi người biết chiều đúng cái ý thích của mình; tuy chỉ là những cái lật vặt thôi nhưng anh nào lơ mơ trái ý ông ta thì phải biết... Từ hơn tháng nay chúng tôi bán xức xích trong những cuộc chuyển quân, nhưng ông ta chẳng bao giờ bỏ qua được những thích thú riêng. Mọi người cùng bị vạ lây nếu như anh chàng cần vụ không dọn được một cái giường cho thơm mát, một cái bếp trang bị thật tối tân ngay khi ông ta vừa đặt chân đến nơi trú quân mới.

Đối với trưởng ban tham mưu, một trung tá bốn vạch ^[4*], thì sự chú tâm quá quắt đến tiện nghi của ông tướng, quả là một công việc đòi hỏi nhiều nỗ lực. Những yêu sách của tướng Des Entrayes khiến cho tham mưu trưởng phát bực. Nhất là lão trung tá này, da vàng bủng, có thể do bệnh đường ruột và táo bón, không xài được các món ăn tạp nham. Thế mà cứ phải ngồi cùng bàn để tiếp ông tướng, nhắm mắt nhắm mũi nuốt trứng la COÓC, và nhận lấy những lời ca cẩm của ông ta. Nhưng thử hỏi anh có phải quân nhân không đã? Tuy thế tôi cũng chẳng bênh vực cho lão ta, vì trong các sĩ quan ở đây thì lão là tay đều cái gì có hạng. Phải nhìn nhận lão cho đúng. Kéo lê cuộc hành quân cho đến tận chiều tối, băng qua hết các đoạn đường đồi, các cánh đồng cỏ linh làng, tới một cánh đồng trồng cà rốt, cuối cùng thì cũng phải dừng chân để kiểm chỗ cho ông tướng ngả lưng. Tìm mãi rồi cũng ra được một ngôi làng tĩnh mịch, kín đáo, chưa có cánh quân nào đến đóng, mà giả dụ có đơn vị nào đóng trước thì cũng liệu mà nhổ trại cho mau, đơn giản là bị tổng khứ, kéo nhau ra chỗ đồng không mông quạnh thôi, dẫu cho các anh đã sắp xếp dàn quân thành cụm...

Ngôi làng này phải dành riêng cho ban tham mưu, cho ngựa nghèo, càng

tin, kho quân trang, và tất nhiên cả lão trung tá đều cáng ấy. Tên thằng cha chó đẻ ấy là Pinçon ^[5*], trung tá Pinçon. Tôi hy vọng là vào giờ phút này thì lão ta đã chui vào cửa tử rồi, mà không phải đã được chết già đâu. Nhưng vào cái thời điểm tôi đang kể lại đây thì lão Pinçon khốn nạn ấy vẫn đang còn sống nhăn. Tối tối lão tập hợp bọn liên lạc chúng tôi lại, thét lác một chập bắt mọi người đứng vào hàng lối rồi lão ra sức lên dây cót tinh thần hăng hái trong chúng tôi. Suốt ngày đã phải leo đèo bám theo ông tướng, đến tối lão lại tổng chúng tôi đến những nơi xa lạ chết tiệt. Cuốc bộ, cưỡi ngựa, rồi lại cuốc bộ. Cứ thế lão ra lệnh thế này thế nọ. Có dễ xong được việc thì chúng tôi đã chết ngộp cả rồi. Mà như thế có khi lại thực tế hơn cho cả mọi người.

-Nào bây giờ thì cú hết cả! Tất cả trở về trung đoàn! Mau mau lên đi! -
lão gân cổ lên gào thét.

-Nhưng thưa trung tá, trung đoàn đóng ở đâu?

-Ở Barbigny.

-Barbigny là đâu ạ?

-Ở đằng kia kìa!

Đằng kia kìa! Nhìn theo ngón tay lão trỏ, chỉ thấy khoảng trời đất tối om chỗ nào cũng như chỗ nào. Đêm tối mênh mông đã ngoạm hết cả mặt đường, cách nhau hai bước cũng khó mà thấy rõ mặt nhau, dẫu có mẫu đường nào lộ ra thì cũng chỉ to bằng cái doi đất mà thôi.

Vậy thì đi đến tận cùng thế giới, mà tìm cái làng Barbigny. Có thể phải hy sinh cả cái đại đội này họa chăng mới tìm ra được cái làng ấy. Mà lại là một đại đội toàn những tay gan dạ! Còn tôi, tôi chẳng mảy may gan dạ dưng cảm mà cũng chẳng bao giờ thử hỏi xem tại sao lại phải gan dạ dưng cảm. Bởi thế điều dĩ nhiên là tôi cũng như mọi người chẳng hào hứng gì cái việc đi tìm ngôi làng Barbigny mà ngay cả lão ta cũng chỉ nói với chúng tôi một cách băng quơ. Cứ như thế người ta thả sức mắng mỏ mình thậm tệ để không chịu được thì liệu đường chết quách cho xong. Những trò ấy có hay không ở nơi họ, ai mà biết được.

Trong toàn bộ cái đêm tối đầy đặc ấy, đến mức giá có đuổi cánh tay ra

ngang vai cũng không nhìn thấy được bàn tay của chính mình nữa, thì tôi chỉ còn biết mỗi một việc, hoàn toàn chắc chắn, là cái việc trong đó hàm chứa những ham muốn giết chóc ghê gớm không kể xiết.

Cái mồm của lão tham mưu trưởng ấy chỉ ngừng sửa khi trời đổ tối và chúng tôi đã được ném vào cõi chết, để rồi hôm sau lại sửa tiếp, thường nhằm lúc mặt trời lặn. Chúng tôi thỉnh thoảng cũng có phản ứng với lão bằng những cú chây ì, hoặc làm ra bộ không tiếp thụ được những chỉ lệnh của lão, cũng có khi là cứ loanh quanh lẫn quất trong doanh trại thêm được lúc nào hay lúc ấy, cho đến khi không còn một gốc cây nào để ẩn nấp, thì cuối cùng cũng đành phải nhích dần đến cái chết một chút; khi ấy thì bữa cơm tối của ông tướng cũng đã dọn ra.

Rồi mọi sự diễn ra từ cái thời điểm ấy, phó mặc cho may rủi. Có khi thấy mà có khi không thấy đâu cái trung đoàn của chúng tôi và ngôi làng Barbigny. Ấy thế rồi nhờ có một sự lầm lẫn mà lại tìm ra nhau: khi chúng tôi hú họa tiến gần được đến nơi đóng quân của trung đoàn, đám lính gác đêm thấy động thì cứ bắn phứa. Tất nhiên là cuối cùng cũng nhận ra nhau, rồi thường là suốt đêm ấy phải bắt tay vào đủ mọi thứ cở vê, từ khuân vác những bao tải chứa cỏ mạch cho ngựa, xách hàng chục xô nước tràn phè sóng cả ra ngoài, đưa nọ lại còn chửi đứa kia, nhưng đứa nào cũng mệt lử cò bộ, buồn ngủ rũ ra....

Sáng ra lại lên đường, cả nhóm liên lạc năm người, để phục vụ hành dinh tướng Des Entrayes, để tiếp tục cuộc chiến tranh.

Nhưng cũng lắm lúc chúng tôi chẳng tìm được ra trung đoàn ở đâu thì chỉ còn nước chờ sáng, cùng nhau lòng vòng trên những con đường lạ lẫm quanh các xóm làng đã tản cư hết sạch hoặc trong những khu rừng trụi khả nghi mà chúng tôi thường phải tránh xa vì dễ đụng độ với bọn tuần tra Đức. Tuy vậy vẫn phải tìm lấy nơi nào yên yên để chợp mắt cho qua đêm. Làm sao mà tránh cho hết được. Từ cảnh này lại càng thông cảm với nỗi cực của những chú thỏ hoang.

Tình thương đến với chúng tôi kỳ cực thế đấy. Giá có ai bảo lão trung tá

Pinçon rằng lão là một kẻ sát nhân bẩn thỉu khốn kiếp thì không chừng lão lại coi như nhận được một niềm vui lớn. Đó là cái vui được dịp sai tay đại úy hiến binh bắn bỏ chúng tôi ngay tức khắc. Còn tay đại úy hiến binh thì không rời lão trung tá đến nửa bước, và lúc nào cũng chỉ rình có thể. Mà tay hiến binh ấy thì chẳng muốn nhắm vào bọn Đức đâu.

Thế là hết đêm này qua đêm khác, những đêm tối tối tệ nối tiếp nhau, chúng tôi cứ phải né tránh những cuộc phục kích, chỉ với một hy vọng phải chẳng thôi, là được thoát chết và cũng chỉ có thể. Giả sử có thoát khỏi cái chết thì cũng phải nhớ đời, tuyệt đối không bao giờ được quên, rằng người ta đã phát hiện ra trên thế giới này một loại người có thân hình cân đối giống như anh hay như tôi, nhưng lại độc ác hơn cả những con cá sấu và cá mập lượn lờ giữa hai dòng nước, há hốc những cái mõm kinh tởm của chúng đón đón rác rưởi và thịt thà thiu thối từ những con tàu chở ra đổ ở ngoài khơi xa, vùng biển La Havane.

Cái thất bại lớn nhất, rút cục là sự lãng quên mất kẻ đã xô đẩy anh vào chỗ chết và chết mà chẳng hề biết được rằng con người ta lại có thể tàn ác đến cực điểm như thế. Khi chúng ta đã bị ném kẻ miệng lỗ thì chớ có làm ra vẻ tinh khôn, cũng không được quên, mà phải kể lại trung thực từng chữ từng lời, về những gì đã thấy trong các thói hư tật xấu tồi tệ nhất ở con người, rồi hãy nhắm mắt, rồi hãy chịu để quăng xuống mồ. Công việc cả đời người đến đây mới là hoàn tất.

Có lẽ tôi phải làm sao ném được cả lão trung tá Pinçon và tay đại úy hiến binh của lão cho bầy cá mập ngốn ngấu, để chúng học được cách sống là thế nào, rồi cả con ngựa của tôi nữa để nó khỏi còn phải đau đớn vì phải chở tên khốn kiếp đầy đà ấy trên lưng, cứ nhìn hai mảng lưng nó bị ép sát dưới cái yên, lở loét bằng cả hai bàn tay tôi, trơ thịt trơ xương ra, máu mủ chảy ri rỉ xuống tận cẳng khoeo. Thế mà nó cứ phải chịu đau, chạy nước kiệu, một, hai... Nó vừa chạy vừa oằn mình lại, nhưng giống ngựa thường là nhẫn nhục hơn giống người. Nó oằn mình trong nước kiệu. Rồi họ cũng phải thả nó ra giữa rừng, vì để nó trong chuồng thì các vết thương của nó bốc mùi thum

thủm ai mà chịu được. Mỗi lần có ai leo lên mình nó thì nó lại ngoan ngoãn khuyu hai chân sau xuống, hạ thấp cả cái bụng, để người ta nhẹ nhàng leo lên yên, chính là để nó đỡ đau. Chẳng khác gì leo lên lưng con lừa. Nhưng cũng phải thừa nhận là như thế lại tiện hơn. Đến ngay lũ chúng tôi thì đứa nào đứa ấy cũng đều mệt lử với đồng sắt thép chất nặng trên đầu, trên vai...

Trong ngôi nhà dành riêng cho ông ta, tướng Des Entrayes đang ngong ngóng chờ bữa ăn tối. Bàn đã dọn sẵn, ngọn đèn đã đặt vào chỗ của nó.

“Nào, giải tán cả đi, lũ khốn, - một lần nữa lão Pinçon lại ra lệnh cho chúng tôi, mồm lão la, tay lão đung đưa cái đèn lên ngang cánh mũi - Thôi, đến giờ ăn của các quan rồi! Đừng để phải nhắc nữa! Bọn chó chết có cút đi cả không thì bảo!” lão gào rống, lão lại lên cơn, cái mặt bênh bệch của lão đỏ bừng lên từng đám, lão đang muốn đẩy chúng tôi vào cỏi chết.

Một đôi lần, tay đầu bếp của ông tướng cũng tuần trộm cho chúng tôi vài miếng nho nhỏ trước khi ra đi. Vả lại, một mình ông tướng ấy sức những bốn chục suất, tọng làm sao cho hết vào bụng, thừa mứa đồ đi cũng thế thôi. Ông ta cũng chẳng còn trẻ trung gì, sắp đến tuổi về hưu rồi còn gì. Cặp giò bước đã không không. Có lẽ bộ ria kia đã được nhuộm đen.

Mấy cái mạch máu của ông ta nổi vòng lên trên hai thái dương, qua ánh đèn chúng tôi thấy giống như những khúc uốn lượn của con sông Seine đang tuôn dòng chảy ra cửa Paris. Người ta kháo nhau rằng mấy đứa con gái ông tướng này đều lớn tuổi cả rồi mà vẫn chưa chồng con và cũng giống bố ở chỗ chẳng có của nả gì. Có thể mặc cảm về những chuyện đó nên ông ta hay bần gắt, y như một con chó già bị quấy rầy và cản trở các thói quen, đang sức tìm mãi chẳng thấy cái ổ nằm thì lại bị người ta mở cửa tổng khứ ra ngoài.

Ông tướng ấy rất thích ngắm vườn cảnh, nhất là những vườn hồng. Trên đường hành quân của chúng tôi, chẳng bao giờ ông ta bỏ lỡ dịp ngắm lấy một vườn hồng. Mấy ai được như các ông tướng để mà ngắm hoa ngắm cảnh! Cái ấy thì đã rõ.

Dẫu thế nào thì cũng phải lên đường. Việc của chúng tôi là phải xua mấy con nghẻo này chạy nhanh lên. Chúng nó chẳng buồn nhích bước, trước tiên

vì những vết thương trên mình, lại còn vì sợ chúng tôi và sợ đêm tối nữa. Cái gì mà chúng nó chả sợ. Ngay chúng tôi cũng thế thôi. Có đến mười lần chúng tôi quay lại hỏi lão trung tá đường đi thì lần nào lão cũng cúi gắt rầy la chúng tôi là đồ ăn hại, là quân đại lãn tởm lợm. Cuối cùng thì chúng tôi cũng phải thúc ngựa qua bột gác, trao mật khẩu cho cậu liên lạc rồi phóng một mạch vào cuộc phiêu lưu khốn nạn, vào cái đêm tối mịt mù trên những xứ sở vô chủ này.

Ra sức luồn lách từ bóng cây này qua bóng cây khác, chán rồi thì chúng tôi cũng tìm ra được một con đường, hay ít ra cũng tin là vậy... Bao giờ mà chẳng thế, hễ cứ thấy đám mây này sáng hơn đám mây kia là mình lại thích thú như thầm như thấy được ra một cái gì đó... Nhưng trước mặt, rõ ràng chỉ có tiếng vó ngựa phi khua vang rền rập tới lui, một thứ tiếng vang khiến cho anh tưởng như muốn nghẹt thở, không còn sao chịu được... cứ như đàn ngựa đang phi lên tận trời cao để hô hoán toàn thể giống ngựa chúng nó trên khắp trái đất này đổ về đây xéo nát lũ chúng tôi đi. Nhưng con người thì, muốn làm được việc ấy, chỉ cần một bàn tay, một khẩu cạc-bin, phức kích sau một gốc cây nào đó, rình rập chúng tôi. Tôi vẫn bụng bảo dạ rằng cái lóe sáng đầu tiên mà mình thấy được nhất định sẽ phát ra từ một họng súng kết liễu đời mình đây.

Chiến tranh kéo dài đã bốn tuần. Bốn tuần nay, quá mệt mỏi, quá khốn khổ, và hình như nhờ thế mà tôi cũng đã quên bớt được phần nào nỗi sợ của mình trên dọc đường. Khổ sở vì suốt ngày đêm bị họ, những kẻ đeo lon, có cấp bậc, hạch sách, mà mấy thằng cấp càng thấp, càng đần độn, thì lại càng bần tiện, càng hần học hơn cả thói thường. Bị chúng hạch sách quá quắt, đến những tay cứng đầu cứng cổ nhất cũng không còn muốn sống nữa.

Chà! ước gì đi ngay được đến chỗ nào đó để mà ngủ một cái cho đã! Và nếu thật sự không còn cách gì mà kiếm lấy một chỗ ngủ thì chẳng còn gì để mà ham sống nữa! Khốn nỗi chừng nào anh còn sống thì còn phải làm ra vẻ vẫn tìm đường tới trung đoàn.

Muốn khuấy đảo cái đầu óc của một thằng xuân ngốc thì phải làm cho nó

đối mặt với thật nhiều chuyện, mà rặt những chuyện dữ dằn. Kẻ làm cho tôi lần đầu trong đời phải động não, động não thật sự, biết suy nghĩ và hiểu ra những cái rất thiết thân, những cái đúng là của mình, kẻ ấy chắc hẳn là thằng cha trung tá Pinçon, cái thằng đồ tể ấy. Tôi huy động toàn bộ cái tư duy mà mình có thể có để suy nghĩ về hắn ta, trong lúc đang còn lão đảo, gập người xuống vì phải vác nặng vũ khí, cái thứ đạo cụ trong tấn trò quốc tế khó tin này, mà tôi đã chót dại hăng hái dấn thân vào... Tôi thú thực là thế.

Mỗi tắc đất tối om trước mặt là thêm một hứa hẹn cho nó kết thúc và nổ bung ra cho rồi, nhưng bằng cách nào cơ chứ? Trong chuyện này hầu như chẳng có gì là bất ngờ mà chỉ còn xem đồng phục của kẻ thừa hành là thuộc phía bên này hay phía bên kia thôi.

Tôi thì tôi chưa có làm điều gì đối với thằng cha Pinçon. Tôi coi hắn ta cũng chẳng khác gì hơn bọn Đức... Cái đầu hắn ta giống như quả lê ủng, bốn cái vạch trung tá nhấp nha nhấp nhánh suốt từ đầu đến rốn, hai cái ria mép vênh lên cùng hai cái đầu gối nhọn hoắt, lại thêm cặp ống nhòm đeo lưng lẳng trên cổ như cái chuông đeo cổ bò, và cái bản đồ tỷ lệ 1/1000, như vậy ư? Tôi tự hỏi, không biết sự rồ dại của thằng cha này đến mức nào mà cứ xô đẩy người khác vào chỗ chết? Mà những người khác thì chẳng có được cái bản đồ như hắn ta.

Bốn đứa chúng tôi, bốn thằng lính kỵ binh, ra sức khua vang vó ngựa như thế cả nửa trung đoàn hành quân. Người ta phải nghe thấy tiếng vó ngựa của chúng tôi cách đó đến nửa ngày đường ấy chứ! Hay là họ đã bưng tai? Có thể thế lắm... Hay có lẽ họ sợ vì tưởng chúng tôi là bọn Đức? Ai mà biết được?

Một tháng buồn ngủ đã nặng trĩu cả hai mí mắt, nặng cả trong đầu, lại còn thêm những cơn sốt thép đồng nát này nữa.

Mấy cậu kỵ binh cùng đi với tôi ăn nói kém. Toàn là thứ người ăn không nên đợi nói chẳng nên lời... Các cậu ta đi nghỉ vụ từ một vùng sâu của xứ Bretagne và có học hỏi được gì chẳng thì cũng chẳng phải từ nhà trường mà chủ yếu ở cái trung đoàn này. Trong cái buổi tối ấy, tôi thử trò chuyện một chút về ngôi làng Barbigny với cậu đi cạnh tôi, tên là Kersuzon.

-Này, Kersuzon, cậu có biết là chúng mình đang ở trong vùng Ardennes... Cậu có thấy gì ở phía xa xa trước mặt chúng mình không? Tớ thì chẳng thấy đêch gì cả...

-Tối đen như cái lỗ tròn! cậu ta trả lời, chỉ thế thôi.

-Này, thế hồi chiều cậu có nghe nói đến Barbigny không? Cái làng ấy ở đâu nhỉ? tôi lại hỏi cậu ta.

-Không!

Thế đấy.

Chúng tôi chẳng bao giờ tìm được ra cái làng Barbigny. Loay hoay với nhau đến tận sáng bảnh mắt, cho đến lúc tới được một cái làng, thế quái nào lại trúng ngay nơi mà thằng cha đeo ống nhòm đang chòm chúng tôi. Còn ông tướng của hãn ta thì đang nhắm nháp cà phê dưới giàn hoa phía trước tòa nhà xã trưởng.

Vừa thấy mặt chúng tôi, ông ta nói tướng lên với lão tham mưu của mình:

-Ái chà, cái đám trẻ này mới đẹp để làm sao hè, Pinçon!

Đoạn, ông ta đứng dậy đi đái rồi lại chấp tay sau đít, dưới cái lưng còng còng. Tay cần vụ thì thầm với tôi rằng, sáng nay ông tướng rất mệt mỏi vì mất ngủ, người ta kháo nhau là ông ta đang bị cái gì đó quấy rối trong bụng đái.

Kersuzon thì trước sau vẫn chỉ biết có mỗi câu trả lời như khi tôi hỏi cậu ta đêm qua, và rồi tôi cũng quên khuấy chuyện đó, tuy hai ba lần cậu ta còn nhắc đến chuyện đêm tối, chuyện cái lỗ tròn. Rồi, không bao lâu sau, cậu ta chết khi chúng tôi vừa ra khỏi làng. Tôi nhớ chuyện ấy lắm. Chúng tôi lạc sang một làng khác, và cậu ta bị bắn bởi chính người Pháp mình, do tưởng lầm chúng tôi là quân của đối phương!

Sau cái chết của Kersuzon mấy hôm, chúng tôi suy nghĩ và tìm ra được một mẹo nhỏ để tránh khỏi bị lạc đường trong đêm tối. Thế là, mỗi lần khi bị họ sai phái ra khỏi doanh trại, thì, được thôi! chúng tôi chẳng thèm nói lại nửa lời, mà họ cũng chẳng còn gì mà rầy la. Cái mồm bằng sáp ấy lại ra lệnh theo thường lệ: “Nào, cuốn xéo đi thôi chứ!”

- Rõ, thưa trung tá!

Và thế là từ đây chúng tôi bảo nhau đi về phía có tiếng đại bác. Cả năm đứa chẳng van xin lấy một lời. Cứ như là rủ nhau vào vườn anh đào vậy. Ở phía ấy có khá nhiều thung lũng. Đó là vùng châu thổ sông Meuse, với những ngọn đồi, những cánh đồng nho đang giữa mùa thu đều còn xanh, nhà cửa trong làng bằng gỗ, vừa qua ba tháng hè, rất nở, rất dễ bốc cháy.

Sở dĩ bọn tôi nhận ra điều này là do một đêm không còn biết đâu mà đi nữa. Ngôi làng ở phía có tiếng đại bác ấy thì cứ bốc cháy ngùn ngụt. Chúng tôi cũng chẳng lại gần làm gì, có thể nói là chẳng khác nào những khán giả đứng xem từ xa, có lẽ đến mười mười hai cây số. Vào đạo ấy, tối nào cũng có khá nhiều làng bốc cháy ở phía chân trời, cứ thế lặp đi lặp lại; mà người ta thì xúm nhau quây xung quanh thành một cái vòng người rất rộng như đi xem hội, cái hội hè lạ lùng của tất cả các làng xã đang ngút lửa, lửa trước mặt, lửa hai bên, lửa bốc cao lem lém tận các vầng mây.

Chúng tôi đứng xem mọi cái ngуп dần trong biển lửa, các nhà thờ, các kho thóc cái này nối tiếp cái kia, những cây rơm cháy mau nhất và ngọn lửa cũng bốc cao hơn những cái khác, rồi đến những chiếc cột nhà dựng đứng thẳng tắp trong màn đêm với những ngọn lửa nhỏ bám quanh y như những chòm râu, trước khi đổ nhào trong vầng sáng.

Đứng xa hàng hai chục cây số mà cũng thấy rõ được cả một làng cháy trụi ra sao. Vui mắt lắm cơ. Một xóm nhỏ chẳng thấm tháp gì, lọt thỏm trong cái làng quê xấu xí, ban ngày thì có ai để ý, thế mà ban đêm trông nó cháy cũng ra phết lắm. Người ta tưởng như Nhà thờ Đức bà! Dù là một ngôi làng nhỏ thì cũng phải cả một đêm mới thiêu trụi hết, cuối cùng trông nó như một bông hoa to tướng, rồi chỉ còn như cái nụ, rồi chẳng còn gì sắt.

Khói bốc lên, thế là trời vừa sáng rõ.

Đàn ngựa vẫn nguyên cả yên cương, được thả trên cánh đồng bên cạnh chúng tôi, vẫn đứng yên cả đấy. Chúng tôi đi kiểm cỏ cho ngựa, chỉ để lại một cậu đến phiên gác. Kể ra, có được những đám cháy mà xem như đêm qua thì cũng thật dễ chịu, chẳng còn thấy mệt nhọc, cũng chẳng còn thấy đơn độc.

Khốn nỗi có còn được bao nhiêu làng đâu... Chỉ trong vòng một tháng, cả cái tổng này không còn lại làng nào. Các cánh rừng cũng bị đại bác cày xới, không còn sống nổi lấy tám ngày. Xem rừng cháy lại càng thích mắt, nhưng cũng chẳng được lâu.

Chỉ có đơn vị chúng tôi là tiến không được mà lui cũng không xong, đành chết gí một chỗ.

Sắp sửa nổi đuôi nhau mà chết cả đây. Không còn lính thì ông tướng cũng chẳng tìm đâu ra chỗ đóng quân. Tướng hay quân, cuối cùng đều sẽ ngủ bờ ngủ bụi ngoài đồng tuốt. Anh nào ít nhiều còn cái gọi là trái tim thì cũng quăng đi nốt. Từ những tháng ấy trở đi, người ta đem lính ra bắn để nâng cao tinh thần, từng tiểu đội một, và thằng cha hiến binh tha hồ mà được tuyên dương bởi cái cách bắn thi thố trong cuộc chiến nho nhỏ của hắn, một cuộc chiến sâu sắc, cuộc chiến đích thực của đích thực.

Mấy tuần sau đó, qua một chặng nghỉ, chúng tôi lại lên ngựa, tiến lên phía bắc. Trời lạnh giá cũng đến với chúng tôi. Tiếng đại bác thì không rời chúng tôi lấy nửa bước. Tuy thế, hân hỷ mới gặp phải bọn Đức, khi thì chúng nó đi lẻ một thằng khinh binh, khi thì cả một tốp biệt kích, ở chỗ này, chỗ kia, đưa vàng, đưa xanh, màu sắc đẹp mắt đáo để. Gọi là đi lòng sục bọn nó, nhưng thoáng thấy chúng nó là mình đã lánh xa ngay...

Mỗi lần chạm trán nhau như thế, chỉ cần để lại mỗi bên, bên nó cũng như bên mình, vài ba cậu kỵ binh. Ngựa nghèo của chúng nó được thả rong chạy về phía chúng tôi, mấy cái bàn đạp vung vẩy bên sườn, trên lưng mang những bộ yên bằng da còn tươi tắn, thơm nức như da ví đầm tặng nhau ngày tết. Mấy con ngựa Đức mò đến mấy con ngựa của chúng tôi, đánh bạn với nhau liền. Thật là may mắn. Nhưng giữa mấy thằng người với nhau lại chẳng làm được như thế!

Một buổi sớm, đi thám báo về, trung úy De Sainte-Engence mời các sĩ quan họp lại để anh ta tỏ ra mình không phải là con người chỉ biết có nói tếu. Anh ta khoe: “Tôi vừa giết được hai thằng”, và để chứng minh, anh ta ra sức giơ cao ngọn kiếm lên cho mọi người thấy, đúng là còn có máu đọng trên lưỡi kiếm.

Đại úy Ortolan tán thưởng ngay:

-Cừ lắm! Hoan hô Sainte-Engence!... Nếu các bạn được thấy cậu ta chiến đấu như thế nào! Trận giáp lá cà sao mà đẹp thế!

Chuyện đó vừa diễn ra ở đại đội của Ortolan.

-Mình chẳng mất mát gì trong cái vụ này! Lúc ấy tớ đứng cách đó không xa lắm đâu! Một mũi xiên thẳng vào cổ, tiến lên và sang phải!... Tốc, thẳng thứ nhất đổ!... Một mũi nữa xiên luôn vào ngực!... Sang trái! Lách lên nào! Một cuộc thao diễn đua tài thật sự đấy, các cậu ạ... Nào, một lần nữa ta hoan hô Sainte-Engence! Hai thằng kỵ binh vác giáo nhé! Chỉ cách đây có một cây số. Hai thằng còn nằm đó, ngay trên mấy luống cây! Chiến tranh thế là đã kết

thức đối với chúng nó rồi đấy nhỉ, phải không Sainte-Engence? Một cú đúp đẹp làm sao! Chúng nó hẳn đang tưới máu như hai chú thỏ bị chọc tiết!

Trung úy De Sainte-Engence cười trên mình con ngựa vừa phi một quãng đường dài, tỏ ra khiêm tốn nhận lấy những lời khen và chúc mừng của đồng đội. Đến lúc này, được Ortolan chứng nhận cho chiến công của mình, anh ta mới vững dạ và tìm đường linh. Anh ta cho con ngựa ăn thức ăn khô, giắt cương cho nó từ từ lượn một vòng xung quanh các binh sĩ của đại đội đã được tập hợp lại, hớn hờ như vừa qua một cuộc thi vượt rào.

Đại úy Ortolan càng phấn hứng hẳn lên, lão ta hồi hả ra lệnh: “Có lẽ ta phải cho luôn một đội thám báo nữa đến thẳng phía ấy! Ngay lập tức! Hai thằng khốn ấy đã dẫn xác đến nộp mạng, hẳn là còn những thằng khác theo sau chúng nó... Này, cậu, đội trưởng Bardamu, cậu đến luôn đấy với bốn đứa của cậu!”

Lão đại úy ra lệnh cho tôi, và nói tiếp:

- Khi nào chúng nó nổ súng về phía các cậu thì cố gắng xác định rõ vị trí của chúng nó rồi báo ngay về cho tớ biết chúng nó ở đâu! Có thể là bọn Brandebourg đây! [6*]

Bọn lính chuyên nghiệp bảo rằng, vào thời bình thì chẳng mấy khi thấy được mặt lão Ortolan này ở bản doanh. Thế mà bây giờ, sang thời chiến thì ngược hẳn lại, lão ta như đang ra sức cướp lại thời gian đã mất. Quả thật lão ta là con người không biết mỗi một là gì. Giữa đám khờ khạo, mỗi ngày mỗi thấy lão nổi hẳn lên. Cũng có người kể rằng lão ta thường hít bạch phiến. Da dẻ lão xanh xao, đôi mắt thâm quầng, bộ giò khăng khiu, nhưng cứ đặt chân xuống đất là lão chẳng chịu đứng yên một chỗ. Mới đầu thì cũng có lão đảo đôi chút, nhưng rồi định thần lại, là lão hung hăng sải bước qua những luống cày đường như muốn ra sức tiến hành một việc làm dũng cảm. Chưa biết chừng lão lại ra lệnh cho chúng tôi đi kiểm lửa ở các hòng súng đại bác đối phương. Lão có lẽ đang chung lưng với Thần Chết. Người ta có thể chứng minh được rằng Thần Chết đã ký giao kèo với lão đại úy Ortolan.

Tôi đã dò biết được rằng cả quãng đầu cuộc đời lão đắm mình vào các

cuộc đua ngựa, mỗi năm cũng phải vài lần giập sườn. Hai cẳng giò lão cũng vì gãy đi gãy lại mà hai cái bắp chân đã bị teo đi, lão lục cục lảo đảo như đi chân gỗ. Lom khom trong chiếc áo choàng quá khổ dưới trời mưa, trông lão giống như cái bóng ma của một con ngựa đua.

Cũng cần lưu ý rằng, hồi đầu của cái việc làm quái gở này, tức là khoảng tháng tám, sang tháng chín, lắm khi hàng giờ, cũng có khi suốt cả ngày, nhiều đoạn đường, nhiều xó rừng đã trở thành chốn ẩn náu của những người mang án tù... Bọn tôi để mặc họ xấp lại gần, cứ mặc họ có ảo tưởng gần như được sống yên ổn mà nhăm nháp cho đến hết hộp đồ hộp với mẩu bánh của mình, không bị ám ảnh bởi cái cảm giác rằng đây có thể là hộp đồ hộp cuối cùng trong đời họ. Nhưng từ tháng mười trở đi thì chẳng còn được những giây phút tạm yên như thế nữa. Từng loạt đạn, cả đại bác và súng thường, đan xen vào nhau, liên tiếp dội xuống như những trận mưa đá mỗi lúc một thêm dày đặc, biến dần thành những trận bão đạn. Khiến cho cái mà người ta cố tìm cách tránh né thì nó lại cứ hiện sờ sờ ra trước mắt và chỉ còn thấy có nó mà thôi: đó là cái chết của chính mình.

Lại nói đến đêm tối. Hồi đầu thì ai cũng sờ sợ, nhưng bây giờ đêm lại có vẻ hiền lành hơn ngày. Chúng tôi chỉ ngóng chờ cho trời mau tối. Vì ban đêm, chúng nó có bắn thì cũng không dễ gì trúng như ban ngày. Mà cũng chỉ có sự khác biệt này là đáng kể thôi.

Thật khó mà đạt tới được cái bản chất, ngay cả bản chất cuộc chiến tranh này, vì cái thói ngông cuồng là dai dẳng lắm.

Những chú mèo bị lửa đốt đến đứt thì cuối cùng cũng đành phải lao xuống nước.

Ban đêm, đây đó, người ta rời khỏi tổ trong chốc lát để tận hưởng những khoảnh khắc như cái thời yên bình đáng yêu, cái thời đã không còn có thể tin được là có nữa, cái thời mà tất cả đều hiền hòa, chẳng phải lo lắng đến hậu quả, biết bao nhiêu việc được hoàn tất, mọi cái đều trở nên phi thường, đều thích thú tuyệt vời. Thật là một thời nhung lụa, cái thời thanh bình đó...

Nhưng rồi chẳng được mấy chốc, đến lượt đêm tối cũng bị dồn hãm không

thương tiếc. Hầu như cứ đến đêm thì lại càng phải làm cật lực. Được phát thêm một khẩu phần nhỏ chỉ để có cái mà ăn, rồi đánh một giấc trong bóng tối. Lương thực cung ứng cho các tuyến tiền tiêu thì bỏ lê bỏ cà một cách nặng nề, nhục nhĩ. Từng đoàn dài những chiếc xe bò tồi tàn, khắp khiêng chất lên đủ thứ, nào thịt thà, nào lúa gạo, lại cả tù binh, thương binh, rồi cả bọn lính sen đầm lên giữa những hũ rượu nho. Thôi thì đủ chuyện. Từ những tiếng cười đùa cốt nhả, những lời than thở vì xe xóc lên xóc xuống và tiếng phì phò của mấy thằng cha bụng bự...

Cuộc bộ lê gót theo sau xe chở bánh là bọn đóng móng ngựa và bọn tù, cả người bên nó lẫn người bên mình, tay mang còng vì tội này tội nọ, lẫn lộn cả với nhau, dây trói cột liền các cổ tay tù nhân vào bàn đạp của mấy tay hiến binh cười trên mình ngựa, có một số chỉ ngày mai là bị xử bắn nhưng không có vẻ gì là buồn phiền hơn những đứa khác. Bọn chúng nó cũng ăn, nhưng xem ra cái khẩu phần cá ngừ ấy thì khó mà tiêu kịp (vì chúng không đủ thì giờ) trong lúc ngồi bên lề đường chờ đoàn công-voa tiếp tục chuyển đi. Một thường dân bị trói chung với đám tù nhân cũng được miếng bánh cuối cùng như thế, người ta bảo anh ta là gián điệp, nhưng anh ta chẳng biết tí gì về chuyện ấy. Chúng tôi cũng vậy.

Sự hành hạ của trung đoàn cứ thế tiếp diễn trong đêm tối. Cả lũ chúng tôi phải dò dẫm trên những ngõ hẻm gỗ ghề trong làng, chẳng có đèn đóm, chẳng biết đường ngang lối dọc ra sao, gập lưng dưới những bao tải nặng hơn người, lê bước từ cái kho thóc này sang kho thóc khác, hứng lấy đủ thứ rầy la, thét lác, hết cái này đến cái nọ, nhón nhác cả với nhau, rõ ràng là chẳng còn hy vọng được cái gì khác hơn là chịu kết thúc cảnh ngộ này trong những dọa nạt, cứt đá và sự tởm lợm vì bị hành hạ và lừa gạt đến tận xương tủy bởi một lũ điên rồ thác loạn, và chừng nào chúng nó còn như thế thì mình cũng trở nên bất lực, chỉ còn có việc giết người và bị người phanh thây xé xác chẳng hiểu vì sao.

Nhiều đứa bọn chúng tôi bị đập ngã lăn lông lốc ngay cạnh những đồng phân, bọn cai đội la hét chán lại lôi dậy, đấm đá, thúc đẩy vào các đoàn

khuân vác, cứ thế tiếp tục lê bước...

Quân lương, lính tráng tràn vào ngôi làng trong đêm tối, ngập ngựa những mớ măng, hoa quả, thóc lúa, đường mật; phải mang vác nặng thì khuất mắt bọn lính đi hộ tống, người ta cũng mặc cho nó vung vãi dọc đường...

Quá mệt mỏi, đám người lao dịch ấy ngã ngổn ngay quanh cái xe tải lương, và bất thần thằng cha hạ sĩ quân nhu xuất hiện, hắt gió cao ngọn đèn soi vào những con người khốn khổ như dòm bọ. Xưa nay cái thằng khi hai cầm ấy vốn tinh quái, dù khó khăn thế nào hắt cũng tìm ra bằng được những vũng nước cho ngựa nghèo uống. Nhưng lần này thì, tôi thấy tận mắt, hắt ta dìm cả bốn người đang ngủ say, hành lý vẫn đeo trên lưng, ngủ luôn trong vũng nước đầy ngập cổ.

Sau chuyện cái vũng nước ấy, lại phải tiếp tục mò cho ra cái trang trại và cái ngõ xóm là nơi người ta nghĩ rằng đã để lại một tiểu đội đóng ở đó. Nếu như không tìm thấy gì cả, thì cứ việc ngã lưng xuống ngay cạnh bờ tường đánh một giấc, trong vòng một tiếng đồng hồ, nếu còn đủ được bằng ấy thì giờ. Đã đem thân vào cái nghề để mà chết này, thì chớ có khó tính mà phải làm ra vẻ như cuộc sống vẫn đang tiếp tục, chính cái ảo ảnh ấy mới là cái gay cấn nhất.

Và họ lại lên đường, bám theo các toa xe quân nhu. Trốn lủi bình minh, đoàn xe hối hả, vì chở quá tải, các bánh xe rít lên ken két. Tôi chỉ mong sao cho đoàn xe bị phục kích, bị nổ tung từng mảnh, bị thiêu rụi hết trong nội nhật hôm nay, như người ta thường thấy cảnh tấn công các đoàn xe trong những tranh vẽ bày ở bảo tàng quân sự. Mãi mãi sạch bóng tất cả bộ sậu những thằng hiến binh quý đột, cả đến từng cái móng ngựa và những thằng lính tái đặng xách đèn cho chúng nó, cả những gì đám người nô dịch kia phải thờ vác, rau đậu và bột mì sẽ chẳng bao giờ còn có thể nấu chín được nữa. Tất tần tật biến hết, không bao giờ còn thấy lại nữa. Bởi lẽ phải khó nhọc để rồi chết vì mệt hay vì cái gì khác, thì đau đớn hơn cả là xô đẩy người ta vào nông nổi ấy bằng cách bắt phải thờ những bao tải chất đầy cả bóng đêm trong đó .^[7*]

Đến ngày mà đoàn xe ấy bị phá hỏng không còn lấy một cái trục thì có lẽ bọn khốn kiếp ấy, theo tôi nghĩ, mới để chúng tôi yên, dù chỉ một đêm, một đêm trọn vẹn, để ít ra cũng một lần được đẩy giắc cả phần xác lẫn phần hồn.

Chuyến tải lương ấy chẳng khác gì một cơn ác mộng, một con quỷ con quạ phá, bám thêm vào cái phần chính của chiến tranh. Phía trước, phía sau và ngay cạnh nách anh, nhan nhản những thằng súc sinh tàn bạo. Chỗ nào cũng có bọn chúng. Dầu có bị kêu án tử hình và nơm nớp đợi ngày xử bắn thì anh cũng không thoát được khỏi cơn thèm ngủ ghê gớm, thêm vào đó lại còn phải tranh thủ thời gian cố tụng cho hết cái khẩu phần của mình. Một đoạn suối, một mảng tường cũng đủ làm cho chúng tôi tưởng như nhận ra chốn cũ... Để tìm cái trại của tiểu đội, chúng tôi phải đánh hơi như bầy chó giữa những ngôi làng bỏ hoang chìm trong đêm tối. Kẻ dẫn đường tốt nhất lúc này là mùi cứt thum thum.

Lão ách ^[8*] đi áp tải chuyển tiếp lương là một con quỷ ác trong trung đoàn. Lúc này lão làm chúa tể thiên hạ. Kẻ nào nói đến chuyện tương lai thì lão coi là đồ thừa, chỉ có chuyện hiện tại là đáng nói thôi. Gọi đến chuyện đời sau của lão khác gì diễn thuyết với dòi bọt. Trong ngôi làng thời chiến giữa đêm khuya, lão ách đang lừa cái đàn nửa người nửa vật này vào các lò sát sinh vừa mở rộng cửa. Lão là Vua Ách! Vua của Thần Chết! Thầy Ách Cretelle! Hoàn toàn đúng như thế! Chẳng ai quyền thế bằng lão. Có lẽ ở bên kia, một thằng cha nào đó cũng ách-xì-đăng của tụi nó mới có được quyền thế như lão mà thôi.

Trong làng chẳng còn mống nào, trừ lũ mèo khiếp đảm. Các đồng đội của tôi tha hồ phá phách. Trước tiên là các đồ gỗ, chặt hết ra làm củi đun. Bàn ghế, giường tủ, từ cái nhẹ nhất đến cái nặng nhất. Còn cái gì vác đi được thì vác đi tuốt. Thôi thì cái lược chải đầu, đèn đóm, tách chén, những thứ vật dụng rất vớ vẩn, thậm chí tràng hoa của cô dâu đã cũ mềm cũng vớ. Cứ tưởng như mình còn được sống nhiều năm nữa để mà hưởng các thứ ấy. Nhưng họ trộm cắp các thứ ấy một phần còn để giải khuây, để làm ra vẻ thời gian của họ vẫn còn dài dài. Quả là một ham muốn muôn thuở.

Họ coi tiếng đại bác cũng chỉ là một thứ tiếng ồn. Mà cũng nhờ có cái tiếng ồn ấy thì các cuộc chiến tranh mới kéo dài được chứ. Ngay cả những kẻ đã và đang làm chiến tranh cũng không thể hình dung được nổi cái đó. Đạn bắn thùng búng, thì người ta vẫn có thể tiếp tục nhặt nhanh mấy chiếc dép cũ quăng bên đường, cho rằng “vẫn còn xài được”. Cũng như chú cừu trúng thương vào sườn, trong cơn giãy chết trên đồng cỏ vẫn cố gặm lấy gặm để mấy búp cỏ non. Phần đông con người ta chỉ chết vào phút chót; những kẻ khác thì khởi sự chuyện đó từ hai chục năm trước, có khi còn sớm hơn thế nữa. Đó là những con người khốn khổ trên trái đất này.

Về phần tôi, tôi chẳng phải đưa khôn ngoan gì cho lắm, nhưng cũng đã trở nên thực tế để làm một kẻ hèn nhát thật sự. Tất nhiên, vì cái quyết định ấy mà tôi phải làm ra vẻ bình thản ghê lắm. Không biết có phải vì thế mà rõ thật trớ trêu, tôi lại gây được tín nhiệm với lão đại úy của chúng tôi, chính lão Ortolan, người đã quyết định giao cho tôi đêm hôm ấy một nhiệm vụ tế nhị. Lão kín đáo giải thích cho tôi biết rằng, tôi phải khẩn trương để trước khi trời hừng có thể đến được Noireur-sur-la-Lys, một thị xã dệt, cách làng chúng tôi đóng quân mười bốn cây số ^[9*]. Tôi phải đến tận nơi để đảm bảo chắc chắn là có quân địch ở đó. Về chuyện này thì từ hồi sáng, các phái viên được cử đi đều nói ngược lại. Tướng Des Entrayes càng sốt ruột. Nhân chuyện đi trinh sát này, tôi được phép chọn một con ngựa ít khuyết tật nhất của trung đội. Từ lâu tôi đã không được thoải mái một mình một ngựa, nên cứ như thế mình đột nhiên được làm một chuyến ngao du. Nhưng thoát được khỏi chốn này thì còn là chuyện hão huyền.

Do đầu óc đang mệt mỏi, nên ngay sau khi lên đường, dẫu tôi có làm gì nữa thì cũng chưa thể tự hình dung được chính xác và chi tiết về vụ án mạng đang tiến hành cho chính mình. Tôi tiến lên, từ gốc cây này qua gốc cây khác, trong tiếng sắt thép khua vang bên người. Chỉ một thanh kiếm đẹp của tôi thôi, cũng đủ âm vang bằng cả một cỗ dương cầm rồi. Lúc ấy có lẽ trông tôi đáng thương, nhưng dù thế nào thì kệch cỡm là cái chắc.

Không biết tướng Des Entrayes nghĩ gì mà phái tôi đi trong cái khung

cảnh tĩnh mịch như thế lại khoác lên người đủ thứ chũm chọe inh ỏi? Chắc hẳn là không phải nghĩ cho tôi rồi.

Chuyện ngày xưa kể rằng, người Aztèque [10*] thường là mỗi tuần lễ mổ bụng tám vạn tín đồ trong các ngôi đền Thái dương để cầu đảo thần mưa lấy nước cho họ cấy cấy. Trước khi ra trận, đó là chuyện khó tin. Nhưng bây giờ đã vào cuộc rồi thì mọi sự rành rành ra đó. Cái việc coi thường sinh mạng người khác của dân Aztèque xưa cũng rửa với cách của lão Céladon Des Entrayes đối xử với bộ lòng hăm hiu của tôi mà thôi.. Thổ dân Aztèque tế thần để cầu mưa; còn viên tướng này thì tế thần để cầu thắng chức. Lão ta là một thứ thần linh cụ thể, một thứ mặt trời nho nhỏ nhưng đòi hỏi thì thật quá sá.

Tôi chỉ còn chút xíu hy vọng, là được bắt làm tù binh. Cái hy vọng mỏng manh như sợi chỉ. Một sợi chỉ giữa đêm khuya. Vì tình thế chẳng sẵn sàng dành cho những phép lịch sự sơ đẳng. Thời buổi này, một phát đạn bay vào đến anh nhanh hơn cái ngả mũ chào. Hơn nữa, biết ăn nói sao đây với tên lính về nguyên tắc là thù nghịch với mình và được phái từ phía bên kia trời Âu đến đây chỉ cốt để giết mình?... Giả sử hẳn ta có do dự lấy một giây (có lẽ cũng đủ cho tôi), thì tôi biết nói gì với hắn? Trước tiên phải biết hắn thực sự là loại người thế nào mới được chứ? Nhân viên nhà hàng ư? Một tên lính chuyên nghiệp ư? Hay cũng có thể là một thằng phu đào huyệt? Hay một tay đầu bếp?... Bầy ngựa thế mà lại may. Chúng cũng phải chịu đựng chiến tranh như mình nhưng không ai bắt chúng phải tán thành hay giả bộ tán thành chiến tranh. Mấy chú ngựa kia ơi, các chú cũng khổ khổ nhưng còn có tự do! Chứ nhiệt tình thì than ôi, chỉ dành cho lũ người chúng ta thôi, thật là đồ đĩ điếm!

Lúc này tôi đã thấy rõ được con đường. Hai bên đường, trên nền đất phì nhiêu là những khối nhà vuông vức với những bức tường trắng xóa ánh trắng, y hệt những tảng băng không đều nhau. Tất cả mọi cái đều yên lặng, mờ nhạt. Liệu có phải để kết thúc rồi không? Tôi sẽ còn trong cảnh cô tịch này bao lâu, sau khi chúng nó làm xong việc đó với tôi? Và trong hố nào đây? Dọc theo

bờ tường nào đây? Có thể chúng sẽ kết liễu mình bằng một nhát dao chẳng? Có khi chúng còn chặt cả hai tay, moi hai mắt và những gì còn lại... Người ta kể lắm thứ về chuyện ấy và không ngoa đâu! Ai mà biết được? Một bước chân ngựa... Thêm một bước nữa... đủ chưa? Những con vật này, mỗi bước của chúng nó bằng hai người đi giày đế sắt sòng đôi nhau, bước theo kiểu tập thể dục, nhưng rời rạc đến kỳ!

Tim tôi rộn lên như chú thỏ bị nhốt sau lưới thép, lồng lộn chán rồi lại nép vào một xó trông thật ngốc nghếch.

Ai lao từ đỉnh tháp Eiffel ^[11*] xuống mà chẳng có cảm giác như thế? Lao vào không gian mà vẫn còn muốn níu mình lại.

Ngôi làng này kín đáo đe dọa tôi đây, nhưng vẫn không che giấu được hết. Ở giữa một quảng trường có cái vòi phun nhỏ, nước tí tách như dành cho một mình tôi.

Đêm ấy, tôi có được tất cả cho chỉ riêng mình. Tôi bỗng được làm chủ cả mặt trăng, cả ngôi làng và cả nỗi sợ mênh mang. Phải phóng gấp lên thôi. Noireur-sur-la-Lys ít nhất cũng còn phải một giờ đường, vừa lúc tôi thoáng thấy một ánh lửa được che cẩn thận lấp loáng phía trên một ô cửa. Tôi tiến thẳng đến nơi có ánh lửa và cũng do đó mà phát hiện ra một cái gì đó có vẻ táo bạo, đúng ra là lẫn lút nhưng không ngờ vực gì cả. Ánh lửa biến khá nhanh, tuy vậy tôi cũng kịp thấy được. Tôi cho ngựa nện mạnh gót. Tôi nài nỉ, lên tiếng gọi thật to, bằng tiếng Đức chán lại bằng tiếng Pháp. Nhưng gào đến thế nào thì những người lạ ấy cũng cứ đóng cửa im ỉm trong bóng tối.

Cuối cùng thì cái cánh cửa cũng hé mở. Có tiếng hỏi ra:

-Ông là ai?

Thế là mình gặp được người phù trợ rồi.

-Tôi là lính kỵ binh...

-Người Pháp à? tiếng một phụ nữ hỏi.

-Phải, tôi là người Pháp đây...

-Bọn kỵ binh Đức cũng thường qua đây... Bọn chúng cũng nói tiếng Pháp...

-Vâng. Nhưng tôi là người Pháp thật đây mà...

Bà ta “dào ời” một tiếng với vẻ nghi ngờ.

Tôi hỏi:

-Bây giờ chúng nó ở đâu?

-Chúng nó đi về phía Noireur, cách đây đã tám tiếng rồi... Bà ta trả lời, trỏ tay về hướng bắc.

Một cô gái quàng khăn và khoác chiếc tạp dề lúc này cũng ló ra từ bóng tối và bước ra đến bậc cửa. Tôi hỏi cô gái:

-Bọn Đức có gây chuyện gì với nhà cô không?

-Chúng nó đốt một ngôi nhà gần tòa thị chính, còn ở đây thì chúng giết chết em trai tôi bằng một ngọn giáo xiên vào bụng... Em tôi chơi ở ngoài cầu Đỏ, đang đứng xem bọn Đức đi qua thì... Đây này! cô ta trả cho tôi... Em tôi đây...

Cô ta không khóc, chỉ châm lại ngọn nến mà tôi đã thấy lóe sáng lúc nãy. Quả nhiên, tôi thấy, ở góc trong cùng, trên tấm đệm đặt một thi hài nhỏ, mặc bộ quần áo thủy quân; ngọn nến rọi ánh lửa leo lét lên nước da đã tím tái trên cổ và trên khuôn mặt nhô ra khỏi cái cổ áo vuông rộng màu xanh nước biển. Thằng nhỏ co quắp, tay chân và cái lưng cuộn lại như con tôm. Ngọn giáo như cái trọc tử thần xiên vào giữa bụng. Bà mẹ gào khóc, quỳ xuống cạnh xác con, ông bố cũng thế. Cả mấy người rên rỉ với nhau. Còn tôi thì đã quá khát rồi. Tôi hỏi họ:

-Ông bà và cô có còn chai vang nào để lại cho tôi không?

-Ông thử hỏi mẹ tôi... Có thể mẹ tôi biết là còn hay hết... Bọn Đức đã cướp của nhà tôi nhiều lắm...

Thế rồi hai mẹ con thì thảo với nhau, và cô gái quay ra nói nhỏ với tôi:

-Không còn nữa đâu. Bọn Đức cướp sạch cả... Ấy là chúng nó đã được chính chúng tôi cho uống nhiều rồi đấy.

Bà mẹ ngừng bật tiếng khóc, nói chêm vào:

-Đúng thế. Chúng nó uống sạch cả. Thích rượu quá mà...

Ông bố đang quỳ cũng xen vào:

-Chúng nó nốc có lẽ đến hơn trăm chai, chắc chắn là thế...^[12*]

-Liệu có còn sót lại chai nào không? - tôi năn nỉ, vẫn còn hy vọng, khát ghê khát gớm, và nhất là cái thứ vang trắng, thật chất ấy, lại càng gọi thêm cho mình - Tôi xin trả tiền mà.

Nghe thấy thế, bà mẹ bằng lòng ngay:

-Chỉ còn thứ thật ngon. Năm quan một chai đấy!

-Được thôi! tôi móc túi lấy ra một đồng bạc lớn năm quan^[13*].

Bà mẹ nhẹ nhàng bảo con gái:

-Con vào lấy ra đây một chai.

Được uống rồi, tôi chỉ còn việc tiếp tục lên đường. Nhưng lại băn khoăn, tôi hỏi:

-Liệu chúng nó có quay lại không?

Cả mấy người cùng trả lời:

-Có thể. Chúng mà quay lại thì chúng sẽ đốt hết cả... Chúng đã đe như thế lúc rút đi.

-Để tôi đi xem sao.

-Anh thật là can đảm... Đi lối này này! - ông bố chỉ cho tôi lối đi lên phía Noireur-sur-la-Lys... Ông còn ra tận ngoài đường để tiễn chân tôi. Cô gái và bà mẹ vẫn sợ hãi, túc trực bên xác đứa con nhỏ. Cả hai gọi với từ trong nhà ra:

-Về đi ông ơi. Việc ngoài đường dính gì đến ông, về đi thôi, Joseph.

Ông bố vẫn còn lưu luyến, nắm lấy tay tôi:

- Anh thật là can đảm...

Tôi thúc ngựa đi nước kiệu theo hướng bắc. Cô gái chạy ra cửa hét lớn, dặn với:

-Ít nhất thì anh cũng đừng nói gì là chúng tôi vẫn còn ở đây nhé.

Tôi trả lời:

-Mai chúng nó sẽ thấy thôi, nếu các người vẫn cứ còn đấy!

Tôi bực mình về chuyện phải xì ra một trăm đồng xu^[14*]. Thế là có chuyện tiền nong len vào giữa họ với tôi. Thế cũng đủ để ghét, đủ để mong

cho họ tội hết. Trên đời này, chừng nào còn đồng tiền thì chẳng còn tình nghĩa gì ráo.

-Mai nhé! Họ nhắc lại với giọng hoài nghi...

Với họ cũng thế, ngày mai thật là xa vời, chẳng có bao nhiêu ý nghĩa đối với một ngày mai như thế. Thật ra thì đối với tất cả chúng ta, sống thêm được một tiếng đồng hồ, chỉ một tiếng nữa thôi trong cái thế giới mà mọi thứ đã teo tóp lại thành một cuộc giết chóc, thì tự nó đã là một hiện tượng kỳ lạ rồi.

Đường cũng không dài lắm. Tôi cho ngựa đi nước kiệu từ gốc cây này qua gốc cây khác, lo nơm nớp bị phục kích hay bị bắn tĩa, nhưng không có chuyện gì xảy ra.

Khi tôi cho ngựa đi bước một lên đến đỉnh ngọn đồi nhỏ, có lẽ đã quá nửa đêm đến hai tiếng hay hơn. Từ chỗ ấy tôi bỗng thấy dưới chân đồi từng hàng từng dãy những ngọn lửa ga ^[15*] vẫn còn cháy sáng, rồi ngay phía trước mặt là một nhà ga xe lửa cũng vẫn sáng đèn, vẫn còn những toa tàu và quán giải khát, nhưng bốn bề lạnh lẽo như tờ. Chẳng có gì cả... Các đường phố, những cột đèn, những dãy đèn, tất cả các khu phố, tất cả những gì xung quanh đấy, còn hơn cả âm u trống rỗng. Toàn bộ cái thị xã dài rộng ấy chình ình ra trước mắt tôi, như người ta đã bỏ mất nó, để mặc nó sáng đèn và trải rộng ra đúng giữa đêm khuya. Tôi xuống ngựa, ngồi trên mô đất nhỏ nhìn xem cảnh ấy một lúc khá lâu.

Vẫn không sao đoán biết được là bọn Đức đã vào Noireur chưa. Trong những trường hợp như tôi biết thì chúng nó mà đã vào tất chúng nó đã nổi lửa theo quán tính rồi. Mà nếu chúng nó chưa thiêu trụi ngay thị xã, ắt chúng nó có mưu chước gì không bình thường đây.

Tiếng đại bác cũng không, mới lại càng đáng ngờ chứ!

Con ngựa của tôi cũng muốn ngả lưng. Nó giật giật cái dây cương khiến tôi phải ngoái cổ lại. Có cái gì vừa di động ở chỗ mô đất trước mặt, chẳng to lớn gì, nhưng cũng đủ để tôi phải lên tiếng gọi:

-Ê này! Ai ở đằng ấy đấy?

Cái bóng động dậy cách tôi chỉ vài bước chân... Phải là một thằng nào

đây...

-Đừng rống lên như thế! Một tiếng đàn ông trả lời, giọng nặng nề, khàn khàn nhưng đúng là giọng Pháp.

-Sao? Cậu cũng bị tụt lại à?

Hắn ta hỏi tôi, và đến lúc này thì tôi đã thấy hắn rõ hơn. Một tay bộ binh, nói năng bộp chát ra dáng lắm. Sau này, năm tháng trôi đi mà tôi vẫn không sao quên được cái thời khắc ấy, lúc mà bóng hắn ta nhô lên khỏi đám cỏ y như cái bia di động cho bọn lính nhắm bắn trong những ngày hội thi.

Chúng tôi sáp lại gần nhau. Trong tay tôi có khẩu súng lục. Chỉ chút xíu nữa là đã có thể bóp cò rồi, cũng chẳng hiểu vì sao. Hắn ra hỏi tôi:

-Này, cậu đã thấy chúng nó rồi chứ?

-Chưa, nhưng tớ đến đây cốt để thấy chúng nó.

-Cậu ở đơn vị kỵ binh 145 à?

-Đúng, thế còn cậu?

-Tớ ấy à? Tớ là lính dự bị.

-À thế à... tôi nói. Cậu ta nhận mình là một lính dự bị làm tôi ngạc nhiên. Đây là tay lính dự bị đầu tiên tôi gặp trong cuộc chiến tranh này. Vì từ đầu đến giờ tôi chỉ sống với cánh tại ngũ. Chưa trông rõ mặt nhưng cứ nghe giọng đã thấy hắn ta khác cánh tại ngũ rồi, cái giọng buồn buồn, ấy thế mà lại sáng giá hơn giọng chúng tôi đấy. Cũng vì thế mà tôi không ngần ngại đặt một chút lòng tin vào hắn ta. Bởi đây là con người còn có thể có giá trị chừng nào chẳng. Hắn nói tiếp, chẳng giấu giếm gì:

-Tớ chán lắm rồi, tớ sắp tìm cách để cho bọn Đức tóm cổ đây.

Tôi hỏi:

-Cậu có cách gì?

Bỗng nhiên cái tôi quan tâm nhất lúc này là cái cách hắn ta làm thế nào để có thể yên lành lọt vào tay chúng nó.

-Tớ cũng chưa biết làm cách nào...

-Nhưng cậu còn phải tính đến chuyện chuồn sang với chúng nó thế nào đã chứ?... Để cho chúng nó tóm cổ không dễ đâu!

-Mặc kệ, tớ sẽ ra hàng.

-Thế cậu sợ à?

-Tớ sợ, à... tớ thấy cái trò đánh nhau này ngu ngốc lắm. Nếu cậu hỏi ý kiến tớ thì tớ trả lời cậu là tớ đếch cần biết tại Đức là gì cả, chúng nó đã làm gì tớ đâu nào...

-Im đi cậu, tôi bảo hăn ta, có thể chúng nó đang nghe xem chúng mình nói gì đấy...

Cứ như là tôi muốn tỏ ra văn minh lịch sự với bọn Đức. Tôi rất muốn tay lính dự bị ấy, lúc này đang còn đây, giải thích cho tôi hiểu vì sao tôi cũng như tất cả những kẻ khác, chẳng có can đảm để mà đánh nhau... Nhưng hăn ta chẳng giải thích gì cả mà chỉ lặp đi lặp lại rằng hăn đã chán ngấy lắm rồi.

Thế rồi hăn ta kể chuyện trung đoàn của mình tan tác thế nào vào buổi tinh mơ hôm trước, chỉ vì một đám bộ binh của ta thế quái nào lại bắn nhầm qua cánh đồng vào luôn đại đội của hăn. Ai biết đâu được rằng đám bộ binh ấy lại đến trước hện những ba tiếng đồng hồ. Đã một phờ người lại còn bị tấn công bất ngờ, đám bộ binh nổ súng liền... Tôi thừa hiểu cái điệu này, vì cũng đã từng bị những cú như thế. Hăn nói tiếp:

- Tớ ấy à, khó tin lắm. Cơ hội như thế đến với tớ, tớ bảo thầm ngay trong bụng rằng: Đây, Robinson... Robinson là tên tớ đây, Robinson Léon... Liệu mà tính đi thôi, không tính ngay lúc này thì chẳng còn lúc nào đâu, tớ tự bảo mình như thế!... Không phải thế à? Thế là tớ chuồn thẳng, men theo cánh rừng nhỏ và ở đó, cậu thử hình dung xem, tớ gặp luôn lão đại úy của ta... Lão tựa vào một gốc cây, trông thật thảm hại! Đang dở sống dở chết... Hai tay túm lấy cái quần cụt, miệng phun phì phì... Máu me đầy người, hai con mắt đảo quanh... Không ai đi cùng với lão. Lão kiệt sức rồi... “Mẹ ời, mẹ!” lão thều thào trong tiếng khóc, lão đang ngòm dần, đái cả ra máu... Tớ bảo lão: “Thôi đi, lại còn mở mồm gọi mẹ, không sợ bà cụ tể cho ấy à”. Vừa đi vừa thế đấy cậu ạ!... Cũng chỉ nói mép thế thôi! Cậu có tin được là như thế cũng đủ làm vui được mụ bò cái không? Hở, ông bạn! Chẳng phải lúc nào cũng có được dịp mà nói với lão đại úy những gì mình nghĩ trong bụng đâu... Phải

nắm lấy cơ hội chứ. Hiếm hoi lắm! Và để chuồn cho nhanh, tớ quăng luôn cái ba lô và cả súng ống nữa... Quăng hết xuống một cái ao thả vịt ngay cạnh đường... Cậu hình dung xem, cái thằng tớ, như cậu thấy đấy, tớ nào có muốn giết chóc gì ai, tớ cũng chưa học nữa... Xưa nay tớ vốn là thằng không thích những chuyện đánh lộn, ngay từ trong thời bình ấy... Cứ thế tớ đi... Vậy là cậu biết rồi chứ?... Hồi còn là dân thường, tớ đã cố làm ăn tử tế ở nhà máy... Cũng có thời gian ngăn tớ làm thợ khắc, nhưng rồi không thích, vì cứ gặp những chuyện cãi cọ, thế là tớ đi bán báo vào buổi tối trong một khu phố yên tĩnh tớ vốn quen, xung quanh Nhà Ngân hàng Pháp quốc... ở cạnh Quảng trường Chiến thắng, nếu cậu muốn biết... Phố Petits-Champs... Đất làm ăn của tớ đấy. Không bao giờ tớ vượt sang phố Louvre hay sang khu Hoàng Cung (Palais-Royal) ở cạnh đó... Buổi sáng tớ đi bỏ mồi cho các nhà hàng... Chiều chiều, thỉnh thoảng tớ làm một chuyến giao hàng... Thì cũng phải kiếm thêm.... Phải xoay xở chút ít chứ... Nhưng tớ là thằng chẳng thích chuyện súng đạn... Nếu bọn Đức mà thấy cậu mang vũ khí thế kia, hử... khá lắm! Còn như cậu cũng nghênh ngang như tớ thế này... chẳng có đêch gì trong tay... chẳng có gì dính túi... có bắt được mình thì chúng nó cũng cảm thấy đỡ rách việc, cậu hiểu chưa? Chúng nó biết đối thủ của mình là thế nào chứ... Giá mà chúng mình cời truồng tìm đến bọn nó có khi lại hay đấy... Cứ như con ngựa ấy mà! Như thế chúng nó sẽ chẳng còn biết mình thuộc binh chủng nào nữa...

-Thật thế à?

Tôi hiểu ra rằng tuổi tác cũng làm cho người ta khôn ngoan lên. Làm cho mình thực tế hơn.

-Chúng nó ở phía kia, phải không nhỉ? Chúng tôi cùng nhau đoán định những cơ may của mình và tìm kiếm tương lai như trong canh bạc trên tấm bình đồ to tướng và rực sáng mà cái thị xã yên lặng ấy đang chiềng ra trước mắt chúng tôi.

-Mình đi chứ?

Trước tiên là phải làm sao vượt qua được con đường xe lửa. Nếu bọn lính

canh ở đó, mình sẽ lọt vào đường ngắm bắn của chúng mất. Có thể không. Phải thử xem. Bắn qua phía trên hay phía dưới đường hầm.

-Mình phải đi mau lên đi, Robinson nói thêm. Phải tranh thủ lúc còn tối trời, chứ sáng ra rồi thì chẳng có bạn bè nào đâu, ai cũng còn bắn vào công việc của người ta trong đường hầm, kể cả lúc chiến tranh thì ban ngày trong ấy cũng cứ đông như hội... Cậu có định mang theo con nghéo này không?

Tôi dắt con ngựa, thận trọng lách cho nhanh lỗ chẳng may gặp chuyện rủi. Hai đứa đến được chỗ chắn tàu, hai cái cần to tướng sơn hai màu trắng đỏ giương cao. Tôi chưa thấy cái loại rào chắn ấy bao giờ. Ở các vùng ngoại ô Paris không có thế.

-Cậu có tin là bọn chúng nó đã vào thị xã rồi không, hử?

-Chắc chắn là thế, hawn ta nói... Ta cứ tiến lên nào.

Dù muốn dù không thì bây giờ cũng cứ phải dừng cảm như những người dừng cảm, bởi lẽ con ngựa bình thản theo sau cứ như thúc giục hai đứa bằng những bước chân của nó, chỉ còn nghe thấy tiếng vó ngựa thôi. Tốc! rồi tốc! Bốn cái móng sắt nện trên nền đường. Càng vang lại càng nện khỏe, chẳng cần biết chuyện gì đang xảy ra.

Cu cậu Robinson tính nước dựa vào đêm tối để ra khỏi đây sao?... Hai đứa đi lững thững giữa đường phố trống trơn, chẳng phải mưu mẹo gì, lại còn đi đều bước nữa, y như đi tập. Cái cậu Robinson ấy nói mà đúng. Đã sáng ngày ra thì cứ gọi là trên trời dưới đất đều tàn nhẫn cả. Cả hai đứa chúng tôi đi trên đường đều phải làm ra vẻ chẳng gây gổ với ai, lại còn tỏ bộ ngây dại nữa chứ, cứ như là mấy cậu lính về phép.

-Cậu có biết chuyện cả cái đơn vị kỵ binh nhẹ số 1 bị bắt làm tù binh thế nào không? Ở Lille ấy?... Người ta kể rằng, họ hành quân vào thành phố cũng thế này này, không biết mô tê ra thế nào cả. Lão đại tá dẫn đầu... Vào thẳng ngay phố chính, cậu ạ! Thế là bị khóa chặt, cả đầu cả đuôi... Chỗ nào cũng có bọn Đức!... Cả trên các ô cửa sổ!... Khắp cả... Thế là xong... Y như chúng nó đánh bầy chuột!... Thật đúng như đàn chuột! Một cú ăn to, cậu có tin không?

-Trời! Những kẻ không may!

-Thôi này cậu ơi!

Chúng tôi quá đỗi ngạc nhiên về cái cuộc bắt sống ngoạn mục ấy, thật quá rõ nét, quá dứt khoát. Há hốc mồm ra mà thán phục. Cửa hàng cửa hiệu trên đường phố đóng cửa hết. Các nhà dân cũng vậy; nhà nào cũng có cái vườn nhỏ ở đằng trước, rất sạch sẽ. Đi quá nhà bưu điện một tí, chúng tôi thấy một ngôi nhà quét sơn trắng, đèn đóm trong nhà bật sáng suốt từ các cửa sổ tầng trên cùng xuống tận tầng trệt. Chúng tôi bấm chuông trên cửa. Con ngựa vẫn đứng sau chúng tôi. Một người đàn ông phương phi rậm râu ra mở cửa và không chờ chúng tôi lên tiếng, ông ta xưng danh liền: “Tôi là thị trưởng thị xã Noirceur, tôi đang chờ đón người Đức các ông!” Và ông ta bước ra giữa ánh sáng trắng để cho chúng tôi thấy rõ ông ta là ông thị trưởng. Đến khi biết chúng tôi không phải quân Đức, mà rõ ràng là người Pháp thì ông ta hết luôn vẻ trịnh trọng, chỉ còn tỏ ra thân mật và có phần lúng túng. Điều đó thì dĩ nhiên rồi, vì ông ta nào có chờ đợi chúng tôi, sự có mặt của chúng tôi ít nhiều đã đảo ngược những dự định của ông ta, những dự định đã thành quyết định. Quân Đức phải vào Noirceur đêm hôm đó, ông ta đã được báo trước và đã thu xếp tất cả mọi việc với các cơ quan hàng tỉnh, đã bố trí để đại tá chỉ huy của quân Đức thì ở đây, cứu thương thì ở đằng kia, v.v... Và nếu bây giờ quân Đức đến mà hai đứa chúng tôi vẫn còn lù lù ở đây thì dứt khoát sẽ đẻ ra lắm chuyện! Chắc chắn là sẽ có lắm cái lời thôi... Ông ta không nói ra miệng nhưng người ta biết tổng là ông ta đang nghĩ gì...

Thế là đêm hôm đó, trong cái im lặng mà chúng tôi lạc bước sa chân vào, ông ta bắt đầu cà kê với chúng tôi về chuyện lợi ích chung. Chỉ toàn chuyện lợi ích chung... Nào là của cải vật chất của cộng đồng, nào là những di sản nghệ thuật của Noirceur... Tất cả những cái ấy đang đặt trách nhiệm lên vai ông ta, một trách nhiệm thiêng liêng, nếu quả là có thứ trách nhiệm như thế... Trước hết là ngôi nhà thờ xây từ thế kỷ XV... Nếu để chúng nó thiêu cháy ngôi nhà thờ từ thế kỷ XV thì sao? Hay như ngôi nhà thờ Condé-sur-Yser ở bên cạnh! Sẽ ra sao hử các bạn?... Không biết có phải đơn giản là do tâm trạng bức bối, hay vì sự có mặt không đúng chỗ và đúng lúc của chúng tôi mà

ông ta khiến chúng tôi có cảm giác như mọi trách nhiệm đang đổ dồn xuống đầu hai đứa. Hai thằng lính quèn trẻ người non dạ!... Quân Đức không thích gì những thành phố khả nghi lại còn lớn vồn những quân nhân thù nghịch. Ai cũng biết rõ là thế.

Trong lúc ông ta thăm thì với chúng tôi như thế, thì bà vợ và hai cô con gái béo tốt, tóc vàng, rất ngon mắt, gật gù tán thưởng từng lời của ông bố... Tóm lại là họ muốn tống khứ chúng tôi đi cho nhanh. Giữa họ với chúng tôi, những giá trị tình cảm và khảo cổ học bỗng rộ hẳn lên một cách rất sinh động và sôi nổi. Vì giữa đêm hôm khuya khoắt ở cái thị xã Noireur chẳng còn ma nào thì lấy ai nữa để mà tranh cãi với ông ta... Đạo lý, lòng yêu nước được cái ông thị trưởng ấy tìm đủ ngôn từ để đôn lên, những bóng ma được ông níu giữ lại, nhưng ngay tức thì, những cái đó bị mờ nhạt và thất bại bởi nỗi sợ hãi và lòng ích kỷ của chúng tôi, và còn bởi cái sự thật không hơn không kém.

Tuy kiệt lực với những cố gắng thật là cảm động, ngài thị trưởng Noireur vẫn nồng nhiệt thuyết phục chúng tôi rằng cái Nghĩa vụ (viết hoa) của chúng tôi là tốt hơn hết hãy rút ngay lập tức cho biệt tăm biệt tích đi, tất nhiên không đến nỗi thô bạo như trung tá Pinçon ở đơn vị tôi nhưng rõ ràng là cùng một kiểu dứt khoát. Cái chắc là hai đứa chúng tôi chẳng còn có được gì để chống đối lại tất cả những sức mạnh đó, ngoài cái ham muốn nhỏ nhoi của cả hai đứa là đừng phải chết và đừng phải hỏa thiêu. Ít ỏi thế thôi, nhất là những cái đó lại không thể nói ra trong thời buổi chiến tranh này. Vậy là chúng tôi phải quay sang các đường phố vắng khác. Rõ ràng là tất cả những người tôi gặp đêm hôm ấy đã cho tôi thấy được lòng dạ của họ thế nào.

Trong lúc hai đứa cùng đi, Robinson nhận xét:

-Cái vận của tớ nó thế đấy! Giả sử cậu là một thằng Đức, mà lại là một thằng tốt bụng như cậu thì có thể tớ đã được bắt làm tù binh rồi và biết đâu lại chẳng là việc hay... Ngẫm ra, trong chiến tranh, người ta tự loại bỏ mình cũng khó thật!

-Thế còn cậu - tôi hỏi cậu ta - nếu cậu là một thằng Đức thì cậu cũng không bắt tớ làm tù binh hay sao? Có thể là cậu được chúng nó thưởng quân

công bội tinh đấy! Cái tiếng Đức gọi quân công bội tinh chắc buồn cười đây nhỉ?

Đi mãi, chẳng gặp được ai trên đường để bắt mình làm tù binh, chúng tôi đành tìm đến cái ghế dài trên một công viên nho nhỏ và giở ra ăn hộp cá ngừ của Robinson Léon bỏ túi quần hâm nóng suốt từ sáng đến giờ. Và cũng đến bây giờ mới nghe thấy tiếng đại bác bắn ở rất xa, xa lắm. Giá mà chúng nó cứ bên nào nguyên bên ấy và để cho mình được yên!

Sau đó, chúng tôi lần theo một bến tàu; và đi dọc bên những chiếc sà lan đậu dưới sông, hàng hóa đã dỡ lên được đến phân nửa. Hai đứa đứng trên bờ đá vọt xuống sông thành những tia dài. Vẫn nắm dây cương dắt con ngựa theo sau như dắt con chó rõ to. Đến gần cầu, trong ngôi nhà ông mục sư, chỉ có một gian, lại một người chết nữa đặt nằm trên đệm, có nhón một mình, một người Pháp, anh ta chỉ huy đơn vị kỵ binh, mà sao trông giống giống cậu Robinson thế, ở cái đầu.

-Hay chưa này, trông lão mới tòi tệ làm sao! Cậu Robinson nhận xét với tôi. Tớ là tớ chẳng thích gì người chết đâu...

-Nhưng trông lão ta lại hơi giống cậu mới kỳ chứ! Cái mũi cũng dài dài và cậu cũng không trẻ hơn lão ta là bao... Tôi trả lời cậu ấy.

-Buồn ngủ nên cậu trông người nào cũng giống người nào, nhưng giá mà cậu gặp tớ trước đây... Khi tớ còn chủ nhật nào cũng đạp xe đi dạo! Tớ là thằng điển trai đấy. Hai cái bắp chân khá lắm cậu ơi! Thể thao, cậu biết không! Bắp đùi cũng nở nang nữa...

Hai đứa bước ra, que diêm để soi cái lão chết đã tắt.

-Cậu thấy không, muộn quá mất rồi đấy!

Giữa màn đêm, một đường vạch xám xám xanh xanh đã hiện rõ dần từ phía xa xa, trên đỉnh ngọn đồi con, nơi ranh giới thị xã: Ngày (viết hoa)! Thêm một ngày! Bớt một ngày! Phải cố mà vượt qua được cái ngày này như đã vượt qua được những ngày trước đó.

Mỗi ngày lại càng giống như chiếc vòng đai siết chặt dần, đã thế nó còn chứa đầy thêm những đường đạn và những tiếng súng liên thanh.

-Liệu đêm mai cậu có trở lại đây không? Cậu ta hỏi tôi lúc hai đứa chia tay.

-Làm gì có đêm mai, cậu ơi!... Cậu cứ tưởng như cậu là ông tướng ấy!

-Tớ chẳng tưởng cái quái gì cả, cốt làm sao cho nó xong đi... Cóc cần nghĩ cái gì hết, cậu nghe không!... Tớ chỉ cốt sao đừng có chết là được rồi... Tớ tự nhủ mình, hưởng thêm được ngày nào là lợi thêm ngày ấy!

-Cậu có lý... Thôi chào tạm biệt nhé, chúc may mắn!...

-Tớ cũng chúc cậu may mắn! Có thể ta còn gặp lại nhau!

Mỗi đứa lại trở về với cuộc chiến. Và rồi thì việc này trôi theo việc khác, chẳng dễ gì mà kể lại bây giờ, vì người bây giờ có còn hiểu đâu đến những chuyện ấy nữa.

Để có thể thấy và đánh giá cho đúng, phải mau mau tìm cách trở thành bạn cánh hẩu với đám dân thường, vì họ ở hậu phương, theo đà tiến triển của chiến tranh, họ cũng ngày càng thoái hóa. Tôi hiểu được điều đó lập tức khi tôi trở lại Paris và cũng thấy được đám đàn bà nứng trôn và mấy lão có tuổi mồm há hốc mà tay thì quờ quạng hết chỗ này tới chỗ khác, từ hạ bộ đến túi áo túi quần.

Thừa hưởng những gì người đi trận để lại ở hậu phương, họ sớm hiểu được thế nào là vinh quang và cách nào tốt nhất để gánh vác cái vinh quang rất ư là anh dũng mà chẳng phải đau đớn tí gì.

Các bà mẹ ^[16*], lúc là những người cứu thương, lúc là những người hy sinh vì nghĩa cả, không buông chiếc khăn thâm trùm đầu cũng như không rời tấm bằng khen nho nhỏ của ngài bộ trưởng kịp thời cấp cho họ qua các nhân viên tòa thị chính. Tóm lại, mọi việc đã được sắp đặt đầu vào đấy.

Trong các đám tang chu đáo, bộ mặt người ta cũng rất ư là rầu rĩ, nhưng trong bụng thì đang còn mải nghĩ đến những chuyện thừa kế, đến những cuộc đi nghỉ sắp tới, đến người quả phụ kháu khỉnh và đa tình như người ta khao nhau, và ai cũng còn ham sống, sống thật dai, có lẽ bất tử nữa ấy chứ!... Ai mà biết được?

Khi anh đi theo sau một đám tang như thế, anh được mọi người ngả mũ vái dài. Kể cũng thích. Đó là lúc anh phải giữ tư thế cho thật nghiêm chỉnh, tỏ ra người đứng đắn, không nói cười hô hố, có gì thích thú thì cũng để bụng. Cái đó thì được phép. Mọi cái để bụng đều được phép.

Trong thời buổi chiến tranh, người ta không nhảy đầm trên gác lửng mà xuống dưới tầng hầm. Các chiến binh chấp nhận được chuyện đó, và họ cũng thích thế hơn. Mỗi lần về phép thăm nhà là họ lại đòi hỏi như thế, cũng chẳng ai coi đó là chuyện ám muội cả. Chỉ có sự dửng cảm ở đây, xét cho cùng, mới là ám muội. Dửng cảm với thể xác của mình ư? Vậy thì thử hỏi xem con đòi con bỏ nó có dửng cảm không, thân xác nó hồng hồng, nhàn nhạt, lại nhùn

nhũn, cũng hoàn toàn như ta cả thôi.

Về phần tôi, tôi chẳng có gì để mà phải phàn nàn. Tôi lại còn đang được giải thoát bằng cái quân công bội tinh vừa giành được, bằng cái thương tật và bằng tất cả. Trong lúc nằm nhà thương, tôi được người ta đem mẽ đay đến gắn tận phòng cơ. Hôm ấy tôi được đưa ngay đi xem hát. Thế là vào lúc giải lao, tôi đã khoe cái mẽ đay của mình với đám khán giả là thường dân. Hiệu quả lớn lắm, vì lần đầu tiên ở Paris người ta được trông thấy những cái mẽ đay như thế. Việc hệ trọng lắm chứ.

Cũng trong dịp đó tôi gặp được tại phòng giải lao của hý viện Opéra cô Lola từ Mỹ qua, và cũng vì cô ấy mà tôi đâm ra lém lỉnh hẳn lên.

Trải qua những tháng ngày giành giật cái sống, những lúc như thế này thật đáng ghi nhớ! Cái hôm khoe chiếc mẽ đay ở hý viện Opéra, đối với tôi quả là quyết định.

Cũng do cô ta, cô Lola, tôi đâm ra tò mò muốn biết cái nước Hoa Kỳ nó ra làm sao, bởi vì cô ta chỉ trả lời qua quýt những câu hỏi của tôi. Khi đã lao vào những cuộc lãng du kiểu ấy thì trở về lúc nào và trở về ra sao là theo khả năng của mỗi người...

Câu chuyện tôi đang kể đây là vào cái thời mà ở Paris mọi người đều háo hức đi tìm một bộ đồng phục để khoác lên người. Chỉ có bọn lừng chừng và bọn gián điệp mới không quan tâm đến việc ấy, mà hai bọn này thì cùng một giuộc như nhau. Lola có một bộ đồng phục chính quy và đồ xịn hẳn hoi, khá đẹp, lại thêm nổi nang với những chữ thập đỏ tí xíu gắn trên ve áo, trên hai cổ tay và trên chiếc mũ nôi nhỏ nhắn làm đóm trên mái tóc uốn lượn. Cô ta thổ lộ với ông chủ khách sạn rằng cô sang đây để giúp nước Pháp, tuy sức vóc ít ỏi nhưng sẵn sàng hiến cả trái tim mình! Chúng tôi hiểu nhau ngay, dẫu chưa phải đã hoàn toàn, vì tôi đã quá ngán những kiểu hăm hở con tim rồi. Đơn giản là tôi thích cái hăm hở thể xác cơ. Trong chiến tranh, tôi đã học được rằng phải tỉnh táo thế nào với những con tim, và bài học ấy tôi chưa quên được đâu.

Trái tim Lola dịu dàng, yếu ớt và nồng nhiệt. Người cô xinh xẻo, rất đáng

yêu và thật sự buộc tôi phải ra sức chiếm lấy cô toàn bộ như cô hiện có. Tóm lại thì Lola là một cô gái dễ mến, khốn nỗi trong quan hệ của chúng tôi lại bị đan xen vào cái cuộc chiến tranh chết tiệt ấy. Cái cơn cuồng bạo đáng ghét ấy thúc ép nửa này của nhân loại, dù có thương yêu hay không, dồn đẩy nửa kia vào lò mổ. Hậu quả không tránh được là cứ có cái gì vướng mắc trong quan hệ giữa chúng tôi. Tôi thì có muốn kéo dài những ngày nằm viện bao lâu cũng được, chứ đại gì mà quay lại cái bãi tha ma rât bóng những chiến trận, mỗi bước chân trên đường phố tôi càng thấy rõ cái lỗ bịch của cuộc tàn sát được che đậy hào nhoáng ấy. Một trò quỷ quái lớn đang được trải rộng ra khắp nơi.

Tuy thế tôi có ít cơ may để thoát ra khỏi cái trò quỷ quái ấy, tôi chẳng có được mối manh nào để mà làm việc này. - Tôi chỉ quen rất người nghèo kiết, tức là những người có chết cũng chẳng ai bận tâm. Còn cô Lola, cũng không trông cậy gì được ở cô để mà tránh xa được hỏa tuyến. Là một nữ y tá như cô ta thì, có lẽ ngoại trừ Ortolan, chứ chẳng ai có thể mơ thấy một người hăng say chiến đấu như cô gái xinh đẹp ấy. Giá mà trước lúc tôi đem xài phí khổng lồ các thứ anh hùng chủ nghĩa, thì cái dáng vẻ Jeanne D'Arc ^[17*] bé bỏng của cô có thể đã kích thích, thuyết phục tôi; nhưng lúc này đây, kể từ khi tôi nhập ngũ ở quảng trường Clichy, tôi đã ghê sợ mọi thứ anh hùng chủ nghĩa, dù là nói mép hay thật sự. Tôi đã khỏi được cái bệnh ấy rồi, khỏi hẳn rồi.

Để thuận tiện sinh hoạt cho các bà các cô trong đội viễn chinh Mỹ, nhóm y tá nữ, trong đó có Lola, được xếp chỗ ăn ở tại khách sạn Paritz, và để cho mọi người được thoải mái hơn, nhất là đối với Lola, người ta phân công cho nhóm một công việc đặc biệt ngay trong khách sạn. Đó là việc làm bánh rán táo để cung cấp cho các nhà thương ở Paris. Mỗi buổi sáng, nhóm phân phát hàng vạn chiếc bánh rán. Lola đảm nhiệm việc nhẹ nhàng này với tinh thần khá hăng say, nhưng rồi chỉ ít lâu sau cô thấy việc đó gây tai họa cho mình.

Số là, trong đời mình, Lola đã bao giờ làm bánh rán đâu. Bởi thế cô bèn thuê mượn một số chị em cấp dưỡng, và sau một vài lần làm thử, những chiếc bánh ra lò vàng ngậy, ngọt lịm, ngon tuyệt. Nhưng với trách nhiệm của mình,

Lola vẫn phải nếm mỗi mẻ bánh trước khi đem đi phân phối cho các bệnh viện. Sáng nào Lola cũng dậy vào khoảng mười giờ, tắm tấp xong là cô xuống bếp, ở sâu dưới tầng hầm nhà. Trong khi làm công việc đó, Lola chỉ khoác trên người chiếc kimono Nhật Bản màu đen và vàng do một người bạn ở San Francisco tặng cô trước hôm lên đường. Mọi việc trôi chảy, và trên chiến trường phía ta cũng đang thắng. Nhưng rồi bữa đó, vào giờ ăn sáng, tôi thấy Lola có vẻ bần khoản bối rối, không chịu ăn chút gì. Hiểu rằng có điều gì đó không hay đã xảy ra, nỗi buồn của cô lây cả sang tôi. Tôi khẩn nài cô hãy tin vào sự trù mẫn kín đáo của tôi.

Thì ra, trong suốt một tháng qua, ngày nào cũng phải nếm bánh ra lò, khiến cho Lola đã mập thêm hai bảng ^[18*]! Cái dây lưng phải nới thêm một nấc đã chứng minh cho tai họa này. Thế là nước mắt tuôn trào. Tôi làm hết sức mình, thử tìm cách an ủi cô, lao xe taxi đưa cô đến nhiều hiệu bào chế ở nơi này nơi khác. Nhưng không may làm sao, tất cả mọi cái cân ở các hiệu thuốc đều chỉ ra một cách không còn chối cãi được nữa, rằng quả là cô đã mập thêm đúng hai bảng. Tôi gợi ý với Lola từ bỏ cái công việc ấy, nhường chỗ cho một cô bạn, ngược lại, đang tìm kiếm “món hời” đó. Nhưng Lola không chịu, cô coi đó là một sự hổ thẹn, một trò đùa ngu thật sự. Nhân chuyện này, cô cho tôi biết ông cụ thúc bá với cố nội cô là một trong những thủy thủ quang vinh đời đời của chiến hạm *Mayflower* đã từng đổ bộ lên Boston năm 1677, và tôn trọng cái ký ức vẻ vang đó, cô không thể nào nghĩ đến chuyện trốn tránh nghĩa vụ với những chiếc bánh rán ấy, tất nhiên rất khiêm tốn nhưng cũng rất thiêng liêng.

Dẫu rằng từ hôm ấy cô chỉ còn nếm bánh bằng có nửa miệng: hai hàm răng thẳng tắp xinh đẹp chỉ khẽ nhấm chiếc bánh. Nỗi lo sợ béo mập khiến cô không còn thiết gì đến mọi thú vui. Cô héo hắt đi. Trong có một thời gian ngắn mà cô phát sợ những chiếc bánh rán như tôi sợ những viên trái phá. Vào lúc này, cũng chỉ vì những chiếc bánh rán ấy, để tiêu bớt mỡ, chúng tôi thường đi bộ dạo quanh, dọc theo các bến sông, trên những đại lộ, nhưng không còn dám vào nhà hàng Napolitain, bởi lẽ kem sữa cũng làm béo mập

các bà!

Chưa bao giờ tôi dám mơ đến chuyện được ở trong một căn phòng có tiện nghi như của Lola, quét toàn màu lơ nhạt, một buồng tắm ngay cạnh. Ảnh bạn bè treo khắp, với những lời đề tặng, ít ảnh phụ nữ, nhiều ảnh đàn ông, những chàng trai bánh bao, tóc hung, uốn xoắn, cùng loại với cô, cô kể tôi nghe màu mắt của họ, rồi những lời đề tặng của họ dịu dàng làm sao, trịnh trọng thế nào, và tất cả, đều thật lòng. Lúc đầu, vì lịch sự, tôi hơi lúng túng giữa đồng ảnh đó, nhưng rồi cũng quen dần.

Liên sau nụ hôn của tôi, cô lại tiếp tục những chuyện chiến tranh, chuyện những cái bánh rán, tôi cứ để cô nói mà không cắt ngang. Cả đến nước Pháp cũng có chỗ trong những câu chuyện của chúng tôi. Đối với Lola, nước Pháp là một thực thể hào hiệp, với những đường biên ít bị hạn chế bởi không gian và thời gian, nhưng vào thời điểm ấy nó đang mang thương tích hiểm nghèo, song chính vì thế lại càng rất ư hấp dẫn. Còn tôi, mỗi khi người ta nói với tôi về nước Pháp, thì tôi không thể không nghĩ đến tâm can mình, và thế là buộc tôi phải hết sức dè dặt về những gì liên quan đến lòng hăng hái. Người nào có cái khiếp sợ của người ấy. Tuy nhiên, Lola thật vừa ý về mặt tình dục, nên tôi cứ để cô nói mà chẳng nói lại. Về mặt tâm hồn thì tôi chẳng ưng cô chút nào. Rất ư là rung động, rất ư là hớn hờ, có lẽ cô muốn tác động vào tôi. Còn tôi, tôi vẫn hoàn toàn không hiểu nổi vì sao mình lại rơi vào trạng thái này, một trạng thái thanh cao, nhưng bản thân mình thì thấy, với trăm nghìn lý lẽ, toàn là không bác bỏ được, rằng mình thật ra vẫn trong tâm trạng rõ ràng ngược lại.

Chung quy, Lola cũng chỉ nói vớ nói vẩn những chuyện hạnh phúc và lạc quan, như những kẻ đang sống trong cái mặt tốt của cuộc đời, những kẻ được ưu ái, khỏe khoắn, an toàn và hẳn còn sống dai.

Cô cứ loay hoay với những chuyện tâm linh mà cô đã có đầy trong miệng. Tâm linh chẳng qua chỉ là thứ hão huyền và là trò vui của thể xác chừng nào thể xác còn khỏe mạnh; nhưng nó cũng là sự thèm khát thoát ra khỏi thể xác ngay khi thể xác đã ốm yếu hay mọi cái đã trở nên tồi tệ. Hai cái, thể xác và

tâm linh, tùy anh chọn lấy cái nào dễ chịu nhất đối với anh vào thời điểm ấy, và cũng chỉ thế thôi! Chừng nào còn được lựa chọn thì cũng là tốt nhất. Khốn nỗi tôi chẳng còn có gì mà chọn, đối với tôi mọi cái đều đã an bài cả rồi. Tôi đã rơi vào tận cốt lõi của sự thật, ngay cả cái chết của chính mình cũng đang rình rập mình từng bước. Khốn khổ cái thân tôi, muốn nghĩ cái gì khác hơn là số phận một kẻ bị treo án tử hình, trong lúc mọi người cứ tưởng mình là một kẻ hoàn toàn bình thường như họ.

Cái thứ ngắc ngoải mãi không chết, đầu óc vẫn tỉnh bơ, vẫn khỏe mạnh, trong lúc đó thì mình không còn được biết gì hơn là những sự thật tuyệt đối, cứ phải kéo dài cơn hấp hối ấy để mà hiểu cho đến tận cùng những điều người ta nói.

Kết luận của tôi là quân Đức có thể đến đây, giết sạch, cướp sạch, phá sạch, cả cái khách sạn, cả những cái bánh rán, cả Lola, cả cung điện Tuileries, cả các bộ trưởng và những người tình của họ, cả Viện Hàn lâm, Bảo tàng Le Louvre, Nhà hàng Bách hóa, tiêu tan thành phố, giội xuống sấm sét của Chúa, lửa thiêu của quỷ, trong cái sự nhốn nháo mục ruỗng mà người ta chẳng cần gì phải đổ thêm những đồ nhớp nhúa vào đó nữa, còn tôi thì tôi thật sự là chẳng mất gì cũng chẳng được gì trong đó.

Nhà ông chủ có cháy thì cũng chẳng mất mát gì to lớn. Sẽ có luôn một ông chủ khác, nếu không phải vẫn ông ta, người Đức hay người Pháp, người Anh hay người Tàu, gặp dịp là chìa luôn biên lai tiền thuê nhà ra... Trả bằng đồng mác hay đồng phrăng? Cứ biết lúc này phải trả đi đã...

Tóm lại, về mặt tinh thần thì tôi tệt hết sức. Tôi mà nói ra cho Lola biết tôi nghĩ gì về cuộc chiến tranh này hẳn cô ta sẽ coi tôi hoàn toàn đơn giản là một con quỷ và xua đuổi tôi ra khỏi những dịp dàng thâm kín nhất của cô. Vậy là tôi ém nhẹm, không thổ lộ với cô những lời tự thú của mình. Ngoài ra, tôi cũng cảm thấy quanh mình đang có một vài khó khăn và cả sự kinh địch nữa. Máy gã sĩ quan đang có ý giành giật Lola với tôi. Mà sự giành giật này quả là đáng gờm đấy, vì họ được trang bị bằng những cái mề đay Bắc đẩu rất quyền rũ. Báo chí Mỹ đã chẳng nói nhiều về cái mề đay Bắc đẩu nổi tiếng này sao.

Đôi ba lần tôi đã có cảm giác là mình bị cảm sùng và quan hệ giữa chúng tôi bị đe dọa, nếu như cô gái lông bông ấy không bất ngờ phát hiện ở tôi một lợi ích cấp cao: đó là việc mỗi sáng ném bánh thay cô.

Thế là đúng vào phút chót, cái sự chuyên môn hóa ấy đã cứu vớt tôi! Lola bằng lòng để tôi thay cô, và tôi bỗng nhiên thấy mình cũng là một chiến sĩ dũng cảm, xứng đáng với chức vụ tin cần ấy. Từ đó chúng tôi không chỉ là người tình của nhau mà còn là người cộng tác với nhau. Và một thời đại mới được bắt đầu như thế đó.

Thân hình cô đối với tôi là một niềm vui vô tận. Tôi ve vuốt khắp người cô gái Mỹ ấy chẳng bao giờ biết chán. Tôi thấy mình đúng là một con lợn đáng ghét, nhưng cũng đành vậy thôi.

Tôi tự tạo cho mình một niềm tin khá thú vị và càng lúc càng mạnh, là cái xứ sở đã thừa sức sản sinh ra những thân hình vừa táo bạo trong cái duyên dáng của mình, vừa hấp dẫn bởi sự bay bổng của trí tuệ, hẳn còn có thể cung cấp cho ta nhiều tiết lộ to lớn khác theo nghĩa sinh vật học.

Vừa mới miết mân mê Lola, tôi vừa nghĩ đến việc sớm muộn gì thì ngày khi nào có thể được là mình phải làm một chuyến đi Mỹ, như một cuộc hành hương thực sự. Chừng nào chưa thực hiện được đến nơi đến chốn cuộc phiêu lưu kỳ thú ấy, cuộc phiêu lưu theo quan điểm giải phẫu thần bí, thì tôi còn chưa nguôi và chưa thể nào ngơi nghỉ, mặc dầu đang phải trải qua một cuộc sống ngang trái rõ ràng đầy những phiền toái.

Tôi nhận được thông điệp của cái thế giới mới này gần kề ngay sau đấy Lola. Ta phải thừa nhận với nhau rằng, Lola chẳng phải chỉ có thân hình như thế, mà cô còn được phú bẩm một cái đầu nhỏ nhắn xinh xinh và hơi dữ dằn vì cặp mắt xanh ngả xám âm u hơi xéch như cặp mắt mèo rừng.

Chỉ ngấm nhìn khuôn mặt cô là tôi đã thêm rõ dãi như thấy vị rượu chất không pha. Đôi con mắt bướng bỉnh, không hề sắc sảo vì sự lạnh lợi dễ thương kiểu con buôn hay kiểu tình tứ phương đông như hầu hết những con mắt ở chốn này.

Chúng tôi thường gặp nhau ở một quán cà phê ngay cạnh đó. Thương binh

về đây ngày càng nhiều, tập tễnh lò cò trên đường phố, thường là ăn mặc lôi thôi lếch thếch. Người ta tổ chức những cuộc lạc quyên dành cho họ, những “Ngày” cho đám này, cho đám kia, và trước hết cho những kẻ đứng ra tổ chức những “Ngày” ấy. Nói dối, làm tình và chết ^[19*]. Ngoài ba cái ấy ra, đã có lệnh cấm không được làm cái gì khác. Người ta nói dối đến phát rồ, vượt xa mọi trí tưởng tượng, mọi sự lố bịch và phi lý, trên báo chí, trên các bích chương, đi bộ, đi ngựa, đi xe. Tất tần tật đều tham gia vào đấy. Đua nhau, kẻ này nói dối dữ hơn kẻ kia. Dần dà chẳng còn gì là sự thật ở thành phố này.

Một tí gì ta thấy hồi năm 1914, thì bây giờ ta phải xấu hổ vì nó. Sờ vào cái gì cũng là của giả hết. Từ miếng đường, những chiếc máy bay, đôi dép, thìa mút, bức ảnh; tất cả những gì ta đọc, nuốt, mút, ngưỡng mộ, hoan hô, bác bỏ, bảo vệ, tất cả những thứ đó chỉ là những bóng ma hận thù, giả tạo và lừa lọc. Ngay cả những kẻ phản bội cũng là giả mạo. Cơn điên loạn nói dối và tưởng là thật bám vào người như con cái ghẻ. Cô bé Lola chỉ bập bẹ mấy câu tiếng Pháp nhưng đều là giọng ái quốc ái quần: “Ta sẽ thắng chúng nó!...” “Madelon, lại đây ^[20*].... Đến phát khóc được.

Vả lại như mọi chị em phụ nữ, ngay sau khi cái trò dừng cảm thay cho người khác trở thành thời thượng, cô quan tâm tới cái chết của chúng ta với tinh thần say mê đến khiếm nhã thế đấy.

Còn tôi, là kẻ đã bộc lộ rõ ràng hết cả lòng ưa thích đối với những cái đưa mình tránh xa được cuộc chiến tranh này! Tôi đã nhiều lần yêu cầu Lola cho biết những tình tiết về nước Mỹ của cô nhưng chỉ được trả lời bằng những lời bình rất mơ hồ, kênh kiệu và rõ ràng là không chắc chắn, cốt để gây một ấn tượng hào nhoáng trong tâm trí tôi.

Nhưng tôi thì lúc này phải dè chừng những cái gọi là ấn tượng. Người ta đã một lần lừa phỉnh tôi bằng ấn tượng rồi, tôi không để cho ai phỉnh phờ nữa đâu. Không một ai.

Tôi tin vào phần xác chứ không tin vào phần hồn của cô. Tôi coi cô như một nữ quân nhân xinh đẹp được lùi xa hỏa tuyến, về với mặt trái cuộc chiến, mặt trái cuộc đời.

Cô xuyên qua nỗi khắc khoải của tôi với khẩu khí của tờ *Le Petit Journal* (Nhật báo nhỏ): *Pompon, Fanfare, ma Lorraine et gants blancs!*^[21*]... Trong khi chờ đợi, tôi thường xuyên tỏ ra lịch sự, đảm bảo giúp cô bớt mập. Nhưng cô lại trông mong đạt được mục đích ấy bằng những cuộc tản bộ dài dài. Tôi rất ghét đi bộ như vậy mà cô thì một mực kéo nài... Thế là chiều chiều, như các nhà thể thao, chúng tôi lui tới khu rừng Boulogne, đi bộ một vòng cả hồ thượng và hồ hạ.

Thiên nhiên kể cũng ghê thật. Ngay cả khi bàn tay con người đã thuần hóa mạnh như ở khu rừng này, thì nó vẫn cứ gây một thứ rờn rợn đối với những kẻ quen sống ở thị thành. Nhưng rồi họ cũng lại dễ dàng lấy nơi này để trao đổi tâm tình thầm kín. Chẳng đâu bằng Rừng Boulogne, khí hậu ẩm ướt, lười thếp vây quanh, cây cỏ mỡ màng nhả nhụi, để mà chứa chan trong lòng các thị dân ấy những kỷ niệm không sao nén lại được khi du ngoạn giữa các hàng cây. Lola cũng không thoát ra khỏi nỗi lo âu sầu muộn và thầm kín ấy. Trong lúc hai đứa đi dạo như thế, cô kể cho tôi nghe một cách khá chân thật đủ mọi thứ chuyện về đời sống của cô ở New York, về những cô bạn tâm tình của cô ở bên đó. Tôi làm sao phân tỏ được thực hư trong cái mớ bong bong những là đô la, những cuộc đính hôn, những cuộc ly hôn, mua sắm áo sống và nữ trang, một cuộc sống như thế đối với tôi quá ư đầy đủ!

Hôm ấy chúng tôi đi xuống phía trường đua ngựa, vẫn còn thấy quanh đó vô khối những cỗ xe ngựa và bầy trẻ nhỏ, đứa thì leo lên mình con la, đứa khác nghịch bụi lằm, những chiếc ô tô chất đầy những cậu lính về phép hồi hủ mò các cô gái “đang còn để không” trên những lối đi, giữa hai con đường xe lửa cho trẻ con. Bụi lại càng tung mù lên dưới chân những kẻ vội vội vàng vàng tìm nơi đánh chén và làm tình. Họ rối rít và nhầy nhớp, cuống cả kê lên vì đã đến lúc không còn nhịn được cơn thèm khát nhục dục. Mồ hôi mồ kê nhễ nhại vì ham muốn và cũng vì nóng nực.

Khu rừng bây giờ đã bớt nghiêm đi nhiều, việc trông coi có vẻ chênh mảng, hành chính bỏ lửng...

Lola nhận xét:

- Trước chiến tranh, chỗ này hẳn là đẹp lắm, phải không anh?... Trang nhà ấy chứ nhỉ?... Anh kể lại cho tôi biết đi, Ferdinand!... Có phải đây là chỗ đua ngựa không?... Có giống như ở New York bên nước tôi không?

Quả thật, hồi trước, chiến tranh, tôi có được đến đây bao giờ mà xem đua ngựa! Nhưng để cô khuây khỏa, tôi cũng cứ bịa liêu ra hàng trăm chi tiết mầu mè về cái đề tài này, nhờ những chuyện nghe lỏm được đây đó. Áo sống phụ nữ thế nào... Các cô nàng thanh lịch ra sao... Những cộ xe hòm choáng lộn... Những cuộc xuất phát... Những hồi còi lạnh lót và cổ tình... Cú nhảy của con ngựa qua rãnh nước... Ngài tổng thống... Cơn sốt khi lên khi xuống trong những canh bạc, vân vân...

Sự mô tả theo tưởng tượng của tôi đã làm cô rất vui lòng và vì thế chúng tôi lại càng gần gũi nhau hơn. Từ đấy, Lola xem chừng như thấy hai đứa ít nhiều đã hợp tính hợp nết nhau, cùng có một sở thích trang trọng của giới thượng lưu mà cô cho là tôi đã kín đáo che giấu. Với nỗi xúc động bột phát, cô ôm chầm lấy tôi hôn hít, phải nói rằng đó là một việc hiếm khi xảy ra. Và thế rồi cô bỗng cảm thấy buồn nhớ những cái mất thời thượng nay đã trôi qua. Mỗi người khóc than thời gian một cách. Đối với Lola, qua những lỗi thời của thời thượng mà cô thấy được năm tháng vùn vụt trôi.

-Ferdinand này, anh có tin là rồi đây sẽ lại có đua ngựa ở trường đua này không?

-Có lẽ đến khi nào chiến tranh kết thúc, Lola ạ...

-Cái đó không chắc chắn phải không?...

-Không, không chắc chắn...

Cái khả năng không bao giờ còn những cuộc đua ở Longchamp làm cho Lola hằng hụt. Nỗi buồn trần thế thấm được vào ai còn tùy, nhưng hình như chẳng mấy ai thoát khỏi nó.

-Ferdinand này, giả dụ như chiến tranh còn kéo dài, nhiều năm nữa chẳng hạn... Như thế thì sẽ quá muộn đối với tôi... Để trở lại nơi này... Anh có hiểu tôi không, Ferdinand?... Tôi yêu biết mấy những cảnh đẹp như ở đây... Rất là thượng lưu... Rất là thanh lịch... Sẽ quá muộn mất... Mái mái là quá muộn...

Có lẽ... Khi ấy tôi đã già rồi, Ferdinand ơi. Khi người ta lại được ngồi lại với nhau... Thì tôi đã già mất rồi... Anh sẽ thấy, Ferdinand, anh sẽ thấy là quá muộn... Tôi cảm thấy là quá muộn...

Và thế là cô lại rơi vào sào nhao, cũng như chuyện hai cái bảng mờ thừa ấy [22*]. Để cô yên lòng, tôi nêu ra đủ mọi hy vọng có thể nghĩ được trong đầu... Rằng cô mới ở tuổi hăm ba... Rằng chiến tranh đang mau chóng kết thúc... Rằng những người xinh đẹp sẽ trở lại... Như trước và hơn trước... ít nhất cũng dành cho cô... Một người xinh đẹp như cô! Quãng thời gian đã mất, cô sẽ giành lại được, chẳng mất mát gì!... Những lời khen ngợi, những lời tán phục sẽ không quên ngay được cô đâu... Lola làm ra vẻ không lo buồn nữa để chiều lòng tôi.

-Ta lại đi nữa chứ? cô hỏi.

-Để gầy bớt?

-Ờ, đúng thế, tôi quên khuấy đi mất...

Chúng tôi rời Longchamp, đám trẻ nhỏ đã bỏ đi. Chỉ còn bụi bặm. Những cậu lính về phép thì vẫn mãi mê theo đuổi Hạnh phúc, bây giờ ở bên ngoài các rừng cây, và Hạnh phúc có lẽ đang bị dồn hãm về phía các hè phố mạn cửa ô Maillot.

Chúng tôi đi bộ theo bờ sông xuôi về phía Saint-Cloud, mặt sông phủ một quang sáng nhấp nháy trong sương thu. Gần phía chân cầu, mấy chiếc sà lan chở than đầy ngập mạn, đắm sâu xuống mớ nước, ghéch mũi lên cầu tàu...

Cây cối trong công viên xòe tán xanh rờn vươn rộng ra cả ngoài hàng rào. Thông thường, ngắm nhìn những cây cối đó ta thấy được cả cái dịu dàng của một tầm cao rộng lẫn cái sức mạnh của những ước mơ lớn lao. Nhưng với tôi, sau những lần bị chúng nó phục kích, chỉ mới thoáng thấy cây là tôi đã phải dè chừng. Vì mỗi gốc cây là một người đã ngã xuống. Giữa hai rặng hoa hồng, một con đường lớn dẫn tới những vòi nước. Cạnh đó, bên quán nước soda của một bà cụ già, hình như tất cả bóng chiều đang từ từ động xuống quanh váy bà cụ. Xa một chút, bên những con đường, thấp thoáng những khối vuông và chữ nhật lợp vải bạt sẫm màu, đó là những lều quán đang vui

ngày hội thì chiến tranh đổ ập xuống, nhận chìm tất cả vào tĩnh lặng.

- Vừa đấy mà họ ra đi đã được một năm! Bà cụ nhắc nhở chúng tôi. Bây giờ, ngày nào đông cũng chỉ vài mống qua đây thôi... Tôi có đến ngồi hàng thế này cũng chỉ vì quen đi rồi... Ngày trước có biết bao nhiêu là người lui tới đây!...

Bà cụ không biết gì hơn về những gì đã xảy ra, ngoài câu chuyện ấy! Lola muốn tôi đưa cô đến gần những dãy lều quán trống trơn, một ý muốn kỳ cục, buồn tênh.

Chúng tôi đếm được khoảng hai chục cái. Những cái dài vẫn còn nguyên những tấm gương treo. Những lều quán nhỏ, nhiều hơn, đó là những quầy bánh kẹo, xổ số, lại có cả một rạp hát nhỏ. Tất cả đều trông huếch trống hoác. Giữa các hàng cây, chỗ nào cũng có lều quán, có cái chẳng còn chiếc rèm che nào, tự phanh phui như thế một bí mật đã quá thời.

Những túp lều đang đổ rạp xuống với đồng lá rụng và bùn đen. Chúng tôi dừng lại trước một túp lều, xiêu vẹo hơn cả, ở cuối dãy; mấy cái cột chống bị gió thổi lắc la lắc lư như chiếc thuyền buồm gặp cơn gió lộng giữa biển khơi, sắp đứt nốt sợi dây neo buồm cuối cùng. Túp lều lão đảo, tấm bạt ở giữa bị gió tốc lên khỏi mái. Trên cái biển treo trước cửa vẫn còn đọc được hàng chữ sơn xanh đỏ: *Gian hàng các dân tộc*. Đấy trước là gian bán súng lấy thưởng. Cũng chẳng còn ai mà trông coi, có lẽ lão chủ đã rút đi với mọi người, với các khách hàng của lão. Những cái bia nho nhỏ kia đã từng phải hứng chịu bao nhiêu là đạn! Cái nào cũng lỗ chỗ đầy những chấm trắng nhỏ. Để làm trò vui, người ta còn bày ra một đám cưới với những hình người nhỏ xíu bằng kẽm: trên hàng đầu, cô dâu kẽm cũng ôm hoa, theo sau là một cậu em họ, rồi tới chú rể, một chàng quân nhân, cái mồm to đỏ chót, tiếp đến hàng thứ hai là những khách mời cũng bằng kẽm, có lẽ đã có không ít những người kẽm ấy bị bắn ngã trong những ngày còn thịnh cái trò chơi này.

-Tôi tin chắc là anh bắn giỏi lắm, phải không Ferdinand? Giá mà vẫn còn hội hè như trước thì tôi nhất định thi đấu với anh!... Có phải anh bắn giỏi không, Ferdinand?

-Không đâu, tôi bắn chẳng giỏi lắm đâu...

Phía sau cái đám cưới kềm ấy, có một hàng những hình vẽ lờ lợt, trong đó có cả tòa thị chính và lá cờ ba sắc. Người ta cũng đã từng thi nhau bắn vào cái tòa thị chính ấy trong những ngày hội: nghe thấy chuông nhỏ keng một tiếng là anh phải bắn thật nhanh thật trúng qua khung cửa sổ vừa hé mở ra là đóng lại liền. Cả lá cờ bằng kềm cũng thế, người ta cũng bắn tuốt. Thế rồi bắn cả vào cái trung đoàn lính kềm hành quân trên cái dốc ở bên cạnh đó, giống như trung đoàn thật của tôi ở quảng trường Clichy dạo nào. Ở đây thì cái trung đoàn lính kềm đi giữa những chiếc ống điều và những quả bóng nhỏ, người ta bắn tất, tất tần tật những gì có thể bắn được, và bây giờ họ có lẽ bắn cả vào tôi, hôm qua đã vậy, ngày mai cũng thế.

Bất giác, không nén lại được, tôi kêu toáng lên:

-Họ bắn cả vào tôi nữa, Lola ơi!

-Lại đây nào, anh nói lắm nhảm rồi, Ferdinand. Thôi ta đi, kéo chúng mình cảm lạnh mất.

Chúng tôi xuôi xuống Saint-Cloud bằng con đường lớn, đường Nhà Vua, để tránh bùn. Cô nắm tay tôi, bàn tay cô nhỏ nhắn. Nhưng tôi chẳng còn nghĩ gì khác ngoài cái đám cưới kềm trong gian hàng trên kia mà người ta bỏ mặc trong bóng tối của các hàng cây bên đường. Tôi quên cả ôm hôn Lola, tôi không thể làm khác được. Tôi cảm thấy mình thật kỳ cục. Chính từ lúc ấy tôi thấy khó mà yên tâm với tất cả những gì chứa chất trong đầu.

Đến được gần cầu Saint-Cloud thì trời đã sẩm tối.

-Ferdinand này, anh có đồng ý đi ăn tối ở nhà hàng Duval không? Anh thích nhà hàng Duval lắm mà... Như thế có lẽ anh sẽ thay đổi được những ý nghĩ trong đầu. Đến đây ta luôn luôn gặp được nhiều người. Hay là, ít nhất thì anh cũng thích ăn trong phòng tôi chứ? - Tối hôm ấy, tóm lại là Lola rất ân cần với tôi.

Cuối cùng, chúng tôi đi đến quyết định tới nhà hàng Duval. Nhưng hai đứa vừa ngồi vào bàn thì tôi bỗng thấy nơi này thật là kỳ quái. Tất cả đám người ngồi xung quanh đó đều cho mình cái cảm giác là họ cũng đón chờ

những loạt đạn từ tứ phía xả vào họ trong lúc đang ăn nhậu. Thế là tôi hét toáng lên để cảnh báo cho họ biết:

-Chạy hết cả đi! Cút hết đi! Chúng nó bắn đấy! Giết các người đấy! Giết tất cả chúng ta đấy!

Họ tức tốc đưa tôi về khách sạn của Lola. Đến chỗ nào thì tôi cũng thấy thế cả. Tất cả những người đi lại trong cái khách sạn Paritz này hình như đều đang nhắm bắn vào nhau và các nhân viên đứng sau cái quầy trả tiền to tướng kia cũng thế, cũng ở tư thế sẵn sàng làm việc ấy, và cả thằng cha đứng ở dưới kia nữa, dưới tầng trệt của Paritz, với bộ đồng phục xanh lơ như da trời, vàng óng như ánh nắng, gọi là anh thường trực, và cả những quân nhân, những sĩ quan đang tản bộ, các ông tướng cũng đồng phục nhưng rõ ràng là không đẹp bằng anh chàng kia, mọi nơi, mọi chỗ đều biến thành một trường bắn rộng mênh mông, chẳng còn ai thoát ra được. Không còn là trò đùa nữa.

Tôi gân cổ lên mà gào hét với họ ngay giữa phòng khách lớn: “Chúng nó bắn đấy! Chúng nó bắn đấy! Chạy hết cả đi!...” Tôi lao cả ra cửa sổ mà gào. Không còn kiềm chế được mình nữa. Một xì căng đan thật sự. Họ ái ngại cho tôi: “Một chú lính khốn khổ”. Rất từ tốn, nhẹ nhàng và thân mật nữa, anh thường trực dìu tôi sang bên “ba”. Anh cho tôi uống và tôi uống thật đã, rồi bọn sen đầm tới, bọn này thì thô bạo hơn. Trong những người kềm ở *Gian hàng các dân tộc*, tôi cũng đã thấy bọn này. Lola ôm hôn tôi và giúp bọn chúng giải tôi đi, hai tay bị còng.

Thế là tôi bị ốm, sốt, phát điên, ở nhà thương họ giải thích rằng tôi quá sợ mới sinh ra thế. Có thể là thế. Khi người ta đã rơi vào cái thế giới này, thì việc tốt nhất cần làm, nên chẳng là thoát ra khỏi nó? Điên hay không điên, sợ hay không sợ.

Thế là sinh ra ối chuyện. Những kẻ này bảo: “Thằng nhãi ranh ấy là một thằng vô chính phủ, đem mà bắn đi thôi, đã đến lúc rồi đấy, làm ngay đi, không có gì mà phải do dự, đang thời buổi chiến tranh không nên lãn chân!...” Nhưng cũng còn những kẻ khác, kiên nhẫn hơn, muốn nghĩ rằng tôi chỉ là một đứa bị tim la và điên một cách chân thật, và vì thế hãy đem nốt tôi lại chờ đến ngày hòa bình, hoặc chí ít thì cũng để đó vài tháng nữa xem sao, bởi vì họ, những kẻ không điên thì bao giờ cũng tự cho mình là có lý, như họ nói, họ muốn chữa chạy cho tôi trong khi đó thì để kệ mình họ tiến hành chiến tranh. Cái đó chứng tỏ rằng, muốn cho họ tin mình là đứa biết điều thì phải tỏ ra cực kỳ gan góc. Thế là đủ, khi anh đã là kẻ bạo gan bạo phổi thì mọi cái anh đều được phép, tuyệt đối tất, và anh chiếm được đa số, cái đa số quyết định xem ai điên ai không.

Tuy vậy việc chẩn đoán căn bệnh của tôi vẫn còn nhiều nghi vấn. Thế là các nhà chức trách quyết định để tôi tiếp theo dõi thêm một thời gian nữa xem sao. Cô bạn nhỏ Lola của tôi được phép vào thăm tôi đôi ba lần, và mẹ tôi cũng thế. Chỉ có thế thôi. Bọn thương binh rối loạn thần kinh chúng tôi được đưa đến an dưỡng ở ngôi trường trung học cũ ở thị xã Issy-les-Moulineaux ^[23*], được tổ chức kỷ càng để thu nhận và tùy từng trường hợp mà thúc ép một cách êm ái hay thô bạo để lấy những lời tự thú ở những người lính cùng loại với tôi, rằng chúng tôi mới chỉ làm hoen ố cái lý tưởng ái quốc hay đã điên hẳn rồi. Họ đối xử với chúng tôi cũng không đến nỗi nào, nhưng tuy thế cũng cứ luôn luôn cảm thấy bị rình mò bởi một đội y tá thâm lặng và được trời phú cho những cái lỗ tai rất thính.

Sau một thời gian bị đặt dưới sự kiểm soát như vậy, bọn chúng tôi được kín đáo đưa ra khỏi đây, đưa thì sang nhà thương điên, đưa ra mặt trận, thường cũng không ít đưa lên đoạn đầu đài.

Mỗi lần chuyện trò nhỏ to với nhau ở nhà ăn, tôi cứ tự hỏi, trong số những thằng bạn đồng bệnh bị dồn vào những căn nhà đáng ngờ này, không biết đứa

nào đang trở thành một con ma đây.

Cạnh hàng rào, chỗ cổng ra vào, có một căn nhà nhỏ, nơi ở của chị gác cổng, người bán cho chúng tôi đường đại mạch và cam quýt, và cũng có khi đơm cúc áo cho ai cần. Chị ta còn sẵn sàng bán cả “lạc thú” cho chúng tôi nữa. Với đám hạ sĩ quan thì mỗi “lạc thú” là mười quan. Ai muốn cũng được. Chỉ có điều là liệu mà giữ mồm giữ miệng, chớ có trong lúc sướng rên lên cái gì anh cũng bô bô tuôn ra hết. Những cú thổ lộ tâm tình ấy lắm khi phải trả giá đắt đấy. Anh thổ lộ điều gì thì chị ta lại đi ton hót tường tận cho tay y sĩ trưởng và thế là anh có ngay hồ sơ trên tòa án binh. Hình như chính chị ta đã làm cho một cậu hạ sĩ kỵ binh, tuổi chưa đến hai mươi, bị đem ra xử bắn vì đã tuôn ra hết mọi cái với chị ta; rồi một cậu lính trừ bị công binh, cũng đem kể cho chị ta về chuyện nuốt đinh vào bụng cho thủng dạ dày; lại một cậu rồ đại khai ra hết những chuyện làm thế nào để giả vờ bị tê liệt ở ngoài mặt trận... Một tối, để ướm thử, chị ta đưa cho tôi quyển sổ hộ tịch của một tay đã có sáu con, chị ta bảo tay này chết rồi, tôi có thể dùng sổ hộ tịch đó để xin lui về hậu phương... Với tôi, chị ta cũng định đưa vào bấy đây. Tóm lại, đây là một mục đàn bà hư hỏng. Đã leo lên giường mục thì thật tuyệt vời, anh không thể không nghĩ đến lần thứ hai. Mục ta có thể cho anh tận hưởng khoái cảm. Bảo rằng mục là một con điếm thì cũng không có gì đúng hơn. Mà có thể thì mục mới làm anh khoái được chứ. Trong cái lò chỉ điếm này ^[24*], ở cái phía sau, cái điệu đàn của mục, rút cục cũng giống như món sốt muốn gọi khẩu vị phải rắc thêm hạt tiêu vào.

Ngôi trường này nhìn ra một bãi đất rất rộng, mùa hè nắng vàng rực rỡ giữa những hàng cây, từ chỗ ấy càng ngắm nhìn càng thấy Paris tuyệt diệu, thấy cái viễn cảnh huy hoàng. Đó là nơi, mỗi ngày thứ năm, khách khứa đến thăm ngồi chờ chúng tôi. Trong đó có Lola luôn luôn đến rất đúng giờ, với những tấm bánh ga tô, những lời khuyên nhủ và cả thuốc lá nữa.

Còn các thầy thuốc thì sáng nào chúng tôi chẳng gặp. Họ hỏi han rất nhân từ, nhưng trong bụng họ nghĩ gì thì ai mà biết được. Họ lảng xảng quanh chúng tôi, điệu bộ bao giờ cũng nhã nhặn, nhưng thật ra là lảng xảng quanh

cái án tử hình treo trên đầu chúng tôi.

Trong cái không khí ngọt ngào đầu lưỡi ấy, lắm anh chàng bệnh binh được đem đến đây để theo dõi cú tưởng bở, đâm ra xúc động thái quá, đến nỗi bỏ cả ngủ, đêm đêm cứ quần quanh ngoài hành lang, lớn tiếng xỉ vả ngay cái nỗi kinh hoàng của chính mình, bức bối giữa hy vọng và thất vọng, ngật ngà ngật ngưỡng như những kẻ đứng trên vách núi cheo leo. Họ vật vã suốt ngày này sang ngày khác, rồi đến một hôm họ tự buông mình cho rơi tòm xuống, không khảo mà xưng, cả lũ kéo nhau đến xưng tội với y sĩ trưởng. Không ai còn thấy lại những anh chàng tội nghiệp ấy, không còn bao giờ nữa. Tôi cũng thế, cũng chẳng được yên. Nhưng khi mình đã yếu đuối thì cái có thể cho mình sức mạnh, đó là phải nhắm vào những thẳng đáng sợ nhất, mà vật trụi cho hết, đến cả cái uy tín nhỏ nhoi mà người ta định trao cho chúng. Phải biết nhìn nhận cho đúng cái bản chất của chúng, cái bản chất bản thủ nhất về mọi phương diện. Cái đó sẽ giải tỏa, giải thoát cho anh, bảo vệ anh vượt qua tất cả những gì mà anh dường như tưởng ra được. Nó sẽ tạo thêm một con người nữa trong chính anh. Anh sẽ là cả hai. Từ đấy, đối với anh, mọi hành vi của chúng sẽ không còn cái vỏ hấp dẫn bản thủ mang màu sắc huyền bí, đã từng làm cho anh mềm yếu và hao phí thời giờ. Cái trò hề ấy của chúng, đối với anh, sẽ chẳng còn thú vị và chẳng còn ích lợi gì cho sự tiến bộ riêng tư của anh. Thậm chí nó không bằng cái trò con lợn đẻ tiện nhất.

Nằm cạnh giường tôi là một cậu cai, cũng là lính tình nguyện. Trước tháng tám [25*] cậu ta còn là một giáo viên trung học ở Touraine [26*], cậu ta cho biết cậu dạy sử và địa ở đó. Chỉ qua có mấy tháng chiến tranh, cái cậu giáo viên ấy đã bộc lộ là một thẳng ăn cắp cũng như ai. Không có gì ngăn được cậu ta lấy cặp đồ hộp trong những chuyến tiếp vận của trung đoàn cậu ta, hay trong các toa xe của hậu cần, trong kho dự trữ của đại đội, và bất kể nơi nào cậu ta có mặt.

Với chúng tôi thì cậu ta thất bại không giờ trò được, và lơ mơ thấy sắp phải ra tòa án binh. Nhưng gia đình cậu ta hết sức chạy chọt, bào chữa rằng cậu ta thoái hóa biến chất như thế là do bị đạn đại bác gây ra hoảng hốt, mất

tin thần. Vì thế mà việc xét xử cứ hoãn đi hoãn lại hết tháng này sang tháng khác. Cậu ta ít trò chuyện với tôi. Hàng giờ ngồi chải râu, nhưng khi nói chuyện với nhau thì lúc nào chỉ có nhõn một chuyện, đó là chuyện cậu ta đã tìm ra cách làm thế nào để khỏi có con với vợ cậu ta. Chẳng biết cậu ta có điên thật hay không nữa. Khi mà thế giới đã đảo điên thế này thì thà rằng anh cứ điên quách cho xong, còn hơn là mất công hỏi xem tại sao người ta lại sát hại anh, hiển nhiên là để trở thành một thằng điên sẽ chẳng tốn bao nhiêu công sức. Còn hỏi làm sao cho có kết quả thì khi đã nhắm tránh xa khỏi cái cuộc phanh thây xé xác to lớn này, làm gì chẳng có những cố gắng tuyệt diệu về tưởng tượng trong một vài bộ óc.

Mọi điều lý thú đều diễn ra trong bóng tối, rõ ràng là thế. Ai mà hiểu được những chuyện thật của người đời.

Cái anh chàng giáo viên ấy tên là Princharđ. Chẳng biết cậu ta đã thật sự định đoạt thế nào để bảo toàn lấy động mạch cảnh, lấy các lá phổi và các dây thần kinh thị giác của cậu ta. Đây là vấn đề cốt tử, phải đặt ra giữa chúng ta, giữa con người với con người, để ít nhất còn giữ được tính người và đầu óc thực tế. Nhưng chúng tôi lại không được như thế, ngất ngư trong cái lý tưởng toàn những điều phi lý, bị cầm giữ trong những khuôn sáo hiểu chiến, điên rồ, đã như những con chuột bị hun, cuống cuống tìm lối thoát khỏi con tàu đang bốc cháy, nhưng lại chẳng có được với nhau một kế hoạch chung, chẳng anh nào tin anh nào. Rồi trí bởi chiến tranh, chúng tôi trở thành những thằng điên trong một dạng khác: điên vì sợ hãi. Đó là hai mặt của cuộc chiến tranh này.

Tuy nhiên, cùng chung cơn hoảng loạn, cái cậu Princharđ đó cũng gây cho tôi một cảm tình nào đó, dầu vẫn còn ngờ vực tôi. Trong tình cảnh như chúng tôi đang sống thì làm sao có được tình bạn lẫn lòng tin. Mỗi anh chỉ nhằm nhằm cái gì có lợi cho mạng sống của mình thôi, bởi vì tất cả hay hầu như tất cả đều thấy mình đang bị những thằng chỉ điểm rình mò.

Thỉnh thoảng lại có một cậu nào đó trong bọn chúng tôi biến mất, đó là vì sự việc của cậu ta đã xem xét xong và có thể sẽ kết thúc tại tòa án binh, hoặc

đưa ra mặt trận, còn những cậu nào đã được coi là phục vụ tốt thì sẽ đưa vào bệnh viện tâm thần Clamart (cũng ở ngoại ô Paris).

Luôn luôn có thêm những chiến binh bị nghi ngờ khác từ mọi binh chủng được đưa đến đây. Có những tay rất trẻ nhưng cũng khá nhiều tay đã đứng tuổi. Họ đến với tâm trạng khiếp sợ hay huênh hoang khoác lác. Hàng tuần cứ vào ngày thứ năm, bố mẹ, vợ con họ đến thăm với những cặp mắt nhón nhác. Cả cái đám người ấy khóc than suốt mướt trong gian phòng gọi là phòng khách, nhất là vào lúc chiều tàn. Cái bất lực của thể giới đối với chiến tranh được thể hiện bằng tiếng khóc nức nở ở nơi đây, khi giờ thăm đã hết, những người vợ và đàn trẻ nhỏ lê bước trong cái hành lang nhợt nhạt ánh lửa ga. Họ họp thành một bầy đàn lớn những kẻ khóc than, chỉ có thể thôi, thật là chán ngấy.

Đối với Lola, việc đến thăm tôi tại cái thứ nhà tù như thế này quả là một cuộc mạo hiểm. Cả hai chúng tôi không ai khóc. Chúng tôi lấy đâu nước mắt mà khóc.

Một hôm thứ năm, Lola hỏi tôi:

-Ferdinand này, có đúng là anh bị điên thật rồi không?

-Tôi thế đấy! tôi thú thật.

-Vậy thì người ta chữa bệnh cho anh ở đây chứ?

-Người ta không chữa được khiếp sợ đâu, Lola ơi.

-Anh sợ đến thế cơ à?

-Còn hơn thế ấy chứ, Lola. Cô biết không, sợ cho cả sau này, tôi có chết thì cũng muốn người ta đừng đốt xác tôi! Tôi muốn rằng người ta cứ kệ cho tôi nằm dưới đất, tan rữa trong bãi tha ma, để yên đó, có thể sẵn sàng sống lại... Biết đâu được! Còn như để người ta đốt tôi ra tro, thì Lola ơi, cô có biết không, sẽ là hết, hết nhẵn... Một bộ xương, dầu thế nào, cũng còn có hơi giống con người... Như thế thì luôn luôn sẵn sàng sống lại được hơn là đã thành tro. Đã ra tro là hết cả!... Cô bảo sao nào? Vậy đấy, chiến tranh là thế, phải không?

-Trời! Vậy ra anh thật là một kẻ đốn hèn, Ferdinand! Anh tởm lợm như

một con chuột cống.

-Phải, tôi đón hèn thật đấy, Lola ạ, tôi chối từ cuộc chiến tranh này và tất cả những gì nó chứa đựng... Tôi không thương hại nó đâu... Tôi không cam chịu đâu... Tôi cũng chẳng khóc than vì nó... Tôi thẳng thừng chối từ nó, cùng với tất cả những ai trong đó, chẳng muốn liên quan gì đến họ cả cũng như chẳng có gì liên quan đến cuộc chiến tranh này. Họ có thể là chín trăm chín mươi năm triệu, còn lại chỉ có mình tôi. Nhưng chính họ có lỗi lầm, Lola ời, còn tôi là có lý, bởi vì tôi là người duy nhất biết được cái gì mình muốn cái gì không: tôi không muốn chết.

-Nhưng không thể chối từ chiến tranh đâu, Ferdinand! Chỉ có những thằng điên hay những kẻ đón hèn mới không chịu tham gia chiến tranh khi Tổ quốc của chúng lâm nguy...

-Thế thì muôn năm những thằng điên và những kẻ đón hèn! Hay là cứ để cho những thằng như thế được sống sót! Lola này, liệu cô có thể nhớ lấy chẳng hạn như một, chỉ một cái tên của một trong những chiến binh chết trong cuộc chiến tranh Một trăm năm không? ^[27*] Có bao giờ cô cất công đi tìm hiểu lấy một cái tên nào đó trong số những cái tên ấy?... Không, phải không?... Cô chẳng bao giờ tìm phải không? Đối với cô, họ chỉ là những kẻ vô danh, người dưng nước lã, và còn không được biết đến, so ngay với cái hạt nhân li ti cuối cùng trong cái chặn giấy trước mặt cô đây, hay cái vụn bánh mì buổi sáng của cô... Vậy là, Lola, cô đã thấy, họ chết chẳng để làm gì cả. Tuyệt đối chẳng để làm gì sất, những kẻ đàn độn ấy! Tôi dám khẳng định với cô như thế đấy! Chứng cứ đã rõ ràng! Chỉ có cái sống là đáng kể thôi. Tôi thách với cô rằng, cuộc chiến tranh này, cái cuộc chiến tranh mà ngày nay rất đáng chú ý đối với chúng ta, thì một vạn năm nữa, kể từ bây giờ, nó cũng sẽ rơi vào quên lãng hoàn toàn mà thôi... Trừ phi khoảng một tá các nhà uyên bác còn tranh cãi với nhau đây đó về trường hợp xảy ra hoặc về niên biểu của những cuộc tàn sát lớn đã khiến cho cuộc chiến tranh ấy được lòng danh... Đó là tất cả những gì mà con người đã làm được cho đến nay để tìm cách ghi nhớ người này kẻ khác cách đây vài thế kỷ, vài năm, thậm chí vài giờ... Tôi

không tin vào tương lai đâu, Lola ơi.

Khi cô ta đã phát hiện ra tôi khuếch khoác đến mức nào cái tâm trạng đáng xấu hổ đó của mình, thì cô không còn coi tôi là một kẻ đáng thương nhất trên đời... Mà cô đánh giá tôi là một kẻ đáng khinh, dứt khoát là thế.

Cô cả quyết bỏ rơi tôi ngay lập tức. Đã quá lắm rồi! Chiều hôm ấy, tiễn cô ra đến cổng nhà điều dưỡng, cô không hôn tôi nữa. Rõ ràng là, không ai có thể chấp nhận một kẻ đã bị tuyên án tử hình lại còn mong được Chúa ban ơn gọi về với Chúa. Khi tôi hỏi tình hình những chiếc bánh rán bây giờ ra sao, cô cũng không thèm trả lời nữa.

Trở về phòng, tôi thấy Princharđ đang đứng trước cửa sổ để thử kính qua ánh sáng lửa ga, giữa một đám lính vây quanh. Cậu ta giải thích cho chúng tôi rằng, trong một kỳ đi biển nghỉ hè, cậu ta nảy ra cái ý muốn đeo kính, và bây giờ cũng đang mùa hè, ban ngày cậu ta sẽ đeo kính ra ngoài vườn hoa. Cái vườn hoa rộng lớn này được các đội y tá canh phòng rất nghiêm ngặt. Hôm sau, Princharđ kéo nài tôi ra ngoài hiên để thử cặp kính đẹp với cậu ta. Nặng quá chiều hôm rọi vào đôi mắt kính râm của Princharđ; tôi để ý thấy cái mũi cậu ta gần như trong suốt tới tận hai lỗ mũi đang thở phì phò.

-Anh bạn ơi! cậu ta tâm sự, thời gian qua đi và không ủng hộ tớ đâu... Lương tâm tớ không dành lối cho những trò ăn năn hối lỗi, tớ được giải thoát cũng là nhờ ở những cái rụt rè nhút nhát ấy... Trên thế gian này, tội ác thì có gì là đáng kể đâu... Từ lâu người ta đã chối bỏ ba cái trò này... Đó chỉ là những việc vụng về thôi mà... Tớ nghĩ hình như mình cũng có lần phạm phải... Thật là vô phương cứu chữa...

-Chuyện lấy cặp đồ hộp à?

-Ừ, tớ lại cứ nghĩ đó chỉ là chuyện lấu vặt thôi, cậu hình dung xem! Để giải khuây trong lúc chiến trận và bằng cách đó dần có đáng xấu hổ nhưng còn được sống để yên ổn trở về, thảm hại như đứa chết chìm vừa được vớt từ đáy biển lên... Chỉ suýt nữa là tớ thành công... Nhưng chiến tranh rõ ràng là đã quá kéo dài... Người ta không còn hiểu được chiến tranh càng kéo dài thì liệu sẽ có thêm bao nhiêu đứa đáng ghét để làm cho mình phát chán ngấy cái

Tổ quốc này... Tổ quốc đã bắt đầu chấp nhận mọi hy sinh, bất kể nó từ đâu đến, bất kể thân xác nó thơm tho hay thiu thối. Tổ quốc đã trở nên bao dung vô hạn trong việc lựa chọn những kẻ hy sinh! Đến giờ thì không còn tên lính nào là không xứng đáng được mang vũ khí và nhất là được chết dưới vũ khí và bởi vũ khí... Tin sau cùng, cậu ơi, người ta đang làm cho tớ trở thành anh hùng đấy!... Họa chẳng cơn điên loạn tàn sát đã trở thành khẩn thiết đặc biệt nên họ mới sẵn sàng tha thứ cái tội lấy cắp một hộp đồ hộp chứ! nói cho đúng hơn, là họ sẵn sàng bỏ qua! Dĩ nhiên là chúng ta đã quá quen với việc ngày ngày ngưỡng mộ biết bao thằng ăn cướp kéch xù, mà toàn thế giới cùng với chúng ta đều sùng bái sự giàu có nứt đổ vỡ vách của chúng, nhưng chỉ cần ghé sát lại một tí mà xem sự tồn tại của chúng tự nó đã đủ phơi bày một tội ác kéo dài và mỗi ngày mỗi mới hơn. Vậy mà những kẻ đó lại đang hưởng đủ thứ vinh quang, danh vọng, quyền thế. Tội ác của chúng được pháp luật thừa nhận, và đáng ra những tội ấy phải ghi vào sổ sách - và như cậu biết rồi đấy, tớ ăn lương cũng chỉ để biết sổ - thì một vụ ăn cắp vặt chút ít thức ăn xoàng xĩnh, mấy mẫu bánh mì, tí giấm bông hay miếng pho mát, thì người ta trút lên đầu tên ăn cắp cò con ấy đủ thứ rác rưởi, nào là quân hèn mạt, đồ bỏ đi, kẻ trọng phạm, kẻ làm ô danh và xỉ nhục cho cả cộng đồng... Người ta xử sự như thế bởi hai lẽ: trước hết, kẻ phạm tội ấy nói chung là một thằng nghèo, mà đã nghèo thì chỉ phạm một tội ấy thôi cũng đủ được coi là một điều ô nhục hàng đầu rồi; đã thế hành động của y ta còn mặc nhiên là một sự chối bỏ cộng đồng.

Cái sự ăn cắp của thằng nghèo trở thành một sự chiếm đoạt cá nhân hiểm ác, cậu hiểu không?... Ta sẽ đi đến đâu nhỉ? Chẳng nào sự đàn áp những vụ ăn cắp vặt ấy còn diễn ra dưới khắp vòm trời này, với một sự nghiêng răng nghiêng lợi ghê gớm, thì cậu hãy để ý mà xem, đó không chỉ là biện pháp bảo vệ xã hội mà còn là, và nhất là được coi như một lời răn đe nghiêm khắc đối với tất cả mọi kẻ nghèo khổ, là hãy an phận trên chỗ đứng và trong đẳng cấp của mình, nhẫn nhục, vui vẻ cam chịu cái khổ, cái đói, thế kỷ này qua thế kỷ khác và không cần biết đến bao giờ... Tuy nhiên, cho đến nay, trong nền

Cộng hòa này, những thằng ăn cắp cò con ấy có được lợi thế là bị tước mất cái vinh dự được mang vũ khí của những kẻ yêu nước [28*]. Nhưng ngay ngày mai, sự đời thay đổi, biết đâu tớ lại chẳng từ một thằng ăn cắp trở về chỗ của mình trong quân ngũ... Đó là mệnh lệnh... Từ trên, các thủ trưởng đã ban xuống, rằng cái mà người ta gọi là “lỗi lầm chốc lát” của tớ đã được bỏ qua và, cậu nhớ hộ tớ nhé, có được quyết định này là do người ta nể cái có tên gọi là “gia thanh” của gia đình tớ. Một sự khoan dung kỳ quặc! Tớ hỏi cậu, để thường gia đình tớ đi mà hứng đạn để sàng lọc ra xem đạn nào là đạn Đức, đạn nào là đạn Pháp đấy chắc? Tất nhiên chỉ là một mình tớ phải không nào?

Và giả thử tớ chết thì liệu cái gia thanh ấy có làm cho tớ sống lại được không? Này cậu ạ, rồi đây mọi cái của chiến tranh qua đi, còn tớ thì nằm lại dưới đất, tớ sẽ thấy gia đình tớ phờn phơ trên các bãi cỏ lúc hè về, nằm dưới lớp đất này, tớ sẽ thấy được gia đình tớ vào những buổi chiều chủ nhật đẹp trời... Bố ơi, dưới ba tấc đất này, con của bố đang ngập ngựa trong đám dòi bọ và thối hơn cả đồng cứt chó ngày 14 tháng 7 [29*], và cái thân xác bị lừa gạt ấy sẽ nát rữa một cách kinh dị... Làm màu mờ cho những luống đất của một anh thợ cày vô danh, đó là cái tương lai thật sự của thằng lính thật sự! Ôi anh bạn, cái thế giới này, tớ đảm bảo với cậu, chỉ là một trò kinh doanh to tát, mặc xác thiên hạ! Cậu còn trẻ. Mỗi giây phút mình mất này đối với cậu phải nhân lên thành mỗi năm trong đời! Chịu khó nghe tớ, bạn ơi, đừng để cho nó qua đi mà không tìm hiểu cho hết cái tầm quan trọng của nó, cái biểu tượng hàng đầu của Xã hội chúng ta, choáng lộn bởi những trò đạo đức giả giết người: “Sự mù lòa trước số phận và tình cảnh của những kẻ khổ rách...” Tôi đã bảo mà, các chú bé ngây thơ, những thằng ngốc trên đời, bị như đòn, bị phạt vạ, suốt ngày vãi mồ hôi, tôi báo trước cho các người biết, khi mà các ông lớn ở cái thế giới này hạ cổ rú lòng thương tới các người, đó chính là lúc họ sắp biến các người thành những khúc dồi thịt ngoài trận địa đấy... Đó là biểu tượng... Nhất thiết sẽ là thế đấy... Cái đó bắt đầu bằng sự trù mẫn mà. Như người ta còn nhớ, vua Louis XIV đấy, ít nhất thì ông ta cũng mạnh mẽ tỏ ra cóc cần gì đám lương dân. Con vua Louis XV, cũng vậy thôi. Ông này

tự bơi bản quanh cái lỗ tròn. Thời bấy giờ người ta sống không lấy gì làm khá cho lắm, dĩ nhiên là người nghèo lại càng chẳng được sống cho ra sống, nhưng người thời ấy cũng không đến nỗi moi gan móc ruột nhau ra một cách say mê mãi miết như lũ bạo chúa ngày nay. Tôi bảo cho các người biết, đối với những hạng người hèn mọn, thì nghỉ ngơi chỉ có được khi các ông lớn không cần đến, vì các ông lớn chỉ nghĩ tới nhân dân bởi lợi lộc và bởi những trò tàn ác. Các nhà hiền triết ư? Bạn hãy ghi nhớ thêm khi chúng ta đang nói đến chuyện này. Các vị này khởi sự bằng việc kể chuyện cho dân lành... Mà dân thì chỉ biết có giáo lý cơ đốc. Các vị ấy tự xưng là có trách nhiệm dạy dỗ dân. Chà! phải để cho dân biết các sự thật chứ! toàn là sự thật tốt đẹp thôi mà! không phải những chuyện cũ mèm đâu! đang còn chói sáng đấy! Ai nấy đều phải lóa mắt đấy! Đám dân lành bắt đầu lên tiếng: được đấy! hoàn toàn được đấy! tất cả chúng ta sẽ chết cho cái đó! Nhân dân chưa bao giờ lại chỉ đòi được chết!

Thế mà có chuyện ấy đấy! Họ gào lên: “Diderot muôn năm!”, rồi: “Hoan hô Voltaire!” Đó ít ra cũng là các nhà hiền triết! Và muôn năm cả Carnot nữa, người đã tổ chức và chiến thắng thật là hay! Và muôn năm tất cả! ít nhất thì đó cũng là những người không để cho đám lương dân ấy phải cùng cực trong sự dốt nát và sùng bái mù quáng! Họ đã chỉ cho dân biết được những con đường dẫn đến Tự do! Họ giải phóng cho dân! Cái đó không kéo dài lê thê đâu! Trước hết phải làm cho mọi người biết đọc báo!... Đó là con đường cứu nguy! Khốn kiếp! Mau mau lên chứ! Không còn mù chữ nữa! Phải làm cho không còn ai mù chữ! Chỉ còn những công dân chiến sĩ! Những người đi bầu! Những người biết đọc! Và biết chiến đấu! Biết hành quân! Và biết gửi những cái hôn! Với một chế độ như thế, chẳng mấy chốc lương dân sẽ tinh nhanh chín chắn cả.

Thế thì liệu có thể dùng cái sự được giải phóng ấy vào việc gì chẳng? Danton không chỉ hùng biện vì mấy quả mận. Chừng nào ta còn giống tai nghe mấy câu la hét thật mùi mẫn của ông ta thì chỉ một cái ngoáy tay của ông ta cũng đủ sai khiến được cả đám lương dân! Và thế là lập tức diễn ra

cuộc xuất quân đầu tiên của những tiểu đoàn đầu tiên những người cuồng nhiệt vì được giải phóng! Những anh thôn đầu tiên được làm cử tri và được vắc cờ mà Dumouriez ^[30*] đã xua đi đỡ đạn ở xứ Flandres! ^[31*] Còn bản thân Dumouriez, kẻ chậm chân trong cái trò lý tưởng nhỏ nhoi, hoàn toàn mới lạ này, lại là kẻ chỉ thích có xin thôi, hẳn ta đã đánh bài chuồn. Đó là tên lính đánh thuê cuối cùng của chúng ta... Còn chuyện lính không công thì lại là chuyện mới. Rất ư là mới, mà Goethe, đích thực Goethe, khi đến Valmy đã thấy tận mắt. Đứng trước đám người rách rưới, si mê, vừa tự động dẫn xác đến cho vua nước Phổ moi ruột moi gan, để bảo vệ cái lòng yêu nước tưởng tượng hão huyền, khiến cho Goethe phải cảm thấy rằng ông còn lắm cái phải học ở trên đời này vậy. Ông tuyên bố một cách rất thần tình, theo thói quen thiên tài của ông: “Từ ngày hôm nay, bắt đầu một thời đại mới!” Tin được chăng?

Kế sau đó, khi cái chế độ ấy đã là tuyệt vời rồi, người ta bèn chế tạo ra hàng loạt anh hùng hảo hán, giá thành ngày càng rẻ hơn, nhờ cái sự hoàn thiện hoàn mỹ của chế độ. Ai cũng thấy được cái đó. Từ Bismarck, tới hai ông vua Napoléon, tới Barrès ^[32*] cho chi cô gái nhảy Elsa. Cái thứ tôn giáo cờ sí ấy ^[33*] đã mau chóng thế vị thiên cung, Cải cách đã làm xì hơi cái vầng mây cũ và từ lâu vốn đã đọng lại thành những ống tiền của các tòa giám mục. Ngày xưa cái một cuồng tín, là hò hét: “Chúa Giê-su sống mãi! Hãy lôi bọn tà giáo lên giàn hỏa!” nhưng dù sao thì bọn tà giáo cũng hiếm hoi và tự nguyện... Còn từ nay trở đi, vào thời chúng ta đây, thì từng bày lũ rộ lên những tiếng gào thét: “Hãy đưa lên đoạn đầu đài những đứa như riếp củ không xơ! như chanh không nước! những độc giả ngây thơ! Từng triệu đứa một, bên phải, quay!” Những kẻ nào không muốn đánh nhau, không muốn giết chóc ai cả, những kẻ thối tha theo đuổi Hòa bình, hãy tóm cổ chúng nó, phanh thây xé xác chúng ra! Băm vằm chúng bằng đủ mọi cách, làm cho thật ngọt! Để dạy cho chúng biết sống thế nào cho phải thì trước tiên hãy dứt ruột chúng ta, móc con người chúng khỏi tròng, cắt bớt những năm tháng trong cuộc đời bắn thiêu rã rớt của chúng đi! Phải làm cho chúng, từng đàn từng lũ,

quay như chong chóng, tửa máu ra, bốc hơi khảm lên, và tất cả những cái đó cũng nhằm để cho Tổ quốc của chúng ta đáng yêu hơn, vui vẻ hơn, dịu dàng hơn! Nếu như trong cái Tổ quốc đó lại có những tên rác rưởi không chịu học lấy những điều cao siêu, thì ngay lập tức, cùng với những tên khác, tuy không giống nhau hoàn toàn, chúng cứ việc tự đào mồ ở tít tận đằng cuối bãi tha ma kia kìa, dưới tấm bia bêu riếu nhưng kẻ hèn mạt vô lý tưởng, bởi vì những tên bỉ ổi đó đã đánh mất cái quyền tuyệt vời là được dành một mẫu bóng râm dưới tượng đài trên đường đi chính giữa, do hàng xã thù và dựng lên cho những người chết tử tế, tiếp đó lại còn mất luôn cái quyền được tiếp nhận chút ít tiếng vọng của ngài bộ trưởng vào ngày chủ nhật còn đến đi tiểu ở nhà ông tỉnh trưởng và cái mồm run rẩy trên những năm mồ sau bữa ăn trưa...

Princhard còn đang thao thao thì có tiếng gọi từ phía cuối vườn. Y sĩ trưởng cho tay y tá trực ra gọi gấp.

- Tôi đi đây. Princhard trả lời và chỉ đủ thì giờ đưa cho tôi cái bản nháp bài diễn văn anh ta vừa đọc thử với tôi. Trò diễn của một diễn viên tồi.

Cái cậu Princhard ấy tôi không bao giờ còn gặp lại. Cậu ta có cái tật xấu của những tay trí thức, cái tật phù phiếm. Cậu ta biết quá nhiều thứ, toàn những thứ làm cho đầu óc rối mù lên. Cậu ta cần có nhiều, thật nhiều cái để tự cổ vũ, tự quyết định.

Đã xa rồi cái buổi chiều cậu ta ra đi, mỗi khi tôi nghĩ đến nó. Tôi vẫn còn nhớ rõ lắm. Những ngôi nhà ngoại ô vây quanh cái vườn hoa của chúng tôi càng nổi bật lên như mọi cái khác trước lúc chìm vào cảnh chiều tà. Cây cối cũng lớn bóng lên trong bóng tối, đâm vút lên trời, vươn tới màn đêm.

Tôi chưa hề làm gì để có được tin tức của cậu ta, xem xem có hẳn là cậu ta đã “mất tích” như người ta lặp đi lặp lại. Nhưng cậu ta mất tích mà lại hay đấy.

Ấy thế mà cái thứ hòa bình cấm ca cấm cầu ấy của chúng tôi cũng gieo mầm được vào cuộc chiến tranh.

Chỉ cần xem nó khuấy động trong quán rượu Olympia là ta có thể đoán được nó ra sao, cái trò cuồng loạn này. Ở tầng dưới, trong căn hầm dài dùng làm sàn nhảy đầm, mặt sàn bị giẫm đạp bụi mù, oang oang tiếng nhạc náo nê pha trộn đủ thứ da đen - Do Thái - xắc-xông. Người Anh lẫn với người Phi, người Cận Đông với người Nga, chỗ nào cũng thấy họ, phì phèo, la hét rống lên, u sầu và lính tráng, trên suốt dãy dài những chiếc xô pha đỏ sẫm. Những bộ đồng phục ấy mà người ta bắt đầu không còn nhớ được đã mất bao nhiêu cực nhọc mới gây được những mầm mống hôm nay, cái vẫn đang còn đâm chồi và còn phải hơi lâu nữa, theo thời gian, mới hoàn toàn trở thành phân bón.

Mỗi tuần, sau vài tiếng đồng hồ khởi động kha khá trong thú vui xác thịt ở Olympia, bọn tôi tụ tập thành từng nhóm kéo nhau đi thăm hỏi mộ Herote bán đủ thứ tấp nham, đồ lót, găng tay, sách vở, trong hẻm herisinas, đằng sau tiệm ca vũ Folies - Bergère, nay đã biến mất, chỉ còn là nơi để các cô gái nhỏ dắt mấy con cún con đến làm cái việc cần thiết của chúng.

Chúng tôi đến đó mò tìm hạnh phúc của chúng tôi, cái mà thiên hạ dọa dẫm rất dữ. Ai cũng lấy làm xấu hổ về sự thèm khát ấy, nhưng vẫn cứ hòa nhau lẫn vào. Chối bỏ ái tình khó hơn chối bỏ cuộc sống. Trên đời này, người ta dùng thì giờ để giết chóc hay để yêu đương thì cũng thế thôi, và làm luôn cả hai việc cùng một lúc. “Ta ghét mi! Ta yêu mi!” Người ta giữ miếng nhau, rồi lại trò chuyện với nhau, người ta đùn đẩy cuộc sống cho loài hai chân ở thế kỷ tiếp sau, với mọi sự cuồng nhiệt, bằng mọi giá, cứ y thế cái đó là cực kỳ thú vị để mà tiếp tục, y thế cái đó rút cục sẽ làm cho ta trở thành vĩnh cửu. Dầu sao thì cũng thêm hôn hít như ngựa thì phải gãi.

Về mặt tinh thần tôi có khá hơn, nhưng về thân phận lính tráng thì vẫn còn khá bấp bênh. Người ta cho phép tôi được thỉnh thoảng ra phố. Như đã nói,

mụ hàng đồ lót của chúng tôi tên là mụ Herote. Cái trán mụ đã thấp lại hẹp, đứng trước mặt mụ, ban đầu thì cũng hơi khó chịu, nhưng cứ nhìn vào cặp môi mọng và luôn nhoẻn miệng cười thì khó ai thoát được khỏi tay mụ. Núp trong sự ăn nói liến thoắng kinh khủng, cái khẩu khí khó quên, mụ ẩn giấu được hàng loạt những ý đồ đơn giản nhưng tham lam và đặc sệt tính con buôn sùng tín.

Cái vốn liếng mụ làm nên trong có vài tháng, nhờ vào các đồng minh và trên hết là nhờ vào cái bụng tròn trĩnh của mụ. Phải kể đến việc hồi năm ngoái người ta đã cắt bỏ cho mụ hai cái buồng trứng, phải mổ do bị viêm vôi. Cái sự thiên hoạn cứu tinh ấy làm ra của cho mụ. Đối với đàn bà, có những thứ bệnh phụ khoa lại trở thành may mắn. Kể ra thì làm đàn bà mà quanh năm suốt tháng cứ phải lo ngay ngáy cái sự chữa đẻ, thì chỉ là hạng người bại liệt, còn làm được gì nên hồn.

Đám già và cả đám trẻ nữa nghĩ rằng, và tôi tin là thế, họ đã tìm được cách làm tình dễ dàng mà giá cả lại không đắt ở ngay phía sau mấy cái quầy bán đồ lót và sách báo. Cái đó, vào khoảng hai chục năm trước thì quả đúng là thế, nhưng từ ấy thì nhiều cái đã chẳng còn thế nữa, nhất là đối với những trò tiêu khiển thật thích thú. Cái nếp sống khổ hạnh ănglô-xắcxông ^[34*] làm cho dân mình ngày thêm khô héo đi, nó đã làm tan biến gần hết những trò vui đùa rôm rả ngẫu hứng tại các phòng phía sau cửa hàng cửa tiệm. Tất cả đã quay sang cưới xin nghiêm chỉnh.

Mụ Herote biết tận dụng những cái môn bài cuối cùng để tổ chức trò ngủ đứng rẻ tiền. Một tay nhân viên phát mại vô công rồi nghề cứ vài chủ nhật lại một lần mò vào cửa hàng của mụ. Lão vào đó, ở lại đó. Lão hơi lẩm cẩm, mà cũng chỉ thế thôi, chẳng đòi hỏi gì nhiều. Cái trò hạnh phúc của họ chẳng gây ồn ào gì cho lắm. Dưới bóng những tờ báo cuồng nhiệt hô hào những hy sinh tối hậu và lòng yêu nước nồng nàn, cuộc sống đã ngặt nghèo và bị nhồi nhét toàn những chuyện xa vời, lại còn tiếp tục xảo trá với nhau hơn bao giờ hết. Đó là cái mặt trái và mặt phải của chiếc mề đay, y như ánh sáng và bóng tối.

Lão nhân viên của mụ Herote đã chuyển tài sản sang Hà Lan cho bạn bè,

những tay thông thạo nhất, và gửi cả cho mụ Herote, khi mà hai bên đã thân thiết nhau hơn. Những chiếc cà vạt, những cái xu chiêng, những cái sơ mi lửng mụ ta bán ra, kể thì cũng được khách, cả giới nam cũng như giới nữ, họ thường lui tới hàng mụ.

Đa số những cuộc mua bán yêu đương với đám người nước ngoài và dân nội địa diễn ra dưới bóng phớt hồng của những tấm màn gió giữa những tiếng léo nhéo huyền thuyên không dứt của mụ chủ mà cái thân hình bồ cạp, lấm mồm và sức nức mùi nước hoa đến ngạt thở khiến cho những kẻ cần cỗi nhất trong số khách làng chơi đau gan đau thận cũng phải trở thành những tay phóng túng lả lướt. Trong cái mớ hỗn tạp ấy, mụ Herote chẳng hề rồ dại, mà còn tìm ra lắm cái lợi, trước hết về tiền bạc. Bởi vì trong những vụ mua bán “tình cảm”, mụ thu được khoản hoa hồng kha khá, rồi còn bởi lẽ xung quanh cái đó, đã lắm cuộc tình được mụ tạo dựng hay phá đổ. Ghép cặp này, rẽ cặp kia với niềm vui thích ngang nhau, bằng những chuyện soi mói, bóng gió và phụ bạc.

Mụ không ngừng tưởng tượng ra những chuyện hạnh phúc và thảm họa. Mụ nuôi dưỡng và xô đẩy người ta vào một cuộc sống đầy dục vọng. Và món buôn ấy của mụ chỉ có mỗi ngày một phát tài hơn mà thôi.

Proust [35*] có hiện hồn về, với một tính bền bỉ phi thường đi nữa, thì cũng lạc vào cõi vô định, vào sự phù phiếm pha trộn cả những tập tục lẫn những lo lót quẩn quít xung quanh đám người đời, đám người của trống rỗng, những con ma của sự đam mê xác thịt, những kẻ truy hoan luôn luôn chần chừ chờ đợi một Watteau [36*] của họ, những kẻ đi tìm không chút hào hứng những Cythère [37*] vị tất đã có thật. Nhưng mụ Herote, một người vốn dĩ bình dân và có chất lượng hần hoi, lại đang đứng vững trên trái đất này bằng những dục vọng thô sơ, thú vật và chính xác.

Nếu người đời có độc ác đến thế, có lẽ chỉ vì họ đã đau khổ, nhưng giữa cái lúc họ khỏi được nỗi đau với lúc họ đã trở nên tốt hơn thì cũng phải một thời gian dài. Sự thành đạt của mụ Herote về vật chất và thể xác chưa đủ thời gian để làm dịu đi cái tâm trạng muốn chinh phục của mụ.

Mụ, chẳng phải hạng người ganh ghét gì hơn những mụ tiểu thương quanh vùng, nhưng mụ cũng đã tốn nhiều công sức để cho anh thấy được điều ngược lại. Cái cửa hàng của mụ không chỉ là nơi hò hẹn mà còn là một loại cửa để thâm nhập vụng trộm vào cái thế giới giàu có, xa hoa mà cả đời tôi đâu có ao ước đến đâu cũng không thể bén mảng đến, mà có đặt được chân vào đó thì cũng bị loại ra khỏi một cách chóng vánh và khốn khổ ngay sau cuộc du nhập đầu tiên và cuối cùng ấy.

Những kẻ giàu có ở Paris sống với nhau trong những khu phố của họ, thành một khối, như một gốc bánh ga tô mà cái đỉnh nhọn đâm thẳng vào điện Le Louvre, còn cái đáy tròn tròn nằm vào những hàng cây giữa cầu Auteuil và cửa ô Ternes. Đó. Cái miếng ngon nhất của Paris đó. Tất cả phần còn lại chỉ toàn nghèo cực, đáng khinh.

Khi mình bước chân vào khu phố nhà giàu, thì cũng không thấy ngay được cái gì khác lắm so với các khu phố khác, có chăng chỉ là ở đường sá sạch sẽ hơn một chút, thế thôi. Nhưng nếu anh muốn ngao du một chuyến vào tận bên trong những người và vật ở đấy thì hãy coi chừng những chuyện ngẫu nhiên và thầm kín.

Thông qua cửa hàng của mụ Herote, ta có thể tiến sâu hơn vào cái khu vực dành riêng này nhờ có những tay người Ác-giăng-tin từ các khu ưu tiên ưu đãi ấy mang xuống cung cấp cho mụ nào quần đùi nào sơ mi và đùa cợt luôn thể với cái lô đã được chọn lọc những cô bồ nhí tham lam, đóng kịch đã tồi, hát hồng cũng dở, mà mụ Herote cố tình làm cho hấp dẫn.

Với một em trong đám ấy, tôi, kẻ xác xơ, chẳng có gì để trao tặng ngoài cái tuổi thanh xuân của mình, như người ta nói, tuy nhiên giữ được thế cũng là quá lắm rồi. Ở chốn ấy người ta gọi tên em là con nhỏ Musyne. ^[38*]

Ở con hẻm Beresinas này, mọi người biết nhau từ cửa hàng này sang quầy hàng khác, giống hệt như ở một tỉnh lẻ, đã từ nhiều năm kẹt lại với nhau giữa hai dãy phố của Paris, có nghĩa là ở đó người ta rình rập nhau, vu khống nhau một cách thật là nhân tình đến mức điên dại nữa.

Về mặt vật chất, trước chiến tranh, các nhà buôn bán đó giành giật nhau

trong một cuộc sống phải nhặt nhạnh ki cốp từng ly từng tí và phải dè sẻn chặt bóp đến tuyệt vọng. Giữa biết bao thử thách khốn khổ, nỗi buồn kinh niên của mấy chủ tiệm ấy là cứ đến khoảng bốn giờ chiều họ lại phải mò mẫm trong cảnh tranh tối tranh sáng để kiếm lấy chút lửa ga thắp sáng cho mấy cái quầy hàng. Nhưng, lui vào một chút, người ta sẽ thấy rằng như thế thì ngược lại chỉ tạo không khí thuận lợi cho những lời gièm pha tể nhị.

Dầu xoay xở thế nào thì nhiều cửa hiệu cũng lâm vào cảnh suy sụp vì chiến tranh. Trong khi đó, nhờ dựa vào mấy gã người Ác-giăng-tin, mấy tay sĩ quan giải ngũ sống bằng trợ cấp, và nhờ có lời khuyên nhủ của lão bạn tình nhân viên phát mại, cửa hiệu của mụ Herote cứ phát triển, và mọi người quanh đấy tha hồ bàn tán, cả những điều bỉ ổi mà ta có thể hình dung được.

Lấy thí dụ như, vào lúc ấy, cửa hàng bánh ngọt nổi tiếng ở số nhà 112 bỗng dưng mất hẳn đám khách các bà xinh đẹp, do ảnh hưởng của việc tổng động viên ^[39*]. Các bà nằng nếm bánh quen thuộc mang găng tay dài đến tận khuỷu ấy đã bị người ta trưng dụng mất ngựa, phải đi bộ, nên không trở lại đây nữa. Các bà chẳng còn bao giờ trở lại. Còn Sambanet, lão ghép nhạc, bỗng nhiên không cầm được cái thềm muốn xưa nay của lão là làm trò kê giao với mấy chú lính. Thế là vào một buổi tối, lão giở cái trò táo tợn ấy ra không đúng lúc, khiến lão phạm vào một tội không sao gỡ được đối với một số các nhà ái quốc, họ ngay tức khắc khép lão vào tội gián điệp, lão phải đóng luôn cái gian hàng của lão lại.

Trái lại, cô gái già Hermance, ở số nhà 26, mà nghề chuyên môn của cô ta cho đến tận hôm nay vẫn chỉ là cung cấp món bao cao su, chính đáng hay không thì cũng là do đã rất khéo xoay xở, nhờ vào thời thế, nếu không rõ ràng là cô ta phải vượt qua tất cả mọi gian nan trên đời để tiếp tế cái món “dụng cụ phòng bệnh” cô nhận từ bên Đức về.

Rút cục, chỉ có mụ Herote, trên ngưỡng cửa thời đại mới của món đồ lót tinh xảo và dân chủ, là dễ dàng tiến vào cảnh phồn vinh.

Giữa các cửa hiệu cửa hàng ấy, người ta viết cho nhau vô khối thư nặc danh, lắm cái tục tũn nữa. Nhưng mụ Herote thì khác, để giải buồn, mụ lại

thích gửi những thư ấy cho những nhân vật cao cấp hẳn hoi, chính từ chuyện này mà mụ thể hiện cái ý đồ vốn dĩ là bản chất tính khí của mụ. Ví dụ, mụ gửi hẳn cho ngài Thủ tướng Nội các một bức thư đảm bảo rằng ông ta bị cầm tù. Lại còn dựa vào từ điển mà viết thư tiếng Anh chọc tức hẳn ngài Thống chế Pétain. Thư nặc danh ư? Đó là những lời trách cứ độc ác bằng ngòi bút!

Mụ Herote, về phía mình, mỗi ngày cũng nhận được một bó những bức thư viết cho mụ nhưng không ai ký tên và xin cam đoan với các bạn rằng lắm bức thư còn khó ngủi nữa cơ. Mụ trầm tư, sừng sốt trong khoảng mười phút, rồi lấy lại cân bằng được ngay, bất kể ra sao, với bất cứ cái gì, mà luôn luôn là thế, và còn vững vàng nữa, bởi vì trong cuộc sống nội tâm của mụ chẳng có chỗ cho sự hồ nghi và càng không có chỗ cho cả chấp lý nữa.

Trong số các khách hàng đàn bà và những người được mụ “che chở”, có khối cô nàng nghệ sĩ tìm đến mụ với nhiều nợ nần hơn là nhiều váy áo. Với tất cả bọn họ, mụ Herote đều lấy lời khuyên răn và họ cũng nhận là đúng, trong đó có cả Musyne mà tôi thấy hình như xinh nhất đám. Em thật đúng là một tiểu thiên thần âm nhạc, một cây vĩ cầm nữ đáng yêu, một tình yêu không còn thơ dại nữa, như em đã chứng tỏ với tôi. Với niềm khao khát khôn nguôi được thành đạt ngay dưới trần thế chứ không phải đợi lên tận trời cao, vào lúc tôi bắt đầu quen biết em, em đang cố xoay sở để được tham gia một vở kịch nhỏ, trong đó có đủ cả những gì là dễ ưa, là rất “pa-ri” và quên luôn được mọi sự đời, tại nhà hát Variétés (Tập kỹ).

Em xuất hiện với cây vĩ cầm, trong một phong cách mào đầu ứng biến, có vắn điệu du dương. Một kiểu mào đầu dễ thương nhưng cũng khá phức tạp.

Với cái tình cảm tôi dành cho em như thế, nên thời gian của tôi lúc nào cũng hừng hực như lửa, qua những cú nhảy vọt từ nhà thương sang công nhà hát. Nhưng chẳng mấy khi mà chỉ có mình tôi đón chờ em ở đấy. Các cậu lục quân thay nhau giành lấy em trong vòng tay, mấy cậu phi công cũng thế và còn dễ chiếm hơn, nhưng cái món quyến rũ không ai tranh vào đấy được lại thuộc về mấy gã người Ác-giăng-tin. Món hàng thịt lạnh của những gã này, nhờ có các lớp tân binh lúc nhúc kéo đến mà tăng tỷ lệ lên theo lực đẩy tự

nhien. Em Musyne đã khéo tận dụng những ngày làm ăn được ấy. Em đã hành động khá lắm, đám Ác-giăng-tin không còn đậu nổi ở đó.

Tôi không sao hiểu được. Tôi đã bị tất cả, tất cả mọi người bội bạc, cả đám đàn bà con gái, cả tiền bạc và ý nghĩ nữa. Mọc sừng và bất mãn. Vào thời ấy, tôi vẫn còn gặp được Musyne, một cách ngẫu nhiên thôi, cứ cách khoảng hai năm hay gần như thế, cũng như với phần lớn những người mà mình quen biết. Hai năm, đó là cái thời hạn phải có đối với chúng ta, để cho nhau biết, dù chỉ thoáng nhìn, nhưng không sao lầm lẫn được, y thể theo bản năng, những cái xấu xí mà khuôn mặt phải gánh chịu, ngay cả lúc ta gặp được thời vận tuyệt vời.

Ban đầu thì hơi chững lại một lát, nhưng rồi cũng đành chấp nhận những đổi thay với một sự lạc điệu ngày càng tăng, ngày càng ghê tởm trên khắp khuôn mặt. Cũng phải khá khen cho bức tranh châm biếm công phu và tử tốn ấy đã được khắc họa bằng cái thời gian chỉ có hai năm trời. Chấp nhận thời gian, đó là bức tranh của chúng ta. Vậy thì có thể nói là (cũng như cầm tờ bạc nước ngoài, mới thoát nhìn, ai mà chẳng hơi do dự), chúng ta hoàn toàn nhận ra rằng chúng ta không lầm đường, rằng chúng ta đang đi đúng con đường của mình, dầu chẳng có bàn bạc gì với nhau, con đường không thể bỏ qua trong hai năm tới, con đường của sự thoái hóa mục rỗng. Và tất cả là đó.

Khi Musyne tình cờ gặp tôi như vậy, trước cái cao ngạo mà tôi làm cho em phát khiếp, em hình như muốn trốn biệt khỏi tôi, né tránh tôi, quay ngoắt ngay đi, bất kể ra sao... Tôi cảm thấy ở em có chiều hướng xấu, cái đó là tất nhiên, cả một quá khứ cơ mà, nhưng tôi lại biết rõ được tuổi tác của em, dù đã quá nhiều năm em cố công che giấu, em hoàn toàn không thể buột ra khỏi tay tôi được lâu. Em đứng đó trước mặt tôi, với vẻ gượng gạo như đứng trước một con quỷ. Em vốn khá tế nhị, và lúc này có lẽ đang cố tự kiềm chế để khỏi phải tuôn ra với tôi những câu hỏi cục mịch, ngu xuẩn như đối với một kẻ phạm lỗi bị bắt quả tang. Đàn bà mang cái chất bẩm sinh là gia nhân đầy tớ. Nhưng Musyne có lẽ mới chỉ hình dung được cái đó hơn là cảm nhận được nó; đấy cũng là một thứ an ủi trong tôi. Có lẽ tôi nên gợi cho em thấy rằng tôi

chỉ là một kẻ nhơ nhớp. Tôi có thể là một nghệ sĩ thuộc vào loại đó. Rút cục thì người ta cũng phải tự hỏi xem tại sao nghệ thuật lại không dành cho cái xấu mà chỉ dành cho cái đẹp thôi? Đây cũng là một thứ phải vun trồng chứ, tất cả là thế đó.

Từ lâu tôi cứ tưởng cô em Musyne ngây dại, nhưng đó chỉ là suy nghĩ của một kẻ kiêu ngạo muốn yêu mà chẳng được yêu. Bạn có biết không, hồi trước chiến tranh, người ta còn dốt nát hơn, hờm mình hơn bây giờ nhiều. Người ta, nói chung, hầu như chẳng biết quái gì về mọi sự trên đời, tóm lại, chỉ là những người không có ý thức. Những thằng oắt vào loại tôi, không như bây giờ đâu, khi ấy còn dễ trông gà hóa cuốc, nhìn cái bong bóng mà cứ bảo là ngọn đèn. Yêu mê một em Musyne xinh đẹp, tôi cứ ngỡ rằng mình sắp được nàng phú cho đủ mọi sức mạnh, trước hết và trên hết là cái dũng cảm mà mình vốn thiếu, tất cả chỉ vì cô bạn nhỏ của tôi có sắc đẹp lại có tài âm nhạc! Ái tình giống như rượu mạnh, càng say khướt và bất lực lại càng tưởng rằng mình khỏe khoắn, tinh khôn và chắc mẫm vào quyền hành của mình.

Mụ Herote, bà chị họ của vô khối anh hùng quá cố chỉ ló ra khỏi con hẻm của mụ khi có đám tang lớn; hơn nữa, mụ cũng hiếm khi ra phố, vì lão nhân viên phát mại bạn tình của mụ thường tỏ ra con người cả ghen. Chúng tôi tụ họp với nhau trong phòng ăn ở phía sau cửa hàng, mà nhờ ở sự phồn vinh đã thực sự mang dáng dấp một phòng khách. Bọn tôi đến đây tán gẫu, giải buồn, một cách tử tế, đứng đẵn dưới ánh lửa ga. Em Musyne chơi dương cầm, khiến chúng tôi mê say các bản nhạc cổ điển, chỉ có cổ điển thôi, cho nó thích hợp với thời buổi đang lắm đau buồn. Chiều chiều, cùng kê vai nhau, với lão nhân viên ngồi giữa, chúng tôi an ủi nhau, làm dịu bớt cho nhau những nỗi sợ, những điều thầm kín và những niềm hy vọng.

Chị đầy tớ của mụ Herote mới vào làm, thường hay dòm ngó theo dõi cặp này cặp kia đang sắp sửa lấy nhau. Vì ở quê chị, không ai quan niệm được cái món tự do kết hôn thế này. Tất cả những tay Ác-giăng-tin, những tay sĩ quan, những khách hàng hay xục xạo đó đều gây cho chị ta một nỗi lo âu gần như theo bản năng tự nhiên.

Musyne thì ngày càng luôn luôn bị đám khách người Nam Mỹ chiếm đoạt. Nhưng cũng qua đó mà tôi hiểu được ngọn nguồn những thủ đoạn và những chuyện nội bộ của mấy ngài này, những khi cố chờ cho được em yêu ở văn phòng các vị. Hơn nữa mấy gã hầu phòng của các vị lại còn nghĩ rằng tôi là một thằng ma cô. Và rồi, cuối cùng, tất cả bọn họ đều coi tôi là ma cô, kể cả Musyne nữa, cùng lúc với việc tôi cũng nghĩ tất cả những khách quen của cái cửa hiệu mù Herote đều thế cả. Tôi chẳng biết làm thế nào. Vì sớm hay muộn thì người ta cũng xếp anh vào hạng người đó thôi.

Tôi được các nhà chức trách quân sự cho nghỉ thêm hai tháng dưỡng bệnh và người ta còn nói cả đến việc tôi sẽ được phục viên nữa. Musyne bàn với tôi và hai đứa quyết định đưa nhau ra ở tại Billancourt ^[40*]. Thật ra thì đây cũng là một cái mẹo của em, lợi dụng việc chúng tôi ở xa nội thành để em có cớ mà về nhà thừa hơn. Luôn luôn em tìm được cớ này cớ khác để ở lại Paris.

Những đêm Billancourt thật êm đềm, đôi lúc xáo động bởi những cuộc báo động trò trẻ về máy bay và khí cầu của địch, nhờ đó mà dân thành thị tìm được cách để chứng minh cho những cái rùng mình của mình. Trong lúc chờ đợi người tình, tôi đi dạo khi bóng đêm đã buông xuống, đến tận cầu Grenelle ^[41*], bóng tối từ dưới sông hắt lên tận thành xe điện ngầm, với những chùm đèn giăng giăng giữa đêm đen, với khối sắt cũ to tướng ầm ầm như sấm động đang len lỏi vào giữa những dãy nhà cao tầng ở bến Passy.

Trong các thành phố thường có những góc phố xấu xí một cách ngớ ngẩn như vậy, khiến cho ta có lọt vào đó thì luôn luôn cứ thấy mình đơn độc.

Rồi thì Musyne chỉ về cái thứ mái ấm đó của chúng tôi mỗi tuần có một lần. Em càng thường xuyên đi đệm đàn cho các nữ ca sĩ ở các nhà hàng của đám Ác-giăng-tin. Em có thể chơi đàn và kiếm sống được ở các rạp chiếu bóng, là nơi mà tôi có lẽ dễ tìm đến đón em, nhưng đám Ác-giăng-tin vui nhộn hơn và trả cao hơn, trong khi các rạp chiếu bóng thì buồn tẻ và trả ít. Những sự so đo ấy là cả cuộc đời đấy.

Cái Nhà hát quân đội ^[42*] bắt thần ra đời càng làm đầy thêm nỗi bất hạnh của tôi. Tức thì Musyne tạo ra hàng trăm mối quan hệ quân sự với Bộ Chiến

tranh và lại càng thường xuyên hơn ra mặt trận giải khuây cho các chú lính của chúng ta, lắm khi cả tuần liền. Em biểu diễn đến từng chi tiết các bản *sonate* và *adagio* trước các bồn hoa của bộ Tham mưu, và được xếp chỗ ngồi rất khéo để có thể ngắm cặp giò của em. Lính tráng ngồi các bậc phía sau các thủ trưởng và chỉ được thừa hưởng những dư âm mê ly của các thủ trưởng. Sau đó, em không tránh khỏi những đêm rất ư phức tạp trong các khách sạn của khu vực các quân đoàn. Một hôm em từ các quân đoàn về với tôi rất nhí nhảnh vui nhộn, đem theo một tấm bằng phong anh hùng, do một trong các vị tướng lớn của chúng ta ký tên, thưa bạn. Tấm bằng đó là nguồn gốc quyết định sự thành đạt của em.

Đối với cái cộng đồng Ác-giăng-tin nọ thì em lại biết làm cho chuyện này thành một chuyện cực kỳ bình dân. Họ ăn mừng với em. Họ mê mết vì cô em Musyne của tôi, cô chiến sĩ nghệ sĩ vĩ cầm xinh đẹp! Tươi mát, phòng the còn khép kín mà thêm vào đó lại còn là anh hùng nữa chứ! Những anh chàng Ác-giăng-tin đó mang ơn cái xứ sở đang nuôi dưỡng mình, họ hiến dâng cho các thủ trưởng lớn của chúng ta một trong những tuyệt phẩm của họ, không chỉ gọn lỏn trong một cái túi dết thôi đâu, và khi em Musyne của tôi trở về với họ, cầm trong tay tấm bằng thực hản hoi, với nét mặt trẻ thơ xinh xắn, những ngón tay nhỏ nhắn nhanh nhẹn và đáng tự hào, thì bọn họ anh nào cũng đua nhau mà tỏ lòng yêu mến em, cứ như trong một cuộc bán đấu giá không bằng!

Cái thứ thơ phú ca ngợi anh hùng thường chi phối mà không hề bị chống cự, những kẻ không hề phải ra trận và nhất là những kẻ đang làm giàu kinh khủng bằng chiến tranh. Đó là chuyện hợp lệ thôi mà.

Chà! cái thứ chủ nghĩa anh hùng tinh quái ấy, tôi xin nói với bạn là nó đang suy yếu dần. Các lão chủ tàu buôn ở Rio ^[43*] trao tên tuổi và hoạt động của họ cho cô em xinh đẹp, và phải công nhận em là người đã khéo léo nữ hóa cái sự kiên cường và thiện chiến của nước Pháp để làm công cụ cho họ. Lại phải thừa nhận rằng, Musyne đã biết cách tạo ra một lô nho nhỏ những chuyện rất có duyên về những việc xảy ra trong chiến tranh và, giống như

một chiếc mũ nghịch ngợm của nhà ảo thuật, nó đang làm cho em trở thành tuyệt diệu. Ngay cả tôi cũng thường phải ngạc nhiên về sự khéo xử của em và, nếu có thể tin vào đó, thì tôi xin thú thực rằng, mình chỉ là một kẻ vờ vĩnh thô thiển chuyện phịa chuyện bên cạnh em. Em có được cái biệt tài đặt những khám phá của mình vào một chốn xa xăm nào đó, nơi mà tất cả đều trở nên và mãi mãi là của quý hiếm và thắm sâu lòng người. Chúng ta cứ khẳng khẳng mình là những chiến sĩ, nhưng kỳ thật, như tôi bỗng nhận ra, đó chỉ là những chuyện tào lao thô thiển nhất thời và hoàn toàn chính xác là thế. Người đẹp của tôi lao động trong cái vĩnh hằng. Ta phải tin ở Claude Lorrain ^[44*], rằng trên một bức tranh, những lớp cận cảnh luôn luôn gây những cảm giác chán ghét và nghệ thuật đòi hỏi người ta đặt cái quan trọng của tác phẩm vào những chốn xa xăm, không thể nắm bắt được, đó là nơi ẩn náu của những ảo ảnh hư cấu, cái giấc mơ bị thộp quả tang ấy, và cũng là tình yêu duy nhất của cánh đàn ông. Đàn bà họ biết để tâm đến cái bản chất khốn khổ của chúng ta và dễ dàng trở thành cô em yêu quý, thành niềm hy vọng cần thiết và tối cao của chúng ta. Ta chờ đợi ở bên nàng, để nàng giữ gìn cho ta cái lẽ sống lếu láo, nhưng trong lúc chờ đợi thì nàng có thể dựa vào cái chức năng thần diệu ấy mà kiếm sống một cách hậu hĩ. Musyne, theo bản năng, tất cũng không xem nhẹ cái đó đâu.

Người ta thấy những gã Ác-giăng-tin ở bên cửa ô Ternes, nhất là ở ven rừng Boulogne, tại một nhà hàng tư nhân nho nhỏ, rất kín đáo, choáng lộn, trong những ngày đông giá lạnh này mà lọt vào đấy thì anh sẽ thấy tỏa ra một không khí ấm áp dễ chịu và muốn sao thì sao đầu óc anh cũng bỗng lạc quan hẳn lên.

Trong nỗi thất vọng chập chờn, tôi lại còn khổ thêm nữa là cứ làm những điều hớ hênh, như tôi đã kể, là càng thường xuyên hơn đến chờ em ở nơi làm. Tôi kiên nhẫn chờ, đôi khi đến tận sáng, buồn ngủ rũ ra nhưng cơn ghen đã giữ cho tôi tỉnh táo, lại thêm cái món vang trắng mà đám gia nhân cho tôi uống rất hào phóng. Bọn chủ Ác-giăng-tin thì tôi rất hiếm khi gặp mà chỉ nghe thấy ồn ã những bài hát và cái thứ tiếng Tây Ban Nha của họ, và cả tiếng

đàn dương cầm không lúc nào ngừng nghỉ, nhưng rất thường là do những bàn tay nào khác chơi chứ không phải Musyne. Vậy thì trong thời gian đó, cô gái ấy làm gì với đôi bàn tay của mình?

Khi chúng tôi gặp nhau vào lúc trời sáng ở ngoài cửa, vừa thấy tôi là em nhả mặt lại. Vào thời ấy, tôi vẫn còn giữ được cái bản chất tự nhiên như một con vật, không muốn buông thả người đẹp của mình, như con vật không chịu buông thả khúc xương, thể thôi.

Ta đánh mất phần lớn nhất cái tuổi thanh xuân của mình vì những chuyện vụng về. Thật rõ ràng là người tôi yêu quý đang sắp từ bỏ tôi hoàn toàn và chóng vánh. Thì ra tôi vẫn còn chưa hiểu được rằng có hai thứ nhân văn rất khác nhau, nhân văn của người giàu và nhân văn của người nghèo. Cũng như biết bao chàng trai khác, tôi đã phải trải qua hai mươi năm tồn tại và chiến tranh, để biết bám víu vào cái hạng người của mình, biết hỏi xem giá của những vật và người, trước khi sờ vào và trên hết là trước khi cầm lấy.

Được sưởi ấm ở nơi em làm, nhờ các tay gia nhân vừa đánh bạn, tôi không thể hiểu được trên đầu tôi các vị thần của nhà hàng Ác-giăng-tin này, là người Đức, người Pháp hay người Tàu, cái đó không quan trọng, mà chỉ cần biết đó là những vị Thần, những kẻ giàu có. Những kẻ đó ở trên kia với Musyne, còn tôi ở dưới này, chẳng với ai cả. Musyne nghĩ nghiêm chỉnh đến tương lai của em nên em chọn thực hiện việc ấy với một vị Thần. Tôi dĩ nhiên cũng nghĩ đến tương lai của mình, nhưng trong một thứ hoang tưởng, bởi vì lúc nào cũng âm thầm sợ bị giết trong chiến tranh cũng như lo chết đói trong hòa bình. Tôi là kẻ bị treo cái án tử hình và cái án yêu đương. Cái đó không chỉ là ác mộng đâu. Không xa chỗ chúng tôi lắm, chỉ dưới một trăm cây số, hàng triệu hàng triệu người, dũng cảm, được vũ trang tốt, được huấn luyện tốt, đang chờ đợi tôi làm công việc của mình và những người dân Pháp cũng đang chờ tôi đem mạng sống ra mà chấm dứt chiến tranh, trừ phi tôi muốn bỏ mặc cho những kẻ ở phía bên kia băm vằm nước Pháp máu me tôi tả ra từng mảnh.

Trên thế gian này, đối với kẻ nghèo, có hai phương cách lớn để mà chết,

hoặc bởi sự thờ ơ tuyệt đối của đồng loại trong thời bình, hoặc bởi sự đam mê giết chóc cũng của những đồng loại ấy khi chiến tranh xảy đến. Nếu như họ có hạ cố nghĩ đến anh, chẳng qua là từ sự hành hạ anh mà họ nghĩ ngay đến những người khác, và chỉ có thế thôi. Bọn đều giả ấy chỉ quan tâm đến người ta máu me đầy mình thôi. Về mặt này, Princhard quả là có lý. Trong cái cảnh lò mố xảy ra đến nơi kia rồi, người ta chẳng còn bao nhiêu công sức mà suy tính đến những gì thuộc tương lai của mình, hầu như chỉ còn nghĩ đến yêu đương trong những ngày còn lại, bởi đó là biện pháp duy nhất để quên lãng một chút cái thân xác của mình đang ngày một ngày hai bị đem đi lột da từ đầu đến chân.

Giữa lúc Musyne tránh né tôi, tôi tự xem mình như một kẻ lý tưởng chủ nghĩa, đó là cách người ta tô điểm cho những bản năng nhỏ nhoi của mình bằng những từ ngữ to tát. Ngày phép của tôi đang hết. Các báo đang khua chiêng trống kêu gọi tất cả các chiến binh có khả năng đều phải tái ngũ, trước hết là những kẻ tử cố vô thân. Về mặt chính thức thì lúc này chỉ được nghĩ đến chiến thắng.

Giống như Lola, Musyne cũng hết sức muốn tôi gấp rút quay ra mặt trận và ở lại ngoài ấy. Khi thấy tôi có vẻ chần chừ thì em xử sự thô bạo, xưa nay chưa thế bao giờ.

Tối hôm đó, cũng là một tối hân hữu hai đứa lại đi với nhau về Billancourt, gặp lúc lính cứu hỏa thúc còi tí toét và mọi người trong khu nhà chúng tôi đang hòa nhau xuống hầm để “chào mừng” không biết cái khinh khí cầu quý nào đó của địch.

Những cơn hốt hoảng vặt này, trong đó cả một khu phố mặc áo ngủ, theo sau mẫu nển, miệng lục cục ào ào giục nhau khuất dần xuống các tầng sâu để tránh một hiểm họa gần như hoàn toàn tưởng tượng, khiến ta có thể thấy được cái mức độ của mỗi lo phù phiếm trong những sinh linh này, khi thì là những con gà mái nháo nhác sợ hãi, khi lại là những chú cừu hồm hĩnh thỏa thuê. Những sự lông bông quý quái như thế làm cho người kiên nhẫn nhất, bền chí nhất trong các nhà yêu mến xã hội ^[45*] cũng phát ngán đến chết.

Liền ngay sau tiếng kèn báo động đầu tiên Musyne quên bém rằng người ta vừa mới phát hiện rõ ràng chí khí anh hùng của em tại Nhà hát Quân đội. Em nằng nặc thúc tôi phải cùng em lao mau xuống tận đáy các đường hầm, hoặc đường xe điện ngầm, hay các đường cống ngầm, bất cứ đâu có thể trú ẩn và phải xuống đến tầng sâu cùng kiệt, trước tiên là phải xuống ngay lập tức! Cứ nhìn họ lao xuống thang như thế, ông lớn bà bé, lông bông hay oai vệ, bốn người một, chui xuống cái lỗ cứu khổ cứu nạn, thì rút cục chỉ càng làm cho tôi thờ ơ hơn. Hèn nhát hay dũng cảm, chẳng có gì là ghê gớm. Cùng một người ấy, nhưng ở đây là thỏ đế, ở kia là anh hùng, với anh ta ở đây hay ở đằng kia có gì khác nhau đâu. Tất cả mọi cái không mang lại tiền bạc, anh ta đều dứt khoát và vĩnh viễn bỏ qua. Sống chết, anh ta đều không cần biết. Ngay đến cái chết của bản thân, anh ta cũng không suy nghĩ được đúng sai nữa cơ mà.

Anh ta chỉ cần biết có tiền bạc và du hí thôi.

Musyne khóc lóc trước sự chống đối của tôi. Những người hàng xóm giục giã chúng tôi chạy theo họ, cuối cùng thì tôi cũng đành phải chiều theo. Xuống lọt dưới tầng hầm rồi thì lại mỗi người mỗi ý. Cái hầm của lão hàng thịt được đa số tán thành, người ta cho rằng nó nằm sâu nhất trong mọi căn hầm ở khu nhà này. Nhưng vừa đến ngưỡng cửa đã thấy xông lên cái thứ mùi nồng nặc tôi vốn là thằng đã ngửi quen mà cũng không sao chịu được.

-Em định xuống dưới ấy với những tảng thịt trên móc hay sao? tôi hỏi em.

-Sao lại không? em trả lời tôi, với vẻ rất ngạc nhiên.

-Này em, như thế sẽ gọi lại cho anh những kỷ niệm cũ, thôi cứ để anh leo lên trên kia, tốt hơn.

-Vậy là anh đi à?

-Bao giờ hết báo động, em lên tìm anh.

-Nhưng có thể báo động lâu đấy...

-Anh thích chờ em ở trên kia. Anh không chịu được mùi thịt sống, mà cũng sắp báo yên rồi.

Đã yên ổn đâu đấy trong hầm, các ông bà hàng xóm của tôi mới rúc rích

chào hỏi nhau. Mấy bà xuống sau, chỉ kịp khoác lên người cái áo choàng, khép nép một cách lịch sự và ý tứ đến gần cái vòm nặng mùi mà ông bà hàng thịt đã có nhã ý đón chào và xin cáo lỗi về cái khí lạnh nhân tạo dùng để bảo quản món hàng của họ.

Musyne biến luôn cùng những kẻ khác. Tôi đã chờ em ở trên nhà cả một đêm, suốt một ngày, một năm... Em chẳng còn bao giờ trở lại tìm tôi nữa.

Từ đó, về phần mình, tôi trở nên ngày càng khó yên thân và chỉ còn có hai ý nghĩ trong đầu: giữ lấy mạng sống và đi Mỹ. Nhưng thoát được khỏi chiến tranh là việc đầu tiên và việc đó tháng này qua tháng khác lắm lúc làm cho tôi đến đứt hơi.

“Đại bác nào! binh lính nào! đạn được nào!”, các nhà yêu nước hò ra rả không còn biết mỗi mồm nữa. Hình như người ta không còn chớp mắt đi được chừng nào cái nước Bỉ khốn khổ và cái vùng Alsace nhỏ bé thơ ngây chưa thoát được ra khỏi cái ách Nhật nhĩ man ^[46*]. Người ta khẳng định với chúng tôi rằng, đây là nỗi ám ảnh làm trở ngại việc hít thở, ăn uống và đi lại với đàn bà của những người con ưu tú nhất của chúng ta. Nhưng hình như chẳng có vẻ gì là cái đó làm trở ngại việc họ kiểm soát ở những người sống sót. Tinh thần ở hậu phương có thể nói là vẫn tốt mà.

Phải cấp tốc khôi phục các trung đoàn của chúng ta. Nhưng ngay sau buổi khám đầu tiên, người ta thấy sức khỏe của tôi còn thấp xa dưới trung bình, song lại vừa đủ tốt để chuyển sang một nhà thương khác, nơi chuyên chữa bệnh về xương và thần kinh. Một buổi sáng, sáu đứa chúng tôi từ phân đội lưu quân ra đi, ba thằng pháo binh và ba thằng kỵ binh, đứa thương binh, đứa bệnh binh kéo nhau đi tìm cái nơi cứu chữa sự dưng cảm đã đánh xống mất, những phản xạ đã bị phế bỏ và những cánh tay đã gãy. Cũng như tất cả các thương binh hồi đó, trước tiên là phải đến kiểm tra ở Val-de-Grâce ^[47*], ngôi thành xệ bụng, ra dáng quý tộc lắm, chỗ nào cũng rậm rạp cây cối, lại sặc mùi xe thổ mộ ^[48*] chạy trên các hành lang, cái mùi mà ngày nay và hãn mãi mãi không còn, thêm vào đó đủ thứ mùi hồ lồn chân người, mùi rơm rạ và mùi đèn dầu. Chúng tôi chẳng phải ở đó lâu la gì, vừa hỏi han chúng tôi được

ít câu, hai tay sĩ quan quản lý nhà thương, do quá bù đầu và quá sức, đã sạt chúng tôi ra trò, dọa đưa chúng tôi ra Hội đồng và đùn đẩy chúng tôi về các cơ quan hành chính đường phố. Họ bảo là không còn chỗ cho chúng tôi và trở cho chúng tôi đến một nơi băng quơ: một cái pháo đài ở đâu đó trong các vùng xung quanh thành phố.

Từ các quán nhậu đến các pháo đài, từ những ly rượu đến những tách cà phê sữa, thế là sáu đứa chúng tôi kéo nhau đi theo những phương hướng mù mịt để tìm hú họa cái nơi ẩn náu mới hình như chuyên trị những loại anh hùng bất lực như lũ chúng tôi.

Chỉ có mỗi một đứa trong bọn chúng tôi là có được món tài sản thô lậu, chứa tất cả vào nhõn một cái hộp bích quy Pernot, hãng bánh quy nổi tiếng thời ấy mà nay tôi không còn nghe thấy nói đến nữa. Trong cái hộp kẽm nhỏ ấy, cậu bạn tôi giấu mấy liều thuốc, một cái bàn chải răng, anh em phát phì cười cả với nhau về sự kỹ tính khác người của cậu ta, đến cơ sự này mà vẫn còn sẵn sóc hàm răng, và cũng vì cái sự cầu kỳ khác thường ấy mà chúng tôi coi cậu ta là một thằng “đồng tính”.

Cuối cùng, thì vào khoảng nửa đêm, sau nhiều lần do dự, chúng tôi cũng đến được bên những ụ đất tối om của cái pháo đài Bicêtre ^[49*], gọi là pháo đài “43”. Thế là hay rồi.

Người ta mới tân trang cái pháo đài này để đón nhận những người què cụt và người già. Ngay cái vườn vẫn còn chưa làm xong.

Lúc chúng tôi đến thì trong cái khu dành cho quân nhân mới chỉ có chị thường trực là cư dân độc nhất. Trời mưa mau. Chị ta sợ hãi khi nghe thấy chúng tôi, nhưng chúng tôi đã làm cho chị ta phì cười bằng cách đặt tay vào đúng chỗ. Chị ta nói:

-Tôi cứ ngỡ là bọn Đức!

-Chúng nó đi xa rồi! Chúng tôi trả lời.

-Thế các anh bị bệnh ở đâu?

- Khắp người, nhưng không ở con cu! Một cậu pháo binh trả lời.

Chà, có thể nói đó là ý thực đấy, mà chị thường trực nghe vậy cũng thích.

Cùng trong pháo đài này, đến sau chúng tôi có các ông già bà già do cứu tế xã hội chuyển đến. Người ta cấp tốc xây dựng những ngôi nhà mới với hàng cây số cửa kính để giữ các cụ trong ấy như con sâu con bọ, cho đến khi nào hết chiến sự. Trên những mô đất xung quanh, chia thành nhiều thửa hẹp, đất bùn nhão nhoét chen giữa những túp lều tạm bợ. Núp dưới những túp lều này, thỉnh thoảng mọc lên một cây tỏi và ba cây cải củ, cũng chẳng biết được tại sao, chỉ béo mấy chú sên bần thiêu được vinh hạnh làm chủ.

Cái nhà thương của chúng tôi sạch sẽ, trong mấy tuần lễ đầu tiên này phải liệu mà đi xem mau mau mọi thứ, bởi vì rồi ra sẽ chẳng có ai biết trông nom gìn giữ, về mặt này thì toàn là quân thật sự bần thiêu như nhau cả thôi. Bọn tôi lớ ngớ thế nào lại được nằm trên giường sắt và dưới ánh trăng, vì khu nhà này còn quá mới nên điện chưa đến được.

Sáng dậy, vị y sĩ trưởng mới của chúng tôi đến làm quen, có vẻ như rất bằng lòng được thấy chúng tôi, bề ngoài thấy hòa nhã lắm. Ông ta có lý do để mà sung sướng, vừa được thăng lên bốn lon mà. Con người ấy lại còn được trời phú cho cặp mắt đẹp nhất trần đời, mượt như nhung, siêu tự nhiên nữa, hẳn ông ta dùng nó vào việc làm rung động bốn cô y tá tình nguyện không lương bám quanh ông ta với những điệu bộ ân cần chẳng bỏ sót tí gì. Ngay sau buổi tiếp xúc đầu tiên, ông ta đã nắm được tâm trạng chúng tôi như dự kiến. Không chút khách sáo, ông ta thân mật nắm vai một cậu trong bọn tôi, lay đi lay lại như thế cha con, ông ta phác cho chúng tôi biết các quy cách và con đường ngắn nhất dẫn chúng tôi một cách vui vẻ và chóng vánh đến chỗ lại được dẫn cho một trận nữa.

Dù cho họ có từ đâu đến thì rõ ràng là họ đều chỉ nghĩ đến chuyện đó thôi. Người ta có thể nói rằng như thế là họ làm việc thiện. Đó là một tật xấu mới. Ông ta cất giọng hót: “Các bạn ơi, nước Pháp đã đặt niềm tin vào các bạn, nước Pháp là một phụ nữ, một phụ nữ đẹp nhất trần đời! Nước Pháp trông cậy vào chí khí anh hùng của các bạn! Là nạn nhân của một cuộc xâm lược hèn hạ nhất, bỉ ổi nhất, nước Pháp có quyền đòi hỏi những người con của mình rửa mối thù sâu này! Phải khôi phục lại lãnh thổ toàn vẹn của nước

Pháp, dù có phải trả giá bằng sự hy sinh cao nhất? Về phần mình, chúng tôi ở đây sẽ làm tất cả mọi việc phải làm, đó là nghĩa vụ của chúng tôi; các bạn ơi, các bạn hãy làm nghĩa vụ của các bạn! Khoa học của chúng tôi là thuộc về các bạn! Nó là của các bạn! Tất cả mọi của cải phương tiện ở đây chỉ để phục vụ việc cứu chữa các bạn. Đến lượt các bạn hãy trợ giúp chúng tôi bằng thiện chí của các bạn! Tôi biết rằng sẽ nhận được thiện chí đó của các bạn! Và chẳng mấy chốc các bạn sẽ có thể trở về vị trí của mình bên cạnh đồng đội trong các chiến hào! Vị trí thiêng liêng của các bạn! Để bảo vệ mảnh đất thân yêu của chúng ta! Nước Pháp muôn năm! Tiến lên!” Ông ta biết ăn nói với lính đấy chứ.

Chúng tôi mỗi đứa đứng ở chân giường, trong tư thế lập nghiêm, nghe ông ta. Một cô tóc hung trong nhóm các cô y tá xinh đẹp đứng sau ông ta, không nén được nổi xúc động đến tắc thở, khiến cho mấy giọt lệ đã phải tuôn trào. Một cô vội an ủi: “Em thân yêu ơi, chị đảm bảo với em rằng... Cậu ấy sẽ trở về thôi mà...” Đó là cô chị họ, tóc hoe vàng hơi đậm người, ra sức an ủi cô ta. Khi dìu cô em họ đi qua chúng tôi, cái cô đậm người ấy cho tôi biết là cô em xinh đẹp xui đi vì người yêu bị động viên vào hải quân mới ra đi đây thôi. Bị chứng hừng, ông thầy hăng say đó cố làm nhẹ bớt cơn xúc động đẹp đẽ và bi thảm do bài diễn văn ngắn và rung cảm của ông ta. Ông rất bối rối và phiền lòng trước cô ta. Khơi dậy một nỗi lo lắng đau buồn trong một trái tim ưu tú, chắc chắn là thống thiết, hoàn toàn nhạy cảm và dịu dàng. Cô chị họ tóc vàng vẫn còn thì thầm: “Thưa thầy! Biết thế này thì chúng em đã thưa trước với thầy... Nếu thầy biết được hai đứa yêu nhau thắm thiết thế nào!...” Nhóm nữ y tá và cả ông thầy vừa nói với nhau vừa biến dần trên hành lang. Họ chẳng còn quan tâm đến chúng tôi nữa.

Tôi cố nhớ lại và cố hiểu xem ý nghĩa của bài diễn văn vừa rồi của ông ta, người có đôi mắt sáng ngời ấy. Nhưng với tôi, những lời lẽ được chuẩn bị kỹ càng của ông ta còn xa mới có thể làm cho tôi buồn, mà trái lại, càng nghĩ tôi càng thêm kinh tởm cái việc phải chết. Đấy cũng là ý kiến của các bạn tôi, tuy có hơi khác ở chỗ họ không thấy sự thách thức và nhục mạ trong đó. Các

cậu ấy chẳng cần tìm hiểu làm gì mọi việc xảy ra trong cuộc sống xung quanh mình, mà chỉ nhận thức được, cũng mới đây thôi, rằng từ mấy tháng nay sự cuồng nhiệt của người đời xem ra ngày càng tăng mạnh, và trong tình hình như vậy thì rõ ràng là không còn có thể đặt sự sống của mình lên những cái chẳng có gì là vững chắc cả.

Ở nhà thương này cũng hoàn toàn giống như trong cái đêm ở vùng cánh đồng Flandres, cái chết cũng vẫn cứ quấy rầy chúng tôi, nó đã thành định mệnh giống như ở đằng kia, thật thế, chỉ có điều là ở đây, cái chết lao vào thân hình run rẩy của anh qua bàn tay chăm sóc của ban quản trị.

Ở đây, người ta không rầy la chúng tôi, tất nhiên, người ta còn nói năng với chúng tôi dịu dàng, luôn luôn chỉ nói đến những chuyện ngoài cái chết, tuy nhiên bản án của chúng tôi vẫn thể hiện rất rõ trên từng góc giấy tờ mà họ yêu cầu chúng tôi ký tên vào, ở mỗi sự thận trọng của họ đối với chúng tôi: Huân chương... Vòng tay... Nghỉ phép... Bất kỳ một lời khuyên nào... Chúng tôi cảm thấy mình đang bị tính đến, rình rập, đánh số trong cái dự trữ lớn những kẻ phải ra đi nay mai. Vậy là không thể khác được, nếu đem so sánh thì tất cả đám thường dân và nhân viên y tế quanh đây đều có vẻ nhẹ nhõm hơn chúng tôi. Các cô y tá, những cô gái ấy, không phải chia sẻ số phận với chúng tôi, các cô, trái lại, chỉ nghĩ đến việc sống lâu, thật lâu hơn và sống để yêu, cái đó rõ rồi, để dạo chơi và để nghìn vạn lần làm tình rồi lại làm tình. Mỗi ả thiên thần ấy vẫn còn giấu dưới đũng quần của họ một đồ án nhỏ về đường tình ái của các cô, như những tên tù khổ sai ^[50*], để chờ cho đến sau này, khi chúng tôi đã mục xương dưới một đồng bùn dàu đó, có Trời biết!

Đến lúc ấy, các cô sẽ có thể dành cho anh những cái thở dài thương cảm đặc biệt thống thiết, và cũng làm cho các cô càng hấp dẫn hơn. Các cô có thể gọi ra những phút thầm lặng đầy xúc động, những thời khắc bi thảm của chiến tranh... “Các bạn nhớ chẳng đến anh chàng Bardamu nhỏ thó, - các cô sẽ nói vào lúc hoàng hôn xuống khi nhớ đến tôi, - người mà chúng ta đã phải ra sức kìm giữ qua những cơn ho... Tinh thần anh ta không được tốt lắm, anh chàng khốn khổ... Giờ đây anh ta đã ra sao nhỉ?...”

Mấy lời thương tiếc nên thơ và đúng lúc ấy thật là phù hợp với người phụ nữ cũng như mấy sợi tóc mây phơ phất dưới ánh trăng.

Núp sau những lời lẽ và những sự ân cần của họ, ngay bây giờ ta phải hiểu ra thế này: “Anh chàng quân nhân ngoan ngoãn kia ời, anh đang sắp chết đấy... Anh sắp chết rồi đấy... Chiến tranh là thế mà... Mỗi người có cuộc sống của mình... Vai trò của mình... Cái chết của mình... Chúng tôi có thể chia sẻ nỗi tuyệt vọng với anh... Nhưng chẳng ai chia sẻ cái chết của ai cả... Mọi người phải giữ cho thật khỏe cả thể xác lẫn linh hồn, phải liệu cách mà tiêu khiển, không hơn không kém, và chúng tôi là những cô gái trẻ, chắc nịch, xinh đẹp, được quý mến, lành mạnh, có giáo dục... Đối với chúng tôi, chẳng có gì phải suy nghĩ, cứ kệ đấy, mọi cái sẽ theo luật sinh học tất yếu trở thành một vở kịch vui vẻ, biến thành một niềm vui. Như thế đòi hỏi chúng tôi phải có sức khỏe! Và chúng tôi không thể chấp nhận những chuyện buồn không đáng có... Đối với chúng tôi phải là những gì kích thích, chỉ những cái kích thích thôi... Các anh sẽ sớm bị rơi vào quên lãng, các anh lính bé nhỏ ời... Hãy ngoan ngoãn đi, chết cho mau đi... Và chiến tranh hãy chấm dứt để người ta còn có thể kiếm một tấm chồng trong số những sĩ quan đáng yêu của các anh chứ... Tốt nhất là được một chàng tóc hung!... Tổ quốc muôn năm! như bố vẫn thường hô... Tình yêu phải đẹp, khi anh ấy từ chiến trường trở về!... Người chồng bé bỏng của tôi sẽ được gắn huân chương!... Anh ấy sẽ được vị nể... Anh lính bé nhỏ ời, đến lúc ấy mà còn sống, thì anh sẽ có thể đến đánh giầy cho anh ấy vào hôm chúng tôi làm lễ cưới đấy... Liệu lúc đó anh có chia vui với hạnh phúc của chúng tôi không, anh lính bé nhỏ?...”

Mỗi sáng, chúng tôi lại thấy ông ta, thấy ông y sĩ trưởng, có các cô y tá theo sau. Chúng tôi được biết đó là một nhà bác học. Xung quanh những gian phòng dành cho chúng tôi, mấy ông già từ bên nhà đường lão mò sang bước thấp bước cao và chẳng được tích sự gì, la cà hết phòng này qua phòng khác để phun ra những chuyện đặt điều, xoi mói, những chuyện bôi xấu nhau đã lỗi thời. Nơi đây, bị vây hãm trong cảnh khốn cùng như ngập sâu dưới đồng bùn nhão nhoét, những người lao động già nua ấy gặm dần cái lớp cứt gà sấp

bám quanh những linh hồn mòn mỏi sau những năm dài tủi nhục. Những mối hận không bao giờ trả nổi căn cỗi đi trong sự nhàn cư đến vãi đá ở các căn phòng công cộng. Họ chỉ còn sử dụng được cái sức tàn lực tận để mà tự mình hủy hoại và tàn phá dần tí một cái gọi là thú vui trong hơi thở phều phào.

Thú vui tuyệt đỉnh! Trong cái thân hình khô đét của họ, không còn lấy một phân tử nào mà không mang tính ác...

Ngay sau khi nghe nói mấy thằng lính chúng tôi san sẻ những thứ tiện nghi tương đối trong pháo đài, là mấy ông già đó tỏ ra khó chịu cái sự đồng tâm ấy của chúng tôi, tuy vậy họ vẫn không phải là không kéo nhau theo bám riết chúng tôi để xin những mẫu thuốc thừa hoặc những mẫu bánh rơi vãi dưới gầm ghế. Những khuôn mặt khô khốc nhăn nheo dí sát mũi vào mấy ô cửa kính nhà ăn những lúc chúng tôi ăn ở bên trong. Giữa những nếp nhăn trên hai cánh mũi, mấy cặp mắt đầy dử nhón nhác ngó quanh như những con chuột đói thèm ăn. Trong số những người tàn phế ấy có một lão già có vẻ xạo hơn, ranh ma hơn, lão dọn giọng hát những bài hát nho nhỏ thời xưa của lão để chúng tôi khuây khỏa. Người ta gọi lão là bố già Birouette ^[51*]. Lão sẵn sàng làm mọi trò theo yêu cầu, miễn là thưởng cho lão thuốc lá; sẵn sàng làm mọi việc, trừ cái việc đi sang nhà xác của pháo đài này, chắc cũng không mấy lúc để không. Một trong những trò người ta thường bày ra để trêu lão, là dắt lão đi, giả vờ là đi dạo, nhưng lại dẫn sang phía nhà xác, tới gần cửa mới hỏi: “Bố già vào đây chứ?” Thế là lão cầu nhàu ù té bỏ đi thật mau, thật xa, hai ba ngày sau cũng chẳng ai thấy mặt lão Birouette. Lão đã thoáng nhìn thấy cái chết mà.

Y sĩ trưởng có cặp mắt đẹp của chúng tôi, giáo sư Bestombes, nhằm lấy lại tinh thần cho chúng tôi, đã trang bị cả một bộ máy rất cầu kỳ toàn những đồ điện sáng loáng mà chúng tôi phải nhận lấy những luồng điện theo định kỳ, được bảo rằng đó là những liều bổ dưỡng và phải nhận lấy, trừ phi muốn bị tống cổ đi. Hình như ông ta, cái ông Bestombes ấy rất ư là giàu, có thể thì mới tận được cả cái cỗ máy xử tử bằng điện ấy chứ. Bố vợ ông ta là một chính trị gia cỡ bự, đã kiếm bầm trong một vụ buôn bán đất của chính phủ,

nhờ vậy mà ông ta mới hào phóng được thế.

Phải tận dụng mới được. Mọi việc đâu có đó cả thôi. Tội ác và trừng phạt. Ông ta có thể đi nữa thì chúng tôi cũng chẳng oán ghét gì. Ông ta khám thần kinh cho chúng tôi một cách đặc biệt cẩn thận, hỏi han chúng tôi bằng một giọng điệu thân mật lịch sự. Cái sự hiền từ được chăm chút rất mực này làm sướng mê các cô y tá phục vụ ông ta, cô nào cũng ra dáng cả. Mỗi sáng, các cô nàng xinh đẹp ấy mong đợi khoảnh khắc được vui vẻ trước sự biểu lộ cái tử tế cao độ đó của ông ta, thật là tuyệt diệu. Tất cả chúng tôi, rút cục, cùng chơi một vở kịch, trong đó Bestombes chọn cho mình vai nhà bác học từ thiện và nhân đạo sâu sắc, đáng mến, tất cả chỉ còn là sự ăn ý với nhau thôi.

Tại nhà thương mới này, tôi nằm chung phòng với tay đội Brandelore, một tay tái đặng; tay Brandelore này là khách nhẵn mặt của nhiều nhà thương. Cậu ta đã kéo dài cái ruột thủng từ nhiều tháng nay, qua bốn nhà thương rồi.

Trong những ngày nằm ở đây, cậu ta học được cách thu hút rồi giữ được cảm tình rất có công hiệu của các cô y tá. Cậu Brandelore ấy thường hay nôn ra máu, đái và ỉa vãi ra máu, lại còn rất khó thở, nhưng tất cả những cái đó chẳng đủ để cậu ta tranh thủ được ân huệ hoàn toàn đặc biệt của các nhân viên điều trị ở đây đã từng thấy những bệnh nhân còn ghê rợn hơn cơ. Thế là, cứ giữa hai cơn khó thở mà thoáng thấy một thầy thuốc hay một y tá đi qua là cậu Brandelore lại hét toáng lên: “Chiến thắng! Chiến thắng! Chúng ta nhất định chiến thắng!” hoặc giả, tùy từng trường hợp, khi thì cậu ta chỉ thầm thì khi lại phồng cả hai lá phổi ra mà la... Như vậy là hoàn toàn thích ứng với cái văn chương cháy bỏng tính tiến công. Bằng hiệu quả của màn diễn hợp thời, cậu ta đưa cái tinh thần của mình leo lên tận tột đỉnh. Quả là con người có biệt tài.

Thì chỗ nào mà người ta chẳng đóng kịch, Brandelore cũng phải và có lý để làm việc ấy; cũng chẳng có gì là ngốc nghếch hơn và đáng căm hơn là một khán giả trơ ì bỗng nhiên lại nhảy tót lên sân khấu. Khi đã leo lên đấy, thì anh phải biết lấy giọng, phải múa may, phải chơi và phải biết cái gì mà chọn, hoặc là biến. Đàn bà là họ chỉ ham xem kịch, và không thương nể gì những

anh chàng nghiệp dư lạc lõng. Chiến tranh, không còn tranh cãi, là cửa mở cho các buồng trứng của các bà các chị và họ đòi hỏi phải là những anh hùng cơ, còn những ai không được cái vinh dự ấy thì có thể nào cứ tự phơi bày như thế hoặc sẵn sàng chịu đựng một trong những số phận nhục nhã nhất.

Sau tám ngày sống với nhóm phục vụ mới này, chúng tôi hiểu ra sự khẩn cấp phải thay đổi cái bộ tịch lơ lửng và, nhờ có Brandelore (khi còn là thường dân, cậu ta chuyên nghề chào hàng thuê ren mà), cũng vẫn những con người lúc đến đây còn bị ám ảnh bởi những ký ức xấu xa của các lò mổ, những con người sợ sệt đi tìm lại vong linh, nay biến thành một lũ láu tôm láu cá một cách đáng ghét, anh nào cũng ra bộ quyết tâm giành chiến thắng, và tôi có thể đảm bảo rằng anh nào cũng được tạo cho ra mẽ người với đủ thứ chuyện kinh khủng. Lời ăn tiếng nói thô lỗ trở thành ngôn ngữ thật sự của chúng tôi, đôi khi làm cho các bà các chị phải đỏ mặt vì những câu tục tĩu quá xá. Tuy thế, họ chẳng phàn nàn bao giờ, vì coi đó là chuyện dĩ nhiên, đã là một chiến sĩ gan dạ thì cũng thường vô tâm và lại còn thô lỗ nữa kia, mà càng thô lỗ lại càng gan dạ.

Lúc đầu còn ra sức bắt chước Brandelore, nhưng điệu bộ yêu nước của chúng tôi chưa được chỉnh, chưa có sức thuyết phục. Phải mất đến một tuần, có lẽ hai tuần tập dượt ráo riết mới luyện được thật đúng giọng điệu.

Vị thầy thuốc của chúng tôi, giáo sư thạc sĩ Bestombes, nhà bác học, ngay sau khi ghi nhận tiến bộ nổi bật về phẩm chất tinh thần của chúng tôi, ông liền quyết định khích lệ chúng tôi bằng việc cho phép đón người nhà vào thăm, bắt đầu từ bố mẹ, họ hàng.

Theo như tôi được thuật lại thì một vài cậu thật tội, tỏ ra rằng mình xung trận với một tinh thần ngây ngất thậm chí còn thích thú hăng say nữa. Về phần mình, khi cố hình dung xem cái sự thích thú hăng say ấy nó ra thế nào là tôi đã phát ớn ít ra cũng cả tuần. Tôi thấy mình không sao giết nổi lấy một người, có lẽ tốt hơn cả là từ chối phắt và kết thúc luôn chuyện đó thôi. Không phải là tôi thiếu kinh nghiệm, người ta đã từng làm đủ thứ để tạo cho tôi có cái sở thích giết người, nhưng tôi không có được cái tài ấy. Có lẽ phải nhập

môn chậm chậm hơn vậy.

Một hôm tôi quyết định thông báo cho giáo sư Bestombes biết rằng tôi rất muốn trở nên can đảm để đáp ứng những đòi hỏi của tình hình và nhiệm vụ dĩ nhiên là cao cả, nhưng khốn nỗi tôi gặp quá nhiều khó khăn cả về thể xác lẫn tinh thần. Tôi đoán là ông sẽ coi mình là một thằng bố lão, ba hoa xác lắc đây... Nhưng không. Trái hẳn lại! Thầy tuyên bố rằng ông hoàn toàn sung sướng thấy tôi đã thẳng thắn bộc lộ trạng thái bối rối tình cảm của mình.

“Thế là anh đang khá hơn rồi đấy, anh bạn Bardarmu! Hoàn toàn đơn giản là anh đang khá lên!” Và đây là kết luận của ông. “Cái điều tâm sự anh vừa cho tôi biết, hoàn toàn tự phát, tôi coi đó là một chỉ dẫn rất khích lệ về tiến bộ đáng kể trong tình trạng tinh thần của anh đó, Bardamu ạ... Hơn nữa, ngay từ năm 1802, Vaudesquin, nhà quan sát khiêm tốn nhưng rất sáng suốt, đã tóm tắt kết quả quan sát của ông về sự sa sút tinh thần của binh sĩ thời Đế chế, trong một báo cáo khoa học đến nay đã trở thành kinh điển, tuy rằng các sinh viên thời nay hờ hững rất không đúng; theo tôi, ông đã ghi lại rất đúng đắn và chính xác những hiện tượng gọi là “tự thú” - dấu hiệu tốt hơn cả - diễn ra ở những bệnh nhân tâm thần đang hồi phục. Gần một thế kỷ sau, Dupré vĩ đại [52*] của chúng ta, cũng từ một triệu chứng tương tự, đã lập ra được một danh mục nổi tiếng từ thời ấy, trong đó hiện tượng giống thế được thể hiện dưới tiêu đề “tập hợp kỷ niệm” [53*] mà theo tác giả thì, một khi đợt điều trị được tiến hành đúng hướng, hiện tượng ấy là tiền đề cho sự tháo chạy tán loạn hàng loạt những ý niệm ưu phiền và giải thoát vĩnh viễn cho trường ý thức của mình, tóm lại đó là một hiện tượng khác nữa trong quá trình phục hồi tâm lý. Ngoài ra Dupré còn sáng tạo một thuật ngữ khá hình ảnh mà ông là người độc quyền: “tháo tống suy tư về giải thoát” [54*]. Ông dùng thuật ngữ này để đặt tên cho cái hiện tượng vừa kể, thường kèm theo ở bệnh nhân một cảm giác sung mãn mãnh liệt, một sự phục hồi rất rõ ràng các hoạt động ngoại tiếp, trong đó đáng kể là sự phục hồi giấc ngủ, bệnh nhân bỗng ngủ li bì suốt mấy ngày liền, cuối cùng đến giai đoạn bội hoạt hóa rất rõ nét các chức năng sinh dục, đến mức không hiếm những trường hợp ta thấy cũng bệnh nhân ấy

trước đó còn lãnh cảm mà bây giờ lại “thèm khát tình dục đến cồn cào”. Từ đó mới có công thức: “Bệnh nhân không từ tốn đi vào sự bình phục mà nhảy xổ vào đó”. Lời lẽ mô tả như vậy thật tuyệt diệu về những thành công trong việc phục hồi sức khỏe cho người bệnh, mà Philibert Margeton, một nhà tâm thần học lớn khác của chúng ta trong thế kỷ trước, đã làm rõ đặc tính của việc phục hồi thành công thật sự những hoạt động bình thường của một bệnh nhân mắc bệnh sợ hãi... Về chuyện liên quan đến anh, Bardamu ạ, ngay từ bây giờ tôi coi anh đã là người thật sự bình phục... Bởi lẽ chúng ta đã đạt được cái kết luận đáng hài lòng ấy, liệu anh có quan tâm đến việc ngày mai, phải đúng ngày mai, tôi sẽ trình bày trước Hội Tâm lý học quân sự một báo cáo về những phẩm chất cơ bản trong tâm linh con người?... Báo cáo khoa học ấy có chất lượng đấy, tôi tin là vậy.

-Dĩ nhiên, thưa Thầy, những vấn đề ấy làm tôi mê say...

-Vậy thì, tóm lại là anh nhớ cho rằng ở đó tôi sẽ bảo vệ luận đề: trước chiến tranh, con người đối với nhà tâm thần học còn là một kẻ vô danh khép kín và các khả năng tinh thần của anh ta còn là một ẩn số...

-Thưa thầy, đó cũng là thiên ý của tôi...

-Anh thấy đấy, Bardamu, bằng những phương tiện không gì so sánh được mà nó cho ta để thử thách các hệ thần kinh, chiến tranh đã có hiệu lực như thế một thứ thuốc hiện hình màu nhiệm đối với tâm linh con người! Đã hàng bao nhiêu thế kỷ, chúng ta trầm tư mặc tưởng, chăm chú theo dõi những phát hiện mới về bệnh lý, nhiều thế kỷ miệt mài nghiên cứu... Ta phải thú thật rằng... Cho đến nay ta mới chỉ hoài nghi những khả năng phong phú về cảm xúc và tinh thần của con người! Nhưng bây giờ, nhờ có chiến tranh, việc ấy đã xong... Bằng một sự xâm nhập lén lút, và dĩ nhiên là đau đớn nữa, nhưng đối với khoa học, cái đó có tính quyết định và may mắn, chúng ta đã len lỏi được vào tâm tình thâm kín của họ! Ngay sau những phát hiện đầu tiên, nghĩa vụ của nhà tâm lý học và nhà đạo đức học hiện đại, theo ý tôi, Bestombes, không còn nghi ngờ gì nữa! Một sự cải cách hoàn toàn các quan niệm tâm lý học của chúng ta đã được đặt ra”.

Đó cũng đúng là ý kiến của tôi, Bardamu.

-Thưa Thầy, như vậy là, tốt hơn hết người ta nên...

-Chà! anh cũng nghĩ thế ư, Bardamu, tôi không khơi cho anh nói thế đâu nhỉ! Ở con người ta, anh thấy đấy, cái tốt và cái xấu cân bằng nhau, bên này là thói ích kỷ, bên kia là tính vị tha... Ở những người ưu tú thì vị tha nhiều hơn ích kỷ. Có đúng thế không? Có phải thế không?

-Dạ đúng thế, thưa Thầy, đúng thế đấy ạ...

-Và trong con người ưu tú, tôi muốn hỏi anh, Bardamu, cái thực thể nào cao nhất mà ta biết, có thể kích thích tính vị tha của anh ta và buộc anh ta biểu lộ một cách không ai chối cãi được cái tính vị tha đó?

-Thưa Thầy, đó là lòng yêu nước!

-Chà! Anh thấy không, không phải tôi mớm lời cho anh nhé! Anh hoàn toàn hiểu tôi... Bardamu! Lòng yêu nước và hệ quả của nó, sự vinh quang, sự minh chứng của nó, hoàn toàn đơn giản là thế.

-Vâng, đúng thế ạ!

-Chà, các chiến sĩ bé bỏng của chúng ta, anh hãy để ý mà xem, ngay từ những thử thách đầu tiên qua lửa đạn, họ đã biết chủ động thoát ra khỏi tất cả những cái màu mè và thứ yếu. Theo bản năng, họ tức khắc hòa nhập vào cái lẽ sống chân chính của chúng ta, đó là Tổ quốc. Muốn đạt tới chân lý đó, thì trí thông minh chẳng những là thừa mà còn gò bó chúng ta đây, Bardamu ạ! Tổ quốc, đó là chân lý của con tim, như mọi chân lý thiết yếu khác, nhân dân không lầm đâu! Chỉ có nhà bác học tồi mới lạc lối trong đó thôi...

-Thưa Thầy, cái đó thật là đẹp! Quá đẹp! Thật là cổ kính!

Ông ta, Bestombes, đưa hai tay nắm tay tôi một cách gần như trìu mến.

Với giọng thân mật như cha con, ông ta còn muốn bồi bổ thêm cho tôi: “Tôi muốn điều trị cho bệnh nhân của mình như thế đó, Bardamu ơ, bằng các luồng điện cho thể xác và tinh thần, bằng những liều thật mạnh cái luân lý yêu nước, bằng những phát thuốc bổ đạo đức thật sự!

-Thưa Thầy, tôi hiểu ý thầy ạ!

Tôi quả nhiên càng lúc càng hiểu thêm ra.

Từ biệt ông ta, tôi không trừ trừ gì nữa lao thẳng đi tìm các bạn đã được tập hợp ở ngôi nhà nguyện mới toanh. Tôi bắt gặp Brandelore đang biểu diễn cái tinh thần cao siêu của cậu ta đằng sau cửa lớn ra vào, nơi cậu ta đang hăng say lên lớp cho đứa con gái nhỏ của chị thường trực. Tôi đến ngay đó như thể được cậu ta mời.

Chiều hôm ấy, bố mẹ, họ hàng từ Paris kéo đến thăm lần đầu tiên kể từ khi chúng tôi ở đây và tiếp sau đó mỗi tuần.

Tôi đã viết cho mẹ tôi. Mẹ rất sung sướng tìm ra tôi, và mẹ khóc lóc như một con chó cái được người ta trả lại con. Có lẽ mẹ cũng nghĩ rằng mẹ an ủi được tôi nhiều bằng những cái hôn, tuy nhiên mẹ không được như con chó cái vì mẹ cả tin vào những lời người ta nói, tưởng rằng có thể đem được tôi đi. Chứ con chó mẹ kia thì ít ra nó chỉ tin vào cái gì nó ngửi thấy tận mũi thôi. Một buổi chiều, tôi cùng mẹ đi dạo một vòng rộng các phố gần nhà thương, lững thững trên những đường phố mới mở, nhiều chỗ còn chưa kịp sơn những cột đèn đường, giữa những dãy nhà mặt tiền còn rỉ nước, những ô cửa sổ còn chằng hàng trăm thứ bà dăn, từ những giẻ rách đến những chiếc áo sơ mi của người nghèo, nghe tiếng tí tách lèo xèo của mỡ ôi rán trên lửa xông mùi khét lẹt... Trong cái cảnh buông thả bỏ vãi bao quanh thành phố, nơi mà tấm màn dối trá về sự cao sang toát ra và kết thúc bằng sự thối rữa, thành phố chiềng bầy cho ai đó muốn thấy cái mặt sau to đùng rác rưởi của nó. Ở đó có những nhà máy mà người đi dạo phải tránh xa, vì đủ thứ mùi xú uế bốc lên, thối hoặc không khí quanh vùng, không còn đâu hơn được. Ngay gần đó, nằm giữa hai cột ống khói so le cao ngất, một khu chợ phiên phải bỏ xó trong nhiều tuần liền, mấy con ngựa gỗ phai màu, đám trẻ nhỏ có thêm chơi cũng đành chịu vì quá đắt, mấy đứa bé còm nhom thò lò mũi, dán mắt vào đó, ngập ngừng nửa ở nửa đi, rồi cũng đành bỏ lại cái nghèo với tiếng nhạc.

Tất cả trôi qua trong cố gắng lánh cho xa cái sự thật ở những nơi này, nhưng rồi vẫn trở lại than khóc không ngừng cho thiên hạ. Người ta ráng làm, ráng uống, mà lại thứ rượu đỏ đậm đặc như mực, trời xanh xin cứ ở nguyên

trên ấy, khép kín lại, để mà chứa cho hết những đám khói ngoại ô này.

Ở dưới mặt đất, bùn lầy đang níu kéo nổi nhọc nhằn của anh và sự sống cũng bị bủa vây chặt tứ phía bởi những khách sạn và những nhà máy, lại nhà máy nữa! Về mặt này thì các bức tường đã biến thành những cổ áo quan. Lola đi hăn rồi, Musyne cũng vậy, tôi chẳng còn ai. Chính vì thế tôi chỉ còn mẹ để mà viết thư thôi, vấn đề là có ai đó để mà gặp. Ở tuổi hai mươi mà tôi đã chỉ còn có quá khứ. Ngày chủ nhật, tôi cùng mẹ đi hết phố này sang phố khác. Mẹ kể cho tôi nghe những chuyện tỉ mẩn trong việc buôn bán của mẹ, về những chuyện người trong phố, xung quanh mẹ, bàn tán về chiến tranh, rằng chiến tranh thật là buồn, “kinh khủng” nữa, nhưng với tất cả lòng can đảm của mình, chúng ta đang quyết ra khỏi chiến tranh, đối với mẹ những người hy sinh chẳng qua chỉ là gặp nạn không may thôi, cũng giống như đua ngựa, anh mà ngồi cho vững thì làm sao ngã được. Còn về phần mẹ, mẹ chỉ khám phá thấy trong chiến tranh một nỗi buồn mênh mông mới mẻ mà mẹ cố giữ không khuấy nó lên; nỗi buồn ấy làm cho mẹ phát sợ; nó ứ tràn lên những chuyện kinh hãi mà không sao hiểu được. Mẹ tin sâu sắc rằng lớp người nghèo hèn như mẹ thì chỉ được sinh ra để chịu đựng đủ mọi thứ, rằng đó là số phận đã an bài trên thế gian này, và rằng nếu như những chuyện ấy mới chỉ xấu có thể chứ xấu nữa cũng phải ráng, chỉ tại số đông các người đã phạm quá nhiều tội lỗi chồng chất đẩy thôi, những kẻ hèn kém ạ... Có thể là họ đã làm những điều ngu ngốc mà không biết, tất nhiên, nhưng dù sao thì họ cũng là thủ phạm và người ta để cho họ có thời cơ mà chuộc tội như thế là tốt lắm rồi... Mẹ tôi quả là một “tiện dân” [55*].

Cái thứ lạc quan nhẩn nhục và bi thảm ấy đã được bà lấy làm đức tin và tạo lập cơ sở cho bản chất của bà.

Hai mẹ con tiếp tục đi trong mưa, theo những dãy phố đang chia ra từng lô; các vỉa hè ở đằng kia rẽ ngang, sâu khuất vào trong, mấy cây tần bì non mọc ven đường còn đọng lại khá lâu những giọt nước mưa trên cành, run rẩy trong ngọn gió đông, mỏng mảnh một cảnh tiên kỳ diệu. Con đường đi tới nhà thương chạy qua nhiều khách sạn mới mở, cái thì đã có tên, nhiều cái

chưa có tên nữa. Chỉ đơn giản dòng chữ: “Cho thuê trọ cả tuần”. Chiến tranh đã làm cho chúng trống huếch trống hoác, cả những cái gì trong đó, cả những cai thầu và thợ xây. Còn khách trọ thì cũng chẳng ai dại gì mò về đây để hứng lấy cái chết. Chết cũng là một việc đấy, nhưng người ta thà trả món nợ ấy ở ngoài kia.

Mẹ vừa dẫn tôi trở về nhà thương vừa khóc nức nở, mẹ chấp nhận cái chết của tôi như một tai nạn, chẳng những mẹ thuận lòng, mà còn tự hỏi liệu tôi có cam chịu như mẹ không. Mẹ tin vào định mệnh như tin vào cái thước đẹp đẽ của trường Mỹ Nghệ ^[56*], mà mẹ thường nói với tôi một cách thành khẩn, bởi vì hồi còn trẻ mẹ đã được dạy cho biết rằng cái dụng cụ đo lường mà mẹ dùng trong nghề buôn hàng xén của mẹ là bản sao chính xác cái vật chuẩn chính thức tuyệt vời đó.

Giữa những mảnh đất được chia ra từng lô trên cái vùng nông thôn bị truất quyền này vẫn còn lại vài thửa ruộng và đất trồng trọt rải rác đó đây, và vẫn còn cả mấy ông già nông dân bám chặt lấy những mẩu đất còn sót lại kẹt giữa những ngôi nhà mới. Hôm nào giờ về còn sớm, tôi cùng mẹ đi xem mấy ông nông dân kỳ cục ấy mãi miết đào xới những mẩu đất mềm và màu mỡ, nơi chôn cho rửa xác những người chết và từ mảnh đất ấy dù sao cũng đem lại bánh mì. Mỗi lần đứng nhìn các ông lão, mẹ lại bắn khoản tự hỏi: “Đất ở đây chắc phải rắn lắm!” Thật ra thì mẹ mới biết được những nỗi khổ của những người dân ở thành thị cùng cảnh ngộ với mình, mẹ cố hình dung xem nó khổ ra làm sao đối với dân nông thôn. Đó là sự tò mò duy nhất mà tôi chưa hề thấy ở mẹ, và có lẽ cái đó cũng đủ được coi như một thú tiêu khiển trong một ngày chủ nhật của mẹ. Mẹ đem theo cái đó về trong thành phố với mình.

Tôi chẳng còn nhận được tin gì của Lola và cả Musyne cũng vậy. Mấy con bà nàng ấy rõ ràng chỉ đứng về phía tốt của tình hình, nơi bao phủ bởi cái quân lệnh niềm nở mà lại khắt khe rằng phải loại trừ những kẻ như bọn chúng tôi, những khối thịt dành cho lễ hiến sinh. Đã hai lần họ tổng chúng tôi vào những nơi nhốt con tin. Vấn đề chỉ còn là thời gian và chờ đợi. Ván đã đóng thuyền cả rồi.

Brandelore, tay đội năm cùng nhà thương với tôi, như tôi đã kể, rất ư là được lòng của đám nữ y tá. Cậu ta, băng bó khắp người nhưng lại tràn đầy lạc quan. Mọi người trong nhà thương đều ganh tị và bắt chước các cách cậu ta cư xử. Trở thành dễ coi và không còn gớm ghiếc về mặt tinh thần, đến lượt chúng tôi bắt đầu được đón tiếp những khách thăm thuộc loại có danh vọng trong xã hội và chức vụ cao trong chính quyền thành phố Paris. Người ta kháo nhau trong các xa lông rằng cái trung tâm y tế - thần kinh của giáo sư Bestombes đã thật sự trở thành một nơi nâng cao nhiệt tình yêu nước, nếu không muốn nói đây là một cái lò tôi luyện lòng yêu nước. Từ đấy, chúng tôi ngày ngày đón tiếp chẳng những các vị giám mục mà cả một bà công tước người Ý, một nhà thầu lớn cho quân đội, và rồi đến cả Nhà hát Opéra và các diễn viên của Nhà hát Quốc gia Pháp. Người ta đến ca tụng chúng tôi tại chỗ. Một phụ nữ xinh đẹp ăn lương của Hý viện, ngâm thơ khó ai bằng, đã đến tận đầu giường tôi để đọc những bài thơ đặc biệt anh hùng. Trong lúc đó, mái tóc hung tai quái của cô ta (với làn da đi kèm) như có những làn sóng điện kỳ lạ lướt qua rồi truyền thẳng sang tôi làm tôi bủn rủn cả tay chân. Khi trang tuyệt thế ấy hỏi tôi về những hành động chiến đấu của mình, tôi đã phịa chuyện kể cho cô nghe với bao nhiêu là tình tiết, thật là gợi cảm và thống thiết, khiến cô cứ nhìn tôi hau háu. Xúc động lắng sâu, cô xin phép tôi để cho một nhà thơ vốn là một trong những người hăng ngưỡng mộ cô được phổ thơ những đoạn mãnh liệt nhất trong các câu chuyện kể của tôi. Tôi bằng lòng ngay lập tức. Giáo sư Bestombes được báo cáo về việc này, đã tuyên bố đặc biệt tán thành. Nhân dịp, ông còn cho các đặc phái viên của tờ báo lớn "*Họa báo quốc gia*", ngay ngày hôm ấy, đến phỏng vấn và chụp hình chung cả ông với chúng tôi và cô nghệ sĩ xinh đẹp đó ở trước bậc thềm nhà thương. Giáo sư Bestombes tuyên bố: "Nghĩa vụ cao cả nhất của các nhà thơ, trong những giờ phút bi hùng mà chúng ta đang trải qua đây, là phải khôi phục cho mọi người cái thị hiếu Sử thi, thích thú những sự tích anh hùng. Không còn phải lúc để mà nghĩ

đến những mưu đồ nhỏ nhất tầm thường nữa. Hãy vượt lên khỏi những thứ văn chương chai cứng! Một tâm hồn mới đã lộ ra trước mắt chúng ta giữa tiếng âm vang to lớn và cao quý của những trận đánh! Sự bay bổng của đôi mắt mới lớn lao trong tinh thần yêu nước đòi hỏi cái đó từ đây! Những đỉnh cao hứa hẹn đối với Vinh quang của chúng ta!... Chúng ta đòi hỏi một hơi thở lớn trong nền thơ ca anh hùng!... Về phần tôi, tôi tuyên bố thật đáng mến phục là tại nhà thương mà tôi điều khiển này, vừa tạo được dưới mắt chúng ta, không thể nào quên, một trong những sự cộng tác mang tính sáng tạo tuyệt vời giữa một Nhà Thơ và một trong những anh hùng của chúng ta!”

Brandelore, người bạn cùng phòng với tôi, mà trí tưởng tượng của cậu ta trong tình huống này hơi chậm hơn tôi, lại còn vắng mặt cả trong bức hình, hẳn là đang ủ trong lòng một nỗi tị hiềm mạnh mẽ và dai dẳng. Ngay từ đó, cậu ta lao vào cuộc tranh đua man dại với tôi để giành cái giải anh hùng. Cậu ta phịa ra thêm nhiều chuyện mới, vượt qua cả chính bản thân cậu ta, không còn ai kìm nổi cậu ta lại, những chiến công của cậu ta hết những chuyện hoang tưởng.

Tôi khó mà làm hơn được, khó mà thêm thắt những chuyện quá xá như thế. Tuy nhiên có ai ở cái nhà thương này lại cam chịu một bề đầu. Anh nào cũng muốn nhân cuộc ganh đua mà mạnh ai nấy bịa càng lắm “những trang chiến công đặc sắc” để được nở mày nở mặt. Chúng tôi sống trong một cuốn tiểu thuyết lớn toàn những kỳ tích anh hùng, trong cái vỏ của những nhân vật hư ảo, mà bản thân họ thực tế cũng chẳng có nghĩa lý gì, còn chúng tôi thì run sợ cho toàn bộ cái được chứa trong cả phần xác lẫn phần hồn mình. Có lẽ người ta sẽ phải khổ sở nếu bắt gặp chúng tôi trong đời thực. Chiến tranh đã chín muồi.

Ngài Bestombes vĩ đại của chúng tôi còn tiếp thêm nhiều khách đến thăm gồm những thân sĩ nước ngoài, các ngài khoa học gia, người thì lưng chừng, người hoài nghi, người tò mò. Các vị của Tổng cục Thanh tra của Bộ, gươm giáo ra dáng, lượn đi lượn lại các phòng của chúng tôi, cuộc đời binh nghiệp của họ kéo dài thêm nhờ vào những chuyện đó, có nghĩa là họ được trẻ ra và

được bơm thêm nhiều khoản phụ cấp mới. Các ngài Thanh tra cũng chẳng dè sẻn những lời ngợi khen, tán tụng. Mọi cái đều tốt đẹp. Bestombes và các thương binh của mình trở thành niềm vinh dự cho ngành Y tế.

Người nữ bảo trợ xinh đẹp cho cái “Pháp tính” của tôi còn đích thân đến thăm tôi một lần nữa, trong lúc nhà thơ quen thuộc của cô ta đang hoàn thành vần điệu cho câu chuyện chiến tích của tôi. Cuối cùng thì tôi cũng bắt gặp anh chàng trẻ tuổi ấy ở một góc hành lang nhà thương, gương mặt anh ta xanh xao, tư lự. Anh ta tâm sự: Những sợi tơ lòng mảnh dẻ của anh ta tự nó đã chứa đựng những điều kỳ lạ, như ý kiến của chính các thầy thuốc ở đây. Họ là những người rất quan tâm đến những ai có tâm hồn mảnh dẻ nên họ cũng có ý giữ anh ta lánh xa các đội quân. Bù lại, nhà thơ trữ tình bé nhỏ ấy, không tiếc sức mình, quyết mang hết tâm lực ra để hun đúc cho chúng tôi cái “Tinh thần sắt thép vì Chiến thắng của chúng ta”. Một công cụ tốt đẹp làm bằng những vần thơ dĩ nhiên không thể nào quên như tất cả mọi cái còn lại.

Tôi chẳng có gì phải phàn nàn trong chuyện đó, vì trong số bao nhiêu cậu khác dừng cảm không ai chối cãi được, anh ta lại chọn tôi làm nhân vật chính trong tác phẩm của mình. Hơn nữa, cũng phải thừa nhận rằng tôi đã được đối xử ra trò để làm việc này. Quả là tuyệt diệu, phải nói thật thế. Buổi độc tấu được xem như một sự kiện diễn ra ở ngay Nhà hát kịch quốc gia Pháp, trong một buổi chiều được gọi là “chiều thơ”. Cánh nhà thương được mời đi dự tất cả. Khi nữ nghệ sĩ độc tấu tóc hung run rẩy của tôi, quanh người quần những nếp cờ ba sắc trông thật gợi cảm, với dáng điệu hùng tráng bước ra sân khấu y như một hiệu lệnh khiến cả rạp đứng cả dậy, ước ao thêm khát trước người đẹp, vỗ tay hò reo không dứt. Mặc dầu tôi đã được chuẩn bị sẵn mà vẫn thật sự sững sờ, không còn giấu được những người ngồi cạnh mình nổi ngạc nhiên khi nghe giọng ngâm của cô bạn tuyệt vời rung vang, khích lệ và có lúc rền rĩ càng làm cho cái tấn kịch thêm xúc động lòng người trước những chiến tích mà tôi đã phịa ra để cô sử dụng. Nhà thơ của cô rõ ràng đã phải chấp tôi về mặt tưởng tượng, anh ta lại còn đôn nó lên đến mức kinh khủng bằng những vần thơ chói chang, những tính từ phát sợ, trịnh trọng rót vào cái yên lặng của

công chúng tán phục. Khi màn kịch đến cao trào nóng bỏng nhất, hướng về cái lô dành cho bọn chúng tôi, gồm có Brandelore, tôi và mấy cậu thương binh khác, nàng nghệ sĩ dang rộng hai cánh tay lộng lẫ, như muốn hiến dâng cho người nào anh hùng nhất trong bọn chúng tôi. Nhà thơ đã bằng một nét hư ảo minh họa cái tính gan dạ được gán cho tôi. Tôi không còn nhớ rõ những gì đã xảy ra, nhưng cái gì chứ chuyện thất bại thì chắc chắn là không phải rồi. Về mặt anh hùng chủ nghĩa thì thật may mắn là chẳng có gì mà không tin được. Công chúng đoán biết được ý nghĩa món quà nghệ thuật này, và thế là cả rạp hướng về phía chúng tôi, vui vẻ hò la, hoan hỉ giậm chân thành thích đòi xem cho được mặt người anh hùng.

Cậu Brandelore đứng phắt dậy choán cả cái mặt tiền lô chúng tôi ngồi, vượt lên tất cả; mấy anh em chúng tôi gần như bị che khuất sau cái thân hình băng bó to đùng của cậu ta. Hắn cố tình làm thế, thẳng xỏ lá.

Nhưng hai cậu bạn tôi đã leo được lên hàng ghế phía sau, vượt hẳn qua đầu và hai vai hắn. Họ cũng giành được sự tán phục của đám đông. Người ta hoan hô các cậu này không dứt.

Lúc ấy, suýt nữa thì tôi gào lên: “Cái đó dành cho tôi chứ! Chỉ mình tôi thôi!” Tôi biết cái thằng Brandelore ấy lắm, hai đứa sẽ có thể chửi nhau thậm chí đánh nhau trước mặt mọi người đấy. Cuối cùng đành để cho nó giành phần thắng. Nó lên mặt dương dương tự đắc, chỉ có mình nó, thỏa lòng nhận lấy sự cảm phục quá đáng. Thua cuộc, mấy đứa chúng tôi chỉ còn nước đánh bài chuồn vào hậu trường, coi như xong phận sự và ở đó chúng tôi được khoản đãi vui vẻ. Niềm an ủi. Tuy nhiên cô nàng diễn viên linh xướng của tôi thì không ngồi một mình trong lô của cô. Bên cạnh cô là chàng thi sĩ, của cô, của chúng ta. Anh ta cũng như cô, thật là tử tế, cũng thích những người lính trẻ. Hai người đã làm cho tôi hiểu điều đó một cách rất nghệ sĩ. Người ta nhắc tôi chuyện ấy nhưng tôi chẳng bận tâm làm gì những dấu hiệu tử tế của họ. Kệ xác tôi, mọi việc rồi sẽ thu xếp đâu vào đó. Họ có lắm thế lực mà. Tôi dùng dùng bỏ đi, vùng vằng một cách ngu ngốc. Khi ấy tôi còn trẻ.

Ta hãy ôn lại: các cậu phi công đã nâng Lola, mấy gã Ác-giăng-tin chiếm

Musyne và cái cậu đồng tính du dương này, cuối cùng, lại giành mất cô diễn viên lộng lẫy của tôi. Lúng ta lúng túng, tôi rời Nhà hát trong khi người ta tắt những ngọn đuốc cuối cùng trên hành lang, và trong đêm khuya, chẳng còn xe điện, tôi cuốc bộ một mình tìm về nhà thương, cái bầy chuột nằm sâu trong vũng bùn lép nhép và trong vùng ngoại ô bất phục.

Chẳng dám khoác lác gì, nhưng cũng phải nhận rằng đầu óc tôi chưa bao giờ lại vững đến thế. Lúc này đây, chẳng dại dột gì để cho những cái ngất ngây ấy đẩy mình lao đầu vào bánh xe. Tôi đã loạng choạng trong chiến tranh rồi. Trong những ngày nằm nhà thương, tiền lương thật ra chỉ còn trông mong vào mấy đồng phrăng còm cõi của mẹ tôi cho mỗi tuần. Chỉ đến khi thấy có khả năng, tôi mới bắt đầu tính chuyện tìm kiếm đâu đó lấy một vài món vật. Trước hết, thử mò tìm mấy lão chủ cũ. Trong số, có một lão cố vẻ thuận lợi về mặt này, và lão cũng nhận lời tiếp tôi ngay.

Thật đúng lúc, tôi nhớ đến những ngày tắm tối, trước việc tuyên chiến với Đức ít lâu, tôi đã làm chân phụ việc ngoài giờ ở nhà lão Roger Puta này. Lão mở tiệm vàng bạc ở gần nhà thờ Madeleine. Công việc của tôi ở nhà lão kim hoàn đáng ghét ấy chỉ là “việc làm thêm”, tức là lau chùi các đồ bằng bạc, rất nhiều và rất lăm chừa, nhất là trong những dịp lễ lạt trao tặng nhau, hoặc do phải mảnh mung liên tục, phải giải quyết những chuyện khó khăn.

Dạo ấy tôi đang theo học trường Y, vất vả khổ sở, cật lực không thôi (vì thi trượt), nhưng cứ tan giờ học ở trường là tôi lao ngay đến cái phòng sau cửa tiệm của lão Puta, đánh vật hai ba tiếng đồng hồ với những hộp đựng xô cô la bằng bạc của lão, đánh cho thật bóng loáng bằng bột tan, đến tận giờ ăn tối.

Tôi được trả công bằng những bữa ăn khá đầy đủ trong nhà bếp. Ngoài ra, công việc của tôi còn là, trước giờ đến lớp, dắt mấy con chó giữ cửa hàng đi dạo và đi đái. Tất tạt được bốn mươi phrăng một tháng. Tiệm vàng Puta lấp lánh hàng nghìn viên kim cương ở góc phố Vignon, và mỗi viên ấy ít ra cũng bằng hàng chục năm lương của tôi. Ấy thế mà những thứ châu báu đó cứ luôn luôn nhấp nhánh ở tiệm của lão. Trưng tập vào công việc phụ trợ tổng động viên, lão chủ Puta này chuyên phục vụ một ngài bộ trưởng, thỉnh thoảng lái xe ô tô. Ngoài ra, còn có những việc hoàn toàn không chính thức nhưng lại giúp ích nhiều nhất cho lão Puta, đó là việc cung ứng các đồ vàng bạc cho bộ.

Giới chức cấp cao tha hồ mà đầu cơ trong những cuộc mua bán đã hoặc đang ngã giá. Càng tiến sâu vào chiến tranh thì người ta càng cần đến đồ vàng bạc. Lão Puta đôi khi phải đương đầu với những món hàng đặt dồn dập quá nhiều.

Khi nào làm quá sức, mệt nhọc phát bắn lên, thì cuối cùng và cũng chỉ vào những lúc đó, cái khó ló cái khôn, lão Puta tìm ra được cách làm ít nhiều thích ứng. Nhưng được xả hơi rồi, thì nét mặt lão vốn thanh tú không chê vào đâu được, lại trở nên bình thản đến sững sờ, khó mà quên đi được cái kỷ niệm tồi tệ ấy.

Mụ vợ lão Puta thì lúc nào cũng gắn vào làm một với cái kết sắt trong nhà, có thể nói mụ chẳng bao giờ bước chân ra khỏi cửa. Người ta đã nuôi dạy mụ chỉ để trở thành vợ anh hàng vàng. Tham vọng của bố mẹ là thế. Mụ hiểu phận sự của mình, hiểu tất cả. Đời sống gia đình hạnh phúc đi đôi với cái kết sắt phồn thịnh. Mụ Puta không phải người xấu xí, không, còn có thể coi là khá xinh đẹp như nhiều người khác kia, chỉ có điều là mụ hơi quá cẩn trọng, đa nghi nên chỉ mon men bên cái sắc đẹp cũng như bên cạnh cuộc đời, với mái tóc chải chuốt quá kỹ, nụ cười hơi quá dễ dàng và đột ngột, những cử chỉ hơi quá vội vàng hoặc hơi trộm lén. Người ta khó chịu khi phải cố làm sao hiểu được con người quá ư tính toán này và đó cũng là những lý do về sự gượng gạo mỗi lần phải tiếp xúc với mụ. Cái sự ghê tởm theo bản năng mà các con buôn gây ra với những ai tiếp xúc với họ và biết được họ, là một trong những niềm an ủi hiếm hoi đối với những kẻ khố rách áo ôm chẳng có gì mà bán được cho ai.

Những lo lắng thiên cận của nghề buôn quanh năm suốt tháng ám ảnh mụ Puta, cũng giống hệt như mụ Herote, nhưng theo một kiểu khác và giống như Thánh ộp các con chiên, cả phần xác lẫn phần hồn.

Tuy thế, đôi lúc mụ chủ của tôi cũng tỏ ra ít nhiều lo lắng đến tình hình chung. Mụ cũng nghĩ đến tình cảm những ông bố bà mẹ trong chiến tranh. “Chiến tranh giáng họa xuống những nhà có con lớn, thật là khốn khổ khốn nạn!”

Tay chồng vội chặn ngay cái thói ủy mị của mụ vợ:

- Suy nghĩ kỹ rồi hãy nói, mình ơi! Thế thử hỏi, ta có phải bảo vệ nước Pháp không?

Những trái tim tốt như vậy, và trên hết là những người yêu nước tốt như vậy, tóm lại những con người kiên cường, chiến tranh thì chiến tranh, tối tối họ cứ việc ngủ yên trên tiền muôn bạc triệu trong cửa tiệm của họ, cái gia sản Pháp mà họ bảo vệ đấy.

Trong các nhà thổ mà lão thỉnh thoảng lui tới, lão Puta thường đòi hỏi và mong muốn đừng ai coi lão là thứ người ném tiền qua cửa sổ. “Tôi không phải là một thằng cha Ăng-lê đâu đấy, cô em xinh đẹp nhé. Tôi biết công việc là thế nào! Tôi là một chú lính nhỏ không có gì phải gấp gáp!” Đó là tuyên bố mào đầu của lão. Bọn gái điếm ở đây rất thích cái cung cách đi tìm lạc thú của lão như vậy. Ăn chơi hưởng lạc nhưng không khờ khạo để mắc lừa, thế mới là nam nhi chứ. Lợi dụng những gì lão hiểu biết trong giới của mình, lão tiến hành một số vụ mua bán vàng bạc với mục giám thị nhà chứa vốn không tin vào thị trường chứng khoán. Lão Puta tiến bộ đến kinh ngạc về phương diện quân sự, từ những cuộc phục viên tạm thời biến thành tạm hoãn quân dịch vô thời hạn. Rồi chẳng mấy chốc lão được hoàn toàn giải phóng sau không biết bao nhiêu cuộc khám sức khỏe đúng lúc. Lão coi một trong những thú vui cao nhất đời là ngắm nghĩa và nếu có thể thì sờ nắn những bắp chân xinh xắn của phụ nữ. Ít ra thì với thú vui này lão cũng vượt hơn hẳn mục vợ chỉ biết mỗi việc lao đầu vào bán với buôn. Tuy đàn ông và đàn bà phẩm chất ngang nhau, nhưng hình như người ta luôn luôn nhận thấy ở cánh đàn ông nhiều cái đáng lo hơn dầu cho họ có thiên cận và trì trệ đến thế nào. Tóm lại thì lão Puta này cũng mới học đòi nghệ sĩ. Nhiều tay đàn ông cũng giống lão, về mặt nghệ sĩ, là luôn luôn có cái tật sính những gót sen các nàng. Mục Puta thật sung sướng là không có con. Mục thường tỏ ra mãn nguyện vì cái tật vô sinh của mình, rồi đến lượt chồng mục cũng đi khoe chuyện này với mục giám thị nhà chứa. Mục ta bảo: “Thì cũng phải có con cái nhà nào đó ra trận chứ, vì đó là nghĩa vụ cơ mà!” Quả thật là chiến tranh tự nó đã hàm chứa đủ thứ nghĩa vụ rồi.

Ngài bộ trưởng mà lão Puta phục vụ bằng ô tô cũng không có con, các ngài bộ trưởng hình như đều không có con.

Một cậu nhân viên phụ động khác cùng một thời làm những công việc vặt như tôi ở cái cửa hàng ấy vào năm 1913, là cậu Jean Voireuse. Buổi tối cậu ta đến các nhà hát nhỏ đóng một vài vai phụ, còn buổi chiều thì đi giao hàng cho tiệm vàng Puta. Cậu ta cũng đành lòng nhận khoản lương rất ít ỏi. Nhưng lại kiếm thêm được nhờ vào cặp giò nhanh chảnh khác xe điện ngầm. Thế là mỗi chuyến đi giao hàng tuy chỉ chạy bộ nhưng cậu ta cứ coi như đi xe điện và bỏ túi khoản vé tàu. Cũng là một cách kiếm thêm. Đôi chân cậu ta thì thối khắm lên được; tự biết thế nên cậu ta phải nhờ tôi báo cho biết cửa hàng có vắng khách thì mới dám vào để thanh toán tiền nông kén đáo với mụ Puta mà không gây phiền đến khách hàng. Một khi tiền đã bỏ vào két rồi, người ta liền tổng cổ cậu ta ra phía sau cửa tiệm với tôi. Đôi chân ấy còn giúp được cậu ta khỏi việc trong chiến tranh. Cậu ta được coi là một chiến sĩ liên lạc chạy nhanh nhất trung đoàn. Cậu ta về hậu phương dưỡng bệnh và đến thăm tôi ở pháo đài Bicêtre, và cũng chính vào dịp thăm hỏi này mà chúng tôi quyết định rủ nhau đến moi tiền lão chủ cũ của mình. Nói là làm. Lúc chúng tôi đến đại lộ Madeleine thì người ta cũng vừa dọn hàng xong...

Lão Puta hơi ngạc nhiên khi thấy chúng tôi:

- Ô kìa! Các con đấy ư! Ta thật là mừng! Vào đi nào! Thằng này, Voireuse, coi bộ chú mình khá đấy! Tốt lắm! Còn Bardamu, thằng này có vẻ ốm, phải không con? Dù sao, chúng mày còn trẻ cả! Rồi sẽ lại khỏe khoắn thôi! Dầu thế nào thì chúng mày cũng còn may mắn! Muốn nói sao thì nói, chúng mày đã được sống những giờ phút tuyệt diệu, phải không? Cao vọi vọi! Bay bổng nữa! Đó chính là Lịch sử mà ta cũng chưa được biết bằng các bạn đâu! Lịch sử đẹp biết mấy!

Hai đứa chúng tôi không đáp lại gì cả, cứ để kệ lão ta muốn nói gì thì nói, trước khi bòn tiền của lão... Thế là lão lại tiếp tục:

-Chà! Ta cũng phải nhận rằng cuộc sống dưới hầm hào là gian khổ đấy!... Thật thế! Nhưng, các cậu biết không, ở hậu phương này gian khổ cũng không

kém đâu!... Các cậu đều bị thương cả phải không? Ta thì cũng vẹo xương sườn đấy! Từ hai năm nay ta phải làm công việc trực đêm ở thành phố? Các cậu biết không? Thử nghĩ xem! Vất vả nặng nhọc hết sức! Kiệt lực rồi! Chà! Các đường phố Paris về đêm! Không đèn đóm, các bạn nhé... Thế mà cứ phải lái xe trên đường phố như vậy, và thường là với ngài bộ trưởng ngồi trong! Lại còn phóng nhanh nữa chứ! Các cậu không thể tưởng tượng được đâu!... mỗi đêm có đến mười lần hút chết!...

Mụ Puta chen vào:

-Đúng thế đấy, đôi khi ông ấy còn lái cho cả bà bộ trưởng nữa cơ...

-À, phải, mà cũng chưa hết đâu...

-Khiếp quá nhỉ! chúng tôi cùng thốt lên.

Để tỏ ra lễ phép, Voireuse hỏi:

-Còn mấy con chó đâu cả ạ? Ai đã làm gì chúng nó rồi ạ? Chúng nó vẫn được dắt đi dạo ở vườn Tuileries đấy chứ ạ?

-Ta cho giết cả rồi! Chúng nó quấy lắm! Không lợi cho công việc nhà hàng!... Cái loài chó béc giê Đức ấy!

-Rõ khổ! mụ vợ tỏ ý tiếc. Nhưng được cái là những con chó mới này ngoan lắm, toàn loài chó Tô-cách-lan... Mấy con này hơi hôi hôi một tí... Chứ những con béc giê Đức, Voireuse còn nhớ chứ, có thể nói chẳng bao giờ thấy mùi chúng nó. Nhốt trong kho kín, sau cả trận mưa cũng thế thôi...

-Ừ phải đấy! lão Puta chen vào. Chứ không như cái thằng Voireuse chết tiệt với đôi chân của nó! Thế nào, Jean, đôi cẳng của anh có còn thối không đấy? Đồ chết tiệt Voireuse!

-Cháu chắc là vẫn còn hơi hơi thối ạ, Voireuse trả lời.

Vừa lúc ấy có khách vào cửa hàng.

-Thôi nhé, ta không dám lưu các cháu lại, lão Puta đuổi khéo vì đang lo tìm cách mau chóng loại trừ được đôi chân thối của Jean ra khỏi cửa hàng. Trước hết là chúc sức khỏe các cháu! Ta không hỏi các cháu từ đâu về! Không đâu! Theo ý ta, phải đặt Quốc phòng lên trên hết!

Nói đến mấy tiếng Quốc phòng, lão nghiêm hăn nét mặt như lúc lão hỏi

lại tiền thừa vậy... Thế là người ta xua đuổi chúng tôi. Mụ Puta cho mỗi đứa hai chục quan lúc tổng tiền chúng tôi. Cái sàn nhà hàng đánh xi bóng loáng như một chiếc du thuyền, hai đứa rón rén không dám bước qua tấm thảm quý vì những chiếc giày góm ghiếc của mình.

Mụ Puta bảo chồng:

-Kìa Roger xem cả hai đứa kìa! Trông chúng nó mới buồn cười chứ!... Chúng nó lạ nhà mất rồi! Chẳng biết chúng nó đang như giẫm vào cái gì ấy!

-Rồi chúng nó lại quen thôi! lão Puta nói, giọng thân mật, hiền từ, và cũng rất bằng lòng là đã mau chóng tổng khứ được mấy đứa quấy rầy mà chẳng tốn kém bao nhiêu.

Ra đến ngoài phố, chúng tôi suy nghĩ rằng mỗi đứa với hai chục quan trong túi thì cũng chẳng đi được đâu xa, nhưng Voireuse lại nảy ra thêm một ý kiến nữa.

-Lại đây này đi, cậu ta bảo tôi, chúng mình đến nhà mẹ một cậu bạn chết hồi bọn mình đóng ở Meuse ^[57*], cứ tám ngày tới lại đến thăm bố mẹ cậu ấy một lần để kể chuyện con trai ông bà ấy chết ra sao... Nhà này giàu lắm... Mỗi lần như thế, bà mẹ cậu ta lại cho tới một trăm quan... Ông bà ấy bảo rằng tới đến như thế cho ông bà ấy khuây khỏa... Thế là cậu hiểu rồi chứ...

-Nhưng tới sẽ làm gì được ở nhà họ? Tới biết nói gì với bà mẹ cậu ta?

-Ờ thì cậu cứ nói là cậu cũng gặp cậu ta... Bà ấy sẽ cho cả cậu một trăm quan nữa... Tới nói cho cậu biết họ là những tay giàu sụ đấy! Và cũng không đến nỗi ki bo như mụ Puta đâu... Nhà này không thềm so đo tiền nong đâu...

-Thì tới cũng muốn thế, nhưng bà ta hỏi tới cần kè thì làm thế nào, cậu chắc chứ?... Tới nào có quen biết quái gì thằng con họ đâu... Bà ta mà hỏi thì tới bơi ngụp làm sao...

-Không, không, đừng lo gì cả, cậu cứ nói dựa vào tới... Cậu chỉ cần gật gù, vâng dạ... Đừng lo gì cả! Bà ta đang đau buồn, cậu hiểu không, vào lúc này mà có ai nhắc đến con là bà ấy bằng lòng thôi mà... Bà ấy chỉ yêu cầu có thể thôi... Bất kể như thế nào... Bà ấy không phải loại người chai cứng đâu...

Tôi thật khó xử, nhưng lại thềm cái món một trăm quan cực kỳ dễ dãi như

thế trời cho kia.

-Thôi được, cuối cùng tôi quyết định... Nhưng đừng có bắt tớ phía đây nhé, tớ bảo trước đấy! Cậu có hứa thế không? Tớ chỉ nói theo cậu thôi... Nhưng trước hết thì cậu cũng kể cho tớ nghe xem thằng ấy nó chết thế nào đã chứ?

-Nó bị một quả đạn pháo bắn vào trúng mặt, cậu ơi, mà không phải thứ nhỏ đâu nhé, người ta gọi là đạn súng Garance đấy... bị ở bên bờ một con sông trong tỉnh Meuse... Không tìm được “cái ấy” của cậu ta đâu cả... Chỉ còn là một kỷ niệm thôi... Thế nhưng, cậu phải nhớ rằng cậu ta cao lớn, cân đối, khỏe mạnh rất thể thao, nhưng mà làm sao địch lại được với đạn đại bác, phải không? Không kháng cự được đâu!

-Thật thế!

-Tớ phải nói với cậu rằng cậu ta bị quét biến đi mất... Bà mẹ cậu ta vẫn không sao tin được thế, cho đến tận ngày hôm nay này! Tớ đã phải nói đi nói lại... Bà ấy muốn rằng cậu ta chỉ mất tích thôi... Thật là ngốc cái ý nghĩ như thế... Mất tích!... Cũng chẳng phải lỗi ở bà ấy, bà ấy có bao giờ trông thấy đạn pháo nó thế nào đâu, bà ấy không thể nào hiểu được rằng một con người ta lại bị tống vào không khí như thế, cứ như một phát rắm, thế là xong, hơn nữa đó lại là con trai mình...

-Tất nhiên rồi!

-Đã mười lăm ngày tớ không đến đấy... Nhưng rồi cậu xem, tớ mà đến là bà ấy thế nào cũng tiếp tớ ngay lập tức, trong phòng khách, và rồi cậu sẽ biết, nhà họ đẹp cứ như một nhà hát ấy, cơ man nào là rèm cửa, là thảm, là gương, chỗ nào cũng có... Một trăm quan, cậu biết không, chẳng thấm gì với họ... Cũng chỉ như một trăm đồng xu với tớ, hay gần như thế... Bây giờ thì có thể là bằng hai trăm... Từ mười lăm hôm nay bà ấy không gặp tớ... Cậu sẽ thấy đám gia nhân đây tớ, áo dính toàn khuy mạ vàng nhé, bạn ơi...

Đến phố Henri Martin, rẽ sang trái rồi tiến thêm lên mấy bước là đến trước một hàng rào sắt chắn giữa những hàng cây trên một lối đi riêng.

Khi hai đứa đến sát mặt tiền, Voireuse nhận xét:

-Cậu thấy chưa, cứ như là một tòa lâu đài... Tớ đã nói rõ với cậu rồi mà... Ông bố là một tay có quyền thế lớn trong ngành đường sắt, người ta kể như thế... Có vai vế lắm...

-Không phải sếp ga chứ? tôi nói bông phèng.

-Chớ có tếu... Ông ấy đang đi xuống kia kìa. Ông ấy ra đón chúng mình đây...

Nhưng người đàn ông có tuổi mà cậu ta chỉ cho tôi, không ra ngay phía chúng tôi... Ông vừa khom khom bước xung quanh đám cỏ vừa chuyện trò với một tay lính. Chúng tôi tiến đến gần. Tôi nhận ra cậu lính ấy, chính là cậu lính dự bị tôi đã gặp trong cái đêm ở Noireur-sur-la-Lys, nơi tôi đang làm nhiệm vụ trinh sát lúc đó. Tôi còn nhớ cả tên cậu ta: Robinson.

-Cậu quen thằng bộ binh kia à? Voireuse hỏi tôi.

-Ừ, tớ biết thằng này.

-Có thể nó là bạn hữu gì nhà này... Có lẽ hai người đang nói với nhau về bà mẹ đây; tớ không muốn họ gây trở ngại cho việc chúng mình vào thăm bà ấy... Vì chỉ có bà ấy mới là người cho xin thôi...

Ông già đi đến gần phía chúng tôi. Ông ta nói giọng run run với Voireuse:

-Kìa anh bạn thân mến, tôi rất đau buồn thông báo với bạn rằng, từ sau lần đến thăm vừa rồi của bạn, bà vợ tôi đã không cưỡng nổi nỗi buồn to lớn của chúng tôi... Hôm thứ năm, chúng tôi để bà nằm một mình một lát theo yêu cầu của bà... Bà than khóc...

Ông ta không nói được hết câu. Ông quay đi đột ngột và bỏ mặc chúng tôi. Tôi bèn nói với Robinson ngay khi ông già đã đi cách chúng tôi đủ xa:

-Tớ nhận ra ngay cậu.

-Tớ cũng thế, tớ cũng nhận ra cậu...

-Chuyện gì đã xảy ra với bà già đấy? tôi hỏi cậu ta.

Cậu ta trả lời:

-À, bà ấy đã treo cổ từ hôm kia, tất cả có thể thôi. Thật rõ ràng, cậu ơi! Tớ coi bà ấy như mẹ đỡ đầu!... Cái số tớ nó thế đấy! Lần đầu tiên tớ được về phép! Phải chờ đợi sáu tháng trời!...

Voireuse và tôi, hai đứa cố nhin cười trước cái chuyện bất hạnh xảy đến với Robinson. Thật ra thì đó cũng là một cú bất ngờ tệ hại đối với chúng tôi nữa, bà ta đã chết rồi thì cũng hốc xẹt cái khoản hai trăm bạc mà hai đứa đang hí hửng tưởng moi ngay được bằng một chuyện phịa mới. Trong trường hợp này thì cả mấy đứa chúng tôi chẳng đứa nào bằng lòng cả.

-Này, cậu định làm bộ ngây thơ đấy à, thằng đại xỏ lá? - chúng tôi chọc thẳng Robinson, kích nó lên để mà giễu cợt. Cậu tưởng nuốt trôi ngay được cái bữa nhậu với hai ông bà già ấy chứ gì? Cậu cũng cứ tưởng bịp luôn được chuyện bà mẹ đỡ đầu chứ gì? Này, cậu đã đánh chén chưa đấy?

Không lẽ cứ đứng đấy mà nhìn cái bãi cỏ và cười vỡ bụng với nhau, cả ba đứa cùng đi về phía cầu Grenelle. Cộng chung tiền của cả ba lại cũng chẳng là bao. Mà đứa nào cũng phải về ngay chiều hôm ấy, đứa về nhà thương, đứa về doanh trại, chỉ đủ ba suất cơm chiều ở một quán ăn, và còn lại được chút đỉnh, nhưng không đủ để đi chơi gái. Tuy vậy cũng sà vào một nhà thổ nhưng chỉ nhăm nháp mỗi đứa một chén và cũng chỉ ở dưới nhà.

-Này cậu, tớ rất vui được gặp lại cậu, Robinson nói với tôi. Nhưng này, cậu chớ tưởng bà mẹ thằng nhóc ấy ngây thơ đâu nhé!... Dù sao mỗi khi nghĩ đến... mà sao lại treo cổ đúng vào hôm tớ đến cơ chứ, cậu ơi!... Tớ can ngăn bà ta... Liệu tớ cũng treo cổ hờ cậu? Vì buồn ư? Thế thì rồi đây tớ sẽ tiêu nỗi buồn của mình bằng treo cổ ư? Còn cậu?

-Đám nhà giàu ấy mà, Voireuse nói, họ dễ xúc động hơn người khác.

Cậu Voireuse là người tốt bụng. Cậu ta còn nói thêm:

-Giá tớ có sáu quan thì tớ sẽ lên lầu với con bé tóc hung mà cậu thấy đứng gần cái máy đánh bạc ở đằng kia ấy...

Chúng tôi bèn bảo cậu ấy:

-Thì đi đi, rồi kể cho chúng tớ nghe xem con bé mút có giỏi không...

Chỉ tội một nỗi là có cố công thì cũng chẳng kiếm đâu ra đủ tiền boia để cậu ta có thể làm được chuyện ấy. Mỗi đứa còn vền vện đủ tiền uống một tách cà phê và hai ly rượu cát-xít. Nốc xong, mấy đứa lại rủ nhau đi bát phố.

Đến quảng trường Vendôme, chúng tôi chia tay nhau. Mỗi đứa một ngả.

Không nhìn rõ được mặt nhau nữa, nói với nhau cũng nho nhỏ như sợ có tiếng vang. Đèn đóm đã bị cấm, tối om.

Jean Voireuse thì tôi chẳng còn bao giờ gặp mặt. Robinson, tôi thường thấy sau này. Cậu Voireuse sống khó khăn chật vật ở Somme [\[58*\]](#). Hai năm sau, cậu ta làm công trong một nhà điều dưỡng ở bờ biển vùng Bretagne. Thời gian đầu cậu ta còn viết được cho tôi hai lần, sau rồi biệt tăm biệt tích. Ngày trước, cậu ta có ra biển bao giờ đâu. Trong một thư, cậu ta viết: “Cậu không thể quan niệm được cái đẹp ở đây thế nào đâu. Tớ tắm biển chút ít, rất tốt cho hai bàn chân tớ nhưng lại lo hồng bég mất cái giọng!” Chuyện này làm cho cậu ta rầu lòng lắm, vì cái tham vọng sâu xa của cậu ta là ngày nào đó được trở lại với các dàn đồng ca ở nhà hát.

Tham gia các dàn đồng ca được trả nhiều tiền lại ra dáng nghệ sĩ hơn là chỉ sắm những vai phụ cà mềng.

Những kẻ có vai có vế dần dà cũng bỏ rơi tôi luôn và tôi đã có thể tự cứu lấy thân mình, nhưng những dấu ấn trong đầu thì chẳng làm sao xóa đi được. Chẳng có gì mà nói. Họ bảo tôi: “Đi đi, anh là đồ vô tích sự!...”

Tôi bảo: “Tôi sang châu Phi đây! Càng xa càng tốt với tôi!”

Thế rồi tôi được tuyển lên làm công trên một con tàu biển của hãng Hải tặc hợp nhất [59*]. Tàu này chạy đến miền Xích đạo, chở bông sợi, các sĩ quan và công chức.

Con tàu đã khá cũ, người ta đã gỡ cả tấm biển đồng trên boong trên mà trước kia còn đọc được ở đó năm sinh của nó. Cái tuổi cao của con tàu vừa gây cho hành khách nỗi lo âu lại vừa làm đề tài cho lắm câu chuyện bông phèng.

Người ta nhận tôi lên tàu, cốt để tôi thử làm quen với cuộc sống ở các thuộc địa. Trên tàu cũng có lắm người tốt bụng, muốn cho tôi có thể có cơ hội thành công. Còn tôi thì chỉ thêm muốn được bay nhảy, nhưng lại phải luôn luôn tỏ ra mình là đứa có ích khi mình không phải là kẻ giàu có, hơn nữa tôi cũng chưa học xong, mà việc học lại không kéo dài được. Tôi cũng chẳng có bao nhiêu tiền để sang tận Mỹ, đành tự nhủ mình: “Thôi ta sang châu Phi!”. Và thế là tôi trôi nổi sang miền Xích đạo, nơi mà người ta đảm bảo cho tôi có ngay được công ăn việc làm, miễn là tôi sống có chừng mực và hạnh kiểm tốt.

Những dự báo ấy làm cho tôi trở nên mơ mộng. Bản thân tôi chẳng có gì nhiều, nhưng có thể nói chắc là đứng đắn tử tế, thái độ khiêm tốn, biết cung kính khiêm nhường và luôn lo trễ giờ, lại càng e dè không bao giờ có ý vượt qua mặt người khác, tóm lại là con người tế nhị...

Khi người ta đã sống sót thoát ra được khỏi cái lò sát sinh quốc tế đang điên loạn, thì dầu thế nào đấy cũng đủ là một chứng chỉ về mặt khéo xử và kín đáo. Nhưng ta hãy trở lại cuộc viễn du này đã. Khi còn trong vùng biển châu Âu thì chưa có dấu hiệu nào báo trước là không lành. Các hành khách

chẳng có việc gì làm, túm tụm với nhau thành từng nhóm nói cười nheo nhéo dưới bóng râm ở khoảng giữa những khoang tàu, trong các buồng vệ sinh, trong phòng hút thuốc. Toàn những chuyện bét nhè, tào lao suốt từ sáng đến tối. Họ thay nhau nôn ọe, ngủ gà ngủ gật và gào thét và hình như họ chẳng lúc nào mà không tiếc rẻ cái châu Âu.

Con tàu của chúng tôi mang tên: *Đô đốc Bragueton*. Nó chỉ còn chịu đựng được cái vùng nước ấm này nhờ có nước sơn. Hết lớp này đến lớp khác sơn phết lên nhau tạo thành một cái vỏ thứ hai của tàu *Đô đốc Bragueton* y như một củ hành tây. Chúng tôi lênh đênh trôi về phía châu Phi, cái châu Phi thật, châu Phi lớn; nơi có những khu rừng không ai dò thấu được, đầy những ma thiêng nước độc, những nơi quanh quẽ chưa ai đặt chân đến, những đại bạo chúa da đen đắm mình dưới ngã ba những con sông chảy không biết đến tận đâu. Chỉ cần một hộp lưỡi dao cạo “Pilett”^[60*] là tôi có thể đổi được của họ những cặp ngà voi dài thế này này, lại cả những con chim màu sắc lòe loẹt, những đứa nô lệ còn nhỏ tuổi. Thật là đây hứa hẹn. Cuộc sống mà! Hoàn toàn không giống với cái châu Phi đã bị lột vỏ của các hãng quảng cáo, các tượng đài, các đường sắt và kẹo nu-ga. Không đâu! Chúng tôi sẽ đến thăm tận cốt lõi của châu Phi đích thực! Chúng tôi, những hành khách say bí tỉ của tàu *Đô đốc Bragueton*!

Nhưng, ngay sau khi qua được bờ biển Bồ Đào Nha thì mọi sự bắt đầu xấu đi. Có buổi sáng, mở mắt ra là chúng tôi đã không còn chịu được cái oi nồng nôn nao cả người. Cứ như bị nhốt trong một lò hấp nóng hừng hực, bứt rứt vô cùng. Nước trong cốc, dưới biển, không khí, chăn mền, cả đến mồ hôi trên người, tất cả, đều nóng hầm hập. Từ đấy, đêm cũng như ngày, không còn cái gì là mát mẻ dưới tay, dưới đít, trong họng, trừ mấy cục đá trong ly uýt-ki ở quầy rượu. Thế là một nỗi tuyệt vọng đè nặng lên những hành khách trên con tàu *Đô đốc Bragueton* bị cầm chân không còn rời ra khỏi cái quán rượu, như những kẻ bị yếm bùa, bị bắt vít vào những chiếc quạt máy, bị hàn gắn vào những cục đá nhỏ, hết bài bạc, hồi tiếc lại dọa dẫm nhau với những nhịp điệu rời rạc.

Nhưng cái đó cũng chẳng kéo dài. Trong sự ổn định vô vọng của cái nóng, toàn bộ những con người được chứa trên tàu bôn cục lại thành một khối bết nhè say khướt. Họ di động trên các boong tàu mềm oặt y như những con cá mực lượn lờ trong bồn nước nhạt nhẽo vô vị. Chính từ lúc đó mà ta càng dễ thấy bộc lộ cái bản chất của người da trắng khi đã được kích động, buông thả một cách thật là bừa bãi phóng túng, cái bản chất đích thực của họ, hoàn toàn như trong chiến tranh. Cái lò hấp nhiệt đới ấy làm cho bản năng họ nảy nở y như loài cóc nhái, rần độc sinh sôi vào tháng tám ở những kẽ nứt bên sườn các nhà tù. Trong cái băng giá châu Âu, trong những cảnh âm u kín đáo của phương Bắc, ngoài những cuộc chém giết, người ta chỉ hoài nghi sự tàn bạo nhưng nhúc ra của những người anh em này, nhưng khi đã được căn bệnh sốt rét chết tiệt của vùng Xích đạo chọc ghẹo thì lập tức những cái thói nát của họ tràn ngập ra khắp mặt bằng. Thế là họ điên loạn lên bứt hết cúc, phanh hết áo quần, cái dơ dáy bậy bạ toàn thẳng và trùm phủ lên toàn thể. Đó là sự thú nhận sinh vật học. Ngay sau khi lao động và băng giá không còn gò bó ta nữa, gong kìm đã nói lỏng chốc lát, là ta có thể nhận ra ngay ở người da trắng, như ta nhận ra ở một bến bờ vào lúc trời quang và thủy triều vừa rút, cả một sự thật được phơi bày: những cái ao tù thối khắm, lều bều những xác súc vật, cua cáy, cứt đái.

Cứ thế, qua khỏi Bồ Đào Nha, tất cả mọi người điên cuồng buông thả bản năng của họ ra, được hơi men nâng đỡ, và cũng còn do cái cảm giác khoái trá kín đáo được ngao du một chuyến miễn phí tuyệt đối, nhất là đối với đám quân nhân và đám viên chức. Được ăn uống, ngủ nghỉ trong bốn tuần lễ liền mà chẳng mất đồng xu nào thì làm gì mà chẳng mê sảng với đồng tiền dành dụm được, phải không nào? Chỉ có mình tôi là thằng phải trả tiền, do đó, ngay sau khi phát hiện ra cái đặc thù ấy, tôi đâm ra hết sức trâng tráo và rõ ràng là không sao chịu nổi.

Nếu như tôi có được một vài kinh nghiệm về các giới thuộc địa này, thì ngay từ lúc xuất phát ở Marseille, tôi, một bạn đường không xứng đáng, có lẽ đã quỳ xuống mà xin được xá lỗi và sự khoan dung của ngài sĩ quan lục quân

thuộc địa, mà chỗ nào tôi cũng gặp, một sĩ quan có cấp bậc cao nhất ở đây, và có lẽ để được bảo đảm hơn, tôi cũng hạ mình dưới chân ngài viên chức lâu năm nhất. Như vậy, có lẽ những vị hành khách quái dị này sẽ mở lượng cho tôi được sống cùng với họ mà không hề hấn gì? Nhưng, ngu dốt quá, cái ý định vô ý thức được thở hít cùng với họ suýt nữa đã khiến tôi phải trả giá bằng mạng sống.

Con người ta chẳng biết sự hãi thế nào cho vừa. Nhờ một vài sự khôn khéo, tôi không để mất đi cái còn lại của mình là lòng tự ái. Và mọi chuyện đã diễn ra thế này đây. Một thời gian sau khi vượt qua quần đảo Canaries, tôi được một cậu bồi phòng mách cho biết là họ đồng lòng với nhau coi tôi là một đứa trâng tráo, thậm chí hỗn hào nữa?... Họ còn nghi ngờ tôi là ma cô và đã được... Lại cả tí chút nghiện thuốc phiện trắng... Nhưng độ mới là phần phụ thôi... Rồi họ còn suy diễn ra rằng tôi phải chạy khỏi nước Pháp hẳn là để trốn tránh những hậu quả của một vài tội phạm gì đó rất nghiêm trọng. Tuy nhiên đây mới chỉ là những thử thách bước đầu đối với tôi. Qua đó tôi cũng hiểu ra rằng cái tục lệ áp đặt cho con đường biển này là chỉ được tiếp nhận, với sự thận trọng cực kỳ và kèm theo những sự hiếp đáp, những hành khách phải trả tiền, tức là những hành khách không được miễn phí quân sự hoặc được bộ máy quan liêu dàn xếp, vì các thuộc địa Pháp, như người ta biết, chỉ là nơi lui tới của giới quý tộc nằm trong các “niên giám”.

Chung quy, một thường dân không tên tuổi có rất ít lý do có giá trị để có thể phiêu lưu đến những chốn này... Tên gián điệp, kẻ khả nghi, họ tìm ra cả nghìn lý lẽ để khinh khỉnh nhìn tôi một cách méo mó, trong những con mắt hau háu của bọn sĩ quan hay trong đám đàn bà miệng tùm tùm theo điệu bộ đã được định trước. Dần dà, cả đến những kẻ phục vụ trên tàu, được khuyến khích, cũng xì xào ngay sau lưng tôi những lời nhận xét nặng nề chua chát. Họ đi đến chỗ bảo nhau không còn nghi ngờ gì nữa, rằng chính tôi là kẻ đại lỗ mãng và khó chịu nhất trên con tàu này. Sự hứa hẹn với tôi là thế đó.

Tôi vốn ngồi cùng bàn với bốn tay nhân viên bưu điện ở Gabon, đều mắc bệnh gan và móm mém. Đầu chuyển đi họ còn chuyện trò vui vẻ thân mật,

nhưng rồi họ cũng không thềm nói với tôi lấy một lời. Có nghĩa là người ta đã thỏa thuận ngầm với nhau đặt tôi dưới chế độ giám sát chung. Tôi chỉ còn có thể ra khỏi phòng với vô vàn sự đề phòng. Không khí nóng bức đè nặng lên da thịt như những hòn đá tảng. Trần trùng trục, cài chốt cửa lại, không cử động gì nữa, tôi cố hình dung cái mưu đồ của đám hành khách quý quái này có thể đang bày ra với nhau để hãm hại tôi. Tôi chẳng quen biết ai trên tàu, nhưng tất cả bọn họ thì hình như đều biết rõ tôi. Nhận dạng của tôi có lẽ đã thể hiện chính xác và ngay tức khắc trong tâm trí họ, như nhận dạng của một tên tội phạm trứ danh được công bố trên các báo.

Vô tình, tôi phải đóng vai trò cần thiết của một tên “đểu cáng bỉ ổi và kinh tởm”, nổi ô nhục cho loài người, mà người ta đã thông báo khắp mọi nơi qua nhiều thế kỷ, ai cũng đều nghe nói đến, từ lũ quỷ ác đến các vị thánh thiện, nhưng lại thiên biến vạn hóa, chui lủi, khi dưới đất đen lúc trên trần thế, tóm lại là không sao tóm bắt được. Phải cách ly nó lại, “tên đểu cáng” ấy, vạch mặt chỉ trán nó ra, cầm giữ lấy nó, những tình huống đặc biệt mà người ta gặp phải trên con tàu chật hẹp này.

Một niềm hoan hỉ thật sự lan tỏa trên con tàu *Đô đốc Bragueton*. “Con quỷ sứ” ấy đã tới số, không còn thoát được nữa. Đó chính là tôi vậy.

Chỉ một sự kiện này cũng đáng cả chuyến đi rồi. Bị hãm giữa những kẻ thù đột khởi này, tôi cố được đâu hay đó, nhận dạng bọn này mà không cho chúng nó thấy. Để thực hiện được việc ấy, tôi ngầm dò xét chúng, nhất là vào buổi sớm mai, qua ô cửa nhỏ phòng tôi. Trước lúc ăn sáng, bọn chúng ra hóng mát, lông lá đầy người, suốt từ bẹn lên đến mi mắt, từ đít xuống tận gan bàn chân, anh chị nào cũng mặc quần áo ngủ, nắng xiên qua rõ mồn một nằm ườn trên các bờ thành tàu, tay cầm ly rượu, những kẻ thù của tôi ra đó để mà ợ, để mà ói mửa, nhất là tay thuyền trưởng hai con mắt long sòng sọc, đỏ ngàu vì lá gan của hắn đã phải làm việc cật lực ngay từ lúc mới rạng đông. Rất đều đặn, mở mắt ra là hắn sẵn đón tin tức của tôi từ những kẻ láo nháo khác, xem liệu “người ta” đã “quảng tôi xuống biển” chưa? “Như nhỡ một cục đờm ấy mà!”. Để minh họa, hắn nhỡ luôn một bãi xuống mặt biển đang

sủi bọt sóng. Trò đùa mới hay làm sao!

Con tàu *Đô đốc* chẳng tiến lên được tí nào, phải nói là nó đang lết trên mặt nước, trông thành nghiêng ngả hết trái lại sang phải. Không còn là một chuyến đi nữa mà là một thứ bệnh hoạn, các thành viên của cái cộng đồng sớm mai này, xem xét họ từ cái xó của tôi, tôi thấy hình như tất cả bọn họ đều bị bệnh khá thâm căn, kẻ sốt rét, kẻ bệnh rượu, kẻ có lẽ tim la, sự sa sút của họ cách xa mười thước cũng thấy được, đã ít nhiều an ủi tôi đỡ nổi u phiền riêng tư. Dù sao thì đây cũng là những kẻ chiến bại, những anh hùng rơm như tôi cả!... Họ làm ra bộ bạo gan đó thôi! Chỉ có sự khác biệt duy nhất ấy thôi! Đàn muỗi đã được trao nhiệm vụ hút máu và chưng cất cho đầy huyết quản của họ những thứ chất độc không còn thoát đi đâu được... Đến lúc ấy thì những con xoắn trùng đã bào giữa các tĩnh mạch của họ rồi... Rượu đã ngốn mất những lá gan... Nắng mặt trời đã làm rạn nứt những quả cật... Chấy rận bám chặt lông lá họ và bệnh eczêma loang rộng trên da bụng... Cái ánh sáng bồng rộp kia lột nốt đi những vông mạc!... Chẳng còn bao lâu nữa thử hỏi họ còn lại cái gì nào? Một mẫu óc ư? Để làm được cái gì cơ? Tôi xin hỏi anh?... Họ sẽ đi về đâu đây? Để tự sát ư? Có lẽ chỉ có chuyện đó mới phục vụ được cho họ cái đó, một mẫu óc ở nơi họ đi đến... Nói gì thì nói, chứ sống già tại những xứ sở không có gì để giải trí cũng chẳng có gì đáng gọi là kỳ cục. Nơi người ta buộc phải soi vào tấm gương mà nước thủy đã bị ố xanh, để thấy rằng mình đã ngày càng xuống giá, ngày càng xấu đi... Người ta sẽ mau chóng rửa nát trên đám cỏ xanh, nhất là khi trời nóng kinh khủng.

Ở phương Bắc, ít ra thì anh còn giữ được thịt thà khỏi ôi thối, người phương Bắc đều có nước da mai má. Giữa một người Thụy Điển chết với một chàng trai kém ngủ không khác nhau mấy tí. Nhưng một tay thuộc địa thì chỉ sau một ngày đổ bộ là dòi bọ đã nhung nhúc đầy người rồi. Những con dòi cực kỳ cần mẫn ấy chỉ chờ có thể và cũng chỉ buông tha khi họ đã đi đời. Những cái túi dòi bọ!

Chúng tôi còn phải lênh đênh trên biển tám ngày nữa trước khi ghé vào Bragamance, mảnh đất hứa đầu tiên. Tôi có cảm giác như mình đang ở trong

một hộp thuốc nổ. Tôi không còn thiết đến ăn uống để khỏi phải ngồi cùng bàn với họ, và cũng không ra các boong tàu giữa ban ngày ban mặt nữa. Tôi chẳng nói một lời. Họ không còn thấy tôi đi dạo. Thật khó mà thu nhỏ mình lại như thế trong khi vẫn phải sống trên con tàu.

Tay bồi phòng, một tay chủ gia đình, muốn nói giấu cho tôi biết rằng những thằng cha sĩ quan thuộc địa vinh hiển kia, tay nâng ly rượu, thề với nhau nếu bắt gặp được tôi thì chúng sẽ cho tôi một cái tát rồi quẳng ngay xuống biển. Tôi hỏi tay ấy, tại sao lại thế, tay ấy bảo không biết gì cả và hỏi lại tôi đã làm gì để đến nông nỗi đó. Chúng tôi chỉ biết ngó ra với nhau. Chỉ vì tôi đại mồm đại miệng, thế thôi.

Có thể là người ta không để cho tôi đi cùng với những người khó vừa lòng được như thế. Họ cũng quá rồi rồi, suốt ba chục ngày trời bó cẳng với nhau lại chẳng có bao nhiêu chuyện để mà ham mê. Hơn nữa trong đời thường, ta thử nghĩ mà xem, trong một ngày bình thường thôi, có ít nhất là một trăm kẻ muốn anh chết quách đi, chỉ vì anh vướng chân họ trong cái hàng người chen chúc dưới ga xe điện ngầm, hay là họ đi qua căn hộ của anh họ ganh tị với anh, hay là họ mót đáì mà cứ phải xếp hàng chờ đợi anh, rồi còn chuyện các con anh, và bao nhiêu chuyện khác. Không dứt. Chuyện đời là thế. Trên con tàu thì chuyện chen chúc càng dễ thấy ra, và lại càng khó chịu.

Trong cái lò nung âm ỉ này, lớp bọt vánh của những sinh vật bị nung sôi này vón lại với nhau, những linh cảm về một sự cô liêu mệnh mông ở thuộc địa sắp chôn vùi họ và cả số phận của họ, khiến họ đã phải rên rỉ như những kẻ sắp chết. Họ níu kéo nhau, họ cắn xé, khốn khổ khốn sở. Vai trò quan trọng của tôi ở trên tàu mỗi ngày lại càng tăng lên một cách diệu kỳ. Những sự xuất hiện hiếm hoi của tôi ở nhà ăn, lặng lẽ và thoáng qua, lại càng thực sự tạo thêm sự kiện, cứ mỗi lần tôi bước vào nhà ăn là cả một trăm hai chục hành khách ấy giật thót lên và xì xào với nhau...

Các sĩ quan của cái chế độ thuộc địa ấy lèn nhau với những ly rượu khai vị quanh bàn của thuyền trưởng, những tay nhân viên thu thuế của các ty thuốc lá, nhất là các cô giáo Congo, mà tàu *Đô đốc Braqueton* chở cả lô cả lốc, từ

những giả thiết có ác ý đi đến những suy diễn vu khống để đôn tôi lên thành một con quỷ sứ.

Lúc lên tàu ở Marseille, tôi bất quá cũng chỉ là một thằng mơ mộng chẳng có nghĩa lý gì, thế mà bây giờ, do tác động của sự tập trung trên chộc này của những tên bợm rượu và những con mụ nứng trôn, tôi bỗng được phú cho cái uy thế rung động mọi người mà chính mình thì chẳng nhận ra.

Thuyền trưởng tàu này là một tay buôn lậu đại bợm và xấu xí. Hồi mới lên tàu, gặp nhau, hắn ta còn vui vẻ bắt tay tôi, nhưng bây giờ thì hình như hắn chẳng còn nhận ra tôi nữa, như thể người ta né tránh một kẻ đang bị truy tìm vì một vụ việc bẩn thỉu mà y là thủ phạm... Việc gì mới được chứ? Khi anh mang lòng hận thù người khác mà chẳng phải lo đến một nguy cơ nào cả, thì những chuyện bậy bạ của anh sẽ mau chóng được thuyết phục và duyên cớ tự nó khắc đến thôi.

Theo cái mà tôi tin là nhận ra được trong cái ác ý áp đảo tôi đang phải chống đỡ ấy, thì một trong số những cô giáo trẻ là người kích động cái nhân tố nữ trong những kẻ thủ mưu. Con bé này trở lại Congo đến mục xương đây, tôi hy vọng thế. Con bé ít khi rời ra khỏi bọn sĩ quan thuộc địa đưa nào cũng quần ngang mình mảnh vải sặc sỡ và tô vẽ thêm lời thề mà chúng đã nói ra miệng là sẽ nghiền nát tôi như con sâu con bọ không hơn không kém trước khi cập bến sắp tới. Chúng hỏi nhau, phải chăng tôi chỉ khúm núm cho phải phép thôi. Tóm lại là chúng khoái trá. Con bé ấy hun nóng thêm lòng hăng say của bọn chúng, vẫy gọi giông tố ụp xuống boong tàu *Đô đốc Bragueton*, muốn rằng chỉ ngơi nghỉ sau khi chúng nó đã nhặt tôi lên như một con vật chỉ còn hồn hển sau trận đòn vì cái tội hồn xược tưởng tượng, tóm lại là bị trừng phạt vì dám sống ở trên đời, bị đánh đập dữ dội, ứa máu ra, bầm tím lên, van xin lòng thương xót dưới gót giày và cú đấm của một trong những gã mà con bé ấy đang rục người lên chiêm ngưỡng những đường gân thớ thịt, chiêm ngưỡng trận lôi đình kỳ diệu. Cái cảnh tàn sát mãnh liệt ấy đã làm cho buồng trứng đang ủ rũ của con bé bỗng tỉnh dậy. Cái đó đáng giá ngang với cú hiệp của một con khỉ đột. Thời gian trôi qua, và thật là nguy hiểm nếu để kéo dài

thêm những cuộc đấu bò này. Tôi đã bị coi như con vật trong cuộc đấu. Toàn thể con tàu đòi hỏi thế rồi, và nó đang rung động đến tận các hầm tàu.

Biển khơi vây hãm chúng tôi vào cái vòng bị siết chặt lại. Cả đến các tay thợ máy cũng đã biết chuyện. Và chỉ còn khoảng ba ngày nữa là tàu sẽ ghé vào bến, ba ngày quyết định, nhiều hiệp sĩ đấu bò đã nộp đơn. Và tôi càng né tránh cuộc cãi vã này thì họ lại càng hung hăng hơn, dồn dập hơn đối với tôi. Những tên thầy mo ấy đã sẵn sàng ra tay. Họ kẹp tôi giữa hai căn ca-bin, phía sau một tấm rèm. Tôi thoát ra được, nhưng thật nguy hiểm nếu lại lao vào nhà tiêu. Khi mà mình chỉ còn phải lênh đênh mặt biển có ba ngày nữa thì tôi đã quyết định nhin tất cả mọi việc trong nhà tiêu. Mấy cái ô cửa sổ nhìn ra biển là đủ rồi. Xung quanh tôi tất cả đều trĩu nặng thù hận và lo âu. Cũng phải nói là không thể ngờ được rằng cái mối lo âu ấy ở trên tàu lại thành mối lo vũ trụ như vậy, phải nói thật là thế. Nó trùm lên cả biển khơi, lên con tàu, và lên cả bầu trời nữa. Những kẻ vừng vàng còn có thể trở thành kỳ dị, huống chi những tên đàn độn viễn vong ấy.

Một cuộc tế thần đây! Tôi sắp phải làm vật hy sinh đây. Sự việc diễn ra vào một buổi chiều sau bữa ăn mà tôi vì đói quá đành liều mò đến. Tôi đã phải cúi mũi vào đĩa cơm, không dám cả đến việc rút cái khăn tay ra thấm mồ hôi nữa. Chẳng còn ai ăn uống âm thầm kín đáo được như tôi lúc ấy. Mấy tàu liên tục ì ầm, khe khẽ rung rung dưới đất. Mấy người ngồi cùng bàn có lẽ đã biết được những gì người ta bàn định về tôi, vì thật lạ lùng, hôm nay họ lại nói năng với tôi rất thoải mái, vanh vách những chuyện đấu kiếm, xĩa gươm, và còn hỏi han chuyện trò với tôi nữa... Cũng vào lúc ấy thì cô giáo Congo, cái con bé hôi mồm ấy, đi về phía phòng khách. Tôi đủ thì giờ để nhìn kỹ cái váy đăng ten diêm dúa khi con bé tiến đến bên chiếc đàn piano với dáng vẻ vội vàng bức dọc, để chơi những điệu nhạc có thể nói rằng đã bị cố tình lướt qua những chương cuối. Cảnh huống trở nên bồn chồn, trộm lén hăn lên.

Tôi vọt ra, định trở về núp trong phòng mình. Sắp đến cửa thì bị một trong những tay đại úy thuộc địa, thẳng cha ngực nở nhất và vạm vỡ nhất cả bọn, chặn ngay lại, không thô bạo nhưng có vẻ cương quyết. Hăn ra lệnh cho tôi:

“Ta lên trên boong nào”. Chỉ mấy bước chân là chúng tôi lên đến đó. Trong bối cảnh này, hẳn ta đội chiếc mũ kêpi vàng óng hơn và cài khuy kín suốt từ cổ xuống tận gấu áo, điều mà tôi chưa hề thấy từ lúc bắt đầu chuyển đi đến giờ. Chúng tôi đang ở trong một thứ nghi lễ đầy kịch tính. Tôi khá bối rối, tim đập thon thót đến tận rốn.

Cái mào đầu, cái hoàn hảo bất thường này khiến tôi đoán trước một cuộc hành quyết từ từ và đau đớn. Con người này gây cho tôi cái ấn tượng là một mẫu chiến tranh ngoan cố, lì lợm, sát nhân, mà người ta ném xuống chặn ngang con đường tôi đang đi.

Đằng sau hẳn, ngay lúc đó lừng lừng bốn thằng sĩ quan cấp dưới, ngáng cái cửa hành lang, chăm chăm đến tột cùng, hộ tống thần Tai ương.

Thế là chẳng còn cách gì chạy trốn. Cuộc chất vấn này hẳn là đã được chuẩn bị kỹ càng. “Thưa ông, đứng trước mặt ông là đại úy Frémizon trong đạo quân thuộc địa! Nhân danh các bạn đồng ngũ của tôi và các hành khách trên con tàu này, bắt bính một cách đúng đắn về cách cư xử quá đáng của ông, tôi hân hạnh yêu cầu ông cho biết lý do!... Có nhiều chuyện ông nói về chúng tôi từ khi ông khởi hành ở Marseille là không chấp nhận được!... Nay đã đến lúc, thưa ông, phải nói rõ ra những lời trách móc của ông!... Ông hãy nói công khai ra những chuyện đáng xấu hổ mà ông thì thầm suốt hai mươi một ngày qua! Tóm lại, nói cho chúng tôi biết ông đã nghĩ gì...

Nghe những lời đó, tôi cảm thấy nhẹ nhõm hẳn đi. Tôi đã lo đến một cái chết không tránh được, nhưng cứ như lời hẳn ta, tay đại úy, thì ra bọn họ lại tạo cho tôi một cách thoát nổi hiểm nguy đây. Tôi phải lao ngay vào mà nắm lấy cái thuận lợi trời cho này. Mọi khả năng của sự hèn nhát đều trở thành niềm hy vọng kỳ diệu cho kẻ nào biết tận dụng. Đó là ý kiến của tôi. Chớ có bao giờ tỏ ra khó tính trước cái cung cách để thoát khỏi một vụ mổ ruột moi gan, lại càng không nên bỏ phí thì giờ đi tìm những lý do của một sự ngược đãi mà anh là đối tượng. Thoát ra khỏi đó đã đủ được coi là một nhà hiền triết rồi.

Tôi trả lời hẳn ta với tất cả cái giọng tự tin mà tôi có thể có vào lúc ấy:

“Thưa đại úy! sao mà ngài lại có thể phạm vào một sai lầm phi thường đến thế! Ngài! Tôi! Sao lại có thể gán cho tôi tâm địa của một kẻ bội bạc đến như vậy? Thật là bất công quá đỗi! Tôi rất phật ý về điều đó, thưa đại úy! Tại sao thế? Mới hôm qua tôi còn là kẻ bảo vệ tổ quốc thân yêu của chúng ta! Tôi, mà dòng máu đã hòa chung dòng máu của ngài trong bao nhiêu năm qua những trận đánh không sao quên được! Đại úy đang định trút lên tôi nỗi bất công nào đây!”

Rồi tôi quay ra nói với cả bọn:

“Thưa các ngài, các ngài đã trở thành nạn nhân của một sự nói xấu tồi tệ nào đây? Lại đi đến chỗ nghĩ rằng tôi, dù sao cũng là một người anh em của các ngài, rằng tôi lại ngoan cố loan truyền những lời vu cáo ghê tởm về những sĩ quan anh hùng ư! Quá lắm! thật là quá lắm! Mà lại đúng vào lúc những người con quả cảm ấy, những người con anh dũng vô song ấy đang sẵn sàng, với lòng dũng cảm xiết bao, tiếp tục sự nghiệp bảo vệ thiêng liêng các thuộc địa bất diệt của chúng ta! Nơi đây những vinh quang vĩnh cửu của các chiến sĩ diệu kỳ nhất trong giòng giống chúng ta. Những Mangin! những Faidherbe, những Gallieni !^[61*]... Chà! thưa đại úy! Tôi ư? Vậy sao?”

Tôi bỏ lửng đấy. Hy vọng gây được cho mình cái vẻ xúc động. Rõ thật may mắn là tôi đã thực hiện được trong một chốc. Không để kéo dài mà phải tranh thủ ngay lúc cuộc nhạo báng đang hồi hưu chiến này, tôi tiến thẳng đến viên đại úy, chìa tay ra bắt cả hai tay hắn trong cái siết chặt thật cảm động.

Tôi bình tĩnh lại một chút, tay tôi nắm gọn trong tay hắn ta. Trong lúc nắm hai tay hắn, tôi tiếp tục liên thoảng giải thích và đưa ra hàng nghìn lý lẽ để đảm bảo rằng tất cả mọi sự giữa chúng tôi với nhau phải hiểu lại và lần này nhằm về cái phía tốt đẹp. Rằng thì là cái sự khờ khạo tự nhiên và ngốc nghếch của tôi là nguồn gốc duy nhất gây nên sự hiểu lầm quái ác này! Rằng thì là cái cách xử sự của tôi có lẽ đã thể hiện như một sự coi thường không hiểu được đối với các nam nữ hành khách trên tàu, “những người vừa là anh hùng vừa đầy quyến rũ... Cuộc hội ngộ theo ý trời của những nhân cách vĩ đại và những tài năng... Không thể quên những nữ nhạc sĩ điểm tô cho con

tàu!...” Vừa tỏ ra chân thành tạ lỗi rộng rãi với mọi người, tôi vừa kết thúc bằng lời khẩn cầu được chấp nhận không trì hoãn và cũng không một hạn chế nào cho tôi được tham gia cái nhóm vui vẻ của những người yêu nước và hữu ái đó... Ngay từ lúc ấy, và mãi mãi về sau, tôi cố giữ một bộ mặt dễ thương... Không buông tay hẳn, tất nhiên là thế, tôi lại càng hùng biện hơn.

Chừng nào người lính không bắn giết thì anh ta chỉ là một đứa trẻ con. Tha hồ mà vui đùa thoải mái. Anh ta vốn đã là người không có thói quen nghĩ ngợi, nên thấy người ta nói với mình là lập tức phải đem hết sức ra để cố mà hiểu mà tự giải đáp bằng những nỗ lực ì ạch nặng nề. Tay đại úy không giết tôi mà cũng chẳng phải lúc đang nhậ nhệ, hẳn chẳng làm gì với hai tay, cả hai chân cũng thế, hẳn chỉ đang cố suy nghĩ. Như vậy cũng đã là quá lớn với hẳn rồi. Xét cho cùng thì tôi đã tóm được gáy hẳn.

Trong lúc cuộc thử thách về sự nhún nhường diễn ra như vậy thì tôi cũng dần dần cảm thấy lòng tự trọng đã sẵn sàng lìa bỏ mình, mờ nhạt dần, rồi thì nó buột hẳn ra, buông rơi hoàn toàn, có thể nói chính thức là thế. Nhưng nói thế nào thì nói đây vẫn là một thời điểm thật thú vị. Từ lúc xảy ra như thế, tôi bỗng thấy mình trở thành tự do và nhẹ nhõm, tất nhiên là về mặt tinh thần. Có lẽ cái sợ là cái người ta luôn luôn cần đến nhất để gỡ cho ra những mớ bong bong trong cuộc sống. Từ hôm ấy, về phần tôi, tôi chẳng còn mong muốn gì đến những thứ vũ khí hay đức tính nào khác nữa.

Các đồng đội của tay quân nhân không kiên định ấy, rõ ràng là được lệnh đến để mà vấy máu tôi và đùa nghịch những mảnh xương cùng những chiếc răng rơi rụng của tôi, thì lúc này cũng phải nhận lấy chiến thắng bằng sự tóm bắt những lời nói trong không khí. Đám dân sự được thông báo về một cuộc hạ thủ, hăm hở chạy bổ đến, lúc này cũng trơ mặt ra. Tôi cũng chẳng còn biết mình nói những gì nữa, trừ có việc là phải cố mà giữ cho được cái giọng trữ tình lâm ly, trong khi đó vẫn nắm chặt lấy hai tay viên đại úy, mắt nhắm nhắm vào một điểm lý tưởng nào đó trong đám sương mù lả lướt mà con tàu *Đô đốc Bragueton* đang hướng tới trong tiếng máy phì phò và tiếng chân vịt quạt tóe nước. Cuối cùng, để chấm dứt tấn trò này, tôi buông một bàn tay, chỉ

một thôi, của tay đại úy, đánh liều khoát một vòng qua đầu, và đồng dục kết luận: “Thưa các ngài sĩ quan, giữa những dũng sĩ, chẳng lẽ chúng ta lại không thể hòa hợp được với nhau sao? Nước Pháp muôn năm nào, mẹ kiếp! Nước Pháp muôn năm!” Đây là thủ thuật của tay đội Brandelore. Trong những trường hợp như thế này thì cậu ta luôn luôn thành công. Đây cũng là trường hợp độc nhất mà nước Pháp đã cứu sống tôi, chứ trước nay thì hầu như chỉ có ngược lại. Tôi để ý quan sát, thoáng thấy các thính giả của mình do dự vài giây, nhưng dẫu sao thì cũng thật khó cho một sĩ quan nào đó, dù có bực bội đến đâu, lại có thể công khai tát một người thường dân đang hô lớn như tôi vừa hô: “Nước Pháp muôn năm!”. Cái giây phút do dự ấy đã cứu vớt tôi.

Tôi dang rộng hai cánh tay vu vơ hú họa về phía cái nhóm sĩ quan đó, mời tất cả mọi người dự cuộc thết đãi của tôi để chúc mừng sức khỏe và chúc mừng sự hòa giải. Các nhà dũng sĩ ấy chỉ ngập ngừng một phút để rồi tiếp đó vui đầu vào cuộc nhậu suốt hai giờ liền. Chỉ có đám đàn bà trên tàu là trở mắt nhìn chúng tôi, im lặng và có chiều thất vọng dần. Qua những khung cửa sổ của quán rượu, tôi nhận ra cô giáo đánh đàn piano bướng bỉnh lượn đi lượn lại giữa đám nữ hành khách như một con chó rừng vàng đốm. Các mục này ngờ rằng tôi đã đánh lừa địch thủ để thoát khỏi cuộc phục kích và các mục hện nhau sẽ tóm được tôi trên đường về. Trong lúc đó, đám đàn ông chúng tôi nhậu tràn cung mây dưới cái quạt máy vô tích sự nhưng âm ỉ, vì từ khi qua khỏi Canaries, nó đã chẳng còn tác dụng trước cái khí hậu gay gắt nơi đây. Tuy vậy, tôi vẫn còn phải làm sao cho mình nói năng thật cao hứng, thao thao, để có thể vừa lòng các ông bạn mới của tôi, loại dễ dãi tầm thường. Lo mình lầm lẫn, tôi phải làm bộ thán phục lòng yêu nước và không ngớt nài nỉ các vị anh hùng ấy lần lượt kể và kể mãi những chuyện anh hùng quả cảm của họ ở thuộc địa. Cũng như những chuyện tiểu lâm, những chuyện anh hùng gan dạ luôn luôn làm vừa lòng đám quân nhân nước nào cũng vậy. Xét cho cùng, muốn đạt được một thứ hòa bình với đám này, quân nhân hay không, dẫu thật sự chỉ là ngưng chiến mong manh nhưng vẫn là quý giá, thì anh phải làm cho họ, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, đều có thể được phô bày,

được đắm mình vào những chuyện huênh hoang ngốc nghếch. Làm gì có sự kiêu ngạo thông minh. Đó chỉ là một thứ bản năng. Mà cũng chẳng có người nào lại trước hết là không hợm mình. Vai trò của kẻ quy lụy ngưỡng mộ cũng là vai trò hầu như duy nhất được người đời khoan thứ cho nhau với ít nhiều khoan khoái. Với những anh chàng quân nhân này tôi cũng chẳng phải tốn sức gì cho lắm trong việc tưởng tượng. Chỉ cần không ngừng tỏ ra ngạc nhiên thán phục. Thật dễ ợt cái việc hỏi đi hỏi lại những chuyện chiến đấu. Thế là các anh bạn ấy được khoác lên người đủ thứ vinh quang. Tôi tưởng như mình được quay lại những ngày đẹp nhất trong bệnh viện. Cứ mỗi câu chuyện họ kể xong, tôi lại không quên tán thưởng, theo lối đã học được của Brandelore, bằng một câu thật mạnh mẽ: “Chà! Đó quả là một trang vàng trong Sử sách!” Không còn có công thức nào hay hơn được nữa! Cái hội mà tôi vừa được tham gia một cách trộm lén ấy, dần dần thấy tôi hay hay. Họ tuôn ra ông ổng những chuyện tầm phơ về chiến đấu mà trước đây tôi cũng đã từng nghe và từng kể trong những cuộc đua nhau khoác lác với các bạn cùng nằm viện. Có khác chẳng chỉ ở cái khung cảnh và những chuyện tào lao của họ liên quan đến những núi rừng Congo chứ không phải xứ Vosges hay xứ Flandres.

Tay quan ba Frémizon, mới trước đó chưa lâu còn gánh lấy công việc tẩy rửa sự hiện diện nhơ nhuốc của tôi khỏi con tàu, thì từ lúc nhận ra cái cách của tôi nghe hẳn ta chăm chú hơn ai hết, hẳn bắt đầu phát hiện ở tôi hàng nghìn đức tính tử tế. Các huyết quản của hẳn như dịu bớt bởi tác động của những lời khen độc đáo của tôi, cái nhìn của hẳn sáng ra, đôi con mắt long sòng sọc và đỏ ngầu vì rượu cũng nhấp nháy qua cơn u mê và tự thâm tâm đã nhận dần ra cái giá trị thật của mình, nhờ hiệu quả kỳ diệu của những lời bình thông minh và xác đáng của tôi.

Rõ ràng là tôi đã thành một nhà sáng tạo ra sáng khoái! Thế là họ vỗ đùi vỗ vế nhau! Chỉ còn có tôi là biết làm cho cuộc sống dễ chịu, bất kể cái không khí hâm hấp của sự tàn lụi này! Liệu tôi có quá suy nghĩ về sự tuyệt diệu đó không?

Trong lúc cả lũ chúng tôi làm nhảm như vậy thì con tàu *Đô đốc Bragueton*

càng giảm tốc độ lại, nó chạy ì ạch như đang kiệt sức; xung quanh không còn một phân tử không khí nào chuyển động, chúng tôi đang nặng nề trườn theo dọc bờ biển như lao dần vào một vũng rỉ đường đặc xít.

Cả cái bầu trời cũng vậy, cũng đặc xít lại, chỉ còn như một mảng đen sà xuống mà tôi ngó trộm với lòng khao khát. Quay lại với đêm tối là sự lựa chọn lớn nhất của tôi, dầu có phải khó nhọc, than van thế nào, trong bất kể tình trạng nào! Frémizon thì vẫn thao thao bất tuyệt. Đất liền tôi thấy đã sắp lại gần rồi, nhưng cái kế hoạch trốn lủi đang gọi cho tôi trăm nghìn mối lo âu... Dần dà câu chuyện của chúng tôi không còn là quân sự nữa mà chuyển sang các thứ chuyện chót nhả rồi bầy bạ ra trò, cuối cùng thì bung ra hết, không còn biết đầu cua tai nheo thế nào nữa; các vị khách mời của tôi lần lượt khước từ hết và ngủ gật cả với nhau, tiếng ngáy lại càng ru cho họ say giấc. Biển ngay đi bây giờ hay chẳng còn bao giờ nữa. Không thể để trôi đi những thời khắc tạm ngưng cơn tàn bạo, mà những thế chế đòi bại nhất, hung hăng nhất trên đời này bắt buộc dĩ phải chịu theo, dầu trái hẳn bản chất của chúng.

Lúc này chúng tôi đã buông neo, rất gần bờ biển. Mấy ngọn đèn leo lét đung đưa trên bờ.

Có đến cả trăm chiếc thuyền độc mộc ủa ra rất nhanh, chở những người da đen hò rao inh ỏi, bu lấy suốt dọc mạn tàu. Những tay da đen này giành nhau bám lấy các cầu tàu để mời chào phục vụ. Chỉ trong vài giây là tôi đã vác được ra cầu thang chính mấy cái bọc gói ghém quấy quá và lĩnh ngay theo một trong những tay lái thuyền mà cả nét mặt lẫn dáng người lẫn vào bóng đêm không còn nhận ra được. Đến chân cầu thang, mấp mé sóng nước rập rờn, tôi băn khoăn chưa biết mình sẽ đi đến đâu.

- Ta đang ở đâu đây nhỉ? Tôi hỏi.

- Ở Bambola-Fort-Gono! cái bóng ấy trả lời.

Giữa cảnh ồn ào hỗn độn, chúng tôi bắt đầu được bươn chải tự do. Tôi giúp một tay với anh chàng để chèo thuyền cho mau hơn.

Trong lúc trốn chạy, tôi vẫn còn đủ thời gian để một lần nữa nhận rõ

những người bạn đường nguy hiểm trên tàu. Dưới ánh đèn mờ trên các boong, ngợp trong cái ngất ngây và đau chướng bao tử, họ đang tiếp tục lên men, ú ớ gằm gừ trong cơn mơ ngủ. No nê, phè phỡn, nằm ườn ra với nhau, lúc này thì tuyệt vời đều giống nhau cả, sĩ quan hay viên chức, kỹ sư hay nhân viên thuê, mụn nhọt, bụng phệ, xanh tái, pha trộn nhau, y hệt nhau. Chó nhà hay chó sói thì trong lúc ngủ cũng như nhau cả thôi.

Chỉ ít lúc sau, tôi tìm được vào đất liền. Đêm tối càng dày đặc dưới những tán cây, và phía sau đêm tối là tất cả sự đồng lõa của thỉnh không.

Cái xứ thuộc địa Bambola-Bragamance này, ngự trị trên cao hết là một quan Toàn quyền. Mỗi lúc ngài đoái nhìn xuống anh nào, thì các thuộc hạ của ngài, dù là nhà binh hay công chức đều im thin thít, đến cả thờ cũng không dám nữa.

Dưới hàng chức sắc này là đám thương nhân đến đây lập nghiệp để ăn cắp và làm giàu hình như dễ hơn ở châu Âu. Trên khắp lãnh thổ, không còn một quả dừa, một hột lạc nào thoát khỏi bàn tay cướp đoạt của họ. Đám công chức biết rằng, khi sức tàn lực kiệt thì chẳng còn trụ được ở chính quốc và sẽ bị ném đến đây, gán cho vài cái chức tước, giao thêm mấy cái biểu mẫu để điền vào những hẫu như chẳng kèm theo chút xìn nào cả. Thế là họ nhòem vào đám thương nhân. Đám quân nhân lại càng thộn hơn hai đám kia, nên chỉ còn biết ngồi mà gặm cái vinh quang xứ thuộc địa, và để nuốt cho trôi cái đó thì đành chịu khó ních vào bụng cho nhiều thuốc kí ninh đồng thời vượt cho đủ số cây số theo Quy chế.

Điều thật dễ hiểu là, trong khi ra sức chờ đợi cho hàn thử biểu hạ xuống, thì mọi người càng ngày càng trở nên tàn ác hơn. Và những cuộc đụng độ riêng lẻ hoặc tập thể kéo dài vô tận và rất kỳ cục giữa đám quân sự với đám hành chính, rồi giữa đám này với đám thương nhân, lại còn giữa những đám liên minh tạm thời này với đám liên minh tạm thời kia, rồi tất cả bọn họ chống người da đen và cuối cùng thì giữa những người da đen với nhau. Thế là, những năng lượng hiếm hoi còn sót lại sau những cơn sốt rét, khát bông, nắng rát, lại bị đem thiêu đốt trong hận thù cay độc, đắng dai, khiến cho lắm tay thực dân phải vùi thân tại chỗ, tự đầu độc lẫn nhau, như những con bọ cạp.

Tuy nhiên, cái tình trạng vô chính phủ thật là ác liệt này được ém nhem trong một khuôn khổ khép kín, như bày cua trong rọ. Các nhà công chức sùi bọt mép với nhau thế thôi, và quan Toàn quyền thì tìm cách tuyển người từ nơi khác để duy trì cái xứ thuộc địa dưới sự cai trị của ngài, tất cả những tay

bảo an thâm hại mà ngài cần, cũng như hàng nghìn tay da đen nợ nần chồng chất và đói khổ trôi giạt ra vùng duyên hải, buôn bán thua lỗ, kiếm từng bát cháo qua ngày. Người ta dạy cho đám dân này biết thế nào là quyền và cách bái ngưỡng quan Toàn quyền. Có vẻ như quan Toàn quyền cho dát lên trang phục của ngài tất cả số vàng trong ngân khố, và với ánh mặt trời rọi chiếu thì không còn sao tin được vào mắt mình, chưa nói gì đến những lông chim gài lên đó. Hàng năm quan Toàn quyền nốc nước khoáng Vichy và chỉ đọc có Công báo. Số đông viên chức sống trong hy vọng có ngày nào đó được ngài ngủ với vợ họ, nhưng quan Toàn quyền lại không thích đàn bà. Ngài chẳng thích gì cả. Qua mỗi trận dịch sốt rét vàng, ngài Toàn quyền sống sót như nhờ có bùa mê, trong khi khối kẻ mong được chôn ngài lại chết nhăn răng cả lũ như những con ruồi con muỗi gặp cơn dịch hạch đầu tiên.

Người ta còn nhớ trong một ngày Quốc khách 14-7 nọ, trong lúc ngài đi duyệt trước hàng quân sĩ thuộc phủ Toàn quyền, tung tăng giữa đám kỵ binh cảnh vệ, một mình trước lá cờ to bằng này nọ, thì có một tay đội có lẽ bị lên cơn sốt, lao vào trước vó ngựa của ngài, gào lên: “Lui lại đi, đồ mọt sừng!” Hình như ngài Toàn quyền bị tác động mạnh bởi cái vụ mưu hại mà người ta đành chịu không giải thích được.

Thật khó mà nhìn đoán sự trung thực của những con người và sự vật ở vùng Xích đạo qua những màu sắc thể hiện. Vì ở đây màu sắc và sự vật luôn luôn sôi bỏng. Một hộp cá mòi mở ra giữa trưa trên hè phố sẽ tỏa vào mắt ta đủ thứ ánh phản chiếu, tưởng như một tai nạn gì nghiêm trọng. Ta phải cẩn thận, ở đây không chỉ có những con người cuồng loạn, mà sự vật cũng vậy. Cuộc sống chỉ có thể chịu đựng nổi khi màn đêm đã buông xuống, nhưng bóng tối lại hầu như lập tức bị hàng đàn hàng lũ muỗi rừng chiếm cứ. Không phải một hai hay trăm nghìn con mà hàng tỉ con. Sống được trong những điều kiện ấy quả là một công cuộc tự bảo vệ đích thực. Ngày nhảy múa, tối vào mùa, chiến tranh thì kín đáo.

Khi túp lều đã bị bỏ trống, và lại có vẻ thuận lợi, yên tĩnh, thì mỗi sẽ kéo đến làm tổ, những con vật nhơ nhớp ấy sẽ vĩnh viễn chiếm cứ, đục khoét hết

kèo cột gian lều của anh. Cầu cho cơn gió lốc thổi bay cái rèm đăng-ten lều lọc này và toàn bộ các dây phở bốc hơi đi.

Cái thành phố Fort-Gono mà tôi giạt vào là như thế, đó là cái thủ phủ mỏng manh của xứ Bragamance, giữa rừng với biển, nhưng cũng trang hoàng đủ các thứ cần có cho một thành phố: những nhà băng, ổ điểm, quán cà phê, thêm nhậu, và cả một phòng tuyến mộ, cứ như thể mình là thủ đô chính quốc thu nhỏ đây, không quên một quảng trường Faidherbe và một đại lộ Bugeaud, để đi dạo, một quần thể những ngôi nhà choáng lộn giữa những vách đá nhám nhở, nhồi nhét những dòi bọ và bị giẫm đạp bởi các thể hệ nối tiếp những quân đồn trú và những nhà cai trị bỏ chạy thực mạng.

Cái đơn vị nhà binh, cứ khoảng năm giờ, là gào rống lên xung quanh những ly rượu khai vị và rượu mùi mà khi tôi đến đây thì cũng vừa lúc rượu tăng giá. Một phái đoàn các khách hàng kéo nhau đến cầu xin ngài Toàn quyền ra nghị định cấm các tửu quán không được tùy thích đặt giá rượu áp-xanh và cát-xít ^[62*]. Cứ theo một số người quen thuộc đất này thì chế độ thuộc địa của chúng ta ngày càng cực nhọc vì chuyện nước đá. Việc cho du nhập nước đá vào các thuộc địa, thực tế là tín hiệu của sự yếu mềm hóa các nhà thực dân. Từ nay, bị cột chặt vào ly rượu khai vị có đá theo tập quán, nhà thực dân chối bỏ việc chế ngự khí hậu bằng sự kiên cường chịu đựng duy nhất của anh ta. Điềm lại mà xem, những Faidherbe, những Stanley, những Marchand chỉ nghĩ đến cái hay cái tốt của bia, của vang, của nước ấm ngẫu bùn mà họ uống hết năm này qua năm khác có kêu ca phàn nàn gì đâu. Tất cả mọi sự là ở đó. Ta mất các thuộc địa như thế nào là ở đó.

Tôi còn biết được khối chuyện khác dưới bóng mát của những hàng cọ, nhờ thứ nhựa cây của nó thách thức với khí hậu, nên nó mọc sum sê suốt dọc những đường phố với những túp nhà yếu ớt mảnh dẻ. Chỉ có cái màu xanh sống sượng hiếm có này làm cho người ta thấy nơi đây không hoàn toàn giống với La Garenne-Bezons ^[63*] ở chính quốc.

Đêm đêm, bọn gái điếm bản xứ mời chào chèo kéo khách loạn cả lên giữa những đàn muỗi siêng năng và sở sàng dày đặc như những đám mây gieo rắc

bệnh sốt rét vàng. Lại còn cái lực lượng tăng viện người Xu-đăng sẵn sàng hiến dâng cho khách dạo chơi tất cả những gì họ có dưới chiếc xà lỏn. Với giá cả rất ư phải chăng, anh có thể đi lại với tất cả gia đình họ trong một hay hai tiếng đồng hồ. Kể ra nhón nhơ với hết dĩ cái lại dĩ được thì cũng khoái đấy, nhưng lúc này tôi buộc phải đi tìm chỗ nào có được việc làm đã.

Người ta bảo tôi rằng Giám đốc Công ty Pordurière Tiểu Congo đang kiếm một nhân viên mới ra trường để trông nom một trong những chi nhánh của lão trong rừng sâu. Không chậm trễ, tôi tìm ngay đến xin nhận những việc không hợp khả năng nhưng sẽ cố làm hết sức mình. Lão Giám đốc tiếp tôi chẳng có vẻ gì là vồn vã. Lão khùng ấy - phải gọi đích danh lão như vậy mới đúng - ở không xa Phủ Toàn quyền, trong một ngôi nhà gỗ lợp rạ khá rộng rãi. Ngay cả trước lúc đưa mắt nhìn tôi, lão đã đặt ra lắm câu hỏi khá thô bạo về quá khứ của tôi, rồi dịu xuống một chút sau những câu tôi trả lời thật là hồn nhiên, cái vẻ khinh khỉnh của lão chuyển thành độ lượng. Tuy vậy lão vẫn còn không chút nào coi tôi đáng để lão mời ngồi.

-Theo các giấy tờ thì anh biết ít nhiều về ngành y? lão nhận xét.

Tôi trả lời lão rằng đúng là tôi có học đôi chút về mặt này.

-Thế thì anh có thể sử dụng cái đó đấy! lão nói. Anh có uống uýt-ki không?

Tôi không uống rượu. “Anh hút thuốc?” Tôi lại từ khước. Sự tiết dục này khiến lão ngạc nhiên... “Liệu anh có phải loại pê-đê [64*]?... Cũng không? Thôi kệ!... Những anh chàng thế này ít ăn cắp hơn những đứa khác... Đó là cái tôi nhận thấy qua kinh nghiệm... À mà họ lại gắn bó với công việc... - có lẽ thấy mình quá lời nên lão sửa lại - Nhưng mà nói chung hình như tôi thấy cái đó là một đức tính của những tay pê-đê, một lợi thế... Anh sẽ chứng minh điều trái ngược chẳng!...” Rồi tiếp luôn: “Anh nóng chứ nhỉ? Rồi anh sẽ xoay xở được thôi! Mà cũng phải xoay xở cho quen với cái nóng chứ! Còn chuyển đi thế nào?”

-Tội tệ! tôi trả lời lão.

-Này, anh bạn, anh vẫn còn chưa thấy hết đâu, anh sẽ cho tôi biết những

tin tức về cái xứ sở này sau một năm sống ở Bikomimbo, nơi tôi sẽ phải anh đến thay chân một thằng không đứng đắn ở đây...

Cô gái da đen, ngồi xổm gần bàn, nắn bóp hai chân lão, gãi chân lão bằng một mẫu gỗ nhỏ.

-Cái con xoắn này, lão chủ bảo cô gái, chạy đi gọi thằng bồi cho tao! Bảo nó đem luôn cả nước đá nữa đấy, nghe không.

Cậu chàng bồi đến quá chậm. Lão giám đốc tức tối, bật lò xo, đứng dậy đón cậu ta bằng hai cái tát kinh khủng và hai cú đá vào bụng dưới kêu đến rõ!

-Lũ này sẽ chỉ làm khổ tao thôi! - Lão giám đốc vừa nói vừa thở dài. Lão buông người xuống chiếc pho tô bọc vải vàng hoen ố, bỏ bực.

Bỗng lão thân mật, tử tế với tôi và như thế thanh thoát được một lúc nhờ hành động thô bạo của lão vừa rồi, lão bảo:

-Anh bạn, nhờ anh đưa tôi cái roi và ống thuốc kí ninh... ở trên bàn... Tôi sẽ không nên quá xúc động như thế này nữa... Không kiềm chế được tính khí của mình thì thật là ngốc.

Từ nhà lão trông ra cái cảng sông lấp lánh ở phía dưới, qua lớp bụi dày đặc mà người ta nghe được những tiếng động lóc xóc nhưng không phân biệt được chi tiết. Những dòng người da đen, trên bờ sông, quần quật dưới roi vọt, dờ hàng hết khoang này đến khoang khác trên những con tàu không bao giờ trống rỗng, leo trên những cầu tàu rập rình, èo uột, đầu đội từng sọt đầy, cổ giữ thẳng bằng, trông như những đàn kiến leo thẳng đứng, lẫn vào những tiếng la hét mắng chửi.

Cảnh đó diễn đi diễn lại thành từng chùm đứt quãng qua một vùng hơi nước đọng đỏ ngầu. Lẫn trong những hình hài lao khổ ấy, có một vài hình thù còn thêm một điểm đen nhỏ trên lưng, đó là những người mẹ lang thang đến đây khuôn vác thuê lại còn phải địu thêm đứa con. Tôi tự hỏi không biết liệu loài kiến có thể làm được thế không.

-Phải chăng, người ta có thể coi ngày nào ở đây cũng là ngày chủ nhật?... lão giám đốc tiếp tục, với giọng bông đùa. Thật là vui vẻ! Thật là rõ ràng! Bọn đàn bà con gái trần như nhộng hết. Anh có thấy không? Mà lại đẹp nữa

chứ! Ở Paris mà thế này thì kỳ lắm, phải không? Dân mình thì luôn luôn quần một thứ vải chéo trắng, cứ như là đi tắm biển! Như thế chẳng đẹp để gì đâu. Như là đi xưng tội cả với nhau! Còn ở đây, tôi có thể nói với anh rằng luôn như mở hội! Đích thực là một ngày 15 tháng Tám ^[65*]. Suốt từ đây đến tận Sahara đều thế! Anh nghĩ mà xem!

Lão dừng lại, thở dài, lầu bầu trong mồm, hai ba lần văng tục: “Đồ cứt!”, thấm mồ hôi và lại tiếp tục câu chuyện.

- Nơi anh đến làm việc cho Công ty, nằm trong rừng sâu, ẩm thấp đấy... Cách đây mười ngày đường... Trước hết là biển... Rồi đến sông. Anh sẽ thấy một con sông đỏ ngầu. Và phía bên kia là bọn Tây Ban Nha ^[66*]... Cái cậu mà anh sẽ đến thay ở phân xưởng ấy, là một thằng đại xỏ lá, anh ghi nhớ lấy nhé... Giữa chúng ta với nhau, tôi nói để anh biết... Không có thể nào mà bắt được nó giao lại sổ sách thanh toán đâu, cái thằng cứt ấy!

Không có cách nào đâu! Tôi đã bao nhiêu lần triệu nó về mà nó cứ ì ra!... Con người ta mà sống một mình là khó giữ lâu được cái tính lương thiện đâu, rồi anh xem! Anh cũng sẽ thấy cái đó!... Hắn ta viết cho chúng tôi rằng hắn ốm... Tôi cũng muốn tin là thế! Ốm! thì tôi đây cũng ốm chứ! Nhưng ốm thì có nghĩa gì nhỉ? Mọi người đều ốm cả cơ mà! Anh cũng thế, rồi anh cũng sẽ ốm, chẳng mấy lúc đến lượt anh sẽ thêm vào đó! Nhưng đấy không phải là lý do! Hắn ốm thì kệ xác hắn! Phải lo đến Công ty trước đã! Đến nơi, cần nhất là trước hết anh đòi hắn kiểm kê!... Ở chi nhánh có đủ lương thực cho ba tháng đấy và lại còn hàng hóa cũng ít nhất đủ dùng cho cả năm... Anh sẽ không thiếu những cái ấy đâu! Chớ có đi vào ban đêm đấy... Anh phải cảnh giác! Những thằng da đen của hắn, hắn có thể phái ra đón anh ở ngoài biển, nhưng chúng nó ném anh xuống biển không chừa đấy. Hắn có thể đã xúi bầy bọn này! Mà bọn này ranh ma cũng chẳng kém gì hắn đâu! Tôi chắc thế! Hắn có thể đã rì tai bọn đen mấy lời về anh!... Ở đây vẫn là thế mà! Anh nhớ mang theo thuốc kí ninh nữa, phần thuốc của anh, cho anh, với anh, trước lúc khởi hành... Chớ có dùng thuốc của hắn, rất có khả năng hắn bỏ cái gì vào đấy!

Lão giám đốc căn dặn tôi bằng ấy thứ, xem thấy đã đủ, lão đứng dậy có ý muốn xua tôi đi. Cái mái trên đầu chúng tôi bằng tôn, có bao nhiêu nóng là cái mái tôn ấy dồn hết cả lên đầu chúng tôi tưởng như nặng đến hai nghìn tấn là ít ^[67*]. Cả hai nhả nhó vì quá nóng. Dễ đến gục ngay không thời hạn. Lão nói thêm:

-Có lẽ không cần phải gặp lại nhau trước khi anh khởi hành. Bardamu nhỉ! Ở đây cái gì cũng mệt cả! À mà có thể tôi vẫn sẽ đến kho hàng trước lúc anh lên đường!... Chúng tôi sẽ viết khi nào anh đến nơi... Mỗi tháng có một chuyến thư... Đi từ đây... Nào, chúc anh may mắn!...

Thế rồi lão biến vào trong cái bóng của lão, giữa chiếc mũ cát và cái áo vét tông. Vẫn còn nhìn thấy rõ những đường gân trên cổ, ở phía sau, uốn cong thành hình cung như hai ngón tay đỡ lấy đầu lão. Lão còn quay lại một lần nữa:

-Bảo thằng cha ấy xuống đây mau nhé!... Tôi có vài lời cho hăn đấy!... Bảo hăn chớ có la cà dọc đường! Chà! Cái thằng tòi! Nhất là hăn chớ có bỏ xác dọc đường! Như thế sẽ tai hại đấy! Rất tai hại! Chà, cái thằng cắt tóc!

Một chú da đen với chiếc đèn to tướng dẫn tôi đến nơi tạm trú trước ngày khởi hành đến vùng đất hứa Bikomimbo tử tế kia.

Chúng tôi dọc theo những lối đi mà mọi người có vẻ như đang đổ dồn xuống để dạo mát sau lúc hoàng hôn. Tiếng gong chiêng báo ngày tàn rống rả khắp nơi, lẫn vào đó những tiếng hát hò dồn nén và khó hiểu như những tiếng nấc, màn đêm đen mênh mông của những xứ nóng luôn luôn buông xuống rất nhanh với tiếng trống đồ hồi rộn rã.

Chàng trai dẫn đường cho tôi lướt nhẹ đôi chân trần. Chỗ này hăn phải có những gã người Âu mặc đồ lính, người ta nghe thấy tiếng họ, tiếng người da trắng, nô rồn trong đó, rất dễ nhận ra, hung hăng, man trá. Những con dơi không ngừng bay lượn, lao vào những đám côn trùng đầy đặc xúm quanh ngọn đèn hấp dẫn của chúng tôi. Dưới mỗi lá cây có thể ẩn giấu ít nhất cũng một chú dế, cứ theo cái tiếng dế kêu đồng loạt thì đủ thấy.

Đến một ngã tư trên lưng chừng dốc, chúng tôi bị nghiền lại bởi một đám

lính bộ binh bản xứ đang cãi nhau bên một cái quan tài đặt nằm trên mặt đất, phủ lá cờ ba sắc rộng, gió thổi phàn phật. Thì ra đó là một người chết ở nhà thương, họ chẳng biết đem chôn ở đâu. Lệnh ban ra rất mơ hồ. Người này bảo đem chôn ở cánh đồng dưới kia, người khác lại đòi đem chôn trong khu lăng trên dốc cao bên bờ biển. Thống nhất ý kiến thế nào đây. Thế là tôi và cậu dẫn đường cũng được góp tiếng nói của mình vào vụ này. Cuối cùng thì đám khiêng quan tài quyết định đem xuống nghĩa địa ở dưới kia hơn là vác lên nghĩa trang trên cao, vì dốc đứng khó trèo. Trên đường, chúng tôi còn gặp ba cậu da trắng rất trẻ cùng nòi giống với những tay thường thấy trong những trận bóng bầu dục ngày chủ nhật ở châu Âu, những khán giả si mê, hùng hổ và xanh xao. Ở đây họ cũng là những nhân viên của Công ty Pordurière như tôi. Họ nhã nhặn chỉ đường cho chúng tôi tới ngôi nhà xây dở dang là nơi tôi tạm thời được dành cái giường tháo gập, xách tay.

Chúng tôi đi đến đó. Đúng là căn nhà còn trống trơn, ngoại trừ mấy cái đồ làm bếp và cái gọi là giường của tôi. Tôi vừa ngả lưng xuống cái giường mảnh như sợi chỉ, lúc lắc đu đưa, thì hai chục con dơi từ các xó nhà ào ào bay ra, lượn tới lượn lui vỗ cánh âm ỉ trong sự nghỉ ngơi đầy khiếp sợ của tôi.

Chú nhỏ da đen, người dẫn đường cho tôi, quay trở lại định mời cái món phục vụ thầm kín của chú, nhưng tối hôm đó tôi không hào hứng gì về chuyện ấy, cậu ta thất vọng bèn giới thiệu luôn cho tôi cô chị gái. Tôi băn khoăn tự hỏi không biết cậu ta làm thế nào mà tìm được cô chị giữa đêm tối thế này.

Tiếng trống thì thùng từ ngôi làng sát ngay đó khiến cho anh nẩy cả người lên, bấm cái kiên nhẫn của anh ra từng mảnh nhỏ. Hàng nghìn con muỗi nhanh nhẹn không bỏ phí thời gian chiếm lĩnh luôn hai đùi tôi trong khi tôi không dám thả chân xuống nền nhà vì những con bọ cạp, và cả những con rắn độc mà tôi chắc rằng cuộc săn đuổi kinh tởm của chúng đã bắt đầu. Thật ra thì lũ rắn thích bắt chuột hơn, tôi nghe thấy chúng đang nhăm nháp những con chuột, ở bất cứ chỗ nào chúng có thể bám được, trên tường, trên sàn và run rẩy cả trên trần.

Cuối cùng thì mặt trăng cũng đã lấp ló, và căn phòng yên tĩnh hơn một chút. Tóm lại thì sống ở thuộc địa chẳng hay ho gì.

Dù thế nào thì một ngày nữa cũng đến ở cái lò lửa này. Một nỗi khát khao kinh khủng đè nặng cả thể xác lẫn tâm hồn tôi: được trở lại châu Âu. Chỉ thiếu tiền để mà tềch thôi. Có cái đó là xong tất. Hơn nữa tôi cũng chỉ còn một tuần ở Fort-Gono trước khi đến nhận việc ở Bikomimbo, được mô tả khá thú vị.

Sau Phủ Toàn quyền thì tòa nhà lớn nhất Fort-Gono là nhà thương. Trên suốt đoạn đường tôi đi, cứ trăm thước trong thành phố lại gặp một cơ sở của nhà thương, mùi a-xít phê-nôn nồng nặc bay xa. Đôi lúc tôi đi liêu ra tận các bến cảng để xem cảnh lao động tại chỗ của mấy cậu bé thiếu máu đồng nghiệp của tôi do Công ty Pordurière tuyển mộ từ Pháp sang với sự bảo trợ toàn bộ. Hình như các cậu ta bị ám ảnh vào một cuộc giành giật hồi hải để không phút nào ngừng việc dỡ hàng lên chuyển hàng xuống hết con tàu này đến con tàu khác. “Một con tàu kẹt ở cảng là tổn kém lắm”, các cậu ta ngao ngán nhắc nhở nhau một cách thật thà như vậy, tưởng chừng đây là tiền bạc của các cậu không bằng.

Các cậu cuồng nhiệt hồi thúc những người phu khuân vác da đen. Hăng hái thì không ai chối cãi, nhưng cũng hèn hạ, tàn ác như lòng hăng hái của các cậu vậy. Tóm lại, đó là những nhân viên bằng vàng, được chọn lọc, một sự nhiệt tình vô thức vẫn vơ. Những đứa con như mẹ tôi hằng mơ ước, những đứa nhiệt tâm với các ông chủ của chúng, mẹ chỉ mong có được một đứa như thế cho riêng mẹ, một đứa có thể làm cho mẹ mở mày mở mặt với thiên hạ, một đứa con thật là đích đáng.

Những chú bé mằm non mới nhú này đến châu Phi xích đạo để hiến thịt xương cho các ông chủ, hiến máu, hiến cả cuộc đời, cả tuổi thanh xuân, những kẻ hy sinh vì hai mươi hai quan một ngày ^[68*] (lại còn bị khấu trừ nhiều khoản), thỏa mãn, dù thế nào cũng cứ thỏa mãn, cho đến lúc cái hồng cầu cuối cùng bị con muỗi thứ một vạ hút nốt.

Xứ thuộc địa sẽ làm cho các chú bé ấy phồng phao lên hay teo tóp đi,

nhưng nó kìm giữ các chú lại. Chỉ có hai con đường đi tới kiệt sức dưới ánh mặt trời, con đường béo tốt hay con đường gầy ốm. Không có con đường nào khác. Tha hồ chọn, nhưng còn tùy thể tạng của anh, béo lên hay chỉ còn da bọc xương.

Lão giám đốc ở trên vách đá đỏ cao vót kia, múa may tai quái, với cô gái da đen của lão, dưới tấm mái tôn chứa mười nghìn cân ánh nắng cũng không thoát khỏi cái nợ đời này đâu. Lão thuộc loại gầy. Lão chỉ phải vật lộn thể thôi. Lão có vẻ như chế ngự được khí hậu. Bề ngoài đấy thôi! Trong thực tế, lão đang bị vắt kiệt hơn ai hết.

Người ta cho rằng lão đang có một kế hoạch biến thủ tuyệt vời để làm giàu trong vòng hai năm... Nhưng lão chưa lúc nào có đủ thì giờ để thực hiện cái kế hoạch ấy, mặc dầu ngày đêm lão giờ đủ mảnh khỏe để lừa gạt công ty. Hai mươi hai tay giám đốc trước lão đã mỗi người mỗi cách tính chuyện làm giàu như đánh bạc cò quay. Nhưng tất cả những trò ấy đều bị các chủ cổ đông theo dõi từ bên kia, từ trên cao hơn, ở tận phố Moncey bên Paris [69*] và khiến họ cười tùm. Tất cả chỉ là trò con nít. Bản thân những tay cổ đông ấy vốn là đại bọm như ai, biết tổng lão giám đốc là một thằng cha tim la và đang điên cuồng giãy giụa ở vùng Xích đạo, ngón kí ninh và bít nút đến vái rắm và dùng axêních đến tụt cả lợi.

Cứ như bộ phận tổng kế toán của Công ty, thì những tháng còn lại của lão giám đốc đã được tính xong, và được tính như những tháng của một con lợn trong chuồng.

Các đồng nghiệp bé nhỏ của tôi chẳng phải trao đổi ý kiến cái quái gì với nhau. Toàn là những công thức đã có sẵn, hăm đi hăm lại. Họ bảo nhau: “Đừng làm thế!”. “Đâu vào đấy thôi!...” “Lão tổng đại lý bị mọc sừng!...” “Bọn đen thì phải gọt chúng thành túi thuốc thôi!”, v.v...

Buổi tối, các công việc nặng nhọc cuối cùng xong xuôi, chúng tôi ngồi nhấm nháp với nhau vài ly khai vị, có cả một tay nhân viên phụ động của ban Quản trị, tên là Tandernot, quê ở La Rochelle [70*]. Tay này chuyên la cà trong đám nhà buôn để kiếm chút rượu. Phải thế thôi mà. Chúc tước đã mất

sạch. Chẳng có đồng xu nào dính túi. Vai vế của hăn không còn đâu thấp hơn trong cái hệ thống thuộc địa này. Công việc của hăn chỉ còn như một tay cai lục lộ, trông nom phu làm đường trong rừng sâu. Dân bản xứ tất nhiên là phải lao động ở đó dưới roi vọt của những dân vệ của hăn. Nhưng người da trắng đã chẳng ma nào bước chân lên những con đường mới mở của Tandernot, mà người da đen thì len lỏi đường mòn trong rừng để đỡ được đồng thuế nào hay đồng đó, mà xét cho cùng những con đường của ban Quản trị cũng chẳng đưa Tandernot đến đâu, thế là chỉ tháng trước tháng sau các con đường ấy biến mất dưới những đám cỏ dại mọc rất mau.

- Năm ngoái tứ mất đứt 122km đường! bậc tiên phong siêu phàm ấy vui vẻ kể với chúng tôi về những con đường của hăn. Các cậu tin hay không là tùy!...

Trong những ngày ở đây, chỉ có một lần tôi thấy hăn ta khoác lác, theo kiểu khoe khoang khiêm nhường của Tandernot. Đó là hăn vỗ ngực tự cho mình là người Âu duy nhất sống trong cái nóng 44 độ trong bóng râm mà chỉ bị xổ mũi... Món độc đáo này an ủi hăn ta qua mọi sự... “Tớ đang còn xổ mũi như một con bò cái đây! Hăn vênh mặt lên cho chúng tôi biết điều đó trong lúc uống khai vị với nhau. Chỉ có tớ mới được thế thôi chứ! - Tay Tandernot này dù sao cũng ra trò đấy!” các thành viên trong cái nhóm nghèo kiệt chúng tôi reo leo. Thôi thì thỏa mãn được thế là tốt rồi, còn hơn không. Đã là khoe khoang thì có gì khoe nấy, còn hơn chẳng có gì để mà khoe.

Một trong những trò tiêu khiển khác của cái nhóm lương còm của Công ty Pordurière này là bày trò thi sốt rét. Chẳng khó khăn gì nhưng phải đua nhau trong nhiều ngày, mất khá nhiều thì giờ. Tối tối là lúc cơn sốt đến, hầu như chuyện thường ngày, mọi người đo nhiệt độ của mình. “Xem này, tớ được ba mươi chín!... - Này cậu ơi, đừng vội, tớ những bốn mươi cơ!”

Những kết quả ấy hoàn toàn chính xác và hợp cách. Dưới ánh đèn măng sông, các cặp mạch được mang ra so. Kẻ thắng cuộc vừa reo mừng vừa run lấy bầy. Cái cậu hốc hác nhất đám thú thật: “Tớ đổ mồ hôi đến không còn đái ra được nữa!” Đó là một cậu đồng sự gầy gò, người Ariège ^[71*], vô địch về

sốt rét, cậu ta tâm sự với tôi rằng sang đây là để tránh khỏi phải đi học trường dòng ở quê nhà, vì ở đó “không được tự do cho lắm”. Nhưng thời gian trôi qua mà chẳng cậu nào có thể nói cho tôi biết xem cái tay tôi sắp đến thay ở Bikomimbo thuộc hạng người gì.

“Một tay kỳ cục đấy!” họ chỉ cảnh báo cho tôi thế thôi.

Cậu nhỏ người Ariège trong cơn sốt dữ vẫn còn mách giúp tôi: “Đến cái xứ thuộc địa này, việc đầu tiên là anh phải trổ hết tài của mình! Có gì là trổ ra bằng hết! Đối với lão giám đốc này thì anh sẽ là một thỏi vàng hay chỉ là một cục cứt! Anh sẽ được đánh giá ngay lập tức, đấy rồi anh xem!”

Tôi rất sợ bị đem ra đánh giá, chẳng biết mình có được xếp vào loại “cục cứt” hay còn tệ hơn nữa.

Mấy chú bạn trẻ buôn da đen ^[72*] đưa tôi đến thăm một đồng sự khác của cái Công ty Pordurière rất đáng để ta biết đến trong câu chuyện này. Cậu này được giao cho trông nom một cửa hàng nằm ở giữa khu người Âu. Người cậu ta mồm thếch vì mỗi mệ, suy sụp, ướm nhảy, cậu ta sợ mọi thứ ánh sáng vì bệnh khô mắt do hai năm liên tục bị nung người dưới những tấm tôn lượn sóng. Cậu ta bảo, sáng nào cũng phải mất nửa giờ đồng hồ mới mở được mắt rồi lại thêm nửa giờ nữa mới trông được cho rõ. Mọi tia sáng đều làm cho cậu ta khó chịu. Y hết một con chuột chũi to tướng ghê lở đầy mình.

Đối với cậu ta, ngọt ngọt và đau đớn đã trở thành một trạng thái thứ hai, ăn cắp cũng thế. Có lẽ người ta không đến nỗi làm cho cậu ta bị tàn phế nếu như cùng một lúc giúp cậu ta khỏe khắn và chu đáo hơn. Cho đến hôm nay, dẫu xa cách ngàn trùng, tôi vẫn như còn thấy rõ sự căm hờn của cậu ta đối với lão Giám đốc tổng đại diện, một thứ căm hờn hùng hực dai dẳng nhất mà tôi chưa từng gặp ở một con người. Xuyên qua nỗi đau đớn và gặp được dịp là cơn tức giận dữ dằn của cậu ta lại bùng dậy khiến cậu ta vừa phát khùng vừa cào gãi khắp người từ trên xuống dưới.

Cậu ta gãi không ngơi tay, có thể nói là quay cuồng gãi quanh người, gãi từ đốt xương sống dưới cùng lên tận cổ. Da thịt cậu ta hằn lên những vết móng tay cào xước ứ máu. Thế nhưng cậu ta vẫn không ngừng tiếp khách,

khá đông, phần nhiều là dân da đen, ít nhiều trần truồng.

Với bàn tay để rồi, cậu ta bắn búa thọc vào những ô chứa, bên phải rồi bên trái cái quầy hàng tối om, lôi ra không chút lăm lăm, khéo léo và nhanh nhẹn rất tuyệt, từ những bó thuốc lá hôi xì, những bao diêm ẩm, những hộp cá mòi và những thìa tương nước mật những chai bia nồng độ cồn cao để bị cậu ta để tuột tay vì cơn ngứa ran trong tận đũng quần. Cậu ta thọc cả cánh tay vào rồi rút tay liền qua cửa quần luôn luôn hé mở phòng hờ.

Cậu ta gọi căn bệnh găm nhấm da thịt ấy bằng cái tên địa phương “Corocoro”. “Cái con bò cái Corocoro độc ác ấy!” Cậu ta nôi dọa: “Mỗi khi tớ nghĩ đến thằng cha Giám đốc đều cáng ấy chưa mắc phải Corpcoro là bụng tớ càng đau quặn lại!... Hắn ta chưa bị Corocoro ư!... Hắn đã quá thối rồi. Hắn không còn là người nữa, cái thằng ma cô ấy, đó là đồ hôi thối!... Đúng là một cục cứt!...”

Chính vì thế mà tất cả rộ lên tiếng cười đùa và các khách hàng da đen cũng cười theo. Cậu bạn ấy làm cho chúng tôi hơi kinh ngạc. Tuy thế cậu ta vẫn đánh bạn thân với một tay nhỏ nhắn, tóc đã muối tiêu, thở hỗn hà hỗn hễn, lái xe tải cho Công ty Pordurière. Tay này thường mang đá đến cho chúng tôi, tất nhiên là lấy cắp ở đâu đó, trên các con tàu ngoài bến.

Chúng tôi chạm cốc chúc sức khỏe trên quầy hàng, giữa đám khách da đen đứng thềm nhỏ rãi. Đây là những khách hàng bản xứ đã khá táo tợn mới dám sấn gần đám da trắng, tóm lại đây cũng là loại chọn lọc. Những dân da đen khác, kém láu lỉnh, thường giữ khoảng cách. Theo bản năng. Những tay ranh ma hơn, đã biến chất, thì trở thành những thương lái của nhà hàng. Trong cửa hàng người ta dễ phân biệt ngay bọn thương lái, vì chúng hay lớn tiếng rầy la những người da đen khác. Cậu đồng sự “corocoro” mua cao su thô người ta đem từ trong rừng ra từng bao tải hay từng tảng còn ướt.

Lúc ấy chúng tôi còn đang ở đó, nghe chưa chán chuyện thì có một gia đình cạo mủ cao su, rụt rè đứng sững ngay ngoài ngưỡng cửa. Người cha đứng trước, nếp nhăn trên mặt, mình quần cái xà lỏn bé teo màu da cam, con dao phát rầy trên tay.

Con người hoang dã ấy chưa dám bước vào. Một trong những tay thương lái bản xứ lên tiếng gọi: “Vào đây nào thằng mọi đen [73*]! Vào xem đây này! Chúng tao không ăn thịt bọn mọi đâu!” Lời mời ấy khiến họ quyết định. Họ bước vào cái nhà [74*] nóng hầm hập, tận sâu trong đó con người “corocoro” của chúng ta đang la hét.

Người da đen ấy hình như chưa bao giờ thấy một cửa hiệu, có lẽ cũng chưa bao giờ thấy người da trắng. Một trong những người vợ của anh ta bước theo sau, mắt nhìn xuống, trên đỉnh đầu đội một sọt tương đầy cao su thô.

Mấy tay thương lái hống hách giằng lấy cái sọt ném lên bàn cân. Con người hoang dã kia làm sao biết cho được cái cân ấy gian manh thế nào. Người vợ vẫn chưa dám ngẩng đầu lên. Những người da đen khác cùng gia đình đứng chờ ở ngoài, giương mắt nhìn thô lỗ. Họ gọi nhau vào tất, cả trẻ con người lớn vào tuốt, để khỏi bỏ lỡ cảnh tượng này.

Đây là lần đầu tiên họ kéo nhau từ trong rừng ra gặp người da trắng ở thành phố. Từ rất lâu rồi, cả nhà họ phải bỏ công sức ra để hứng được chỗ mù cao su ấy. Thế cho nên ai cũng chăm chăm chờ xem kết quả. Chờ đợi cho mù cao su giọt xuống đầy những chiếc chén con buộc dưới thân cây là mất nhiều công lắm. Thường khi, hai tháng trời mà không được đầy lấy một chén con con.

Cân xong, cậu chàng gãi ghe của chúng ta dẫn người cha, sừng sốt, đến sau chiếc quầy với một cây bút chì tính toán một hồi rồi đặt vào lòng bàn tay anh da đen mấy đồng tiền bằng bạc, bảo: “Thôi cú! Tiền trả rồi đấy nhé!...”

Tất cả đám bạn nhỏ da trắng rũ ra cười, như thể chính chúng nó vừa trúng quả. Anh da đen chôn chân tiu nghiu trước quầy với cái quần xà lỏn bé teo quần quanh hạ bộ.

“Thế nào, mày chưa biết đồng tiền ra sao à? Thằng mọi!” Một trong những tay thương lái tháo vát và thạo nghề của chúng ta can thiệp vào như để đánh thức anh da đen. Bọn họ chắc chắn là đã được rèn luyện cho những vụ mua bán ăn người này. “Mày không nói được *francé* [75*] sao mày? Mày là con bú rù à?... Sao không nói gì thế? Kous Kous? Mabillia? Mày là thằng

ngốc! Bushman! Thằng đại ngốc!”

Trước mắt chúng tôi vẫn là người hoang dã nắm trong tay những đồng tiền. Nếu dám thì anh ta rất có thể đã đi thoát nhưng anh ta lại không dám.

“Mày thử xem bằng ấy xin thì mày mua được cái gì nào? - cậu gái ghê can thiệp vừa đúng lúc. Từ bao lâu đến giờ tao chưa thấy đứa nào lại ngốc đến thế. Thằng này có dễ phải đến từ xa lắm! Thế mày muốn gì nào? Thôi, đưa chỗ xin ấy cho tao!”

Cậu ta hống hách giăng lại chỗ tiền và thế vào những đồng tiền đó, cậu ta dúm vào tay anh kia một cái khăn rộng xanh lè mà hăn vừa nhẹ nhàng nhón ra từ một cái hộc trong quầy.

Người cha da đen ngập ngừng cất bước với chiếc khăn. Cậu gái ghê càng làm già. Rõ ràng là cậu ta biết đủ mọi mảnh khoe buôn bán của kẻ chinh phục. Phất mạnh miếng vải xanh mỏng dính trước mắt một trong những đứa con da đen lít nhít, hăn liền thoảng: “Chú bé, nào chú có thấy chiếc khăn này đẹp không nào? Cô gái nhỏ xinh xắn, em có luôn luôn được thấy cái này không, nào con bé chó chết, nào thằng cu tóc xoắn, có thấy những cái khăn thế này bao giờ chưa?” Thế rồi cậu ta tự tiện buộc cái khăn lên cô anh da đen như mặc quần áo cho anh ta vậy.

Cả cái gia đình hoang dã ngấm ngấm vật trang điểm nhỏ nhoi là miếng vải bông xanh ấy... Chẳng còn làm gì được nữa khi mà cái khăn bỗng dưng vào với gia đình. Chỉ còn nước chấp nhận, cầm lấy nó và bảo nhau đi.

Tất cả đành từ từ rút lui, ra khỏi cửa, và trong lúc người cha, đi sau cùng, ngoái lại định nói gì đó thì thằng cha thương lái láu lỉnh nhất, chân mang giày, hối thúc anh ta bằng một cú đập chiếc bốt vào giữa hai hông đít.

Toàn bộ cái bộ lạc bé nhỏ ấy lặng lẽ tập hợp nhau lại ở bên kia đường phố Faidherbe, dưới tán cây ngọc lan, nhòm chúng tôi cạn nốt những ly rượu khai vị. Có lẽ họ đang cố hiểu xem chuyện gì vừa xảy ra với họ.

Chính cu cậu “corocoro” đã thết chúng tôi. Cậu ta còn mở máy hát nữa. Trong cửa hiệu của cậu ta chẳng thiếu thứ gì. Điều đó lại gợi cho tôi nhớ đến những chuyển công voa trong chiến tranh.

Làm công ở cái Công ty Pordurière Tiểu Congo này, cùng thời với tôi, như đã kể ở trên, có số lớn dân da đen và những chú nhóc da trắng giống tôi, hì hà hì hụi trong các kho hàng hay trên các nông trường. Đám người bản xứ lao động dưới dùi cui và họ tuân theo cái đó. Còn đám da trắng nhờ được tu dưỡng khoản giáo dục công dân nên tự mình hành động.

Cái dùi cui dẫu sao cũng còn làm cho người sử dụng phải mệt mỏi, chứ nhồi vào đầu những thằng da trắng cái hy vọng được trở thành kẻ quyền thế và giàu có thì chẳng tốn kém gì, tuyệt đối chẳng phải tốn kém. Họ chẳng phải đến với chúng tôi để ngợi ca xứ Ai Cập cổ đại hay những tên bạo chúa Tà-ta! Không cần đến những nhà tài tử cổ sơ ấy để những tên con buôn khờ khạo tầm thường nhưng tự phụ trong cái nghệ thuật ca vời này làm cho con vật đứng thẳng hai chân có được cái nỗ lực đẹp đẽ nhất trong công việc của mình. Những con người nguyên thủy ấy đâu đã biết gọi con vật đứng thẳng kia là “Ngài” nô lệ và thỉnh thoảng đưa nó đi bầu cử, cho nó tờ báo, nhất là chưa biết đưa nó ra chiến trường để cho nó quên đi mọi sự đam mê. Một tín đồ đạo Thiên chúa hai mươi thế kỷ, theo như tôi biết đôi điều, không còn nhớ được cái lúc một trung đoàn hành quân trước mặt hấn ta ^[76*]. Cái đó gây cho hấn nhiều ý kiến.

Cho nên, tôi quyết định từ nay phải giữ mình cho kỹ, phải học cách giữ mồm cẩn thận, phải giấu kín nỗi khát khao tếch khỏi đây, cuối cùng là phải ra sức kiểm soát bằng mọi cách trong khi làm việc tại Công ty Pordurère. Không để mất một giây một phút nào.

Dọc theo các kho tàng, sát bờ sông lầy bùn, từng đàn cá sấu xảo quyệt, thường trú rình mồi. Chúng là loài sắt thép nên chúng thỏa thuê cuồng nhiệt trong cái nóng này. Hình như cả những người da đen cũng thế.

Người ta tự hỏi không biết làm thế nào giữa buổi trưa nóng như rang mà cái mớ hỗn độn những người da đen ấy lại có thể vừa lao động quần quật suốt dọc bên sông vừa phấn hứng hò reo om sòm đến thế.

Trước ngày vào rừng nhận việc, tôi phải giữ chân đếm từng bao hàng chuyển lên chuyển xuống tàu. Vấn đề đặt ra là phải tập dần cho quen với hơi nóng ngột ngạt trong kho trung tâm của Công ty cùng với các tay thương lái, giữa hai cái bàn cân to tướng, kẹt vào giữa cái mùi mồ hôi nồng nặc của những người da đen rách rưới, mình đầy mụn nhọt nhưng miệng vẫn hát hò. Mỗi người kéo theo một đám bụi mù, bay lên theo nhịp bước của họ. Tiếng dùi cui nện đôm đốp xuống những tấm lưng trần tuyệt diệu ấy không gây một sự phản kháng hay một tiếng than vãn nào. Một sự thụ động của những kẻ ngơ ngác. Nỗi đau phải chịu đựng cũng đơn giản như không khí hùng hực của cái lò nung bụi bặm này.

Lão Giám đốc thỉnh thoảng lại đảo tới, luôn luôn hung hăng, để đảm bảo rằng tôi có tiến bộ thật sự trong kỹ thuật cân đong đo đếm man trá.

Lão khua dùi cui, rẽ đám sóng người bản xứ, mở lối đến thẳng mấy cái cân. Một buổi sáng lão cao hứng trò chuyện với tôi:

- Bardamu này, những đứa mọi đen quanh ta đây, cậu thấy chứ?... Này, thế mà thẩm thoát đã ba mươi năm, lúc tớ mới đến Tiểu Togo ^[77*]. Khi ấy những đứa khốn kiếp này chỉ còn sống bằng săn bắn, bắt cá và tàn sát nhau giữa các bộ lạc... Ban đầu tớ chỉ là một nhân viên ghi hóa đơn, mắt tớ trông thấy, mỗi lần chiến thắng về làng, chúng nó vác hàng trăm sọt thịt người còn nhều máu me để cùng nhau ních đầy bụng!.... Cậu hiểu chứ, Bardamu?... Còn nhều máu những kẻ địch! Có thể coi đó là một bữa ăn đêm giao thừa!... Bây giờ thì chẳng còn những chiến thắng nữa! Chúng ta đã có mặt! Không còn các bộ lạc! Không còn ông ọ! Không còn phô phang! Chỉ còn nhân công và lạc hột! Vào việc! Không còn săn bắn! Không còn súng ống! Chỉ còn lạc và cao su!... Để nộp thuế! Nộp thuế để có nhiều cao su và lạc đem đến cho chúng ta! Đó là cuộc sống mà, Bardamu! Lạc! Lạc và cao su!... Mà này, vừa đúng lúc tướng Tombat đang đến kia kìa.

Người đang đi về phía chúng tôi là một ông già lụ khụ nặng nề dưới cái khối nóng rẫy ánh mặt trời.

Ông tướng ấy chẳng còn gì là quân nhân nhưng cũng chưa hẳn là một dân

thường. Người tin cần của “Pordurière”, ông ta làm cầu nối giữa ban Quản trị và ban Thương vụ. Một cầu nối cần thiết, mặc dầu cả hai ban này luôn luôn hục hặc và ở vào trạng thái chống đối nhau thường trực. Tướng Tombat xử lý rất tài. Trong khá nhiều vụ. Vừa rồi ông ta lại giải quyết thêm một số vụ mua bán bán thiu tài sản của địch mà ngay cấp trên cũng cho là khó xong.

Hồi đầu chiến tranh, tướng Tombat bị xẻ một miếng tai, đủ để ông được nghỉ ngơi trong danh dự, sau trận Charleroi. Ông liền dành ngay sự nghỉ ngơi ấy vào việc phục vụ “nước Pháp lớn hơn”. Và mặc dầu trận Verdun [78*] đã qua lâu rồi mà ông vẫn còn canh cánh trong lòng. Ông lục lợi tin tức “vô tuyến” trong lòng bàn tay. “Những chú lính của ta, chúng nó nhất định sẽ cầm giữ được! Nhất định giữ được!” Trong kho hàng, trời nóng hừng hực, mà trận mạc thì ở tít tận bên Pháp, nên người ta cũng bỏ qua để tướng Tombat tha hồ mà đoán định tình hình. Nhưng rồi, cuối cùng, vì lịch sự, mọi người, lão giám đốc và bọn chúng tôi, cũng đồng thanh phụ họa: “Họ đáng phục thật!”. Còn ông già Tombat, tạm biệt chúng tôi, bên tai văng vẳng những lời ngợi ca đó.

Sau đó chốc lát, lão giám đốc hùng hổ rẽ đám người mình trần chen chúc, mở một con đường khác và đến lượt lão cũng biến vào cát bụi mịt mù.

Cặp mắt rực lửa như hai hòn than, sự hồi hã mong chiếm lĩnh cái Công ty này đang bào mòn con người ấy. Lão làm cho tôi sờ sợ. Giáp mặt một mình lão là tôi rất lúng túng. Tôi chưa hề nghĩ rằng trên đời này lại có một bộ xương người chịu đựng nổi sự căng thẳng tốt độ của lòng thèm khát đến thế. Hầu như lão chưa bao giờ to tiếng với chúng tôi. Chỉ toàn những lời đầy ẩn ý. Có thể nói rằng lão ta sống và nghĩ một cách si mê toàn những âm mưu, những dò xét, những phản trắc. Có thể cầm chắc rằng một mình lão ăn cắp, lừa lọc, biến thủ còn nhiều hơn tất cả những nhân viên khác hợp lại, mà họ cũng chẳng phải là những đồ vô tích sự đâu nhé. Tôi chẳng có khó khăn gì để mà tin được những cái đó.

Trong thời gian tập sự ở Fort-Gono, tôi cũng có thú tiêu dao trong cái thứ thành phố này, nhưng cũng chỉ có một nơi tôi thích đến, đó là Nhà thương.

Ngay sau khi đến một nơi nào đó, người ta phát hiện liền những tham vọng của anh. Nhưng với tôi thì rõ nhất là cái thiên hướng bệnh tật, chỉ có bệnh tật thôi. Mỗi người mỗi vẻ mà. Tôi dạo quanh những căn nhà nhà thương đầy hứa hẹn, nhưng ảo não, ẩn dật, né tránh, và tôi rời những căn nhà ấy với lòng lưu luyến, lưu luyến những căn nhà ấy và cả cái mùi thuốc sát trùng quanh quất đó. Vây quanh cái khu an dưỡng này là những bãi cỏ xanh rì, từng đàn chim non ríu rít bay nhảy, những con thằn lằn e ngại và mình đầy màu sắc. Quả là một loại “thiên đường dưới hạ giới”.

Còn với đám người da đen, cũng mau quen với họ thôi, quen cái kiểu chậm rãi hớn hở của họ, những cử chỉ rất kéo dài, những cái bụng tràn trề của các mục vợ. Tự bản thân người da đen đã sặc lên cái khốn khổ, cái hư ảo, cái nhẩn nhạt; tóm lại hoàn toàn giống như những người nghèo ở nước Pháp ta nhưng tại lắm con hơn và ít áo quần, ít rượu vang đỏ hơn.

Sau khi tôi đã hít thở ở nhà thương, đánh hơi thật sâu như thế, tôi đi theo đám đông bản xứ, đứng yên một lúc trước một thứ chùa chiền do một tay bán hàng ăn dựng lên gần Fort để làm vui đám kiêu dân với những trò khiêu dâm.

Những tay da trắng giàu có ở Fort-Gono thường có mặt ở đây vào lúc đêm hôm, vui đùa vào các canh bạc, đèn đóm sáng trưng, vừa ngáp vừa ợ thỏa thích. Bỏ ra hai trăm quan là có thể ngủ luôn với mục chủ xinh đẹp. Mấy cái quần của họ thì thật tức cười, gây cho họ cái khó chịu kỳ lạ cứ phải luôn tay luôn vào mà gãi, thành thử mấy cái dải đeo quần cứ tuột lên tuột xuống.

Đêm đến, tất cả đàn ông đàn bà già trẻ lớn bé rời khỏi những túp lều ở cái thị xã bản xứ kéo nhau đến tụ tập ở trước cửa ngôi chùa, xem và nghe không biết chán đám da trắng nhảy nhót quanh chiếc đàn piano máy, dây gữ sét, chơi một cách khó nhọc những điệu van-xơ sai toét. Thế mà nhạc nổi lên là mục chủ làm điệu quỳnh cà kê như muốn được ai đó mời nhảy.

Sau khá nhiều ngày tìm cách làm quen, tôi cũng đã trò chuyện được với mục đôi câu chớp nhoáng. Mục tâm sự rằng kinh nguyệt bị rút xuống còn không đầy ba tuần lễ. Tác động của vùng Xích đạo mà. Đám khách nhậu lại còn làm cho mục thêm kiệt sức. Chẳng những họ thường làm tình mà, hình

như để bù lại cái giá rượu ở Chùa này đắt hơn, họ còn gỡ gạc bằng những cú véo mông chết điếng trước khi cuốn xéo. Chính những trò ấy mới làm cho mụ mệt mỏi hơn cả.

Mụ con buôn này thông thạo đủ mọi chuyện của đám kiều dân ở đây, kể cả những mối tình tuyệt vọng giữa những tay sĩ quan bị sốt rét giày vò với những mụ vợ viên chức hiếm hoi, cũng đang tan chảy vì chuyện thấy thánh kéo dây không đứt, ngao ngán duỗi dài trên những chiếc ghế bành ngoài hiên.

Những con đường, những văn phòng, những cửa hiệu ở Fort-Gono tràn ngập những ham muốn què quặt. Hình như nỗi ám ảnh chính yếu của những kẻ cuồng điên này là làm tất cả những gì đã quen làm ở châu Âu, thỏa mãn, giả dối bằng mọi giá, bất chấp cái khí hậu tồi tệ và sự uế oải ngày càng tăng, không chịu nổi.

Cỏ cây rậm rạp trong vườn không làm sao giữ nổi, thả sức hung hãn mọc lẫn lên các bờ rào, đâm chồi nảy lộc sum sê với những bụi rau diếp mọc bừa bãi xung quanh mỗi ngôi nhà tồi tàn như cái lòng trắng trứng luộc teo tóp, trong đó anh chàng người Âu vàng bụng đang hoàn thành quá trình thoái rữa của mình. Suốt dọc đường phố Fachoda, náo nhiệt nhất, nhộn nhịp nhất của Fort-Gono, có bao nhiêu trò hồ lớn là có bấy nhiêu viên chức.

Mỗi tối trở về chỗ trú chân, có lẽ sẽ chẳng bao giờ xây dựng xong, tôi đã được cậu bồi tai quái dựng sẵn cho cái giường khăng khiu như bộ xương người bé nhỏ. Cậu này đã nhiều lần định gài tôi vào bẫy. Cậu ta lả lướt như một con mèo, ra sức gạ gẫm tôi. Nhưng tôi đang có những người khác lui tới và những mối bận tâm gay cấn hơn, nhất là cái dự định ăn náu trong nhà thương một thời gian nữa, đó là sự ngưng chiến duy nhất hợp với khả năng của tôi trong cơn quay cuồng nóng rẫy này.

Trong hòa bình cũng như trong chiến tranh, tôi chẳng hề sẵn sàng cho những chuyện phù phiếm. Ngay cả những chuyện mờ mịt của tay đầu bếp của lão chủ, rất ư chân thật và cực kỳ tục tĩu, dường như cũng nhạt nhẽo đối với tôi.

Tôi đi thăm một lần cuối các chú nhỏ đồng sự ở công ty Pordurière để cố

tìm hiểu về tay nhân viên không trung thành kia, người mà tôi được lệnh bằng mọi giá thế chân hắn ở trong rừng. Nhưng cũng chỉ rất chuyện tán gẫu vô bổ.

Quán cà phê Faidherbe, ở đầu phố Fachoda cứ vào khoảng chiều hôm là ồn ã đủ thứ chuyện xoi mói, vu cáo, nói xấu nhau, cũng chẳng đem lại cho tôi được điều gì ích lợi. Chỉ toàn những ấn tượng, ở cái nơi tranh tối tranh sáng loáng thoáng mấy chiếc đèn xếp nhiều màu này thì ấn tượng có mà đây các sọt rác. Gió thổi xào xạc những tàu lá cọ to tướng, thổi dập luôn cả những đàn muỗi đông đặc xuống các chén bát. Ngài Toàn quyền, giọng nói rất hào hứng, đúng điệu một người giữ chức vụ cao. Những lời lẽ thô lỗ tuôn ra không dứt của ngài tạo nên cái nền cho cuộc đàm thoại khai vị mà cái lá gan thuộc địa, muốn ói mửa lên được, cũng dụi bột trước bữa ăn tối.

Tất cả những xe ô tô Fort-Gono, cộng lại chừng chục chiếc, vào lúc này cứ chạy qua chạy lại phía trước thềm. Hình như mấy cái ô tô ấy chưa bao giờ đi xa hơn. Quảng trường Faidherbe có cái quang cảnh mạnh mẽ lắm, trang trí tỉ mỉ, lại thêm sự thừa thãi về sinh vật cảnh cũng như về ngôn ngữ theo kiểu quận huyện miền Nam [79*] đang cơn động cồn. Mười cái ô tô ấy chỉ rời quảng trường Faidherbe để rồi sẽ quay trở lại năm phút sau, để một lần nữa làm cuộc hành trình như cũ với một lô những người Âu thiếu máu vàng vọt, bọc trong những tấm vải xám nâu, những sinh vật mảnh dẻ và dễ vỡ như những cây kem dưới trời nắng nóng.

Cứ thế, tuần này sang tuần khác và năm này sang năm khác, những tay thực dân ấy, anh nọ qua mặt anh kia, cho đến lúc không còn muốn nhìn nhau cũng như đã chán ngấy cả cái việc ghen ghét nhau. Một vài tay sĩ quan đưa gia đình đi dạo, chăm chú vào những cái chào của đám quân sự và dân sự, mục vợ thì vương vịu vì cái khổ vệ sinh đặc biệt, còn mấy đứa nhỏ cũng ậm ạch như những con dòi lớn châu Âu bại hoại vì cái nóng và ỉa chảy thường trực.

Để chỉ huy ở đây, không phải cứ đội mũ kê-pi vào là xong, mà phải có quân đội. Với khí hậu Fort-Gono, các cán bộ người Âu còn tan chảy tẹt hơn cả bơ. Một tiểu đoàn ở đây trở thành một cục đường bỏ vào tách cà phê, càng

nhìn lại càng thấy nó tan biến. Phần lớn cái đội quân ấy luôn luôn phải nằm nhà thương vì ủ bệnh sốt rét, rận chấy bám khắp người, nách ben, lông tóc chỗ nào cũng có. Từng tiểu đội một nằm ườn ra giữa đồng thuốc lá với ruồi muỗi, thủ dâm trên những tấm mền mốc thối, lừa lọc móc túi nhau, kích thích, chằm chút chu đáo những cơn sốt rét. Những cái đó làm cho các gã trai, đám người hồ thẹn này, càng khốn khổ trong cái tranh tối tranh sáng êm dịu sau những tấm cửa chớp màu xanh, những tay tái đặng sớm bị ruồng rẫy, sống lẫn lộn với đám mậu dịch viên cấp dưới - vì nhà thương này chung cho cả quân sự và dân sự - bọn họ đều tránh né rừng xanh và né tránh các ông chủ vây đồn họ.

Trong trạng thái mê man của những giấc ngủ trưa kéo dài vì sốt rét, trời lại nóng bức đến mức ruồi muỗi cũng không buồn vo ve. Mấy cuốn truyện cáu ghét toòng teng trên những cánh tay mất máu và đầy lông lá ruồi thẳng đuồn hai bên mép giường; cuốn nào cũng xộc xệch và mất đến nửa số trang vì các bệnh nhân kiệt lực không bao giờ được cung cấp đủ giấy cho họ dùng, lại còn vì các bà xơ khó tính ở đây đã kiểm duyệt theo cách của các bà những cuốn sách không tôn trọng ý Chúa. Những con chấy con rận của mấy gã bệnh binh ấy không ngớt quấy rầy các bà. Để tiện cho việc gãi đúng chỗ ngứa, các bà tốc cao váy lên sau những tấm bình phong, nơi mà anh chàng mới chết buổi sớm chưa lạnh hẳn mà anh ta vẫn còn nóng, cũng như thế.

Chẳng nơi nào sâu thẳm hơn nhà thương, nhưng ở xứ thuộc địa thì đây lại là nơi duy nhất có thể giúp người ta cảm thấy đôi chút quên đời, né tránh được những người ở bên ngoài, những ông sếp. Đó là dịp nghỉ ngơi của những thân phận nô lệ, tóm lại đó là cái cốt tử, là hạnh phúc độc nhất trong tầm tay tôi.

Tôi dò hỏi các điều kiện nhập viện, những thói quen của các thầy thuốc, những sở thích của họ. Còn chuyện vào rừng thì tôi thấy nó vừa đáng thất vọng vừa đáng phẫn nộ. Tôi đã tự nhủ mình phải làm sao mắc lấy mọi thứ bệnh sốt rét càng sớm càng tốt, càng nặng càng tốt, để lúc trở ra Fort-Gono, mình chỉ còn là một thằng ốm đau, gầy đét, đáng ghét, đến mức họ chẳng

thèm giữ mình lại mà còn muốn tổng khứ mình về nước. Cái gì chứ những thủ thuật để trở thành một thằng ốm đau thì tôi có thừa, tôi lại còn học được thêm nhiều thuật mới, đặc biệt, để thích ứng với các xứ thuộc địa.

Tôi sẵn sàng vượt qua trăm nghìn gian khó, bởi vì các tay giám đốc công ty Pordurière cũng như thủ trưởng tiểu đoàn có tay nào buông lợi việc vây đồn những con mồi gầy guộc của họ tái tê đờ đẫn giữa những chiếc giường khai khảm.

Họ sẽ thấy tôi quyết tâm làm mọi cái cần làm để chết gí ở nơi này. Hơn nữa, nói chung, thì cũng chỉ nằm nhà thương ít lâu, ít ra thì cũng hoàn thành ở đó cái sự nghiệp thuộc địa chỉ một lần thôi. Trong số những thằng sốt rét, thằng nào khôn khéo, ranh ma, gai góc nhất đôi khi lại lọt được xuống một con tàu để về mẫu quốc. Đó là một phép lạ êm đềm. Phần lớn các bệnh nhân nằm nhà thương thú nhận đã tìm hết mọi phép nhưng cũng chịu thua các luật lệ ở đây, đành trở về rừng để tiêu đi cái trọng lượng cuối cùng của mình. Nếu như thuốc kí ninh cũng bỏ mặc họ cho đòi bọ chùng nào họ còn trong chế độ nhà thương, thì công việc của lão thầy tu sẽ đơn giản là vuốt mắt họ trong vòng mười tám tiếng, và bốn tay người Xê-nê-gan phục vụ sẽ bọc gói những cái thân tàn hết máu ấy đưa đến bãi tha ma bọc đất sét đỏ gần nhà thờ Fort-Gono khá là nóng, dưới những mái tôn lượn sóng, không ai dám vào đến hai lần liền nhau, vì nóng hơn cả vùng Xích đạo ^[80*]. Vào nhà thờ là chỉ còn nước đứng thờ hồn hển như một con chó.

Rõ ràng thân phận của những con người ấy là cật lực ra mà làm đầy đủ những gì người ta đòi hỏi ở họ: là con bướm trong tuổi thanh xuân và con dòi khi kết thúc.

Tôi vẫn cố thu lượm chỗ này chỗ nọ một vài chi tiết, một vài chỉ dẫn để có một khái niệm. Điều mà lão giám đốc mô tả về Bikomimbo, dầu sao tôi thấy có vẻ khó tin. Tóm lại thì đó là một chi nhánh thương mại thử nghiệm của công ty, một toan tính luồn sâu vào nội địa, cách bờ biển ít ra cũng mười ngày đường, biệt lập giữa đám dân bản xứ, giữa rừng rậm của họ, mà người ta ít giới thiệu với tôi như một kho dự trữ mênh mông nhưng nhúc nhúc những súc

vật và bệnh tật.

Tôi tự hỏi không biết có phải chỉ đơn giản là chuyện ganh tị với số phận của tôi, mà những cậu bạn nhóc con ở công ty Pordurière chuyển sang cái thế nước đôi giữa sự rã rời chán ngán với sự hung hăng gây gổ. Cái ngu dại của các cậu ta (mà các cậu cũng chỉ có thế) tùy thuộc vào chất lượng của rượu vừa nốc vào miệng, vào những bức thư vừa đến tay, vào sự mất đi khối lượng lớn hay nhỏ hơn những tia hy vọng trong ngày hôm đó. Theo quy tắc chung, chúng càng héo hắt đi bao nhiêu thì chúng càng vênh vào lên bấy nhiêu. Là những bóng ma (như Ortolan trong chiến tranh) chúng có thể có gan làm tất cả mọi sự.

Bữa rượu khai vị của chúng tôi kéo dài suốt ba tiếng đồng hồ. Luôn luôn là chuyện về ngài Toàn quyền, trụ cột của mọi cuộc trò chuyện, rồi đến các vụ ăn cắp vật dụng thành công và không thành công, cuối cùng đến chuyện tình dục: ba màu sắc trên lá cờ thuộc địa. Các viên chức có mặt tố cáo không úp mở đám quân sự đắm mình trong hối lộ và lộng quyền, nhưng đám quân sự cũng trả miếng đích đáng. Đám thương nhân, về phía họ, coi tất cả các quan chức đầy bóng lộc đó đều là những tên bịp bợm, là bọn kẻ cướp. Còn ngài Toàn quyền thì suốt mười năm nay, sáng nào cũng có tiếng xì xào về việc ngài sắp bị triệu hồi, tuy nhiên bức điện lý thú về sự thất sủng ấy cứ mãi chẳng đến cho, bất chấp mỗi tuần hai bức thư nặc danh là ít được gửi đến địa chỉ của ngài Bộ trưởng, vạch rất chính xác cơ man nào là những việc ghê tởm của tên bạo chúa địa phương đó.

Dân da đen có cái may được có lớp da giống như vỏ củ hành, còn dân da trắng thì tự đầu độc, khép mình trong cái áo sơ mi vải tổ ong dằm mồ hôi chua loét. Khốn khổ cho ai lại gần anh ta. Tôi đã được luyện cho quen từ hồi còn ở trên tàu *Đô đốc Bragueton*.

Chỉ trong vòng vài ngày tôi đã được biết chuyện về lão giám đốc của tôi! Về cái quá khứ của lão chứa đầy những trò hèn hạ bất lương còn hơn cả một nhà tù quân cảng. Người ta phát hiện ra đủ cả trong cái quá khứ của lão và, theo tôi, có cả những sai sót kỳ diệu về pháp lý. Quả là cái đầu lão nó đã

chống lại lão, không còn chối cãi được, một bộ mặt sát nhân dễ sợ, hay đúng hơn, để khỏi phải buộc tội ai, thì đó là bộ mặt một người không thận trọng, quá mài miết vội vã làm giàu, thì cũng thế cả thôi.

Qua lại chốn này vào giờ nghỉ trưa, có thể thấy ngả ngốn chỗ này chỗ kia, dưới bóng râm những ngôi nhà trên đường phố Faidherbe, mấy người đàn bà da trắng, vợ các tay sĩ quan hay quan chức thực dân, mà khí hậu đã khiến họ phải hở hang hơn cả bọn đàn ông, những giọng nói nhỏ nhẹ rụt rè duyên dáng, những nụ cười rộng mở khoan dung, trát phấn lên tất cả cái xanh tái của họ như những kẻ hấp hối mãn nguyện. Những nữ trưởng giả di cư ấy tỏ ra kém nhiệt tình nhưng tư thế chừng chạc đoan trang, mà mục chủ quán Chùa chỉ còn biết dựa vào mình thôi. Về phía Công ty Pordurière, họ ngốn khá nhiều những loại tiểu nhân viên như tôi, mỗi mùa có đến chục anh chàng tiện dân đi toi trong các chi nhánh ở trong rừng, cạnh những đầm lầy. Đó là những kẻ đi tiên phong.

Mỗi buổi sáng, Quân đội và Thương vụ đến khóc than tới tận Văn phòng nhà thương về đội ngũ của mình. Chẳng ngày nào là vắng mặt một tay quan ba đến đe dọa và réo trời đổ sấm sét xuống lão quản lý nhà thương, đòi lão phải mau mau trả về cho đơn vị ba tay đội sốt rét ngã nước và hai tay cai tim la, đó là những cán bộ cần gấp để hoàn chỉnh biên chế đại đội. Khi người ta trả lời rằng những thằng lười nhác trốn nghĩa vụ ấy của đơn vị đã chết rồi, thì tay quan ba mới để cho ban quản trị nhà thương được yên, và tay ấy quay về uống nhiều hơn một chút ở quán Chùa.

Chẳng có bao nhiêu thì giờ mà nhìn xem những con người, những ngày tháng và những sự vật tan biến vào cái màu xanh này, cái khí hậu này, cái nóng và những đàn muỗi. Tất cả đều biến vào đấy, thật là kinh tởm, từng mẩu từng câu, từng bộ phận, từng sự hối tiếc, từng huyết cầu, tất cả mất biến vào ánh mặt trời, tan biến vào dòng thác ánh sáng và màu sắc, kéo theo cả khẩu vị và thời gian, tất cả biến vào đấy. Chỉ còn có nỗi kinh hoàng lấp lánh trong không khí.

Cuối cùng thì chiếc tàu hàng nhỏ mà tôi sẽ được chở theo dọc bờ biển, đến

tận gần trụ sở của tôi, đã thả neo, từ trong Fort-Gono cũng trông thấy. Tên con tàu là *Papaoutah*. Vỏ tàu nhỏ, rất phẳng, chủ yếu dùng vào việc đi lại những cửa sông. Tàu *Papaouiah* chạy bằng củi. Là người da trắng độc nhất trên tàu, tôi được dành một chỗ ở giữa nhà bếp và khu vệ sinh. Tàu chạy chậm rì rì trên mặt biển, tôi nghĩ trước hết là nó thận trọng để ra khỏi vịnh. Nhưng rồi cũng chẳng thấy đi nhanh hơn được chút nào. Con tàu *Papaoutah* sức yếu không tưởng tượng được. Chúng tôi đi như thế, trông rõ bờ biển, một dải dài vô tận màu xám um tùm những lùm cây nho nhỏ mọc trong cái nóng bốc hơi trên sóng nước lăn tăn. Một cuộc dạo chơi mới hay làm sao! *Papaoutah* rẽ nước một cách cực nhọc như bản thân nó đổ mồ hôi. Nó lần lần gỡ từng đợn sóng nhỏ, tỉ mẩn như người băng bó vết thương. Tay hoa tiêu, tôi trông từ xa, hình như là một tay da đen lai trắng; tôi nói “hình như” là bởi tôi không hề thấy tay này hào hứng trong cái việc lẽ ra phải làm, là lên cầu tàu để hỏi han tìm hiểu tôi thế nào. Tôi cứ loanh quanh với đám người da đen, những hành khách duy nhất trên tàu, núp bóng râm của hành lang chừng nào còn chói nắng trên boong, cho đến tận khoảng năm giờ chiều. Để tránh cho khỏi bị ánh nắng thông qua hai con mắt thiêu đốt cái đầu, cứ phải chớp mắt liên hồi như con chuột cống. Sau năm giờ chiều thì tha hồ mà ngắm nhìn ra khắp chân trời, ngắm nhìn cái mặt tốt của đời. Trong bờ, những lùm cây mọc lan ra sát mặt nước, thành một dải diềm màn tua rua xám xám như thể miếng lót nách áo đã rách bung, chẳng cho tôi thấy cái gì đáng giá cả. Thở hít không khí ở đây rất khó chịu, ban đêm cũng thế, nó cứ nồng nồng tanh tanh khó ngủ. Tất cả cái nhọt nhèo vô vị ấy xộc vào tâm can với cái mùi máy tàu thêm vào đó và ban ngày thì phía bên này các ngọn sóng rực đỏ màu son, phía bên kia sóng lại xanh lè. Thật là tồi tệ hơn cả trên tàu *Đô đốc Bragueton*, tất nhiên phải không kể đến những thẳng sát nhân mặc áo lính trên ấy.

Cuối cùng thì chúng tôi cũng sắp tới được đến cảng nơi tôi đến. Người ta nhắc cho tôi nhớ cái tên: “Topo”. Ho hắng, khạc nhổ, run rẩy trong suốt ba lần cái thời gian của bốn bữa ăn toàn đồ hộp, trên những vũng nước đục ngầu như nước rửa bát, tàu *Papaoutah*, kết cục cũng sắp vào bờ.

Ba túp lều to tướng lợp mái rạ nổi lên giữa cái bãi rậm rạp. Thoạt nhìn từ xa, cảnh đó đã ít nhiều hấp dẫn. Cửa con sông lớn lắm cát, con sông “của tôi”, như người ta giải thích, tôi sẽ phải đi dò từ đó ngược lên đến chính giữa khu rừng “của tôi”. Như đã thỏa thuận, tôi sẽ chỉ phải nán lại trong đồn Topo này vài ngày để có đủ thời gian mà định đoạt lấy những mong muốn cao nhất của mình đối với cái thuộc địa này.

Chúng tôi hướng mũi tàu vào một bến đậu không lấy gì làm kiên cố, và con tàu *Papaoutah* với cái bụng to đùng, trước khi cập bến, phải cắt bánh lái của nó đi. Tôi nhớ rất rõ ràng cái bến đậu ấy bằng tre. Nó cũng có lịch sử hăn hoi. Tôi được biết, mỗi tháng người ta phải thay hăn một bến mới, vì ở đây có giống ốc biển rất tinh quái và nhanh nhậy, chúng kéo nhau hàng nghìn con đến bám vào các khúc tre mà gặm dần gặm mòn. Cho nên viên trung úy Grappa, chỉ huy đồn Topo và các vùng lân cận, phải gánh một trong những trọng trách tuyệt vọng là việc xây cất vô cùng tận cái bến tàu này. Tàu *Papaoutah*, mỗi tháng bắt quá chỉ lui tới đây có một lần, nhưng những con ốc biển này thì không cần phải đến một tháng mới xơi hết cả cái bến tàu ấy!

Tôi vừa đến là trung úy Grappa nhận luôn các giấy tờ của tôi, kiểm tra xem thực hư thế nào, ghi chép vào quyển sổ còn trắng tinh, xong rồi mời tôi nhấm nháp chút rượu khai vị. Anh ta tâm sự, từ hơn hai năm nay Topo mới lại được đón một người khách. Vì chẳng ai có cơ cớ gì để mò đến đây cả. Dưới quyền trung úy Grappa có trung sĩ (đội) Alcide. Trong cái cảnh điêu hiu này mà họ cũng chẳng yêu thương được nhau. “Tớ cứ luôn luôn phải canh chừng thằng cha cấp dưới của tớ”, vừa gặp tôi, trung úy Grappa đã cho biết ngay như vậy, tay này tỏ ra ít nhiều muốn làm thân đây!

Ở cái chốn hoang vu này lẽ ra phải tưởng tượng đủ thứ sự kiện thật là huyền hoặc khó tin, không phù hợp với môi trường, thì cậu trung sĩ Alcide lại đưa vào báo cáo chuẩn bị sẵn toàn những mục: “Không có gì mới lạ” và buộc Grappa ký ngay lập tức để kịp cho tàu *Papaoutah* đem về nộp quan Toàn quyền!

Giữa những đầm phá quanh vùng và trong rừng sâu còn đọng lại một vài

bộ tộc mốc meo, tan tác, u mê vì cái bệnh ngủ tệ hại và cái nghèo khổ kinh niên; dầu sao thì các bộ tộc này cũng phải đóng khoản thuế nho nhỏ và tất nhiên bằng dùi cui. Người ta cũng tuyển mộ trong số thanh niên của các bộ tộc vài cậu dân vệ để thay họ sử dụng vẫn cái dùi cui ấy. Quân số dân vệ lên đến một tá.

Tôi có thể nói về việc đó, tôi đã hiểu được họ khá kỹ. Trung úy Grappa trang bị cho các cu cậu số đồ này theo cách của anh ta và nuôi họ đều đều bằng cơm gạo. Một khẩu súng trường cho mười hai cậu, đó là một biện pháp! và một lá cờ nhỏ cho tất cả mọi người. Không có giày dép. Nhưng ở cái thế giới này, mọi cái đều tương đối và đều có so sánh, những cậu người nguyên quán được tuyển mộ đều coi Grappa đã làm tốt mọi việc. Ngày ngày có lắm người đến xin tình nguyện nhưng Grappa đều không nhận những kẻ hăng hái, những đứa con chán cảnh rừng xanh.

Săn bắn xung quanh làng chẳng ăn thua gì, ăn uống chẳng bằng một bà cụ cổ ăn cả tuần, vì thiếu loài linh dương. Sáng ra, cứ khoảng bảy giờ là các chú lính dân vệ của Alcide lại bắt đầu tập. Tôi nằm trong góc lều, do cậu ta nhường chỗ, nên cứ như người được ngồi lô mà xem các kỵ sĩ Ả rập biểu diễn. Chưa một quân đội nào trên thế giới lại có được những binh sĩ có ý chí tuyệt hảo như vậy. Theo hiệu lệnh của Alcide, họ lăn lê bò toài hàng tư, hàng tám rồi hàng mười hai trên bãi cát, những con người mông muội ấy tiêu hao sức lực ghê gớm trong lúc cứ tưởng tượng như trên người họ được trang bị đủ cả nào là ba lô, nào là giày dép, lại cả lưỡi lê và ghê hơn nữa, họ còn làm bộ như đang sử dụng những thứ đó. Vừa thoát thai từ một thiên nhiên mãnh liệt và gần gũi, thật ra thì trên người họ chỉ nhõn có một cái giống như cái quần cộc bằng vải karki. Còn tất cả những cái khác chỉ là họ tưởng tượng ra và chỉ thể thôi. Theo lệnh chỉ huy không được cãi lại của Alcide, những chiến sĩ tài tình ấy đặt những chiếc ba lô tưởng tượng xuống đất, chạy hùng hục và phóng năm đấm vào khoảng không nhằm vào những kẻ thù hảo huyền. Giả bộ như cởi khuy, họ làm điệu cùng gác súng lại với nhau và lại theo lệnh mới say sưa lấy súng nhằm bắn. Cứ trông họ tản ra rồi chụm lại, tỉ mẩn trong

những động tác đứt khúc điên dại như vậy mà chẳng ích lợi gì, ai cũng phải phát chán. Nhất là ở Topo cái nóng lại càng gay gắt vì cát bỏng thì chớ lại còn nằm giữa một bên là biển một bên là sông, ánh nắng đã từ trên rơi xuống lại từ dưới hắt lên, nóng nực ngọt ngào khủng khiếp, đặt đít xuống đâu cũng phải la làng, tưởng như mình bị người ta ấn xuống cái miếng gì vừa từ mặt trời rơi xuống.

Ngược lại, trong những điều kiện không sao chịu được như thế, vẫn không ngăn cản được Alcide gặt gồng, thét lác. Tiếng la hét của cậu ta tới tấp trong cuộc tập luyện hư ảo ấy và vang lên tận các ngọn cây thông uy nghi trên bìa rừng nhiệt đới. Ở phía xa ấy liệu có giạt nẩy lên vì những tiếng hô “Nghiêm!” như sấm dậy của cậu ta.

Trong khi ấy trung úy Grappa chuẩn bị việc xử án của mình. Ta sẽ trở lại việc này sau. Trung úy cũng vẫn từ xa và dưới bóng râm trong lều của mình giám sát công việc xây cất vội vã cái bến tàu đáng nguyên rủa ấy. Cứ mỗi chuyến tàu *Papaoutah* đến là anh ta lại khắp khờ chờ đợi vừa lạc quan vừa hoài nghi về những đồ trang bị toàn bộ cho số phận của mình. Từ hai năm nay anh ta hoài công yêu cầu những trang bị toàn bộ. Là dân đảo Corse, Grappa cảm thấy bị sỉ nhục hơn ai hết những lúc đứng nhìn các dân vệ của mình trần như nhộng.

Trong lều của chúng ta, tức lều Alcide, thì cậu này tiến hành việc buôn bán nhỏ, cũng là lén lút thôi, toàn những thứ vật vãnh, thừa thải bỏ đi. Thế nhưng mọi việc buôn bán ở Topo đều phải qua tay Alcide, vì cậu ta nắm giữ một cái kho nhỏ, độc nhất, thuốc lá nguyên cành và thuốc gói, vài lít rượu và vài mét vải sợi bông.

Mười hai chú dân vệ ở Topo có cảm tình thật sự với Alcide, mà điều này thì rõ lắm, mặc dầu cậu ta cấu gắt với họ không còn giới hạn nào và thường đá đít họ khá là vô lý. Nhưng những quân nhân ở trường ấy lại thấy được rằng ở cậu ta có những nhân tố không thể chối cãi về mối quan hệ thân thuộc rộng lớn, còn hơn là cứ phải sống trong cảnh nghèo khổ bầm sinh, không phương cứu chữa. Thuốc lá làm cho họ gần nhau, mặc dầu các chú dân vệ

toàn là dân đen, sức mạnh vật chất mà. Tôi có mang theo mấy tờ báo từ châu Âu. Alcide đọc lướt với sự thích thú quan tâm đến các tin tức, nhưng dẫu đã giở đi giở lại đến ba lần và chú mục vào những cột báo tấp nham ấy, cậu ta vẫn không sao đọc cho hết. Cậu ta thú thật: “Tớ bây giờ xét cho cùng thì cũng cóc cần gì tin với tức. Đã ba năm nay tớ ở cái xó rừng này rồi!” Điều đó không hề có ý nói rằng Alcide tính chuyện gây ngạc nhiên cho tôi là cậu ta định ẩn dật nơi này. Không đâu. Nhưng sự thô bạo và sự thờ ơ rất rõ của mọi người đối với cậu ta buộc cậu ta, ở cảnh một trung sĩ tái đăng, phải xử sự với mọi người, trừ mảnh đất Topo này, toàn là loại sống trên cung trăng.

Vả lại, Alcide là một người có bản chất tốt, tử tế và độ lượng và tất cả. Sau này tôi mới hiểu cậu ta, hơi quá muộn. Sự cam chịu kinh khủng đã đè nặng lên cậu ta, đó là cái đức tính cơ bản khiến cho những kẻ hèn mọn trong quân đội hay ngoài đời dễ dàng giết người cũng như cứu sống người. Chưa bao giờ, hay hầu như thế, những kẻ thấp cổ bé họng đó hỏi đến nguyên nhân của mọi cái họ phải chịu đựng. Họ ghen ghét nhau, thế cũng đủ rồi.

Quanh túp lều của chúng tôi, vẫn có một loài hoa mọc rải rác ngay trong đầm phá cát bỏng không chịu nổi, hoa tươi nhưng chóng tàn, màu xanh, màu hồng và cả màu đỏ tía, mà ở châu Âu ta chỉ thấy trong tranh hoặc trên vài thứ đồ sứ, một thứ hoa bìm bìm sơ khai nhưng chẳng man dại chút nào. Những bông hoa ấy phải chịu đựng suốt một ngày dài kinh khủng, cụp lại trên cuống rồi tiếp tục nở và rung rinh trong hơi gió thoảng nhẹ lúc bóng chiều buông xuống.

Một hôm thấy tôi lúi húi hái mấy bông hoa bó thành bó nhỏ, Alcide bảo: “Hái thì cứ hái, nhưng chớ có tưới nước mà chết hoa đấy... Cái loài hoa chết tiệt này không giống như hoa mặt trời ta trồng cho thiếu sinh quân ở Rambouillet đâu! Tha hồ hái lên cũng chẳng làm sao!... Nó hút hết!... Hoa cũng như người ấy mà... Càng to thì càng ngốc!” Cái này rõ ràng là ám chỉ trung úy Grappa, to xác nhưng như cây sậy, hai tay ngắn ngủn, đỏ gay khủng khiếp. Những bàn tay chẳng bao giờ biết được cái gì. Mà Grappa cũng chẳng bao giờ gắng sức để hiểu biết.

Tôi ở Topo hai tuần, trong thời gian đó tôi không chỉ chia sẻ cuộc sống và công việc bếp núc với Alcide, những con rệp của cậu ta trên giường và trên cát (hai giống khác nhau), mà còn chia sẻ cả thuốc kí ninh và nước ở cái giếng gần đó, lúc nào cũng âm ẩm và dễ gây ỉa chảy.

Cũng có ngày trung úy Grappa nổi hứng tình thân mật lên mời tôi sang lều của anh ta uống cà phê, đây là chuyện ngoại lệ. Anh chàng Grappa có máu ghen nên không bao giờ cho ai thấy mặt cô vợ bé người bản xứ của mình. Thế là anh ta phải lựa ngày cô da đen kia về làng thăm bố mẹ mới mời tôi đến. Và cũng là ngày mở phiên xử án của Grappa. Anh ta muốn làm tôi ngạc nhiên.

Xung quanh cái lều của Grappa, ngay từ sáng sớm, những người đi kiện nhau đã chen chúc thành từng đám đông mặc xà lỏn đủ màu sắc và ô hợp cùng các nhân chứng chuyện trò eo éo. Bên nguyên bên bị và công chúng bình thường đứng lẫn với nhau, người nào cũng sặc mùi tỏi, mùi tinh dầu hăng hắc, mùi mỡ rán khét lẹt, mùi mồ hôi nghệ. Giống như mấy chú dân vệ của Alcide, đám người này cũng múa may quay cuồng trong hư ảo, họ giơ cao qua đầu những chiếc sênh tiền vừa múa vừa reo hò inh ỏi.

Trung úy Grappa ngập sâu vào chiếc ghế bành bằng song kê kẹt rên rĩ, anh ta mỉm cười trước cái cử tọa rời rạc ấy. Anh ta giao cho người phiên dịch của đồn xử lý và người này dịch lại những thỉnh cầu khó mà tin được của dân chúng trong giọng lúng túng nhưng sang sảng theo thói thường của mình.

Có thể đó là chuyện một con cừu chột mắt mà ông bố bà mẹ không được hoàn lại, trong khi cô con gái đã gả bán rồi mà không chịu về nhà chồng cô ta, chỉ vì người anh cô ta đã phạm tội giết cô chị của chú rể là người giữ con cừu ấy. Còn lắm chuyện khiêu kiện rắc rối phức tạp hơn nhiều.

Ngồi ngang tầm với chúng tôi, hơn trăm khuôn mặt say sưa với những vấn đề lợi ích và tục lệ nhe nhếch hàm răng trắng ỏn và xì xào những câu tiếng Phi gộp gộp như tiếng những con gà tây.

Cái nóng đã lên đến tột độ. Người ta ngược nhìn bầu trời để xem liệu sắp có tai họa gì chẳng. Không có lấy cả một cơn giông.

Thời tiết và những cuộc bàn cãi dài dòng đã đi đến hồi phải phân giải. Cuối cùng thì Grappa quyết định:

-Để đấy, ta sẽ làm cho họ thỏa thuận với nhau ngay thôi mà. Bố cô dâu đâu?... Dẫn lại đây nào!

-Ông ấy kia! hai chục tay cò mỗi đấy một lão già da đen thịt da đã nhẽo, mặc cái quần xà lỏn màu vàng chứng chạc nghiêm chỉnh ra dáng. Lão già dư dư nắm đấm lên ngắt đoạn những lời bàn tán về lão. Lão không có vẻ gì là đến đây để thừa kiện, mà đúng hơn là để có dịp giải khuây chút ít ở phiên xử án lão đã chờ đợi từ lâu cái kết quả chắc chắn là tích cực đối với lão.

Grappa ra lệnh:

- Nào! Hai mươi roi! cho tiết cái trò này đi! Hai mươi roi da cho lão già ma cô này! Để cho lão chữa cái tội suốt hai tháng trời thứ năm nào cũng đến quấy rầy ta vì cái con cừu chết tiết ấy!

Lão già thấy bốn tay dân vệ lực lưỡng tiến về phía mình. Thoạt đầu lão cũng không hiểu người ta muốn gì ở lão nhưng rồi lão đảo mắt nhìn, hai con mắt đỏ ngầu như một con thú già kinh khủng vì từ trước đến giờ chưa từng bị ai đụng tới. Thật ra lão không tìm cách kháng cự, nhưng lão cũng chẳng biết giữ mình thế nào để cho đỡ được nỗi đau trước cái trò công lý này.

Các tay dân vệ túm quần ông già mà giật. Hai đứa cứ khăng khăng bắt ông già phải quỳ gối nhưng những đứa khác lại đòi ông ta phải nằm sấp xuống. Cuối cùng thì chúng nó đồng ý với nhau là cứ miễn ông già nằm xuống đất là được, kéo tụt cái quần xuống, thế rồi cái lưng và hai cái mông nhẽo nhận lấy một trận roi quất xuống tới tấp khiến cho đến con bò cái khỏe mạnh cũng phải rống lên suốt tám ngày là ít. Ông già quần quai, cát bám đầy quanh bụng cùng với máu, cát vào đầy mồm vừa kêu rú vừa khạc nhổ, tưởng chừng như một con chó cái lùn có chữa đang bị người ta hành hạ cho sướng tay.

Những người chứng kiến im thín thít. Chỉ còn nghe tiếng roi và tiếng la hét. Trận đòn kết thúc, ông già lóp ngóp bò dậy, quờ tay nhặt cái quần như tàu lá diếp. Máu ứa ra mồm, cả mũi và nhất là suốt sống lưng. Đám đông dìu ông già đi xa dần, rầm rì bàn tán với giọng đưa đám.

Trung úy Grappa châm lại điệu xì gà. Trước mặt tôi, anh ta làm vẻ lạnh lùng về các chuyện đó. Không phải cho rằng tôi nghĩ anh ta tàn ác hơn kẻ khác, mà chỉ do anh ta không thích để ai buộc mình phải suy nghĩ. Cái đó làm anh ta khó chịu. Trong công việc xét xử, cái làm anh ta dễ cáu bẳn là chuyện hỏi han vặn vẹo anh ta.

Cùng ngày hôm đó chúng tôi còn chứng kiến hai vụ trừng phạt khác cũng đáng ghi nhớ, liên quan đến những chuyện rối mù, nào là của hồi môn bị đòi lại, chuyện cá mú đã hứa với nhau... những lời hứa khả nghi, những đứa con không biết được đích xác của ai...

“Chà! giá mà họ biết tất cả rằng tớ mặc thây những chuyện tranh chấp của họ thì họ đã không rời bỏ rừng xanh để đến đây kể lể những chuyện ngốc nghếch và quấy rầy tớ!... Liệu tớ có phải thông báo cho họ biết cả những chuyện vật vãnh của mình? Grappa kết luận. Tuy vậy, anh ta nói tiếp, tớ tin rằng lũ ngốc ấy đã quen cái mùi công lý của tớ rồi... Từ hai năm nay, tớ ra sức làm cho họ chán ngán chuyện này nhưng thứ năm nào họ cũng cứ kéo nhau đến... Cậu có tin tớ hay không là tùy, nhưng hầu như vẫn chỉ những tay đã nhẵn mặt!... Những kẻ hư hỏng cả mà!...”

Rồi câu chuyện xoay qua Toulouse, nơi Grappa về nghỉ phép hằng năm và cũng là nơi anh ta dự tính sáu năm nữa sẽ về nghỉ hưu. Đồng ý là thế đi! Chúng tôi đang vui vẻ cạ ly can-va-đốt [81*] thì lại bị một tay da đen đến quấy. Tay này phạm một tội gì đó tôi không biết, đã đến trễ giờ chịu hình phạt. Hẳn tự ý đến sau những kẻ khác hai tiếng đồng hồ để nhận những roi đòn. Đã phải vất vả đi suốt hai ngày hai đêm từ trong làng qua rừng qua rú đến đây chỉ nhằm mục đích đó thôi, hẳn không chịu về không. Nhưng đã trễ giờ, mà Grappa thì kiên quyết giữ nghiêm giờ giấc chịu hình phạt thật đúng. “Kệ thây hẳn! Hẳn cứ phải đi thêm một lần cuối!... Hôm thứ năm tuần trước tớ đã tuyên phạt thằng chó chết ấy năm mươi roi mà!”

Nhưng vị khách thì phản đối vì hẳn ta có lý do chính đáng: hẳn phải mau mau trở về làng để chôn cất mẹ hẳn. Một mình hẳn có ba hoặc bốn bà mẹ. Những cuộc tranh cãi...

“Việc này giải quyết trong phiên tòa sau!”

Nhưng hẳn ta làm gì có đủ thì giờ để về làng rồi lại trở ra đây vào thứ năm sau. Hẳn phản đối. Hẳn khẳng khẳng đòi. Phải tổng cổ cái thằng thích được hành hạ này ra khỏi doanh trại bằng những cú đá thật đau vào hai hông dít. Nhưng thế cũng đã làm cho hẳn ta thỏa thích nhưng chưa đủ... Hẳn tạt vào lều của Alcide, cậu này thừa cơ bán luôn cho hẳn cả một lô các thứ thuốc lá, cả thuốc càn, thuốc gói lẫn thuốc say thành bột để hít.

Được giải khuây khá đủ bởi lăm thứ chuyện đó, tôi cáo lui cũng vừa lúc đến giờ nghỉ trưa, để Grappa rút vào trong tận cuối lều với cô nội trợ người bản xứ đã ở quê ra và đang nằm chờ. Cặp vú tuyệt trần của cô gái da đen được các bà xơ ở Gabon nuôi dưỡng tốt. Cô gái trẻ ấy không chỉ nói đót, phát âm sai tiếng Pháp, mà cô còn biết đưa cho anh thuốc kí ninh trong mút quả và bắt những con rận hút máu trong gan bàn chân của anh. Cô ta biết có đến hàng trăm cách làm cho anh chàng thuộc địa được khoan khoái mà không mệt mỏi hoặc mệt mỏi theo sự lựa chọn của anh ta.

Alcide đang chờ tôi. Cậu ta hơi phật ý. Có thể việc trung úy Grappa mời mọc tôi vừa rồi khiến cho cậu ta quyết định bộc lộ những chuyện thầm kín. Mà toàn những chuyện bẩn thỉu. Chẳng đợi phải yêu cầu, cậu ta cố tình phác họa cho tôi một chân dung của Grappa như cục cứt bốc hơi. Tôi trả lời rằng đó cũng đúng là ý kiến của mình. Cái nhược điểm của Alcide là ở chỗ cậu ta bất chấp kỷ luật nhà binh, mà ngược lại, còn làm chuyện buôn bán lén lút với đám da đen trong các khu rừng xung quanh và cả với mười hai tay dân vệ. Cậu ta bán chịu thuốc lá cho cái thế giới bé nhỏ này, hết sức nhẫn tâm. Mấy chú dân vệ được phần thuốc thì hết phần lương, tất cả ra khỏi hết. Cứ việc hút trước cho đã rồi tính sau. Cái trò làm ăn láu vặt này khiến cho tiền nông ở trong vùng vốn đã hiếm hoi lại càng ảnh hưởng xấu đến thuế má mà Grappa dự kiến thu.

Trung úy Grappa thận trọng, không muốn gây một sự bê bối trong việc cai quản của mình ở Topo, nhưng có lẽ cũng ganh tị, anh ta nhăn nhó khó chịu. Anh ta muốn rằng tất cả những món tiền nhỏ nhoi sử dụng được của dân bản

xứ phải dành để đóng thuế. Mỗi người mỗi kiểu và mỗi người có những tham vọng nhỏ bé của mình.

Ban đầu, cái lối bán chịu trừ lương xem ra có vẻ kỳ lạ và cứng nhắc đối với mấy chú lính dân vệ lao động vất vả chỉ để hút thuốc của Alcide và quen dần với những cú đá đít. Bây giờ họ chẳng thèm đi lĩnh lương nữa, cứ việc bình tĩnh mà hút thuốc trước ngay bên cạnh lều của Alcide, bên những bông hoa nhỏ nhưng sống dai, giữa hai buổi tập tành tưởng tượng.

Tóm lại là ở cái xứ Topo tí hin ấy cũng có chỗ cho những hai hệ thống văn minh, một của trung úy Grappa, theo kiểu văn minh La mã, nghĩa là quất roi những kẻ phục tùng đơn giản để moi cống vật, và theo Alcide khẳng định, thì anh ta giữ lấy một phần đáng hổ thẹn cho riêng mình; và một nữa là của bản thân Alcide, phức tạp hơn, trong đó đã phân định được những triệu chứng của giai đoạn hai của kẻ đi khai hóa, sự ra đời ở mỗi chú dân vệ một khách hàng, tóm lại đó là cái tổ hợp thương mại - quân sự, hiện đại hơn, đạo đức giả hơn cái của chúng ta.

Về mặt địa lý thì trung úy Grappa cũng chỉ ương ước, theo mấy cái bản đồ vẽ phông chừng của Bưu điện, những vùng lãnh thổ rộng lớn giao cho anh ta trông nom. Anh ta cũng chẳng bao giờ có ý muốn hiểu biết thêm làm gì. Cây cối, rừng rú, rút cục thì ai mà chẳng biết và ai chẳng thấy được từ tít tận đằng xa.

Lấn vào trong những rừng cây um tùm và nấu mình sau những trận đòn vô hạn như vậy, một vài bộ lạc hết sức tản mát đọng lại đây đó giữa những đàn chấy rận và ruồi muỗi, u mê đần độn bởi những vật tổ, tọng vào mồm chỉ đọc một thứ sẵn hà đen sì... Những bộ tộc hết sức hồn nhiên, man rợ một cách ngây thơ, ngờ ngác trong đói khổ, suy mòn vì hàng nghìn cơn dịch hạch. Không có gì đáng để người ta phải lại gần. Không có gì để biện bạch cho một cuộc chinh phạt hành chính đau đớn và chẳng một tiếng vang. Khi cuộc làm luật đã dứt, Grappa quay ra phía biển, dõi nhìn phía chân trời, nơi đã từng có một ngày nào đó anh ta xuất hiện và nơi ngày nào đó anh ta sẽ ra đi, nếu mọi việc đều trôi chảy...

Những nơi đây cuối cùng trở nên thân quen và dễ chịu đối với tôi, tuy nhiên cũng phải nghĩ đến việc rời bỏ Topo để đến cái cửa hàng đã được hứa hẹn với tôi chỉ trong mấy ngày đò và đi miết trong rừng.

Với Alcide, hai đứa chúng tôi ngày càng rất ăn ý nhau. Chúng tôi rủ nhau câu cá đao, một loài cá mập nhưng nhúc ngay phía trước lều. Cậu ta cũng vụng về như tôi trong cái trò này. Hai đứa chẳng bắt được con nào.

Căn lều của cậu ta chỉ được trang bị có chiếc giường gấp của cậu ta và chiếc của tôi cùng vài chiếc hòm rỗng hay đầy. Tôi đoán là cậu ta phải dành dụm được kha khá tiền nhờ món buôn bán nhỏ ấy.

Nhiều lần tôi hỏi cậu ta:

- Cậu để ở đâu, giấu ở đâu cái khoản xin bán thiêu ấy? Và để chọc tức cậu ta tôi còn đùa: Cậu dùng cái của đó để mai kia vẽ làm một thần lưu linh chẳng?^[82*] Và có đến hai chục lần là ít, mỗi lúc chúng tôi chọc vào cái “hộp cà chua hộp” không thể thiếu đó là tôi tưởng tượng đến cái khoái trá của cậu ta khi về nước được thấy những biến đổi của Bordeaux qua những cuộc dạo quanh các nhà thổ trong thành phố. Cậu ta không trả lời gì cả. Chỉ cười thôi, như thể thích thú được nghe tôi nói về những chuyện đó.

Ngoài chuyện tập tành của mấy chú dân vệ và những phiên xử án, quả thật ở Topo chẳng còn chuyện gì, bởi thế tôi đành cứ phải lặp đi lặp lại cái trò đùa ấy, vì chẳng còn đề tài nào khác.

Trong thời gian sau này, một lần tôi có ý muốn viết cho ông Puta để bòn tiền. Alcide sẽ giúp tôi gửi bức thư qua chuyến tàu *Papaoutah* sắp tới. Giấy bút để viết, Alcide để trong cái hộp bánh bích quy y hệt cái hộp tôi đã thấy của Brandelore, hoàn toàn giống. Thì ra các cậu trung sĩ tái đăng đều có thói quen như nhau. Nhưng khi thấy tôi định mở cái hộp thì Alcide có ý ngăn tôi lại với một cử chỉ là lạ. Tôi phát ngượng. Không hiểu vì sao mà cậu ta lại không cho tôi mở, tôi bèn đặt cái hộp xuống.

-À mà cậu cứ mở ra đi chứ! Không có chuyện gì đâu, cứ mở ra đi! cậu ta giục.

Ngay lập tức tôi thấy phía trong nắp hộp dán ảnh một đứa con gái nhỏ.

Chỉ có cái đầu, nét mặt rất hiền lành với những dợn tóc xoăn như người ta thường uốn thời đó. Tôi lấy tờ giấy, cái bút và đập mạnh nắp hộp lại. Tôi rất lúng túng về chuyện không có ý tứ của mình, nhưng cũng tự hỏi tại sao chuyện đó lại tác động cậu ta đến thế.

Tôi tưởng tượng ngay rằng đó là một đứa con của cậu ta mà bấy lâu nay cậu ta giấu không cho tôi biết. Tôi chẳng hỏi gì thêm, nhưng hiểu rằng sau lưng tôi, cậu ta đang định kể cho tôi biết xung quanh tấm ảnh đó, với một giọng nói lạ lẫm tôi chưa nghe thấy ở cậu ta bao giờ. Cậu ta ấp úng. Bản thân tôi cũng không biết xử sự thế nào. Tất nhiên tôi phải giúp cậu ta thổ lộ được niềm riêng của mình. Tuy vậy cũng chưa biết làm ra sao. Có thể đây là một chuyện riêng tư đau buồn cho cả người nghe đây, tôi chắc thế. Thật ra tôi cũng không muốn biết chuyện ấy làm gì.

-Chẳng có gì đâu! cậu ta nói. Đó là con gái của một chú em tớ.... Hai vợ chồng chết cả rồi...

-Hai bố mẹ con bé?...

-Ừ, bố mẹ nó...

-Vậy ai nuôi nó bây giờ? Mẹ cậu à? tôi hỏi như vậy để biểu thị sự quan tâm.

-Mẹ tớ cũng chẳng còn...

-Thế thì ai?

-Tớ đẩy thôi!

Cậu ta cười khẩy, mặt đỏ gay như vừa làm một việc không thích hợp chút nào. Cậu vội vàng nói tiếp:

-Tức là, để tớ nói cho cậu rõ... Tớ phải gửi nó vào các bà xơ ở Bordeaux... Nhưng không phải các bà xơ nuôi trẻ con nhà nghèo đâu, cậu, cậu hiểu tớ chứ!... Ở chỗ các bà xơ “khá” cơ... Chính tớ lo chuyện ấy, cậu có thể yên tâm. Tớ muốn con bé không thiếu gì!

Tên nó là Ginette... Con bé ngoan lắm... Thật giống như mẹ nó... Nó viết thư cho tớ, nó tiến bộ lắm, chỉ có điều, cậu hiểu đấy, gửi nội trú như thế là đắt tiền... Hơn nữa, nó đã lên mười... Tớ muốn cho nó học luôn cả piano nữa?

Cậu thấy học piano thế nào? Học piano tốt chứ nhỉ, nhất là với con gái... Cậu không tin à? Và học cả tiếng Anh nữa... Tiếng Anh cũng có ích chứ?... Cậu biết tiếng Anh chứ?...

Tôi bắt đầu phải ngó nhìn thật sát cái cậu Alcide này khi cậu ta tự cho mình là không đủ bao dung, với hàng ria mép xức dầu, cặp lông mày lệch, nước da cháy nắng. Chà, cái cậu Alcide kín đáo này. Cậu ta đã phải dành dụm bằng số lương eo hẹp... số tiền thưởng khốn khổ và món buôn nhỏ nhoi lén lút... trong những tháng, những năm, ở cái địa ngục Topo này!... Tôi không còn biết trả lời cậu ta thế nào nữa, tôi chẳng tinh thông gì, cậu ta đã vượt hẳn qua tôi bằng một trái tim, tôi thật hổ thẹn... Bên cạnh Alcide, tôi chỉ là một đứa thô lỗ bất lực, trì độn, vô tích sự... Thật đấy chẳng phải giả bộ đâu. Rõ ràng là thế.

Tôi không còn dám nói gì với cậu ta, bỗng nhiên tôi cảm thấy không xứng đáng nói năng với cậu ta. Tôi, kẻ mới hôm qua còn xem nhẹ, thậm chí còn hơi miệt thị Alcide.

Không biết rằng những điều tâm sự của cậu ta đang làm tôi bối rối, cậu ta tiếp tục:

-Tớ thật không may. Cậu thử nghĩ xem, cách đây hai năm, con bé lại bị bại liệt nữa chứ... Cậu hình dung xem... Cậu có biết bệnh bại liệt trẻ con là thế nào không?

Cậu ta giảng giải cho tôi rằng chân trái con bé bị teo lại và phải cho chạy điện ở Bordeaux, tại một thầy chuyên khoa. Cậu vẫn băn khoăn:

-Cậu có tin là khỏi được không?

Tôi bảo đảm với cậu ta là với thời gian và trị bằng điện, bệnh ấy sẽ chữa được, sẽ khỏi hoàn toàn. Cậu ta hết sức phấn chấn khi nói về bà mẹ đã quá cố và thương tật của đứa nhỏ. Dẫu ở xa xôi thế này, cậu vẫn sợ làm cho con bé đau đớn.

-Từ khi con bé bị bệnh, cậu đã thăm nó chưa?

-Không... tớ vẫn ở đây.

-Sắp tới cậu có về thăm không?

-Tớ nghĩ rằng khó có thể về ít ra là ba năm nữa... Cậu biết đấy, ở đây tớ còn buôn bán kiếm thêm được chút ít... Còn giúp đỡ được con bé. Tớ mà đi phép lúc này thì trở lại là mất chỗ luôn... nhất là với cái thằng cha độc ác đó...

Vậy thì Alcide liệu có xin tăng gấp đôi cái thời hạn của mình, ở luôn một mạch sáu năm liền ở Topo, chứ không chỉ có ba, vì đứa cháu gái mà anh ta chỉ có trong tay mấy bức thư và tấm ảnh con con.

Hai đứa đã đi năm, cậu ta vẫn tiếp:

-Cái tớ đang lo bây giờ là ở đây chẳng có ai đưa nó đi nghỉ hè... Với một đứa trẻ nhỏ, như thế là gay lắm!...

Tất nhiên là trong việc làm cao thượng của mình Alcide rất thoải mái, có thể nói là bình dị nữa, đến thánh thần thì cậu ta cũng gọi bằng anh hết, chẳng có gì là quan trọng. Vì một đứa cháu gái nhỏ mà cậu ta sẵn sàng chịu đựng những năm tháng đầy đọa, tiêu ma cuộc sống khốn khổ trong cái đơn điệu nóng như thiêu này, không đòi hỏi điều kiện, không mặc cả, không lợi lộc mà chỉ vì lòng tốt. Cậu ta trao cho đứa con gái nhỏ xa xôi ấy khá đủ âu yếm để tái tạo cả một thế giới và cái đó thì không thấy được.

Vừa đặt mình, cậu ta đã ngủ liền, bên ngọn nến leo lét. Tội nhóm dậy ngắm nhìn kỹ nét mặt cậu ta dưới ánh nến. Cậu ta ngủ như mọi người, vẻ mặt rất bình thường. Tuy nhiên chẳng có gì là tẻ nếu như ở cậu ta có cái gì đó để phân biệt được những con người tốt và những kẻ độc ác.

Có hai cách để lượn rừng, hoặc là phạt bờ phạt bụi thành một đường hầm như kiểu chuột rũi trong cây rơm. Cách này ngọt thờ mất. Chán cách này lắm. Hoặc giả, thu lu với nhau trong một hốc thân cây, chờ đợi nước lên, xô đẩy loanh quanh giữa những lùm cây rậm rạp loạn xạ, ngong ngóng hết ngày này qua ngày khác dưới nắng chang chang, không còn biết trông cây vào đâu. Đầu óc thì rối mù lên với những tiếng hò la của đám da đen, để mặc đến đâu thì đến, ra sao thì ra.

Mỗi lần xuất phát là lại phải có thời gian để cho các tay chèo dò lấy nhịp cho đều. Lại một lần tranh cãi. Rồi một mái chèo khuấy nước, hai ba tiếng hò vang vang và rừng sâu đáp lại. Nước xoáy, con thuyền lướt lên. Một mái chèo, rồi hai, rồi ba, sóng nước rộn ràng, ngoái nhìn lại mặt biển phẳng lặng, xa dần, Alcide còn đứng đó trên cái bến của cậu ta, dưới cái mũ cối to dẹt như hình quả chuông, rồi chỉ còn tí thủ, ló thêm tí khuôn mặt và những gì còn lại ở phần dưới của Alcide chỉ phất phơ trong tà áo như đã biến mất vào cái ký ức kỳ cục của hai ống quần trắng. Đó là tất cả những gì còn lại với tôi về nơi đó, về mảnh đất Topo đó.

Liệu người ta đã có thể bảo vệ được lâu cho cái xóm nóng bỏng đó khỏi lưỡi hái tinh quái của con sông với những làn nước đục ngầu? Và ba túp lều khốn khổ ấy có còn đứng vững được không? Và những tay Grappa mới, những cậu Alcide vô danh khác có còn huấn luyện cho đám lính tập những trận đánh vô sở cứ ấy không? Liệu ở đây có còn diễn ra những phiên tòa giản dị thế nữa không? Nước mà ta định uống ở đây liệu có còn nồng nồng khen khét, mỗi lần uống phải thì cứ gọi là tám ngày sau vẫn không hết mùi khó chịu trong mồm?... Và vẫn không có nước đá chứ? Và những cuộc chiến đấu của màng nhĩ với những tiếng vo ve không ngớt của ruồi muỗi, rồi ngón cho đẩy kí ninh, xun-phát, clô-hi-đrát? Nhưng trước hết xin hỏi, có còn những con người da đen ngày càng héo quắt và lở loét trong cái lò hầm ấy không? Có lẽ tốt hơn là không.

Có thể chẳng còn quái gì tồn tại, con sông Congo đã lè cái lưỡi bùn của nó làm một cú liếm sạch Topo trong một cơn lốc thổi qua lúc chiều tối và thế là hết, hết thật sự, cả đến cái tên của nó cũng biến mất trên các bản đồ, chỉ còn có tôi là còn nhớ đến nó vì nhớ đến Alcide... Có thể cả đứa cháu gái của cậu ta cũng đã quên rồi. Có thể trung úy Grappa không bao giờ thấy lại thành phố Toulouse của anh ta... Có thể là cánh rừng bấy lâu rình rập mỗi mùa mưa tới để chiếm lấy và làm tiêu tan cái đụn cát dưới bóng những cây gụ ketch xù, tất, tất cả, ngay cả những bông hoa nhỏ xíu mọc bất ngờ trên đụn cát mà Alcide đã không cho tôi tưới nước vì sợ làm chúng chết mất... Có thể là chẳng còn gì tồn tại.

Sẽ còn in lâu trong trí nhớ của tôi những gì xảy ra trong mười ngày ngược dòng sông này... Ngồi giữa khoang thuyền độc mộc, phải theo dõi từng vụng nước xoáy đầy phù sa, lựa hết quãng vượt này sang quãng vượt khác, làm sao tránh cho thật ngọt những cành cây to dùng trôi giạt trên sông... Thật là một thứ lao động khổ sai.

Chiều chiều, khi hoàng hôn xuống, chúng tôi dừng thuyền trên một mô đá. Rồi một buổi sáng, chúng tôi giã biệt chiếc thuyền man đại bản thiêu để đổ bộ vào rừng theo một con đường mòn che khuất trong cái tranh tối tranh sáng xanh rờn và ẩm ướt, thi thoảng một đôi chỗ được tia sáng mặt trời rọi qua kẽ lá từ tí tấp ngọn cây lá cành sum sê đan cài vào nhau bất tận. Những thân cây đổ góm ghiếc như quỷ dữ chắn ngang đường khiến chúng tôi cứ phải vòng vo tìm lối. Cả một đoàn xe điện ngầm có lẽ cũng chui lọt dễ dàng thoải mái trong những hốc cây trống rỗng ấy.

Tới một lúc, ánh sáng òa xuống, đó là khi chúng tôi đã đến một khoảng đất trống, nhưng lại phải leo, phải thêm một cố gắng nữa. Lên tới đỉnh đồi, nhìn bao quát khu rừng mù mịt bạt ngàn, nhấp nhô những ngọn cây vàng, đỏ, xanh, chen lẫn núi đồi, rừng cũng chứa chan tràn ngập như trời như nước. Tôi được chỉ cho biết người mà chúng tôi đang tìm kiếm còn ở hơi xa... trong một cái thung nhỏ bên kia. Hẳn đang chờ chúng tôi ở đó.

Giữa hai tảng đá lớn, hẳn dựng một cái lều làm chỗ trú ẩn những cơn lốc

từ phía đông thối tới, những cơn lốc dữ nhất, tàn phá nhất. Tôi rất muốn chấp nhận đó là một lợi thế, nhưng cái lều này thì chắc hẳn phải thuộc loại tiêu tụy mạt hạng, một chỗ ở chỉ còn là lý thuyết, tả tơi tả tã. Tuy đã hình dung trước một nơi ở na ná thế, nhưng thực tế còn vượt xa mọi dự kiến của tôi.

Có lẽ tôi đã làm cho anh bạn thấy mình hoàn toàn cảm cảnh với anh ta, nên anh ta khá đột ngột kéo tôi ra khỏi những suy tư.

- Thôi nào, anh bạn, dẫu sao thì ở đây vẫn đỡ tồi tệ hơn trong chiến tranh chứ! Dù thế nào thì ở đây còn tự xoay xở được! Ăn tời, cái đó đúng, và uống toàn nước bùn thật sự, nhưng ngủ thì anh thả sức muốn ngủ đến bao giờ cũng được... Không có đại bác đâu, anh bạn ơi! Đạn súng trường cũng không nốt! Tóm lại là đáng việc đấy chứ!

Giọng hẳn ta hơi giống giọng lão tổng đại lý, nhưng hai con mắt thì nhợt nhạt như mắt Alcide.

Tay này dễ suýt soát ba mươi, râu rậm... Tôi chưa kịp nhìn kỹ hẳn ta, vì đến nơi thì còn mãi bận tâm với cái nghèo nàn trong nơi ăn chốn ở mà hẳn sắp bàn giao cho tôi, và tôi sẽ phải trú ngụ ở đó, có thể là nhiều năm nữa... Nhưng rồi sau đó, quan sát hẳn, tôi thấy một khuôn mặt rõ ràng là phong trần, một khuôn mặt rất gai góc và thấy cả một trong những cái đầu nổi loạn lao thẳng vào cuộc sống một cách quá ư quyết liệt thay vì chỉ có lẩn lộn trên đó, một khuôn mặt với cái mũi tròn và cặp má đầy xệ, lúc nào cũng ba hoa chửi số phận. Anh chàng này hẳn là một con người khốn khổ đây.

Tôi trả lời:

-Đúng thế, không có gì tồi tệ hơn chiến tranh!

Tôi nghĩ, thế cũng đủ cho những lời tâm sự rồi, nên không có ý muốn nói gì thêm nữa. Nhưng chính hẳn lại vẫn tiếp tục cái chủ đề ấy:

-Nhất là, đến nay người ta đã kéo quá dài những cuộc chiến tranh... Nhưng này, rồi anh bạn sẽ thấy nơi đây cũng không kỳ cục gì lắm đâu, tất cả chỉ thế thôi! Chẳng có gì mà làm... Y như đi nghỉ hè ấy... Có điều là nghỉ hè ở đây nó là thế đấy, phải không! Mà cũng còn tùy theo cảnh vật, tớ chẳng nói được gì hơn đâu...

-Thế còn nước uống? tôi hỏi, vì thấy cái thứ nước vừa rót vào cốc của mình mà lo, nó vàng vàng, nhấp vào miệng đã thấy buồn nôn, nó cũng nóng như nước ở Topo. Thứ nước đã đóng cặn trong bình đến ngày thứ ba. Thế là cái khốn khổ về nước lại bắt đầu. - Nước uống đây ư?

-Ừ, ở đây chỉ có nước như thế và nước mưa... Có điều là, trời mà mưa xuống thì cái lều này không chống đỡ được mấy chốc đâu. Cậu đã thấy cái lều này ra sao rồi chứ?

Tôi thấy rồi.

Hắn tiếp:

-Còn thức ăn thì chỉ toàn đồ hộp thôi. Tớ đã ngốn suốt một năm nay... Chẳng vì thế mà chết đâu! Nghĩ theo cách nào đó thì như thế lại đơn giản mà cũng chẳng hại gì đến cơ thể; dân bản xứ họ còn tọng cả sắn mốc nữa, đó là việc của họ, họ thích thế... Đã ba tháng nay tớ trả lại tất... Ỉa tháo tởng mà. Cũng có thể cả sốt rét nữa; tớ bị cả hai... Cứ khoảng năm giờ là tớ thấy rõ lắm... Vào lúc ấy là tớ biết mình lên cơn sốt, vì cái nóng ở đây thì khó mà phân biệt cái nóng trong người với cái nóng do khí hậu địa phương!... Hễ chừng nào thấy gai gai rùng mình thì đó là dấu hiệu báo cho anh biết sốt rét nó bắt đầu hành đấy... Biết được thì cũng bớt lo lắng... Nhưng cũng còn tùy bản chất từng người... Có người uống rượu cho lại sức, nhưng tớ thì không thích rượu... Tớ không chịu được...

Tay này hình như rất quan tâm đến cái cậu ta gọi là “bản chất”.

Thế rồi, trong khi còn đó, hắn cho tôi biết thêm một vài tình hình khá hấp dẫn:

-Ngày thì nóng, nhưng đến đêm thì khó chịu nhất là các thứ tiếng động... Không thể tưởng tượng. Những con vật nhỏ bé ở cái nơi khi ho cò gáy này đêm đêm săn đuổi nhau để làm tình hay ăn thịt nhau tớ chẳng biết được, chỉ thấy người ta bảo thế... Rúc ra rúc rích, gầm gừ chồm chồm... Cứ là ồn ỉ suốt đêm! Nhưng ồn nhất là lũ linh cẩu vẫn... Những con này mò đến tận sát lều mình đấy... Rồi cậu sẽ thấy... Cậu sẽ không nghe lầm đâu... Nó không giống như tiếng muỗi rừng vo ve đâu ^[83*]... Đôi khi cũng có thể lầm với tiếng chim

hoặc tiếng ruồi muỗi... Cái đó thường xảy ra... Lũ linh cầu chúa tể đấy... Nó hít hít đánh hơi để thịt cậu đấy... Thấy được hơi thịt là chúng nó rúc rích với nhau!... Chúng nó cuống cào kê lên tìm cách đánh chén cậu đấy!... Chúng nó càng thích các loại thịt ôi thối!... Người ta bảo rằng có thể nhìn thấy những con mắt sáng lấp lánh của chúng nó... Chúng nó thích thịt thối... Tớ thì tớ chẳng nhìn vào mắt chúng nó... Tớ biết rõ những cái đó lắm...

Tôi trả lời:

-Nơi này lạ lùng nhỉ!

Nhưng chưa phải đã hết những chuyện thú vị trong đêm đầu. Cậu ta nói thêm:

-Lại còn cái làng này nữa chứ... Trong làng chẳng có đến một trăm mống da đen, nhưng cứ loạn cả lên như thể đông hàng vạn, nhất là các mụ!... Cậu cũng có thể sẽ kể được lắm chuyện về đám này! Trời! nếu cậu định tìm đến thuộc địa để mà nghe tiếng trống thì cậu đã không làm đâu! Bởi vì ở đây, có trăng thì người ta cũng có cơ để khua trống, mà không có trăng thì cũng thế... Người ta bảo để mà chờ trăng... Thế là cái gì cũng có thể là lý do để khua trống! Có lẽ phải nói rằng họ phụ họa với những con vật kia để quấy rầy cái thịt thối của cậu! Tớ muốn nói rằng để chúng thịt luôn cậu! Tớ mà không mệt thì tớ tấn cả lũ chúng một trận ra trò... Nhưng tớ lại thích nhét bông vào lỗ tai hơn... Dạo trước trong tủ thuốc tớ còn có va-dơ-lin thì tớ thãm nó vào bông, nhưng bây giờ tớ phải thãm nhựa chuối. Cái món nhựa chuối cũng hay ra phết... Có cái món ấy rồi thì mặc cho lũ tóc xoắn có khoái trá vì động cồn gọi đến sấm sét nhà trời xuống cũng mặc! Tớ cóc cần vì đã có bông thãm nhựa chuối rồi! Tớ chẳng còn nghe thấy gì cả! Rồi thì cậu sẽ biết ngay cái lũ mọi đen thôi, một lũ chết dẫm thối rửa cả!... Ban ngày, chúng nó ngồi châu hầu, tưởng như chỉ có thể đứng lên đái ướt dẫm cái thân cây, nhưng rồi màn đêm vừa buông xuống là chúng nó sẽ cho cậu thấy! Tất cả biến thành suy đồi, điên khùng, cuồng loạn! Từng mảnh đêm cũng chuyển thành cuồng loạn! Thế đấy, lũ mọi đen là thế đấy, tớ nói cho cậu biết! Tóm lại, đó là một lũ tởm lợm, lũ thoái hóa!

-Thế họ có thường đến mua đồ của cậu không?

-Mua ấy à? Chà! cậu hãy nhận lấy cho rõ! Phải lấy của lũ ấy trước khi chúng nó lấy của mình, buôn bán là thế cả! Hơn nữa đối với tớ, khi hai tai đã nhét đầy bông thấm đẫm nhựa chuối rồi thì chẳng đứa nào quấy rầy được tớ trong đêm hôm nữa! Càng làm bộ làm tịch thì càng lòi đuôi ra, phải không nào? Và rồi, như cậu thấy đấy, lều của tớ cũng chẳng có cửa rá gì, chúng nó tha hồ khua khoắng, có thể nói là thế... Đối với chúng nó thì chỗ này thật béo bở...

Tôi hỏi hẩn trong khi sững sờ trước những chi tiết đó:

-Nhưng mà này, còn bản kiểm kê đâu? Lão Tổng giám đốc dặn kỹ tớ là đến nơi phải lập tức làm kiểm kê, mà làm thật tỉ mỉ!

Cậu ta trả lời tỉnh bơ:

-Đối với tớ thì lão Tổng giám đốc tớ chẳng coi là cái cứt gì... Tớ lấy danh dự mà nói với cậu như thế...

-Nhưng rồi thế nào mà cậu chẳng qua Fort-Gono và gặp lại lão ta?

-Tớ sẽ chẳng bao giờ thấy lại cả Fort-Gono lẫn lão Tổng giám đốc... Khu rừng này lớn lắm anh bạn nhỏ ơi...

-Vậy cậu sẽ đi đâu?

-Nếu họ có hỏi thì cứ trả lời rằng cậu không biết gì hết! Nhưng vì cậu đã có ý tò mò, thì trong khi còn thời gian, để tớ cho cậu một lời khuyên, kỳ lạ nhưng mà tốt đấy! Hãy quăng mẹ nó đi các công việc của cái “Công ty Pordurière”, như nó đã quăng cậu đến đây và nếu cậu tếch được mau như nó đã vấy cứt vào cậu thì chắc chắn là cậu sẽ giật “Giải Quán quân” đấy! Cậu hãy lấy làm mừng rằng tớ còn để lại cho cậu được ít tiền lương và cũng đừng đòi hỏi gì hơn ở tớ!... Đối với các thứ hàng hóa, nếu quả là lão ấy giao cho cậu trông nom... Cậu cứ trả lời lão giám đốc rằng chẳng còn đếch gì cả, tất cả là thế thôi!... Nếu lão ta không chịu tin cậu, thì cũng chẳng có gì là quan trọng lắm đâu!... Họ đã định ninh coi chúng mình là một lũ ăn cắp, bằng mọi cách! Cái đó sẽ chẳng có gì thay đổi trong dư luận xã hội và một khi cái đó lại đem lại chút ít cho mình... Hơn nữa, lão giám đốc thì cậu đừng ngại, lão ta

giỏi mưu mô hơn ai hết và chẳng cần phải phản bác làm gì! Ý kiến tớ là thế đấy! Có phải ý cậu không? Chúng ta đã biết rõ rằng muốn đến nơi này thì phải sẵn sàng giết cả cha cả mẹ, phải thế không? Sao nào?...

Tôi không chắc lắm rằng tất cả những cái hăn vừa kể đó là sự thật, nhưng phải chăng thằng cha tiền nhiệm của tôi có ý gây cho mình một ấn tượng tức thì về một đứa tham tàn hung bạo.

Lúc ấy tôi không còn yên tâm được nữa. Tôi nghĩ bụng: “Mình lại rơi vào một trò tồ tệ đây”, và càng lúc ý nghĩ ấy càng mạnh trong tôi. Tôi thôi không trò chuyện với tên bất nhân này. Trong một góc lều, tôi chợt thấy tung tóe những thứ hàng có lẽ hăn ta định bỏ lại cho tôi, những mảnh vải bông chẳng đáng gì... Nhưng, ngược lại, cũng có những chiếc quần xà lỏn, hàng tá bút tất, những hộp hạt tiêu, những chiếc đèn con, một cái bốc để thụt rửa, và nhất là một khối lượng không chê được những hộp thịt ra-gu nấu đồ theo kiểu Booc-đô, cuối cùng là một tấm bưu ảnh: “Quảng trường Clichy”.

- Gần cái cột, cậu sẽ thấy đồng cao su và ngà voi tớ mua của bọn mọi đen... Ban đầu thì tớ cũng khó chịu, nhưng rồi, à này, cậu cầm lấy ba trăm... Tiền của cậu đây...

Tôi chẳng hiểu là tiền gì, nhưng cũng không buồn hỏi lại hăn.

- Có lẽ cậu sẽ có vài vụ hàng đổi hàng nữa, vì ở đây cậu nên biết rằng người ta chẳng cần gì đến tiền đâu. Tiền chỉ dùng để mà tếch thôi...

Và hăn ta cười hô hố. Không muốn để hăn phật lòng, tôi cũng phải cười cho hăn tưởng như mình ăn ý với hăn lắm.

Bất chấp cái cảnh cùng quẫn mà hăn phải hãm mình trong đó đã từ nhiều tháng, hăn vẫn được săn sóc bởi một đám đầy tớ rất hỗn tạp, chủ yếu là bọn nhóc con, lúc nào cũng sẵn đón phục vụ hăn, lúc thì lấy cái muôi duy nhất, lúc thì cái cốc vô song, hoặc giả là nhể những con rận nhỏ li ti cắn sâu trong gan bàn chân hăn. Bù lại, chốc chốc hăn lại thọc tay vào háng mấy đứa nhóc làm cái việc không cần đòi công sá gì cả. Việc nặng nhọc nhất tôi thấy được ở hăn, là việc gãi ghẻ, giọng như tay bán hàng ở Fort-Gono, với một sự lanh lẹ tuyệt vời, rõ ràng chỉ thấy được ở các thuộc địa.

Đồ đạc hẳn giao lại cho thấy tất cả sự khéo tay đã biến những chiếc hòm xà phòng gãy nát thành những chiếc ghế tựa, những chiếc xích đu, cả những chiếc ghế xa-lông nữa. Thằng cha bí hiểm ấy còn chỉ cho tôi biết cách lấy mũi chân đá một cái thật nhanh thật mạnh hất hẳn ra xa những con sâu sặc sỡ nặng nề đang kéo nhau run rẩy rai rớt leo vào tấn công túp lều của chúng tôi. Nếu vô phúc giẫm phải nó thì eo ôi! cứ gọi là tám ngày không hết mùi thối cực kỳ xông ra từ cái xác nát nhừ của nó. Không biết hẳn đọc được ở đâu người ta nói rằng giống sâu này thuộc loài động vật cổ nhất trần đời. Hẳn cho rằng chúng xuất hiện từ giai đoạn hai của kiến tạo địa tầng! “Không biết loài người mà cũng sống dai được như giống sâu ấy thì liệu chúng mình có thối rữa như nó không nhỉ?” Thế nào nên thế.

Những lúc nắng quái chiều hôm ở cái địa ngục châu Phi này mới càng bộc lộ cái phi thường của nó. Không còn trốn vào đâu được. Bị thảm như thế những vụ giết người ghê gớm của mặt trời. Một sự hào nhoáng mênh mông vô hạn. Họa chăng chỉ người duy nhất nào đó mới thấy ra những điều kinh ngạc. Trong một tiếng đồng hồ, ông trời thao diễn từ đầu này sang đầu kia, cuồng nhiệt phóng ra những tia đỏ chói, và rồi cái màu xanh ánh rực lên giữa các chòm cây và rọi những vệt sáng lung linh từ mặt đất lên tới tận các vì sao mọc sớm. Sau đó là màu xám chiếm lấy tất cả chân trời rồi lại màu đỏ nhưng cũng yếu đi dần và không còn đọng được lâu nữa. Một ngày ở đây kết thúc như thế đấy. Tất cả mọi màu sắc rơi lá tả xuống, một mối uế oải trên khu rừng này như những tấm giẻ rách tả tơi hàng trăm nghìn mảnh. Ngày nào cũng thế, cứ vào lúc sáu giờ là cảnh ấy lại diễn ra.

Và đêm tối lại vào cuộc với tất cả lũ ma quỷ của nó, giữa những tiếng kêu của hàng nghìn, hàng nghìn những con ếch ương chẫu chuộc.

Rừng cũng chỉ chờ có thế, chờ hiệu lệnh của những con ếch ương chẫu chuộc ấy mà rung lên, gào rít, khuấy đảo tất cả mọi chiều sâu của nó. Một sân ga ái tình khổng lồ, tối om, đầy ních đến vỡ bung ra. Những cái cây toàn thân phị ra và những cuộc nhậu nhẹt náo nhiệt, những vụ cương cứng bị cắt xẻo, những cái tởm lợm. Cuối cùng thì trong lều, hai đứa chúng tôi cũng không

còn hợp ý được với nhau nữa. Đến lượt tôi phải gào lên quá mặt bàn như mèo gào để cho hẳn hiểu mình là thế nào. Tôi đã từng làm nghĩa vụ quân sự, tôi là một kẻ không thích chiến trường.

- Tên cậu là gì nhỉ? Có phải cậu vừa nói với tớ rằng cậu là Robinson không? tôi hỏi hẳn.

Thằng bạn còn đang mãi miết nhắc lại chuyện dân bản xứ ở mấy vùng quanh đây đau ốm ê chề vì đủ thứ bệnh tật và những kẻ khốn khổ ấy không còn làm sao mà tính đến chuyện buôn bán gì nữa. Trong khi chúng tôi trò chuyện về dân da đen thì từng đàn ruồi muỗi, côn trùng to tướng bay vo ve bám đen mấy ngọn đèn, đến mức chúng tôi đành phải tắt hết.

Một lần nữa, trước khi tắt đèn, tôi còn thấy khuôn mặt tay Robinson này mờ ảo sau tấm màn côn trùng. Có lẽ vì thế mà nét mặt hẳn càng hẳn sâu hơn vào trí nhớ của tôi, chứ không như trước đó nét mặt ấy không gợi được cho tôi cái gì rõ rệt cả. Trong bóng tối, hẳn tiếp tục chuyện trò trong khi tôi lục tìm trong quá khứ của mình, qua giọng nói của hẳn như một tiếng gọi cửa, trong năm nào, tháng nào, ngày nào đó, để tự hỏi xem đã gặp con người này ở đâu đây. Nhưng tôi không tìm ra được gì cả. Không ai trả lời cho tôi. Có thể lạc lối nếu cứ dò dẫm giữa những khuôn hình đã qua. Thật dễ sợ khi gặp những việc và những người không còn động đậy trong quá khứ của mình. Trong những hốc sâu thời gian, người ta dễ lầm lạc những người sống đang ngủ say với người chết mà bóng tối đã làm lẫn lộn.

Không còn biết được ai già đi khi tỉnh dậy, những người sống hay người chết.

Tôi tìm cách đoán nhận ra tay Robinson này khi những tiếng cười gằn quá xá trong đêm chưa khuya lắm khiến tôi phải giật mình. Và tiếng cười lại im bật. Có thể là hẳn báo cho tôi biết những con linh cầu vẫn đang mò đến.

Và rồi chẳng có gì ngoài đám dân da đen trong làng với những tiếng trống của họ, cái tiếng gõ đơn điệu vào khúc gỗ rỗng như tiếng gió lùa tổ mối.

Nhưng chính cái tên của Robinson lại quấy rầy tôi hơn cả, và càng lúc càng rõ hơn. Chúng tôi quay sang nói chuyện với nhau trong bóng tối về châu

Âu, về những bữa ăn được phục vụ ở bên đó khi có tiền và lại cả nhậu nữa! Khá là tươi mát! Chúng tôi không nói gì đến chuyện hôm sau mà tôi sẽ phải ở lại một mình, tại đó, có thể là nhiều năm không chừng, ở đó với những hộp “ra-gu nấu đồ”... Liệu có phải chọn lựa chiến tranh nữa không? Chắc chắn là sẽ tồi tệ hơn. Rất tồi tệ!... Bản thân hăn ta cũng chấp nhận như thế... Hăn cũng đã từng tham gia chiến tranh... Tuy vậy hăn sẽ từ già nơi này... Dù sao hăn đã quá ngán rùng rú... Tôi đang cố kéo hăn trở lại đề tài chiến tranh. Nhưng hăn né tránh.

Cuối cùng, vào lúc hai chúng tôi mỗi đứa nằm một góc của cái lều tồi tàn lợp lá và ngăn vách này, hăn thú thật với tôi không cần phải úp mở gì cả, rằng hăn đã cân nhắc kỹ, thà rằng có thể bị truy tố ra một tòa án dân sự về tội bán thốc bán tháo những đồ mua quít còn hơn là kéo dài mãi cuộc sống với “ra-gu nấu đồ” mà hăn đã phải chịu đựng ở đây từ gần một năm nay. Tôi đã hiểu sự thế thế nào rồi.

Hăn vẫn còn hỏi tôi:

- Sao, cậu vẫn chưa có bông nhét lỗ tai à? Không có bông thì cậu cứ rút luôn mấy sợi bông ở cái chăn đắp rồi tẩm nhựa chuối. Vê nó lại thành cục nhỏ, tốt chán... Tớ là không chịu được tiếng gào rống của lũ độc ác ấy!...

Trong cái huyền não ấy có đủ hết cả, nhưng hăn ta chỉ nhấn vào những kẻ độc ác, một từ ngữ đã không sát nghĩa mà lại có ý vơ đũa cả nắm.

Tôi bỗng có cảm giác là cái trò nhét bông lỗ tai của hăn ẩn giấu một mưu mẹo bí ối gì đây. Tôi không nén được sự ám ảnh bởi nỗi sợ hãi rằng hăn đang khởi sự một cuộc ám sát mình ngay trên cái giường gấp này, trước khi hăn chuồn với những gì còn lại trong quỹ... Ý nghĩ ấy làm tôi choáng váng. Nhưng làm gì bây giờ? Réo gọi lên à? Gọi ai? Gọi những kẻ ăn thịt người trong làng ư?... Mất tích? Sự thật thì tôi đã gần là thế rồi! Ở Paris, không tài sản, không nợ nần, không có gì thừa hưởng, người ta đã khó mà tồn tại và thật đau khổ là không được coi là mất tích... Thế mà ở đây? Liệu có ai tự dẫn thân đến tận Bikomimbo này chỉ để khắc nhổ một cái xuống nước, không hơn, để làm vui cho cái ký ức của tôi? Tất nhiên chẳng có ai cả.

Những giờ phút trôi qua với những ngời nghỉ và những lo âu. Hẳn ta không ngáy. Tất cả những tiếng động, tiếng kêu từ trong rừng vắng ra làm cho tôi không lắng nghe được tiếng thở của hăn. Khỏi cần đến bông. Nhưng cuối cùng thì chỉ nội cái tên Robinson cũng buộc tôi phát hiện dần ra một thân hình, một dáng người, một giọng nói mà tôi đã từng biết... Và rồi khi tôi sắp thiêu thiêu ngủ thì như thấy sừng sững trước giường tôi toàn thân thẳng cha ấy, ký ức của hăn tôi hiểu rõ lắm, tất nhiên không phải gá này mà là ký ức của Robinson, con người ở Noireur-sur-la-Lys, chính hăn, ở đó, ở vùng Flandres, mà tôi đã đi cùng hăn trên những bờ sông trong cái đêm hai đứa cùng nhau kiếm tìm một lỗ nào có thể thoát ra khỏi chiến tranh, và rồi vẫn hăn sau đó ở Paris ... Mọi cái đã tái hiện... Những năm tháng vừa mới trôi qua cùng tái hiện một lượt. Tôi thật đau đầu, mệt óc... Đến lúc này, tôi đã biết, tôi đã phát hiện ra hăn thì lại càng không nén được nỗi sợ hãi. Liệu hăn có nhận ra tôi không? Dù sao thì hăn cũng có thể trông cậy vào sự im lặng và đồng lõa của tôi.

- Robinson! Robinson! tôi lên tiếng gọi với giọng bỗ bã như muốn báo cho hăn một tin vui. Ê này anh bạn! Đây Robinson!...

Không có tiếng trả lời. Tim tôi đập mạnh. Tôi nhòe dậy và sẵn sàng nhận một đòn hiểm vào bụng... Chẳng có gì cả... Thế là, mạnh bạo hăn lên, tôi cứ liều mò mẫm sang tận góc lều bên kia, nơi tôi đã thấy hăn nằm. Nhưng hăn đã cút rồi.

Tôi ngồi chờ sáng, thỉnh thoảng đánh một que diêm. Một ngày mới đã bắt đầu, trong vầng sáng bất thần ào tới, và rồi đám đầy tớ da đen hơn hờ kéo nhau đến để hiến cho tôi cái vô tích sự to lớn của họ, tuy nhiên cũng phải thấy rằng họ vui vẻ. Họ đã cố làm cho tôi biết thế nào là vô tư lự. Bằng những cử chỉ có suy nghĩ kỹ, tôi cũng cố làm cho họ hiểu rằng việc Robinson biến mất đang gây lo phiền cho tôi đến thế nào, nhưng họ có vẻ như chẳng mảy may bận tâm chuyện đó. Kể thì cũng điên rồ, sờ sờ trước mắt không lo lại lo những chuyện đâu đâu. Tóm lại, với tôi, điều đáng tiếc nhất trong chuyện này là cái quỹ. Mà thông thường thì có mấy khi thấy lại được những

kẻ đã cuôm đi cả quỹ bạc... Tình hình đó khiến cho tôi coi như Robinson sẽ từ bỏ việc quay lại chỉ để mà giết tôi. Chỉ một cái ấy cũng đủ thắng lợi rồi.

Vậy là phong cảnh này thuộc về một mình tôi! Tôi nghĩ, từ nay mình sẽ có đủ thời gian để trở lại với nó, cả bề mặt lẫn bề sâu, tất cả cái vùng bao la lá rừng, cả cái đại dương đỏ thắm, vân vàng, những đồng muối rực sáng, hẳn là tuyệt diệu với những ai yêu thiên nhiên. Còn tôi thì dứt khoát là không thích. Tôi chán ngấy cái thi vị Xích đạo. Nhìn và nghĩ đến bức tranh tông thế ấy chỉ làm cho tôi liên tưởng đến những miếng cá ngừ thôi [84*]. Ai muốn nói gì thì nói, nơi này mãi mãi là xứ sở của ruồi muỗi, cọp beo thôi. Mỗi loài có chỗ ở cho nó.

Tôi muốn trở về cái lều của mình để dựng nó lại cho chắc phòng cơn bão có thể không lâu nữa sẽ đến. Nhưng chuyện này cũng vậy, tôi đành từ bỏ khá mau công việc gia cố. Thật là vô vị, bởi vì cái cấu trúc này chẳng những có thể sụp đổ mà còn không thể dựng lại được nữa, cái mái rạ đã bị mối xông tơi tả, ngay cả việc biến nó thành một cái nhà đá cho ra hồn cũng rõ ràng là không ai muốn làm rồi.

Sau khi uể oải dạo quanh vài vòng trong rừng, tôi đành quay về ngả lưng và nằm im lặng, vì trời nắng. Vẫn là nó. Mọi vật đều câm lặng, mọi vật đều sợ bị cái nắng giữa trưa thiêu đốt, vả lại chẳng làm gì cả thì cỏ cây, muông thú và con người cũng cứ nóng ran lên. Đó là chứng bệnh ứ máu đúng ngo.

Con gà con của tôi, con gà duy nhất, cũng sợ cái nóng vào giờ này, nó cũng theo tôi về, nó là con độc nhất do Robinson trao lại cho tôi. Con gà ấy sống với tôi như thế trong ba tuần lễ, theo tôi đi dạo như một con chó, bất cứ chuyện gì cũng cục cục, đến chỗ nào cũng thấy rần. Một hôm buồn phiền ghê quá, tôi làm thịt con gà. Nó chẳng còn mùi vị gì, thịt nó bị phơi nắng mất màu, bệch ra như mảnh vải trúc bầu. Có lẽ vì nó mà tôi đổ bệnh. Thì ít nhất cũng là sau hôm ăn thịt nó tôi không còn gượng dậy được. Đến trưa, dầm dề ra, tôi lết đến cái hộp nhỏ đựng thuốc. Trong hộp chỉ còn có thuốc đỏ và một cái bản đồ Bắc-Nam. Khách khứa chẳng có ma nào mò đến cửa hàng, chỉ toàn những tay da đen hiếu kỳ, luôn tay chỉ trỏ làm điệu bộ, mồm không

ngừng nhai hạt cô la, khiêu dâm và sốt rét. Lúc này họ quây lại quanh tôi, có vẻ như bàn tán với nhau về bộ mặt thiếu não của tôi. Đau ốm, tôi đau ốm thật sự, đến mức không còn muốn dùng đến hai chân mình nữa, buông thõng nó xuống cạnh giường như muốn quăng đi, thật khôi hài.

Những tay chạy thư từ Fort-Gono, từ chỗ lão Giám đốc, chỉ mang đến cho tôi những lá thư ngập ngụa những lời sỉ vả, mắng nhiếc, và cả đe dọa nữa. Tất cả những kẻ buôn bán tự coi là chuyên nghề xảo trá dù lớn dù nhỏ, trong thực tế lại thường tỏ ra là những kẻ hớ hênh không gì hơn. Mẹ tôi, từ bên Pháp, khuyên tôi giữ gìn sức khỏe, như hồi trong chiến tranh. Đút đầu vào máy chém rồi mà có lẽ mẹ vẫn rầy la tôi quên quàng khăn vào cổ. Mẹ không bỏ lỡ dịp nào mà không cố làm cho tôi tin rằng thiên hạ hiền lành cả và chính vì mẹ đã ăn ở phúc đức nên mới sinh được ra tôi. Đó là cái mọo lớn của sự chênh mảng trong tình mẹ con, vốn đã được giả định rằng thiên chức của bà mẹ là chăm sóc gia đình. Vả lại cũng thật dễ cho tôi khỏi phải trả lời những chuyện tào lao của cả ông chủ và của bà mẹ tôi và tôi đã chẳng bao giờ trả lời cả. Có điều là thái độ ấy cũng không cải thiện gì được tình hình.

Robinson đã ăn cắp gần hết tất cả những gì chứa đựng trong cái cơ ngơi mảnh dẻ này, nhưng nếu tôi có nói thì liệu ai tin? Viết ra ư? Được tích sự gì? Viết cho ai? Cho lão chủ à? Chiều chiều cứ đến năm giờ là đến lượt tôi lại run lên bần bật vì những cơn sốt rét dai dẳng, cái giường của tôi lắc la lắc lư như một chiếc rờ.

Những người da đen trong làng chẳng còn rụt rè khách sáo gì, cứ việc xông vào lều muốn làm gì thì làm; tôi không mời họ, nhưng xua họ ra thì cũng mất nhiều công. Họ cãi nhau, tranh giành những gì còn lại trong cửa hàng, gõ gõ vào những thùng đựng thuốc lá, thử mấy cái quần xà lỏn còn sót lại, ướm vào cởi ra rồi lại ướm vào, cứ như là cái cửa hàng này đã tan tác. Cao su quăng đầy ra đất, mủ cao su bám cả vào mấy quả dưa rừng, mấy quả đu đủ nhạt nhẽo như mùi táo ửng, mà mười lăm năm sau tôi vẫn còn lợm giọng khi nhớ đến nó.

Tôi cố thử hình dung xem mình rơi vào trạng thái bất lực đến mức nào mà

cũng không được. Trước lúc biến mất, Robinson đã ba lần nhắc tôi rằng: “Đứa nào cũng ăn cắp hết!”. Và đó cũng là ý kiến của lão Tổng đại lý. Trong cơn sốt rét, những từ đó càng ám ảnh tôi. Hẳn ta còn bảo tôi: “Cậu phải xoay sở lấy thôi”... Tôi cố gượng dậy. Cũng không được nốt. Cái thứ nước đục ngầu, chỉ còn là nước cặn, tòi tệ nhất, nhưng hẳn nói đúng, đành phải đổ vào mồm thôi. Bọn trẻ con da đen đem đến cho tôi khá nhiều chuối, những quả to, mập và chín ửng, và cả những quả đu đủ đó nữa, nhưng tôi đau bụng đến khổ sở vì tất cả những của ấy! Có lẽ tôi nôn tháo ra cả trái đất này!

Liền ngay khi tôi thấy trong người khá hơn, tỉnh táo hơn, cũng là lúc ló ra nỗi lo không biết phải báo cáo thế nào với cái “Công ty Pordurière” này đây. Tôi phải nói ra sao với những con người bỏ bùa mê thuốc lú ấy? Họ tin mình thế nào đây? Chắc chắn là họ sẽ bắt giữ mình! Ai sẽ xét xử mình? Những kẻ được đặc biệt trang bị những thứ luật pháp ghê rợn không biết họ đem ở đâu về, giống như cái Tòa án binh, nhưng họ không bao giờ cho anh biết những mục tiêu thật sự là gì và họ thỏa thích trước việc bắt anh phải vãi máu ra mà leo cái dốc thẳng đứng bên trên địa ngục, con đường dẫn những kẻ nghèo khó đến chỗ chết. Luật pháp của họ chỉ là cái “Công viên Hằng Nga” vĩ đại [85*] của nỗi đau đớn mà thôi. Khi những kẻ khốn khổ đã sa vào cái luật pháp ấy thì tiếng kêu van của họ sẽ còn âm vang trong nhiều thế kỷ sau này.

Chẳng thà tôi cứ chịu cái cảnh sốt li bì ở đó, run lên bần bật, dãi ướt đầy người, trong cái nóng 40 độ, còn hơn là tỉnh táo để mà hình dung ra được cái gì đang chờ đợi tôi ở Fort-Gono. Tôi đã đi đến chỗ không thèm uống kí ninh nữa để cho bệnh sốt rét che lấp cuộc đời mình đi. Hãy say sưa với cái mình có. Trong khi tôi đang hun nóng mình như thế, trong nhiều ngày, nhiều tuần, thì diêm cũng cạn dần. Diêm ở đây hiếm lắm.

Robinson chỉ để lại cho tôi có món “ra-gu nấu đỗ theo kiểu boóc-đô”. Nhưng tôi cũng đã ói mửa ra nhiều hộp ra-gu ấy. Mà muốn nuốt được ra-gu thì phải hâm nóng nó lên.

Khan hiếm diêm lại là dịp cho tôi có được một trò giải trí nho nhỏ: nhìn anh bếp của tôi nhóm lửa bằng hai hòn đá đánh vào giữa mấy nắm cỏ khô.

Thấy anh ta làm, mình cũng nảy ra ý nghĩ làm theo.

Vượt qua được nhiều cơn sốt và việc nảy sinh cái ý nghĩ này khiến tôi vững lòng kỳ lạ. Xưa nay tôi vốn vụng về, nhưng chỉ một tuần ứng dụng tôi cũng đã có thể lấy lửa bằng hai hòn đá nhọn y như một người da đen. Tóm lại tôi đã bắt đầu tự xoay xở theo cách người nguyên thủy. Cái chính là có lửa đã, đành rằng còn chuyện săn bắt, nhưng tôi chưa có tham vọng về chuyện đó. Đối với tôi lấy được lửa từ đá đã là đủ rồi. Ngày tiếp ngày, tôi chỉ làm có thế. Còn chuyện lấy chân đá hất những con sâu róm “giai đoạn hai” thì tôi kém cỏi hơn. Tôi vẫn chưa đạt được kết quả trong cái trò này. Tôi đã giẫm nát nhiều con sâu. Tôi nản chí. Đành để cho chúng bò vào trong lều như lũ bạn. Liên tiếp hai trận mưa giông lớn, trận thứ hai kéo dài suốt ba ngày, nhất là về đêm. Thế là được uống nước mưa hứng vào bi đông, cũng âm ỉ đấy, nhưng đành thế thôi... Đồng vãi trong cái kho con con mủn ra dưới những trận mưa xối xả khiến cho lớp nọ dính bết vào lớp kia trở thành thứ hàng nhợ nhớp kinh người.

Đám người da đen tốt bụng kiếm cho tôi những bó dây rừng để cột lại cái lều, nhưng chỉ uống công, vì lá lợp vách, chỉ một cơn gió nhẹ cũng đã hất cả lên mái, vỡ phành phạch như những cánh chim phải đạn. Đành chịu thế thôi. Nhưng cũng vui được với nhau.

Đám da đen, trẻ con cũng như người lớn, rõ ràng là họ sống hoàn toàn thân mật với tôi trong cơn bại hoại này. Họ vui vẻ. Một cuộc tiêu khiển lớn. Họ ra vào nhà tôi (nếu có thể gọi là nhà) tùy thích. Tự do. Chúng tôi làm hiệu để hiểu nhau. Giá mà không bị sốt rét có lẽ tôi đã để công học tiếng của họ. Tôi ít thì giờ quá. Còn về món lửa lấy từ đá, tuy tôi có tiến bộ, nhưng vẫn chưa nhóm được lửa theo cách rất hay, rất nhanh của họ. Tôi còn bị nhiều tia lửa bắn vào mắt làm cho những người da đen ấy cười nhộn lên.

Những lúc không phải nằm gí vì sốt trên giường gấp hay phải đánh lửa, tôi chỉ còn lo đến việc báo cáo với “Pordurière”. Thật kỳ cục khi người ta phải vất vả tìm cách vượt qua nỗi khiếp sợ trước việc làm sáng tỏ những chuyện không bình thường. Tất nhiên là tôi vẫn nhớ nỗi khiếp sợ mà mẹ đã truyền

cho tôi:

“Đứa nào ăn cắp một quả trứng... Rồi một con bò, cuối cùng thì nó sẽ giết luôn cả mẹ nó”. Người ta khổ sở đã nhiều để cố mà giữ sạch những cái đó đi. Nhưng được dạy dỗ từ tấm bé nên những cái đó cứ gây khiếp sợ cả sau này, nhất là vào những lúc khó khăn, không biết bầu víu vào đâu. Nhu nhược làm sao! Chỉ còn biết gờ ra theo số mệnh thôi. May thay, số mệnh thì lớn vô cùng. Trong khi chờ đợi, chúng tôi, cái đại lý này và tôi, ngày càng lún xuống. Chúng tôi sắp biến vào trong lớp bùn sau mỗi trận mưa rào lại quánh hơn, dày đặc hơn. Đang mùa mưa. Cái gì hôm qua còn cứng như đá tảng thì hôm nay nhão nhoét thành bùn. Các cành cây gãy lòng thông, nước ẩm đuổi theo anh như dòng thác lũ, tràn cả vào trong lều, tràn ra khắp xung quanh như gặp một dòng sông cũ bị bỏ rơi. Mọi cái tan rữa ra thành một món hồ lổn, mọi hy vọng, mọi tính toán và cả cái bệnh sốt rét nữa, cũng bốc hơi ẩm sì. Cơn mưa mau hạt dày đặc đến mức gặp phải nó là anh đành ngậm kín miệng lại kéo nước mưa tràn vào như cái giẻ bít lấy mồm anh. Cơn hồng thủy ấy không ngăn trở được muông thú tìm đến nhau, những con sơn ca cũng ầm ỉ chẳng kém bầy chó rừng. Bữa bãi khắp nơi khắp chốn và trong con tàu, tôi Noé [86*], dầm dề cắt đứt.

Tôi thấy đã đến lúc phải kết thúc đi thôi.

Mẹ tôi không chỉ có những phương ngôn ngạn ngữ về tính lương thiện, tôi còn nhớ, khi đốt những bông băng cũ, mẹ thường bảo: “Lửa sẽ làm cho mọi cái được thanh khiết!”. Trong mọi tình huống của Số phận, ai cũng có thể tìm được ra mọi cái ở mẹ mình. Miễn là biết chọn lựa.

Thời điểm đã đến. Mấy hòn đá lửa của tôi do không chọn kỹ nên không được nhọn lắm, tia lửa yếu ớt trong lòng bàn tay. Tuy nhiên, cuối cùng thì những thứ hàng đầu tiên cũng bén lửa, mặc dầu còn ẩm ướt. Đây là mớ bít tất. Việc xảy ra sau lúc mặt trời lặn. Ngọn lửa bốc nhanh, hăng dữ. Dân bản xứ trong làng kéo nhau ra vây quanh đám cháy, bàn tán huyền thuyên. Đống cao su ở giữa do Robinson mua bây giờ bốc lửa khét lẹt khiến cho tôi không thể không nhớ đến vụ hỏa hoạn nổi tiếng ở Công ty Điện thoại, trên bến

Grenelle, mà tôi đã được đứng xem với chú Charles, người hát tình ca rất hay. Vụ đó xảy ra trước năm có cuộc Triển lãm lớn, khi ấy tôi còn rất bé. Không có gì gợi nhớ hơn là mùi cháy và ngọn lửa. Cái lều của tôi lúc đó cũng bốc mùi lên hoàn toàn giống thế mặc dầu ngấm nước, nhưng nó cũng cháy sạch cả, hoàn toàn, cả hàng hoá, tất cả. Thế là xong tất. Khu rừng được một lần im tiếng. Im lặng hoàn toàn, những con muông thú: chim cú, hổ báo, ếch nhái, chim vẹt trở cả mắt ra mà nhìn. Phải thế thì mới trở được cho chúng kinh hãi. Cũng như chiến tranh đối với chúng tôi. Bây giờ thì rừng đã có thể trở lại nhận lấy những tàn tích dưới tiếng lá rì rào xào xạc. Tôi chỉ lôi ra được có cái túi hành lý nhỏ, chiếc giường gấp, ba trăm quan và tất cả mấy hộp “ra-nau nấu đồ” than ôi! để ăn đường.

Sau đám cháy một giờ, cái lều nhỏ của tôi hầu như chẳng còn gì nữa. Mấy ngọn lửa nhỏ leo lét dưới trời mưa và vài người da đen ngơ ngác chốc đầu ngọn dáo vào những đồng tro than khơi lên cái mùi chính xác của mọi cơn nguy khốn, cái mùi nổi bật của tất cả những cơn hỗn loạn trên đời này, mùi của thuốc súng bốc khói.

Chỉ còn thời gian gấp rút tẽch khỏi nơi đây. Trở lại Fort-Gono ư? Cố đến đây mà giải thích cách cư xử của tôi và tình hình xảy ra cuộc phiêu lưu này ư? Tôi lưỡng lự... Không lâu. Chẳng phải giải thích quái gì cả. Thiên hạ chỉ biết giết anh như một kẻ đang ngủ trở mình, đè lên người anh, như một kẻ đang ngủ đè chết những con rắn trên người nó. Chắc chắn sẽ là rồ dại lao đầu vào chỗ chết, tôi tự nhủ mình như vậy. Tin cậy vào con người là tự giết dần mòn mình rồi.

Tôi quyết định, - cho dầu đang ở tình trạng như thế, cũng cứ phải lao vào khu rừng trước mặt, theo cái hướng mà Robinson đã đi với tất cả mọi tai họa.

Trên đường, tôi vẫn thường nghe rõ tiếng thú rừng, những tiếng rền rĩ, líu lo và cả những tiếng gọi bầy đàn, nhưng không nhìn thấy chúng bao giờ, mà tôi cũng chẳng tin được cái con lợn rừng bé nhỏ đã có lần làm cho mình suýt nữa đi lạc về chỗ ở cũ. Với hàng tràng những tiếng kêu, tiếng gọi, tiếng hú, cứ tưởng như chúng phải gần mình lắm, tưởng chúng lúc nhúc có đến hàng trăm hàng nghìn con. Nhưng cứ đến gần chỗ phát ra những tiếng ồn ào đó thì lại chẳng thấy ma dại nào, ngoài mấy con gà gô lưỡng vướng trong bộ lông màu xanh lơ sặc sỡ như đi dự lễ cưới và khục khục vụng về nhảy nhót từ cành này sang cành khác, tưởng như chúng vừa gặp tai nạn.

Thấp hơn, trên thảm lá mục của tầng dưới rừng, những con bướm to nặng, rung rung đôi cánh rộng với những đường viền riêm rúa như một tấm thiệp báo hỷ, còn lũ chúng tôi thì đang lội bì bõm trong lớp bùn vàng. Chúng tôi vất vả nhích từng bước, nhất là những người da đen ấy lại phải khiêng tôi trên một chiếc cang khâu bằng các bao tải. Lúc qua một nhánh sông cạn, tôi tưởng họ có thể quăng mình xuống sông. Nhưng tại sao họ không làm thế nhỉ? Về sau này tôi mới biết. Hay là họ còn có thể ăn thịt tôi theo tục lệ của họ?

Thình thoảng tôi ấp úng hỏi, thì họ luôn luôn trả lời: Vâng vâng. Tóm lại là không có ai chống đối. Những con người tử tế cả. Khi tôi vừa bớt được ỉa chảy thì sốt rét lại xuất hiện ngay lập tức. Không thể nào ngờ được tôi lại có thể ốm đến mức ấy.

Tôi bắt đầu không nhìn rõ gì cả, hay nói đúng hơn là nhìn cái gì cũng ra màu xanh lá cây. Ban đêm có lẽ tất cả muông thú trên trái đất kéo đến vây quanh chỗ chúng tôi cắm trại, vì chúng tôi đốt lửa. Mặc dầu tấm màn đen bao la phủ kín chúng tôi, những tiếng kêu đây đó vẫn lọt qua. Một con thú bị chọc tiết tuy khiếp sợ con người và ánh lửa vẫn mò đến gần chúng tôi để kêu than.

Đến ngày thứ tư, tôi không còn nhận ra được cái gì thật hư trong những cái vô lý do bệnh sốt rét tạo ra và tuôn lần lần vào đầu óc mình cùng với những mảnh đời, những mẫu quyết tâm và những mẫu vô vọng chẳng bao giờ

hết.

Nhưng dầu sao thì, cho đến hôm nay, mỗi khi nhớ đến nơi đó, tôi cứ tự hỏi mình phải chăng đã có một tay da trắng rậm râu mà tôi gặp một buổi sớm mai trên mô đá sỏi nhô ra nơi tiếp giáp hai con sông? Và nhớ ngay cả tiếng âm vang của một dòng thác gần đó. Tay ấy cũng loại như Alcide, nhưng là một trung sĩ Tây Ban Nha. Đoàn người chúng tôi vừa buộc phải vượt qua hết đường mòn này sang đường mòn khác gặp đâu hay đấy, trên cái thuộc địa Rio del Rio, một lãnh thổ cũ của Vương triều Castille. Anh chàng quân nhân Tây Ban Nha khốn khổ ấy cũng có một túp lều. Tôi thấy hình như anh ta rất khoái, khi nghe tôi kể những gian truân của mình và những gì tôi đã làm với túp lều của tôi! Lều của anh ta, thật ra thì có hơn cái của tôi, nhưng cũng không hơn bao nhiêu. Nổi khổ của anh ta lại đặc biệt là nạn kiến đỏ. Hàng năm, đến mùa di trú, kiến chọn cái lều này để kéo đàn kéo lũ trẩy qua, đã hai tháng nay rồi vẫn chưa hết những con ranh này.

Kiến bò khắp chỗ, mình không còn xoay sở vào đâu được, mà đụng phải thì nó đốt cho phải biết.

Anh ta rất thích món ra-gu đậu của tôi, vì từ ba năm nay anh ta chỉ có độc một món là cà chua. Tôi chẳng biết nói sao. Anh ta bảo, một mình anh ta đã sức hết hơn ba nghìn hộp cà chua. Chán chẳng muốn nấu nướng gì, anh ta giải quyết một cách giản đơn nhất đời, là đục hai lỗ rồi húp như húp trứng sống, thế là xong.

Vừa đánh hơi thấy anh ta có món đồ hộp mới, từng đàn kiến đỏ đã kéo nhau bủa vây xung quanh mấy hộp ra-gu nấu đỗ. Chỉ cần bỏ vương bỏ vãi một hộp hơi thủng là có lẽ cả nòi cả giống kiến đỏ sẽ kéo đàn kéo lũ vào cái lều này. Biết đâu lại không ăn thịt luôn cả anh chàng Tây Ban Nha ấy.

Tôi được chủ nhà cho biết rằng thủ phủ của Rio del Rio là San Tapeta, một thành phố cảng nổi tiếng khắp miền duyên hải này và có thể vượt cả ra xa nữa, về khả năng trang bị cho những chiếc thuyền ga-le bơi tay chèo đường dài.

Con đường mòn chúng tôi đang đi sẽ dẫn đúng đến đấy: chỉ còn đi tiếp ba

ngày ba đêm là tới. Vấn đề là làm sao cho đỡ được những cơn mê sảng, tôi nhờ tay Tây Ban Nha ấy mách giùm xem có thứ thuốc hay nào của dân bản xứ có thể giúp tôi hồi sức. Đầu tôi quay đảo kinh khủng. Nhưng anh chàng xem ra không muốn nghe đến những chuyện ấy. Đối với một tay thực dân Tây Ban Nha thì bất kỳ cái gì của người châu Phi hẳn cũng kiêng kỵ một cách lạ lùng. Đến mức đi ỉa cũng không dám chùi dít bằng lá chuối địa phương, mà phải rọc sẵn từng chồng giấy báo *Boletín de Asturias* gửi từ Tây Ban Nha sang để chỉ dùng vào việc ấy. Anh chàng này chẳng bao giờ thêm đọc báo, lại cũng hoàn toàn giống như Alcide.

Từ ba năm nay anh ta sống ở đó, một mình với lũ kiến, vài thói tật vật và đồng báo cũ, và còn với cái giọng Tây Ban Nha kinh khủng cứ như là có thêm một người thứ hai thật là khỏe phụ họa với anh ta, khó ai có thể phần hứng được. Khi anh ta quát tháo đám da đen thì cứ như trời nổi trận lôi đình, Alcide không ở đó mà học anh quát tháo. Tôi nhường lại tất cả món ra-gu nấu đồ cho anh chàng Tây Ban Nha ấy vì tôi rất ưa anh ta. Đáp lại, anh ta làm cho tôi một cái thông hành khá đẹp trên giấy vân lụa có in hình quốc huy Vương quốc Castille với một trong những chữ ký tỉ mỉ mà anh ta nắn nót đến mười phút đồng hồ.

Anh ta nói đúng, đường đến San Tapeta không thể nào lạc được, cứ việc đi thẳng phía trước mặt. Tôi không nhớ chúng tôi đã đến được đó như thế nào, nhưng chắc chắn một điều là vừa tới nơi, họ giao luôn tôi cho một ông linh mục hình như cũng dầm dề, ngửi mùi ông ta đứng cạnh là mình đủ thấy như khôi phục được lòng dũng cảm. Nhưng cũng không lâu.

Thành phố San Tapeta áp sát vào một sườn núi đá trông thẳng ra biển, rực lên một màu xanh lá cây. Nhìn từ ngoài vùng, có thể nói quang cảnh tuyệt đẹp, đôi chỗ nhìn từ xa thấy lộng lẫy nhưng lại gần thì cũng chỉ là những tảng thịt quá lao lực như ở Fort-Gono và cũng không ngừng mọc mụn, không ngừng chín nục. Còn đám da đen trong đoàn tôi, trong một lúc tỉnh táo, tôi đã để họ về nhà. Họ bảo, họ đã vượt qua một khu rừng lớn nay trở về họ lo sợ không biết có vẹn toàn được mạng sống không. Họ khóc lóc khi từ biệt tôi,

còn tôi thì không đủ sức để thương xót họ. Tôi quá đau đớn và mồ hôi vã ra quá nhiều. Không gì hãm được cái đó lại.

Những gì tôi còn nhớ được ở đó là, những tiếng i eo của đám người ở cái thị tứ rõ ràng là khá đông dân này, ngày đêm kéo đến lăng xăng quanh chỗ tôi nằm, được bố trí trong phòng ông linh mục. Hẳn là San Tapera hiếm trò giải trí. Ông linh mục đổ đầy mồm tôi thứ thuốc nước sắc từ lá cây. Cây thập tự dài mạ vàng lấp lánh trên bụng ông ta. Bên trong cái áo thụng đen nổi cộm lên, mỗi lần ông đứng sát vào tôi thì những đồng tiền va vào cạnh giường lại vang lên sùng sảng. Với tôi, không còn vấn đề trò chuyện với dân chúng, lúng búng trong mồm cũng đủ mệt rồi.

Nghĩ rằng cuộc đời thế là xong, tôi cố ngược nhìn qua khung cửa sổ phòng ông linh mục để còn thấy được chút gì của cái thế gian này. Những gì hôm nay tôi mô tả về khu vườn đó, tôi không dám khẳng định rằng không có những sai sót thô thiển và quái gở. Nhưng cái gì chứ ánh nắng mặt trời thì chắc chắn quá đi rồi, ở đây cũng thế thôi, cũng là cái nắng như thiêu như đốt, như người ta mở nắp nồi hơi to tưởng cho nó phả nóng vào mặt anh; trên trời là thế, dưới này thì nắng cũng đọng trên các lùm cây ngọn cỏ bên đường, cái thứ rau riếp ở đây phát triển cao dễ bằng cây sồi, còn hoa bồ công anh thì ba bốn cây tùm lại cũng bằng một cây dẻ loại bình thường ở bên mình. Phải thêm vào đó một vài con cóc, chúng nặng có lẽ bằng con chó săn ê-pa-nhon và khi bị săn đuổi là chúng lon ton từ mòm đá này sang mòm đá khác.

Nhưng kết cục về con người, xứ sở, sự vật vẫn ở cái mùi. Mọi cuộc phiêu lưu đều phải trải qua cái lỗ mũi. Tôi đã nhắm mắt lại, mà thực sự thì tôi cũng không thể mở mắt. Thế là cái mùi khăng khăng của châu Phi, đêm này qua đêm khác đã mờ dần. Càng lúc càng khó thấy lại sự pha trộn nặng nề giữa mùi đất khô cằn, mùi đống quần và mùi nghệ già rập.

Với thời gian, với quá khứ và lại với thời gian tiếp nối rồi đến một lúc tôi phải chịu nhiều cú sốc và những cơn giật khác nữa rồi những chấn động đều đều như ru ngủ...

Năm đó, tất nhiên là thế, nhưng như nằm trên một cái gì di động. Tôi đành

kệ thế thôi, rồi tôi nôn mửa, khi tỉnh khi mơ. Đang trên mặt biển. Người phò phạc, tôi cảm thấy không còn sức để mà chú ý đến cái mùi mới của thùng chèo và nhựa đường. Không khí mát mẻ hơn trong cái xó xỉnh của con người vật lộn với sóng gió này, nơi tôi được tổng vào đúng ngay dưới cái cửa sổ mở toang. Họ bỏ tôi nằm đó một mình. Tất nhiên cuộc hành trình cứ tiếp tục... Nhưng cuộc hành trình nào đây? Tôi nghe thấy những bước chân trên boong, một cái boong bằng gỗ, ngay bên trên mũi tôi và những tiếng nói, những tiếng sóng vỗ vào mạn.

Thật hiếm có những trường hợp mà cái sống trở lại bên giường bệnh của anh, nơi anh đã thế rồi, lại không mang một hình thức nào khác hơn là một trò chơi đều đặn. Cái trò mà những kẻ ở San Tapera chơi với tôi có thể liệt vào loại đó. Phải chăng họ đã lợi dụng tình trạng tôi đang hôn mê dầm dề mà đổi tôi lấy việc trang bị cho một chiếc thuyền ga-le? Tôi tin rằng đó là một chiếc thuyền đẹp, đầy đủ các mái chèo, căng những cánh buồm đỏ thắm, một chàng trai trên người vàng rực, một con thuyền được lót đệm ở những chỗ dành cho các sĩ quan, trên mũi thuyền treo một bức tranh sơn dầu cá thu tuyệt đẹp vẽ hình *Infanta Combitta* mặc quần áo thể thao. Sau này người ta giải thích cho tôi rằng cô ta bảo trợ cho cái Vương quyền đó bằng cái tên và bằng cặp vú của cô ta, và con thuyền đang chở chúng tôi được hưởng cái vinh dự vương giả ấy của cô. Kể cũng sướng!

Ngẫm nghĩ về cuộc phiêu lưu, tôi thấy dấu sao thì, giá có ở lại San Tapeta, còn đang ốm như một con chó, mọi cái đều quay cuồng, có thể chắc chắn là bị bỏ đói ở nhà ông linh mục, nơi đám da đen đã đặt mình ở đấy... Quay về Fort-Gono ư? Vậy là để hoài phí ở đó cái tuổi xanh hoạt bát của mình chỉ vì chuyện sổ sách thôi ư?... Ở đây ít ra còn nhúc nhích và đã thấy được hy vọng... Chắc hẳn lão thuyền trưởng *Infanta Combitta* cũng phải suy nghĩ chán mới đánh liều mua tôi vào lúc nhổ neo, dù có trả ông linh mục với cái giá rẻ mạt. Lão ta chịu thiệt tất cả tiền bạc trong vụ mua bán này. Có thể là lão mất tất. Lão tính lợi dụng không khí tốt lành của biển khơi để làm cho tôi khỏe lại. Lão xứng đáng với phần thưởng dành cho lão. Lão sắp thắng vì tôi đang

khá hơn lên và tôi thấy rất bằng lòng về việc này. Tôi vẫn còn mê sáng nhiều nhưng với một lô gạch nào đó... Từ lúc thấy tôi mở mắt, lão thường xuống thăm tôi dưới cái xó ấy, đôi mũ lông chim của thuyền trưởng hằn hoi. Lão hiện ra trước mắt tôi như thế.

Lão rất vui thấy tôi cố nhòe dậy khỏi ổ mặc dầu cơn sốt vẫn còn níu lại. Tôi nôn mửa. Lão đoán trước: “Nào, chú mày, chẳng mấy chốc chú mày sẽ cầm được chèo bươn chải với chúng nó!” Kể thì lão cũng tử tế, miệng lão cười ha hả, tay dứ dứ chiếc roi da khê đập một cách thật thân mật vào gáy tôi, chứ không quất vào mông. Lão muốn tôi cũng vui lên, cũng hưởng thú vui với lão trong cái vụ lão vừa tiến hành để mua được tôi.

Thức ăn ở trên thuyền xem ra cũng chấp nhận được. Tôi vẫn chưa hết nói lúng búng. Đúng như lão thuyền trưởng đã dự đoán, tôi hồi sức khá nhanh để có thể thỉnh thoảng tham gia bơi chèo với các bạn. Nhưng mắt tôi còn lóa: nhìn vào một chục cậu mà cứ tưởng như một trăm.

Kể thì chuyến đi cũng không mệt lắm, vì phần lớn thời gian thuyền chạy bằng buồm. Ngồi chèo bên mạn cũng chẳng đến nỗi buồn nôn hơn là những hành khách bình thường đi các toa hạng bát trên các chuyến tàu chủ nhật và còn đỡ lo hơn cả những ngày tôi phải chịu đựng trên con tàu *Đô đốc Bragueton* để đến đây. Chúng tôi luôn luôn gặp được gió lộng trên chặng đường từ đông sang tây Đại Tây Dương. Khí hậu cũng dịu xuống. Không có tiếng thở than nào trong khoang thuyền. Chỉ có điều là người ta thấy chuyến đi hơi dài. Đối với tôi, thế cũng đủ những cảnh biển khơi rừng rú cho đến muôn đời rồi.

Lắm lúc tôi có ý hỏi lão thuyền trưởng về mục đích và phương tiện của chuyến đi biển này, nhưng từ lúc thấy tôi khá lên thì lão cũng thôi luôn việc lui tới thăm hỏi. Mà tôi thì cũng hay nói lẩn thẩn lắm. Tôi chỉ còn thấy lão từ xa, như một ông chủ thật sự.

Trên thuyền, tôi cố tìm trong đám chèo thuyền xem có Robinson không và đã nhiều lần tôi gào to lên gọi hắn, cả trong đêm hôm yên tĩnh. Chẳng có ai trả lời, trừ mấy tiếng chửi thề và đe dọa: Muốn làm tù chèo thuyền hả?

Tuy vậy, càng nghĩ đến những chi tiết và những tình huống gặp phải trong cuộc phiêu lưu của tôi, thì tôi lại càng cảm thấy rất có thể là người ta cũng đã đối xử với hãn như với tôi ở San Tapeta. Có chăng là Robinson đang bơi chèo trên một chiếc thuyền khác đấy thôi. Những tay da đen trong rừng hãn đều là những kẻ thạo nghề buôn bán và mưu mô. Ai cũng đều đến lượt, đó là chuyện bình thường. Phải biết sống cho giỏi và biết giành lấy để đem bán những đồ vật và cả những con người mà mình không ăn thịt ngay được. Cái tử tế tương đối của những người bản xứ đối với tôi có thể giải thích như vậy.

Chiếc *Infanta Combitta* còn phải tiếp tục bơi trong nhiều tuần và nhiều tuần, vượt qua những đợt sóng lừng đại dương và những cơn say sóng, rồi một buổi chiều tốt đẹp xung quanh chúng tôi tất cả đều yên lặng. Tôi không còn mê sảng nữa. Chúng tôi nao nức chuẩn bị quanh chiếc neo. Hôm sau vừa thức giấc, mở các cửa sổ ra, chúng tôi biết rằng mình vừa đến đích. Cảnh vật thật kỳ lạ!

Nói đến bất ngờ thì đây là một bất ngờ. Qua làn sương mù, thật vô cùng kỳ lạ cái mà người ta bỗng khám phá ra, ban đầu không ai tin được vào mắt mình nhưng rồi khi mọi vật đã hiển hiện rõ ràng, thì tất cả bọn chèo thuyền cùng cười nhộn lên.

Bạn có thể hình dung được cái thành phố của họ lại dựng đứng lên không, đứng thẳng tắp. New York đúng là một thành phố thẳng đứng. Chắc chắn là chúng ta đều đã thấy những thành phố của mình, nhiều thành phố đẹp nữa, và nhiều hải cảng có những cái nổi tiếng nữa. Nhưng ở nước chúng ta, các thành phố đều nằm, bên bờ biển hoặc bên những con sông, các thành phố ấy trải dài ra với phong cảnh, chờ đón du khách, còn cái thành phố này của nước Mỹ, nó không ngậy ngất đâu, không, nó thật cứng quèo, đó, không hôn hít gì cả, cứng đơ ra đến phát sợ.

Bọn chúng tôi cười đùa trước cảnh đó như những anh chàng khờ dại. Vì nó kỳ cục quá lắm, một thành phố xây dựng cứng đờ. Nhưng chúng tôi cũng chỉ cười tếu từ cổ lên thôi, do lúc đó có cơn gió lạnh thổi từ ngoài khơi vào qua làn sương đầy màu xám và màu hồng, rất nhanh và rất buốt, gió luồn vào các ống quần của chúng tôi và qua các kẽ hở của bức tường thành, gió ùa vào các đường phố. Chiếc thuyền của chúng tôi giữ vững chỗ đứng mỏng manh của mình ngay sát để biển, nơi lều bều nước phân, rác rưởi bị khuấy đục lên bởi hàng chuỗi những chiếc thuyền con và tàu kéo háu đói và khò khè.

Đối với một kẻ khố rách áo ôm đã chẳng dễ gì đổ bộ lên bất cứ nơi nào, huống chi một tay chèo thuyền lại càng tồi tệ hơn, nhất là dân Mỹ chẳng thích chút nào những tay chèo thuyền từ châu Âu đến. Họ bảo: “Đó toàn là bọn vô chính phủ”. Họ chỉ muốn đón tiếp những kẻ tò mò mang tiền bạc đến cho họ, vì tất cả tiền bạc châu Âu đều là con cái của Đô la.

Có lẽ tôi đã có thể thử, như nhiều tay khác đã thành công, là bơi lọt vào trong cảng và một khi đã đến bến tàu tôi sẽ gào lên: “Đô la muôn năm! Đô la muôn năm!” Đó là một cái mẹo. Người ta kể rằng đã có nhiều người đổ bộ

bằng cách đó rồi sau này làm giàu khối của. Không có gì chắc, đó chỉ là chuyện kể thôi. Có lắm giấc mơ còn tồi tệ hơn nhiều. Tôi thì tôi có trong đầu một mẹo khác đồng thời với sốt rét.

Lúc ở trên thuyền tôi đã học được cách đếm chấy rận (không chỉ bắt, mà còn biết cộng, trừ, tóm lại là làm thống kê), một nghề tế nhị có vẻ chẳng ra gì nhưng lại thực sự là một kỹ thuật, tôi định đem ra ứng dụng. Muốn nói gì thì nói chứ người Mỹ, về kỹ thuật họ là những người am hiểu. Họ có thể sẽ thích mê thích mệ cái cách đếm chấy rận của tôi, tôi biết trước chắc chắn là như thế. Theo tôi thì việc này không thể thất bại được.

Tôi đang tính chuyện đến xin giúp việc cho họ thì cũng vừa lúc có lệnh thuyền của chúng tôi phải đậu cách ly tại một vịnh nhỏ gần đây, núp vào một ngôi làng nhỏ dành riêng cho việc này, cách New York hai hải lý về phía đông.

Chúng tôi phải ở đó tất cả để người ta còn kiểm tra trong nhiều tuần lễ, đến nỗi chúng tôi đâm quen thuộc nơi đó. Vậy là mỗi tối sau bữa ăn, một kíp được phân công vào làng xin nước ngọt. Tôi tích cực tham gia để thực hiện ý đồ của mình.

Lũ bạn biết rõ sự tìm kiếm của tôi nhưng họ cho rằng cuộc phiêu lưu đó không hấp dẫn đối với họ. Họ bảo: “Thằng ấy điên, nhưng nó không nguy hiểm”. Trên chiếc *Infanta Combitia*, ăn uống khá, lũ bạn cũng bị đòn nhưng không quá lắm, tóm lại là có thể làm ăn được. Đây là một công việc loại trung bình. Lại được cái lợi thế tuyệt vời là không ai bị đuổi khỏi thuyền bao giờ và còn được ngay cả Nhà Vua hứa sẽ cho ai làm việc đến năm sáu mươi hai tuổi sẽ được hưởng khoản lương hưu nhỏ. Cái viễn cảnh ấy làm cho họ sung sướng, có cái gì để mơ ước và ngày chủ nhật để cảm thấy mình được tự do, họ chơi trò bầu cử.

Trong những tuần lễ người ta đặt chúng tôi dưới chế độ cách ly, những tay chèo thuyền găm cả lên với nhau trong khoang, họ đánh nhau và cũng lần lượt hiểu thấu nhau hơn. Điều ngăn họ bỏ trốn theo tôi, trước hết là vì họ không muốn nghe, muốn biết gì về cái nước Mỹ mà tôi thì rất say mê. Mỗi

người đều có những con vật đáng ghét, đối với họ thì nước Mỹ chính là con vật đáng ghét nhất. Ngay cả với tôi họ cũng bắt đầu chán ngán. Tôi ra sức nói với họ rằng tôi biết những người ở xứ này, như cô bé Lola của tôi chẳng hạn, có lẽ bây giờ đã giàu to, và có thể cả Robinson biết đâu lại chẳng đang làm ăn được ở đây, nhưng họ chẳng chịu bớt đi những cảm ghét đối với Hoa Kỳ, cả sự kinh tởm lẫn sự thù hận. Họ bảo tôi: “Cậu chẳng bao giờ hết được điên khùng”. Một hôm tôi vờ theo họ đến máy nước ở trong làng rồi bảo họ rằng tôi không trở về thuyền nữa. Chào!

Xét cho cùng thì các cậu ấy đều là người tốt bụng, lao động giỏi và họ luôn luôn nhắc đi nhắc lại rằng họ không tán thành suy nghĩ của tôi chút nào, tuy nhiên họ vẫn chúc tôi đừng cảm lên và nhiều may mắn, nhiều điều vui, nhưng theo cách của họ: “Cứ đi đi! Nhưng chúng tớ vẫn phải nói trước: Cậu không có cái hơi hám của một thằng tòi! Chẳng qua là cái bệnh sốt rét nó làm cho cậu rồ dại! Cậu sẽ bỏ cái nước Mỹ của cậu mà quay về còn tòi tệ hơn chúng tớ nữa cơ! Chính những ham thích của cậu làm hại cậu! Cậu muốn học hỏi nữa à? Cậu biết đã quá đủ về thân phận mình rồi còn gì!”.

Tôi lúng búng trả lời họ rằng tôi có nhiều bạn bè ở đó đang chờ.

-Bạn bè à? họ làm thế này, bạn bè? Các bạn của cậu cũng sẽ cười vào mõm cậu! Từ lâu các bạn cậu đã quên cậu rồi!...

-Nhưng tớ muốn đi gặp người Mỹ! tôi năn nì. Cho dầu bây giờ họ đã có vợ như trước kia họ không có!...

-Thôi, về với bọn tớ! họ trả lời tôi. Chẳng cần gì phải đi đến đấy! Cậu lại ốm hơn cho mà xem! Chúng tớ sẽ cho cậu biết ngay lập tức người Mỹ là thế nào! Toàn là triệu phú hay toàn đồ chó chết! Không có loại giữa đâu! Chắc chắn là với cái địa vị của cậu thế kia, cậu sẽ không gặp được các nhà triệu phú! Nhưng xác thối thì cậu yên tâm, họ sẽ cho cậu xơi ngay thôi! Không phải lâu la gì, có ngay thôi.

Đó, lũ bạn đã đối xử với tôi như thế đó. Rốt cuộc thì những con người thua thiệt, những con người bị dồn đuổi, những con người hạ tiện ấy hù dọa cho mình sợ cả thôi. Tôi trả lời họ: “Cút về cả đi, chẳng qua là các cậu ghen

tức đến sùi bọt mép ra, tất cả là thế! Nếu bọn Mỹ có làm cho tở chết đói thì người ta sẽ thấy rõ! Nhưng có điều chắc chắn là các cậu chẳng có cái gì hơn là cái con cu mà lại mềm oặt nữa!”.

Chơi thế được đấy chứ! Tôi khoái lắm!

Vừa lúc trời tối, người ta gọi các cậu ấy về thuyền. Họ sẽ bơi chèo nhịp nhàng với nhau, thiếu một tay chèo, là tôi. Tôi chờ cho đến lúc không còn nghe thấy tiếng họ nữa, không thấy gì cả, rồi đếm đến một trăm và thế là tôi lấy hết sức mình chạy thật khỏe vào tận trong làng. Cái vùng nhỏ xinh xắn gọi là làng đó, rất sáng sủa, nhiều ngôi nhà gỗ chờ đón người vào sử dụng, sẵn sàng ở bên phải, bên trái ngôi đền, cũng hoàn toàn yên lặng, chỉ có tôi là rùng mình vì cơn sốt rét và vì sợ. Đây đó người ta gặp một tay lính thủy của cái đơn vị đóng ở đây, - không có vẻ gì là khó chịu, và cả những trẻ nhỏ, rồi một thiếu nữ nở nang: nước Mỹ đó! Tôi đã đến nơi. Sau bao chặng đường phiêu lưu khô khốc, đó là cái trông thích mắt. Nó làm cho mình khỏe lại như một trái ngọt trong đời. Tôi rơi vào một ngôi làng duy nhất bỏ không. Một đơn vị hải quân nhỏ đóng ở đây chuyên lo việc giữ gìn ngôi làng cho tốt với đầy đủ mọi thứ trang bị để có thể ngày nào đó một con tàu mang bệnh dịch hạch như con thuyền của chúng tôi đến đây và đe dọa cảng lớn.

Với những trang bị đó, họ có thể làm toi mạng càng nhiều càng tốt những người nước ngoài để cho những người trong thành phố khỏi mắc bệnh gì cả. Họ làm sẵn cả một nghĩa địa gần đó và trồng hoa khắp chỗ. Họ chờ đợi. Từ sáu chục năm nay họ chờ đợi, họ chỉ làm mỗi việc là chờ đợi.

Thấy được một cái quán nhỏ bỏ trống, tôi lên vào đánh luôn một giấc, cho đến sáng ra chỉ thấy trong các ngõ ngách toàn những lính thủy, mặc quần áo cộc, gọn ghẽ nhịp nhàng cùng nhau khua chổi và té nước quanh chỗ tôi nằm và trên các ngã ba ngã tư của ngôi làng trong lý thuyết này. Tôi cố làm ra vẻ dừng dừng, bụng đói cồn cào, dù gì thì cũng cứ tìm đến gần cái nơi có mùi nhà bếp xông ra.

Chính tại nơi ấy tôi bị phát hiện và mắc kẹt giữa hai tiểu đội rõ ràng là đang muốn biết tung tích của tôi. Hẳn là vấn đề quảng tôi ra biển được đặt ra

tức khắc. Bằng những con đường mau chóng, họ dẫn tôi đến trước viên quản đốc cách ly. Tôi lo lo, mặc dầu đã phải lên gân lên cốt trước nỗi bất hạnh rõ ràng này, nhưng vẫn cảm thấy trong người gầy gầy sốt, khó mà có được những đối đáp ứng khẩu cho hay. Đúng ra là tôi đã nói làm nhảm vớ va vớ vẩn, bụng dạ không ra đâu vào đâu.

Cứ bất tỉnh nhân sự lại hay hơn. Và việc ấy đã đến với tôi. Khi tôi tỉnh lại, sau đó, trong văn phòng của lão ta, quanh tôi là mấy người phụ nữ quân phục màu sáng đã thay thế đám đàn ông. Họ đưa ra một bản gồm những câu hỏi lơ mơ và khoan dung, mà tôi hoàn toàn thỏa mãn. Nhưng chẳng có sự khoan dung nào kéo dài được ở cái thế giới này. Và thế là ngay hôm sau những gã đàn ông lại khăng khăng tính chuyện tống tôi vào tù. Thừa dịp này, tôi giả bộ không chú tâm, nhưng cố cho họ nghe tôi nói chuyện chấy rận... Nào là tôi biết bắt rận... Lại biết tính đếm... Rằng đó là cái nghề của tôi, tôi đã từng tập hợp những con vật ăn bám ấy thành những bản thống kê hăn hoi. Tôi thấy rõ những điệu bộ của mình được họ quan tâm, mấy tay canh gác tôi lúc này cứ như hệt hơi nhăn mặt lại mà lắng nghe tôi nói. Tất nhiên tin hay không lại là chuyện khác.

Cuối cùng thì viên chỉ huy trạm đích thân mò đến. Tên lão ta là “Surgeon Général”^[87*], cái tên này mà đem đặt cho một con cá có lẽ hay đấy. Lão ta có vẻ thô lỗ nhưng cả quyết hơn những tay kia. Lão nói với tôi:

-Thế nào, chú mày nói lảng nhảng với chúng tớ cái gì đấy? Chú mày biết tính đếm chấy rận cơ à? Chà chà!...

Lão tính chuyện rêu rao như thế làm cho tôi bối rối đây. Nhưng bộp chát luôn, tôi tuôn ra một tràng biện hộ đã chuẩn bị sẵn:

-Tôi tin vào việc đếm chấy rận. Đây là một nhân tố của văn minh, bởi vì việc tính đếm ấy là cơ sở vật chất quý báu nhất cho công việc thống kê... Một đất nước tiến bộ phải biết đến số chấy rận mình có, chia ra từng giống đực cái, theo nhóm tuổi, năm và mùa...

-Thôi thôi, bớt ba láp đi chàng trai! lão Surgeon Général ngắt lời tôi. Trước anh đã có vô khối những gã từ châu Âu qua kể cho chúng tôi những

chuyện tào lao loại này, rút cục chỉ toàn một lũ vô chính phủ như nhau, những kẻ đến sau lại càng tệ hại hơn kẻ đến trước... Họ không tin cả vào chính cái chủ nghĩa vô chính phủ của họ nữa kia! Thôi đừng khoắc lác nữa!... Để mai chúng tôi đưa anh sang các nhà tắm trên đảo Ellis ở trước mặt kia kìa để anh thử làm với đám dân di cư xem sao. Trung úy quân y Mischief, phụ tá của tôi, sẽ cho biết liệu anh có nói dối không. Từ hai tháng nay, ông Mischief vẫn đòi tôi kiếm một nhân viên “đếm chấy rận”. Anh hãy sang chỗ ông ấy để thử việc! Thôi, giải tán! Anh mà nói dối thì chúng tôi sẽ quăng anh ra biển! Giải tán! Nghi...ê...m!

Tôi biết cách lập nghiêm trước nhà cầm quyền Mỹ này như đã lập nghiêm trước biết bao nhà cầm quyền khác, tức là ưỡn cái hạ bộ mình ra trước đã rồi mới quay ngoắt người một cái thật nhanh chóng không để lại, tất cả kèm theo một cái chào quân sự.

Tôi nghĩ rằng cái biện pháp thống kê này có lẽ cũng tốt như các biện pháp khác để mình lọt vào New York. Ngay hôm sau, Mischief, viên quân y sĩ vừa nói đến, trình bày văn tắt cho tôi hiểu công việc của mình. Lão ta mập và vàng da, lại cận thị hạng nặng, phải mang cặp kính màu to tướng. Lão ta ngó nghiêng nhận dạng tôi theo kiểu những con thú rừng nhòm xem con mồi của chúng, nghĩa là cũng sơ sơ chung chung thôi, chứ không thể nhìn tỉ mỉ với cặp kính cận như lão đang mang.

Chúng tôi khá ăn ý nhau trong công việc, thậm chí tôi có thể tin rằng chưa kết thúc cuộc thử thách này thì lão ta, Mischief, đã có nhiều cảm tình với tôi. Không nhìn rõ mặt nhau, đó là nguyên nhân trước hết để dễ có cảm tình với nhau, hơn nữa tôi lại có cách bắt chấy rận rất cừ khiến cho lão ta bị quyến rũ ngay. Trong cả trạm này không thể có đến người thứ hai như tôi để bắt chấy rận bỏ hộp, kể cả những con ương bướng nhất, những con đã cứng lại như sừng, những con không chịu ở yên một chỗ. Tôi còn đạt tới mức chọn ra con đực con cái theo từng tay di cư. Quả là một việc tuyệt vời, có thể nói như vậy... Mischief chỉ còn nước tin tưởng tuyệt đối vào tài khéo léo của tôi.

Tối đến, tôi còn phải giết những con chấy rận ấy đến ê cả đầu móng tay

cái và móng tay trở mà vẫn chưa hết việc, vì vẫn còn một việc tối quan trọng là chia thành từng cột theo bản kê nhận dạng hằng ngày: chảy Ba Lan một bên, chảy Nam Tư một bên... Tây Ban Nha... Dòi bộ Crimée... Cái ghê Pérou... Tất cả những kẻ trốn chạy, những kẻ bị truy lùng trong cái nhân loại hỗn độn này đều qua các đầu móng tay tôi. Người ta coi đó là một tác phẩm, có thể là một tác phẩm đồ sộ và tỉ mỉ nữa. Việc tính toán của chúng tôi được tiến hành ở New York tại một cơ quan đặc biệt được trang bị những máy đếm chảy rịn chạy bằng điện. Hằng ngày, một chiếc tàu lai dắt nhỏ của Trạm Cách ly băng qua suốt chiều rộng của vịnh mang về đó tiến hành việc tính đếm, kiểm tra số liệu của chúng tôi.

Ngày lại ngày cứ thế trôi đi, tôi đã hơi lấy lại được sức, nhưng trong cuộc sống tiện nghi này, cứ bớt được bao nhiêu mê sảng và sốt rét thì cái thú phiêu lưu và những khinh suất mới lại xuất hiện khẩn thiết bấy nhiêu. Khi thân nhiệt đã ở vào 37 độ thì mọi cái đều trở thành vô vị.

Tuy rằng tôi có thể ở lại đây, mãi mãi yên tĩnh, được nuôi dưỡng tử tế tại nhà ăn của trạm, và hơn nữa còn gì thích hơn là ngày ngày được ngắm cô con gái quân y sĩ Mischief, tôi phải ghi thêm vào đây, rạng rỡ tuổi mười lăm, cứ năm giờ đi đánh ten-nít về, mặc váy cực ngắn, đi qua cửa sổ văn phòng chúng tôi. Hiếm có cặp giò nào hơn thế, tuy còn hơi có vẻ giò con trai nhưng đã thanh tú lắm, một vẻ đẹp xác thịt đang hé nở. Một sự khêu gợi thật sự đến với hạnh phúc, reo vui đầy hứa hẹn. Mấy cậu sĩ quan trẻ trong đơn vị không sao rời mắt được khỏi cô bé.

Mấy chú nhãi nhép ấy làm sao chứng minh được những công việc hữu ích như tôi. Tôi không bỏ qua một chi tiết nào trong vòng quay của các cu cậu xung quanh cái thần tượng bé nhỏ. Mỗi ngày tôi tái mặt trong chuyện này tới dăm bảy lần chứ không ít. Cuối cùng tôi cũng tự nhủ mình, tối trời ai biết được ai với ai, mình cũng có thể nhập vai một thủy binh lắm chứ. Tôi ôm ấp hy vọng này cho tới một ngày thứ bảy của tuần lễ thứ hai mươi ba thì dồn dập xảy ra các sự kiện. Một cậu chuyên làm con thoi về những bản thống kê, cậu ta người xứ Arménie, bỗng nhiên được đề bạt làm nhân viên đếm chảy rịn

cho các đàn chó của đoàn thăm dò ở Alaska.

Nói về thăng quan tiến chức thì đây là một cuộc thăng quan tiến chức đẹp đẽ, và cậu ta tỏ ra rất mừng. Những con chó ở Alaska quả là những của quý. Luôn luôn cần đến chúng. Người ta chăm nom chúng kỹ lắm. Trong khi những người dân di cư thì bị bỏ mặc. Vì họ đã quá nhiều rồi.

Từ đó trạm thiếu người đem các bản thống kê về New York, thế là người ta cũng chẳng cần phải kiểu cách gì, chỉ định luôn tôi vào việc ấy. Mischief, sếp của tôi, nắm tay tôi lúc lên đường, dặn dò phải khôn ngoan và đứng đắn ở thành phố. Đây là lời khuyên cuối cùng của con người trung thực ấy, tuy trước đó chúng tôi chưa hề gặp nhau mà sau này cũng chẳng còn gặp lại nhau.

Chúng tôi vừa cập bến thì trời đổ một cơn mưa xối xả, ướt sũng cả chiếc áo vét tông mỏng tang của tôi và những bản thống kê cũng bết lại trong tay tôi. Tuy vậy tôi vẫn giữ được mấy bản, cuộn tròn lại, nhét vào túi, để thò đầu ra ngoài cho người ta thấy dù ít dù nhiều thì mình cũng có vẻ như một nhà kinh doanh trong thành phố, nhưng trong bụng tràn đầy những sợ hãi và hồi hộp trước những bước phiêu lưu mới.

Nghếch mũi nhìn lên những tòa nhà san sát như bức thành cao ngất, tôi hơi chóng mặt và phát ngán vì những khung cửa sổ quá nhiều và chỗ nào cũng giống chỗ nào.

Ăn mặc tuềnh toàng, người thì rét cóng, tôi vội lúi vào một hẻm tối để người qua lại khó nhận ra mình. Một thứ hổ thẹn hơi thừa. Có gì mà phải sợ. Trên con đường tôi vừa chọn, có lẽ là con đường nhỏ nhất ở đây, tôi thấy nó chẳng hơn được con suối lớn ở bên mình, mà lại còn bẩn thỉu, ẩm ướt, nhiều chỗ tối om, cũng đã có nhiều người qua lại, người lớn người bé, tôi đi theo họ như một cái bóng. Họ cũng lên thành phố, có lẽ đi làm ăn, người nào cũng cúi gầm chúi mũi xuống. Đó là những người nghèo từ khắp chốn.

Cứ như là mình thạo đường thạo lối, tôi rẽ sang một con đường bên tay phải, sáng sủa hơn: “Broadway”. Tôi đọc được tên trên tấm bảng chỉ đường. Tít tặn trên cao, phía trên những tầng chót vót, vẫn còn thấy ánh sáng ban ngày với những con chim hải âu bay lượn và những mảnh trời xanh. Chúng tôi tiến bước ở dưới này trong cái bóng âm âm một màu tro, u tối như ở trong rừng, đường phố đông nghịt như một tảng băng to tướng tấp nham bắn thủ.

Giống một vết thương buồn, con đường ấy dẫn chúng tôi đi biên biệt, bờ này qua bờ khác, hết cực nhọc này đến cực nhọc khác, chẳng ai thấy được đâu là tận cùng, chỗ tận cùng của mọi con đường trên thế gian này.

Không có xe cộ qua lại, chỉ thấy người là người.

Về sau, người ta giải thích, tôi mới biết, đó là khu phố quý giá, khu phố như vàng: Manhattan. Vào đấy chỉ được đi bộ, như vào nhà thờ vậy. Đó là trái tim đẹp bằng Nhà Băng của thế giới ngày nay. Thế mà vẫn có người nhỏ bệch ngoài đường. Cũng phải bạo gan mới dám thế.

Thật là một khu phố đầy ắp vàng, một phép lạ thật sự, thậm chí người ta còn nghe thấy phép lạ ấy qua mỗi khung cửa với tiếng Đô la sùng sục, cái đồng Đô la dịu dàng quá thế, một đức Thánh Thần thực thụ, còn quý hơn cả máu.

Dù sao thì tôi cũng có thì giờ đi xem họ và vào cả đó để nói chuyện với những người nhân viên coi giữ tiền. Họ buồn buồn và được trả lương tồi.

Khi các con chiên bước chân vào Nhà Băng của mình, chớ có tưởng rằng họ được phục vụ thỏa thích. Không đâu. Họ nói thầm thì với Đô la qua một cái lưới sắt nhỏ, như là đi xưng tội ấy. Không có nhiều tiếng ồn đâu, những ngọn đèn sáng dịu, giữa những vách ngăn cao chỉ để hở có một cái cửa ghi sê nho nhỏ, thế thôi. Họ không nuốt thứ Bánh Thánh ấy đâu. Họ ắp ứ cả vào ngực. Tôi không thể ở đó lâu để ngắm nghía họ. Còn phải đi theo những người ngoài đường phố giữa những bóng râm dựng đứng như những bức vách trơn tru.

Bỗng nhiên, đường phố mở toác ra một kẽ nứt dẫn đến một cái ao ánh sáng. Mọi người thấy hiện ra trước mặt một vùng lớn rực sáng màu xanh lục kẹt giữa những khối nhà cao lớn như những con quái vật. Chính giữa khoảng trống ấy, có một ngôi nhà còn hơi mang dáng vẻ thôn dã, xung quanh có những bãi cỏ hoang.

Tôi hỏi nhiều người đi bên mình cái nhà ấy là nhà gì, nhưng phần lớn họ chỉ nhìn theo và làm như không nghe thấy lời tôi. Họ chẳng có thì giờ đâu để mà mất. Một chàng trai nhỏ nhắn, tuy thế, cũng muốn cho tôi biết rằng đó là Tòa Thị chính, cậu ta còn nói thêm, tòa nhà cổ ấy có từ thời thuộc địa [88*], tất cả những gì là lịch sử... người ta để lại đấy cả... Xung quanh cái ốc đảo ấy là một vườn hoa có ghế để ngồi ngắm Tòa Thị chính, nhưng lúc tôi đến đó thì hầu như chẳng có gì khác để mà ngắm.

Tôi chờ ở đấy để đến một tiếng đồng hồ, thế rồi trong cái tranh tối tranh sáng, giữa đám đông người qua lại liên liên và buồn tẻ ấy, vào lúc giữa trưa, bỗng ủa ra như một vụ đất trườn, những cô thiếu nữ tuyệt đẹp ào ào đổ tới.

Phát hiện mới ghê gớm làm sao! Nước Mỹ mới kỳ lạ làm sao! Mê ly làm sao! Càng nhớ đến Lola! Khuôn mẫu của cô đã không đánh lừa tôi! Quả thật là thế!

Tôi đã đạt tới chỗ nhạy cảm nhất trong cuộc hành hương này. Và nếu lúc đó trong bụng không đói cồn cào thì tôi đã tưởng mình gặp được một trong những thời điểm bộc lộ siêu nhiên của cái đẹp. Những cái đẹp tôi không ngừng khám phá ra đó đã khiến mình si mê với chút ít tin cậy và thoải mái trong thân phận một con người xoàng xĩnh. Chỉ còn thiếu một miếng bánh xăng uých nữa là tôi được coi như được hưởng trọn vẹn phép lạ. Nhưng tôi vẫn thiếu miếng xăng uých!

Tuy vậy những dáng hình mềm mại kia mới kiều diễm làm sao! Những nét thanh tú không sao tin là có thật! Sự hài hòa kỳ lạ làm sao! Những sắc thái nguy hiểm! Những thành công của mọi hiểm nguy! Tất cả mọi hứa hẹn có thể có đều toát ra từ khuôn mặt và thân hình các cô gái tóc vàng này! Cả các cô tóc nâu! Lại cả các cô gái nhí nhảnh kia nữa! Và vẫn đang còn nhiều

cô khác tiếp tục đua nhau đến! Tôi nghĩ, có lẽ một chuyện cổ tích Hy Lạp đang bắt đầu chẳng? Tôi đến thật đúng lúc.

Những cô gái hiện hình đó lại càng có vẻ thần thánh hơn, là hình như họ không chút nào tỏ ra thấy sự tồn tại của tôi trên cái ghế băng ngay bên cạnh, dầm dề, nhỏ rãi ra trước cái cảnh khiêu dâm huyền bí trong khi vừa sốt rét vừa đói, phải thú nhận là thế. Giá có thể lột da được thì tôi cũng sẵn sàng vào lúc đó, dầu chỉ một lần thôi. Không có gì ngăn cản được tôi.

Các cô nàng ấy có thể dẫn tôi đi, thăng hoa tôi lên, những cô gái huyền hoặc ấy, họ chỉ cần làm một cử chỉ, thốt ra một lời, là tôi theo ngay tức khắc và hoàn toàn vào cái thế giới của mộng mơ, nhưng có lẽ họ còn những sứ mệnh khác.

Một tiếng, hai tiếng trôi qua trong cảnh sững sờ như thế. Tôi không còn hy vọng gì nữa.

Ở đây có những lòng súc vật. Anh có thấy ở quê mình thường trêu chọc dân lang thang xin ăn thế nào không? Bọn mình nhồi nhét vào một cái ví tiền cũ đầy những lòng gà thối. Thế là, một tay to béo, lanh lợi và háu ăn nữa, vừa thấy đã mê tơi luôn.

Nhưng cũng phải suy nghĩ đứng đắn, chớ có phạm ngay vào cái túi tiền lép kẹp của tớ. Tiền tớ chẳng có là bao. Tớ không dám đến xem nữa. Vả lại tớ dễ trông một hóa hai. Tớ chỉ cảm thấy là nó mỏng mảnh lắm, những tờ bạc run rẩy sau lớp vải, liền ngay cạnh cái túi có mấy tờ thống kê chẳng ra gì.

Nhiều người qua lại đó, nhất là đám thanh niên đầu như bằng gỗ cấm lai, những cái nhìn khô khan, đơn điệu, những quai hàm không mấy bình thường, vừa rộng vừa thô... Có thể vì thế mà đàn bà con gái nước này lại thích chẳng. Đường phố như chia theo giới tính, đàn bà thì chẳng thèm nhìn đi đâu ngoài những gian hàng, tất cả đều bị cuốn hút vào những cái ví tay, khăn choàng, những mặt hàng tơ lụa, mỗi tủ kính chỉ bày ít cái nhưng kiểu cách, từng loại rõ ràng. Trong cái đám đông trên đường phố ít thấy các cụ già. Từng cặp cũng vậy. Tôi một mình ngồi đó giờ này qua giờ khác trông người ta đi qua đi lại, nhưng chẳng ai có vẻ gì coi đó là chuyện kỳ quặc. Tuy nhiên đến một

lúc nào đó, tay cảnh sát đứng gác trong cái bụi tròn như bình mực ở giữa đường kia hẳn sẽ để mắt nghi ngờ tôi, một kẻ đang mưu toan cái gì quái lạ đây. Việc đó đã thấy được.

Dù ở đâu, khi anh đã để cho các nhà chức trách nhòm đến, thì tốt nhất là hãy phối đi luôn cho thật nhanh. Không phải oong đơ gì cả. Lặn ngay thôi! tôi tự nhủ mình.

Ở phía tay phải cái ghế tôi ngồi quả nhiên có một cái hố rộng ngay trên hè như kiểu lối xuống xe điện ngầm ở bên mình. Cái hố hiện ra sao mà đúng lúc thế. Rộng rãi, phía trong lại có những bậc lên xuống bằng đá cẩm thạch màu hồng hân hoi. Tôi đã thấy khá nhiều người biến xuống dưới đó một lúc rồi lại lên. Thì ra người ta xuống đó đi đại tiểu tiện. Tôi quyết định ngay lập tức. Cái gian để làm công việc đó cũng lát cẩm thạch. Một loại bể bơi, nhưng đã tháo cạn hết nước, một thứ bể bơi thối um, chỉ đầy lên trong lúc ánh chiều yếu ớt, tàn lụi và kết thúc ở đó, trên đám người đã cời hết khuy ra giữa những mùi khó ngửi của chính họ, mặt đỏ lựng xô nhau làm cái việc bẩn thỉu của mình trước thiên hạ, với những tiếng ồn man rợ.

Giữa cánh đàn ông với nhau, cứ thế, chẳng phải màu mè gì, trong tiếng cười hô hố của tất cả mọi người xung quanh, kèm theo những tiếng cổ vũ như trong trận đấu bóng. Xuống đến nơi là họ cời liền áo vét tông trước tiên, như sắp vào cuộc đấu. Ăn mặc qua loa, thành tục rồi mà.

Thế rồi rất phóng túng, múa may quay cuồng như trên sân nhà thương điên, họ lúi vào ngồi trong cái hang cứt. Những người mới từ trên đường xuống chưa hết bậc thang thì đã phải đối đáp hàng nghìn câu cốt nhả tởm lợm, tuy thế xem ra anh nào cũng vui vẻ. Trên hè phố, họ giữ gìn ý tứ nghiêm chỉnh bao nhiêu, thậm chí còn buồn buồn nữa, thì cái triển vọng sắp được tổng tháo hết mọi thứ trong lòng trong ruột ra, với sự huyên náo nháo nhác càng làm cho họ như được giải thoát và hoan hỉ thầm kín bấy nhiêu.

Các cánh cửa phòng vệ sinh vẩy bắn từng mảng tường, long khỏi bản lề, chỉ còn bám lơ lửng vào khung. Người ta đi lướt từng phòng, nhòm vào bông lơ đôi ba tiếng, những anh chờ lượt, mồm ngậm phì phèo điệu xì gà nặng vồ

vai anh đang còn ngồi ì đó hai tay ôm đầu co rúm lại. Lắm anh rên rĩ như người bị thương hay như đàn bà rặn đẻ. Họ hù dọa các anh chàng táo bón bằng những thủ thuật tra khảo tài tình.

Khi có tiếng nước phọt ra báo hiệu một chỗ trống, là tiếng la ó lại dậy lên gấp bội xung quanh cái hốc vừa được bỏ không, mà người ta thường phải gieo đồng tiền sắp ngửa để xem ai giành được chỗ. Những tờ báo đọc chưa hết, dầy như những chiếc gối con, chỉ nháy mắt đã tan biến trong tay các nhà lao động trực tràng này. Khó nhận được rõ mặt họ vì khói thuốc mù mịt. Tôi không dám tới gần bởi cái mùi ở họ bốc ra.

Cái nghịch cảnh này thật rõ khéo phơi bày để làm chứng hùng một người khách lạ. Tất cả sự bừa bãi thâm kín ấy, sự suồng sã đường ruột kinh khủng ấy hoàn toàn trái ngược với những gì là gò bó câu thúc trên đường phố. Tôi không sao tránh khỏi choáng váng.

Tôi lên trên mặt đường vẫn bằng những bậc đá ấy để ngồi nghỉ cũng trên cái ghế băng ấy. Một sự quá lạm đột ngột về tiêu hóa và dung tực. Một phát hiện vui vẻ về chuyện cứt đá. Tôi gác sang bên những phương diện rồi mù trong cuộc phiêu lưu vừa rồi. Chẳng hơi sức đâu mà phân tích cũng như tiến hành một sự tổng hợp các phương diện ấy. Cái khẩn thiết bây giờ là kiếm chỗ ngủ đã. Chẳng có sự cuồng nhiệt nào lại thú vị và hiểm hoai đến thế?

Vậy là tôi bắt luôn vào dòng người đang tiến vào một trong những phố chính và chúng tôi cứ từng đoạn lại bị dồn ứ lại vì các cửa hàng xé nhỏ cái đám đông ấy thành từng nhóm vào các quầy hàng. Một khách sạn mở rộng cửa, tạo ra một sự lộn xộn lớn hơn. Từ các ngách cửa quay, người ta tóe ra hè phố, tôi thì bị ngoạm theo chiều ngược lại vào một tiền sảnh rộng lớn ở phía trong.

Thoạt tiên là ngõ ngàng. Cứ phải dò dò đoán đoán trước sự oai vệ và quy mô cao rộng của ngôi nhà. Bởi vì tất cả chìm trong bóng mờ ảo của những ngọn đèn đã được che bớt, phải mất một lúc mắt mới quen dần.

Trong cái ánh sáng mờ ảo ấy, nhiều cô gái trẻ ngồi lọt thỏm trong những chiếc ghế xa lông sâu, như những đồ trang sức còn bày trong hộp. Mấy tay

đàn ông hau háu lượn lờ, lạng lẽ đi đi lại lại với khoảng cách nhất định, tò mò và sợ sệt, trước một dãy những bộ giò bắt chéo lên để lộ những cặp đùi mang tất lụa tuyệt vời. Hình như những cô nàng huyền diệu ấy chờ ở đó những sự kiện rất quan trọng và rất đắt tiền. Dĩ nhiên tôi không phải đối tượng để các cô nghĩ đến. Nhưng, tôi cũng cứ đảo nhanh một lượt trước sự cám dỗ dài dài và hiển nhiên ấy.

Có lẽ đến một trăm cô gái tuyệt trần đã vén lên và sẵn sàng trên dãy ghế xa lông duy nhất. Tôi đi tới phòng tiếp tân mà đầu óc cứ mơ mơ màng màng vì vừa hưởng thụ một liều sắc đẹp quá mạnh đối với khí chất của tôi, người cứ lão đảo như say.

Một nhân viên chải chuốt đứng ở quầy hung hăng giao cho tôi một căn phòng. Tôi yêu cầu phòng nào nhỏ nhất trong khách sạn. Vào lúc ấy tôi chỉ có khoảng năm chục đô la trong túi, hầu như chẳng còn nghĩ ngợi gì mà cũng chẳng biết tin vào đâu cả.

Tôi hy vọng rằng căn phòng anh chàng nhân viên ấy dành cho tôi thật sự là căn phòng nhỏ nhất nước Mỹ, vì cái khách sạn của anh ta, khách sạn *Laugh Calvin*, vốn được quảng cáo là nơi đông khách nhất trong số những nhà trọ sang trọng nhất lục địa. Trên đầu tôi là những phòng trọ đầy đủ tiện nghi tiếp nối nhau vô tận! Ngay cạnh tôi, trong những chiếc ghế xa lông kia, những cám dỗ cường dâm hàng loạt! Những vực thăm! những hiểm họa! Nỗi thống khổ của kẻ nghèo đối với cái đẹp vậy là không bao giờ dứt được chẳng? Còn dai dẳng hơn cả cái đói chẳng? Nhưng chẳng còn thì giờ đâu mà gục ngã ở đó, các nhân viên khách sạn rất lanh lẹ đã giúi vào tay tôi một chiếc chìa khóa khá nặng. Tôi không dám động dẩy nữa.

Tôi bỗng thấy một chú bé nhanh nhẹn, ăn mặc như một ông tướng rất trẻ, vụt ra từ bóng tối; chờ lệnh chỉ huy. Tay nhân viên mày râu nhẵn nhụi gõ ba tiếng chuông và cu cậu kia huýt một tiếng còi. Họ dẫn tôi đi. Bắt đầu là thế. Chúng tôi rảo bước. Trước tiên qua một hành lang, bước chân rần rỏi, chúng tôi đi trong bóng tối, quả quyết như một đoàn xe điện ngầm. Người lái ấy là chú nhóc. Đến một góc, một chỗ ngoặt rồi thêm một chỗ ngoặt nữa. Đường đi

cong cong một chút. Qua hết chỗ đó. Đến thang máy. Cũng đã mệt. Đến nơi rồi à? Chưa. Còn một hành lang nữa. Tối hơn nữa, tường ốp gỗ mun nên tôi thấy chỗ nào cũng như thành vách cả. Tôi không có thì giờ để mà xem xét. Chú bé huýt còi, tay xách chiếc va li mảnh dẻ của tôi. Tôi không dám hỏi gì ở chú bé. Cái chính là phải đi đi đã, tôi biết thế. Trên lối đi tối om, đây đó một bóng đèn đỏ hay xanh vãi ra một chỉ lệnh. Những vạch vàng dài đánh dấu các cửa phòng. Chúng tôi đã vượt từ lâu các số 1800 rồi các số 3000, tuy vậy vẫn còn phải phó mặc cho cái định mệnh không thể cưỡng lại được của chính mình. Chú bé phục vụ đeo lon giông ruồi trên con đường không tên trong bóng tối ấy như theo bản năng của chính chú ta. Trong cái hang đó, chẳng có gì là bất ngờ đối với chú. Chiếc còi của chú chuyển giọng rền rĩ khi chúng tôi vượt qua một anh da đen hay một chị hầu phòng cũng da đen. Chỉ thế thôi.

Do phải cố gắng rảo bước chân, tôi đã đánh mất trên dọc những hành lang giống hệt nhau này cái chút ít sức khỏe còn lại nhờ ở việc thoát ra khỏi trạm Cách ly. Tôi cảm thấy mình tươi tắn như cái lều của tôi tươi tắn trước giông bão châu Phi trong những mùa lũ nước ấm. Tại đây, về phần mình, tôi rơi vào một ngọn thác lũ những cảm giác lạ lẫm. Có lúc tôi thấy như giữa hai thứ nhân loại đã đi tới chỗ vật lộn nhau trong trống rỗng.

Bỗng chú bé, không báo trước, quay ngoắt lại, chúng tôi đã tới. Tôi đụng vào một cánh cửa, đó là phòng của tôi, một cái hộp to với vách gỗ mun. Chẳng có gì trên mặt bàn, ngoài ánh đèn leo lét xanh lè. “Giám đốc khách sạn *Laugh Calvin* thông báo với du khách rằng sự thân thiện đã được thừa nhận đối với ngài và Giám đốc khách sạn sẽ nhận phần trách nhiệm lo lắng gìn giữ niềm vui của du khách trong suốt thời gian lưu lại New York”. Đọc cái lời rao đặt vào chỗ dễ thấy lại càng khiến cho tôi thêm chán ngán.

Khi còn lại một mình, lại càng tồi tệ hơn. Cả cái nước Mỹ này đến quấy nhiễu tôi, đặt cho tôi biết bao nhiêu vấn đề to lớn, và gieo vào tôi những linh cảm xấu xa, ở ngay trong cái phòng này.

Nằm trên giường, âu lo nặng trĩu, tôi thử làm quen với căn phòng nửa tối nửa sáng này để bắt đầu. Cạnh cửa sổ phòng, từng lúc lại có tiếng gầm rít

rung chuyển cả những bức tường thành. Một chuyến métro lộ thiên vừa chạy qua. Nó lao giữa hai đường phố trước mặt như một quả trái phá, đầy những thân hình run rẩy và bầm bỗ, nó giật giật từ quận này sang quận khác của cái thành phố đồng bóng này. Nó chạy đã xa mà tiếng gầm rú vẫn còn vọng lại phía sau từ bức tường này qua bức tường khác, khi nó đã phóng đến một trăm cây số giờ. Giờ ăn tôi đến trong tình trạng mệt lả như thế, rồi giờ ngủ nữa.

Cái làm tôi rối ruột nhất chính là đoàn tàu métro hung dữ. Phía bên kia giếng cạn, trên bức tường thành ấy đã bật sáng ở một rồi hai căn phòng, rồi hàng chục căn. Phía trong một vài phòng, tôi có thể thấy những gì diễn ra. Đó là những cặp vợ chồng đi ngủ. Những người Mỹ này hình như cũng giống người mình, cũng sụm đi sau lúc sáu giờ chiều ^[89*]. Đàn bà thì đùi vế rất đầy đặn nhưng cũng rất xanh xao, ít nhất là mấy người tôi thấy rõ ở đây. Đàn ông phần lớn vừa cạo râu vừa hút thuốc xì gà trước khi đi ngủ.

Vào giường họ bỏ kính ra trước rồi bỏ hai hàm răng giả vào cái cốc đặt ở chỗ dễ thấy. Họ không có vẻ gì là trò chuyện với nhau, giữa những người khác giới, hoàn toàn như ngoài phố. Có thể nói, họ là những con vật to xác rất dễ bảo, quen với những chuyện buồn chán rồi. Chỉ thấy có hai cặp đèn đèn sáng, làm với nhau những gì tôi chờ đợi, mà cũng không dữ dằn gì lắm. Còn những người đàn bà khác thì ăn kẹo trên giường trong khi chờ chồng rửa ráy.

Thế rồi đèn tắt phụt hết.

Người ngủ, trông thật đến buồn, thấy rõ được họ thay kế việc đời muốn ra sao thì ra, chẳng cần tìm hiểu ngay bản thân mình thế nào, tại sao lại ở đây. Mọi cái chẳng liên can gì đến họ. Họ ngủ thế nào cũng xong, đó là những con người đầy dũng cảm và nhiệt huyết hoặc cũng là những con người rất trâng tráo, ngu đần, không nhạy cảm, là người Mỹ hay người gì cũng thế thôi. Họ luôn luôn cố giữ cho lương tâm thanh thản.

Tôi đã thấy ở đây quá nhiều thứ không rõ ràng để mà thỏa mãn. Tôi biết quá nhiều và biết chưa đủ. Bụng bảo dạ, phải đi thôi, đi nữa. Có thể may sẽ gặp được Robinson đấy. Dĩ nhiên đó là một ý nghĩ ngốc nghếch nhưng tôi lại lấy đó làm một lý do để mà ra đi nữa, huống chi cứ lẩn lóc giờ mình trên cái

giường con này mãi thì cũng không sao chợp mắt được. Giá có thủ dâm trong trường hợp ấy thì cũng chẳng an ủi, chẳng giải khuây được chút nào. Quả là thất vọng.

Tôi tệ nhất là cứ phải tự hỏi xem liệu ngày mai có tìm được đủ sức mà tiếp tục làm những việc mình đã làm hôm trước và đã làm từ đã quá lâu rồi, lấy đâu ra sức cho những hành động xuân ngốc này, cho hàng nghìn dự kiến chẳng đi đến đâu này, cho những mưu toan nhằm thoát ra khỏi cái tất yếu nặng trĩu, những mưu toan luôn luôn thất bại, và rút cục tất cả những cái đó cũng chỉ để một lần nữa mình tự thuyết phục mình rằng không thể vượt qua định mệnh, cứ đành tối tối tiếp tục nằm bẹp dưới chân bức thành này, ôm nặng mỗi kinh hoàng về cái ngày mai luôn luôn bấp bênh hơn, nhơ nhớp hơn.

Có thể là cả tuổi tác cũng đuổi theo mình và đe dọa những điều xấu hơn, đồ bực ác! Sẵn của đâu để mà hoang phí cuộc đời thế! Cả cái tuổi thanh xuân đã phải đi chết ở tận chân trời góc biển trong sự lặng thinh của chân lý. Mà ra ngoài thì đi đâu, tôi xin hỏi anh, khi mà mình không còn đủ được cái khoản hoang tưởng trong người? Chân lý, đó là cơn hấp hối không bao giờ kết thúc. Chân lý trên đời này, đó là cái chết. Phải chọn thôi, chết hay nói dối. Tôi chưa bao giờ có thể tự sát cả.

Thôi thì tốt hơn hết hãy cứ ra ngoài phố, một cuộc tự sát nho nhỏ. Mỗi người đều có tài vật của mình, phương pháp của riêng mình để chinh phục cái ngủ và cái ăn. Phải làm thế nào ngủ được một cái để còn lấy lại đủ sức kiếm lấy miếng bánh cho ngày mai. Phải lấy lại hăng say, có thể thì mai mới tìm được một công việc gì và trong lúc chờ đợi, phải ngay tức khắc vượt qua được cái làm mình mất ngủ. Đừng tưởng dễ mà ngủ được một khi trong đầu anh nghi ngờ mọi sự, và nhất là người ta lại gây cho anh bao nỗi sợ.

Tôi mặc quần áo quấy quá thế nào nên thế, chạy được đến thang máy nhưng hơi lấm cà lấm cấm. Liệu tôi có nên đảo qua cái tiền sảnh để ngắm những hàng những dãy các cô nàng xinh đẹp mê hồn với những cặp giò quyến rũ, những khuôn mặt thanh tú và nghiêm khắc. Tóm lại đó là những mỹ nhân, những mỹ nhân níu khách. Người ta thì có thể thử xem, còn tôi, tôi

lại sợ bị giữ lại. Lắm cái phức tạp. Hầu như tất cả những ham muốn của kẻ nghèo đều bị trừng phạt bằng nhà lao. Và đường phố lại thu hút tôi. Không còn cái đám đông như trước nữa. Đám đông này tỏ ra táo bạo hơn, nhấp nhô suốt dọc các vỉa hè, như thể họ được đặt chân đến một đất nước đỡ cần cỏi hơn, đất nước để giải trí, đất nước của chiều tối.

Họ tiến về phía có những dãy đèn treo trong bóng đêm tận từ xa, những con rân nhiều màu sắc vùng vẫy. Người từ các phố xung quanh đổ dồn vào. Tôi nghĩ, người đông thế kia hẳn là hốt lắm đô la, chỉ một món mùi xoa chẳng hạn, hay món tất lụa! Hay chỉ món thuốc lá thôi! Nói luôn cái thân mình, thiên hạ đi dạo trên cái đông của ấy, nhưng họ chẳng cho anh lấy một đồng xu nào, dù chỉ để ăn! Thật là thất vọng khi nghĩ đến chuyện ấy, đã bao nhiêu lần người ta cấm không được chống đối lẫn nhau, giữa nhà này với nhà kia cũng vậy.

Tôi cũng lê gót tiến về phía sáng đèn ấy, một rạp chiếu bóng, rồi một rạp khác ngay bên cạnh, rồi lại một rạp nữa và cứ thế suốt dọc phố. Mỗi rạp lại hút đi từng mảng lớn của đám đông. Tôi chọn một rạp chiếu bóng treo ảnh nhiều phụ nữ mặc đồ lót với những bộ đùi đẹp làm sao! Thưa các ngài! Năng cân đấy! Phong phú đấy! Chính xác đấy! Lại còn những cái đầu xinh xắn trên đó nữa chứ, cứ như tranh vẽ cả, tinh tế, mảnh mai bạng bút chì, không có gì phải sửa, hoàn hảo, không chút lơ là, không một vết nhòe, tôi đã nói hoàn hảo mà, xinh xắn nhưng đồng thời lại rắn rỏi và súc tích. Tất cả những gì mà cuộc sống có thể làm nảy nở một cách nguy hiểm nhất, một cách thật sự hớ hênh của cái đẹp, thì đều có thể thấy ở những hờ hang trên những trang giai nhân tuyệt thế và hài hòa sâu sắc này.

Trong rạp chiếu bóng, không khí tốt lành, êm ái và ấm cúng. Những ống đàn oóc to cao, tiếng cũng dịu dàng như trong nhà thờ lớn, nhưng những ống đàn trông như những cặp đùi ấy sẽ có thể kích thích cô nàng nào đây. Không bỏ lỡ một phút. Tôi lao ngay vào với lời xin lỗi tẻ nhạt. Ai có làm gì thì cũng thây kệ, cứ nghĩ rằng cuối cùng thì thiên hạ đều có thể trở nên độ lượng cả thôi. Tự nó đã gần như thế rồi.

Thế là những mộng ước trong đêm lại càng nồng cháy trong cái ảo ảnh của làn ánh sáng đang chuyển động. Không phải cái gì diễn ra trên màn ảnh đều sinh động cả, trong đó vẫn còn một mảng lớn mù mờ dành cho người nghèo, người mơ mộng và người chết. Phải mau mau nhồi nhét ước mơ, lách ra cuộc đời bên ngoài, ngay cửa rạp, để thông qua cái tàn bạo của sự vật và con người này mà kéo dài thêm lấy vài ngày. Chọn lấy những giấc mơ nào sưởi ấm nhiều nhất cho tâm hồn. Xin thú thật, đối với tôi, đó là những con lợn. Chớ có tự phụ, người ta chỉ giành được phép lạ chừng nào có thể giữ được phép lạ. Một cô gái tóc vàng với cặp vú và cái gáy không thể nào quên đã xuất hiện đúng lúc để phá tan cái im ắng của màn ảnh bằng một bài ca nói về nỗi cô quạnh của cô ta. Có lẽ mọi người phát khóc lên mất.

Cái ấy mới tốt làm sao! Hào hứng lắm sao! Tôi đã cảm thấy nó ngay, cứ gọi là ít nhất cũng hai ngày nữa vẫn còn thấy ngập tràn hăng hái trong da thịt. Không chờ đến lúc bật đèn trong rạp. Ngay bây giờ tôi đã sẵn sàng giải quyết được cái ngủ sau khi hấp thụ chút ít vào tâm hồn mình cái cơn mê sáng tuyệt diệu ấy.

Trở lại *Laugh Calvin*, mặc dầu tôi chào cậu gác cửa hân hoan nhưng cậu ta cứ phớt lờ chẳng thèm chào lại như các cậu ở bên mình. Tôi cũng chẳng chấp làm gì những kẻ khinh người này. Cuộc sống nội tâm mãnh liệt tự nó cũng đủ làm tan chảy hai chục năm đóng băng. Là thế đó.

Trong phòng, tôi vừa nhắm mắt đã thấy luôn cô gái tóc vàng đến hát lại cho mình tôi nghe toàn bộ bài ca du dương về cảnh ngộ đơn chiếc tuyệt vọng của cô. Có thể nói rằng tôi đã tiếp sức để cô ru tôi ngủ và tôi đã ngủ thật ngon lành... Tôi không còn hoàn toàn cô đơn nữa... Quả là không tài nào ngủ một mình...

Để ăn uống dè sẻn ở Mỹ, có thể đến các góc phố nhỏ kiếm mua một cái bánh nóng nhỏ kẹp khúc xúc xích, thật thuận tiện mà chẳng đắt là bao. Dĩ nhiên là ăn uống trong khu phố nghèo chẳng làm cho tôi ngượng ngùng, nhưng không còn bao giờ được gặp những người đẹp do tạo hóa sinh ra cho người giàu, cái ấy mới thật đau buồn chứ. Thà rằng không ăn cho xong.

Tại *Laugh Calvin*, tôi còn có thể qua lại trên tấm thảm dày, làm ra vẻ tìm kiếm ai đó giữa những người đàn bà quá đẹp nơi cửa ra vào, còn có thể bạo dạn dần dần trong cái môi trường lập lờ ấy. Thú thật rằng nghĩ đến đó tôi càng thấy các cậu trên thuyền *Infanta Combitta* là có lý, qua kinh nghiệm tôi nhận ra mình quả là không có phong cách đích thực của một thằng khố rách. Anh em trên thuyền có mắng mỏ tôi thì cũng đáng. Tuy thế, tôi vẫn cứ không lấy lại được lòng can đảm. Tôi đến phải tăng thêm liều lượng của cái liệu pháp chiếu bóng mất thôi. Nhưng cái đó cũng chỉ đủ giúp cho tôi lấy lại được hứng thú làm một hai cuộc đi dạo. Chẳng có gì hơn. Ở châu Phi, tất nhiên tôi đã phải trải qua một thứ cô đơn khá là tàn bạo, nhưng tình trạng cô đơn trong cái tổ kiến Mỹ này lại dẫn đến một bước ngoặt còn nặng nề hơn.

Tôi luôn luôn sợ rằng mình sắp thành trống rỗng, rằng rút cục thì cũng chẳng có lý do chính đáng nào để tồn tại. Lúc này tôi đang đứng trước những sự thật hiển nhiên về cái hư vô của cá nhân mình. Vốn có những thói quen hèn kém, nên trong cái môi trường quá khác biệt này, tôi thấy ngay là mình như bị tiêu tan. Thật đơn giản là không nên tồn tại làm gì. Ngay khi phát hiện ra rằng người ta không nói với mình những chuyện thân mật, thì chẳng còn gì ngăn cản được tôi chìm đắm vào một nỗi lo âu không sao gượng lại được, chìm đắm vào một thứ thảm họa tinh thần kinh khủng nhưng lại ngọt ngào đầu lưỡi. Một sự tởm lợm.

Trước hôm quãng đồng đô la cuối cùng vào cuộc phiêu lưu này, tôi vẫn còn buồn chán. Đến mức chẳng chiết đến việc tìm xem có cách gì xoay sở gấp gáp nhất. Bản thân chúng ta, về thực chất, đều phù phiếm, chỉ nhờ có

những trò giải trí mới ngăn cho chúng ta thật sự khỏi chết. Về phần mình, tôi bám vào cái liệu pháp chiếu bóng với một nhiệt tình vô vọng.

Ra khỏi cảnh tối tăm cuồn cuộn của khách sạn, tôi còn thử làm vài cuộc bách bộ trên các phố lớn quanh đây, cuộc dạo chơi vô vị dưới chân những ngôi nhà cao đến chóng mặt. Nỗi chán chường của tôi càng chồng chất trước những mặt tiền hào nhoáng mênh mông của những ngôi nhà, trước cái đơn điệu bày ra trên các vỉa hè, các viên gạch và các dãy ghế băng kéo dài vô tận và lại còn buồn với bán nửa chứ, căn bệnh lở loét của thế giới này, rục lên những trò quảng cáo đầy hứa hẹn và cũng đầy mụn nhọt. Lãi nhải có đến mười vạn lời dôi trá.

Bên phía bờ sông, tôi đi khắp các hang cùng ngõ hẻm, kích thước bình thường như nhau, nghĩa là từ chỗ hè phố tôi đứng có thể ném vỡ các ô cửa kính trên một ngôi nhà trước mặt.

Ở những khu phố này luôn luôn khen khét mùi mỡ rán, các cửa hàng không dám bày hàng ra ngoài vì lo mất cắp. Tất cả cảnh này gợi nhớ những khu xung quanh cái nhà thương tôi nằm ở Villejuif ^[90*] nhớ cả những đứa trẻ còn bé tẹo với hai đầu gối to tướng và đôi chân khoèo lê la trên các hè phố, cũng như nhớ tiếng đàn oóc trong những phiên chợ. Giá tôi cứ ở lại đây với họ mà lại hay, nhưng họ những người nghèo kiệt ấy lấy gì để nuôi tôi còn tôi thì luôn luôn thấy tất cả những gì ở họ và cái sự khổ cực quá thể của họ khiến tôi phát khiếp. Thế là cuối cùng tôi quay trở lại khu phố lớn. Tôi tự xỉ vả mình: “Đồ khốn kiếp! Thật ra thì mày là đứa chẳng có đạo đức gì cả!” Thôi thì cứ đành nhẫn nhục, để mỗi ngày lại hiểu mình thêm, vào cái lúc mà anh thiếu dũng khí để kết thúc một lần cho xong những tiếng than thở của chính anh.

Một chuyến xe điện cổ lỗ chạy dọc bờ sông Hudson vào trung tâm thành phố, rùng rùng trên những trục bánh và cái khung xe run rẩy. Mỗi chuyến phải mất đến một tiếng đồng hồ. Hành khách đi tàu không khỏi sốt ruột nối đuôi nhau tự bỏ tiền vào một cái giống như cối xay cà phê để lấy vé. Anh soát vé chỉ đứng nhìn hành khách làm việc đó, anh ta ăn mặc cũng giống như

các tay soát vé bên mình, một thứ đồng phục của “lính dân vệ Ban-căng bị bắt làm tù binh”.

Cuối cùng thì tôi cũng về đến nơi, mệt bã người sau những cuộc bách bộ dân túy, trở lại với một dãy dài bất tận những mỹ nhân ở cái tiền sảnh cò khoang và tôi lại qua đó luôn luôn với tâm trạng mộng mơ và ao ước.

Bụng đói cồn cào nhưng không dám moi túi xem mình còn bao nhiêu. Tôi nghĩ bụng, miễn là Lola đừng chọn lúc này để vắng mặt... Nhưng trước hết, liệu cô nàng có muốn tiếp mình không đã? Tôi có nên đến để bòn cô ta lấy năm chục hoặc một trăm đô để mở đầu không?... Tôi do dự, cảm thấy rằng mình chỉ có thể đủ can đảm để cùng một lúc giải quyết cái ăn và cái ngủ. Xong được chuyện này tôi sẽ tức khắc đi lòng cho ra Robinson, tức là ngay sau khi tôi đã lấy lại được sức. Robinson không phải thứ người như tôi đâu! Ít nhất thì cũng là một con người quả quyết! Một tay gan dạ! Chà! Cậu ta hẳn đã biết được lắm phép, lắm trò về nước Mỹ này! Có thể là cậu ta có được một phương pháp để đạt tới sự vững vàng và bình tĩnh này, điều mà tôi hoàn toàn thiếu...

Nếu cậu ta cũng đi trên một chiếc thuyền ga-le, như tôi thường hình dung, và đã lê lết trên cái bến ấy trước hăn tôi, thì chắc chắn là vào giờ này, cậu ta đã tạo được cho mình một vị thế như người Mỹ rồi! Sự nhộn nhịp bình thản của những con người ngờ nghệch được một công việc văn phòng nào đó mà tôi đã đọc thấy trên các tờ quảng cáo ngoài phố... Nhưng nghĩ đến việc làm sao lọt được vào những ngôi nhà như thế là tôi đã phát sợ và có lẽ sẽ ngã xiu vì nhút nhát. Cái khách sạn này cũng đã đủ lắm rồi. Một nhà mồ khổng lồ và nhộn nhịp một cách bỉ ổi.

Có thể là đối với những người đã quen thì chẳng chút nào bị tác động như tôi trước những đồng chất liệu ngồn ngộn và những cửa hàng buôn bán san sát như tổ ong, những giàn giáo xây dựng vô tận. Đối với họ, có thể đó là sự an toàn trước tất cả những tai họa đang lơ lửng trên đầu, còn đối với tôi thì đó là sự an toàn trước tất cả những tai họa đang lơ lửng trên đầu, còn đối với tôi thì đó chẳng có gì hơn là một hệ thống những sự gò bó, bằng gạch, bằng

những hành lang, những ổ khóa, những ghi sê, một sự tra tấn bằng một nền kiến trúc khổng lồ, liên miên không dứt.

Triết lý chẳng qua cũng chỉ là một cách sợ sệt và chỉ đem đến những ảo ảnh hèn nhát.

Trong túi chỉ còn có ba đô la, tôi nhìn chúng nhẩy nhót trong lòng bàn tay dưới ánh đèn quảng cáo ở Công viên Thời đại, cái công viên nhỏ và lạ lùng này là nơi mà quảng cáo thi nhau vọt qua đầu đám đông bận rộn chọn tìm một rạp chiếu bóng. Tôi thì tìm cho mình một nhà ăn nào thật rẻ và tôi đã tới được một trong những nhà ăn công cộng theo khẩu phần. Tại đó dịch vụ được rút xuống đến mức tối thiểu và nghi lễ ẩm thực được đơn giản hóa vừa đủ cho nhu cầu tự nhiên.

Vừa vào cửa là anh được trao vào tay một cái khay và anh xếp vào hàng đợi lượt. Chờ đợi. Cạnh tôi, những phụ nữ rất ư xinh xắn cũng là những ứng viên bữa tối như tôi nhưng chẳng ai nói lấy một lời... Tôi nghĩ bụng, giá bây giờ mình tự ý gợi chuyện với một trong những cô gái này, cái cô mũi thẳng và đóm dáng kia, chắc hẳn sẽ có tác động kỳ cục lắm đây. Mình sẽ bảo: “Này cô ơi, tôi giàu tiền, giàu lắm... Xin cô cho biết cô ưng món gì...”. Thế là tất cả những gì mới trước đó còn quá phức tạp thì lập tức sẽ trở thành đơn giản ngay thôi, có thể tuyệt diệu nữa là khác... Mọi cái sẽ biến hóa và cái thế giới thù nghịch ghê gớm này sẽ tức khắc lẫn lóc dưới chân anh như một cục tròn xảo trá, mượt mà, dễ khiến. Và, có thể ngay cùng lúc, người ta sẽ mất đi cái thói quen đã tàn tạ về những ước mơ thành đạt, gặp may, vì tất cả những cái đó đã có thể rời mó được trên từng đầu ngón tay mình. Cuộc sống của những kẻ không phương kế chỉ là một sự cự tuyệt dài dài trong cơn mê sáng dài dài mà mình thật sự không hay biết và mình cũng chỉ trao được những gì mình có. Về phần tôi, mãi miết theo đuổi những mộng mị, tôi chỉ có cái lương tâm gió lùa, cái lương tâm đã mang hàng nghìn kẻ nứt, đã hỏng hóc một cách ghê tởm.

Trong lúc chờ đợi, tôi chẳng dám khởi đầu câu chuyện vô thưởng vô phạt với đám thanh niên trong quán. Tôi bưng cái khay một cách khôn ngoan, lặng

lễ. Khi đến lượt tới trước một dãy những chiếc đĩa bằng sứ đầy những khúc dồi và đậu, tôi nhận tất cả những gì người ta đưa cho. Nhà ăn tập thể này khá sạch sẽ, rất sáng sủa khiến người ta cảm thấy mình nổi lên trên nền nhà đá hoa như một con ruồi nổi trong bát sữa.

Các cô phục vụ, trông như những nữ y tá, đứng sau các liễn mì sợi, cơm và mứt quả. Mỗi cô chuyên một việc. Tôi được mấy cô kháu khỉnh nhất mức cho các thứ. Hiềm một nỗi là họ chẳng hé một nụ cười với khách. Lấy đủ thức ăn rồi, anh cứ việc nhẹ nhàng kiểm ghế ngồi, dành chỗ cho người khác. Bước chân chậm rãi với khay thức ăn cân bằng trên tay như đi qua phòng mổ. Khác hẳn với khách sạn *Laugh Calvin* và căn phòng nhỏ vách gỗ mun viền vàng của tôi.

Nhưng, nếu như họ dội xuống khách hàng chúng ta quá thừa thãi ánh sáng như vậy, nếu như họ lôi chúng ta nhất thời ra khỏi cảnh tối tăm quen thuộc, thì cái đó cũng là nằm trong ý đồ của họ. Chủ quán này có ý lắm đấy. Mình phải liệu chừng. Trò này gây một hiệu quả lạ lùng, là sau những ngày sống trong tăm tối bỗng anh được tắm trong dòng thác sáng rực. Với tôi, trò này có thể gây thêm một thứ hoang tưởng phụ nho nhỏ nữa. Nhưng tôi thì quả thật chẳng thiếu cái đó bao nhiêu.

Dưới cái bàn nhỏ dành cho tôi bằng dung nham không một vết xước, tôi không biết giấu chân mình vào đâu; đặt chân chỗ nào cũng bị thò ra. Giá quảng đi đâu được thì cũng quảng cho rồi, vì ở phía cửa, người qua lại cứ nhòm vào. Họ chờ chúng tôi ăn xong là nhảy vào chiếm lấy bàn. Càng thấy cái thuật chiếu sáng của nhà hàng, họ biến chúng tôi thành những thứ quảng cáo sống, gọi thêm cho những người ngoài kia. Mấy quả dâu trên miếng bánh ga tô của tôi lấp lánh ánh sáng làm cho tôi không biết có nên nuốt hay không.

Chẳng ai thoát khỏi ngón buôn của người Mỹ.

Qua ánh đèn sáng chói và sự gò bó, dẫu sao tôi vẫn nhận ra được một cô phục vụ rất xinh đi đi lại lại ngay gần sát bàn tôi, và định bụng không bỏ sót một cử chỉ đẹp nào của cô ta.

Khi đến lượt cô ta thay đĩa ăn, tôi để ý nhìn kỹ đôi mắt của cô, bất chợt

thấy đuôi mắt rất sắc, phải là mắt con cháu phụ nữ xứ mình. Mi mắt cũng hơi cong hướng lên lông mày về phía thái dương. Tóm lại là coi bộ dữ dằn, nhưng cũng chỉ vừa mức, một nét dữ mà người ta vẫn ôm hôn được, một vị đắng quái quỉ giống như vị đắng của rượu vang vùng sông Rhin, tuy đắng mà ngon ^[91*].

Khi cô phục vụ ấy đến gần, tôi ra dấu kín đáo như thể đã quen biết cô. Cô ta nhìn tôi như một con vật không có vẻ gì là vừa lòng, tuy thế cũng nhìn chăm chú. Tôi nghĩ thầm: “Thế cũng tốt, đây là người phụ nữ Mỹ đầu tiên buộc phải nhìn kỹ mình đây”.

Ăn xong miếng bánh phản chiếu ánh đèn, tất nhiên tôi phải nhường chỗ cho người khác. Thế là, đầu hơi chuểnh choáng, lẽ ra phải đi theo con đường ra thẳng ngoài cửa, thì tôi lại mặc kệ tay thủ quỹ chờ trả tiền, lao bừa về phía cô gái tóc vàng, nghênh nga nghênh ngang một cách khác thường giữa những làn ánh sáng có khuôn phép ấy.

Cả hai mươi năm cô phục vụ đứng ở vị trí của mình sau những món ninh hầm, đều ra hiệu cho tôi biết đã lầm đường lạc lối rồi. Tôi cũng thấy có sự nhốn nháo trong những người đang xếp hàng bên ngoài cửa kính, và cả những người đang ăn ở phía sau tôi cũng ngồi đứng không yên. Cái trật tự công cộng ở đây vừa bị tôi phá quấy. Mọi người xung quanh đều hết sức ngạc nhiên. Họ bảo nhau: “Thằng cha này ít nhất cũng là một thằng ngoại quốc!”

Nhưng tôi có ý nghĩ của tôi, ý nghĩ đáng giá lắm chứ, tôi không còn muốn buông tha cô gái đẹp đã phục vụ tôi. Cô ta, cô gái xinh xắn ấy đã nhìn tôi, mặc cô ta. Tôi sống đơn độc như thế quá đủ rồi! Chẳng còn mơ mộng! Chẳng còn thiện cảm! Chẳng còn tiếp xúc! “Cô ơi, cô biết tôi còn quá ít, nhưng tôi thì đã yêu cô, cô có muốn chúng ta kết hôn không?....” Đó, tôi đã gọi hỏi cô ta theo cách đó, cách trung thực nhất.

Nhưng tôi có bao giờ nhận được câu trả lời của cô, vì một tay bảo vệ to lớn, cũng mặc toàn đồ trắng, đã xuất hiện tức khắc và đẩy tôi ra ngoài, chính đáng, đơn giản, không chửi rủa cũng không thô bạo, xua đuổi tôi vào đêm tối như xua đuổi một con chó ỉa bậy.

Mọi việc đó diễn ra bình thường, hợp lệ, tôi chẳng có ý gì để nói cả.
Tôi lại đi ngược về phía *Laugh Calvin*.

Trong phòng tôi, vẫn những tiếng ầm ầm như sấm sét của đoàn métro, vang vang xồng xộc từng hồi như thể nó đang từ phía xa lao thẳng vào mình. Mỗi chuyển nó lao qua là tưởng như nó lôi theo tất cả mọi cầu cống của nó để phá tan thành phố này ra, và rồi lẫn trong những tiếng rít ròi rạc của máy móc đó, là tiếng lao xao uể oải của đám đông nhộn nhạo từ tít dưới đường phố vọng lên, ngập ngừng, tẻ ngắt, luôn luôn muốn đi tiếp rồi lại ngập ngừng, lại quay lại. Một thứ bát nháo của những con người thành phố.

Từ trên cao nơi tôi đứng, tha hồ mà gào thét trên đầu họ. Tôi đã thử. Tôi ghê tởm họ. Nhưng tôi chẳng có gan nói với họ lúc ban ngày, khi giáp mặt nhau, còn bây giờ, tít tặn trên cao này, chẳng có gì phải lo, tôi gào tướng lên: “Cứu tôi với! Cứu tôi với!”, chỉ cốt xem có tác động gì đến họ không. Họ vẫn đứng đưng. Những con người ấy đang xô đẩy cuộc sống và đêm và ngày trước mặt họ. Cuộc sống che lấp tất cả không cho họ thấy được gì. Trong tiếng động của chính mình, họ không nghe thấy gì hết. Họ thây kệ. Và thành phố càng lớn, càng cao thì họ càng thây kệ. Tôi xin nói với bạn như thế. Tôi đã thử. Vô ích.

Duy nhất chỉ vì những lý do tiền bạc, nhưng lại khẩn trương và cấp bách biết bao, tôi phải bỏ công ra tìm Lola! Ngoại trừ sự cần thiết thảm hại ấy ra, có lẽ tôi kệ xác cô ta già khom và biến luôn, không bao giờ còn gặp lại cô bạn nhỏ điểm dàng ấy nữa! Tóm lại, đối với tôi, cô ta đã xử sự xấc xược quá xá, càng nghĩ càng thấy điều đó hình như không còn gì phải nghi ngờ.

Cái tính vị kỷ của những con người sống lẫn với mình, đến lúc về già, ta ngồi nghĩ lại, mới thấy nó bộc lộ hiển nhiên, cũng như gang như thép, như bạch kim, và có thể nó còn tồn tại lâu hơn cả chính thời gian nữa.

Trong lúc đang còn thanh xuân, với những sự vô tình khô khan nhất, những điều thô lỗ trơ trẽn nhất, thì người ta cũng còn tìm được cho mình những lý do của những ngông cuồng vì tình ái và rồi tôi cũng chẳng biết đó là những biểu hiện gì của một thứ chủ nghĩa lãng mạn chưa thành thực. Nhưng sau này, khi cuộc sống đã chỉ cho anh thấy rõ tất cả những gì nó có thể đòi hỏi về tính xảo quyệt, tính tàn bạo, tính ranh ma chỉ cốt làm sao tạm tạm duy trì được cái thân nhiệt 37 độ, thì ta mới biết được, mới cố định được cái chỗ đứng thích hợp với mình, để mà hiểu được tất cả những trò dơ dáy của một quá khứ. Tất cả là, chỉ cần soi kỹ vào bản thân mình và soi vào cái đã làm cho mình thực tế trở thành rác rưởi. Chẳng còn gì bí mật, chẳng có gì là ngớ ngẩn, người ta ngốn đi hết cả những gì là thi vị là tình cảm bởi người ta đã sống đến tận lúc đó. Và đời thế là tong.

Cuối cùng thì, với khá nhiều vất vả, tôi cũng tìm ra được cô bạn bé nhỏ thô lỗ, tại tầng lầu thứ hai mươi ba, phố 77. Kể cũng thật lạ lùng, những con người ở đây sao mà đáng ghét khi ta định hỏi nhờ họ một chút. Nhà cô em thuộc loại sang trọng và đúng với kiểu cách tôi dự đoán.

Được thấm đẫm trước những liều lượng lớn về chiếu bóng, tôi cảm thấy gần như sáng khoái về mặt tinh thần, ngoi được lên khỏi nỗi chán chường tôi phải chống chọi suốt từ khi đổ bộ lên New York, và cái tiếp xúc đầu tiên đã không đến nỗi khó chịu như tôi dự kiến. Lola hình như không chút nào tỏ ra

bất ngờ khi gặp lại tôi, chỉ có ái ngại khi nhìn kỹ tôi.

Tôi cố khơi mào bằng câu chuyện vô thưởng vô phạt dựa vào những đề tài có sẵn trong quá khứ của hai đứa và tất nhiên là cũng phải cân nhắc trong từ ngữ được chừng nào tốt chừng ấy, trong đó có nhắc nhưng không quá nhấn mạnh về thời kỳ chiến tranh. Song đây lại là một lỗi lầm nghiêm trọng của tôi. Tôi không biết rằng cô không còn muốn nghe nói tí gì đến chiến tranh nữa. Nó đã làm cho cô già đi. Phạt ý, cô đốp chát luôn, rằng nếu cô gặp tôi ngoài đường phố có lẽ đã chẳng nhận được ra, vì tuổi tác đã làm cho tôi có những nếp nhăn, phị ra và trông đến buồn cười. Cái xã giao lịch sự của chúng tôi lúc ấy là thế đó. Hình như cô nhỏ dẽ dàng này tưởng có thể đã trúng tôi bằng những luận điệu lập đi lập lại như thế. Tôi chẳng thèm đáp lại những lời xấc xược ti tiện ấy làm gì.

Đồ đạc trong nhà không có vẻ gì là duyên dáng lạ lẫm cả mà phóng khoáng, chịu được, ít nhất là đối với tôi, từ khi rời khỏi khách sạn *Laugh Calvin*.

Cái phương pháp và những chi tiết của một cơ ngơi phát lên mau chóng thường cho anh ấn tượng của một trò ảo thuật. Từ chuyện phát lên của Musyne và của mụ Herote, tôi hiểu ra rằng cái lỗ tròn quả là một mỏ vàng nho nhỏ của đám nghèo. Những chuyện đột nhiên thay lông đổi lột của cánh đàn bà ấy làm cho tôi có thể, giả dụ như, đưa đồng đô la cuối cùng cho mụ gác cổng của Lola chỉ để được nghe mụ kể mọi chuyện.

Nhưng nhà cô không có mụ gác cổng. Toàn thành phố này thiếu các mụ gác cổng. Một thành phố mà không có các mụ gác cổng thì chẳng có chuyện gì nói, chẳng có mùi vị gì, nhạt nhẽo như bát súp không muối, không tiêu, một thứ ra gu chẳng ra làm sao. Ôi! một thứ mùng thớt ngon lành! Rác rưởi, rải rớt trong các phòng the, nhà bếp, gác lửng tuôn ra rì rỉ từ phòng mụ gác cổng, tràn trề cuộc sống, một thứ địa ngục thú vị làm sao! Một số mụ gác cổng bên xứ mình không cưỡng nổi nhiệm vụ, ta thấy các mụ cộc lốc, ho hắng, khoái trá, sừng sốt, đó là vì các mụ đã bị u mê vì Chân lý của những nỗi thống khổ đó, suy mòn vì cái Chân lý đó.

Chống lại sự ghê tởm của nghèo nàn, ta phải thừa nhận đó là một nghĩa vụ, muốn thế phải thử bằng mọi cách, say sưa bằng bất cứ cái gì, bằng rượu mà phải thử rượu rẻ tiền, bằng thủ dâm, bằng chiếu bóng. Mà cũng chẳng nên khó tính, chẳng nên “đặc thù” như người ta nói ở Mỹ. Mấy mục gác cổng bên mình cung cấp, lúc hơn bù lúc kém, cứ đồng ý là thế đi, cho những ai biết cách nhận lấy và ấp ủ ngay vào sát trái tim mình cái mối hờn căm làm tất cả và chẳng để làm gì cả nhưng cũng đủ để nổ tung một thế giới. Ở New York, người ta thiếu một cách tòi tệ cái chất kích thích cốt tử ấy, rất tầm thường mà lại rất sinh động, không thể bác bỏ được, không có nó thì trí tuệ sẽ bị tắc nghẽn, chỉ còn biết băng quơ nói xấu người khác và lấp bấp mấy câu vu khống nhạt phèo. Không có mục gác cổng thì chẳng ai để gì mà cắn câu, để gì bị tổn thương, bị rạch ra, bị xáo trộn, bị ám ảnh, và tất nhiên là mục còn thêm thắt vào cái mối hận phổ biến đó, thấp sáng bùng lên hàng nghìn chi tiết không còn ai chối cãi được.

Huống hồ đầu óc tôi lại rối bời vì bắt gặp Lola trong môi trường của cô ta, càng làm tôi thêm nổi chán chường, tôi muốn nôn mửa lên cái tầm thường trong sự thành công, trong sự ngạo mạn của cô ta, toàn những cái sáo rỗng và tởm lợm, nhưng bằng cái gì đây? Do tác động của sự lây lan tức thời, ngay liền đó xuất hiện trong tôi cái ký ức về Musyne, cũng thù nghịch và đáng tởm như vậy. Một mối căm hận nảy sinh đối với hai người đàn bà này, mối hận ấy vẫn còn đó và đã hòa vào lẽ sống của tôi. Tôi thiếu mọi nguồn tư liệu để có thể giải thoát đúng lúc và cho dứt hẳn tất cả sự khoan dung hiện nay và sau này đối với Lola. Không ai làm lại đời mình.

Lòng dừng cảm không phải là ở chỗ xá lỗi, người ta luôn luôn xá lỗi quá mức rồi! Mà cũng chẳng giúp được gì, chứng cứ đã rõ. Sau tất cả mọi sinh linh, ở hàng cuối cùng, người ta xếp cái Tốt đẹp! Chẳng phải không nhằm gì cả đâu. Ta chớ bao giờ quên cái đó. Một tối nào đó, ta ru cho họ ngủ thật say, những kẻ hạnh phúc ấy, rồi trong lúc họ ngủ, tôi xin nói với các bạn, ta hãy kết liễu luôn cho xong dứt đi cả bản thân họ lẫn cái hạnh phúc của họ. Ngày hôm sau, không còn ai nhắc đến cái hạnh phúc ấy nữa và thế là chúng ta sẽ

được tự do sống khổ sở tùy thích của ta cùng lúc với cái “Tốt đẹp” kia. Nhưng tôi cũng xin kể thêm rằng: cô gái Lola lúc ấy đi đi lại lại trong nhà, ăn mặc sơ sài và thân hình cô lồ lộ trước mắt tôi dù sao vẫn gợi tình lắm. Một thân hình diễm lệ luôn luôn là một cái gì gợi khả năng cưỡng hiếp, một sự bẻ khóa quý giá, trực tiếp, thâm kín vào tận cốt lõi của kho báu, của sự sang trọng, và không còn sợ gì đến việc đòi lại.

Có thể cô ta chỉ chờ hành động ấy của tôi để đuổi cổ tôi đi. Cái đói cồn cào gọi cho tôi trước hết phải thận trọng. Phải đánh chén cái đã. Thế rồi cô không ngớt kể lể những chuyện phù phiếm trong cuộc sống của cô. Có lẽ phải đóng cửa cái thế giới này lấy vài ba thế hệ họa chăng mới kể cho hết được những chuyện hư cấu ấy. Người ta có thể chẳng còn gì mà nói với nhau hay cũng gần như thế. Rồi thì cô cũng đi đến việc hỏi tôi suy nghĩ thế nào về nước Mỹ của cô. Tôi thổ lộ thực lòng với cô rằng tôi đã tới chỗ suy nhược và kinh hoàng với bất cứ ai, bất cứ cái gì khiến tôi phải ngờ vực đến thế, còn đất nước của cô thì nó thật sự gây cho tôi ghê sợ hơn tất cả mọi sự đe dọa trực tiếp, thần bí và không thể nào lường trước được mà tôi đã từng gặp, nhất là cái thái độ thờ ơ quá đáng đối với tôi ở nơi này.

Tôi thú nhận thêm rằng, tôi cần giành cho mình lấy miếng ăn, và bây giờ thì trong một thời hạn ngắn ngủi, tôi phải làm sao vượt qua được hết các thói ỷ mị ấy. Về chuyện này, tôi cảm thấy đã quá muộn vì vậy tôi đảm bảo với cô rằng tôi sẽ biết ơn cô sâu sắc nếu như cô vui lòng giới thiệu tôi với ai đó đang cần người làm... trong số những người cô quen biết... Và càng sớm càng tốt... Tiền lương dầu có ít ỏi thì tôi cũng hoàn toàn thỏa mãn... Tôi còn tuôn ra với cô hàng tràng những lời dịu dàng vô vị khác. Cô có vẻ khó chịu nhưng kín đáo trước đề nghị khiêm tốn ấy của tôi. Ngay tức khắc, cô tỏ ra buồn phiền vì cô không biết được ai có thể có việc làm hoặc có thể giúp đỡ được gì cho tôi. Chúng tôi đành quay lại chuyện đời sống nói chung và cuộc sống riêng của cô.

Chúng tôi đang thăm dò nhau cả về tinh thần lẫn vật chất thì có tiếng chuông gọi cửa. Rồi thì ào luôn vào bốn người đàn bà phấn hoa, sồn sồn,

núng nính, đầy những bắp thịt và trang sức, không cần hỏi han chờ đợi gì cả, rất là thân mật. Giới thiệu qua loa, Lola gượng gạo (điều này thấy rõ) muốn đẩy họ đi, nhưng họ lại muốn nhân cơ hội được tôi tỏ vẻ quan tâm, thế là tuôn ra ông ổng mọi chuyện họ biết về châu Âu, cái mảnh đất cũ kỹ phì nhiêu mà họ cho là nhung nhúc những kẻ điên loạn cổ lỗ, dâm bôn và tham tàn. Họ nói vanh vách những gì họ biết về Chabanaïs và Invalides. Về phần mình, tôi chưa hề đặt chân đến hai nơi này. Chỗ thứ nhất thì quá tốn tiền, chỗ thứ hai thì quá xa ^[92*]. Nhưng nghe họ chê bai như thế thì cái máu yêu nước tất yếu và mệt mỏi cũng cứ tràn dâng trong tôi, ắt phải đối đáp lại thế nào chứ! Tôi đáp lại rằng chính cái thành phố này của họ mới làm cho tôi ngao ngán. Tôi bảo đó là một thứ hội chợ lộn bại đến lộn mửa mà người ta cứ gân cổ cãi rằng nó thành công.

Trong khi đông dài giữa cái giả và cái thực, tôi vẫn cảm thấy càng lúc càng rõ những lý do mới đang làm cho bệnh sốt rét và bệnh trầm uất cả thể chất lẫn tinh thần đè nặng lên mình. Và lại đó cũng có thể chỉ là chuyện thay đổi tập quán, môi trường. Một lần nữa tôi lại phải tìm hiểu những khuôn mặt mới trong một môi trường mới, học cách nói năng và đối trá mới. Cái sự lười biếng xem ra cũng khá mạnh như cuộc sống vậy. Sự nhàm chán trong vai hề mới nghiền nát anh và buộc anh phải hèn nhát hơn là dũng cảm để bắt đầu lại cuộc đời. Chuyện lưu vong là thế, ngoại nhân là thế, sự quan sát khắc nghiệt về cuộc sống đúng như bản thân nó, trong những khoảnh khắc tỉnh táo, ngoại lệ của đời người, khi mà những tập quán của đất nước cũ đã rời bỏ anh nhưng những tập quán khác, mới mẻ, lại chưa đủ làm cho anh u mê. Trong những khoảnh khắc ấy, sự khốn quẫn nhor nhóp của anh lại còn dồn nén thêm, buộc anh vốn đã bị suy nhược lại còn phải phân biệt cho được mọi vật, mọi người hiện tại và tương lai của chính họ, tức là những bộ hài cốt sau này, hoàn toàn là những số không, thế mà cứ phải tỏ ra yêu quý, thương mến, gìn giữ nâng niu, làm cho họ có đủ sinh khí như vẫn đang còn sống thật vậy.

Xung quanh mình là một đất nước khác, những con người khác, hành động hơi kỳ kỳ, vài cái khoe khoang tí chút vật vãnh, phóng túng, một vài cái

tự hào không duyên cớ, ảo ảnh hay tiếng vang quen thuộc, mà cũng không nên kể thêm nữa làm gì kéo bạn lại điên đầu lên mất, rồi lại bị hút vào toàn những chuyện ngờ vực và một khoảng không vô tận mở ra cho một mình bạn, một cái vô tận bé nhỏ kỳ cục hút bạn rơi tòm vào đó.

Cuộc hành trình này là sự tìm tòi cái vô tích sự, cái cảm dỗ nhỏ nhoi đối với những thằng ngốc...

Bốn cô khách của Lola càng cười hô hố khi nghe tôi thổ lộ tâm can và làm trò ngổ trước mắt các cô. Các cô gọi tôi bằng đủ thứ tên mà tôi không làm sao hiểu nổi vì những biến dạng Mỹ, vì những ngôn từ nhom nhớp, sỗ sàng của họ. Mấy con mèo cái động đực đây.

Chúng tôi im tiếng khi tay gia nhân người da đen vào tiếp trà.

Một cô trong số có nhận xét tinh hơn các cô kia, nói tướng lên rằng tôi đang run cầm cập vì lên cơn sốt và có thể là do khát nước ghê gớm khác thường. Tuy vậy, trong cơn sốt run bần bật, tôi vẫn thấy vừa ý hoàn toàn về bữa ăn nhẹ do họ mời. Mấy miếng bánh xăng uyých đó đã cứu sống tôi, có thể nói như vậy.

Câu chuyện tiếp theo xoay quanh những giá trị so sánh của các nhà điếm ở Paris mà tôi không khó nhọc gì trong việc tham gia. Mấy cô gái này còn nhâm nhi sành sỏi các món rượu mùi phức tạp và rồi men rượu ngấm dần, tất cả đều rực nóng lên và dốc hết bầu tâm sự, cô nào cũng bưng bưng về chuyện “hôn nhân”. Tuy rất say sưa trong bữa nhậu, tôi vẫn đủ tỉnh để nghe ra đó là những chuyện hôn phối giữa các cặp trai gái còn nhỏ tuổi, thậm chí còn con nít mà mấy cô này mỗi manh ăn hoa hồng.

Lola thấy tôi tò mò chăm chú theo dõi các chuyện đó, cô nhìn tôi chòng chọc với vẻ khó chịu. Cô thôi không uống nữa. Những người đàn ông cô quen biết ở đây, những người Mỹ, không bao giờ có cái thói xấu tò mò hư hỏng như tôi. Tôi cố khuôn mình trong phạm vi kiểm soát của cô, mặc dầu có đến hàng nghìn câu hỏi muốn đặt ra với mấy người đàn bà này.

Cuối cùng thì khách khứa cũng đứng dậy ra về, họ đi đứng nặng nề, hừng hực hơi men và phớn phở về mặt tình dục. Họ ba hoa chuyện tếu với nhau

bằng một thứ kiểu khiêu dâm vừa lịch sự lại vừa trơ trẽn đến kỳ. Tôi cảm thấy ở đó có cái gì mang hơi hướng nữ hoàng Elisabeth ^[93*] mà tôi cũng cảm thấy rung động, tất nhiên là rất quý và rất tập trung ở đầu cái bộ phận ấy của tôi. Nhưng cái sự hòa hợp sinh học ấy, một sự hòa hợp quyết định trong cuộc hành trình, cái bức thông điệp sống ấy, tôi chỉ cảm thấy được thôi, trong những nỗi tiếc và trong nỗi buồn càng lớn hơn. Mỗi u sầu vô phương cứu chữa.

Sau khi mấy cô bạn ra khỏi cửa, Lola liền bực bội ra mặt. Cô không chút nào bằng lòng cái màn kịch nhỏ vừa rồi. Tôi không hé răng.

Mấy phút sau cô mới lên tiếng xỉ vả:

-Mấy con mụ phù thủy!

Tôi hỏi:

-Cô biết họ từ đâu?

-Chỉ là mấy con bạn thường ngày...

Cô không sẵn sàng tâm sự với tôi lúc này. Theo cái cách ăn nói sống sượng của họ đối với cô, tôi đoán có thể là mấy mụ này nắm được thóp Lola, thậm chí có uy thế gì đó không chừng. Tôi chẳng muốn tò mò về chuyện đó làm gì.

Lola nói cô ra phố nhưng mời tôi cứ ở lại chờ cô về và nếu còn đói thì cứ việc ăn thêm. Giã từ *Laugh Calvin* quyết tiền và không còn quay lại đó nữa, tất nhiên tôi rất bằng lòng việc cô cho phép tôi có thêm được thời gian ấm cúng trước khi lại phơi mặt ngoài đường phố, mà đường phố nào hở ông bà ông vải ơi!...

Liền sau khi còn lại một mình, tôi đi theo hành lang vào nơi thoáng thấy anh chàng da đen phục vụ. Vừa được mấy bước thì gặp ngay cậu ta, tôi chìa tay bắt tay. Thấy tin nhau được rồi, cậu ta dẫn tôi vào bếp, khá đẹp để ngăn nắp, có phần còn bảnh hơn cả ngoài phòng khách.

Lập tức, cậu ta nhổ toẹt một cái ngay trước mặt tôi, trúng một viên gạch hoa rất đẹp. Nhổ kiểu này thì chỉ người da đen mới làm được, vừa xa vừa nhiều mà lại tuyệt nữa. Vì xã giao, tôi cũng nhổ một cái, nhưng chỉ trong cái

tâm của mình thôi. Chúng tôi tâm sự với nhau liền. Cậu ta cho biết, Lola có một chiếc ca-nô làm phòng khách nổi trên sông, hai chiếc xe hơi chạy trên đường, một hầm rượu với đủ thứ rượu từ khắp các nước trên thế giới. Các nhà hàng lớn ở Paris luôn luôn gửi catalô sang cho cô. Thế đó. Cậu ta không ngừng lặp đi lặp lại những điều sơ lược đó. Tôi không nghe nữa. Ngủ gà ngủ gật ngay cạnh cậu ta, tôi mơ mơ màng màng những chuyện đã qua, cái thời Lola rời bỏ tôi ở Paris trong chiến tranh; những cuộc săn đuổi, vây hãm, phục kích; những chuyện dài dòng, dối trá, xảo quyệt; chuyện Musyne, những tay Ác-giăng-tin, những con tàu chở đầy thịt của họ; rồi Topo, rồi bày đàn trên quảng trường Clichy, Robinson, những đợt sóng, biển cả, khổ cực, gian bấp trằng toát của Lola, anh chàng gia nhân da đen của cô, rồi chẳng có gì nữa, ngay cả tôi trong đó mà như một anh chàng nào vậy. Tất cả mọi cái đều có thể cứ thế tiếp tục. Chiến tranh thiêu đốt những kẻ này nhưng lại sưởi ấm cho kẻ khác, lửa hành hạ anh hay tăng lực cho anh là tùy anh đứng ở phía nào. Phải tự xoay sở lấy, tất cả là thế thôi.

Đúng như cô ta nói, tôi đã thay đổi đi nhiều. Cuộc sống làm méo mó và đè nghiêng lên khuôn mặt mình. Cô ta cũng vậy. Khuôn mặt cô cũng bị đè nghiêng, nhưng chỉ sơ sơ thôi, rất ít. Với đám nghèo kiệt thì chuyện ấy chẳng nhằm nhò gì, vì cái nổi khổ là nó to nó lớn lắm, nó như một cái khăn rửa mặt có thể lau sạch rác rưởi của thiên hạ vấy bẩn lên mặt anh. Nó dừng lại đó.

Tôi đã tưởng còn ghi nhận thêm được ở Lola một vài cái gì mới mẻ, những lúc trầm uất, u sầu, những hăng hụt trong cái lạc quan ngớ ngẩn của cô, những lúc phải điềm tĩnh lại để đẩy cao lên nữa những thành đạt trong đời cô? Những năm tháng của cô, dù cho đã quá nặng nề đối với cái đà tiến thủ mà cô còn có được, cái chất nhạy cảm tồi tệ của cô.

Bỗng anh chàng người ở da đen của Lola múa may ngộ nguậy. Có được bạn mới, cậu ta hứng chí nhồi nhét ga tô và tổng đầy xì gà cho tôi. Cuối cùng, cậu ta rút một cái ô kéo, rón rén nhấc ra một cục gì tròn tròn nặng nề.

Cậu ta hùng hùng hổ hổ cho tôi biết: “Bom đấy!”

Tôi giật mình, lùi lại. Cậu ta khoái trá hét toáng lên: *Libertá! Libertá!* [94*]

Rồi lại đặt các thứ vào chỗ cũ và lại nhổ một bãi nữa rất cừ. Mới xúc động làm sao! Cậu ta hớn hở ra mặt. Cái cười của cậu ta lây cả sang tôi, không sao nín nhịn được. Thêm một cử chỉ hay bớt đi một cử chỉ, chẳng có gì là quan trọng, tôi nhủ thầm trong bụng. Vừa lúc Lola đi mua sắm đã về. Cô thấy chúng tôi ngồi với nhau trong phòng khách khói thuốc lá mù mịt, tiếng cười vang nhộn, nhưng làm ra bộ không để ý gì cả.

Tay da đen linh rất mau, còn tôi, cô đưa tôi đi theo vào phòng. Tôi thấy cô đờm buồn, xanh tái và run rẩy. Cô đi đâu về thế này? Trời đã bắt đầu về khuya. Vào giờ này, người Mỹ thường lúng túng bối rối vì cuộc sống xung quanh họ không còn hồi hả mà chỉ rung rung chậm lại. Một trong hai chiếc xe nằm trong ga-ra. Đây là thời điểm của những trò tâm sự nửa vờ. Phải mau mau tranh thủ đi thôi. Chuẩn bị đưa tôi vào chuyện, cô hỏi ít câu về cuộc sống của tôi ở châu Âu với cái giọng rất khó chịu.

Cô không hề giấu giếm sự đánh giá của cô đối với tôi mà cô cho là kẻ có thể làm mọi việc đê hèn. Giả thuyết ấy của cô không làm tôi méch lòng mà chỉ gây khó chịu. Cô cảm thấy rõ rằng tôi tìm đến cô chỉ cốt để moi tiền, chỉ một việc ấy thôi cũng đủ tạo mối ác cảm rất tự nhiên giữa chúng tôi. Những cảm giác ấy dễ đưa đến giết chóc. Chúng tôi dừng lại trong những chuyện nhạt phèo và tôi cố giữ để không xảy ra cãi vã quyết liệt. Trong câu chuyện, Lola bỗng chú ý tìm hỏi tỉ mỉ những hành động ngông nghênh của tôi về mặt sinh dục, xem trong cuộc đời lang bạt tôi có để rơi vãi đâu có một đứa con nhỏ để cô có thể tìm về nuôi. Quả là một ý nghĩ kỳ cục: cô mong được có một đứa con nuôi. Cô nghĩ khá đơn giản rằng một kẻ hư hỏng như tôi ắt phải lén lút vãi con ra hầu khắp gầm trời. Cô thổ lộ rằng tuy sẵn tiền sẵn của nhưng cô héo hắt vì nỗi không thể có một đứa con nhỏ để mà dành cả tình thương và lòng tận tụy của cô vào đó. Cô đã tìm đọc mọi thứ sách vở về khoa nuôi trẻ, nhất là những sách mà sự sinh đẻ được trữ tình hóa đến ngây ngất, đến mức mình tự buông thả đến chỗ hoàn toàn như thèm khát chuyện giao cấu. Ôi, mỗi nền đạo đức có thứ văn chương tởm lợm của riêng nó.

Thật bất hạnh cho tôi là cô chỉ mong muốn được chuyên chú vào sự hy

sinh cho một “sinh vật nhỏ”, trong khi tôi lại là một sinh vật lớn mà cô thấy hoàn toàn đáng ghét. Tóm lại, chỉ có những cảnh tượng khốn khổ được trình bày cho tốt, chuẩn bị kỹ càng bằng đủ thứ tưởng tượng thì may ra mới thành công. Câu chuyện đã đến lúc tàn, cuối cùng cô bảo tôi:

-À này, Ferdinand, chuyện trò thế đủ rồi. Tôi đưa anh sang bên kia New York, thăm một đứa nhỏ được tôi bảo trợ. Chăm sóc thằng bé thì cũng hay hay, nhưng chỉ bức mình về mẹ nó.

Khi ấy đã vào cái giờ kỳ cục. Trên đường, ngồi trong xe, chúng tôi nói chuyện về anh chàng da đen thảm hại của cô. Cô hỏi tôi:

-Cậu ta đã cho anh xem mấy quả bom chưa?

Tôi thú nhận là đã được qua thử thách ấy.

-Cậu ta chẳng có gì nguy hiểm đâu, Ferdinand ạ, gàn gàn tí thôi. Mấy quả bom ấy toàn nhồi bằng những tờ hóa đơn cũ của tôi thôi mà... Trước kia, ở Chicago, cậu ta đã có một thời... Hồi ấy cậu ta tham gia một hội kín rất đáng sợ nhằm mục đích giải phóng người da đen... Đó là tôi được nghe người ta kể lại, những người đáng khiếp.... Một nhóm bị chính quyền giải tán, và cậu da đen của tôi thì vẫn cứ nhớ đến mùi bom... Cậu ta không nhồi thuốc vào đấy bao giờ... Với cậu ta, ý chí là đủ rồi. Xét cho cùng thì cậu ta chỉ là một anh chàng nghệ sĩ... Cậu ta sẽ không bao giờ hết chuyện làm cách mạng đâu... Nhưng tôi vẫn giữ lại vì cậu ta là một gia nhân rất tuyệt! Và nói chung thì cậu ta có thể lương thiện hơn những kẻ khác không làm cách mạng...

Rồi cô lại quay về với chuyện kiếm con nuôi.

- Thật không may là anh không có đâu đó lấy một đứa con gái, Ferdinand ạ, loại người mơ mộng như anh thì dễ hợp với đàn bà, chứ với đàn ông chắc chẳng hay ho gì.

Trời đổ trận mưa như trút càng làm cho đường sá tối thêm, xe chúng tôi lướt trên dải đường dài bằng xi măng nhẵn nhụi. Mọi cái đều thù nghịch và lạnh lẽo với tôi, ngay cả bàn tay cô mà tôi vẫn nắm chặt trong tay. Ở đâu thì chúng tôi cũng cách biệt. Xe dừng lại trước một ngôi nhà bề ngoài khác hẳn ngôi nhà chúng tôi vừa rời khỏi. Trong một căn hộ trên tầng một, một đứa

con trai chừng mười tuổi đứng đón sẵn cùng mẹ nó. Đồ đạc trong phòng theo kiểu thời vua Louis XV ^[95*], còn thoang thoảng mùi nhinh hằm của một bữa ăn mới cất dọn. Thằng bé sấn ngay vào lòng Lola và hôn rất âu yếm. Người mẹ cũng tỏ ra thích được vuốt ve Lola. Thế là trong lúc Lola chuyện trò với thằng bé, tôi thu xếp cùng người mẹ sang phòng bên.

Khi chúng tôi trở ra thì thằng bé đang còn diễn lại cho Lola xem một điệu nhảy nó mới học trong một lớp của nhạc viện. Lola bảo:

-Phải cho nó học thêm ngoài giờ, tôi có thể đưa nó đến nhà hát Thế giới, giới thiệu với chị bạn Véra của tôi! Thằng bé này có thể có tương lai!

Nghe những lời đầy khích lệ ấy, người mẹ vừa khóc vừa cảm ơn rối rít. Đồng thời chị ta cũng chìa tay đón nhận một tệp đô la xanh, nhét luôn vào ngực áo như một bức tình thư.

Ra ngoài đường rồi, Lola mới kết luận:

-Thằng bé này có thể vừa ý tôi, nhưng mẹ nó thì quá tinh quái, không thể cùng một lúc gánh chịu cả hai như thế. Hơn nữa, thằng bé cũng không ngoan lắm đâu... Tôi muốn có một tình cảm mẹ con thật sự... Anh có hiểu tôi không, Ferdinand?

Để có chỗ mà ăn thì tôi sẵn sàng hiểu mọi cái người ta muốn tôi hiểu. Đó không còn là sự đồng cảm mà là một thứ cao su.

Với điều ước muốn trong trắng của mình, cô không muốn đưa việc đó đi xa thêm nữa. Khi chúng tôi đã qua mấy dãy phố xa xa, cô hỏi tôi đêm nay ngủ ở đâu rồi xuống đi bộ với tôi mấy bước. Tôi trả lời, nếu lúc này không kiếm đâu ra lấy vài đô la thì cũng chẳng có nơi nào mà ngủ. Cô bảo:

-Vậy thì anh cùng tôi về nhà, tôi sẽ cho anh ít tiền rồi anh muốn đi đâu thì đi.

Rõ ràng là cô có ý tổng khứ tôi ngay trong đêm tối, càng nhanh càng tốt. Đó là chuyện bình thường. Tôi bảo thầm mình: Đã đến nước này, giữa đêm tối, thì dù thế nào cũng phải cố mà đạt được đâu hay đó. Một sự an ủi! “Dừng cảm lên nào, Ferdinand, tôi tự nhắc nhở, tự trấn an mình, đến đâu mà cũng bị xua đuổi, thì mà cũng phải tìm cho ra một ngón chơi nào đó để làm cho

tất cả bọn chúng, bọn đều cáng ấy phát khiếp lên như thể chúng cũng đang và sẽ phải lâm vào chỗ tận cùng đêm tối. Chính vì cái đó mà chúng không tới tận cùng đêm tối đâu!”

Sau đó, hoàn toàn lạnh lùng giữa hai chúng tôi ở trong xe của cô. Phố phường chúng tôi băng qua như đe dọa với cái im lặng được vú trang từ hòn đá dưới chân lên tận cõi vô cùng vô tận, một thứ đại hồng thủy đang lơ lửng. Một thành phố đầy cam bẫy, một con quỷ đang rình rập, nhéo nhoẹt trong nhựa đường và trong mưa. Cuối cùng, xe chạy chậm lại. Lola đi trước về phía cửa nhà cô. Cô mời tôi:

- Anh lên đi, anh lên với tôi!

Lại vào phòng khách của cô. Tôi tự hỏi không biết cô ta sẽ cho mình bao nhiêu để kết thúc cuộc gặp và tổng khứ mình đi. Cô lục tìm những tờ bạc trong chiếc ví con đặt trên bàn. Tôi nghe tiếng đếm tiền sột soạt khá rõ. Vài giây đồng hồ! Cả thành phố này chỉ còn có tiếng đó. Trong khi ấy, tôi vẫn còn ngần ngại, cũng chẳng biết vì sao, trong việc định hỏi cô về sức khỏe của bà mẹ cô mà tôi quên khuấy đi mất.

Thấy tôi gợi đến chuyện ấy, cô quay ngoắt lại nhìn thẳng mặt tôi:

-Mẹ tôi đang ốm.

-Vậy bà đang ở đâu bây giờ?

-Ở Chicago.

-Bà ốm bệnh gì vậy?

-Ung thư gan... Tôi đang nhờ các bác sĩ hạng nhất của thành phố chữa chạy cho mẹ tôi... Việc này tốn kém lắm, nhưng các bác sĩ bảo là sẽ chữa được khỏi bệnh. Họ đã hứa với tôi điều đó.

Cô vội vã kể cho tôi biết nhiều chi tiết khác về bệnh tình bà mẹ cô ở Chicago. Bỗng nhiên cô trở nên rất dịu hiền, thân mật và không ngần ngại chờ mong ở tôi một vài điều an ủi. Tôi cầm tay cô.

-Thế nào anh Ferdinand, anh cũng tin được rằng họ sẽ chữa khỏi cho mẹ tôi chứ?

Tôi trả lời cô rõ ràng, dứt khoát:

-Không đâu. Ung thư gan là tuyệt đối không chữa khỏi được đâu.

Chính vì thế mà cô xanh tái đến tận lòng trắng mắt. Lần đầu tiên tôi thấy cô gái này bối rối đến mức ấy.

-Nhưng, Ferdinand ơi, tuy thế các bác sĩ chuyên khoa vẫn đảm bảo với tôi rằng mẹ tôi sẽ khỏi mà! Họ đã chứng minh với tôi... Họ toàn là các thầy thuốc danh tiếng, anh biết không?...

-Vì đồng tiền thì, Lola ơi, lúc nào mà chẳng có những thầy thuốc rất nổi tiếng... Ở vào địa vị họ, tôi cũng có thể hứa như thế với cô... Và cả cô nữa, Lola, cô cũng có thể làm như thế...

Cô như bỗng thấy những gì tôi nói là không chối cãi được, là hiển nhiên quá đi, nên cô cũng không dám tranh luận thêm nữa.

Đây là lần đầu tiên, lần duy nhất trong đời mà cô thấy là mình sắp bị nhụt chí.

-Ferdinand ơi, anh có biết anh đang gây cho tôi nỗi đau buồn vô hạn? Tôi yêu mẹ tôi lắm, anh biết là tôi yêu mẹ tôi nhiều chứ?...

Thế là đúng lúc đây! Khốn kiếp! Thiên hạ cần cóc gì bận tâm đến chuyện cô yêu hay không yêu mẹ cô!

Cô khóc nức nở một mình. Rồi giận dữ nói tiếp:

-Ferdinand, anh là một người hư hỏng thảm hại, không gì khác hơn là một người độc ác ghê tởm!... Để trả thù hèn hạ nhất cho cái tình cảnh bẩn thỉu của mình, anh đến đây để nói với tôi những chuyện khủng khiếp đó... Tôi chắc chắn rằng anh gây nhiều đau đớn cho mẹ tôi với những điều anh vừa nói!...

Cơn kích động của cô không hề làm cho tôi sợ hãi như đối với các tay sĩ quan trên tàu *Đô đốc Bragueton*, những tay định hãm hại tôi để làm trò vui cho mấy con mụ ăn không ngồi rồi.

Tôi chăm chú nhìn Lola trong khi cô gọi tôi bằng đủ thứ tên, còn tôi thì ngược lại lại có đôi chút tự hào khi nhận ra rằng cô ta càng nguyên rủa thì mình càng dửng dưng, càng vui thích hơn. Người ta vẫn tử tế ở phần bên trong mà.

Tôi tính toán: Muốn giữ bỏ được mình thì bây giờ cô ta phải đưa cho mình

ít nhất là hai chục đô la... cũng có thể là hơn...

Tôi tấn công ngay:

-Lola ơi, cô làm ơn cho tôi vay tiền như cô đã hứa hay là cô để tôi ngủ luôn ở đây và cô sẽ được nghe tôi nhắc lại tất cả những gì tôi biết về bệnh ung thư, những biến chứng, những di truyền của nó, vì ung thư là một bệnh di truyền đấy, Lola ơi. Ta chớ quên điều ấy!

Tôi càng phân tích rõ ràng tỉ mỉ về căn bệnh của bà mẹ cô bao nhiêu thì càng thấy Lola tái mặt thêm bấy nhiêu, càng yếu lả mềm nhũn ra. Tôi nghĩ thầm: “Chà, con diêm, ta phải nắm lấy cho chắc. Ferdinand, mày chỉ có một dịp này lần ra được đầu dây, chớ có buông tay... Còn lâu nữa thì mày cũng khó mà vớ được sợi thừng chắc như thế này đâu!...

Trong cơn bức bối tột độ, cô hét lên:

-Thôi đây, một trăm đô la của anh đây, cầm lấy, giữ lấy, và rút ngay đi, đừng bao giờ vác mặt đến đây nữa. Nghe cho rõ: đừng bao giờ! *Out! Out! Out!* [96*] Đồ con lợn bẩn thỉu!...

-Thì ta cũng hôn nhau cái đã chứ, nào Lola!... Chúng mình có giận gì nhau đâu! tôi đề nghị như vậy để xem cô ta căm ghét mình đến mức nào. Thế là cô rút luôn trong ô kéo ra khẩu súng lục và không để cười đâu nhé. Tôi lao vội ra cầu thang, không chờ gọi thang máy nữa.

Ấy thế mà nhờ cuộc xỉ vả dữ dội ấy, tôi lại khôi phục được cái ham thích lao động và ngập tràn dũng khí. Ngay hôm sau, tôi đáp xe lửa đi Detroit [97*], nơi mà người ta đảm bảo với tôi rằng sẽ dễ kiếm việc làm với nhiều công việc vặt không bẩn búa lăm mà lương lậu lại khá.

Những người qua đường nói với tôi cũng giống như tay trung sĩ đã nói với tôi ở trong rừng. Họ bảo rằng:

-Đấy! Cứ thẳng đường ấy anh không lạc được đâu. Nó ở ngay trước mặt anh đấy!

Quả là tôi đã thấy mấy ngôi nhà to lù lù nhưng thấp tẹt, gần kính kín mít, giống như những cái lông bẫy ruồi nối tiếp nhau vô tận, trong đó có thể nhận ra những con người động đậy nhưng như chẳng động đậy gì cả, đúng ra thì

họ đang cựa quậy còn dưới cả mức yếu ớt để cố chống lại một cái gì đó vượt hẳn sức mình. Nhà máy ô tô Ford đây ư? Khấp tứ phía và trên đầu thì đến tận trời xanh cứ oang oang lên một thứ tiếng động nặng nề rất khó phân biệt, đinh tai nhức óc bởi những tiếng máy ầm ì như thác đổ, quay cuồng, rền rĩ, lúc nào cũng như sắp sửa phá phách nhưng lại chẳng phá phách cái gì bao giờ.

-Vậy là nó đây rồi, tôi tự nhủ... Chẳng có gì hứng thú cả. Thậm chí còn tồi tệ hơn tất cả những gì còn lại.

Tôi sáp lại gần hơn, đến tận cửa nhà máy, nơi treo tấm bảng đá đen viết rằng họ đang cần người.

Không chỉ có mình tôi đứng chờ. Một người trong số kiên trì chờ đợi ở đây nói rằng anh ta đã xếp hàng từ hai ngày nay rồi mà vẫn không nhích thêm được bước nào. Con người hiền hậu này từ Nam Tư sang kiếm việc làm. Một anh chàng khốn khổ khác ngỏ lời với tôi rằng anh ta kiếm việc làm ở đây chỉ cốt lấy vui thôi, xem ra anh chàng này là một tay gàn dở, bịp bợm đây.

Cái đám đông này hầu như không ai nói được tiếng Anh. Họ dò xét nhau như những con vật đa nghi và thường bị đánh đập. Từ đám đông ấy bốc lên mùi khai khăm lăm như ở nhà thương. Khi nghe họ nói là phải tránh xa miệng họ ra vì miệng kẻ nghèo vốn mang sẵn mùi chết chóc.

Trời lại đổ mưa xuống đám đông chúng tôi. Các hàng người dồn ép lại dưới những ống máng. Đã là những người đi kiếm việc làm thì dồn ép có gì khó đâu. Trong lúc tâm sự, một tay người Nga giải thích cho tôi rằng ở nhà máy Ford này có cái tốt là họ không kén chọn gì ghê gớm, bất kể là ai, bất kể ra sao, họ đều mướn tuốt. Nhưng tay ấy cũng nói thêm để tôi liệu bề cư xử:

- Chỉ có cái là cậu phải coi chừng, chớ có huênh hoang ở nhà máy này, cậu mà lên mặt ta đây là họ tổng cổ ra rất nhanh, và người ta sẽ mau chóng lấy máy móc thay thế cậu, cái gì chứ máy móc thì ở đây họ luôn luôn có sẵn và cậu sẽ nhận được lời chào buổi tối nếu cậu còn muốn quay lại đó.

Tay người Nga này nói sôi tiếng Pháp như dân Paris vì cậu ta đã từng chạy xe taxi nhiều năm và bị rỗng ruột sau một vụ bạch phiến ở Bezons, rồi

đem xe đi đánh thò lò với một người khách ở Biarritz ^[98*] và anh ta đã thua nhẵn túi canh bạc này.

Đúng như lời giải thích của anh ta, nhà máy Ford thuê mướn bất cứ ai thật. Anh ta nói không sai. Tôi xưa nay là thằng vốn hay nghi ngờ, vì mấy anh chàng khốn khổ thường dễ hoang tưởng lắm. Trong cơn khốn khó, có lúc trí tuệ không còn đi đôi với thể xác, trí tuệ khó chịu với một cái thể xác như thế. Cho nên có lắm lúc anh tưởng như nói chuyện với một linh hồn, mà linh hồn thì làm gì có trách nhiệm.

Việc đầu tiên là họ lột truồng chúng tôi ra, tất nhiên là thế. Công việc khám sức khỏe tiến hành trong một thứ phòng xét nghiệm. Chúng tôi từ từ điếu đi. Một tay y tá nhòm kỹ tôi rồi buông lời nhận xét:

- Cậu này sức khỏe tồi lắm đây, nhưng chẳng sao.

Tôi lo không được họ nhận vào làm vì bệnh sốt rét Phi Châu, lỡ mà họ khám hai lá gan mình thì gay đấy! Nhưng ngược lại, hình như đã có những người còn tồi tệ hơn mà còn được họ nhận vào, thậm chí cả những người khuyết tật trong chuyến hàng này.

Lão y sĩ phòng khám nói luôn cho tôi yên lòng rằng:

-Đối với công việc anh sẽ được giao ở đây thì anh có tồi thế chứ tồi nữa cũng chẳng có gì quan trọng!

-Càng hay! tôi trả lời. Nhưng thưa ông, tôi có học thức và trước đây cũng có ít nhiều theo học ngành y...

Vừa nghe thấy vậy, lão ta nhìn thẳng vào mặt tôi với con mắt khó chịu. Tôi thấy mình lại hổ thêm một vố nữa rồi, hại quá.

-Này chàng trai ơi, ở đây thì những cái học hành ấy chẳng giúp được gì cho cậu đâu. Cậu đến đây không phải để suy tư mà để động tác theo lệnh người ta ra cho cậu... Nhà máy này không cần đến những anh chàng giàu tưởng tượng. Chúng tôi chỉ cần những con vượn thôi... Thêm một lời khuyên nữa cho cậu, chớ bao giờ nhắc đến cái thông minh của cậu. Sẽ có người khác nghĩ cho cậu! Cậu cứ tin chắc là thế đi!

Lão ta có lý trong việc phòng ngừa trước cho tôi như thế. Tốt nhất là tôi

phải biết giữ gìn trước những tập quán của nhà máy này. Chuyện sai quấy thì trong thành tích của tôi kể đã có thừa cho mười năm nữa là ít. Nhưng từ nay tôi phải giữ mình như một kẻ bình thân nhỏ nhoi.

Sau khi mặc lại áo quần, chúng tôi được ghép lại với nhau thành từng hàng và ngập ngừng tiến bước vào những chỗ âm âm chát chúa tiếng máy chạy. Cả tòa nhà rộng lớn rung lên, ai cũng cảm thấy suốt từ chân lên tận hai màng nhĩ cứ rùng rùng như đang trong cơn động đất. Tiếng rung từ các ô kính, từ nền nhà và từ những ống sắt thép, dồn dập như từ trên trời dội xuống. Ngay cả con người cũng biến thành máy móc, từng thớ thịt rung rung trong cái tiếng động điên điên đại đại ghê gớm ấy, nó hút anh vào, quấn lấy đầu anh, xô đẩy lục phủ ngũ tạng anh, dồn lên tận hai con mắt bằng những cú nhỏ nhưng dồn dập, vô tận, không mỏi. Càng đi sâu vào thì bạn đồng hành cũng rụng dần. Chỉ đủ thì giờ hé với nhau nụ cười nhỏ trong giây phút chia tay tự coi như suôn sẻ cả. Không còn nói gì, nghe gì được lời nào của nhau. Sau mỗi cái chia tay chỉ còn lại ba bốn người đứng quanh cỗ máy.

Tuy thế cũng vẫn cứ muốn cưỡng lại, vứt bỏ cái thực thể mình đi đâu có dễ gì, người ta muốn hãm lại tất cả để suy nghĩ thêm cái đã, và để nghe tim mình đập, nhưng không còn được nữa rồi. Cái đó không còn chấm dứt được nữa rồi. Nó đang trong tai họa, cái nhà máy sắt thép này và bọn chúng tôi thì quay cuồng trong đó với các cỗ máy và với đất cát. Tất cả quay cuồng với nhau! Và hàng nghìn cái bánh lăn cùng những chiếc chày máy không bao giờ rơi xuống cùng lúc nhưng cái nọ đập lên cái kia và có những cái quá dữ dội gây ra quanh chúng những thứ chấm lạng khiến cho anh được dễ chịu đi một chút.

Chiếc xe goòng nhỏ chở đầy sắt thép luồn lách ngoằn ngoèo giữa các cỗ máy công cụ. Ai cũng phải thu mình lại, nhảy qua né tránh chiếc xe cuồng loạn ấy. Ê ếp! chiếc xe điên rồ đã quấy xa hơn giữa những dây cua roa và những chiếc vô lăng, mang đến cho những con người ở đó thêm những suất lao động cường bách.

Những người thợ gò lưng xuống lo sao thỏa mãn được hết mức những cỗ

máy chán ngấy này, tra bu loong cho đúng loại hết cái này đến cái khác, tưởng đâu chỉ một lần là xong, với mùi dầu mỡ, với cái hơi nước đọng rất bóng hai màng nhĩ, chọc vào tai xuống tận cổ họng. Không phải vì xấu hổ mà họ cúi đầu xuống đâu. Họ không cưỡng được tiếng ồn cũng như không cưỡng được chiến tranh. Họ đành buông trôi theo máy móc với ba cái ý nghĩ còn lại chập chờn lơ lửng trong đầu phía sau trán. Thế là xong. Bất kỳ chỗ nào họ nhìn đến, tất cả những gì họ mớ vào, bây giờ đều là vật rắn hết, Và tất cả những gì họ còn nhớ lại được chút ít cũng đều cứng lại như sắt thép không còn ý vị gì trong suy tư nữa.

Chỉ thoáng một cái, người ta đã già đi ghê gớm.

Phải phá bỏ cuộc sống bên ngoài thôi, làm cho nó cũng trở thành sắt thép, thành cái gì đó có ích. Chính vì thế mà người ta không yêu lắm cái cuộc sống như nó đang có. Phải làm cho nó thành một vật dụng, bền chắc, đó là Quy tắc.

Tôi cố nói vào tai lão đốc công, nhưng lão cầu nhàu trả lời như một con lợn và bằng những cử chỉ khá kiên nhẫn lão làm hiệu chỉ dẫn cho tôi thao tác đơn giản nhất mà từ nay tôi sẽ phải tiếp tục làm mãi. Những giờ, những phút, cả thời gian còn lại của tôi cũng như của những người ở nơi này đều trôi đi trong việc vặn bu loong vào những cái chốt nhỏ không cần phải suy nghĩ gì cả, như lão đốc công đã từng làm trong nhiều năm, cũng những cái chốt ấy. Tôi bắt tay vào việc nhưng làm rất dở. Không ai quở mắng gì, chỉ có là sau ba ngày làm công việc ban đầu ấy, tôi bị chuyển sang việc ị ạch đẩy một chiếc xe rùa chở đầy những rông đen qua hết máy này sang máy khác. Chỗ kia, tôi đưa ba cái, chỗ này một tá, đăng nọ chỉ năm cái thôi. Không ai nói với tôi một lời. Người ta như chỉ còn tồn tại trong sự ngập ngừng giữa ngất ngậy và hoang tưởng. Không có gì quan trọng hơn là sự ồn ã liên tục của hàng nghìn, hàng nghìn cỗ máy đang làm chủ con người.

Sáu giờ, mọi cái dừng lại nhưng người ta vẫn còn mang trong đầu cái tiếng động ấy, suốt cả đêm tôi vẫn thấy tiếng động và mùi dầu mỡ như là người ta đã thay cho tôi một cái mũi mới, một bộ não mới.

Thế là tự mình buộc phải quên mình đi, dần dần tôi như biến thành một người nào khác... Một Ferdinand mới. Chỉ có mấy tuần lễ thôi. Tuy nhiên cái thèm muốn được thấy lại những con người ngoài kia lại đến với tôi. Tất nhiên không phải những người bạn cùng phân xưởng, họ cũng chỉ còn là những tiếng vang, những mùi vị của máy móc như tôi, những tảng thịt rung rung lên đến tận cõi vô cùng vô tận. Tôi muốn được sờ mó vào một thân hình thật, một thân hình hồng hồng của cuộc sống thật, yên lặng và mềm mại.

Tôi không quen biết ai ở thành phố này, đàn bà lại càng không. Với khá nhiều vất vả, cuối cùng tôi cũng kiếm được địa chỉ hú họa của một “Nhà”, một nhà thổ lậu ở khu Bắc thành phố. Mấy tối liền, sau giờ tan tầm, tôi đi dạo về phía ấy để thăm dò. Phố ấy cũng giống phố khác, có lẽ được giữ gìn sạch sẽ hơn phố tôi đang ở.

Tôi đã mò ra ngôi nhà nhỏ, nơi làm cái việc ấy, có vườn bao quanh. Muốn vào đó, phải phóng cho nhanh, không để lọt vào mắt tên cớm quanh quần đứng gác gần cửa. Đây là nơi đầu tiên ở Mỹ tôi được đón tiếp không thô bạo, mà còn tử tế nữa, với năm đồng đô la của tôi. Toàn là đàn bà trẻ đẹp, móm mĩm, phây phây, duyên dáng, hơn nữa có lẽ cũng đẹp chẳng kém đám các cô ở *Laugh Calvin*.

Mà những cô này thì chí ít mình cũng còn thật sự sờ mó được. Tôi không thể không trở thành khách quen của nhà này. Lương lậu còn bao nhiêu dốc sạch vào đây. Tối đến, để làm lại tâm hồn, tôi lại phải tìm đến những cuộc chung đụng tình dục với mấy cô gái niềm nở xinh đẹp này. Chiều bóng không còn đủ nữa rồi, chỉ còn là liều thuốc giải độc không công phạt, không hiệu quả thật sự để chống lại sự hành hạ vật chất tàn bạo ở nhà máy. Muốn kéo dài sức chịu đựng thì phải dùng đến những liều thuốc bổ thật mạnh, những liều thuốc xố chính yếu. Nhà chứa này lấy tôi nhè nhẹ thôi, đối đãi thân tình, vì tôi đem từ Pháp sang cho những cô gái ấy những khố chơi, những trò lạ. Chỉ vào tối thứ bảy, tạm xếp những trò ấy lại, để họ còn làm ăn, và tôi phải dành chỗ cho họ tiếp các đội bóng chày đi chơi gái. Bọn này khỏe khoắn, lực lưỡng, cái món “hạnh phúc” đến với họ cũng đơn giản như hít thở

không khí.

Trong khi các cô gái tiếp các đội bóng thì tôi chui vào bếp, cao hứng viết vài mẩu truyện ngắn cho riêng mình. Sự hăng say của các nhà thể thao đối với các cô gái ở đây tất nhiên không tác động gì đến cái nhiệt tình có phần vô hiệu của tôi. Các tay lực sĩ ấy yên chí trong thể lực của họ, ỷ vào sự hoàn hảo vật chất. Sắc đẹp, cũng giống như rượu cồn hay sự tiện nghi, càng quen thì người ta càng không còn để ý gì nữa.

Họ đi nhà thổ cũng chỉ cốt đùa nghịch. Thường khi họ còn đánh nhau ra trò đến nỗi cảnh sát phải kéo đến tóm cổ cả lũ tổng lên những chiếc cam không nhỏ.

Trong số các cô gái trẻ ở đây, tôi có ngay một tình cảm đặc biệt tin cậy đối với Molly, một thứ tình cảm mà những người ủy mị coi là tình yêu. Tôi còn nhớ rõ, như mới hôm qua, những lời lẽ cử chỉ dễ thương của cô, đôi chân dài, hồng nhạt và tuyệt nhất là thon thả, rắn chắc, một đôi chân quý phái. Có thể nói là một thứ quý tộc nhân bản chân chính. Đôi chân ấy đã phong tước cho cô, không lầm đâu.

Chúng tôi trở nên thân thiết với nhau cả thể xác lẫn tinh thần và hai đứa đưa nhau đi dạo thành phố mỗi tuần vài giờ. Cô bạn có nguồn thu khá dồi dào, vì ở nhà đó cô kiếm mỗi ngày chừng một trăm đô la, còn tôi, ở nhà máy Ford, chỉ được có sáu. Cái thứ ái tình cô phải thực hành để kiếm sống không làm cho cô mệt mỏi bao nhiêu. Dân Mỹ làm chuyện ấy giống như chim thôi mà.

Buổi chiều, sau những giờ lao động với chiếc xe rùa chở nặng, tôi buộc phải làm cho bộ mặt của mình trở nên dễ thương hơn để đến tìm cô sau bữa ăn tối. Ít nhất trong những buổi ban đầu mình cũng phải vui vẻ với phụ nữ. Tôi bị ám ảnh bởi một thèm muốn lớn mơ hồ là định để nghị với cô một vài cái gì, nhưng không còn sức nữa. Cô hiểu rõ việc làm hư con người của công nghiệp. Molly đã quen tiếp xúc với cánh thợ.

Một tối, chẳng vì chuyện gì cả, bỗng cô đưa tôi năm chục đô la. Trước hết tôi nhìn cô. Tôi không dám. Tôi nhớ đến lời mẹ tôi trong một trường hợp

tương tự. Và rồi tôi nghĩ đến mẹ tôi, một người nghèo, chẳng bao giờ cho tôi được nhiều đến thế. Để Molly vui lòng, tôi đi mua ngay một bộ com-lê đẹp màu phấn hồng (*four piece suit*) ^[99*] theo một mùa xuân của năm ấy. Chưa bao giờ người ta thấy tôi đi nhà thổ mà quần áo bảnh bao như thế. Mẹ chủ cho chạy cái máy hát lớn, chỉ để tôi học khiêu vũ.

Sau đó, chúng tôi đi xem chiếu bóng với Molly để ăn mừng bộ quần áo mới của tôi. Dọc đường, cô hỏi tôi có hay ghen không, vì bộ com lê khiến tôi có vẻ buồn, và có vẻ không muốn trở lại nhà máy nữa. Một bộ quần áo mới, nó làm đảo lộn các ý niệm của anh. Cô gắn lên bộ quần áo của tôi những nụ hôn tha thiết, khi không thấy người đi đường nhìn vào chúng tôi. Tôi thì đang nghĩ đến chuyện khác.

Dẫu sao Molly cũng là một người đàn bà lạ thật! Rộng lượng làm sao! Làn da mới đẹp sao! Tuổi thanh xuân tràn ngập! Một bữa tiệc thịnh soạn của những ham muốn đã bày ra! Và tôi lại băn khoăn, tôi nghĩ: ma-cô chẳng?

Và lại, Molly lại còn khuyến khích tôi:

- Đừng đến nhà máy Ford nữa anh ạ! Tốt hơn hết là kiếm một việc gì ở văn phòng nào đó... Như dịch thuật chẳng hạn, hợp với anh đấy... Anh yêu thích sách lắm mà...

Cô khuyên nhủ tôi rất tử tế, cô muốn tôi được hạnh phúc. Lần đầu tiên có một người quan tâm đến tôi, có thể nói là từ đáy lòng, theo cái vị kỷ của tôi và đặt vào địa vị của tôi chứ không chỉ đánh giá theo địa vị của cô, như tất cả những người khác.

Chà, giá mà tôi được biết Molly sớm hơn, khi còn đủ thời giờ để lựa chọn cho mình đường này hay đường khác! Trước khi tôi bỏ mất lòng hăng say của mình vào cái con điếm Musyne và vào cục cứt Lola! Nhưng đã quá muộn để tôi làm lại tuổi xanh cho mình. Tôi không còn tin vào chuyện đó nữa. Người ta già đi quá nhanh và không thể cứu vãn được nữa. Người ta nhận ra điều đó bằng cái cách đã từng dùng để bắt đực dỉ yêu lấy cái nghèo cái khổ của mình. Chính do thiên nhiên mạnh hơn anh, tất cả là thế. Thiên nhiên đã thử thách chúng ta vào đó rồi thì chẳng còn lối nào thoát được đâu. Tôi thì tôi

đã ra đi theo chiều hướng lo âu khắc khoải. Người ta lặng lẽ coi là thực cái vai trò và số phận của mình mà không hay biết, đến khi quay lại, có muốn thay đổi, thì đã quá muộn mất rồi. Thế là đâm ra lo âu và mãi mãi đành lòng vậy thôi.

Molly cố sức một cách đáng yêu giữ lấy tôi lại bên cô, cố sức can ngăn tôi...

- Ferdinand ơi, anh nên biết là cuộc sống ở đây cũng khá tốt như bên châu Âu! Chúng ta sẽ không phải khổ với nhau đâu. Chúng ta sẽ dành dụm... rồi mua lấy một tiệm buôn... Chúng ta sẽ như mọi người...

Cô nói những điều ấy để làm dịu các dẫn đo suy tính của tôi. Những dự định. Để cô phải tiếp tục hiến thân để nuôi tôi thì nhục nhã cho tôi quá. Tôi rất yêu cô, chắc chắn là thế, nhưng tôi cũng còn yêu hơn nữa cái tật xấu của tôi, tức là cái ham muốn được lang bạt khắp nơi, để đi tìm cái gì tôi cũng không biết, có lẽ bởi một niềm tự hào ngốc nghếch, bởi niềm tin vào một sự cao cả nào đó.

Tôi tránh không muốn làm méch lòng cô, cô hiểu và đã đoán trước được bản khoăn của tôi. Cô thật là tử tế, tôi thú nhận với cô cái tật giang hồ đây đó luôn luôn giày vò tôi. Cô lắng nghe tôi ngày này qua ngày khác phô trương, kể lể những chuyện chán ngấy, bàn cãi những ảo ảnh và những kiêu hãnh, và cô không hề sốt ruột, mà ngược lại. Cô chỉ ra sức giúp tôi khắc phục được mỗi lo lắng vô ích và gây thơ ấy. Cô không hiểu được hết tôi muốn đi đến đâu với những lời lảm nhảm đó, nhưng dù vậy cô cũng cứ cho tôi cái lý lẽ để chống lại những bóng ma hay đi theo những bóng ma, tùy tôi lựa chọn. Chỉ với sự dịu dàng âu yếm đầy sức thuyết phục, thì lòng tốt của cô đối với tôi cũng đã trở thành gần gũi và gần như riêng tư. Và hình như cũng bởi thế mà tôi bắt đầu tìm cách giấu biến cái số phận không bình thường, cái lý do tồn tại theo cách gọi của tôi, từ đó tôi bỗng thôi không kể cho cô nghe những gì tôi suy nghĩ. Tôi lại chỉ mình với mình thôi, tự bằng lòng cảnh cô đơn với một phong cách cùng quần mới, và với cái gì đó tương tự một thứ tình cảm thật.

Tất cả đều tầm thường sáo rỗng. Nhưng Molly lại được Trời phú cho một

đức tính kiên nhẫn thánh thiện. Cô tin vững như sắt thép vào những xu hướng tự nhiên. Chẳng hạn như chuyện thấy đứa em gái út ở Đại học Arizona mê chụp ảnh những con chim trong tổ và những con thú trong hang. Thế là, để giúp em tiếp tục theo đuổi các lớp huấn luyện thứ kỹ thuật đặc biệt kỳ cục ấy, hàng tháng cô gửi cho em bốn mươi đô la.

Thật là một trái tim bao la vô tận, với cao cả thật ở bên trong, trái tim ấy có thể biến hóa thành tiền bạc, chứ không lòe loẹt vờ vĩnh như trái tim tôi và nhiều trái tim khác. Đối với tôi, Molly không hỏi han gì hơn là sự quan tâm đến vấn đề tiền nong cho cuộc phiêu lưu tồi tệ của tôi. Tuy rằng lúc lúc tôi lại thể hiện trước mặt cô như một gã trai rối trí, nhưng cô cảm thấy niềm tin của tôi là có thật và đáng khuyến khích. Cô chỉ yêu cầu tôi làm cho cô một bản kê nhỏ để cô dành một khoản trợ cấp cho tôi. Nhưng tôi thì không sao tự giải quyết được việc tiếp nhận món quà này. Cái hơi hướng tế nhị cuối cùng ấy đã ngăn tôi đừng hưởng trước như thế nữa và đừng dẫn đo suy tính nữa đối với con người thật là đạo đức, thật là tử tế này. Chính vì thế mà tôi càng suy nghĩ càng thấy lo lo trước ông Trời.

Hồi ấy, thật hồ thẹn là tôi còn đôi lần tìm cách trở lại nhà máy Ford. Đó chỉ là thói anh hùng rơm không có hậu. Tôi mò đến đứng trước cổng nhà máy, nhưng dừng lại ở chỗ từng đến hôm đầu, và nhìn cái cảnh tượng tất cả những cỗ máy đang quay và chờ đợi kia đã thấy nó dứt khoát triệt tiêu những ý định lao động chớm nở trong tôi.

Tôi đứng yên trước tấm kính lớn ở khu máy phát điện trung tâm, cái cỗ máy khổng lồ đa dạng gầm rú bơm bơm đẩy đẩy không biết từ đâu, không biết thế nào, qua hàng nghìn đường ống bóng loáng, nhẵn nhụi, quanh co như những sợi dây rừng. Một buổi sáng, tôi cũng đang đứng như thế ngắm nghía đến sùi bọt mép thì gặp tay người Nga lái taxi đi ngang qua. Tay ấy bảo tôi:

- Chà, trông cậu cũng ra dáng đấy chứ nhỉ... Đã ba tuần nay không thấy cậu đến... Họ đã thay cậu bằng cái máy rồi... Tớ đã bảo trước mà...

Tôi nhủ thầm:

-Thế cũng là xong... Không còn phải trở lại đây nữa...

Thế rồi tôi đi về phía Thành phố. Qua lãnh sự quán, tôi ghé vào hỏi thử xem họ có nghe nói bao giờ đến một người Pháp tên là Robinson. Họ trả lời tôi:

-Có chứ! Rất chắc chắn là thế! Anh ta còn đến ngay đây gặp chúng tôi hai lần, và anh ta mang giấy tờ giả mạo... Cảnh sát đang truy lùng! Anh biết anh ấy à?

Tôi chẳng cố nài. Nhưng từ đó tôi mỗi lúc lại trông chờ được gặp cậu Robinson. Tôi cảm thấy là việc ấy sẽ đến. Molly tiếp tục dịu dàng và khoan dung. Cô còn tử tế hơn cả trước nữa, từ khi tin chắc rằng tôi có ý muốn đi hẳn. Kể thì tử tế với tôi cũng chẳng được gì. Với Molly, chúng tôi thường cùng nhau ra các vùng ngoại ô thành phố, trong những buổi chiều cô được nghỉ.

Trên những mòm đồi nhỏ trọc, bên những khóm bạch đàn quanh mấy cái hồ con con, chỗ này chỗ kia, người ta giở đọc những tờ báo, tờ tạp chí dưới khoảng trời âm u trĩu nặng những đám mây sạm màu chì. Với Molly, chúng tôi tránh những chuyện tâm sự rắc rối. Thế rồi cô cũng giữ ý tứ. Cô quá thật thà để có thể nói nhiều điều về một nỗi buồn. Nhưng cô giữ trong lòng, coi như thế là đủ. Chúng tôi hôn nhau. Nhưng tôi hôn hơi gượng gạo, vì thật ra thì tôi phải quỳ gối mới đúng. Luôn luôn cùng lúc tôi nghĩ chút ít đến chuyện khác, để khỏi bỏ mất thì giờ và mất sự dịu dàng, như thế tôi muốn giữ lấy tất cả những cái tuyệt diệu, cao cả cho sau này, không phải cho Molly mà cũng không phải cho cái đó. Như thế cuộc sống sắp đem đi, sắp che giấu tôi điều tôi muốn được biết về cô, về cuộc sống trong sâu thẳm của đêm tối, trong khi tôi có lẽ đánh mất cái nhiệt tình ôm hôn Molly, trong lúc tôi không còn đủ nhiệt tình đó và có thể là tôi đã mất tất cả rút cục chỉ do không còn đủ sức, bởi cuộc sống có lẽ đã lừa gạt tôi cũng như tất cả những người khác. Cuộc Sống, bà chủ thật sự của những con người chân chính.

Chúng tôi quay lại phố đông và rồi tôi phải tạm biệt cô trước ngôi nhà, bởi vì buổi tối cô còn bận việc tiếp khách cho đến sáng tinh mơ. Trong khi cô bận

bị với khách khứa, tất nhiên tôi cũng khổ tâm, và nỗi khổ tâm ấy càng nói rõ về cô, tôi cảm thấy đối với tôi như thế lại còn hay hơn cả trong thực tế. Tôi vào một rạp chiếu bóng để giết thời giờ. Ra khỏi rạp, tôi lên một chiếc xe điện, đi đây đi đó, làm một chuyến đi chơi trong đêm tối. Chuông vừa điểm hai giờ sáng, xe thêm những hành khách mới rụt rè nhút nhát, họ thuộc loại người mà chúng ta hầu như không gặp được trước hay sau giờ này, người nào cũng xanh xao, lì xì, từng nhóm một để bảo, họ đi ra tận các ngoại ô.

Với họ ta còn đi xa. Thật xa, hơn cả đến các nhà máy, mà đến các lô đất không rõ ràng, những ngõ ngách với những căn nhà không phân biệt được. Trên vỉa hè đọng những vũng nhỏ nước mưa lúc rạng đông, trời cũng mới ló trên nền còn xanh thẫm. Các bạn cùng đi chuyến xe với tôi biến dần cùng với bóng họ. Họ nhắm mắt lại trước ánh ban mai. Thật khó mà gọi cho họ nói, những cái bóng đó. Quá mỗi một rồi mà. Họ không phàn nàn gì đâu, không, chính họ đã quét dọn lau chùi các cửa hàng và cả các văn phòng khắp trong thành phố, sau giờ đóng cửa. Hình như họ ít lo lắng hơn cả chúng ta, những người của ban ngày. Có lẽ vì họ đã đạt tới chỗ thấp nhất của con người và mọi vật.

Trong cũng một đêm như thế, tôi đi một đường xe điện khác. Vừa tới trạm cuối cùng, trong khi mọi người đang thận trọng xuống xe thì hình như có ai gọi đến tên tôi: “Ferdinand! Ê này Ferdinand!”. Trong lúc tranh tối tranh sáng, tiếng gọi gây nên một sự ồn ã rùm beng. Tôi không thích thế. Phía trên các mái nhà đã ló ra những khoảng trời nho nhỏ khá lạnh, cắt ngang bởi những ống máng. Chắc chắn là người ta gọi tôi. Tôi quay lại, nhận ngay ra Léon. Hai đứa thăm thì kể cho nhau mọi chuyện.

Cậu ta cũng vừa cùng những người khác đi quét dọn một văn phòng. Mọi thủ đoạn cậu ta tìm được ra là đó. Cậu ta bước những bước chân khá bình tĩnh, có phần oai oai nữa, như là vừa hoàn thành những việc nguy hiểm và có thể nói là thiêng liêng trong thành phố. Và lại đó cũng là kiểu cách của tất cả những người quét dọn ban đêm mà tôi để ý thấy. Trong cái mệt mỏi và cô quạnh thì từ con người thường toát ra cái vị thánh thần. Và cái vị ấy đang bốc

lên đây hai mắt khi cậu ta mở rõ thật to hơn những cặp mắt thường, trong cái bóng mờ mờ xanh mà chúng tôi đang đứng. Cậu ta cũng đã quét dọn cơ man nào là hố xí, lau chùi bóng lộn những tầng gác cao lặng lẽ.

Cậu ta nói tiếp:

-Tớ nhận ra cậu ngay, Ferdinand! Cái dáng điệu trèo lên xe điện... Nghĩ mà xem, chỉ cái dáng điệu ấy thôi cũng đủ biết cậu đang buồn vì không tìm đâu ra đàn bà. Đúng không? Cậu không thích à?

Đúng là tôi thích chứ. Rõ ràng là lòng dạ tôi đã bị phanh ra như cái cửa quần. Không có gì làm tôi ngạc nhiên trước nhận xét đó của cậu ta. Nhưng đối với tôi cái bất ngờ lại ở chỗ là đến cậu ta mà cũng chẳng làm nên tích sự gì trên đất Mỹ này. Thật là ngoài dự đoán của tôi.

Tôi kể lại chuyện đi thuyền ga-le ở San Tapeta. Nhưng cậu ta ngớ ra không hiểu tôi nói gì và chỉ trả lời tôi bằng nhận xét: “Cậu bị sốt rét!”. Vì Robinson đến Mỹ trên một tàu biển chở hàng. Cũng đã nhiều lần muốn tìm đến hãng Ford xin việc nhưng giấy tờ giả mạo rõ quá không dám xuất trình nên cậu lại thôi. “Đúng là phải kiếm lấy đồng tiền”, cậu nói. Vào các đội quét dọn thì cái món lý lịch không bị đòi hỏi kỹ lắm. Lương không bao nhiêu nhưng cũng đành thế thôi. Đây là một thứ đội quân làm đêm người nước ngoài. Cậu hỏi tôi:

-Còn cậu, cậu làm gì? Cậu vẫn khùng khùng chứ? Chưa đủ mảnh lối à? Có còn định ngao du nữa không?

-Tớ muốn về Pháp đây, tôi trả lời. Tớ thấy đã đủ rồi, cậu có lý, được chứ...

-Cố lên cậu ạ, cậu nói, đối với chúng mình thì mọi cái đều tong cả rồi... Người ta già đi lúc nào không hay, tớ thì tớ biết rõ nó thế nào... Tớ cũng muốn tếch về Pháp lắm, nhưng vẫn là cái chuyện giấy tờ. Phải chờ thêm ít nữa để xoay lấy những giấy tờ đúng đã... Cũng không thể nói rằng công việc mình đang làm là tồi. Còn lắm việc tồi hơn thế. Nhưng tớ không có học cái tiếng Anh... Từ ba chục năm nay trong cái nghề quét dọn này chúng tớ chỉ học nhõn một từ *Exit* gắn trên cửa, và từ *Lavatory* ^[100*]. Cậu hiểu chứ?

Tôi hiểu. Nếu tôi không luôn luôn mong nhớ Molly thì tôi cũng kiếm cái

việc làm đêm này.

Rút cục, trong chiến tranh người ta bảo đến lúc hòa bình sẽ sống tốt hơn, thế rồi cùng nhau ngậm cái hy vọng đó như ngậm kẹo, nhưng rồi thì chẳng có gì khác một cục cứt. Trước đây người ta chẳng dám nói ra cái của ấy vì không muốn gây tởm lợm cho ai. Tử tế cả thôi mà! Nhưng đến một ngày nào đó cũng đành phải đập vỡ cái cục ấy ra trước thiên hạ. Ngán đến tận cổ rồi, ai còn muốn quay lại với cái cùng cực ấy nữa. Và cũng vì thế mà mọi người bỗng nhận ra mình quả là kém giáo dục. Thế là hết!

Sau đó chúng tôi còn hai ba lần gặp nhau. Tôi thấy vẻ mặt Robinson buồn buồn. Một tay người Pháp đào ngũ sang đây nấu rượu lâu bán cho bọn nhóc ở Detroit, tay này nhường cho cậu ta một cái quầy nhỏ trong món “kinh doanh” của mình. Kể thì khá hấp dẫn đối với Robinson. Cậu ta thổ lộ:

- Tớ cũng hơi làm được chuyện ấy, tớ vốn là thằng “ngang ngược” trước bộ mặt ghê tởm của chúng nó, nhưng cậu thấy đấy, gan dạ tớ đã xẹp mất rồi... Cứ nghĩ đến chuyện bị thằng cớm đầu tiên nó hành là đã đủ hết hơi rồi. Đã quá nhiều cảnh đập vào mắt tớ... Lại còn cái tội là lúc nào cũng thèm ngủ... Ngủ ngày có phải là ngủ đâu... Ấy là chưa kể đến bụi bặm ở các bàn giấy nó ám vào đầy phổi... Cậu có biết không?... Cái ấy làm chết người được đấy...

Lại hẹn nhau một đêm khác. Tôi quay về tìm Molly và kể hết cho cô nghe. Cô cố sức giấu nỗi buồn phiền do tôi gây ra, nhưng có khó khăn gì mà không thấy được tâm trạng cô. Bây giờ thì tôi đã thường hôn cô nhiều hơn, để đáp lại nỗi buồn sâu lắng của cô, một nỗi buồn thật sự chứ không màu mè như các cô gái xứ ta đâu, thường có cái thói tố lên quá cái nó có thật. Phụ nữ Mỹ họ ngược lại. Họ không dám hiểu sâu mà chỉ chấp nhận. Hơi tui then một tí, nhưng dù sao đó thật là một nỗi buồn, không phải là làm cao cũng không phải ghen tuông hay vờ vệt, chỉ là nỗi đau thật trong tim và phải nói thẳng với nhau rằng tất cả cái đó không có được trong nội tâm chúng ta và đối với cái thú được buồn thì chúng ta khô khan lắm. Thật xấu hổ là không được giàu có trong tim và trong mọi cái khác thế mà cứ đi đánh giá bản chất con người thấp hơn thực chất sâu xa của nó.

Thỉnh thoảng Molly cũng trách móc tôi ít chút, nhưng luôn luôn với lời lẽ rất cân nhắc, rất đáng yêu.

-Ferdinand ơi, anh tốt quá, em biết rằng anh có nhiều cố gắng để không trở nên độc ác như những người khác, có điều là em không biết anh có biết được mong muốn thực sự của anh là gì không... Anh suy nghĩ kỹ đi! Về bên ấy anh cũng còn phải kiểm lấy miếng ăn chứ, Ferdinand... Hơn nữa anh không còn được như ở đây rong chơi mơ mộng đêm này qua đêm khác... Như anh rất thích thế... Trong khi em phải làm việc... Anh có nghĩ đến việc đó không, Ferdinand?

Theo một nghĩa nào đó thì cô nghìn lần có lý, nhưng mỗi người mỗi tính. Tôi sợ xúc phạm cô. Hơn nữa, cô lại là người rất dễ tự làm đau mình.

-Tôi đảm bảo với em là tôi rất yêu em, Molly ơi, và tôi mãi mãi yêu em... như tôi có thể... theo cách của tôi.

Cách của tôi, chẳng là bao. Dù thế nào thì Molly cũng là xương là thịt, rất quyến rũ. Những tôi lại có cái khuynh hướng tồi tệ thiên về những bóng ma. Có lẽ đó hoàn toàn lỗi tại tôi. Cuộc sống buộc anh quá nhiều khi phải tồn tại với những bóng ma.

-Anh rất trù mến, Ferdinand, đừng khóc cho thân phận em... Anh như người mắc phải bệnh ham muốn luôn luôn được hiểu biết nhiều hơn... Chỉ thế thôi... Mà đó phải là con đường của anh... Theo cách đó, chỉ một mình... Người lữ hành đơn độc thường là người đi xa hơn... Vậy là anh sắp ra đi ư?

-Vâng, tôi phải hoàn thành việc học tập ở Pháp, rồi tôi sẽ trở lại, tôi đánh liều cam đoan với cô.

-Không, Ferdinand, anh không trở lại đâu. Mà em cũng sẽ không còn ở đây nữa...

Cô không phải là người dễ bị lừa.

Ngày ra đi đã tới. Tối hôm ấy chúng tôi ra ga sớm trước giờ cô phải về ngôi nhà đó. Cả ngày hôm ấy tôi đã đến chuyện trò từ biệt Robinson. Cậu ta cũng không thích gì việc tôi rời bỏ cậu ta. Tôi không thể kéo dài mãi cuộc vĩnh biệt mọi người. Trên bến ke của nhà ga, trong lúc tôi cùng Molly đứng

chờ tàu, có mấy gã đàn ông làm như không nhận ra cô nhưng họ thì thầm với nhau nhiều chuyện.

-Anh ơi, thế là anh sắp xa rồi, Ferdinand. Có phải anh đang thực hiện đúng ước vọng của anh không, Ferdinand? Đó mới là cái quan trọng... Chỉ có cái đó mới đáng kể...

Tàu đã vào ga. Tôi không còn tin chắc lắm vào cuộc phiêu lưu của mình khi thấy cái đầu máy. Tôi ôm hôn Molly với tất cả những gì còn là dũng cảm trong người. Tôi đau buồn, thật sự, cho một lần, cho tất cả, cho tôi, cho em, cho mọi người.

Có thể đó là cái mà người ta tìm kiếm trải qua cuộc sống, chỉ có cái đó, nỗi buồn lớn nhất có thể có để trở thành bản ngã trước khi nhắm mắt.

Nhiều năm đã trôi qua kể từ cuộc ra đi ấy và rồi lại thêm nhiều năm nữa... Tôi đã nhiều lần viết thư về Detroit, hơn nữa viết đến tất cả các địa chỉ tôi còn nhớ và những nơi mà người ta có thể biết, có thể chuyển tiếp đến Molly. Chẳng bao giờ tôi nhận được hồi âm.

Nhà ấy bây giờ đã đóng cửa. Tất cả những gì tôi có thể biết chỉ có thế. Molly tốt bụng và đáng phục, tôi muốn sao em còn đọc được những gì tôi viết, từ một nơi nào đó tôi không được rõ, muốn được em biết cho rằng với em tôi không có gì thay đổi, rằng tôi vẫn mãi mãi yêu em, theo cách của tôi, rằng em có thể đến đây khi nào em muốn để chia sẻ với tôi mẫu bánh và cái số phận thầm kín. Dầu sắc đẹp của em có tàn phai thì cũng chẳng sao! Chúng ta với nhau thế nào cũng xong cả! Tôi vẫn giữ trong mình biết bao cái đẹp của em, rất sống động, rất ấm áp để cho cả hai đứa chúng ta và cho ít ra cũng hai mươi năm nữa, cái thời gian để kết thúc.

Để rời được em ra, hôm ấy tôi đã phải làm bộ mặt điên dại và lạnh lùng tồi tệ. Dầu sao tôi vẫn bảo vệ được tâm hồn mình cho đến ngày nay và nếu như mai đây cái chết có đem tôi đi, thì tôi cũng cứ tin chắc rằng tôi sẽ không bao giờ lại lạnh lùng, hư đốn, nặng nề như những kẻ khác, với biết bao sự tử tế và bao mộng mơ Molly đã trao cho tôi trong suốt những tháng sống trên đất Mỹ.

Chẳng phải chuyện hồi hương từ Thế giới Bên kia trở về chỉ có thế! Lại thấy lại chuỗi ngày nhợt nháp, bấp bênh như mình đã bỏ lại đây. Chuỗi ngày ấy vẫn đang chờ đợi.

Suốt nhiều tuần, nhiều tháng tôi loanh quanh ở quảng trường Clichy, nơi tôi đã ra đi, và sang cả các vùng phụ cận, về phía đại lộ Batignolles, làm mấy cái nghề vặt kiếm sống. Không sao kể ra được! Dưới trời mưa hay trong cái nóng do các xe hơi phả ra, gặp luôn thời tiết tháng sáu lại càng nóng đến cháy họng, bỏng vòm mũi, gần như ở nhà máy Ford. Để giải sầu, tôi dõi nhìn những chiếc xe chạy qua, những dòng người tối tối kéo nhau đi xem hát hay vào rừng Boulogne.

Vẫn ít nhiều đơn độc, trong những giờ rảnh rỗi, tôi nghiền ngẫm mấy quyển sách và mấy tờ báo rồi cả những gì tôi thấy. Trong khi vừa kiếm ăn, tôi vừa tiếp tục học và qua được các kỳ thi, cũng là ông chẳng bà chuộc vậy thôi. Xin nói với bạn rằng, ở cái phân khoa khoa học này, vừa học vừa kiếm ăn là cấm kỵ dữ lắm, đây là một cái tủ đóng kín mít. Lọ thì cả đồng nhưng mứt chẳng là bao. Tuy vậy tôi cũng xong được năm sáu năm giùi mài và vượt qua những thử thách kinh viện, giành được mảnh bằng kêu ro ro. Thế là tôi phải bám trụ ở một vùng ngoại ô hợp với mình, La Garenne-Rancy, ra khỏi Paris qua cửa ô Brancion là thấy ngay.

Tôi chẳng có ý đồ mà cũng chẳng có tham vọng gì ghê gớm, chỉ mong sao được thở một tí và ăn uống khá hơn đôi chút. Sau khi gắn cái biển lên cửa, tôi ngồi chờ.

Người trong khu phố qua lại nhìn cái biển của tôi với con mắt ngờ vực. Thậm chí họ còn hỏi đồn cảnh sát xem tôi có thật là thầy thuốc không. Người ta trả lời họ: đúng. Đồn còn nói ông ta đã trình cả Văn bằng, đích thị rồi. Thế là khắp cả Rancy người ta nhắc đi nhắc lại với nhau rằng trong khu phố mới có một thầy thuốc thật thêm vào những thầy thuốc khác. Bà gác cổng khu nhà tôi đoán trước ngay rằng: “Chẳng có nổi miếng bít tết đâu. Ở đây đã quá

nhieu thầy thuốc rồi!”. Nhận xét ấy quả là chính xác.

Cuộc sống ở ngoại ô thường chỉ rộn lên buổi sáng với những chuyến xe điện. Từ lúc tỉnh mơ, từng đoàn, từng lũ còn ngái ngủ lảo lư bên cửa tàu, xuôi từ phía đường Minotaure, xuống đây để đi làm.

Cánh trẻ còn có vẻ thỏa mãn với công việc ở đây. Những con người dễ thương ấy hồi hả bám lấy các bậc lên xuống, cười đùa vui vẻ. Phải thấy cảnh đó. Nhưng khi người ta biết được rằng từ hai chục năm nay, chẳng hạn cái trạm điện thoại ở quán rượu bản ời là bản, thường được dùng như cái nhà xí, thì anh không còn vui vẻ được với những việc nghiêm chỉnh nói chung và với Rancy nói riêng. Ta sẽ thấy ngay được là bị quăng vào cái xó xỉnh nào đây. Nhà cửa thì đều ri rỉ nước đá, các mặt tiền thì nhạt phếch, lão chủ giành lấy chỗ ở tít tận bên trong. Không ai thấy lão bao giờ. Lão không dám lộ mặt ra. Chỉ phái tay quản lý, một tay tàn ác. Thế mà cũng có người nói rằng gặp bất chợt thì thấy lão chủ cũng khá dễ thương. Cái đó chẳng hứa hẹn được điều gì.

Ánh sáng trời ở Rancy, cũng giống như ở Detroit, hơi nước đặc sệt từ phía Levallois bay xuống. Một lô những nhà xây dở bỏ hoang nằm trên những vũng nước đục ngầu. Các ống khói, cái thấp cái cao, trông xa như ta đứng ngoài bờ biển nhìn vào thấy những cái cọc cắm trong chậu. Và chúng tôi sống trong đó.

Cũng phải có dũng khí của loài cua, ở đất Rancy này, nhất là khi tuổi ngày càng lớn và biết rõ rằng chẳng còn thoát đi đâu được nữa. Ở cuối đoạn đường xe điện có một cây cầu nhơ nhớp bắc ngang qua sông Seine, thật là một cái cống lớn phơi bày ra đủ mọi thứ. Dọc theo các bờ sông, ngày chủ nhật và ban đêm người ta leo lên đấy tha hồ mà đá. Cánh đàn ông vừa đứng đấy vừa dăm chiêu nhìn xuống dòng nước với cái cảm giác vĩnh cửu của các chàng thủy thủ. Còn đám đàn bà thì chẳng phải dăm chiêu gì cả, sông Seine hay không thì cũng thế. Buổi sáng, xe điện chở khách đến đây để họ chen nhau xuống métro đi tiếp. Nhìn họ cuống cuống từ đằng đó ủa tới, tưởng đâu như họ vừa gặp tai họa ở Argenteuil, cứ như là ở đấy có hỏa hoạn. Sau mỗi buổi rạng đông, xe điện lại lôi họ đi, chen nhau bám các cửa toa, các lan can tay vịn.

Thật là hỗn loạn. Họ kéo nhau đi kiếm một ông chủ ở Paris này, một ông chủ có thể cứu vớt họ khỏi chết đói, họ còn vô cùng sợ hãi nếu mất mất ông ta nữa cơ, thật là hèn. Ông ta có thí cho anh mẫu bánh thì anh cũng vãi mồ hôi ra, mười năm hai mươi năm vẫn còn phát khảm lên ấy chứ. Có gì cho không đâu.

Mà cứ động lên xe là họ cãi nhau ỏm tỏi, để cho cái mồm khỏi để không mà. Đàn bà lại càng lắm lời hơn cả lũ còn nít. Chỉ có chuyện lậu một cái vé là cả chuyến xe phải dừng lại. Trong đám hành khách đàn bà đã có những mục say khướt rồi, nhất là những mục xuống chợ ở phía Saint-Ouen, những mục trưởng giả nửa mùa. Chưa đến nơi là đã í ới: “Cà rốt bao nhiêu đấy?” cốt để tự khoe mà.

Dồn nén như rác rưởi trong cái thùng bằng sắt, họ đi suốt Rancy và cũng đồng thời bốc mùi lên với nhau, nhất là vào mùa hè. Đến đoạn gần các công sự, họ gầm ghè cái cọ một lần cuối rồi mất hút, xe điện ngầm đã nuốt chửng tất tần tật, cả những anh com lê ướt đầm cũng như những chị áo váy nát nhàu, những đôi tất lụa, những nàng viêm dạ con, những bàn chân bẩn thỉu, những cổ áo bằng thứ vải cứng đờ trông như phồng, những vụ lộn bại, những vinh quang của chiến tranh, tất cả đều tuồn xuống theo cái thang sắc mùi hắc ín đến tận đoạn đường hầm tối om, với tấm vé khứ hồi cho mỗi người chỉ bằng hai cái bánh mì con.

Nỗi kinh hoàng bị sa thải không kèn không trống luôn luôn lơ lửng trên đầu những người đến trễ trong khi ông chủ đang muốn cắt giảm khoản hành chính phí. Những kỷ niệm về cơn “khủng hoảng” bề ngoài, về lần mất việc trước, về tất cả những số báo *Intransigeant* (Không khoan nhượng) buộc phải đọc, năm xu, năm xu... trong những ngày chờ việc... Những ký ức đó bóp nghẹt anh lại, một con người đã cố thu mình trong cái áo khoác “tứ thời”.

Thành phố ra sức giấu miết những đám đông chân bẩn của nó trong những đường cống ngầm dài đặc điện khí (ý nói métro). Họ chỉ trở lại mặt đất ngày chủ nhật. Và lúc đó, khi họ đã ra ngoài thì mình chớ có lộ mặt. Chỉ một ngày chủ nhật xem họ tiêu khiển với nhau là đủ cho anh triệt tiêu hẳn cái thú vui

đùa. Xung quanh ga métro, cạnh những pháo đài, cái mùi chiến tranh vẫn còn vương vất hơi hướng những ngôi làng cháy dở, những cuộc nổi dậy không thành, những vụ bán buôn phá sản. Những người bối rác, từ bao nhiêu mùa nay, đốt những đồng rác ẩm xỉ trong các hố đầy nắp gỗ. Đó là những người khốn khổ không còn ra hình thù gì nữa mang vác những vỏ chai và nổi nhọc nhằn của bản thân mình. Họ sẽ đến ho sù sụ ở trạm y tế cạnh đó thay vì đánh đu với những toa xe điện trên bờ dốc, rồi đá một bãi thật thỏa thích. Người cắt không còn hột máu. Chẳng còn chuyện gì. Lần sau, chiến tranh có xảy ra, họ lại có dịp làm giàu bằng bán da chuột cống, bạch phiến và mặt nạ bằng tôn dập.

Để thuận tiện, tôi chọn một căn hộ nhỏ bên cạnh cái vùng mà từ đó tôi có thể thấy rõ các bờ dốc và người thợ đứng trên đó ngơ ngác trông vờn vờn đi đâu, với cánh tay băng bó trắng toát do tai nạn lao động, không còn biết làm gì, nghĩ gì và cũng không có được mấy tí để đi uống rượu và để thỏa mãn lương tâm mình.

Molly rất có lý, tôi bắt đầu hiểu em hơn. Việc học hành sẽ làm cho anh đổi thay, làm cho anh tự hào là một con người. Phải trải qua đó mà đi sâu vào cốt lõi cuộc đời. Trước đây tôi chỉ loanh quanh ngoài rìa, tự coi là đã được giải phóng nhưng thật ra mới chỉ là chông đỡ những cái chẳng đâu vào đâu. Mình đã quá mơ mộng, chỉ lướt trên toàn những ngôn từ. Đời đâu chỉ có thế. Những cái anh đã làm mới chỉ là những ý định, những cái vỏ bề ngoài. Phải làm cái đó dứt khoát. Với nghề y, tôi dù không có năng khiếu cho lắm, cũng được gần gũi nhiều người, nhiều vật, với tất cả. Giờ đây chỉ còn vấn đề đi thẳng đến đó, vào đúng chỗ của nó. Cái chết đang đuổi sau anh, phải dẫn bước lên và cũng phải ăn nữa trong khi người ta đang tìm kiếm, hơn nữa đang đạo đức giả về chiến tranh. Có quá nhiều việc phải hoàn thành. Thật không đơn giản.

Trong lúc chờ mong bệnh nhân nhưng họ đến chẳng nhiều nhận gì, thì cũng phải có thời giờ để khởi động chứ, người ta nói cho tôi yên lòng. Bởi thế, trước mắt, người đang ốm lại chính là tôi.

Tôi thấy rằng, không có gì thê thảm hơn ở La Garenne-Rancy, khi vắng khách. Có thể nói vậy. Chớ có suy nghĩ gì ở những nơi đó, nhưng tôi thì lại tìm đến đấy, và cả phía bên kia trái đất nữa, để mà được thanh thản suy nghĩ. Tôi đến thật đúng lúc, hơi chút vênh vang! Thế mà chỉ toàn những thứ đen tối, nặng nề trút xuống đầu... Chẳng có gì để mà cười, và cũng chẳng được buông tha. Có óc cũng như không, quân bạo ngược!

Ở dưới nhà tôi có tay Bézin, một tiểu thương buôn bán đồ cũ. Mỗi lần tôi đi qua là anh ta lại luôn miệng bảo:

-Này bác sĩ ời, phải chọn đi! Hoặc đánh cá ngựa hoặc uống rượu, cái này hoặc cái kia! Không có ai cái gì cũng làm cả được đâu! Tôi thì thích rượu chứ không ưa món cờ bạc.

Quả là anh ta chỉ thích rượu, mà phải là thứ rượu gentiane-cassis (rượu rễ long đởm và quả lý đen). Chẳng có gì xấu những thói quen ấy, nhưng tiếp luôn một châu vang đỏ rẻ tiền thì không còn dễ ưa được mấy nữa. Những lần đem hàng tiếp tế cho Hội chợ hàng tầm tầm, anh ta thường vắng nhà ba ngày liền, theo cách gọi của anh ta, đó là những chuyến “viễn chinh”. Đến khi được đưa về nhà, anh ta làm bộ thầy bói đoán mò:

-Tương lai ư? Tôi đã thấy được nó sẽ ra sao... Sẽ giống như một cuộc truy hoan không bao giờ dứt... Có lẫn cả chiếu bóng trong đó... Chỉ nhìn vào đấy là thấy hết...

Anh ta còn thấy cả những cái xa hơn: “Tôi cũng thấy họ nốc rượu tợn hơn... Trong tương lai, tôi sẽ là thằng đệ tử cuối cùng của Lưu linh... Tôi phải khẩn trương hơn nữa... Tôi biết được thói hư của mình...

Trong phố tôi ai cũng mắc chứng ho. Cái đó làm bận tâm nhiều người. Khói mù khói mịt, muốn thấy được mặt trời, ít ra phải leo lên tận nóc nhà thờ Trái Tim Thiêng ^[101*].

Từ trên đó mà nhìn xuống sẽ thấy được chúng tôi ở cuối cánh đồng và thấy những ngôi nhà chúng tôi sống. Nhưng nếu muốn đi sâu vào chi tiết thì chịu, không tìm ra được, vì nhà nào cũng xấu xí như nhau.

Xa xa hơn nữa, vẫn là con sông Seine lượn lờ như cái lòng trắng trứng lớn

uốn khúc chữ chi từ cầu này đến cầu khác.

Sống ở Rancy, buồn như chấu cấn mà không biết. Chẳng còn mong ước gì làm những chuyện đáng kể, có thể thôi. Khi anh đã buộc phải dè sẻn với mọi thứ, vì mọi thứ, thì mọi ước muốn của anh cũng đi tong hết.

Trong nhiều tháng tôi phải chạy vạy vay mượn nơi này nơi nọ. Người trong khu phố của tôi nghèo và đa nghi đến nỗi họ phải chờ đêm tối mới dám mời tôi đến, tuy rằng tôi là một anh thầy thuốc lấy giá rẻ. Đêm này sang đêm khác, tôi cứ phải băng qua những cái sân nhỏ không ánh trăng sao để kiếm lấy mười mười lăm quan.

Buổi sáng, đường phố biến thành một cái trống lớn bập bùng tiếng đập bụi thắm.

Sáng hôm đó, tôi gặp Bébert trên hè phố, nó đứng coi túp lều cho cô nó chạy ra ngoài có việc. Thằng nhỏ Bébert cũng thế, cũng khua bụi lấm trên hè với chiếc chổi.

Ai mà không khua bụi ở những chốn này vào lúc bảy giờ, thì bị coi như một con lợn kỳ quái ở cái đường phố sạch sẽ của mình. Những chiếc thảm được giữ đập là dấu hiệu của sự sạch sẽ, của một nếp nhà được giữ gìn. Thế là đủ. Dù mồm miệng có hôi xì thì người ta vẫn yên tâm sau công việc ấy. Bébert hít vào tất cả chỗ nó tung ra và cả những bụi bậm từ trên các tầng gác bay xuống. Cũng có một vài điểm sáng mặt trời trên vỉa hè nhưng chỉ nhợt nhạt, thần bí như bên trong nhà thờ.

Bébert đã thấy tôi đi đến. Tôi là thầy thuốc ở góc phố, nơi đỗ xe buýt. Thằng bé có nước da xanh xanh như quả táo không bao giờ chín. Nó gãi, và trông nó gãi tôi cũng thấy mình ngứa ran lên. Có lẽ những con rận trên người các bệnh nhân bò sang mình lúc đêm cũng nên. Rận dễ dàng nhảy sang áo khoác của anh vì đó là nơi vừa ấm lại vừa ẩm hợp với chúng. Người ta đã dạy thế ngay trong trường rồi.

Bébert buông tấm thảm xuống, chào tôi. Trên tất cả các cửa sổ người ta đứng nhìn chúng tôi trò chuyện với nhau.

Chừng nào phải chọn cái gì để mà yêu thích, thì với trẻ con ta ít gặp bất

trắc hơn là với người lớn, ít nhất còn có lý do để hy vọng rằng sau này các cháu không đến nỗi tồi như chúng ta. Người ta không hiểu được.

Trên khuôn mặt tái nhợt nhảy nhót nụ cười vô tận của một sự triu mến trong trắng mà tôi không bao giờ quên được. Một niềm vui vì mọi người.

Qua tuổi hai mươi ít ai còn giữ được tí chút cái triu mến dễ dãi ấy, cái triu mến của những con vật nhỏ. Thiên hạ không như người ta tưởng đâu! Tất cả là thế! Vậy ra người ta đã thay đổi cái mồm của mình! Tất nhiên là thế! Bởi người ta đã lầm! Người ta trở nên tàn ác rất nhanh! Đó là những gì đọng lại trên khuôn mặt chúng ta khi qua tuổi hai mươi! Một sai lầm. Khuôn mặt chúng ta chỉ là một sự sai lầm.

-Bác sĩ ơi, Bébert nói với tôi, đêm qua người ta nhặt về một người ở Quảng trường Lễ hội, có phải không bác sĩ? Cái người bị cửa cổ bằng lưỡi dao cạo ấy? Có phải chú trực đêm qua không? Có đúng thế không hở chú?

-Không, chú không trực, Bébert ơi, không phải chú đâu, bác sĩ Frolichon đấy.

-Mặc kệ, cô cháu đã bảo là cô cháu thích đêm qua là phiên trực của chú cơ. Và chú sẽ kể hết cho cô cháu nghe...

-Để lần sau vậy, Bébert.

-Chú ơi, thế người ta hay giết nhau thế cơ à? Bébert nhận xét.

Tôi vừa lướt qua làn bụi của chú bé thì cũng là lúc xe rửa đường của thành phố chạy tới, gầm rú và phun ra vòi nước to tướng, ào ào như suối, cả phố bụi mù đặc xịt, chẳng còn ai nhận ra ai. Bébert nhảy như con chơi chơi hết bên phải lại sang trái, vừa hắt hơi hò hét reo vui. Đầu nóбет lại với những mảng tóc nhóp nhép, hai ống căng gầy lẻo khoèo như chân khí, tất cả những cái đó cùng nhảy tâng tâng với đầu cán chổi.

Cô thẳng Bébert xong việc đã trở về, chị ta vừa đi làm một ly nhỏ, và cũng phải nói rõ rằng chị ta đi hít một chút ê-te theo cái thói quen đã có từ hồi phục vụ ở nhà ông thầy thuốc, chị ta lại còn bị đau mấy cái răng khôn. Răng cửa chỉ còn có hai chiếc, nhưng chị ta không bao giờ quên đánh răng. “Khi người ta cũng như tôi, cũng phục vụ một ông thầy thuốc, là biết ngay thế nào

là vệ sinh”. Chị ta đi khám bệnh ở quanh vùng, khá xa, lên tận Bezons.

Tôi có ý muốn biết xem cô thằng bé Bébert này có lúc nào suy nghĩ điều gì không. Nhưng không, chị ta chẳng nghĩ ngợi gì cả. Chị ta nói luôn mồm mà chẳng cần suy nghĩ. Khi chỉ còn tôi với hai cô cháu, xung quanh chẳng có ai để ý, chị ta mới ướm nhờ tôi xem bệnh cho thằng bé. Theo nghĩa nào đó thì mình cũng thấy thú vị.

- Bác sĩ ơi, tôi phải nói với ông, vì ông là thầy thuốc, chứ cái thằng Bébert này bậy bạ lắm!... Nó đã “mó máy chim” của nó đấy, bác sĩ ạ! Đã từ hai tháng nay, tôi bắt gặp nó làm việc ấy, mà không biết đứa nào dạy nó cái trò bẩn thỉu ấy không biết nữa... Mặc dù tôi ra sức dạy bảo nó! Tôi đã cấm mà nó lại tiếp tục...

-Chị bảo cho nó biết, làm thế là hóa điên đấy! tôi khuyên, theo lối cổ điển.

Thằng Bébert thấy chúng tôi nói đến chuyện ấy, nó tỏ vẻ không bằng lòng:

-Cháu có tự mó máy chim đâu, không đúng, tại thằng Gagat nó bảo cháu làm thế đấy...

Cô nó nói:

-Đó, bác sĩ thấy chưa, tôi là tôi ngờ cái nhà Gagat ấy. Bác sĩ có biết cái nhà ở tầng năm ấy không?... Toàn là đồ hư đốn. Ngay cả ông nội chúng nó hình như cũng chạy theo mấy con diêm... Thử hỏi chạy theo để làm gì cơ chứ? Bác sĩ ơi, nhân tiện đây, bác sĩ có thể cho cháu nó một liều xi rô cho nó khỏi mân mó thế không?

Tôi theo chị ta về lều để kê đơn cho một liều xi rô “chống hư đốn”. Tính tôi vốn cả nể với mọi người, tôi biết rõ như thế. Chẳng ai trả tiền tôi cả. Tôi thường khám bệnh cho không, chủ yếu vì tính tò mò ham biết. Thật là một sai lầm. Thiên hạ bù lại những gì mình phục vụ đều thế cả. Cũng như những người khác, cô thằng nhỏ Bébert cũng lợi dụng cái sự vô tư ngạo mạn ấy của tôi. Thậm chí còn lạm dụng đến tột độ. Tôi đành buông trôi, mặc cho người ta nói dối. Bệnh nhân của tôi ngày càng đông, họ bám riết tôi, khóc lóc, tha hồ mà lôi tôi đi. Cùng lúc, họ bày ra cái xấu xa này đến cái xấu xa khác, tất

cả những gì họ thường chỉ giấu kín trong đầu không hề hé ra cho ai thấy, ngoài tôi. Chẳng bao giờ lại có ai trả giá quá đắt cho những cái gôm ghiếc ấy. Trừ phi chúng trườn qua tay anh như những con rắn nhầy nhót.

Một ngày nào đó, tôi sẽ nói tất, nếu tôi còn được sống lâu lâu để mà kể lại tất cả.

“Hãy coi chừng, đồ ghê tởm. Cứ để tôi đối xử tử tế lấy thêm vài năm nữa. Đừng giết tôi vội. Làm ra vẻ hèn kém và nguôi hận, tôi sẽ nói hết. Tôi đảm bảo với bạn như thế và bạn sẽ cuộn mình lại liền như những con sâu nhót ở châu Phi làm bê bết căn lều của tôi và tôi sẽ làm cho bạn hèn nhát một cách khôn khéo hơn và còn đáng tởm hơn, nếu quả thực là bạn sắp hết hơi rồi”.

Bébert hỏi về cái món xi-rô:

-Nó có ngọt không hở chú?

-Bác sĩ đừng cho nó uống ngọt, cô nó dặn. Cái thằng khốn ấy... Nó không đáng để uống thuốc ngọt đâu, kéo rồi nó lại lấy trộm đường của tôi đấy! Nó thì đủ tật, và có gan làm tất. Rồi nó cũng đến giết cả mẹ nó thôi!

-Cháu không có mẹ, nó cãi lại một cách quả quyết và không chút lúng túng.

-Quân chó đẻ, mày còn cãi thì bà lại quất cho mấy roi bây giờ! Chị ta đi lấy cái roi da, nhưng thằng bé đã bỏ chạy luôn ra phố. Nó còn gào tướng ngoài hành lang, gọi cô nó là “Đồ tồi tệ!”. Cô nó đỏ mặt lên rồi quay lại với tôi. Yên lặng. Chúng tôi lại trò chuyện.

-Bác sĩ ơi, ông phải đến thăm cái bà ở gác lửng nhà số 4 phố Mineures ... Bà ta trước đây là nhân viên sở công chứng, bà ấy được người ta mách về ông đấy... Tôi bảo bà ấy rằng ông là một thầy thuốc rất tử tế với bệnh nhân.

Tôi biết ngay là chị này đang nói dối. Chứ thầy thuốc mà chị ta ưa, chính là Frolichon. Hễ có ai cần là luôn luôn chị ta giới thiệu đến lão ấy, còn tôi thì có dịp là chị ta gièm pha. Lòng nhân đạo của tôi đối với chị ta chỉ đáng với sự căm ghét thú vật. Chị ta là một con thú, chó quên điều đó. Chỉ có Frolichon được chị ta phục mới làm cho chị ta phải xì tiền, chứ với tôi thì không được lấy một xu. Muốn được chị ta dẫn khách bệnh đến thì phải có những chuyện

hoàn toàn không mất tiền hoặc những việc rất khả nghi. Tuy vậy, vừa đi tôi vừa nghĩ đến thằng cu Bébert.

Tôi bảo chị ta:

-Phải cho thằng bé ra ngoài một chút, đừng để nó ro ró trong nhà quá thế...

-Nhưng bác sĩ tính cô cháu tôi còn đi đâu được khỏi cái lều này?

-Ít nhất thì cũng cho nó ra ngoài Công viên, ngày chủ nhật...

-Nhưng ở Công viên lại càng đông người và tổ bụi hơn ở đây... Người ta chen chúc nhau...

Nhận xét của chị ta xem ra cũng xác đáng. Tôi tìm kiếm nơi khác để khuyên chị ta.

Tôi dè dặt gợi ý đến nghĩa trang.

Nghĩa trang của La Garenne-Rancy là nơi duy nhất trong vùng có chút ít cây cối và tương đối rộng.

-Ờ mà phải, sao tôi không nghĩ ra nhỉ, có thể đến đấy lắm chứ!

Thằng Bébert cũng vừa về đúng lúc.

-Này, Bébert, cháu có thích đi chơi ở nghĩa trang không? Để tôi hỏi nó cái đã, bác sĩ ạ. Đầu óc thằng này cứ nói đến đi chơi là lại như đầu óc lợn, xin nói trước với bác sĩ!...

Bébert chẳng nói chẳng rằng. Nhưng cứ vừa ý cô là đủ rồi. Chị ta rất thích vào nghĩa trang cũng như mọi người dân Paris. Về vấn đề này, phải nói là chị ta có suy nghĩ. Chị ta đã xem xét cả hai mặt thuận và nghịch. Đến chỗ các cộng sự thì ở đấy toàn đồ lưu manh... Ra công viên thì quá lắm bụi... Còn vào nghĩa trang, kể cũng hay... Những ai đến đấy ngày chủ nhật thường là người đứng đắn tử tế. Hơn nữa cũng tiện lúc quay về qua đại lộ Liberté có thể mua bán được vì các cửa hàng ở đây mở cả ngày chủ nhật.

Thế rồi chị ta kết luận:

-Này Bébert, cháu hãy dẫn bác sĩ đến thăm bà Henrouille ở phố Mineures ... Cháu biết chứ, nhà bà Henrouille, Bébert nhé.

Đâu thì nó cũng biết, miễn là có dịp để chạy nhảy nhón nhơ.

Giữa phố Ventrú và quảng trường Lênin, chỉ còn có những ngôi nhà xây dựng để cho thuê. Các nhà thầu đã chiếm hết những gì còn lại của vùng quê này như tên thường gọi, Garennes. Tận phía cuối làng, sau cái cột đèn thấp bằng ga, cũng còn sót lại được vài bãi đất hoang.

Kẹp vào giữa những tòa nhà lớn, mấy ngôi nhà nhỏ mọc meo, bốn gian với một cái lò to chềnh ềnh trong hành lang tầng dưới; lửa chỉ lom dom vì dè sẻn. Khói mù trong hơi ẩm. Đó là những ngôi nhà của đám người được trợ cấp, những người còn sót lại. Bước vào nhà họ là phát ho lên vì khói. Sống ở đó không phải là những tay cho vay lãi giàu có, không đâu, nhất là nhà Henrouille mà tôi được dẫn đến. Nhưng dù sao thì đây cũng là những người có chút ít máu mặt.

Bước vào nhà Henrouille, ngoài mùi khói còn sặc lên mùi nhà tiêu và mùi ra-gu. Ngôi nhà này họ mới trả hết góp. Thế là mất năm mươi năm dành dụm. Vừa đặt chân vào nhà và vừa thấy họ là phải tự hỏi cả hai vợ chồng này sống bằng gì. Vậy ra họ đều phải sống trong cảnh chẳng bình thường, suốt năm chục năm trời cả hai không dám tiêu pha, xót ruột từng đồng xu. Thật là với thịt xương và trí não mà họ đã tậu được ngôi nhà này, giống như một con ốc sên. Nhưng con ốc sên có làm việc ấy thì nó cũng không ngờ được thế.

Ngẫm nghĩ lại, vợ chồng Henrouille không ngờ được đã trải qua cả đời mình chỉ để có được một ngôi nhà và giống như những người bị sập hầm ngờ ngàng rằng mình đã cày được đến viên gạch cuối cùng để nhìn ra ánh sáng. Thoát được khỏi cảnh đó thật lắm kỳ thú.

Vợ chồng Henrouille, ngay trước khi lấy nhau, đã tính đến việc phải mua một ngôi nhà. Đầu tiên là người nào dành riêng phần người ấy, về sau thì để dành chung. Họ không còn nghĩ gì đến mọi cái khác trong nửa thế kỷ và khi cuộc sống buộc họ phải nghĩ đến cái gì đó, như chiến tranh chẳng hạn, nhất là đến đứa con, là họ phát ốm lên với nhau.

Khi cặp vợ chồng trẻ dọn đến ngôi nhà này, với món tiền dành dụm của

mỗi người lúc ấy đã được mười năm, thì khu nhà này còn ngổn ngang. Muốn về nhà, họ phải đến chỗ ông bán trái cây góc phố Révolte lấy mấy đôi guốc gửi nhờ buổi sáng, lúc sáu giờ, để lên Paris làm việc, xa ba cây số, đi xe ngựa mất hai xu.

Kể ra thì cũng phải có một thể lực tốt mới chịu được cuộc sống như vậy. Tấm hình hai người chụp hôm làm lễ cưới treo ở đầu giường, trên gác hai. Cái phòng ngủ với các đồ đạc đã được trả xong tiền từ lâu. Tất cả những hóa đơn, biên lai suốt mười, hai mươi, bốn mươi năm đều găm lại với nhau, để trong ngăn kéo trên cùng chiếc tủ com mốt và quyển sổ ghi các món chi tiêu hằng ngày được cập nhật cẩn thận cất ở dưới nhà trong phòng ăn nhưng họ chẳng ăn ở đấy bao giờ. Henrouille sẽ trình bày hết với bạn, nếu bạn muốn. Ngày thứ bảy chính lão tính toán cân đối sổ sách ở phòng ăn. Họ ăn uống với nhau đều ở trong bếp.

Tất cả những chuyện ấy là tôi biết được dần dần do họ hay những người khác, và cũng do cô thẳng Bébert nữa. Khi tôi với họ đã quen nhau khá rồi, họ mới kể cho nghe nỗi lo lớn nhất, nỗi lo suốt đời họ, là lo cho đứa con trai độc nhất, lao vào việc buôn bán mà không gặp những vụ làm ăn tồi tệ. Trong ba chục năm qua, hầu như đêm nào họ cũng giật mình thức giấc vì nỗi lo ấy. Gã con trai lập nghiệp trên đồng lông chim! Bạn thử nghĩ một tí mà xem, từ ba chục năm nay lại không xảy ra cuộc khủng hoảng nào về lông chim sao! Có lẽ không có cái nghề nào lại tệ hại hơn, bấp bênh hơn nghề bán lông chim.

Có những việc làm ăn người ta biết chắc là tồi tệ đến nỗi không màng tới việc đi vay tiền để cứu vãn, nhưng cũng có những kẻ thì gặp chuyện ấy là họ nghĩ ngay đến vấn đề đi vay đi mượn. Vợ chồng lão Henrouille cứ nghĩ đến kiểu vay mượn như thế là bật ngay ra khỏi ghế, nhìn nhau mà mặt đỏ bừng, mặc dầu họ đã trả xong nợ ngôi nhà và mọi thứ khác.

Gặp phải trường hợp ấy thì họ sẽ làm gì? Họ từ chối.

Lúc nào họ cũng quả quyết không vay mượn bất cứ vì lý do gì... Về nguyên tắc, họ cố chặt bóp lấy một khoản dành dụm, một cái gia tài và một ngôi nhà, gọi là để lại gia sản cho con. Họ lập luận như thế đấy. Cậu con là

một chàng trai đứng đắn thì đã rõ, nhưng đã vào nghề buôn bán thì mấy ai mà không thể bị lôi cuốn...

Được hỏi, tôi cũng hoàn toàn như họ thôi.

Mẹ tôi cũng thế, cũng đi buôn; cái nghề buôn của mẹ chỉ toàn đem lại những nỗi khổ sở cho gia đình, được một ít bánh nhưng lắm lo âu. Tôi cũng không thích gì những chuyện buôn bán. Phải thấy trước cái hiểm họa của đứa con, cái hiểm nguy của những món nợ gặp thời hạn gay gắt. Không cần giải thích gì nữa. Lão ta, Henrouille bố, đã từng giữ chân thư ký quèn ở phòng công chứng tại đại lộ Sébastopol suốt năm mươi năm. Cho nên lão biết khối chuyện ăn tàn phá hại gia sản! Lão còn kể cho tôi nghe những chuyện ly kỳ. Đầu tiên là chuyện ông thân của lão, chỉ vì ông cụ khuynh gia bại sản mà lão Henrouille này không theo đuổi được nghề dạy học sau khi đậu tú tài và phải đi ngay vào nghề cạo giấy. Người ta luôn luôn nhớ kỹ những chuyện như thế.

Cuối cùng thì, ngôi nhà trả hết, nắm chắc trong tay tất cả, không còn nợ nần lấy một xu, họ không còn có gì phải lo cho sự an sinh! Lúc ấy họ đã vào tuổi sáu mươi sáu.

Cũng vừa vặn vào lúc ấy, lão cảm thấy trong người có chuyện bất ổn kỳ cục, hay đúng hơn là từ lâu cũng đã thấy nhưng vì mãi lo nghĩ vào chuyện trả xong nợ ngôi nhà nên lão vẫn bỏ qua. Khi chuyện nhà cửa đã thanh toán đâu vào đấy, giấy tờ đã ký hẳn hoi, lão mới nghĩ đến cái bất ổn kỳ lạ của mình. Người lúc nào cũng như choáng váng, luôn luôn có tiếng còi hơi xì ra mỗi bên tai.

Cũng vào khoảng thời gian ấy, lão bắt đầu mua báo về đọc vì biết rằng từ nay có thể chi tiêu được món này! Báo viết và mô tả tất cả những gì lão Henrouille cảm thấy trong tai. Thế rồi lão mua thuốc theo người ta nói trong mục quảng cáo, nhưng chẳng ăn thua gì, mà trái lại, có vẻ những tiếng còi thổi càng ngày càng mạnh hơn. Có thể chỉ là do nghĩ đến nó chăng? Tuy vậy cả hai cùng đưa nhau đến khám lại ông thầy thuốc ở phòng y tế. Ông ta bảo: “Đó là do huyết áp”.

Cái từ huyết áp tác động vào lão. Nhưng xét cho cùng thì nỗi ám ảnh này

đã tới lúc nó phải đến. Trong suốt bao nhiêu năm lão phải băn khoăn lo nghĩ về ngôi nhà và về những món nợ đến hạn của con, bỗng dưng như bị hẫng hụt trong cái chuỗi lo sợ suốt bốn chục năm qua vẫn kìm giữ thân xác lão nay lại buông rơi. Nghe thầy thuốc nói bị tăng huyết áp thì lão cũng thử nghe huyết áp của mình đập trên gối, tít tặn trong tai. Lão còn nhóm dậy tự bắt mạch rồi ngồi thật yên đó, bên cạnh giường, rất lâu giữa đêm khuya để cảm thấy người lão đu đưa nhẹ theo tiếng đập của con tim. Lão nghĩ thầm, tất cả là do cái chết của mình đây. Bấy lâu lão vẫn sợ cuộc sống, bây giờ lão gấn cái sợ của lão với cái gì đó, với cái chết, với cái huyết áp tăng cao, như lão đã từng gấn nó trong suốt bốn mươi năm qua với nguy cơ không trả được hết tiền về ngôi nhà.

Vả lại lão vốn đã là người luôn luôn bất hạnh, nay lão phải mau mau tìm lấy thêm một lý do thật xác đáng để mà bất hạnh. Chuyện ấy không dễ gì đâu. Không phải cứ hô lên “Ta là kẻ bất hạnh” mà xong. Còn phải tự chứng minh, tự thuyết phục dứt khoát. Lão không đòi hỏi gì hơn là: Có thể cho nỗi sợ một lý do vững vàng và thật có giá trị. Huyết áp của lão đã là 22, theo lời thầy thuốc. Mà 22 đã là thế nào rồi đấy. Thầy thuốc đã chỉ đường cho lão biết mà tìm đến cội chết của lão rồi.

Đứa con buôn lông chim nổi danh ấy, hầu như không ai thấy mặt bao giờ. Chỉ một hai lần vào ngày tết đầu năm. Thế thôi. Lẽ ra bây giờ thì hẳn phải luôn luôn có mặt chứ! Nhưng chẳng còn gì để vay mượn ở ông bố bà mẹ. Đứa con ấy hầu như không còn bén mảng nữa.

Mụ vợ Henrouille, tôi phải mất nhiều thì giờ mới hiểu được mụ; mụ ta không phải chịu một nỗi lo sợ nào, ngay cả đối với cái chết mụ cũng chẳng nghĩ đến. Mụ chỉ phàn nàn về chuyện tuổi tác, nhưng cũng không lo lắng gì lắm, mà chỉ như mọi người, trong khi đời sống ngày một “gia tăng”. Công việc vất vả nhất đã xong. Nhà đã trả hết tiền. Để mau đi nốt cho xong những đoạn đường cuối cùng, mụ còn gặng nhận đơm khuy áo gi-lê cho một nhà hàng lớn. “Làm cật lực mà chỉ kiếm được trăm đồng xu ^[102*], thật khó tin được!” Lại còn chuyện phải đem giao hàng bằng xe buýt, có buổi tối bị người

ta chửi nữa chứ. Lần ấy là một người đàn bà nước ngoài, người nước ngoài đầu tiên và duy nhất mẹ Henrouille gặp trong đời mà mẹ nhắc đến với lời nguyên rủa.

Trước kia, khi còn thoáng gió bốn xung quanh, những bức tường của ngôi nhà này còn được khô ráo, nhưng bây giờ, bị các tòa nhà cao vây kín, chỗ nào cũng ẩm ướt, ngay cả những tấm rèm cũng bị mốc đen từng đám.

Mua xong được ngôi nhà, trong suốt cả tháng tiếp liền đó, mẹ Henrouille lúc nào cũng tươi cười hơn hở, mãn nguyện, rạng rỡ như một con chiên sau khi được làm lễ ban mình Thánh. Chính mẹ đã gợi ý với chồng:

- Jules ơi, bắt đầu từ hôm nay ta mua báo hàng ngày được rồi đấy mình nhỉ...

Với việc ấy, mẹ vừa nghĩ đến chồng, nhìn chồng, nhìn xung quanh mẹ và cuối cùng nghĩ đến bà mẹ chồng, bà mẹ đẻ của Henrouille. Và do đấy, mẹ lại trở lại với nét nghiêm trang của một nàng dâu, như trước khi trả hết nợ. Cứ thế, mọi việc lại bắt đầu với ý nghĩ đó, bởi lẽ vẫn còn có vấn đề phải dành dụm để nuôi mẹ chồng, bà cụ già ít được người ta nói đến trong nhà này cũng như với người ngoài.

Ở đằng cuối vườn, trong khoảnh đất che chắn kín, chứa chất toàn những chồi cùn, chuồng gà bẹp hỏng và sắp bóng tối thui của các nhà cao xung quanh, bà cụ ở trong cái xó thấp lè tè, hầu như chẳng bao giờ lộ mặt ra ngoài. Chỉ một việc làm thế nào đưa được thức ăn cho bà cụ cũng đã đủ thứ chuyện. Bà ta không cho ai bước vào chỗ ở lụp xụp đó của mình, kể cả con trai bà. Bà cụ bảo rằng bà sợ bị ám sát.

Vừa thoáng nghĩ đến việc lại phải dành tiền tiết kiệm là mẹ con dâu ướm thử vài lời với chồng, xem liệu có thể chẳng hạn như đưa bà cụ vào nhờ các bà xơ ở nhà dòng Saint-Vincent, nơi các bà nữ tu thường trông nom những bà già lẫn trí. Nhưng lão con trai thì chỉ âm ừ, chẳng nói không mà cũng chẳng nói có. Lúc này lão còn bận lo việc khác, lo đến những tiếng xáo động không ngớt trong tai, chẳng đêm nào ngủ được với những tiếng động kinh tởm ấy. Lẽ ra phải ngủ thì cứ phải nghe hết tiếng còi lại tiếng trống tiếng máy chạy ro

ro... Một khổ hình mới. Suốt ngày suốt đêm, lúc nào cũng bấn bịu với những tiếng động đã bám chặt lấy lão.

Dần dà, sau nhiều tháng như thế, dù sao nỗi kinh hoàng ấy cũng quen đi và lão cũng chẳng còn đủ hơi sức đâu mà cứ bận bịu với nó nữa. Lão bèn rủ vợ cùng đi chợ Saint-Ouen. Theo như người ta nói thì chợ này là nơi rẻ nhất vùng. Sáng ra hai vợ chồng đi chợ cả ngày, vì còn phải tính toán, khảo giá, mua thứ này đôi được tiền hơn thứ kia... Vào khoảng mười một giờ đêm, đã về nhà rồi mà vẫn còn sợ bị ám sát. Cái sợ đã thành chuyện thường ngày. Chồng sợ ít hơn vợ. Bởi vì vào giờ ấy, khi đường phố đã yên lặng thì lão chồng còn khốn khổ không sao dứt được những tiếng xáo động trong tai. Lão gào tướng lên: “Thế này thì còn bao giờ ngủ đi được”, nhưng càng gào nỗi kinh hoàng lại càng tăng. Lão bảo vợ: “Mình không thể hình dung được đâu!”

Nhưng mẹ vợ có bao giờ thử hiểu xem chồng muốn nói gì, cũng không hình dung được vì đâu mà lão phải day dứt đến thế với sự khó chịu trong tai. Mẹ hỏi chồng:

-Mình vẫn nghe rõ tôi nói chứ?

-Có, lão trả lời vợ.

-Thế thì được rồi!... Tốt hơn là mình hãy nghĩ đến mẹ đang khiến chúng ta phải tốn kém lắm, trong khi đời sống mỗi ngày mỗi đắt đỏ... Chỗ ở của mẹ đã trở thành cái ổ ô nhiễm thật sự rồi đấy!...

Chị giúp việc mỗi tuần đến nhà họ ba tiếng để giặt giũ quét dọn. Đây là sự thăm viếng duy nhất của người ngoài đối với gia đình này từ nhiều năm qua. Chị ta cũng giúp đỡ mẹ Henrouille dọn giường. Suốt mười năm nay, cứ mỗi lần hai người cùng nhau lật tấm đệm là mẹ Henrouille lại nói oang oang lên: “Vợ chồng tôi chẳng bao giờ để tiền ở trong nhà!” Mẹ có ý qua người phụ nữ giúp việc này nhắc nhở xung quanh như vậy cốt ngăn ngừa và làm nản lòng những kẻ định tâm trộm cắp, giết người.

Buổi tối, trước khi đi ngủ là cả hai cùng nhau đi đóng thật kỹ mọi cửa ra vào, người nọ kiểm tra người kia. Rồi họ đưa mắt nhìn sang chỗ bà mẹ chồng

ở cuối vườn xem ngọn đèn còn sáng không. Đó là dấu hiệu cho thấy bà cụ vẫn còn sống. Nhưng bà cụ cũng đốt tốn dầu quá! Bà chẳng chịu tắt đèn bao giờ. Vì cũng sợ những kẻ giết người và sợ luôn cả mấy đứa con này nữa. Thui thui ở đó đã hai chục năm, chưa lúc nào thấy bà cụ mở cửa sổ, mùa đông cũng như mùa hè, và cũng cứ chong đèn suốt.

Lão con trai giữ tiền cho mẹ, những món tiền nhỏ trợ cấp. Lão rất cẩn thận. Ngày hai bữa lão bưng thức ăn đến đặt ngoài cửa. Bà cụ thì than vãn đủ thứ. Nấp sau cửa, bà mắng mỏ những ai sắp lại gần chỗ ở của bà. Cũng có lúc mẹ con dâu ướm gợn chuyện với bà cụ:

-Bà có già thì đâu phải lỗi ở chúng con. Ai già mà chẳng đau yếu...

-Già cái con đẻ ra chị! Đồ ăn mày! Đồ đi! Chính nhà chị đã làm cho ta phải cùng cực thế này bằng những trò dối trá bẩn thỉu...

Bà cụ Henrouille giận dữ phủ nhận tuổi tác của mình... Qua tấm cửa, bà vùng vằng chống cự những tai họa của tất cả mọi người. Bà chối từ mọi sự tiếp xúc coi đó chỉ là sự bịp bợm bẩn thỉu, không thừa nhận số mệnh và sự nhần nhục ở ngoài đời. Bà không muốn nghe tí gì về những cái đó. “Toàn là lừa lọc, bà la hét, và chính các người bịa ra những cái ấy!”

Chống lại tất cả những gì diễn ra bên ngoài túp lều của mình, bà tự vệ đến phát khiếp và cũng gạt bỏ luôn cả mọi toan tính gần gũi hay hòa giải. Bà có định kiến rằng mở cửa ra thì thế nào những kẻ thù nghịch cũng ùa vào, vồ lấy bà và thế là xong tuốt.

-Chúng nó bây giờ là tinh quái lắm, bà gào lên. Mắt chúng nó mọc khắp quanh đầu, miệng chúng nó xuống tận lỗ trôn và còn nhiều cái khác nữa chỉ để mà nói dối... Chúng nó là thế...

Bà cụ gào rất khỏe như đã học được ở Paris cách rao hàng trong Chợ Đền [103*] hồi còn nhỏ tuổi theo mẹ đi bán đồ cũ... Bà xuất thân vào cái thời mà đám người bình dân còn chưa biết quan tâm lo lắng đến sự già nua.

Bà gào lên với con dâu:

-Ta muốn lao động, nếu các người không chịu đưa tiền cho ta! Mi có nghe ta nói không, đồ bất lương? Ta muốn lao động!

-Nhưng bà còn sức đâu, bà ơi!

-Chà! ta không còn sức! Thì cứ thử chui vào cái hốc này, ta sẽ chỉ cho mà xem ta có còn sức không!

Và lại một lần nữa họ bỏ mặc luôn bà cụ trong cái xó ấy để bà tự xoay sở lấy. Tuy nhiên, họ cũng muốn bằng mọi cách cho tôi thấy được bà cụ, tôi đến cũng vì thế, và làm sao cho bà cụ tiếp chúng tôi, đó cũng là một mảnh lối phi thường. Mà nói cho cùng, tôi cũng không hiểu hết được họ muốn gì ở mình. Chính chị gác cổng, cô thằng Bébert, nói đi nói lại với họ rằng tôi là một thầy thuốc rất hiền lành, đáng mến, được lòng mọi người... Họ muốn biết liệu tôi có thể chỉ dùng thuốc mà làm cho bà cụ chịu ở yên không... Hơn nữa, trong thâm tâm, họ còn muốn (nhất là mẹ con dâu bà cụ) rằng tôi nhận đưa bà cụ vào nội trú trong nhà thương một lần luôn cho dứt... Chúng tôi phải gõ cửa đến nửa tiếng đồng hồ bà cụ mới chịu mở và tôi thấy ngay trước mặt mình một bà cụ già với hai con mắt viền nhử hồng hồng. Nhưng trên đôi má hốc hác xạm nâu, bà cụ vẫn có cái nhìn tinh anh lạnh lợi, cái nhìn khiến cho ta không thể bỏ qua và cũng không còn nghĩ gì đến những gì còn lại, bởi vì nó ánh lên một thích thú nhẹ nhàng của tuổi thanh xuân.

Ngay trong bóng tối, cái nhìn lạnh lợi ấy khuấy động cả xung quanh một niềm vui tươi trẻ, một hào hứng nhỏ nhoi nhưng trong sáng mà chúng ta không còn có được nữa. Giọng bà run run khi bà gào thét nhưng lại lạnh lạnh khi bà muốn dùng những từ ngữ bình thường như mọi người, câu chữ nhảy nhót tung tăng, lú ra lú rú, nửa nói nửa hát, vừa hồn nhiên, vừa then thưng, vừa bệnh hoạn.

Tuổi tác phủ lên người bà như một gốc cây già run rẩy với những tán lá rụng đưa.

Bà cụ Henrouille rất vui, lòng bất mãn, người cáu bẳn nhưng rất vui. Hơn hai chục năm sống trong thiếu thốn cùng quẫn mà cái đó không hề để chút dấu vết trong tâm hồn bà. Chính là do phải chống cự với cái bên ngoài mà bà phải co mình lại, cũng như cái rét, cái khủng khiếp và cái chết chỉ có thể đến với bà từ bên ngoài, chứ không phải bên trong con người và tâm hồn bà. Cái

bên trong ấy, bà chẳng có gì phải nghi ngờ, dường như bà tuyệt đối tin chắc vào đầu mình như một cái gì dứt khoát không thể chối cãi được, tất nhiên là thế.

Còn tôi, kẻ đã xiết bao theo đuổi chính cái đầu mình và theo đuổi cả mọi người xung quanh nữa.

“Điên”, người ta bảo bà cụ như thế, kể thì bảo là “điên” cũng dễ thôi. Trong mười hai năm, bà cụ chỉ ló ra khỏi nơi ẩn náu của mình có ba lần, tất cả chỉ có thế! Có thể là bà cụ có những lý do của mình... Bà cụ không muốn mất gì cả... Bà chẳng muốn nói ra những lý do ấy vì cuộc đời đâu còn gây cảm hứng cho ta.

Con dâu bà lại nhắc đến chuyện đưa bà cụ vào nhà thương.

-Bác sĩ ơi, ông có tin là bà tôi điên không?... Không còn cách gì để bà tôi ra ngoài cả!... Thỉnh thoảng ra ngoài thì chỉ tốt cho bà thôi!... Bà ơi như thế tốt cho bà đấy! Bà đừng trả lời không nhé... Chỉ tốt thôi bà ạ! Con đảm bảo với bà.

Bà cụ lắc đầu, dừng dừng, ương bướng, man dại. Họ vẫn ra sức đon đả mời mọc:

-Bà tôi không muốn ai chăm nom đến bà... Bà cứ muốn sống mãi trong xó xinh ấy... Trong ấy lạnh lắm mà không có lửa sưởi... Không thể nào cứ để bà như thế... Phải không bác sĩ, không thể như thế được...

Tôi làm như người không biết gì. Lão Henrouille thì cứ đứng ì ra bên lò bếp, lão thích để mặc việc mời chào giữa mẹ vợ lão với mẹ lão và với tôi.

Bà cụ lại nổi giận.

-Các người trả lại cho ta tất cả những gì của ta, rồi ta sẽ đi khỏi đây!... Ta sẽ có cái để mà sống!... Và các người sẽ không còn phải nghe nói đến ta nữa!... Chỉ một lần là xong hết!...

-Sống bằng gì? Bà ơi, bà không thể nào sống được với ba nghìn quan một năm của bà đâu!... Đời sống đã đắt đỏ lên từ lúc bà ra ngoài lần cuối ấy rồi!... Có phải không, bác sĩ nhỉ, tốt nhất là cứ đến với các bà xơ, như người ta bảo bà... Các bà xơ trông nom tốt lắm... Các bà xơ tử tế lắm...

Nhưng cái viễn cảnh đến với các bà xơ càng làm bà cụ khiếp sợ.

-Đến các bà xơ ư? Đến các bà xơ ư?... bà cụ cự lại liền. Ta là ta chẳng bao giờ đến các bà xơ!... Tại sao ta không đến với linh mục như các người!... Hử? Nếu ta không có đủ tiền như các người nói thì ta còn lao động được!...

-Lao động? Bà mà lao động? Nhưng lao động ở đâu? Chà, bác sĩ nghe xem: Lao động! Với tuổi ấy của bà tôi! Sắp tám mươi rồi còn gì! Có mà điên, bác sĩ nhỉ! Ai người ta mượn đến bà? Bà ơi, bà điên mất rồi!...

-Điên! Chẳng ai điên! Chẳng đâu điên!... Có lẽ chỉ có các người mới thể thôi!... Đồ cút thối!...

-Bác sĩ nghe đấy, bây giờ ai đang điên, ai đang chửi tôi đây! Thế này thì bác sĩ vẫn còn cứ muốn chúng tôi phải giữ mãi bà ở đây sao?

Thế là bà cụ quay sang tôi, coi tôi như thêm một mối nguy nữa cho bà.

Ông này thì biết làm sao được ta có điên hay không? Ông ta hiểu sao được trong đầu ta? Hiểu sao được trong đầu mi? Họa có chui vào đấy thì mới hiểu được... Thôi cút cả hai người đi, cút khỏi nhà ta đi! Đến quấy rầy ta, các người còn độc ác hơn cả cái rét mùa đông kéo dài... Nào đi mà gặp con trai ta hơn là cứ đứng đấy phun ra những cái độc địa! Con ta cần thầy thuốc hơn ta đấy! Hắn rụng hết cả răng rồi, lúc còn được ta chăm nom thì hàm răng của hắn đẹp ời là đẹp!... Đi đi, ta đã bảo đi đi, cút cả hai đi!

Nói đoạn, bà cụ sập luôn cửa lại.

Nhưng, đứng sau chiếc đèn, bà cụ vẫn dõi theo chúng tôi bước qua sân, khuất dần. Cho đến lúc chúng tôi đã khuất hẳn, khá xa rồi, bà cụ mới ré lên cười. Bà cụ tự bảo vệ mình giỏi thật.

Henrouille vẫn đứng nguyên bên lò bếp, quay lưng lại phía chúng tôi. Mụ vợ lão thì lảng nhãng quấy rầy tôi với những câu hỏi vẫn cùng một ý... Mái tóc mụ nàng dâu này màu hung nhạt và cái đầu mụ thì quả là ranh ma. Lúc nói, mụ kẹp chặt hai cánh khuỷu, không rời ra khỏi mình. Mụ không điệu bộ gì cả. Dù sao thì mụ cũng không coi buổi khám bệnh này là vô bổ, mà mụ vẫn có thể dùng vào cái gì đây... Đời sống thì cứ lên vùn vụt.. Trợ cấp của bà cụ không còn đủ nữa... Hai vợ chồng cũng đã già rồi... Họ không còn có thể

như trước kia luôn luôn lo đến bà cụ chết mà không được chăm nom... Cứ giả dụ như bà cụ nổi lửa chẳng hạn... Sống với chấy rận, bẩn thỉu như thế... Đáng lẽ vào một nhà dưỡng lão tử tế có người trong nom cho bà...

Thấy tôi có vẻ đồng tình, cả hai đều tỏ ra đáng mến hơn... Họ hứa là sẽ quảng cáo thật tốt cho tôi với bà con trong khu phố. Nếu như tôi có thể giúp được họ... Rủ lòng thương, giúp họ giữ bỏ được bà cụ... Họ cho rằng như thế cũng là giúp cả cho bà cụ, thật khốn khổ nếu cứ ngoan cố sống lay lắt trong cảnh ấy.

- Mà rồi ra còn có thể cho thuê luôn cả cái chỗ ấy nữa chứ. Lão chồng bỗng như tỉnh giấc, gợi ý như vậy. Mụ vợ thấy chồng nói hớ ngay trước mặt tôi, bèn nện gót lên chân chồng dưới gầm bàn. Lão chẳng hiểu ra làm sao.

Trong lúc họ cãi nhau, tôi chìa ra tờ giấy bạc một nghìn quan để tỏ cho họ thấy là tôi sẽ lấy bằng ấy chỉ cho một việc cấp giấy chứng nhận nhập viện nội trú. Hai vợ chồng thấy món tiền to quá... Cô thẳng Bébert có lẽ đã làm cho họ tin cậy ở tôi và kể cho họ biết rằng cả cái thị xã Rancy chẳng có anh thầy thuốc nào lại kiệt xác như tôi... Ai muốn trả thế nào là tùy. Ông này đạo đức lắm. Chứ không như bác sĩ Frolichon cũng một việc như thế này đâu!

Tôi đã đi guốc vào bụng họ. Khi ấy bà cụ già bỗng xuất hiện trong căn phòng chúng tôi đang bàn tính với nhau. Có lẽ bà cụ cũng đã nghi nghi. Thật bất ngờ! Bà cụ vén váy tốc lên ngang bụng và lập tức bà chửi cả mấy người, đặc biệt nhắm tôi mà chửi. Bà đi suốt từ cuối vườn sang cũng chỉ có một việc ấy.

- Thằng vô lại! bà chửi thẳng vào mặt tôi, mi có thể cút được rồi đấy! Cút ngay, ta đã bảo! Không việc gì đến mi phải ở lại đây!... Ta không đến với lũ điên!... Cũng không đến các bà xơ, ta đã bảo mi thế!... Mi chỉ lừa bịp, chỉ dối trá!... Không lừa được tao đâu, thằng nhãi bất lương! Chính những đứa này mới phải đi trước ta, quân khốn kiếp, những tên trăn lột bà già!... Còn thằng chết tiệt này, mi sẽ phải vào tù, ta nói cho mà biết, mà cũng không lâu la gì đâu!

Rõ thật xúi quẩy. Đã tưởng chỉ một cú có thể kiếm được nghìn quan. Tôi

không còn hỏi han gì nữa.

Đã ra ngoài phố vẫn còn nghe thấy bà cụ từ dãy cột trước nhà gào réo lên chửi theo tôi đang lủi vào bóng tối: “Đồ vô lại!” Tiếng la hét của bà cụ vang lên. Một bài học kinh nghiệm nhớ đời! Tôi lách từ cột đèn này sang cột đèn khác cho đến tận một nhà đái ở quảng trường Lễ hội. Nơi trú ẩn đầu tiên.

Trong một cái quán nhỏ chỉ cao đến háng, tôi bắt gặp thằng Bébert. Nó cũng chui vào đấy để trốn ai. Nó đã trông thấy tôi chạy từ nhà lão Henrouille ra.

- Chú ở đằng ấy đến đây à? nó hỏi tôi. Chú ơi, bây giờ ta phải lên nhà mấy người ở tầng năm, để thăm cho chị con gái...

Khách hàng nữ mà nó mách cho tôi, thì tôi đã biết rõ rồi, đứa con gái có cái hông to bè ấy... Cặp đùi đẹp của nó, vừa dài vừa mượt như nhung... Nó có cái gì đó cố tình làm ra vẻ âu yếm và rõ ràng là duyên dáng trong các động tác của những người phụ nữ rất cân đối về mặt tình dục. Nó đã đến nhờ tôi khám nhiều lần từ khi mắc chứng đau bụng. Mới hai mươi năm tuổi, phá thai đến lần thứ ba thì bị biến chứng, bố mẹ nó gọi đó là bệnh thiếu máu.

Phải nhìn tận mắt mới thấy người nó rắn chắc, cân đối, với cái ham thích được giao cấu mà ít thấy phụ nữ nào có được. Kín đáo trong cuộc sống, phải chăng trong dáng điệu và nói năng. Chẳng có gì là cuồng loạn. Nhưng rất có năng khiếu, được nuôi dưỡng tốt, rất cân đối, một nữ vô địch đích danh trong loại của nó, tất cả là thế. Một nữ lực sĩ xinh đẹp dành cho thú vui xác thịt. Không có gì khiếm khuyết về mặt này. Nó chỉ lui tới đám đàn ông đã có vợ. Và cũng phải là những tay sành sỏi, những người biết nhìn nhận, biết đánh giá những thành quả thiên nhiên tuyệt mỹ và không coi một thiếu sót nhỏ nào đó như cái gì ghê gớm. Không, làn da nó mượt mà, nụ cười xinh xinh, dáng đi uyển chuyển quý phái với sự đung đưa khoáng đạt của cặp hông, xứng với bầu nhiệt huyết sâu trầm, đáng giá của một số “sếp văn phòng” am tường đối tượng của mình.

Có điều là các vị sếp văn phòng không thể bỏ vợ cho những chuyện này. Trái lại, họ viện lý do gìn giữ hạnh phúc gia đình. Và thế là mỗi lần có chữa đến tháng thứ ba là con bé phải tìm đến bà đỡ, mà cái này thì không thiếu dịp xảy ra. Khi đã là đứa con gái đa dâm mà không còn được một gã ngoại tình dưới tay thì không phải ngày nào cũng cười cợt được đâu.

Mẹ nó mở cửa cầu thang cho tôi với ý phòng ngừa bị ám sát. Mẹ ta thì thào nhưng giọng cứ oang lên, dữ dội, còn tệ hơn cả những lời nguyện rửa.

- Bác sĩ ơi, không biết tôi có tội tình gì với Trời mà lại đẻ ra một đứa con gái đến thế này! À mà tôi xin bác sĩ ít nhất cũng đừng nói gì với ai trong khu phố ta nhé!... Tôi tin ở ông đấy!

Mẹ không hết bồn chồn với những nỗi khiếp sợ và lo lắng những gì xung quanh hàng xóm nghĩ về việc này. Mẹ như người bị thánh ộp vì làm điều bậy bạ. Tình trạng này kéo dài đã lâu.

Mẹ để cho tôi quen dần với bóng tối trong hành lang, với mùi tòi tây trong nồi súp, với giấy dán trên tường, với những tiếng lú lo ngổ ngẩn và giọng nước nở nghẹn ngào của mẹ. Cuối cùng, từ những tiếng lí nhí qua lời than vãn, chúng tôi đã đến bên giường đứa con gái ốm đang mệt lả không còn gượng được nữa. Tôi định khám, nhưng nó ra máu dữ quá, nhẽo nhoẹt không còn thấy được gì bên trong cửa mình. Toàn là máu hòn máu cục. Cũng réo lóc bóc giữa háng con bé y như trong cổ lão đại tá bị cụt đầu trong chiến tranh đạo nào. Tôi đành chỉ nhét một túm bông tương và kéo chắn lên, đơn giản thế thôi.

Mẹ nó không nhìn gì cả, chỉ mình nói mình nghe:

- Tôi chết mất, bác sĩ ơi! Tôi nhục nhã mà chết mất thôi!

Tôi cũng chẳng can ngăn mẹ. Tôi không còn biết làm gì nữa. Trong căn phòng ăn nhỏ ngay bên cạnh, tôi thấy tay bố đi đi lại lại. Hẳn ta có lẽ chưa sẵn sàng tỏ thái độ trước tình huống này. Có lẽ hẳn chờ đến khi sự việc hai năm rưỡi mới xác định cái tư thế của mình. Hẳn cứ như thế còn đứng ngoài rìa. Con người ta thường chạy quanh từ tấn tuồng này sang tấn tuồng khác. Trong lúc phong màn còn chưa kéo lên, họ còn chưa phân biệt được đâu vào đâu, vai trò của họ thế nào, thế là họ đứng ì ra đấy, hai tay buông thõng trước tình hình, các bản năng cuộn lại như chiếc dù, đầu óc rối bời, sa vào cảnh tự triệt tiêu. Đờ đẫn ngơ ngác.

Nhưng mẹ vợ lại giữ vai trò chủ yếu, giữa đứa con gái với tôi. Tấn tuồng có thể đổ sập, mẹ cũng chẳng cần, hay dở ra sao cũng mặc.

Tôi chỉ còn biết trông mong ở mình để dứt ra khỏi sự lôi cuốn rối rắm này.

Tôi đưa ra một lời khuyên hú họa là phải chờ ngay con bé vào nhà thương cho người ta mổ thật nhanh.

Chà! Thật khốn khổ thân tôi! Thế là tôi đã tạo cố cho mẹ ta te tái, mẹ chỉ chờ có thế.

- Thật nhục nhã! Đi nhà thương! Nhục nhã làm sao, bác sĩ ơi! Với chúng tôi, chỉ còn thiếu có nước ấy thôi! Thật là quá quắt!

Tôi không còn gì để nói nữa. Tôi ngồi xuống, nghe mẹ ta giãy giụa huyền não hơn với những lời lẽ thật là thê thảm. Quá nhục nhã, quá ngượng ngùng dẫn đến sức ì vô tận. Thế gian sao mà quá nặng nề. Thây kệ. Trong khi mẹ réo đến cả trời đất quỷ thần, tru tréo kể khổ, tôi cúi gằm xuống, tiu nghỉu, bỗng thấy dưới chân giường con bé máu đọng thành vũng nhỏ và đang theo bờ tường chảy ra cửa. Máu giỏ giọt đều đều từ giát giường xuống tí tách. Mấy chiếc khăn giữa háng con bé đã ướt đầm. Dù sao tôi cũng phải nhỏ nhẹ hỏi xem đã ra hết rau chưa. Hai bàn tay con bé, tái tím lại, buông thõng hai bên giường. Nghe tôi hỏi, mẹ ta lại tuôn ra một tràng những lời ai oán than van chán ngắt. Thế cũng quá đủ với tôi rồi, chẳng còn phản ứng làm gì.

Lâu nay tôi thường khó ngủ vì luôn luôn bị cái vận đen nó ám ảnh, nên cũng chẳng cần quan tâm đến sự buông thả trong gia đình này dẫn đến chuyện này hay chuyện nọ. Tôi nghĩ bụng, đứng mãi làm gì, tốt hơn là cứ ngồi xuống mà nghe mẹ ta la hét. Chẳng phải cái gì to tát nhưng như thế cũng đủ thỏa lòng khi mình đã trở nên con người nhẵn nhụi. Mà cũng chẳng còn gì buộc phải chặn con mẹ dữ tợn ấy lại, đúng lúc mẹ “không còn biết làm sao đây để cứu vãn cái danh dự gia đình nhà mẹ”. Vai kịch mới hay chứ! Mẹ tiếp tục hò hét! Tôi đã biết tống đi rồi, cứ sau mỗi lần phá thai cho con gái là mẹ lại giở ra trò ấy, cố làm cho mỗi lần mỗi hay hơn. Kéo dài được bao lâu là tùy lòng! Hôm nay hình như mẹ đã sẵn sàng nâng hiệu quả lên gấp mười lần!

Nhìn mẹ, tôi thầm xét đoán, hẳn là mẹ cũng đã từng là một trang tuyệt thế, hẳn đã có thời da thịt mềm mại lắm đây, chỉ phải cái lăm lờ, phí hoài năng lượng, cời mở hơn đưa con gái mà sự thầm kín vốn được cô đọng trong vẻ

đẹp tuyệt trần thật sự đáng yêu. Những vẻ đẹp ấy chưa được ai nghiên cứu kỳ công cho tương xứng. Mẹ mẹ đoán ra được cái ưu thế tự nhiên của con gái và đem lòng ganh tị, mẹ bài bác mọi cái gì là bản năng, tự mình để cho mọi người thấy mình chìm đắm vào những cỗi sâu thăm không quên, và làm ra vẻ ta là con người tiết hạnh.

Dẫu sao, về mặt kịch tuồng thì thảm họa đó cũng gây phấn hứng cho mẹ. Với những giọng run run đau đớn, mẹ có lẽ đã chiếm lĩnh được cái thế giới nhỏ nhoi bị co hẹp này, nơi chúng tôi đang lúng túng với nhau vì lỗi lầm của mẹ. Không còn ai nghĩ được cả đến việc lánh xa ra nữa. Tuy vậy, tôi cũng cứ thử xem. Thử làm cái gì đó... Như người ta bảo, đó là nhiệm vụ của tôi. Nhưng tôi đã chót ngồi ấm chỗ mất rồi.

Nhà này xem ra vui mắt hơn nhà Henrouille, tuy cũng xấu xí nhưng tiện nghi hơn. Mát mẻ. Không đến nỗi u ám như đằng kia, chỉ phải cái không đoan chính.

Ngơ ngác, mỗi một, tôi đưa mắt nhìn xem các thứ trong căn phòng. Những đồ gia dụng nhỏ bé không giá trị, nhất là tấm vải phủ trên lò sưởi có đính chuỗi nhạc màu hồng từ lâu không còn ai bán ngoài cửa hàng nữa, hộp bánh quy kem, cái bàn khâu có gương soi mà bà cô tỉnh lẻ có lẽ có luôn đến hai cái. Tôi không buồn nhắc đến vũng máu dưới gầm giường, vẫn còn giỏ giọt đều đều, mẹ có thể lại gào to hơn và tôi thì chẳng còn chịu nổi nữa. Có lẽ chẳng bao giờ mẹ thôi kể lể, oán trách. Mẹ đã dấn thân vào đấy rồi.

Lặng thinh dõi nhìn qua cửa sổ, bên ngoài, những tấm màn nhung xám xịt của buổi chiều tà đã phủ kín dần dãy phố trước mặt, từng ngôi nhà nối tiếp nhau, nhỏ trước lớn sau chìm cả vào bóng tối, và người ta thì cũng không còn sức mà hồi hả, yếu ớt, lập lờ, lộn xộn, bước thấp bước cao từ hè đường này sang hè đường kia trước khi biến hẳn vào màn đêm.

Xa xa, về phía các pháo đài, từng hàng từng dãy những ngọn đèn lập lòe như đom đóm rải khắp như những hàng đình cẳng trùm sự lãng quên lên thị xã. Lại còn những đốm sáng màu đỏ nhấp nháy trong những chiếc đèn cốc trốn các tàu thủy như cả một hạm đội từ đâu kéo đến để đợi chờ, run rẩy, mở

ra phía sau ngọn Tháp những tấm cửa lớn của Đêm tối.

Giá như người mẹ kia chịu ngưng lại ít phút để mà thở, và dành lấy một khoảnh khắc yên lặng, thì có lẽ tôi ít nhất cũng có thể đi đến chỗ chối bỏ được tất cả, kể cả việc cố quên đi rằng mình cần phải sống. Nhưng mẹ vẫn dồn ép tôi.

- Bác sĩ ời, liệu tôi có thụt rửa cho nó được không? Bác sĩ thấy thế nào?

Tôi không trả lời có mà cũng chẳng trả lời không. Nhưng đã được hỏi ý kiến thì một lần nữa tôi lại khuyên đưa ngay đi nhà thương. Thế là lại những tiếng the the đáp lại, còn gay gắt hơn, quyết liệt hơn, chói tai hơn. Chẳng làm gì được nữa.

Tôi kín đáo bước từ từ ra cửa.

Bóng tối lúc này ngăn cách chúng tôi với cái giường bệnh nhân.

Tôi hầu như không còn nhận ra hai tay đứa con gái trên tấm đra, vì đều màu xanh tái như nhau.

Tôi quay lại xem mạch cho nó, mạch đập nhỏ hơn, mau hơn lúc nãy. Nó thở dốc. Tôi vẫn nghe rõ máu giở giọt xuống nền nhà với những tiếng nhỏ như tiếng đồng hồ đeo tay càng lúc càng chậm, càng lúc càng yếu đi. Chẳng còn làm gì được nữa. Mẹ mẹ dẫn tôi ra cửa. Mẹ tê tái và lại một lần nữa căn dặn, van nài tôi:

-Bác sĩ ời, trước hết ông có hứa được với tôi là sẽ không nói gì với ai không? Bác sĩ thề với tôi được không?

Tôi đã hứa những gì người ta muốn. Tôi chìa tay. Đó là hai mươi quan. Mẹ khép dần cửa lại sau lưng tôi.

Ở dưới nhà, cô thẳng Bébert đứng chờ sẵn với bộ mặt hợp với tình huống. Mẹ hỏi sẵn đón:

-Sao, không trôi chảy à?

Tôi biết rằng chị ta chờ ở dưới ấy đã suốt nửa giờ rồi để lấy khoản hoa hồng quen thuộc: hai quan. Tôi không thể thoát đi đâu được. Chị ta còn muốn biết: “Thế đằng nhà Henrouille, không xong à?” Hy vọng được món “boa” về nhà ấy nữa. Tôi trả lời: “Họ không trả tiền”. Thật là thế. Nụ cười đã chuẩn bị,

chuyển thành cái bữu môi. Chì ta dò xét tôi.

“Dầu sao thì cũng chẳng có gì đáng tiếc là không biết cách làm cho người ta phải trả tiền, bác sĩ ạ. Nhưng như thế thì bác sĩ làm sao có thể để người ta phải tôn trọng mình?... Người ta trả tiền ngay trong ngày hôm nay hoặc chẳng bao giờ cả!” Cũng đúng thế. Tôi chuồn. Trước lúc đi tôi đã đặt đồ lên lược. Bây giờ khuya rồi, đã đến lúc phải đi mua sữa. Ban ngày, cứ gặp tôi mang chai là họ mỉm cười. Gượng gạo. Không thật đâu.

Thế rồi mùa đông ấy kéo dài lê thê suốt nhiều tháng nhiều tuần. Tất cả chìm trong sương mù và mưa, không còn thoát ra được.

Bệnh nhân thì không thiếu, nhưng chẳng mấy người có khả năng và có ý muốn trả tiền. Nghề y quả là bạc bẽo. Đến với người giàu thì mình như thắng đầy tớ, gặp cánh nghèo mình lại như tên ăn cắp. “Danh dự”? [104*] Chứ nghĩa mới hay làm sao! Người ốm đã không đủ tiền ăn, tiền đi xem phim, vậy mà còn bắt họ nộp “danh dự” nữa? Nhất là vào lúc họ đã thập tử nhất sinh. Thật chẳng đơn giản. Đành bỏ qua, để trở nên tử tế và cứ thế lặng lẽ trôi.

Khoảng cuối tháng giêng, tôi bán trước hết cái tủ ly, nói với hàng xóm rằng để cho rộng nhà, rồi dọn phòng ăn thành phòng tập thể dục. Ai tin tôi? Tháng hai, để có tiền nộp thuế, tôi bán thêm cái xe đạp và cái máy hát của Molly cho hôm tôi đi. Nó thường chơi bài *No More Worries!* [105*] Tôi vẫn còn nhớ điệu nhạc trong đầu. Và cũng chỉ còn lại có thế. Chồng đĩa hát của tôi đã từ lâu chạy sang quầy hàng của Bézin và hẳn là tay ấy đã bán hết đi rồi.

Để ra vẻ mình vẫn còn giàu có, tôi nói khoác rằng sẽ tậu ô tô vào dịp đẹp trời sắp tới, và cũng vì thế tôi vay trước một ít tiền mặt. Xét cho cùng, tôi chẳng có gan để làm nghề y một cách nghiêm chỉnh. Mỗi lần người ta tiền ra cửa, sau khi đã cho họ những lời khuyên và kê cho họ một cái đơn thuốc, tôi liền thao thao bình luận cốt để việc trả tiền khỏi kéo dài thêm mấy phút nữa. Tôi biết diễn cái trò quỷ này. Phần lớn khách hàng của tôi là những người có vẻ khốn khổ, hôi hám, lại còn hay gườm gườm nữa, đến nỗi tôi phải tự hỏi không biết họ đào đâu ra hai chục quan để đưa cho mình và liệu họ có thịt mình để bù lại không. Dù thế nào tôi cũng vẫn cần những món hai chục quan

ấy. Thật nhục nhã! Sẽ chẳng bao giờ hết đỏ mặt.

“Danh dự!” các đồng nghiệp của tôi vẫn gọi cái khoản tiền ấy như thế. Không biết tởm! Cứ như thế cái từ ngữ ấy là một sự dĩ nhiên, chẳng còn phải lý giải gì nữa... Nhục nhã! tôi không thể không coi mình như vậy và không thể không thoát ra khỏi đó. Người ta giải thích mọi lẽ, tôi biết rồi, khổ lắm. Tuy nhiên không vì thế mà ai đã cầm lấy một trăm xu của kẻ nghèo và kẻ ác thì mãi mãi là tên đáng tởm! Cũng từ lúc ấy, tôi bỗng thấy mình cũng đáng tởm như bất cứ ai khác. Không phải vì tôi đã làm gì tục tĩu, điên loạn với trăm đồng xu hay với mười quan của họ. Không! Chính vì lão chủ nhà đã ngoạm mất miếng lớn nhất trong đó rồi, nhưng tuy thế tôi vẫn không lấy thế làm lý do bào chữa cho mình. Ta có thể coi đó là một lý do nhưng đâu chỉ có một cái ấy. Lão chủ nhà còn tồi tệ hơn cút nữa ấy chứ. Tất cả là ở đấy.

Cũng do luôn luôn lo lắng bồn chồn lại thường bị những trận mưa rào trong mùa giá lạnh, nên đến lượt tôi cũng có cảm giác mình mắc một thứ bệnh như bệnh lao. Không tránh được. Cái đó nhất định phải đến khi mình không còn thấy được một thú vui nào nữa. Thỉnh thoảng tôi cũng mua đây đó vài quả trứng, nhưng chế độ ăn uống với tôi chủ yếu là rau khô. Của này lại lâu chín. Tôi cứ phải theo dõi cho nó sôi trong nhiều giờ ở trong bếp sau những buổi khám bệnh và cũng do ngồi ở tầng một nên nhìn được bao quát toàn cảnh sân sau khá rõ. Những cái sân sau ở những ngôi nhà kiểu chung cư thường là nơi không được ngó ngang tới. Tôi có đủ thời giờ để nhìn cái sân sau nhà tôi, nhất là để nghe đủ thứ chuyện ở đó.

Từ chỗ đó vang lên đội xuống nheo nhéo đủ thứ tiếng la hét từ hai mươi ngôi nhà bao quanh, cho đến tận cả tiếng những con chim non của mấy bà gác cổng kêu chiêm chiếp không tìm thấy chuồng ở gần những nhà tiêu cửa rá xộc xệch, đung đưa. Có đến cả trăm tay bọm rượu cả nam lẫn nữ say khướt kéo nhau đến đó chửi bới cãi cọ, nhất là sau những bữa trưa thứ bảy. Đây cũng là thời điểm dữ dội trong cảnh sinh hoạt của các gia đình. Người ta ngoạc mồm ra mà thách đố nhau, ném cốc chén vào mặt nhau, ông bố thì vung cái ghế lên như định bổ vào đầu vợ, còn bà mẹ lại giơ thanh củi ra như

xia mũi giáo vào chồng! Liệu hồn những kẻ yếu! Trâu bò húc nhau mà... Những cái tát, những cú đấm giội xuống lũ trẻ con và chó mèo, vì chúng không thể tự vệ mà cũng không thể chống lại. Cứ sau cốc vang thứ ba, loại vang đen, tồi nhất, bắt đầu là con chó bị đòn, người ta giẫm mạnh gót lên chân nó, để nó phải biết đối cùng lúc với người. Tiếng cười bật lên hô hô khi con chó ăng ăng biến vào gầm giường như vừa bị đâm thủng bụng. Không có gì kích thích cánh đàn bà ngà ngà say bằng cái đau đớn của mấy con vật, chỉ tiếc là không có ngay những con bò mộng cho họ. Cuộc đấu khẩu lại tiếp tục một cách hằn thù, hống hách như một cơn điên loạn, lần này thì mụ vợ khơi mào trước, xia xói tay đàn ông những lời thách đấu gay gắt. Tiếp đến ẩu đả, bát đĩa cốc chén xoang xoảng. Cái sân hứng lấy những tiếng ầm ĩ, vang động khắp xung quanh. Lũ trẻ khiếp sợ la khóc the thé. Chúng phát hiện được ra tất cả những gì có trong bố mẹ chúng. Chúng kêu gào sấm sét đổ xuống bố mẹ chúng.

Tôi đã trải qua nhiều ngày kiên nhẫn chờ xem cái thường xảy ra cuối những màn kịch gia đình ấy.

Chuyện ấy đã diễn ra ngay trước cửa sổ nhà tôi, trên gác ba ngôi nhà trước mặt.

Không trông thấy gì nhưng nghe rất rõ.

Mọi chuyện đều có hết. Không phải chuyện chết chóc, mà thường thường là cái gì khác và khá là tồi tệ, nhất là đối với trẻ em.

Trên tầng ấy có một gia đình ở thuê, trò ấy diễn ra vào những hôm chỉ có hai bố mẹ ở nhà. Đầu tiên là hai người cãi nhau hồi lâu rồi yên đi một lúc. Sắp sửa ra trò. Họ gọi đứa con gái vào. Con bé biết chuyện gì rồi, nó lập tức khóc rống lên. Vì nó biết chuyện gì sắp xảy ra với nó. Nghe tiếng khóc, có thể đoán nó khoảng lên mười. Qua nhiều lần, về sau tôi cũng hiểu được cặp vợ chồng ấy đã làm gì con bé.

Trước hết họ trói con bé lại, mất khá nhiều thì giờ đấy, y như trong một ca mổ. Cái ấy đã kích thích họ rồi. Tay chồng rửa con: “Đồ thối thaý!” Đến lượt mụ vợ chửi luôn: “Đồ đĩ!”. Cả hai đồng thanh: “Phải uốn nắn dạy dỗ mày

mới được, con đi này!” họ tưởng tượng ra đủ thứ để chửi mắng con. Con bé bị trói gần chân giường. Nó rên rỉ như con chuột nhắt sa bẫy. “Đừng có giầy vô ích, con khốn kiếp, mày không trốn thoát được đâu. Nào! Không trốn được đâu!” mẹ dùng đủ lời chửi mắng con như mắng một con ngựa. Nứng lắm rồi, mẹ nứng lắm đấy. Con bé nhẹ nhàng van xin mẹ: “Mẹ ơi, mẹ cứ đánh con đi, nhưng mẹ im đi, mẹ ơi!” Mẹ không im nhưng hình như có cái gì khe khẽ trong họng. Tôi lắng nghe đến cùng để tin chắc là mình không lầm. Tôi không sao nuốt nổi những hạt đỗ luộc trong khi chuyện đó xảy ra. Tôi cũng không thể khép cửa sổ lại nữa. Mình thật chẳng hay ho gì, chẳng làm được trò trống gì, chỉ biết ngồi đó mà nghe, nghe mãi, nghe khắp. Tuy vậy, tôi tin rằng sẽ được tiếp thêm sức để nghe những chuyện ấy, thêm sức để đi xa hơn, những sức kỳ cục, và lần sau, tôi sẽ có thể xuống dưới thấp hơn, nghe những tiếng than khóc mà tôi chưa từng được biết, hay trước đây tôi đã biết không đúng, bởi vì người ta bảo rằng ở nhiều chỗ khác còn những tiếng than khóc chưa ai từng nghe, từng biết.

Khi họ đã đánh con đến mức nó không gàoร้อง lên được nữa, con bé tuy thế còn kêu rên nho nhỏ qua mỗi hơi thở, thoi thóp. Lúc đó, tôi nghe thấy tay chồng sừng rên bảo mẹ vợ:

-Lại đây nào! Nhanh lên! Lại đây này!

Thế rồi cánh cửa phòng bên cạnh sập lại sau lưng họ. Một hôm tôi nghe thấy mẹ vợ bảo chồng:

-Julien ơi! Yêu anh quá, anh ơi, em có thể ăn luôn cả cứt anh, dù cho anh có ỉa ra những cục to thế này này...

Chị gác cổng giải thích cho tôi rằng họ làm tình với nhau như thế đấy, làm tình ngay trong bếp, cạnh vòi nước. Họ không thể thỏa mãn được với nhau bằng cách khác.

Dần dần, tôi biết được tất cả những chuyện đó về họ ở ngoài phố. Những lần gặp họ, cả ba cùng đi với nhau, chẳng có gì là đáng để ý. Họ đi dạo như một gia đình thật sự. Tay ấy, tay bố, tôi còn thấy mỗi lần đi qua gian hàng của anh ta, ở góc đại lộ Poincaré, anh ta là nhân viên bán hàng của nhà hàng

“Giầy dành cho những bàn chân nhậy cảm”.

Phần lớn thời gian, cái sân của chúng tôi chỉ phơi bày rặt những sự gớm ghiếc, nhất là vào mùa hè. Thôi thì đủ cả dọ nạt, đấm đá, đồ ngã, những tiếng chửi rủa không còn nghe được ra thế nào. Mặt trời chẳng bao giờ rọi được xuống hết sân. Bởi thế cái sân như được sơn phết một màu lam thẫm rất dày, nhất là ở các góc. Mấy người gác cổng có ở đấy những nhà tiêu riêng giống như những đống ong. Ban đêm, họ đi đái, đụng vào những thùng rác khua vang như sấm.

Quần áo giặt ra phơi hết cửa sổ này sang cửa sổ khác.

Sau những bữa tối, nếu không lao vào những cuộc cãi cọ, xô xát, thì họ cũng oang oang tranh cãi về kết quả những cuộc đua ngựa. Nhưng rồi các nhà thể thao võ mồm ấy cũng thường kết thúc bằng những cái tát, những cú đấm, vì chuyện này hay chuyện nọ, để buộc đối thủ phải câm miệng.

Mùa hè ở đây cái gì cũng nặng mùi. Trong sân không còn có gió, chỉ còn các thứ mùi. Mà mùi súp-lơ thối thì không gì địch lại được. Một cái súp-lơ thối bằng mười cái chuồng chồ kể cả những cái đầy tràn. Chuyện dĩ nhiên! Những cái chuồng xí tầng hai thì luôn luôn tràn phè. Bà gác cổng nhà số 8, bà lão Cézanne, phải đến với một cái gậy để chọc cho thông. Tôi thường đứng xem bà lão múa cái gậy như múa kiếm. Cũng vì thế chúng tôi dần dà chuyện trò với nhau.

Bà khuyên tôi:

- Tôi mà như ông là tôi gặt luôn ra mấy đũa ẽnh bụng... Đàn bà con gái trong cái khu này là phóng đảng lắm... Không thể tin được!... Mà đám ấy thì còn gì hơn là được ông điều trị cho họ!... Tôi thì tôi nghĩ tốt hơn là cứ chữa cho mấy anh chàng ký quèn lại hơn... Nhưng cần nhất phải đòi tiền ngay.

Chẳng biết tự đâu mà bà lão Cézanne có tính khinh mạn của giới quý tộc đối với những người lắm điều, nhiều sự...

-Cái đám thuê nhà ấy là chẳng bao giờ vừa ý cả, y như bọn tù ấy, gây khó gây sở cho mọi người!... Lúc thì nhà tiêu tắc... Hôm khác thì hở ống ga... Rồi hòm thư bị mở trộm!... Luôn luôn khiếu kiện... Luôn luôn quấy rầy!... Có tay

còn nhốt cả vào giấy đòi tiền nhà nữa... Bác sĩ xem...

Ngay cả việc thông hồ xí, bà lão Cézanne thường phải thoái thác vì rất khó.

Tôi chẳng biết họ nhét cái gì vào trong ấy nữa, mà muốn thông thì cũng phải để cho nó khô ráo!... Tôi biết chứ... Họ cứ bỏ đầy chán chê rồi mới báo!... Cứ đến lúc đã tràn phè ra!... Đã có trường hợp phải thuê người phá hẳn cái ống ra, nó cứng lắm!... Tôi cũng chẳng biết họ nốc những gì mà lắm thế... Quân rạch túi!...

Khó mà dứt khỏi cái ý nghĩ rằng nếu như chuyện ấy lại xảy ra với tôi thì không phải trước hết là do Robinson. Thoạt đầu, tôi cũng chẳng để ý mấy đến chuyện khó ở trong người. Tôi cứ tiếp tục khám chữa nhĩ nhằng hết bệnh nhân này đến bệnh nhân khác, nhưng cảm thấy lo lắng hơn cả trước, giống như hồi còn ở New York, và bắt đầu khó ngủ hơn.

Bây giờ mà lại gặp Robinson lần nữa thì không khéo như bị một cú đấm và lại ốm mất thôi.

Cái bộ mặt nhăn như bị của hắn cũng đủ làm cho mình thấy lại cơn ác mộng đã mất bao nhiêu năm mà mình không ra thoát. Tôi lúng búng không biết nói sao.

Hắn từ đâu lại rơi tõm ngay trước mặt tôi. Chẳng sao dứt đi được. Đúng là hắn đã tìm tôi quanh đây. Tôi thì không mong gặp lại hắn làm gì... Nhưng chắc chắn là hắn đã trở lại nữa rồi và sẽ buộc tôi phải bận tâm một lần nữa vào những chuyện của hắn. Trước mắt là lại phải nghĩ đến cái bản chất bản thủ của hắn đã. Ngay cả những con người tôi nhìn qua cửa sổ, không có vẻ gì là quan trọng, qua lại thế kia ngoài đường phố, họ cũng khiến tôi phải suy nghĩ, chuyện gẫu bên khung cửa, tiếp xúc với nhau. Tôi cũng biết họ tìm kiếm cái gì và họ che giấu cái gì sau cái vẻ không quan trọng ấy. Chính là họ muốn giết chóc, muốn giết lẫn nhau, đành rằng không phải ngay một lúc mà dần mòn tí một như Robinson với tất cả những gì họ tìm ra, những mối buồn cũ, những nỗi khổ mới, những hận thù chưa có tên, khi mà nó chưa phải là một cuộc chiến tranh sống sượng nhưng nó đã diễn ra mau hơn lệ thường.

Tôi không dám ra ngoài nữa vì sợ gặp phải hắn.

Mỗi khi có bệnh nhân, họ phải mời đến hai ba lần tôi mới trả lời. Thành thử lắm lúc đến nơi thì người ta đã mời thầy thuốc khác. Đầu óc tôi lộn xộn như cuộc sống vậy. Tại phố Saint-Vincent này, nơi tôi mới đặt chân đến có một lần, một gia đình ở tầng ba nhà số 12 mời tôi. Một ông già đánh xe ô tô đến đón cẩn thận. Tôi nhận ra ngay, ông thì thầm, chùi chân khá lâu trên tấm

thảm trước cửa nhà tôi. Dáng điệu ông len lén, mái tóc muối tiêu, lưng hơi còng, ông muốn tôi đến mau xem cho đứa cháu ngoại.

Tôi cũng nhớ rõ con gái ông, lại một cô gái phóng túng nữa, tuy tuổi xuân đã bắt đầu tàn, nhưng vẫn còn vững vàng và lạng lẽ, đã nhiều lần về nhà bố mẹ để phá thai. Chẳng ai trách cứ gì chuyện ấy, mà chỉ muốn cô ta kết thúc bằng việc lấy chồng cho xong, nhất là cô đã có một đứa con trai lên hai gửi ông bà ngoại.

Đứa nhỏ ốm không lấy gì làm nặng, nhưng mỗi khi nó ốm thì cả ông, cả bà, cả mẹ nó cùng khóc với nhau, khóc một cách khác thường, chỉ vì nó không có được một người cha hợp pháp. Trong một gia cảnh không bình thường như thế, nó trở thành đứa bé được cưng nhất nhà. Ông bà nó tin mà không dám tự nhận là tin, rằng những đứa con hoang dễ quật quẹo ốm đau hơn những trẻ khác.

Còn bố thằng bé, người mà họ ít ra cũng tin là bố nó, thì đã biến đi hẵn rồi. Người ta đã nói nhiều với người đàn ông ấy về chuyện cưới xin, và có lẽ điều đó đã làm cho y ta lo lắng. Bây giờ thì y đã cao chạy xa bay. Không ai hiểu rõ được nguyên nhân chuyện bỏ rơi này, nhất là cô gái, vì cô biết rằng y rất thỏa mãn trong việc ăn nằm với cô.

Vậy là, từ khi kẻ thay lòng đổi dạ ấy ra đi, cả ba người ngăm nhìn đứa bé mà khóc lóc và rồi thế này đây. Cô ta đã hiến dâng cho người đàn ông đó “cả thể xác lẫn tâm hồn” như cô nói. Việc ấy phải đến, và theo cô thì như vậy đã đủ để lý giải mọi chuyện. Đứa nhỏ từ bụng cô sinh ra, sinh dễ dàng và để lại hai bên sườn cô toàn những nếp nhăn. Lời nói có thể thỏa mãn tinh thần, nhưng với thể xác thì không giống thế, thể xác khó tính hơn vì cái nó cần là cơ bắp. Thể xác luôn luôn là cái hiển nhiên, bởi thế khi nhìn vào thể xác hầu như luôn luôn thấy buồn chán. Quả đúng như vậy, tôi ít gặp cuộc sinh nở nào lại cướp đi cái tuổi thanh xuân mau đến thế. Có thể nói rằng với người mẹ ấy thì chỉ còn những tình cảm và tâm hồn. Chẳng ai còn mong gì hơn.

Trước cuộc sinh nở lén lút, cũng đã mấy năm rồi, gia đình ấy còn ở trong khu phố “Các cô gái của nỗi khổ đau dai dẳng” ^[106*]. Họ đưa nhau xuống

Rancy, chẳng phải vì thích thú, mà chính vì muốn lánh mặt, muốn được quên, được biến mất cả nhóm.

Ngay khi không còn giấu được cái bụng ngày càng to ấy với hàng xóm, họ quyết định từ bỏ khu trung tâm Paris để tránh những lời ra tiếng vào. Một cuộc dọn nhà vì danh dự.

Ở Rancy, xóm giềng có đánh giá thế nào thì cũng mặc, trước hết là chẳng biết ai vào với ai ở đây cả, còn việc quản lý của cơ quan hành chính địa phương này lại rất tồi có thể nói là vô chính phủ, mà cả nước Pháp gọi là một chính sách cai trị của bọn lưu manh. Trong cái môi trường của những kẻ bị ruồng bỏ thì việc xét đoán người khác là không có gì đáng tin cậy.

Gia đình tự ý trừng phạt mình bằng cách cắt đứt hết mọi quan hệ với họ hàng, bè bạn cũ. Đã rơi vào thảm cảnh thì rơi cho chót. Họ bảo nhau, chẳng còn gì mà mất nữa. Tụt xuống thứ hạng thường dân rồi thì tốt nhất là về với nhân dân.

Họ không trách móc gì ai. Bằng những sự chống cự nhỏ nhoi vô hiệu, họ chỉ cố khám phá xem có phải Định mệnh đã quá chén vào cái hôm trút lên đầu họ tai ương ghê gớm thế này không.

Người con gái thì chỉ có một an ủi, nhưng rất quan trọng, là sống ở Rancy, cô ta có thể từ nay tự do nói với mọi người về “những trách nhiệm mới của mình”. Anh chàng Sở Khanh ấy đã gợi dậy ở cô một ham muốn sâu sắc trong cái bản chất say đắm những chuyện anh hùng và lập dị. Ngay sau khi cô chắc chắn rằng, trong những ngày còn lại của đời mình, sẽ không còn gặp phải một số phận giống hết phần lớn những người phụ nữ thuộc tầng lớp và trong môi trường như cô, và luôn luôn có thể gọi đó là một cuốn tiểu thuyết về một cuộc đời bị xáo trộn liên sau những mối tình đầu, thì cô vui vẻ thích nghi với nỗi đau lớn đổ lên mình và những tàn phá của số phận ập đến. Cô ăn mừng việc có con hoang.

Trong phòng ăn, khi ông bố dẫn tôi vào, dưới ngọn đèn tiết kiệm không đủ sáng, chỉ thấy được những khuôn mặt mờ nhạt, nghe những tiếng lải nhải trong bóng tối, sức lên một mùi hạt tiêu mốc tỏa ra từ những đồ đạc của gia

đình.

Đứa bé được đặt nằm giữa bàn, trên mấy cái tã lót. Tôi thận trọng sờ người nó, bắt đầu từ thành bụng, dần xuống rốn, đến tận chim nó, rồi nghe tim phổi, càng chậm rãi hơn.

Tim thằng bé đập theo nhịp tim con mèo nhỏ, khô và loạn. Khi những ngón tay tôi sờ nắn lên người, nó khóc thét khác thường so với tuổi nó. Thật quá quắt. Từ khi Robinson trở lại, trong đầu và trong người tôi có cái gì thật kỳ lạ cho nên những tiếng kêu khóc của đứa bé ngây thơ này gây cho tôi một cảm giác kinh khủng. Những tiếng kêu khóc gì thế này, hỡi Trời! Tôi không còn chịu được.

Một ý nghĩ khác nữa có lẽ đã thúc đẩy hành động ngu xuẩn của tôi. Quá bức, không còn kiềm chế được mình, tôi nói thật to cho họ biết nỗi ghê tởm và oán hận chất chứa trong tôi đã quá lâu rồi. Tôi nói với thằng bé đang la hét:

-Này này, đừng làm toáng lên thế, thằng ngốc này, mày còn đủ thì giờ để mà gào rống đấy! Đừng sợ, vẫn còn đấy, con lừa oắt con ạ! Liệu liệu đấy! Vẫn còn đủ khốn khổ cho mày nổ con người và cái đầu của mày ra và cả những gì còn lại nếu mày không liệu hồn!

Bà ngoại thằng bé sững sốt:

-Bác sĩ bảo còn cái gì cơ?

Tôi đơn giản lặp lại:

-Vẫn còn cho nó đấy!

Bà lão hốt hoảng, hỏi tiếp:

-Cái gì, còn lại cái gì?

Tôi trả lời:

-Phải hiểu! Phải hiểu! Người ta đã giải thích quá nhiều với các người! Khốn khổ là ở đó! Phải tìm cách mà hiểu thôi! Gắng lên!

Thế là cả ba người liền hỏi nhau: “Còn cái gì cơ? Ông ta nói gì vậy?”, và cô con gái “có những trách nhiệm” đảo mắt một cách kỳ cục, khóc thét lên. Cô ta vớ được dịp vô cùng tốt để lên cơn. Cô sẽ không bỏ lỡ đâu. Chiến tranh

nổ ra rồi! Và ta sẽ đập lên chân mi! Và những cơn nghệt thở, những cái lác mắt kinh người! Tốt lắm! Phải nhìn mà xem! “Mẹ ơi, ông ta điên rồi! cô gái gào đến đứt hơi. Ông bác sĩ điên rồi! Mẹ bế lấy cháu cho con, mẹ ơi”. Cô ta giằng lấy thằng bé khỏi tay tôi.

Tôi không còn biết được vì sao, nhưng cô ta thì bị kích thích rất dữ, đến mức cô ta giở cả giọng lơ lớ xứ Basque: “Mẹ ơi! Ông ấy làm nhảm những gì dễ phát sợ thế hử mẹ!... Đúng là thằng *démeng* [107*] rồi!...”

Họ giằng thằng bé khỏi tay tôi như kéo nó ra khỏi lửa bỏng. Ông ngoại nó từ nãy giờ nhút nhát thế, mà bây giờ cũng tháo cái hàn thử biểu to tướng bằng gỗ gụ treo trên tường, to như một cái trùy... Ông ta lôi tôi cách xa ra, đến tận cửa, đá một cú thật mạnh vào cánh cửa đẩy tôi đi.

Tất nhiên, thừa cơ, họ quịt luôn tiền công khám bệnh...

Trở ra ngoài đường phố, tôi không lấy gì làm tự hào với chuyện vừa xảy. Về phương diện tiếng tăm của mình cũng vậy, dân trong khu phố vốn đã hạ thấp nó, hẳn sẽ còn đối xử tệ hơn. Nhưng những cái đó cũng không làm tôi bận tâm bằng chuyện Robinson. Tôi đã hy vọng, với tâm trạng thẳng thắn trung thực như thế, mình có thể tự giải thoát và vụ tai tiếng cố tình gây ra vừa rồi có thể giúp mình đi đến quyết định dứt khoát không tiếp xúc với hẳn nữa.

Bởi thế, tôi suy tính: Mình sẽ thấy rõ trong cuộc thử nghiệm này mình thích ứng được đến đâu với cả cái vụ tai tiếng dẫu chỉ một lần đó! Chỉ có điều là, người ta chẳng bao giờ dứt được ra khỏi tai tiếng và xúc cảm, người ta không bao giờ biết được sự thẳng thắn trung thực ấy sẽ buộc mình đi đến tận đâu... Điều gì mọi người còn giấu anh... Điều gì họ sẽ phơi bày ra với anh... Nếu ta còn sống lâu hơn nữa... Nếu ta còn phải tiến xa hơn nữa vào những trò tầm phơ tầm phất của họ... Phải bắt đầu lại tất cả thôi!

Lúc này tôi cũng phải mau mau ẩn náu. Trên đường về, trước hết tôi đi theo con hẻm Gibet rồi qua phố Valentines. Đoạn đường này thuận tiện. Đủ thì giờ cho mình thay đổi ý kiến. Tôi đi ra chỗ sáng đèn. Quảng trường Transitóire, tôi gặp Périodon, anh chàng thấp đèn đường [108*]. Trò chuyện băng quơ với nhau vài câu. Anh ta hỏi: “Bác sĩ đi coi phim đấy à?” Cũng là

một gợi ý hay.

Đi xe buýt đến nơi nhanh hơn đi métro. Sau màn kịch nhỏ nhục nhã ấy, có lẽ tôi nên rời ngay khỏi Rancy, nếu có thể được.

Chừng nào anh còn cứ chôn chân một chỗ, thì những sự vật và những con người bừa bãi, hư hỏng sẽ đổ ối cho anh.

Dù sao thì ngay ngày hôm sau tôi cũng đã làm được một việc hay, là trở lại Rancy đúng vào lúc Bébert đang ốm. Đồng nghiệp Frélichon vừa đi nghỉ, cô nó ban đầu còn ngập ngừng nhưng rồi chị ta yêu cầu tôi chữa chạy cho thằng cháu, có lẽ vì tôi lấy tiền rẻ nhất trong số các thầy thuốc mà chị ta quen biết.

Chuyện xảy ra sau lễ Phục sinh. Trời bắt đầu dễ chịu. Những ngọn gió nồm đầu mùa thổi qua Rancy, quạt luôn cả những bồ hóng nhà máy bám trên các chấn song cửa sổ.

Bệnh của Bébert kéo dài nhiều tuần. Mỗi ngày tôi đến thăm hai lần. Bà con khu phố chờ tôi ở trước gian lều, nhưng làm ra vẻ lơ lơ, những người hàng xóm cũng vậy, họ đứng ngoài bậc cửa nhà họ quanh đấy. Như thể một trò giải trí với họ. Họ muốn biết từ xa bệnh tình thằng bé xấu đi hay tốt lên. Mặt trời xuyên qua quá nhiều thứ nên chỉ lọt được xuống đường phố một chút ánh sáng bàng lảng như trời thu.

Về những lời khuyên về thằng bé Bébert thì tôi đã nhận được quá nhiều. Quả là cả khu phố quan tâm đến nó. Người nói này người nói khác, về khả năng điều trị của tôi... Khi tôi bước vào gian lều, một sự im lặng căng thẳng và thù nghịch bao quanh, thậm tệ hơn cả là những lời nhiếc móc. Gian lều này thường ngày đầy những mẹ đàn bà lắm mồm, bạn bè thân thiết với cô thằng bé, cho nên lúc nào cũng nồng nặc mùi váy trong và mùi nước đái thỏ. Mỗi người bệnh lấy một ông thầy mà mình thích, luôn luôn được coi là mát tay hơn, giỏi giang hơn. Còn tôi thì chỉ có mỗi cái hơn người, là gần như chữa bệnh không lấy tiền của ai, nhưng cái ấy lại làm cho người ta áy náy, cả người bệnh lẫn thân nhân, dù nghèo thế nào thì cũng cứ thấy có lỗi đối với ông thầy chữa thuốc cho không.

Bébert chưa đến nỗi mê man nhưng nó chẳng còn muốn đông dậy nữa. Mỗi ngày nó sút cân đi một ít. Người nó chỉ còn ít thịt vàng vọt và run run từ đầu xuống chân theo nhịp tim đập. Có thể nói tim nó đập dưới khắp làn da của Bébert đã gầy tóp sau hơn một tháng đau ốm. Mỗi lần tôi đến thăm, nó

chỉ hơi hé miệng cười. Nó đã trải qua một cách thật dễ thương những cơn sốt 39 rồi 40 độ và cứ thế nhiều ngày, nhiều tuần.

Cô thằng Bébert không cất tiếng nữa và để chúng tôi yên. Chị ta đã nói hết những gì chị ta biết, rồi chui vào một xó lều khóc lóc, than vãn. Mỗi lời là một nỗi buồn, chị ta không biết làm sao với nỗi buồn, nuốt chẳng vào khạc chẳng ra, nó cứ nghẹn trong họng với hai hàng nước mắt... Rồi chị lê la khắp chỗ, người lấm bê lấm bết, miệng liên tiếp kêu Trời. Và cũng chỉ đến thế thôi. Chị ta không còn hơi sức mà khóc nữa; hai tay buông thõng, ngác ngơ trước mặt tôi.

Tuy vậy cũng chỉ được một lúc, rồi chị ta lại thấy buồn và lại khóc lóc. Cứ như thế trong nhiều tuần diễn đi diễn lại cái cảnh khổ tâm ấy. Cũng phải thấy trước rằng bệnh này sẽ ngày càng xấu đi. Một loại bệnh thương hàn ác tính, và mọi cái tôi thử đều không ăn thua, xông hơi, truyền huyết thanh... không cho dùng thứ gì có chất cồn, tiêm chủng... Chẳng đạt kết quả gì. Tôi chật vật đủ cách, đều vô ích. Bébert mỉm cười, chịu đựng, để mọi việc cuốn đi mà không chống lại. Nó chống đỡ cơn sốt như đi thăng bằng tít trên cao, còn tôi ở dưới thấp để lộn phèo. Tất nhiên, những người đứng quanh đó luôn mồm khẩn thiết khuyên cô thằng bé chẳng nên úp mở, tổng khứ tôi đi cho rảnh, và tìm ngay một ông thầy khác đứng đắn hơn, có kinh nghiệm hơn.

Sự kiện cô gái “với những trách nhiệm” đã được khắp vùng ghi nhớ và bình phẩm rất dữ. Cả khu phố khoái chuyện này lắm.

Nhưng các thầy thuốc khác nghe nói đến thực trạng căn bệnh của Bébert thì ông nào cũng lẫn tránh tuốt, nên cuối cùng vẫn là tôi. Các đồng nghiệp nghĩ rằng tôi đã đâm lao với thằng Bébert thì cứ để mặc tôi theo lao.

Tiền lương của tôi lúc đó thực tế chỉ còn đủ đến quán ăn thỉnh thoảng gọi điện thoại cho một vài bác sĩ mà tôi quen biết ít nhiều ở nơi này nơi kia, khá xa, trong vùng Paris, trong các nhà thương, những con người tinh ranh, được coi trọng, để hỏi xem họ giải quyết ra sao trước ca thương hàn đang khiến tôi phải loay hoay này. Đáp lại, tất cả đều cho tôi những lời khuyên tử tế, những lời khuyên không có hiệu lực, nhưng tôi vẫn lấy làm vui được biết họ cũng

phải mất công mà chẳng được đền bù chỉ vì đứa bé không quen biết được tôi che chở. Rút cục thì tôi cũng tự thỏa mãn với những cái chẳng đáng bao nhiêu, những cái rất ít ỏi mà cuộc sống còn dành để an ủi ta.

Trong khi tôi chắt lọc như vậy thì cô thằng Bébert vật vã hết bên trái lại sang phải giữa mấy cái ghế và cầu thang. Chị ta tỉnh lại trong bữa ăn. Nhưng lại phải nói rằng, chị ta không có bỏ bữa nào. Những người hàng xóm chăm nom chị ta. Người ta nhồi nhét cho chị giữa những tiếng nức nở. Họ bảo chị: “Nào, ăn vào cho có sức mà chống đỡ chứ!”. Thành thử chị ta lại có phần đầy ra nữa.

Căn lều đã nồng nặc mùi hôi hám từ căn bệnh của thằng Bébert lại thêm cái mùi cải bắp Bruxelles hăng hắc. Bấy giờ đang mùa nên ai cũng mang đến cho cải bắp Bruxelles đã nấu chín và còn nghi ngút khói. Chị ta vui vẻ thừa nhận rằng: “Thứ này cho tôi thêm sức, đúng vậy!... Mà lại còn đi đái khỏe nữa!”.

Ban đêm, trước lúc đi ngủ, chị ta uống thật đầy cà phê cho tỉnh ngủ, những người thuê nhà về khuya có gọi thì chị thức giấc được ngay, khỏi phải để bấm chuông hai ba lần để làm thằng Bébert giật mình. Mỗi tối, đi qua nhà, tôi lại vào xem họa may nó đã qua khỏi. Chị ta đặt giả thuyết: “Bác sĩ có nghĩ rằng cái hôm thi xe đạp, thằng bé cứ đòi uống hoa cúc vàng pha rượu rom ở nhà chị hàng hoa quả nên mới mang bệnh?” Ngay từ đầu chị ta đã bị ám ảnh bởi cái ý nghĩ này. Thật là ngốc nghếch.

“Hoa cúc vàng!” thằng Bébert thều thào lẩm bẩm trong cơn sốt. Can ngăn chị ta làm gì? Một lần nữa, tôi làm một hai động tác giả trong nghề rồi về ngủ, trong lòng không yên, vì cũng như mẹ tôi, tôi không bao giờ tự cảm thấy mình hoàn toàn vô can trước những tai họa xảy đến.

Đến ngày thứ mười bảy, tôi tự nhủ dù thế nào thì tốt hơn hết là mình cứ tìm đến Viện Bioduret Joseph hỏi xem người ta nghĩ sao về một ca thương hàn như thế, đồng thời xin lấy một lời khuyên nhỏ và có lẽ cả một liều vacxin mà họ có thể giới thiệu. Như vậy, có thể nói tôi đã làm tất cả, thử tất cả, kể cả những điều kỳ cục và nếu thằng Bébert có chết, có lẽ chẳng ai trách cứ được

tôi. Một buổi sáng, vào khoảng mười một giờ, tôi mò đến Viện, ở tận đầu Paris, sau chợ La Villette. Thoạt tiên, người ta dẫn tôi đi một tua hết các phòng thí nghiệm này đến các phòng thí nghiệm khác của một nhà bác học. Trong các phòng thí nghiệm vẫn chưa có ai, các nhà bác học không thấy mà công chúng cũng không, chỉ có các thứ đồ vật vứt lỏng chỏng bề bộn, xác mấy con vật nhỏ đã phanh bụng, những mẫu thuốc lá, những mỏ đèn ga mòn sứt, những chiếc lồng và những cái liễn thủy tinh nứt mấy con chuột nhắt sắp chết ngạt, những cái bình cổ cong, những quả bong bóng vương vãi, những chiếc ghế đầu đã bục thủng, sách vở và bụi bặm, lại còn và vẫn còn những đầu mẫu thuốc lá khét lẹt hôi xì lại thêm mùi khai từ nhà đái xông ra nồng nặc. Do đến quá sớm trước giờ, nên tôi đành phải dạo quanh đến tận ngôi mộ bằng cẩm thạch nạm vàng của nhà bác học vĩ đại Bioduret Joseph dưới những căn hầm ngay tại Viện. Sặc khẩu vị ngông cuồng tư sản viễn vông ^[109*]. Ra khỏi cái hầm mộ là gặp ngay việc quyên tiền, tay gác đang cầu nhàu vì có ai đó bỏ lẩn vào một đồng tiền Bỉ. Chính vì ông Bioduret này mà từ nửa thế kỷ nay biết bao thanh niên đã chọn con đường khoa học. Cũng khối anh thất bại khi rời Học viện. Và lại, sau một số năm họ mới thấy họ giống nhau ở chỗ không thành đạt. Tuy nhiên, trong những hố sâu trên con đường đại bại ấy, một “Bằng Đại học” cũng ngang với một “Giải Roma” rồi. Chỉ có vấn đề là không được cùng đi với nhau một chuyến xe thôi. Tất cả là thế.

Tôi còn phải chờ khá lâu trong những khoảnh vườn của Viện. Rồi thì những người đến đầu tiên là mấy chàng trai trong số nhân viên ít ỏi, nhiều cậu kéo lê đôi giày cà tàng mang theo cả những thứ vừa mua ở chợ gần đó đựng trong túi lưới. Tiếp theo sau, đến lượt các nhà bác học, từng nhóm từng nhóm, râu cạo không sạch, thậm chí to nhỏ, lê gót bước qua hàng rào, càng ngập ngừng hơn đám hạ cấp. Họ tản dần theo dọc các hành lang nhẵn bóng. Đó là sự tự trường của những người học trò già tóc đã muối tiêu, chống dừ, tê mê trong cái nếp tử mĩ, những thao tác chán đến chết đi được, cột chặt vào đồng lương chết đói và quá trình chín nẫu dài lê thê trong những cái bếp nhỏ

luyện vi trùng, hâm nóng cái nồi ninh những cuống rau đã nhừ nát, những con vật thí nghiệm đã chết ngạt và những thứ thối rửa khó biết chắc.

Rút cục thì bản thân họ cũng chỉ còn là những con vật gặm nhấm trong nhà, kinh tởm khoác áo ba đờ xuy. Cái vinh quang trong thời đại chúng ta chỉ mỉm cười với những kẻ giàu, dù có là bác học hay không. Lớp người bình dân trong ngành Nghiên cứu chỉ có thể trông mong giữ được hơi sức của mình bằng chính nỗi sợ bị mất chỗ đứng trong cái thùng rác nóng, vang lừng đã được phân đẳng cấp này. Cốt yếu là làm sao có được cái chức danh Bác học chính thức. Một thứ chức danh còn có thể được các hiệu thuốc trong thành phố tin dùng và trả cho món thù lao còm trong việc phân tích nước giải và đờm của khách hàng. Thứ bổng ngoại lăm bùn của nhà bác học.

Vừa đến nơi là nhà nghiên cứu có phương pháp, theo nghi thức, cúi xuống mấy phút xem lòng ruột đã biến chất của con thỏ mổ từ tuần trước, con thỏ được trưng bày tại chỗ để học tập và cũng là một cái hũ đầy xú uế. Khi nào mùi thối không còn chịu được nữa, người ta mới hy sinh một con khác, nhưng không được sớm hơn, vì hồi ấy Giáo sư Jaunisset, đại thư ký của Viện, là người tay hòm chìa khóa, tiết kiệm đến cuồng tín.

Cũng vì thế, vì sự tiết kiệm ấy, một số xác súc vật bị thối kéo dài đến không ngờ được. Nhưng tất cả cũng quen đi thôi. Mấy cậu nhân viên phòng thí nghiệm đã được luyện khá giỏi để làm việc luôn trong chiếc quan tài có xác chết đang thối rửa và tử khí xông lên họ cũng chẳng thấy hề hấn gì. Các nhân viên phụ trợ nhỏ mọn của cái công trình nghiên cứu khoa học to lớn đó, chỉ về mặt này thôi cũng đã vượt yêu cầu tiết kiệm của chính Giáo sư Jaunisset, vốn nổi tiếng ki bo, tận dụng luôn cho lợi ích cá nhân, như sử dụng lượng ga trong lò dôi ra đem ninh hầm thức ăn hoặc nấu các món hồ lốn khác.

Khi các nhà bác học đã hoàn thành cuộc khảo cứu lơ đãng lòng ruột những con vật thí nghiệm và con thỏ quen thuộc, họ mới từ từ chuyển sang màn hai cuộc sinh hoạt khoa học hàng ngày của họ, tức là thuốc lá. Cố gắng loại trừ không khí hôi thối và chán ngán bằng khói thuốc. Điều này tiếp nối

điều khác, các nhà bác học cũng đã hoàn tất một ngày làm việc của họ, vào lúc năm giờ. Thế là người ta nhẹ nhàng đặt những thứ đang thối rửa đó vào một lò hấp khác. Chú nhân viên Octave gói những hạt đỗ đã chín kỹ vào trong tờ báo để qua mắt bà gác cổng khỏi bị rầy la. Trò gạ gẫm. Chú mang vào cho Gargan sẵn cả một bữa tối. Nhà bác học, ông thầy của chú, đang còn rụt rè, e ngại, ghi nốt chút ít gì đó vào một góc quyển sổ những kết quả thí nghiệm, cho một cuộc thông báo sắp tới đầy phù phiếm nhưng lại chứng minh sự hiện diện của ông tại Viện và hàm chứa những lợi ích nghèo nàn, dẫu là một lao dịch mà cũng cứ phải tiến hành khá lâu cho đến khi được ra trước một Viện Hàn lâm nào đó hết sức vô tư và không vụ lợi.

Nhà bác học chân chính phải để ra trung bình là hai chục năm để tiến hành một cuộc khám phá lớn, đó là việc chứng minh được rằng sự điên loạn của người này hoàn toàn không tạo ra hạnh phúc cho người khác và mỗi người trên thế gian đều phải khổ nhọc vì định kiến của người bên cạnh.

Cái bệnh hoang tưởng trong khoa học có lý luận hơn và lạnh lùng hơn những thứ hoang tưởng khác đồng thời nó cũng là thứ khó chịu hơn cả. Nhưng khi ta đã giành được một vài điều kiện thuận lợi nào đó để tồn tại, dù có phải sống dè sẻn trong một xó xỉnh, nhờ một vài cái vỏ giả dối, thì cũng đành kiên nhẫn hoặc là cam chịu bực vờ như một con vật thí nghiệm. Những thói quen thường lan nhanh hơn là lòng dũng cảm và nhất là thói quen ăn nhậu.

Tôi đi tìm Parapine khắp Viện, vì tôi cất công từ Rancy đến đây cốt tìm có ông ta. Vậy là tôi phải kiên trì trong cuộc tìm kiếm của mình ^[110*]. Mà cái này thì không thể một mình mình làm được. Tôi phải tới nhiều lần, ngập ngừng khá lâu trong biết mấy là hành lang và cánh cửa.

Lão già độc thân này không ăn trưa gì cả mà ăn tối cũng chỉ hai ba bữa mỗi tuần, nhưng đến bữa tối thì ăn rất dữ, theo đúng cái tính cuồng nhiệt của đám sinh viên Nga mà lão vẫn còn giữ nguyên những lễ thói nông cuồng.

Trong giới chuyên môn, người ta dành cho Parapine một thẩm quyền cao nhất. Tất cả những gì liên quan đến các loại bệnh thương hàn lão đều lâu lâu,

dù là ở người hay ở vật. Danh tiếng của lão đã nổi lên từ hai chục năm nay, vào thời mà một vài tác giả người Đức tự cho rằng một ngày tốt đẹp nào đó họ đã cách ly được khuẩn phẩy Eberth trong chất bài xuất từ âm hộ một đứa bé mười tám tháng tuổi. Việc này đã gây ồn ào trên địa hạt chân lý. May thay, chỉ trong một thời gian ngắn, Parapine, nhân danh Viện quốc gia, đã đập lại và ngay tức khắc vượt qua cái trò khoác lác của những người Đức nọ bằng việc cấy cũng cái mầm ấy nhưng ở thể trạng thuần khiết hơn vào tinh dịch một ông già tàn phế bảy mươi hai tuổi. Lừng danh ngay tức thì, ông ta chỉ còn việc ngồi đó cho đến lúc chết, bôi đen đều đặn một vài cột báo không đọc ra chữ trên mấy tờ chuyên san định kỳ để duy trì cái vị trí nổi bật của mình. Hơn nữa, những gì ông làm từ ngày ấy thật táo bạo và may mắn, chẳng gặp khó khăn gì.

Giới khoa học nghiêm chỉnh bây giờ đều tin tưởng và tín nhiệm ông. Cái đó miễn cho công chúng nghiêm chỉnh khỏi phải mất công đọc những bài viết của ông. Nếu ông có phê bình cái công chúng ấy, có lẽ không còn khả năng nào cho tiến bộ nữa. Mỗi trang báo của ông người ta bàn tán có lẽ đến cả năm.

Khi tôi đến được trước cửa phòng riêng của Serge Parapine thì cũng đang lúc ông khạc nhổ liên tục khắp bốn góc phòng thí nghiệm. Với bộ mặt nhăn nhó phát khiếp. Ông thỉnh thoảng có cạo râu, nhưng vẫn để sót lại trên hai má những lông tơ trông như thẳng tù vượt ngục. Người ông run rẩy hay chí ít cũng có vẻ thế, mặc dầu ông vẫn khoác chiếc áo ba đờ xuy hoen bẩn và đầy gàu trên cổ áo. Mớ tóc bướng bỉnh cứ rũ xuống sống mũi vừa xanh vừa hồng.

Hồi còn đi thực tập tại các trường thực nghiệm của khoa y, tôi đã được Parapine giảng nhiều bài về vi sinh học và đôi lần thấy được ở ông một người độ lượng nhân từ. Ngày ấy đã quá xa, không biết ông có còn nhớ ra tôi, nhưng tôi hy vọng ông vẫn không quên và có thể còn cho tôi một lời khuyên về phương pháp điều trị tốt nhất đối với căn bệnh của Bébert đang thật sự ám ảnh tôi.

Rõ ràng là tôi thấy mình càng lúc càng mong sao ngăn giữ cho Bébert

khỏi chết hơn là đối với một người lớn. Có mấy ai quá bất bình trước sự ra đi của một người lớn tuổi, vì người ta luôn luôn nghĩ như vậy là trái đất này bớt đi được một kẻ có thể là ác nhân, còn đối với một đứa trẻ con thì dù sao vẫn có tương lai hơn.

Biết được những khó khăn của tôi, Párapine không hỏi thêm gì nữa mà chỉ giúp cho tôi tìm ra hướng điều trị ca hiểm nghèo này. Chỉ phải nổi, trong hai chục năm qua, ông đã biết quá nhiều điều và thường là mâu thuẫn với nhau về bệnh thương hàn, nên đến nay ông càng thấy quá nặng nhọc, thậm chí có thể nói không còn khả năng đưa ra một lời khuyên rõ ràng dứt khoát nào trong việc điều trị một chứng bệnh đã quá nhàm.

Ông hỏi tôi:

- Đồng nghiệp thân mến, trước hết anh có tin vào việc dùng huyết thanh không? Sao, anh bảo sao? Vậy thì tiêm chủng?... Tóm lại, cảm tưởng của anh thế nào?.... Tài trí gì đi nữa thì bây giờ cũng không bằng tiêm chủng vacxin... Tất nhiên như thế là táo bạo đấy, đồng nghiệp ạ... Tôi cũng thấy thế... Nhưng đành vậy chứ sao? Hử? Đành thế thôi? Anh có thấy cái đúng đắn trong thứ tư tưởng phủ định này không? Anh nghĩ sao?

Mỗi câu của ông nối nhau nhảy vọt từ miệng ra dữ dội giữa hàng tràng những tiếng “R” khá nặng.

Trong lúc ông gầm lên như một con sư tử giữa những giả thuyết mãnh liệt và tuyệt vọng, thì Jaunisset, khi ấy vẫn còn sống và là một đại thư ký danh tiếng, đi qua dưới cửa sổ đúng lúc và ngạo nghễ.

Vừa thấy lão ta là Parapine tái mặt đi và bực dọc chuyển câu chuyện, vội vàng cho tôi thấy ngay tất cả cái kinh tởm gây cho ông hàng ngày mỗi khi thấy mặt lão Jaunisset dù lão được mọi người ca ngợi. Chỉ trong chốc lát, ông đánh giá đủ mặt về lão Jaunisset nổi tiếng này, nào là kẻ gian trá, kẻ gàn dở vào hạng đáng gờm nhất, và còn buộc cho lão những tội ác kinh khủng chưa từng có và được giữ kín, nếu đem ra xử lý thì lão phải rũ tù ít cũng một trăm năm.

Và tôi không sao can ngăn được Parapine nêu ra hàng trăm hàng nghìn chi

tiết hờn cảm trong cái nghề hài hước của nhà nghiên cứu mà ông vì miếng ăn phải gò mình trong nỗi cảm hờn chính xác hơn, khoa học hơn là những nỗi cảm hờn toát ra ở những con người khác đặt trong những điều kiện tương tự ở các văn phòng hay cửa hàng.

Ông lớn tiếng nói về những chuyện ấy và tôi cũng bất ngờ trước sự thẳng thắn của ông. Anh nhân viên giúp việc ông lắng nghe. Anh ta tuy đã làm xong công việc của mình nhưng vẫn còn giả vờ loay hoay giữa các lò hấp và các ống nghiệm, và có lẽ anh đã quen tai những lời nguyên rủa như vậy của Parapine, có thể nói là hàng ngày, nhưng hôm nay thì anh thấy quá quắt quá, trần trụi quá và tuyệt đối vô nghĩa. Mấy vật thí nghiệm nho nhỏ của riêng mình mà anh theo dõi rất nghiêm chỉnh trong một lò hấp của phòng thí nghiệm cho thấy hình như trái ngược với những gì Parapine vừa nói, chúng cũng đem lại những điều bổ ích kỳ diệu, tuyệt vời lắm chứ. Sự giận dữ của Parapine không hề làm cho anh quên lãng những vật thí nghiệm ấy. Trước khi ra về, anh đóng cái lò hấp chứa những vi sinh vật của riêng mình, như đóng lại một khám thờ, nhẹ nhàng, thận trọng.

Chờ cho anh ta ra khỏi, Parapine mới phát biểu:

- Bạn đồng nghiệp, anh đã thấy cậu giúp việc của tôi rồi chứ? Anh có thấy thẳng cha đần độn ấy không? Thế là đã sắp ba chục năm rồi, làm công việc quét rác cho tôi, cậu ta nghe xung quanh mình toàn chuyện khoa học và rất ư là say sưa, thành khẩn, quả là thế... tuy nhiên, không hề chán tai, mà chính cậu ta và chỉ mình cậu ta lại đi đến chỗ tin tưởng ở ngay nơi đây! Mê mẩn với những công trình cấy vi khuẩn của tôi, cậu ta thấy nó tuyệt diệu quá! Cậu ta liếm mép thềm thường... Mỗi trò hề nhỏ nhặt của tôi đều làm cho cậu ta say sưa! Không biết đi theo đạo thì cậu ta có thể không? Đã từ lâu lắm, liệu vị linh mục có nghĩ đến mọi cái khác hơn là đến Chúa mà người gác nhà thờ của ông vẫn còn tin như vậy... tin vững như sắt thép? Cái sự thật đáng lộn mửa!...Chàng ngốc của tôi còn lỗ đến mức bắt chước Bioduret Joseph vĩ đại cả từ bộ quần áo đến chòm râu! Anh có để ý thấy không?... Giữa chúng mình với nhau, về chuyện này, có thể nói Bioduret vĩ đại chỉ khác anh chàng giúp

việc tôi ở chỗ ông ta nổi tiếng thế giới và ở cường độ những ý ngông của ông ta... Với cái cách của ông ta rửa chai lọ hoàn hảo và theo dõi đến không tưởng tượng được sự sinh nở của mấy con nhậy, thì tôi luôn luôn có cảm tưởng rằng, đối với mình, cái thiên tài thực nghiệm ấy chỉ là một sự tầm thường kinh khủng... Bạn hãy cất bớt đi của ngài Bioduret vĩ đại một chút cái tính keo kiệt phi thường của ngài và bạn hãy nói xem ngài còn được chút gì là đáng khâm phục nào? Tôi xin hỏi bạn? Một bộ mặt thù nghịch của anh gác cổng xấu bụng hay kiếm chuyện. Tất cả là thế. Hơn nữa, ngài đã chứng minh rất rõ cái bản chất con lợn của mình tại Viện Hàn lâm suốt hai chục năm ngài ngự trị ở đó, hầu như tất cả đều căm ghét, cãi nhau khắp lượt không chừa một ai, và không chỉ tí chút đâu... Một con người thích làm lớn rất tài... Tất cả là thế đấy.

Parapine, đến lượt mình, cũng từ từ sửa soạn ra về. Tôi giúp ông quàng chiếc khăn quanh cổ và trù lên những đám gàu muôn thuở thêm một chiếc khăn kiểu của đàn bà. Lúc ấy ông mới nhớ lại rằng tôi đến gặp ông là có việc gì đó rất cụ thể và cấp bách.

- Thật là làm anh phải bận tâm với những chuyện vớ vẩn nhỏ nhặt, tôi quên khuấy mất bệnh nhân của anh! Bạn đồng nghiệp thứ lỗi cho tôi nhé và ta trở lại vấn đề luôn đi nào! Nhưng tôi có thể nói gì đây vì anh đã biết cả rồi! Giữa cơ man nào là những lý thuyết về tiêm chủng và những kinh nghiệm có thể tranh cãi được, lý trí bảo ta là đừng chọn lọc gì cả! Hãy cứ làm hết sức mình, bạn đồng nghiệp ạ! Vì chính anh phải hành động, phải làm hết sức mình! Và lại, đối với tôi, ở đây tôi có thể kín đáo bảo đảm với anh rằng, cái căn bệnh thương hàn ấy đã khiến tôi chán ngấy không còn giới hạn nào nữa! Cả trong mọi tưởng tượng nữa! Khi còn trai trẻ, tôi bắt tay vào việc nghiên cứu bệnh thương hàn, là lúc chỉ có mấy người với nhau khảo sát trên lĩnh vực này, tóm lại là dễ dàng tin nhau, bocc nhau lên... Còn bây giờ, biết nói với anh thế nào đây? Bạn ơi, chuyên gia ngày càng lắm, từ Laponine, từ Pérou ^[111*], từ khắp nơi khắp chốn kéo đến. Ở Nhật Bản, người ta đào tạo hàng loạt! Chỉ trong vòng mấy năm qua mà tôi thấy thế giới biến thành một cuộc cãi nhau

như mố bò xung quanh các xuất bản phẩm phổ biến và kỳ cục về cùng một chủ đề lái nhái này. Để giữ gìn vị trí của mình trong đó và bảo vệ lấy nó được sao hay vậy, tôi đành phải cho đăng tái đăng hồi hết tạp chí này đến tạp chí khác, vẫn cùng một bài nhỏ tại một đại hội, với chỉ mỗi một việc đơn giản là, vào cuối mỗi mùa vụ, thêm bớt một vài thay đổi li ti, rất thứ yếu... Tuy vậy, bạn đồng nghiệp thân mến, bạn hãy tin lời tôi, cái bệnh thương hàn trong thời đại chúng ta nó cũng bị dùng sai như cây đàn măng-đô-lin hay băng-giô ấy mà. Mệt chết đi được! Anh nào cũng muốn gầy đàn theo cái điệu của mình. Không, tôi thích nói thật với anh rằng tôi cảm thấy không còn sức nào để gánh thêm cái phiền não này nữa. Cái mà tôi tìm kiếm trong những ngày cuối đời mình, là có được một xó xinh nào thật yên tĩnh để nghiên cứu, không còn ai phải nhòm ngó đến mình, chẳng kẻ thù mà cũng chẳng học trò. Nhưng tự bằng lòng và rất cần đến cái tiếng tăm xoàng xĩnh không bị ai ganh tị này. Giữa những cái vô vị khác, tôi đã nghĩ đến việc nghiên cứu sự ảnh hưởng so sánh của hệ thống sưởi trung tâm [112*] đối với bệnh trĩ ở các vùng phía Bắc và phía Nam. Bạn nghĩ sao về chuyện này? Về mặt vệ sinh? Về mặt chế độ? Đó là những chuyện thời thượng, phải không? Một cuộc nghiên cứu như thế với sự chỉ đạo đứng đắn và kéo dài lê thê tôi tin rằng sẽ tranh thủ được Viện Hàn lâm, mà phần lớn là những ông già không thể thờ ơ với các vấn đề sưởi ấm và bệnh trĩ. Bạn hãy xem họ làm gì đối với bệnh ung thư có liên quan mật thiết đến họ!... Viện Hàn lâm sẽ biểu dương tôi, tặng tôi một giải thưởng của Viện về vệ sinh... Biết đâu đấy? Mười nghìn quan chứ chơi à? Thế là đủ cho tôi một chuyến đi Venise... Bạn biết không, anh bạn trẻ của tôi, tôi đã đến Venise khi còn thanh niên... Có thể! Ở đấy thì có thể đói hơn nơi khác thật... Nhưng lại có thể hít thở cái mùi chết chóc huy hoàng khó quên được...

Đã ra phố chúng tôi lại phải vội vàng quay lại để tìm mấy thứ đồ cao su [113*] của ông bỏ quên. Vì thế chúng tôi trễ giờ. Cả hai phải ráng bước đến một nơi mà ông không nói trước cho tôi rõ.

Đi theo phố Vaugirard dài dặc, đầy hàng rau và các thứ ngổn ngang, chúng tôi đến rìa một khoảng đất xung quanh trồng cây hạt dẻ và có nhiều

cảnh sát. Chúng tôi lách vào phòng trong của một quán cà phê nhỏ nơi Parapine kiễng chân nhòm vào một ô cửa qua cái màn gió.

-Muộn quá rồi! Giọng ông bức bối. Các em đi cả mất rồi!

-Ai?

-Mấy em nữ sinh trung học... Kháu lắm, bạn biết không... Tôi thuộc lòng những đôi chân của các em. Tôi không còn cầu mong gì hơn cho những ngày cuối đời mình... Ta đi thôi! Để hôm khác vậy...

Và chúng tôi chia tay nhau như những người bạn tốt thật sự.

Có lẽ tôi đã thỏa lòng giá như không phải quay lại Rancy. Từ cái buổi sáng rời khỏi đấy, tôi đã hầu như quên hết mọi bản khoản thường ngày; những bản khoản đó đã đóng cặn lại quá sâu ở Rancy không còn đuổi bám tôi nữa. Có lẽ chúng đã chết gí ở đấy vì bị bỏ rơi, giống như Bébert, nếu như tôi không quay trở lại. Đó là những bản khoản nơi ngoại ô. Tuy nhiên, khi đến phố Bonaparte, nỗi buồn bỗng dội lại trong đầu. Mặc dầu đây là một đường phố có lẽ đem lại cho khách qua đường niềm vui thì đúng hơn. Ít có những đường phố hiền từ duyên dáng như vậy. Nhưng, tiến ra gần bến sông, tôi cũng cứ thấy sờ sợ. Tôi lảng vảng lượn quanh. Không tự quyết định được xem có nên băng qua sông Seine không. Không phải ai cũng là César [114*] ! Phía bên kia, bên hữu ngạn, là nơi bắt đầu những mối lo ngại của tôi. Tôi nán chờ bên tả ngạn này cho đến tối. Tự nhủ mình, còn thêm được vài giờ đồng hồ hưởng ánh mặt trời.

Nước vỗ cạnh những người câu cá bên sông, tôi ngồi lại để xem họ câu. Thật quả là tôi cũng chẳng có gì phải vội vàng hơn họ. Có lẽ tôi như đã đến cái tuổi biết rõ hơn mỗi giờ trôi qua là mất đi cái gì. Nhưng lại chưa đủ sức tinh khôn phải có để sống lại đúng lúc trên con đường của thời gian, trước hết là có dừng lại thì cũng chẳng biết làm gì hơn nếu như không có cái máu tiến lên mà anh đã bị ám ảnh và mê muội trong suốt cả thời trai trẻ. Người ta đã ít hãnh diện hơn về cái tuổi trẻ của mình, nhưng chưa dám bộc lộ công khai rằng cái tuổi trẻ của mình là thế, rằng mình đang hào hứng về già.

Khám phá ra cái quá khứ của mình toàn những chuyện lố bịch, rất ư lố bịch, những chuyện lọc lừa, những chuyện cả tin, người ta có lẽ muốn ngay lập tức dừng trẻ nữa, để cho cái tuổi trẻ nó tách ra khỏi mình, cho nó vượt lên, dôi trông nó băng đi, đi thật xa, nhìn xem tất cả cái kiêu căng của nó, đặt tay vào cái trống rỗng của nó, nhìn nó lại qua mặt mình, rồi lại biến đi, chắc chắn là lần này cái tuổi trẻ của mình đi hẳn, đi một cách lạng lẽ trong khi, về phần mình, thật sự là mình, lại rất từ từ bước sang phía bên kia của Thời gian

để ngó coi con người và mọi vật thật sự ra sao.

Bên bờ sông, những người ngồi câu vẫn chẳng vớ được gì. Mà họ có vẻ cũng chẳng mấy quan tâm đến việc câu cá. Cá ở đây hẳn đã quen họ rồi. Họ chỉ ngồi đó để làm ra vẻ thế thôi. Một ánh nắng quái đẹp còn lưu lại chút ít hơi nóng quanh chúng tôi, xáo động trên mặt nước những gợn sóng nhỏ nháy nhót xen lẫn màu xanh lam với màu vàng óng. Gió heo mát lạnh thổi qua những rặng cây lớn phía trước mặt, luồn lách từng cơn nhẹ nhẹ qua hàng nghìn lá cành. Thật là dễ chịu. Đã hai tiếng đồng hồ tròn vẹn, người ta ngồi đó để chẳng lấy gì, chẳng làm gì. Rồi thì dòng sông Seine cũng chuyển dần vào bóng tối, ráng chiều rực đỏ cả một góc cầu. Thiên hạ qua lại bỏ quên chúng tôi ở đó giữa dòng nước với bến sông.

Đêm tối như xuất hiện từ dưới những nhịp cầu, nhô dần lên suốt chiều dài tòa lâu đài, chiếm dần mặt tiền, rồi lần lần các khung cửa sổ vừa lóe sáng cũng chìm luôn vào bóng tối.

Chỉ còn nước tếch luôn cho xong.

Những người bán sách cũ trên bến sông cũng đóng cửa dần. Một người đàn bà đứng trên lan can cầu í ới gọi chồng: “Mình ơi về đi thôi!” Anh ta ngồi ngay cạnh tôi, đang dọn dẹp các dụng cụ đi câu của mình và cái ghế xếp cùng những dòi bọ mồi câu. Anh ta làu bàu và mọi người đi câu khác cũng làu bàu theo, rồi cùng nhau leo lên cao, cả tôi nữa, vừa lên vừa tiếp tục làu bàu với người đi trên đường. Tôi nói đôi câu với chị vợ để tỏ chút cảm tình trước khi màn đêm phủ khắp. Chị ta lập tức mời tôi mua một quyển sách. Chị ta nói đó là quyển sách chị ta vội không kịp cất vào trong quán. Chị ta nói thêm: “Tôi lấy rẻ thôi, gần như biếu không...” Một quyển “Montaigne” cũ nhỏ, một cuốn chính cống mà chỉ có một quan. Tôi muốn để cho người đàn bà ấy vui lòng, với số tiền ít ỏi. Tôi nhận lấy cuốn “Montaigne” ^[115*] của chị ta.

Dưới chân cầu, nước chảy lững lờ. Tôi không còn có ý muốn tiến thêm lên nữa. Xuống phố, tôi uống một tách cà phê sữa và mở cuốn sách chị ta vừa bán cho mình. Bất chợt gặp luôn một trang trong bức thư của Montaigne viết

cho vợ, đúng vào lúc con trai họ vừa chết. Tôi lưu tâm ngay đến đoạn văn này, có thể do liên tưởng đến việc tôi vừa làm đối với Bébert. Đại để Montaigne nói thế này với bà vợ:

Thôi, đừng buồn phiền nữa mình yêu của anh! Em phải tự an ủi mình!... Mọi việc rồi đâu vào đó!... Cuộc sống an bài cả thôi... Hơn nữa, anh vừa tìm thấy trong đồng giấy cũ của một anh bạn anh, một bức thư của Plutarque [116] viết cho vợ trong bối cảnh hoàn toàn giống như chúng mình... Và anh thấy bức thư ấy rất hay, em thân yêu, nên anh gửi bức thư ấy cho em!... Một bức thư hay! Và lại anh không muốn em phải chịu đựng lâu hơn nữa, em hãy cho anh biết em đã làm gì để khuây khỏa nỗi buồn của em!... Vợ yêu quý của anh! Anh gửi cho em bức thư hay ấy! Bức thư của Plutarque, có thể nói là bức thư gửi cho em! Nó chưa hết liên quan đến em đâu!... Không đâu! Em yêu quý! Hãy tìm hiểu nó đi, hãy đọc kỹ và đưa cho bạn bè xem. Và đọc nữa đi! Bây giờ thì anh đã có thể yên tâm rồi! Anh tin rằng bức thư ấy sẽ giúp em trở lại vững vàng!... Người chồng tốt của em. Michel.*

Đó, tôi tự nghĩ thầm, đó là cái mà người ta có thể gọi là việc làm tốt. Bà vợ hẳn là hạnh diện có được một người chồng tốt như Michel của bà. Nhưng thôi, đó là chuyện của họ. Người ta có thể luôn luôn lầm lẫn trong việc đánh giá con tim người khác. Có thể là họ thật sự có nỗi buồn chăng? Nỗi buồn của thời đại chăng?

Nhưng với tôi, thật là một ngày tồi tệ vì những việc dính đến Bébert. Tôi đã không có may mắn với Bébert, chết hay sống. Tôi thấy như trên trái đất này chẳng có gì cho nó, kể cả trong Montaigne. Và chẳng có thể là mọi người đều thế cả, càng cố nài thì lại càng rỗng không. Không còn gì để nói, tôi đã rời Rancy từ sáng, phải trở lại thôi, mà cũng chẳng mang về được cái gì. Tôi hoàn toàn chẳng có gì cho Bébert và cho cô nó.

Trước khi về, dạo quanh một chút ở quảng trường Trắng.

Tôi thấy khá đông người trên dọc phố Lepic, đông hơn mọi khi. Tôi cũng lên đó thử coi. Ở chỗ cửa hàng thịt, cả một đám người vây quanh. Phải len lách vào để xem có chuyện gì mà người ta vòng trong vòng ngoài như thế.

Thì ra đó là một con lợn, to, rõ to. Giữa vòng người, nó cũng đang rên rĩ như một kẻ bị quấy rầy, nhưng rên rĩ rất dữ. Người ta không ngớt làm tình làm tội nó. Họ cứ léo nhéo bên tai nó. Nó giãy giụa, mấy cái cẳng chân cố dứt sợi thừng hồng chạy trốn, thì người ta càng trêu chọc. Nó càng rống lên, người ta càng thích thú với nhau.

Con lợn to ấy không biết lẫn trốn vào đâu với một rúm rơm rạ quăng cho nó bay tung lên trong lúc nó rên rĩ và thở phì phò. Nó không còn biết cách nào thoát khỏi những con người này. Nó hiểu lắm. Thế là nó đá tung tóe, ra sức mà đá, rồi cũng chẳng ăn thua. Cầu nhàu, la rống lên cũng thế thôi. Chẳng làm gì được. Người ta cười cợt. Tay hàng thịt đứng trong cửa hàng cũng ra hiệu tham gia các trò vui nhộn đó với khách và làm điệu bộ với con dao mổ to tướng.

Hắn ta cũng rất thỏa mãn. Hắn đã mua con lợn và buộc nó đẩy để quảng cáo. Trong đám cưới con gái, chắc hắn cũng chẳng vui hơn thế đâu.

Càng lúc càng thêm người kéo đến trước cửa hàng để xem con lợn đang lịm dần với những đường lằn đỏ hồng sau mỗi lần gắng sức chạy trốn. Tuy thế mà đã hết đâu. Người ta xua một con chó cún bé xiu leo lên con lợn cho nó cắn tảng thịt to tướng đã giãn nở. Thế là họ thỏa thích không còn gì hơn nữa. Cảnh sát kéo đến giải tán đám đông.

Vào những giờ này, lúc tối đêm, đứng trên cầu Caulaincourt là đã thấy bên kia hồ lớn lấp lánh ánh đèn trên nghĩa trang. Bên ấy là Rancy. Phải làm một vòng khá xa mới tới nơi, phải đi quanh nghĩa trang mới đến được khu các công sự. Đến cửa nghĩa trang rồi, còn phải đi tắt nhờ qua cái văn phòng mốc thối, nơi tay viên chức nhỏ mặc đồng phục màu xanh lá cây sống leo lắt vô vị. Cũng gần đấy thôi. Đàn chó trong vùng sủa inh lên. Dưới một ngọn đèn ga, vẫn còn thấy những bó hoa của bà hàng luôn luôn chờ đón, vì ngày này sang ngày khác, giờ này sang giờ khác thiếu gì người chết được đưa qua đó. Lại qua một nghĩa trang nữa, ở bên cạnh, rồi ra đại lộ Khởi nghĩa. Đại lộ này rộng và thẳng tắp với đèn đóm đầy đủ trong đêm. Chỉ việc đi theo đại lộ, về phía trái. Đó là phố tôi. Quả là không gặp một ai bên đường. Dù thế, tôi có lẽ

vẫn cứ muốn mình như người ở chốn khác xa xôi. Và ước gì mình được xỏ chân vào những chiếc giày thật êm để người ta không nghe thấy mình trở về nhà. Nếu như Bébert không khá hơn chút nào, thì tôi có ở đó cũng chẳng được tích sự gì nữa. Tôi đã làm hết khả năng của mình. Chẳng có gì để mà trách cứ tôi. Chẳng phải lỗi ở tôi, không ai làm gì được trong những ca như thế này. Tôi đến tận trước cửa nhà và tin rằng mình không có ai để ý. Thế rồi, bước lên nhà, tôi không mở cửa chớp mà chỉ nhòm qua khe cửa xem có còn những người vẫn thường trò chuyện trước cửa nhà Bébert không. Cũng có mấy người đến thăm từ trong nhà đi ra nhưng họ không còn những dáng vẻ như hôm qua. Một bà giúp việc ở trong vùng mà tôi quen thân vừa đi vừa khóc. Tôi nghĩ bụng, có thể là thằng bé đau nặng hơn. Dù thế nào thì cũng rõ ràng là chưa khá hơn được... Cũng có thể là nó đã đi rồi chẳng? Vì có người đã khóc rồi mà!... Một đời người đã kết thúc.

Tuy thế tôi cũng tự tìm hiểu xem phải chẳng trong tất cả cơ sự này, mình có mặt ở đó mà chẳng được việc gì. Trong nhà tôi sao mà lạnh lẽo và lặng lẽ thế. Như thế một mầu đêm tối trong cái đêm tối vô tận cố tình dành cho một mình tôi.

Thình thoảng lại dội lên buồng tôi càng lúc càng rõ những tiếng chân bước, những tiếng rì rào, vội vã... Rồi yên lặng. Tôi vẫn nhòm sang phía trước xem có gì xảy ra ở bên ngoài. Chẳng có gì ngoài cái đang diễn ra trong tôi, đang đặt cho tôi vẫn chỉ là một câu hỏi đó.

Cuối cùng, một bã người vì cuốc bộ và chẳng tìm kiếm được gì, tôi ngủ thiếp đi trên câu hỏi đó, trong đêm tối của riêng tôi, trong chiếc quan tài đó.

Chừng nào không tự dối được mình, thì người đời chẳng có gì để nói với nhau, mà chỉ kể khổ cho nhau nghe, dĩ nhiên là thế. Ai có phận nấy, trái đất là cho tất cả mọi người. Họ tìm cách giữ cái khổ của mình sang người khác, vào lúc yêu đương, nhưng dù có khéo léo thế nào thì việc ấy cũng không thành, họ giữ lại toàn bộ cái khổ của mình, và rồi lại làm tiếp, một lần nữa lại tìm cách đặt nó vào đâu. Họ bảo: “Cô xinh đẹp, cô ơi”. Và cuộc sống lôi kéo họ đi, cho đến một lần khác họ lại thử cái mẹo vặt ấy. “Cô ơi, cô xinh đẹp lắm!...”

Thế rồi, giữa lúc anh huênh hoang tưởng mình đã giữ bỏ được hết nỗi khổ thì mọi người lại biết tống ra rằng chỉ là láo khoét, anh vẫn đang còn phải ôm lấy nó thật sự. Với cái trò ấy trong lúc mỗi ngày mỗi già, thì anh cũng ngày càng xấu xí, ghê tởm hơn và không còn biết giấu đi đâu nỗi khổ và sự kiệt quệ của mình, kết cục là phải đeo lấy một bộ mặt nhăn nhó trong hai mươi năm, ba mươi năm hay hơn nữa để cuối cùng làm cho bụng anh vượt mặt. Đây, bộ mặt nhăn nhó mà con người phải suốt đời tạo dựng cũng chỉ dùng được có thể thôi, mà cũng không biết đến bao giờ cho xong vì nó nặng nề quá, phức tạp quá để có thể biểu lộ được tâm hồn thật của mình không bỏ sót tí gì.

Còn bộ mặt của tôi, quả là tôi cũng đang tỉ mỉ thực hiện với những hóa đơn tôi không sao thanh toán được, dù chỉ nhỏ nhỏ, tiền thuê nhà không có khả năng trả, cái áo khoác quá ư mỏng manh đối với thời tiết, và lão bán hoa quả thì cười nhạo khi thấy tôi đếm từng đồng xu, ngập ngừng trước miếng pho mát của lão, đồ mặt khi thấy nho bắt đầu lên giá. Rồi cũng còn do các bệnh nhân không bao giờ thỏa mãn. Cái chết của Bébert càng không đem lại cho tôi cái gì hay ho ở quanh vùng. Tuy vậy, cô nó không trách móc gì tôi. Có thể nói rằng trong bối cảnh này thì chị ta phải làm dữ, nhưng không. Đúng hơn là từ phía gia đình Henrouille, trong ngôi nhà của họ, tôi bỗng nhiên phải hứng lấy những nỗi lo chồng chất phát sợ lên được.

Một hôm, bà cụ Henrouille bỏ nhà cửa, bỏ con trai, con dâu, tự động đến thăm tôi. Mà cũng không ngờ nghêch gì đâu. Rồi từ đây, bà ta thường đến để hỏi xem có thật là tôi tin rằng bà ấy điên không. Dường như đó cũng là một trò giải trí của bà cụ già này cố tình đến hỏi tôi về việc ấy. Bà ta ngồi chờ trong căn phòng tôi dùng làm phòng đợi. Ba cái ghế và một cái bàn ba chân.

Tối hôm ấy, khi tôi về đã thấy bà cụ trong phòng đợi đang an ủi cô thằng nhỏ Bébert. Bà cụ Henrouille kể lại tất cả những mất mát trong đời bà, mất họ hàng thân thuộc trên dọc đường, trước cả tuổi thằng Bébert, mất hàng tá những đứa cháu gọi bằng cô bằng dì, mất những ông chú ông cậu chỗ này chỗ kia, một ông bố ở nơi rất xa, từ giữa thế kỷ trước và cả những bà cô bà dì nữa, rồi đến những người con gái của bà hầu như khắp chốn, bà không còn biết được ở những đâu và chết ra sao, hình ảnh của họ đến nay bà phải cố hình dung ra vì đã trở thành hư ảo không còn rõ nét nhưng mỗi lần nói chuyện về họ với ai thì bà càng thấy buồn lòng. Không chỉ những ký ức về những người con của chính bà. Bà còn kể lan man cả một loạt những người từ cõi chết, những con người xưa cũ, nghèo nàn, từ lâu chỉ còn là những cái bóng cam lạng, những nỗi buồn khôn tả, nhưng bà cũng cố khuấy lên với nỗi đau thật sự để an ủi cô thằng Bébert, vừa lúc tôi về tới.

Rồi đến lượt Robinson đến gặp tôi. Tất cả làm quen với nhau, thành những người bạn mới của nhau.

Cũng chính từ hôm ấy, cho đến nay tôi còn nhớ rõ, Robinson thường gặp bà cụ Henrouille trong phòng đợi của tôi. Họ nói chuyện với nhau. Hôm sau là ngày đưa đám Bébert. Cô nó gặp ai cũng hỏi: “Mai cụ (hay bác) có đi đưa đám cháu không? Tôi sẽ rất thỏa lòng nếu được cụ (hay bác) đi đưa cháu...”

Bà cụ già trả lời: “Nhất định là tôi sẽ đi. Trong những lúc như thế này mà có được nhiều bè bạn quanh mình thì thật yên lòng”. Không còn ai kìm chân được bà cụ trong túp lều ấy nữa. Bà cụ trở thành một người dã ngoại.

Cô thằng bé cảm ơn bà cụ:

-Cụ đi dự thì tốt quá. Thế còn ông, ông cũng đi chứ? Chị ta hỏi Robinson.

-Này bà, tôi sợ những đám tang lắm, đừng trách tôi.

Thế rồi mỗi người còn nói khá là mạnh mẽ nhưng chỉ về bản thân mình, kể cả bà cụ Henrouille cũng tham gia câu chuyện. Họ nói oang oang, y như trong nhà thương điên.

Tôi bèn vào đưa bà cụ sang phòng bên để khám cho bà.

Tôi chẳng có gì nhiều để nói với bà. Chính bà lại hỏi tôi nhiều thứ. Chúng tôi lại trở lại cùng ngồi chuyện trò với Robinson và cô thằng bé, kéo dài đến một tiếng đồng hồ chỉ toàn nói đến trường hợp bất hạnh của Bébert. Mọi người trong khu phố rõ ràng là đều nhất trí rằng tôi đã làm hết sức để cứu thằng nhỏ Bébert, chẳng qua là do số mệnh mà thôi chứ tôi xử sự như thế là tốt quá rồi, chỉ riêng chuyện đó cũng gần như một ngạc nhiên đối với tất cả. Bà cụ Henrouille khi được biết thằng bé mới có bảy tuổi, bà cụ cảm thấy nhẹ nhõm và yên tâm hơn. Cái chết của một đứa bé còn non dại như thế đối với bà thật ra chỉ là một tai nạn, không giống như một cái chết bình thường có thể khiến cho bà phải suy nghĩ nhiều hơn.

Một lần nữa Robinson lại cà kê kể lể về chuyện cậu ta bị a-xít làm bỏng rát cả dạ dày và phổi, khiến cho cậu ta khó thở và lúc nào cũng khạc đờm đen. Khốn nỗi bà cụ Henrouille thì không khạc nhổ cũng chẳng làm gì với a-xít, nên Robinson có kể chuyện ấy thì bà cũng chẳng quan tâm. Bà cụ sang đây chỉ cốt hỏi tôi về tình trạng của bà. Từ một góc phòng, bà xét đoán tôi trò chuyện, với đôi con mắt nhỏ tinh anh lạnh lợi, còn Robinson thì cũng không bỏ sót tí gì về sự sốt ruột kéo dài giữa bà cụ với tôi. Gian phòng đợi đã tối dần và ngôi nhà lớn ở bên kia đường cũng thẫm dần trước khi chìm vào bóng đêm. Sau đó thì chỉ còn có tiếng chúng tôi nói với nhau và cũng gần như nói cho ra tiếng mà chẳng nói lên được cái gì.

Khi chỉ còn lại mình hẳn, tôi cố tìm cách cho Robinson hiểu rằng tôi không còn muốn gặp lại nữa, nhưng cuối tháng hẳn vẫn cứ mò đến và hầu như tối nào cũng vậy. Thật ra thì hẳn đang đau tức trong ngực.

- Ông Robinson vẫn đến tìm ông đấy, bà gác cổng báo cho tôi và bà cũng để tâm đến hẳn. Ông ta vẫn chưa khỏi bệnh, phải không bác sĩ?... Lúc đến đây, ông ấy vẫn còn ho... Bà ấy biết rõ rằng nói ra chuyện ấy chỉ làm tôi khó

chịu.

Đúng là hăn vẫn còn ho. Hăn tự cho rằng: “Chẳng có cách nào đâu, tớ không khỏi được đâu”. Tôi an ủi hăn: “Gắng chờ cho đến mùa hè tới! Kiên nhẫn một chút! Cậu sẽ thấy... Rồi tự nó sẽ hết thôi...”

Người ta đã nói nhiều về những ca như thế. Tôi không thể chữa cho hăn, chừng nào hăn còn tiếp tục lao động trong môi trường lắm a-xít như vậy... Nhưng tôi cũng cứ phải động viên tinh thần hăn.

-Một mình tớ mà khỏi được ư? hăn đáp lại. Cậu thử đến đây sẽ thấy lắm cái hay đấy!... Có lẽ sẽ dễ thở như tớ thở ấy mà... Tớ mong được thấy cậu cũng chui vào cái thùng ấy với cái như của tớ... Mang cái của ấy chui vào trong thùng thì có mà xếp lếp ngay lập tức... Tớ bảo thật cậu đấy...

-Cậu đang suy sụp, cậu vừa phải trải qua một thời điểm khó khăn đấy thôi, khi nào cậu khá lên... Dù chỉ một chút thôi, thì cậu cũng sẽ thấy.

-Khá hơn một chút thôi? Có mà xuống lỗ thì tớ sẽ khá hơn một chút! Biết thế tớ cứ ở lại quách chiến trường có lẽ lại hay hơn thật! Cậu có thấy quay lại là tốt hơn không... Cậu không còn gì để mà nói!

Con người ta luôn luôn bám giữ lấy những kỷ niệm tồi tệ, những nỗi bất hạnh, không làm sao ra thoát. Những cái đó chiếm lấy tâm can họ. Họ trả thù nỗi bất công đang phải gánh chịu trong hiện tại bằng cách hì hụi bôi gio trát trấu vào cái tương lai sâu thẳm của chính họ. Xét cho cùng thì họ vừa chính đáng lại vừa đốn hèn. Đó là bản chất họ.

Tôi không trả lời hăn gì nữa. Thế là hăn giận tôi.

-Hăn cậu thấy rõ rằng cậu cũng đồng ý như thế.

Những người hàng xóm phàn nàn rằng họ không ngủ được vì hăn ho hăng suốt đêm. Để được yên tĩnh, tôi tìm cho hăn một liều thuốc ho. Trong lúc tôi đang rót thuốc vào chai, hăn vẫn tự hỏi không biết đã mắc từ đâu cái bệnh ho không sao nén được ấy. Đồng thời yêu cầu tôi tiêm cho hăn vài mũi, với những hạt vàng [117*].

-Nếu tớ có chết vì những mũi tiêm ấy thì cậu cũng hiểu là tớ chẳng mất cái gì!

Tất nhiên tôi không ưng bất kỳ lối chữa bệnh công phật nào. Tôi muốn trước hết là hăn hãy đi đi. Chỉ một việc hăn còn la cà ở đây cũng đủ cho tôi mất hết mọi hào hứng rồi. Tôi đã phải chịu đựng đủ mọi nỗi nhọc nhằn trên thế gian này cốt để khỏi trôi tuột vào cái khốn quẩn của bản thân mình, khỏi phải khuất phục cái ý muốn đóng hăn cửa lại cho xong và mỗi ngày hai chục lần tự hỏi mình: “Làm thế thì được cái quái gì?” Thế mà còn phải nghe những lời ai oán của hăn, thì thật quá quắt. Cuối cùng, tôi bảo hăn:

-Robinson ơi, cậu thiếu nghị lực đấy!... Cậu lấy vợ đi, có lẽ như thế cậu sẽ lại thấy ham sống hơn...

Nếu hăn ta lấy vợ thì tôi cũng đỡ bị quấy rầy. Nghe đến đấy, hăn bực dọc bỏ đi. Hăn chẳng thích nghe những lời khuyên của tôi, nhất là những lời khuyên như thế. Hăn cũng chẳng thèm trả lời tôi về chuyện lấy vợ. Mà cũng phải, vì đó là một lời khuyên thật ngô nghê.

Một hôm chủ nhật, tôi không phải phiên trực, hai đứa cùng ra phố. Đến góc đại lộ Magnanime, chúng tôi ngồi ngoài hè uống với nhau một ly nhỏ cát-xít và xi-rô chanh. Cả hai không trò chuyện bao nhiêu, vì còn có gì đáng nói với nhau đâu. Trước hết, ngôn từ còn nghĩa lý gì khi mỗi người đã bám giữ ý riêng mình? Măng mủ nhau, thế là hết. Ngày chủ nhật nên không có nhiều xe buýt qua lại. Ngồi trên hè mà ngắm nhìn đại lộ sạch bong, tươi tắn trước mặt mình. Phía sau, tiếng máy hát từ trong quán rượu vọng ra.

- Cậu nghe thấy gì không? Robinson hỏi tôi. Máy hát của nhà hàng đang chơi nhạc Mỹ đấy; tôi nhận ra ngay những điệu nhạc ấy, cũng là những bản nhạc chơi ở Detroit tại nhà Molly...

Hai năm sống ở bên ấy, hăn ta không hòa nhập được bao nhiêu vào sinh hoạt của người Mỹ; tuy vậy hăn cũng bị tác động bởi thứ nhạc của họ, thứ nhạc có thể giúp họ thoát ra khỏi cái thói quen nặng nề và nỗi nhọc nhằn kinh khủng là ngày này qua ngày khác cứ phải làm một công việc đơn điệu chán ngắt, với điệu nhạc ấy họ còn có thể ít nhiều ngo ngoáy lắc lư với cuộc đời vốn đã chẳng còn có nghĩa. Họ như những con gấu.

Hăn vẫn chưa cạn được ly cát-xít vì mãi nghĩ đến tất cả những cái đó. Gió

thoảng tung bay làn bụi nhẹ trên mặt đường. Quanh hàng cây tiêu huyền, mấy đứa trẻ nhỏ lem luốc, bụng ỏng, cũng bị tiếng nhạc lôi cuốn. Xét cho cùng thì ai mà cưỡng nổi lời ca điệu nhạc. Ai giữ nổi trái tim mình, mà không luôn sẵn sàng dâng hiến. Với tất cả mọi điệu nhạc, ta phải nghe cho thấu đáo đến tận cái điệu không có nốt nhạc, điệu nhạc của Thần Chết dành cho ta.

Mấy cửa hàng bất chấp luật lệ, mở cả ngày chủ nhật: bà hàng giầy vãi ra khỏi nhà, vừa đi dạo hết hàng này sang hàng khác vừa than thở về chuyện ngồi mãi chồn căng, cái chứng giãn tĩnh mạch nó làm cho hai bắp chân nặng như chì.

Tại một sạp báo, những tờ báo buổi sáng treo trên dây đã bắt đầu nhàu nát và ngả màu vàng, những mớ tin tức khủng khiếp đang trở thành cũ kỹ. Một con chó ghêch chân lên đài cho thật mau, trong lúc bà bán báo đang ngủ gà ngủ gật.

Một chiếc xe buýt không khách lao nhanh về trạm. Các ý niệm cũng kết thúc trong ngày chủ nhật của mình; người ta càng ngác ngơ hơn thường nhật. Người ta ở đó, trống rỗng. Kinh ngạc. Thỏa mãn. Chẳng còn gì mà chuyện trò, bởi vì xét cho cùng thì chẳng còn gì đến với anh, anh nghèo nàn quá, có thể là anh đã chán ngấy cuộc sống rồi? Có lẽ đó cũng là chuyện bình thường.

-Cậu không thấy được ra cách gì cho tớ thoát khỏi cái nghề chết tiệt này sao?

Hắn đang cố vươn lên cao hơn tầm nghĩ của mình.

-Tớ muốn thoát khỏi cái công việc này, cậu hiểu không? Tớ ngộp trong đó như một con la đến thế là quá đủ rồi... Tớ cũng muốn được đi dạo quanh chứ... May ra cậu có biết ai cần một thằng lái xe không?... Cậu quen biết nhiều mà, phải không?...

Đó là những ý nghĩ ngày chủ nhật, những ý nghĩ của kẻ hào hoa bỗng tác động vào hắn. Tôi không dám can ngăn mà cũng không bóng gió rằng, với cái tướng mạo sát nhân cùng quần như hắn và chùng nào hắn vẫn còn giữ cái vẻ quá kỳ cục ấy thì chẳng ma nào lại giao xe cho hắn, dù hắn có mặc chế phục lái xe hay không.

-Tóm lại là cậu không hứng chuyện này phải không, hần kết luận. Vậy là theo ý cậu, tớ không sao thoát ra được nữa ư? Tớ không cần phải cố gắng nữa ư?... Ở Mỹ cậu bảo rằng tớ đi không đủ nhanh... Ở Phi châu, thì cái nóng làm cho tớ kiệt lực... Ở đây, thì tớ không đủ thông minh... Rút cục ở đâu tớ cũng thiếu cái này hay thừa cái khác... Tất cả những cái ấy cho tớ thấy rằng mình chỉ là một thứ vật độn vô giá trị... Chà, phải chi tớ có được đồng tiền!... Mọi người có lẽ sẽ thấy tớ thật là tử tế, ở đây... ở dí... và ở khắp nơi khắp chốn... Ngay cả ở bên Mỹ nữa... Tớ nói thế không đúng à? Còn cậu nữa? Chúng mình thiếu một ngôi nhà cho sáu người thuê được giá để kiếm lời...

-Thực tế đúng là thế, tôi trả lời.

Thật đáng ngạc nhiên là một mình hần mà đi đến được kết luận trọng đại ấy. Thế là hần nhìn tôi với con mắt thật kỳ cục, như hần bỗng phát hiện ra ở tôi một bộ mặt lạ lùng ghê tởm.

-Này cậu, khi nào tớ nhớ đến hồi ấy, là tớ nghĩ ngay đến cái thể thuận lợi của cậu. Cậu đem toàn chuyện phịa ra bán rao cho lũ ngu si, rồi có ra sao thì cậu cóc cần biết... Cậu không bị ai kiểm soát cả... Cậu đến, cậu đi lúc nào là tùy ý, tóm lại là cậu được tự do... Cậu mang cái vỏ một con người tử tế nhưng bụng cậu chứa đầy dao găm!...

-Robinson ơi, cậu bắt công đấy!

-Này cậu, vậy thì cậu thấy ở tớ cái gì nào?

Cậu ta khẳng khẳng bám lấy ý định quăng cái nghề dính với a-xít ấy cho người khác...

Chúng tôi lại đi theo những đường phố nhỏ cạnh đó. Về chiều, ta vẫn tưởng Rancy còn là một ngôi làng. Cửa các vườn rau hé mở. Cái sân lớn đã trống vắng. Cái cũi chó cũng thế. Đã lâu rồi, cũng một buổi tối như hôm nay, những người nông dân ở đây phải bỏ cửa bỏ nhà ra đi, họ bị xua đuổi vì thành phố Paris lấn ra. Hồi ấy chỉ còn lại vài cái quầy bán lẻ, chẳng bán chác gì được cho ai, mớ meo và bỏ mặc cho các dây đồ ẽo lả mọc lên vắt qua những bức tường thấp tè nhem nhuốc với những tờ quảng cáo. Cái bờ quảng giữa hai máng nước không còn han gỉ hơn được nữa. Một cái quá khứ không còn

động được lòng ai. Nó một mình trôi. Những người ở thuê nơi này, chiều chiều bò được về đến nhà là đã mệt bã ra còn hơi sức đâu mà động lòng đến cái gì. Họ chỉ còn việc đơn giản là từng cặp đưa nhau đến chen chúc trong những gì còn lại của các căn phòng công cộng để uống với nhau. Trên trần nhà vẫn còn ám những vòng khói đèn treo cũ. Cả khu phố rùng rùng lên mà không biết kêu ca vào đâu về tiếng rung liên tục của cái nhà máy mới. Những lớp ngói rêu phong rơi rụng xuống hè đường gồ ghề như lưng thẳng gù chỉ còn thấy ở Versailles hay trong các nhà tù giam giữ các vị đáng kính.

Robinson dẫn tôi đến tận công viên nhỏ của thị xã, với các nhà kho vây bọc, là nơi để cho những người không nhà không cửa tìm đến ỉa bậy trên những bãi cỏ đầy sâu bọ cho tới quăng sân đánh “bun” và đến chỗ đông cát vừa làm chỗ chơi vừa để đi tè.

Hai chúng tôi lại nói với nhau chuyện này chuyện khác. Hăn nêu ra ý kiến của mình: “Cái mà tớ thiếu, cậu biết không, đó là tửu lượng. Tớ mà uống vào là bị co cứng lại không chịu được. Tệ hại quá!” Hăn cho tôi thấy ngay bằng chứng là những cái ợ liên hồi mà chỉ một ly nhỏ rượu cát-xít hồi chiều cũng làm hăn không chịu nổi... “Đấy, cậu thấy chưa?”

Đến trước cửa nhà hăn, hăn đọc tên ngôi nhà: “Lâu đài của những ngọn gió lửa”, rồi biến mất. Tôi tưởng như sẽ không sớm gặp lại hăn.

Công việc của tôi có vẻ suôn sẻ chút ít, cho đến đúng đêm hôm ấy.

Chỉ riêng từ ngôi nhà có đồn cảnh sát, họ đã hai lần gọi khẩn cấp đến tôi. Tối chủ nhật, mọi tiếng thở dài, mọi niềm rung động, mọi sự nóng lòng đều được thả cửa. Tính tự ái cũng vút trên chiếc cầu chủ nhật và ngắt ngư trong men rượu. Sau một ngày trọn vẹn được tự do rượu chè, những kẻ nô lệ này đây đã hơi run run, khó giữ cho họ đứng vững, họ thở hít phì phò và khua vang những sợi dây xích.

Chỉ riêng ở ngôi nhà có đồn cảnh sát đã diễn ra hai thảm cảnh cùng một lúc. Dưới tầng một, một bệnh nhân ung thư đang thoi thóp; còn trên tầng ba, một ca đẻ khó và chị nữ hộ sinh không làm sao xoay sở nổi. Chị mụ vườn ấy tay giữ hết lớp khăn này đến lớp khăn khác, còn miệng tuôn ra cho mọi người

những lời khuyên bảo phi lý. Lại còn, giữa hai lần tiêm cho người sản phụ, chị ta chuồn xuống tiêm cho bệnh nhân ung thư, xin vui lòng trả mười quan một ống dầu long não. Đối với chị ta, thật là một ngày tốt đẹp.

Trong ngày chủ nhật của mình, tất cả các gia đình trong ngôi nhà này, trên người chỉ khoác chiếc áo choàng hoặc chiếc sơ mi trần, đang phải đối mặt với các sự kiện và cố bồi dưỡng gia đình bằng những thức ăn có nhiều gia vị. Suốt cả hành lang và các cầu thang sặc lên mùi tỏi và lăm thứ mùi kỳ quặc khác. Mấy con chó khoái trí nhảy tót lên tận tầng sáu. Bà gác cổng thì phải quan sát cho khắp. Người ta thấy bà ta ở mọi chỗ. Bà ta chỉ uống vang trắng, vì theo bà ta thì vang đỏ dễ làm cho kinh nguyệt thất thường.

Chị nữ hộ sinh to béo khoác blu đạo diễn một lúc hai tấn thảm kịch, ở tầng một, ở tầng ba, nhảy nhót, toát mồ hôi, vui thích đấy và cũng hần học đấy. Sự có mặt của tôi khiến chị ta nổi đóa. Từ sáng đến giờ, chị ta là ngôi sao chính, nắm trong tay cái công chúng này của chị.

Tôi phải cố tìm cách đối xử khéo léo với chị ta, tránh bớt sự chú ý của mọi người đối với mình, coi như mọi việc tốt đẹp cả (thực tế thì chị ta chẳng làm được gì trong công việc của mình ngoại trừ những điều xuẩn ngốc kinh khủng), nhưng việc tôi đến, lời tôi nói làm cho chị ta khiếp sợ ngay tức khắc. Đành chịu. Một bà đỡ mà bị theo dõi thì cũng dễ thương như ngón tay bị lên chín mé. Không còn biết đặt chị ta vào đâu để chị ta bớt được những điều sai quấy chùng nào hay chùng đó. Các gia đình đã tràn ra khỏi bếp đến tận chân cầu thang, xen lẫn vào số thân nhân người bệnh. Sao mà lăm thân nhân thế! Cả những người to béo lẫn những người mảnh khảnh xúm lại từng đám ngủ gà ngủ gật dưới những ngọn đèn treo. Càng lúc họ đến càng đông, từ dưới tỉnh lên là nơi họ quen ngủ sớm hơn dân Paris. Họ đã chán ngấy. Những gì tôi kể lại cho họ, các thân nhân của tấn thảm kịch ở nhà dưới cũng như ở trên này, họ đều hiểu sai đi cả.

Cơn hấp hối ở tầng một kéo dài không được mấy. Càng tốt, cần gì. Đúng vào lúc bệnh nhân trút hơi thở nấc thì bác sĩ Omanon, thầy thuốc thường ngày của ông ta, cũng vừa tới để xem khách bệnh của mình đã chết chưa, và

lão cũng cự nự tôi, hay gần như thế, vì thấy tôi đứng bên giường bệnh. Tôi giải thích cho Omanon biết rằng tôi được phân công trực ngày chủ nhật, sự có mặt của tôi là chuyện đương nhiên, rồi tôi ưỡn ngực bước lên tầng ba.

Người đàn bà ở trên đó vẫn băng huyết. Cũng chẳng còn mấy chốc mà chị ta chết thôi. Tôi nán lại một phút để tiêm cho chị ta một mũi rồi lại xuống nhà với bệnh nhân của Omanon. Hoàn toàn xong rồi. Omanon vừa bỏ đi. Vậy mà lão cũng cầm hai mươi quan của tôi, thật chó má. Chính vì thế, tôi không muốn bỏ vị trí của mình mà tôi đã giành được trong ca đẻ khó. Tôi leo vọt lên tầng trên.

Trước cái cửa mình đấm máu, tôi giảng giải cho các thân nhân hiểu. Tất nhiên là chị họ sinh không nhất trí với tôi. Người ta hầu như đều biết rằng chị ta muốn tranh khoản tiền công nên cố phản bác lời tôi. Kệ, tôi đã có mặt ở đây rồi, chị ta có bằng lòng hay không cũng mặc. Trong vụ này ít ra thì tôi cũng kiếm được trăm quan nếu tôi biết cách giải quyết và kiên trì! Lại còn phải bình tĩnh và khoa học nữa chứ, mẹ kiếp! Chống đỡ những ngọn đòn tấn công tới tấp trên đầu anh bằng những lời nhận xét và những câu hỏi sắc mùi vang trắng là một việc không đơn giản đâu. Gia đình người phụ nữ ấy nói cái mà họ nghĩ, với những tiếng thở dài và nước nở. Về phần mình, chị họ sinh cũng chờ cho tôi thật loay hoay lúng túng, phải bỏ đi và để lại trăm quan ấy cho chị ta. Chị ta cứ thử đua với tôi xem nào! Loay hoay suốt từ sáng đến giờ, máu me như thế, mà cái thai vẫn chưa ra, phải biết cách giải quyết chứ! Công của tôi, ai trả?

Lúc này tay ung thư dưới nhà đã chết, cái đám công chúng của cơn hấp hối ấy bảo nhau ùa lên cả trên này. Thôi thì đã thức trắng đêm, đã phải chịu hy sinh, cũng phải xem đủ mọi cái cho đã. Thân nhân người chết dưới nhà thì lên đây để xem trên này liệu có kết thúc không hay như dưới họ không. Hai cái chết trong một đêm, trong cùng một ngôi nhà, có lẽ đây là một sự xúc động đến suốt đời! Đơn giản thế thôi! Tiếng nhạc buộc trên cổ đàn chó của các nhà rung lên trên các cầu thang. Chúng cũng leo cả lên đây. Những người từ nơi xa đến kéo vào càng đông, thì thảo với nhau. Mấy cô gái trẻ vừa hay

tin cũng tới dịu dàng bày tỏ buồn thương trước nỗi bất hạnh. Bản năng phụ nữ là an ủi nỗi đau buồn. Một tay anh em họ suốt từ sáng theo đuổi mấy cô gái, nắm lấy dịp may. Cậu ta không rời mắt khỏi họ. Một sự phát hiện trong cơn mệt mỏi của cậu ta. Mọi người ăn mặc phong phanh. Cậu ta đã có ý định cưới một cô trong số đó nhưng nhân dịp này cậu ta muốn ngắm kỹ những cặp giò của các cô để có thể chọn lựa tốt hơn.

Vẫn không đẩy được cái thai ra, vì lỗ đẻ phải khô, phải trơn, đằng này lại chỉ ra toàn máu. Đây có thể là đứa con thứ sáu của chị ta. Chồng chị ta đâu? Tôi gọi hỏi.

Phải tìm người chồng để có thể dẫn vợ đi nhà thương. Một người bà con đề nghị đưa chị ta đi nhà thương. Một người mẹ khác thì xin về ngủ, vì còn các con ở nhà. Nhưng nói đến nhà thương thì mỗi người mỗi ý. Người này thì muốn đưa đi nhà thương, người khác lại hoàn toàn chống lại, vì lẽ thói cũ. Thậm chí nói đến nhà thương người ta đã không muốn rồi. Lắm người còn dùng đến những lời độc địa khó ai quên được. Đó là chuyện trong gia đình họ. Chị nữ hộ sinh thì miệt thị hết mọi người. Nhưng tôi thì tôi muốn rằng người ta hãy tìm cho được anh chồng đến để hỏi xem ý kiến anh ta ra sao mà còn quyết định theo cách này hay cách khác. Anh chàng đã nhoi lên từ một nhóm kia rồi, anh chồng ấy lại còn lơ mơ hơn ai hết. Dẫu sao thì anh ta cũng phải quyết định. Đi nhà thương? Không đi nhà thương? Anh ta muốn gì? Anh ta không biết. Anh ta chỉ muốn nhìn. Vậy thì nhìn đi. Tôi vạch cho anh ta nhìn cái lỗ của chị vợ toàn máu hờn máu cục rồi cả người chị ta, đẩy nhìn đi. Chị vợ thì rên rỉ như con chó to kẹt dưới gầm ô tô. Tóm lại là anh ta cũng không biết mình muốn gì. Họ đưa cho anh ta một cốc vang trắng để lấy sức. Anh ta ngồi xuống.

Thế mà anh ta vẫn chẳng nghĩ ra được. Anh ta là người suốt ngày quần quật với công việc nặng nhọc. Ai cũng biết anh ta ngoài Chợ lớn, nhất là ngoài Ga là nơi anh ta sửa bao sửa sọt cho những người buôn bán rau, mà có nhỏ nhẹ gì, toàn những thứ to đùng nặng chịch, từ mười lăm năm nay. Anh ta nổi tiếng đấy. Cái quần anh ta mặc rộng thùng thình, cả cái áo nữa. Anh ta

không để mất những cái đó nhưng cũng chẳng có vẻ gì là cố giữ lấy áo quần. Thật ra anh ta chỉ chăm lo đến miếng đất và đứng cho thật thẳng trên đó bằng đôi chân dang rộng tưởng như chỉ trong chốc lát đất sẽ rung chuyển dưới chân mình. Tên anh ta là Pierre.

Người ta chờ đợi. Xung quanh, mọi người đều hỏi: “Anh nghĩ thế nào, Pierre?” Anh ta gãi rồi đến ngồi bên đầu giường vợ tưởng chừng không còn nhận được ra vợ mình, người đã không ngừng sản sinh ra biết bao nỗi đớn đau, rồi anh ta khóc, khóc thứ nước mắt của Pierre, và anh ta đứng dậy. Người ta lại hỏi anh câu hỏi cũ. Tôi đã chuẩn bị sẵn một giấy giới thiệu nhập viện. “Suy nghĩ một chút đi, Pierre” mọi người khẩn khoản. Anh ta cố nghĩ, nhưng làm hiệu nghĩ không ra. Anh ta đứng dậy, cầm cái cốc bước chệnh choạng vào bếp. Còn chờ làm gì nữa? Có mà hết cả đêm cũng chưa hết cái do dự của anh chàng ấy, xung quanh ai cũng biết như vậy. Về quách cho xong.

Thế là tôi lại mất toi trăm quan, tất cả là thế! Nhưng dù thế nào thì tôi vẫn cứ băn khoăn về chuyện mù bà đỡ... Thôi cho qua. Hơn nữa, tôi đã mệt lắm rồi, chẳng còn muốn thi thố làm gì trước mọi người cái tài phẫu thuật của mình. Tôi tự nhủ thầm: “Thây kệ! Đi đi thôi! Để khi khác... Cam chịu vậy! Để cho trời đất được yên! Thật khổ nạn!”

Tôi vừa ra đến đầu cầu thang thì tất cả ủa ra tìm, và anh chàng ấy lao đến bên tôi. Anh ta tha thiết:

-Bác sĩ ơi, đừng đi bác sĩ ơi!

-Anh còn muốn tôi phải làm gì nữa? Tôi hỏi anh ta.

-Khoan khoan! Bác sĩ để tôi tiễn!... Tôi van ông, Bác sĩ ơi!...

-Được thôi - tôi nói và để anh ta tiễn xuống dưới nhà. Cả hai cùng xuống. Qua tầng một, tôi ghé vào chào tạm biệt gia đình người chết vì ung thư. Anh chồng kia cũng vào với tôi một lát. Ra ngoài phố, anh ta theo bước chân tôi. Ở ngoài đường thì anh ta nhanh nhẹn lắm. Chúng tôi thấy một con chó đang rống lên những tiếng sủa dài đáp lại những con khác trong vùng. Và con chó rất ương ngạnh, giọng nó rền rĩ. Nó đã tìm được đối tượng để mà cãi nhau đây. Con này chẳng mấy chốc mà trở thành chó tốt thật sự. Anh chồng đó

nhận ra ngay:

-Ô này, con “Lòng đỏ trứng” đây mà... Nó được các cô gái con ông thợ giặt ở phố Gonesses nuôi bằng bình sữa đây... Ông có biết mấy cô con gái ông thợ giặt không?

-Có, tôi trả lời.

Vẫn trong lúc cùng đi, anh ta bắt đầu kể cho tôi nghe những cách nuôi chó bằng sữa như thế nào mà không tốn nhiều tiền. Tất nhiên là phía sau những ngôn từ ấy vẫn có ẩn ý về chuyện vợ anh ta.

Một quán rượu còn mở cửa.

-Ông có vào đây không, Bác sĩ? Tôi xin mời ông một...

Tôi không muốn làm méch lòng anh ta. “ừ thì vào!” Anh ta gọi: “Hai cà phê sữa nhé”. Nhân đó tôi lại nói về trường hợp vợ anh ta, để anh ta phải xử sự cho nghiêm túc, nhưng cũng biết sẽ chẳng đi đến đâu. Trên quầy của chủ quán có một bó hoa lớn. Chủ quán khoe: “Đây là quà mừng của các cháu!” nhân kỷ niệm quán Martrodin. Thế là chúng tôi cùng chủ quán uống một ly véc-mút để chúc mừng. Phía trên quầy treo đạo Luật cấm say rượu và một tấm văn bằng đóng khung. Vừa thấy cái đó, tay chồng nặng nạch đòi chủ quán kể hết tên các quận trong tỉnh Loire-et-Cher, vì anh ta đã học và vẫn còn nhớ. Sau đó, anh ta cho rằng tên của chủ quán không khớp với tên viết trong văn bằng, thế là hai người vặc nhau rồi anh ta đến ngồi gần bên tôi. Sự ngờ vực lại xâm chiếm hoàn toàn đầu óc anh ta. Mãi nghĩ đến nỗi anh ta cũng không buồn tiễn chân tôi nữa.

Tôi không còn bao giờ thấy mặt anh chồng ấy. Không bao giờ. Tôi rất thất vọng về những chuyện xảy ra hôm chủ nhật ấy và càng mệt mỏi thêm.

Ra phố, tôi vừa đi chưa được trăm thước thì thấy Robinson đang lao về phía mình, ôm vác linh kinh mấy tấm ván lớn nhỏ. Tuy trời còn tối nhưng tôi nhận được ngay ra hấn. Ngượng ngùng gặp lại tôi, hấn định linh đi nhưng tôi ngăn lại.

-Cậu vẫn chưa ngủ cơ à? tôi hỏi hấn.

-Khe khẽ chứ!... hấn trả lời... Tớ vừa ở chỗ xây dựng ra!...

-Cậu làm gì với những tấm gỗ này? Cũng xây dựng à?... Một cái quan tài à?... ít nhất thì cũng là lấy cặp phải không?...

-Không, một cái chuồng thỏ...

-Bây giờ cậu lại nuôi thỏ à?

-Không, làm cho gia đình Henrouille đấy...

-Gia đình Henrouille? Họ có thỏ à?

-Ừ, ba con, họ định nuôi ở cái sân con ấy, cậu biết chứ, chỗ ở của bà cụ ấy mà...

-Thế ra vì thế mà cậu lại làm chuồng thỏ vào cái giờ kỳ cục này ư?

-Đó là ý của mẹ vợ hắn ta...

-Một ý kỳ cục!... Mẹ ta muốn gì với những con thỏ ấy? Để bán à? Làm mũ chóp cao à?...

-Cái đó thì lúc nào gặp, cậu hỏi mẹ ta. Miễn là mẹ ta đưa tờ trăm quan là được...

Dù sao thì chuyện cái chuồng thỏ này tôi thấy nó kỳ kỳ thế nào ấy, giữa đêm hôm. Tôi gặng hỏi.

Thế là hắn định đánh lảng. Tôi lại hỏi:

-Nhưng làm sao cậu biết mà đến nhà họ? Cậu có quen biết gia đình Henrouille đâu?

-Chính bà cụ dẫn tớ đến nhà họ vào cái hôm tớ gặp bà ta khám bệnh ở nhà cậu... Bà cụ già ấy khi đã được thế thì cũng bép xép lắm chuyện lắm... Cậu không tưởng tượng được... Dứt không ra... Thế là bà ta coi tớ như một người bạn, cả vợ chồng Henrouille cũng thế... Cậu biết đấy, có những người mà tớ thích!...

-Cậu chưa nói với tớ tất cả những chuyện này bao giờ... Nhưng cậu lui tới nhà họ, vậy cậu có biết chuyện họ đang tính đưa bà cụ đi nội trú không?

-Không, như họ nói với tớ thì họ không làm được việc ấy...

Tôi cảm thấy câu chuyện làm cho hắn ta bối rối, nhưng hắn không biết làm thế nào để thoát khỏi tôi. Hắn càng muốn lui đi thì tôi lại càng níu hắn lại để biết cho rõ hơn...

-Đời sống đã khó khăn, cậu thấy đấy chứ?... Phải tìm cách xoay xở chứ!

Hắn nói băng quơ. Nhưng tôi lôi hắn quay lại vấn đề. Tôi quyết không để hắn thoát...

-Người ta bảo rằng vợ chồng nhà ấy nhiều của hơn là cái vẻ bề ngoài... Cậu ra vào nhà ấy, cậu thấy thế nào?...

-Đúng, rất có thể là vợ chồng nhà ấy sẵn tiền, nhưng thế nào đi nữa thì họ cũng rất muốn giữ bỏ bà già!

Cái gì chứ chuyện che giấu thì tay Robinson này vụng lắm.

-Là vì đời sống, như cậu biết đấy, ngày càng đắt đỏ, vợ chồng hắn ta rất muốn giữ bỏ bà cụ đi. Họ nói với tớ thế này này, rằng cậu không muốn coi là bà cụ ấy điên... Có đúng thế không?

Không cần chờ tôi trả lời, hắn hỏi luôn tôi đi đâu giờ này.

-Cậu vừa đi khám bệnh về à?

Tôi kể qua loa cho hắn nghe về chuyện anh chồng mà tôi vừa bỏ lại giữa đường. Chuyện ấy khiến hắn cười nhộn lên, nhưng cũng làm cho hắn lên cơn ho rũ rượi. Hắn rúm người lại trong đêm tối để mà ho, khiến cho tôi đứng sát gần hắn mà gần như không còn thấy rõ, chỉ hơi nhận ra hai bàn tay đan vào nhau như bông hoa lớn che lấy cái miệng, ho đến nẩy cả người lên mãi không thôi. “Bị gió lừa đấy mà!” hắn nói khi vừa dứt được cơn ho, và chúng tôi cũng đã đến trước cửa nhà hắn. “Ờ phải, nhà tớ sẵn gió lừa mà! lại còn cả rệp nữa đấy! Nhà cậu có rệp không?”

-Nhà tớ cũng có. Tránh sao được, tớ mang rệp từ nhà các bệnh nhân về.

-Cậu không thấy nó khai mùi nước đái bệnh nhân à? hắn hỏi.

-Ừ, cả mùi mồ hôi nữa...

Suy nghĩ một lát, hắn thông thả nói:

-Dù sao thì có lẽ tớ cũng thích làm y tá.

-Tại sao?

-Bởi vì, cậu thấy đấy, con người ta khi khỏe mạnh, chẳng phải nói, họ làm cho mình sợ hãi... Nhất là từ khi có chiến tranh... Tớ là tớ biết họ nghĩ gì... Họ không tự biết được bản thân họ đâu... Nhưng tớ thì tớ biết họ nghĩ gì...

Khi họ còn đứng thẳng được là họ nghĩ đến việc giết người... Còn khi họ đã đau ốm, chẳng phải nói, ít đáng sợ hơn... Phải sẵn sàng chờ đợi mọi sự, chừng nào họ còn đứng thẳng, đúng thế không?

-Thật đúng thế! tôi đành trả lời hẳn.

-Thế còn cậu, có phải cũng vì thế mà cậu làm thầy thuốc không? hẳn lại hỏi.

Suy nghĩ, tôi thấy có thể Robinson có lý. Nhưng liền ngay đó hẳn lại ho rũ từng cơn. Tôi khuyên hẳn:

-Cậu bị lạnh chân đấy, đêm hôm cứ ra gió khéo lại bị sưng phổi... Thôi về nhà ngủ đi...

Bực mình vì ho cơn này sang cơn khác, hẳn ghé vào tai tôi vừa ho vừa cười cợt:

-Này cậu, bà già Henrouille ấy sắp vợ được một quả ác đấy!

-Thế là thế nào?

-Cậu sẽ thấy thôi... hẳn bảo tôi.

-Họ bày đặt chuyện gì thế?

-Tớ không thể nói dài dòng với cậu được... Cậu sẽ thấy...

-Nào, kể cho tớ nghe chuyện ấy đi, Robinson, nào, chuyện ghê quá, cậu biết rằng tớ không có nói lại với ai cái gì bao giờ đâu...

Bỗng hẳn ta có vẻ như muốn kể hết cho tôi nghe, để đồng thời muốn chứng tỏ với tôi rằng đừng có thấy cái vẻ bề ngoài của hẳn mà coi hẳn là thẳng nhẵn nhục, co vùi...

Tôi nhỏ nhẹ khích hẳn:

-Nào! Kể đi! Cậu biết rõ tớ không bao giờ nói lại với ai đâu...

Đó là lý do để hẳn phải tự thú. Hẳn thừa nhận rằng tôi thật sự là người kín miệng.

Vào lúc ấy, chỉ còn lại hai đứa chúng tôi trên đại lộ Coutumance. Hẳn bắt đầu câu chuyện:

-Cậu có nhớ chuyện mụ bán cà rốt không?

Thoạt tiên, tôi cũng chẳng nhớ ra được chuyện bán cà rốt thế nào. Cậu ta

lại nhắc:

-Thì chính cậu kể cho tớ nghe chuyện ấy mà!...

-À phải! Có phải chuyện anh chàng công nhân xe lửa ở phố Brumaires không? Cái anh chàng đi ăn trộm thỏ bị một quả pháo nổ tung hai hòn dái chứ gì?...

-Đúng, ở nhà lão bán rau quả trên bến Argenteuil...

-Phải rồi! Tớ vừa đến đấy. Thế thì sao? Tôi hỏi hẵn vì vẫn chưa hiểu được giữa câu chuyện cũ ấy với trường hợp bà cụ Henrouille này thì mắc mớ gì với nhau.

Hẳn không chút chậm trễ, nói cho tôi biết rành rẽ.

-Cậu không hiểu à?

-Không, tôi trả lời... Nhưng liên đó thì tôi không còn dám hiểu nữa.

-Dù thế nào thì cậu hãy khoan khoan một chút đã!...

-Nhưng tớ thấy cậu định làm một việc kỳ cục quá đấy... tôi không thể không nhận xét. Bất kể thế nào, bây giờ các người cũng không thể cùng nhau ám sát bà cụ Henrouille để thỏa lòng mụ con dâu ấy chứ?

-Ồ! Cậu biết cho tớ, tớ chỉ nhận làm cái chuồng thỏ theo yêu cầu của họ thôi... Còn chuyện pháo là họ tự lo lấy... nếu họ muốn...

-Chúng nó cho cậu bao nhiêu để làm chuyện này?

-Một trăm quan tiền gỗ và hai trăm năm chục quan tiền công, thêm một nghìn quan nữa chỉ để giữ kín chuyện này... Mà cậu biết không... đấy chỉ là bước khởi sự thôi... Đó là một chuyện, khi người ta biết cách khéo léo khai thác, thì thật là một món hời đấy! Thế nào, cậu bé, cậu hiểu ra chưa?...

Tôi hiểu và tôi cũng không ngạc nhiên. Cái đó chỉ làm tôi thêm buồn mà thôi. Dẫu có nói gì để can ngăn những con người ấy cũng đều vô nghĩa. Cuộc đời có tử tế với họ không? Vậy thì ai, cái gì rủ lòng thương họ? Để làm gì? Những kẻ khác ư? Đã có bao giờ thấy được ai xuống địa ngục để thế mạng cho người khác không? Không bao giờ. Người ta chỉ đứng trông và đẩy kẻ khác xuống đó thôi. Tất cả là thế.

Cái thiên hướng giết người bỗng nhiên ám ảnh Robinson khiến tôi rút cục

lại cảm thấy mình hiểu ra được rõ hơn những con người bấy lâu mình vẫn quan sát luôn luôn tỏ ra nửa hằn thù, nửa khoan dung, luôn luôn bần khoản bởi những xu hướng không rõ ràng của họ. Qua một đêm với Robinson, cho đến lúc này thì tôi dù sao cũng học hỏi được nhiều điều.

Nhưng còn có một hiểm nguy: Pháp luật. Tôi bảo hăn:

-Nguy hiểm đấy, còn Pháp luật thì sao? Nếu cậu bị tóm thì, với sức lực ấy, cậu cũng không trốn thoát đâu... Cậu sẽ ngồi tù thôi... Cậu làm sao chịu nổi!...

-Kệ, tớ đã ngán cuộc đời hợp pháp lắm rồi... Anh bạn ơi, cứ chờ đến lượt cậu đấy khi nó đến rồi mà cười... Kiên nhẫn, nó sẽ đến... Từ lâu cậu đã ngòm và đã bị đem chôn rồi... Người ta đã bảo rồi, những nghề lương thiện chỉ là công việc của những kẻ ngây thơ mà thôi... Cậu hiểu rõ cái đó không khác gì tớ đâu...

-Có thể là thế... Nhưng người ta mạo hiểm với những việc tệ hại ấy là đã có tính toán tránh được mọi rủi ro... Cậu phải biết là cảnh sát ác lắm đấy... Phải cân nhắc lợi hại đi đã...

-Tớ không phản đối ý kiến cậu, nhưng cậu hiểu cho rằng, phải lao động như tớ đây, trong những điều kiện như tớ đang phải chịu đây, không ngủ, chỉ có ho, phải làm những cái bu lông đến con ngựa cũng không muốn... Không còn gì tồi tệ hơn cho tớ lúc này... Đó là ý kiến của tớ... Chẳng còn gì...

Tôi không dám nói rằng tóm lại thì hăn có lý, vì lẽ những điều trách móc của hăn có thể có sau này đối với tôi, nếu như cái mưu mô của hăn thất bại.

Để cho tôi vui vẻ trở lại, hăn kể ra một lô những lý do chính đáng về chuyện bà cụ, bởi vì trước sau gì thì bà cụ cũng không thể sống lâu hơn được nữa, bà cụ đã già quá rồi. Có thể là hăn làm chuyện ấy chỉ nhằm thu xếp sự ra đi cho bà cụ mà thôi.

Dù sao đã là một mưu mô xấu xa thì cũng không thể nói khác được. Mọi chi tiết đã được thỏa thuận giữa hăn với những đứa con trai và con dâu ấy: Vì bà đã lại có thói quen ra khỏi chỗ ở của mình, một buổi tối tốt đẹp nào đó họ sẽ bảo hăn đem thức ăn đến cho thỏ... Quả pháo sẽ được gài vào đúng chỗ...

Tất cả mọi chuyện sẽ diễn lại đúng như ở nhà lão bán rau quả... Trong xóm, mọi người vẫn coi bà cụ là có máu điên, tai nạn có xảy ra thì cũng chẳng ai lấy làm ngạc nhiên... Mọi người sẽ nói rằng họ đã bảo trước là chớ có đến với đàn thỏ mà bà cụ không chịu nghe... Và với tuổi tác như thế, chắc chắn là bà cụ làm sao chống lại được với một quả pháo như người ta đã gài... một quả pháo như thế nổ trúng đầu.

Chẳng còn gì mà nói, tôi đã từng kể một câu chuyện hay ho như thế cho Robinson.

Và âm nhạc lại nổi lên trong ngày hội, cái tiếng nhạc từ xa đã nghe thấy khiến ta nhớ lại thời thơ ấu, cái tiếng nhạc không bao giờ dứt ở đó đây, trong từng góc phố, từng hẻm nhỏ đường làng, khắp chốn, nơi những người nghèo sau mỗi tuần lại đến ngồi đó để xem mình đã ra sao rồi. Người ta bảo họ đó là Thiên đường! Và người ta mở nhạc cho họ nghe, khi chỗ này lúc chỗ kia, tiếng nhạc máy phát ra từ những con ngựa gỗ, từ những cái ô tô không phải ô tô, những cầu trượt chẳng trượt tí nào và tấm ván của anh đô vật tay chân lép kệp không phải từ lò vật Marseille, người đàn bà đội mũ không tua, tay làm trò ảo thuật mọc sừng, bộ đàn oóc không phải bằng vàng, những quả trứng trên giàn bắn đều rộng ruột. Đó là ngày hội đánh lừa người ta sau một tuần quần quật.

Và người ta đi uống một vai bia không bọt! Nhưng gã hầu bàn hôi mồm thì phun ra cái hơi khó chịu thật sự dưới mấy lùm cây giả. Trong khoản tiền lẻ hẵn trả lại cho khách lẫn vào lăm đồng tiền đến kỳ cục mà nhiều tuần sau này người ta vẫn phải tìm mọi cách tuồn sao cho lọt hoặc giả đem cho ăn mày. Hội hè mà. Giữa cái đói và nhà tù, vui chơi được đến đâu thì cứ vui chơi, và có thể nào thì đành nhận thế. Khi đã ngồi đó rồi thì phải biết là không còn phàn nàn gì được nữa. Luôn luôn coi thế là có lời rồi. “Thi bắn súng của các Dân tộc”, đến hay khá nhiều năm đã trôi qua, thì ra vẫn nó, vẫn cái gian hàng mà Lola đã để ý trong Công viên Saint-Cloud [118*]. Thấy lại đủ cả trong các đám hội, thì hội hè là những sự lặp lại của niềm vui. Từ cái thời các đám đông trở lại dạo chơi trên con đường lớn ở Saint-Cloud... Những người đi dạo. Chiến tranh chấm dứt thật rồi. Không biết gian bắn súng ấy có phải vẫn chủ cũ không? Không biết tay ấy có đi chiến trận về không? Những cái đó khiến tôi quan tâm. Tôi đã nhận ra những cái bia, nhưng bây giờ người ta lại bày thêm trò bắn máy bay. Mới đây. Tiến bộ đấy. Thời thượng mà. Đám cưới thì vẫn thế, cả những chú lính và tòa thị sảnh với cây cờ. Tóm lại là tất cả. Còn thêm nhiều cái để bắn hơn trước nữa kia.

Nhưng nhiều người thích tìm đến vòng quay ô tô, những phát minh mới, vì trong đó có những trò đụng xe không sao tránh hết được và những cú sốc choáng người suốt từ tim óc đến tận ruột gan. Những tay ngác ngơ thét lác không ngừng kéo đến để húc vào nhau và rút cả lũ đến vỡ lá lách dưới đáy những thùng nước. Thế mà chẳng ai can ngăn họ nổi. Chẳng bao giờ họ van xin, mà họ còn tỏ ra chưa bao giờ được sung sướng đến thế. Có anh phát cuồng lên. Người ta phải lôi ra khỏi tai họa. Giá có treo giải chịu chết để lấy hai mươi xu thì họ cũng sẵn sàng lao tới. Vào lúc bốn giờ chiều, dàn nhạc Orphéon vào hòa nhạc ở giữa đám hội. Để tập hợp nhau, họ phải giương cao cây thập tự và lá cờ, vì các nhạc công đã lần lượt rủ nhau đến mấy quán rượu quanh đó. Luôn luôn thiếu anh cuối cùng. Lại phải chờ đợi. Bảo nhau đi tìm. Thời giờ chờ đợi, đi tới đi lui, khát nước, thế là biến thêm hai tay nữa. Lại phải làm lại từ đầu.

Thịt lợn nấu với gia vị, bụi bặm bám đầy, trở thành thiu ôi và anh nào trúng giải ăn vào khát nước bằng chết.

Các gia đình thì chờ lúc đốt pháo hoa để về ngủ. Chờ đợi, cũng là hội hè. Hàng nghìn vỏ chai lỏng chỏng leng keng trong bóng tối dưới gậm bàn. Những bàn chân khua khoáng, đồng tình hay phản đối. Người ta không buồn nghe nhạc vì vẫn những điệu quen thuộc, cũng chẳng để ý đến tiếng máy nổ đẩy những ống xi lanh phì phò sau mấy cái lán có những trò chơi muốn xem thì bỏ ra hai quan. Quá chén một tí là tim đập thình thình hai bên thái dương, trái với thứ như thế nhưng lựa căng xung quanh đầu và nhét vào hai lỗ tai. Một ngày nào đó, người ta sẽ đi tới tan vỡ như thế đấy. Xin Chúa cho con được như nguyện! Một ngày nào đó, khi sự chuyển động nội tâm tiếp nối với sự chuyển động bên ngoài thì mọi ý niệm của anh đều bị phân tán và bay lên vui thú với trăng sao.

Hội hè thì cũng thường lắm tiếng khóc vì chỗ này chỗ nọ người ta vô ý xô ghế lên chân trẻ con, rồi lại còn những đứa không được cha mẹ chiều thì khóc lóc vùi leo ngựa gỗ hết vòng này lại vòng khác. Phải nhân cuộc hội hè mà uồn nản tính tình. Chẳng bao giờ là quá sớm để làm việc ấy đâu. Những cô bé

cậu bé kháu khỉnh ấy có biết đâu là cái gì cũng phải trả tiền. Chúng cứ tưởng mấy người lớn đứng sau cái quầy hào nhoáng kia có lòng tử tế mời khách vào thưởng thức những trò tuyệt diệu, chứ có biết đâu với những tiếng gào rống và khoe miệng tươi cười ấy họ vơ vét, tranh giành, lấn át. Trẻ con đã biết luật lệ là thế nào. Bằng những cái tát, ông bố bà mẹ dạy luật và ngăn ngừa con cái khỏi ham chơi.

Bao giờ thì hội hè cũng chỉ thật sự với đám con buôn, mà lại còn sâu sắc, thâm kín nữa. Tối đến, khi tất cả những con người mê muội, những khách hàng, những con vật dễ kiếm lời ấy ra về hết, khi cái bãi trước mặt đã trở lại yên tĩnh và con chó cuối cùng đã phóng đến giọt nước dãi cuối cùng của nó lên cái bàn bi-a Nhật Bản, thì đám thương nhân mới hớn hờ bắt đầu tính toán. Đây là lúc, bằng những đồng xu, họ kiểm kê lực lượng và nạn nhân của mình.

Tối hôm hội, vào chủ nhật vừa rồi, chị giúp việc của quán rượu Martrodin vô ý trong lúc thái khoai xúc-xích-xông để dao cắt vào tay khá sâu.

Cũng đêm ấy, vào lúc đã khuya, mọi chuyện đã trở nên rõ ràng xung quanh chúng tôi, như thể mọi sự vật do dự, lầy rầy từ bên này sang bên kia bờ định mệnh thế là đã quá đủ, bây giờ xuất đầu lộ diện khỏi bóng tối và bắt đầu nói gì đó với mình. Nhưng ta phải dè chừng cả con người lẫn sự vật vào những lúc này. Cứ tưởng như họ sắp nói gì với mình nhưng rồi họ chẳng nói gì cả và lại biến vào đêm tối mà thường thường ta chẳng còn hiểu được họ định kể lẽ gì với mình nữa. Với tôi, ít nhất đấy cũng là một kinh nghiệm.

Cũng chính tối hôm ấy, lúc tôi sắp băng bó cho chị giúp việc ở quán Martrodin, thì lại thấy Robinson. Tôi còn nhớ chính xác mọi tình huống. Bên cạnh chúng tôi khi ấy có một số người A-rập di cư ngồi uống và ngủ gật trên những chiếc ghế băng nhỏ. Họ có vẻ như chẳng cần để ý gì đến mọi việc xung quanh. Nói chuyện với Robinson tôi tránh không dă động đến câu chuyện hôm trước, khi tôi bắt gặp hấn bê mấy tấm ván. Vết thương của chị ta rất khó khâu và ngồi tận trong góc trong nên không nhìn được rõ. Lại còn phải chú tâm vào đó nên không nói được gì. Chờ băng bó cho chị ta xong, Robinson mới kéo tôi ra một góc và tự hấn khẳng định với tôi là việc của hấn

đã dàn xếp xong chỉ còn nay mai thôi. Đó là một chuyện bí mật khiến tôi rất khó chịu nhưng tôi cũng đành cố nghe cho xong đi.

-Nay mai làm sao?

-Thì cậu đã rõ rồi...

-Lại chuyện ấy à?...

-Thử đoán xem bây giờ họ trả tớ bao nhiêu?

Tôi chẳng muốn đoán làm gì.

-Mười nghìn!... Chỉ có mỗi việc tớ ngậm miệng...

-Cũng là một món đấy!

-Bây giờ hoàn toàn đơn giản là tớ đã gỡ xong vụ này, hần nói tiếp, tớ luôn luôn thiếu cái khoản mười nghìn quan ấy mà!... Mới là mười nghìn quan ban đầu thôi nhé!... Cậu hiểu không?... Tớ xưa nay chẳng có nghề ngỗng gì nhưng với mười nghìn quan trong tay!...

Hần là hần đã làm cho những đồng tiền ấy đến phải ca múa lên...

Hần cho tôi biết được tất cả những gì hần có thể thực hiện với mười nghìn quan đó... Hần để cho tôi thì giờ suy nghĩ, còn hần thì vênh vang đi đi lại lại theo dọc bức tường, trong bóng tối mờ mờ. Một thế giới mới. Mười nghìn quan!

Dẫu sao, nghĩ lại vụ việc của hần, tôi tự hỏi, mình không tỏ ngay thái độ bác bỏ mưu mô này của hần thì liệu có phải gánh, chịu rủi ro cá nhân nào đó không, liệu có rơi tuột vào một thứ đồng lõa với hần không. Lẽ ra tôi phải tố giác hần chứ. Chẳng phải tôi cần đến đạo lý con người, cần gì đến ai đâu. Nhưng tôi có thể làm gì được đây? Nào có thiếu gì những chuyện bẩn thỉu, những trò nhõng nhẽo khuấy đảo cả Công lý trong việc xét xử một tội ác chỉ cốt làm vui lòng những người đóng thuế... Không còn biết tìm lối thoát thế nào nữa... Tôi đã từng chứng kiến chuyện ấy. Lấy cái khốn khổ bù cho cái khốn khổ, tôi chọn cái thâm lạnh hơn là cái được phơi bày trên các trang báo.

Tóm lại, tôi đã bị dính líu và đồng thời bị đầu độc. Đến nước này thì tôi không còn đủ can đảm để thật sự đi vào tận cốt lõi vấn đề. Bây giờ lẽ ra phải mở to mắt mà nhìn vào đêm tối thì tôi lại hầu như thích nhắm nghiền mắt lại.

Còn Robinson thì có vẻ cố làm cho tôi phải mở mắt ra, phải biết rõ mọi sự.

Để thay đổi chút ít, vừa đi tôi vừa lái câu chuyện sang đề tài đàn bà. Hẳn ta không thích đàn bà lắm. Hẳn nói:

-Tớ thì cậu biết đấy, tớ ngán đàn bà, với cặp mông núng nính, cặp đùi to, miệng hình trái tim và bụng luôn luôn có cái gì đang lòi ra, khi thì mấy đứa nhóc, khi thì bệnh nọ tật kia... Không ai lại đem đời mình đánh đổi lấy mấy nụ cười của họ! Phải không nào? Cứ cho rằng trong căn nhà ổ chuột của tớ mà có một người đàn bà làm vợ, có lẽ từng nửa tháng một tớ đem mụ ta ra chìa cặp mông xinh đẹp trước mắt tay chủ nhà cũng chưa chắc đã được lão ta bớt chó đồng nào!...

Tính tự lập là một điểm yếu của Robinson. Tự hẳn đã nói điều đó. Tay chủ quán Martrodin có lẽ sốt ruột với những chuyện thì thảo và những mưu đồ nhỏ nheo của chúng tôi ở góc trong. Lão lên tiếng:

-Này Robinson, đem mấy cái ly ra đây nào! Liệu tôi có phải vào rửa thay cho các người không đấy?

Robinson nhảy vọt ra.

-Cậu thấy không - hẳn cho tôi biết – tớ kiếm việc làm thêm ở quán này mà.

Thật đúng là ngày hội. Martrodin tính toán mãi không xong quỹ tiền của mình, lão khó chịu. Đám khách A-rập đã đi, chỉ còn hai tay tựa cửa ngủ.

-Chúng nó chờ đợi gì đấy?

-Chờ cô giúp việc! lão chủ trả lời tôi.

-Hàng họ thế nào, có khá không? tôi hỏi cho có hỏi.

-Thế đấy... Nhưng cũng gay, Bác sĩ ạ! Cái chỗ này tôi mua sáu chục vé từ trước khủng hoảng. Tôi phải kiếm ra ít nhất cũng hai trăm... Ông có biết không?... Đúng là tôi sẵn khách, nhưng rất dân A-rập... Mà đám này thì có uống bao nhiêu đâu... Họ chưa có thói quen... Phải kéo được đám Ba Lan cơ. Bác sĩ ơi, dân Ba Lan mà uống thì phải biết... Trước đây ở Ardennes ^[119*], tôi có lắm khách người Ba Lan. Họ làm ở các lò tráng men đến thì khỏi cần nói, phải không ông? Các lò men bốc nóng dữ lắm mà!... Đối với nhà hàng chúng

tôi phải có những cái đó!... Khát mà!... Và đến thứ bảy thì mọi cái cho qua hết... Mẹ kiếp! Công việc thế đó! Lương đủ cả đây! Rắc!... Còn mấy chú dê con này, cần gì uống đâu, cần cái kia cơ... đạo của các chú cấm uống rượu, nhưng không cấm cái kia...

Martrodin coi thường đám dê con ấy. “Bọn khốn kiếp ấy mà! Hình như bọn chúng làm cả chuyện ấy với cô giúp việc nhà này! thật là một lũ cuồng. Bác sĩ thấy thế nào, xin hỏi ông?”

Lão chủ Martrodin ray ray mấy ngón tay ngăn ngùn lên quầng mắt. Thấy thế, tôi hỏi:

-Thận ông thế nào rồi? tôi vẫn đang chữa bệnh thận cho lão. Ông không ăn nhiều muối đấy chứ?

-Vẫn còn lòng trắng trứng, bác sĩ ạ! Tôi đã nhờ ông được sĩ xét nghiệm hôm kia... Ồ tôi có chết vì lòng trắng trứng hay bằng cái gì khác cũng kệ, nhưng tôi chán cái nghề này... chỉ kiếm được ít lãi cò con!...

Chị giúp việc đã xong việc rửa bát đĩa, nhưng chỗ tay buộc băng bị mỡ màng bám bẩn, lại phải băng lại. Chị ta biểu tôi tờ bạc một trăm xu (năm quan). Tôi không muốn nhận nhưng chị ta khấn khoản. Tên chị ta là Sévérine.

-Thế nào, Sévérine, chị mới cắt tóc à? tôi nhận xét.

-Phải thế thôi! Theo một mà! chị ta nói. Mà có để tóc dài thì làm công việc bếp núc thế này, nó bắt mùi lắm...

Bực mình vì chúng tôi trò chuyện làm trở ngại việc tính tiền, Martrodin ngắt lời:

-Cái lỗ tròn nhà cô còn nặng mùi hơn ấy chứ! Tuy thế mà cô chẳng vắng khách...

-Phải, nhưng không giống ai đâu, Sévérine bực mình độp chát luôn. Khắp người chỗ nào cũng nặng mùi... Ông chủ ơi, ông có muốn tôi nói xem người ông khảm thế nào không?... Không phải chỉ một bộ phận, mà khắp người ông đấy.

Sévérine nổi giận thật sự. Martrodin không muốn nghe tiếp, lão làu bàu

quay lại với việc tính toán của lão.

Vì phải đứng làm việc lâu, hai chân tụ máu sưng lên, Sévérine không bỏ được đôi giày vải để xỏ chân vào giày của mình. Chị ta đành cứ giữ nguyên như thế, và nói tướng lên:

-Tôi sẽ để cả giày mà ngủ!

-Thôi, vào tắt đèn đi đã! Martrodin vẫn còn sai chị ta. Ai chẳng biết cô có phải trả tiền điện cho tôi đâu!

Trước khi đứng dậy, một lần nữa Sévérine nói móc:

-Tôi sẽ ngủ ngon!

Martrodin vẫn chưa làm xong mấy bài toán của mình. Lão cời bớt cái tạp dề rồi cái gì lê cho đỡ vướng. Lão hì hụi. Phía trong cùng không nhìn rõ của gian quán vắng ra tiếng lanh canh đĩa chén, công việc làm thêm của Robinson và một tay rửa bát khác. Martrodin vạch những con số to tướng như trẻ con với chiếc bút chì xanh kẹp đến nát giữa những ngón tay sát nhân của lão. Chị giúp việc ngủ ngay trước mặt chúng tôi, lều棚户区 kín cả mặt ghế. Thịnh thoảng lại ú ớ nói mơ:

-Trời! hai cái chân tôi! Trời! chân tôi! rồi lại ngủ li bì...

Nhưng Martrodin quát gọi chị ta dậy:

-Này, Sévérine! Đưa mấy con dê con của cô ra ngoài đi! Tôi ngấy lắm rồi!... Cút hết đi, mẹ kiếp! Đến giờ rồi.

Giờ giấc thế nào thì mấy tay A-rập vẫn chẳng có gì phải vội vã. Rồi thì Sévérine cũng tỉnh ngủ. Chị ta cũng đồng ý: “Đúng là phải đi thôi! Xin cảm ơn ông chủ!” Chị ta dẫn cả hai con dê con ấy đi. Hai tay chung nhau tiền trả chị ta. Vừa đi ra chị ta vừa giải thích:

-Tối nay tôi sẽ làm cả hai. Vì chủ nhật sau tôi còn mắc bận đi Achères thăm con. Ông biết không, thứ bảy sau là ngày nghỉ của chị vú.

Hai tay A-rập đứng dậy theo chị ta. Họ chẳng có vẻ gì là trâng tráo cả. Chị ta nhìn họ với vẻ hơi căm kình vì mệt mỏi. “Tôi không đồng ý với ông chủ, tôi thích đám dê con này hơn! Dân A-rập họ không hung dữ như mấy tay Ba Lan, nhưng kỳ quặc lắm... Không nói sao cho hết cái kỳ quặc của họ... Thôi

thì cứ kệ, tha hồ cho họ làm tất những gì họ muốn, tôi nghĩ rằng những cái đó cũng chẳng làm cho mình mất ngủ! Nào, đi nào! Chị ta gọi họ. Đi lên nào các chú!”

Và thế là cả ba ra đi, chị ta tiến lên trước vài bước. Người ta thấy họ đi qua cái bãi đã nguội lạnh, đầy những rác rưởi ngày hội, ngọn đèn ga cuối cùng ở đầu đường ló rọi lên họ chút sáng bèn bệch rồi họ khuất vào bóng tối. Cũng còn loáng thoáng nghe tiếng họ, rồi im bật. Chẳng còn gì nữa.

Đến lượt tôi rời quán rượu cũng không nói thêm gì với Robinson. Lão chủ chúc tôi đủ thứ. Một tay cảnh sát rào bước trên đại lộ. Người ta khuấy động sự yên tĩnh ở chỗ đường vượt, làm cho một tay buôn giật mình luống cuống chống trả như một con chó đang gặm dở. Một gia đình lang thang chiếm cả một góc quảng trường Jean-Jaurès, họ không nhích lên được, ngập ngừng trước một ngõ hẻm giống như đội đánh cá gặp gió dữ. Người cha vấp hết vỉa hè này sang vỉa hè khác mà vẫn chưa đi xong.

Đêm tối đã trùm lên tất cả.

Do những tình tiết, tôi vẫn còn nhớ một buổi tối khác vào thời ấy. Trước hết là, vào sau giờ ăn tối một tí, tôi thấy tiếng mấy cái thùng rác đụng vào nhau. Ở chân cầu thang chỗ tôi chuyện đó thường xảy ra khi người ta đảo lộn lung tung các thùng rác. Rồi có tiếng đàn bà kêu than rên rĩ. Tôi hé cửa chân cầu thang nhưng vẫn đứng yên tại chỗ.

Khi có tai nạn mà mình tự ý xông ra thì người ta có thể coi mình chỉ như hàng xóm và việc cấp cứu của mình sẽ là công không. Nếu cần thì họ phải mời tôi theo quy cách và sẽ là hai mươi quan. Cái nghèo khốn bám đuổi một cách ráo riết và tỉ mỉ lòng vị tha, và những sáng kiến càng tử tế bao nhiêu càng bị trả giá tàn nhẫn bấy nhiêu. Vậy là tôi ngồi chờ cho người ta bấm chuông, nhưng mãi chẳng thấy ai đến. Có lẽ họ tiếc tiền.

Tuy nhiên, đến lúc tôi đợi gần chán ra rồi thì có một đứa bé gái xuất hiện trước cửa và đang tìm đọc tên người ghi trên các nút chuông... Đúng là cháu bé đến tìm tôi, do mẹ Henrouille nhờ sang. Tôi hỏi nó:

-Có ai ốm ở bên ấy hở cháu?

-Có một ông bị thương ở bên ấy đấy ạ...

-Một ông à? tôi nghĩ ngay đến lão ta. Ông Henrouille à?

-Không phải đâu... Một ông bạn của ông ấy cơ...

-Cháu có biết ông ấy không?

-Không ạ. Con bé chưa gặp người này bao giờ.

Bên ngoài trời lạnh, con bé chạy lon ton, tôi rào bước theo.

-Thế ông ấy bị thương ra làm sao?

-Cháu không biết gì cả.

Chúng tôi đi dọc theo một vườn hoa nhỏ, xưa kia là một khu rừng rào kín đêm đêm sương giá nhẹ nhàng thả buông tỏa giữa những hàng cây. Qua vài đường phố nhỏ. Chốc lát chúng tôi đã tới ngôi nhà của họ. Cháu bé chào tôi, nó sợ không dám đến gần hơn. Mẹ con dâu Henrouille đứng chờ sẵn trên hiên nhà. Ngọn đèn dầu của mẹ lắc lư trước gió. Mẹ hỏi hỏ:

-Đằng này, Bác sĩ ơi! mời Bác sĩ đi đằng này!

Tôi liền hỏi:

-Ông ấy bị thương à?

-Hăng vào đi đã!

Mụ ta không để cho tôi kịp nghĩ ngợi gì thêm. Và thế là tôi rơi luôn vào nơi bà cụ đang gào thét và túm ngay lấy tôi. Bà cụ te tái:

-Trời ơi! Bác sĩ ơi! Quân khốn nạn, lũ kẻ cướp!

Chúng nó định giết tôi!

À ra trò ấy đã thất bại. Tôi làm ra vẻ ngạc nhiên.

-Giết? Nhưng tại sao mới được chứ?

-Tại vì tôi không muốn chết sớm, chứ sao! Đơn giản thế thôi! Quân khốn kiếp! Dứt khoát là ta không muốn chết đâu!

-Mẹ ơi mẹ! mụ con dâu ngắt lời. Mẹ nghĩ quần rồi! Sao mẹ lại nói với Bác sĩ toàn những chuyện ghê rợn thế hử mẹ!...

-Tao nói toàn chuyện ghê rợn ư? Này, con khốn nạn, chính chúng mày đang cả gan làm chuyện ghê tởm! Tao mà nghĩ quần ư? Tao còn đủ lương tri để treo cổ cả lũ chúng mày! Tao còn nói với chúng mày thế đó!

-Nhưng ai bị thương? Người ấy đâu?

Bà cụ cắt lời tôi:

-Ông sẽ thấy hắn ta! Hắn đang ở trên gác, đang trên giường ấy, thằng giết người! Nó vấy bẩn luôn ra giường rồi phải không, con đĩ này? Vấy bẩn thêm tấm đệm bẩn thỉu của mi bằng thứ máu lợn của nó! Chứ không phải bằng máu của tao! Bằng cái thứ máu bẩn thỉu rác rưởi ấy! Mi có giặt mãi cũng chẳng sạch được đâu! Nó sẽ còn tanh hôi mãi từ đời này sang đời khác cái thứ máu của tên giết người ấy, ta nói cho mi biết! Chà chà, có lắm người phải đến nhà hát để tìm xúc động! Tôi xin nói với Bác sĩ: nhà này đã là nhà hát rồi! Chính ở đây này, Bác sĩ ạ! Trên gác này này! Và một nhà hát chính cống đấy! Không chỉ giông giống thôi đâu! Không nên để mất chỗ! Lên mau đi! Khéo không ông lên đến nơi thì thằng vô lại ấy đã ngóm rồi! Thế là ông sẽ chẳng còn thấy được gì!

Mụ con dâu chỉ sợ ngoài đường người ta nghe thấy nên càng van bà cụ im đi. Mặc dầu tình hình xảy ra như thế, mụ con dâu xem ra vẫn không có gì là bối rối, chỉ bức mình vì sự việc đã diễn ra hoàn toàn sai lệch với ý đồ, nhưng mụ vẫn giữ ý nghĩ của mình. Mụ còn tuyệt đối tin rằng mình hoàn toàn đúng.

-Bác sĩ ơi, ông nghe bà cụ mà xem! Nghe thế có khổ không? Tôi luôn luôn ra sức tìm cách để cho bà cụ sống tốt hơn! Ông biết rõ rồi đây!... Tôi luôn mồm nói với bà cụ là bà nên vào ở với các bà xơ...

Đối với bà cụ, thêm một lần nhắc đến các bà xơ là quá quắt nữa rồi.

-Lên thiên đường chứ gì! Phải, cả lũ chúng nó đều muốn đưa tôi lên trên ấy đây mà! Trời! con giặc cái! Và cũng vì thế mà chúng mày, mày và thằng chồng mày rước về cái thằng bất lương ở trên gác ấy chứ gì! Để giết tao đi, đúng, chứ đâu phải để đưa tao đến với bà xơ! Thằng ấy đã làm hỏng việc, phải, có thể nói rằng do âm mưu của các người tồi quá! Nào, bác sĩ hãy lên mà xem thằng khốn nạn ở trên ấy đã rơi vào tình cảnh thế nào, do chính tay nó gây ra!... Mà cũng nên hy vọng rằng nó sẽ toi thôi! Lên đi, lên mà xem nó đi trong khi còn đủ thì giờ...

Nếu như mụ con dâu không hề tỏ ra thua cuộc, thì bà cụ cũng chẳng kém. Bà cụ tuy biết rằng mình suýt nữa rơi vào cuộc mưu sát ấy, nhưng bà không quá phần nộ như bà làm ra thế. Chỉ là giả vờ thôi. Cuộc mưu sát không thành này chính ra còn như thúc đẩy, lôi kéo bà cụ ra khỏi năm mờ ảo nguyệt đã từng giam hãm bà suốt bấy nhiêu năm trong cái xó vườn ẩm mốc. Với tuổi tác của mình, bà bỗng thấy rạo rực trong người một sức sống bền bỉ. Bà cụ khoái trá với những thắng lợi cũng như với cái thích thú năm được một phương tiện để từ nay có thể làm cho mụ con dâu quạ mỗ kia sống dở chết dở với bà. Bây giờ bà đã nắm được mụ trong tay. Bà không muốn để người ta giấu không cho tôi biết bất kỳ một chi tiết nhỏ trong cuộc ám sát hụt ấy và mọi việc đã diễn ra thế nào. Bà tiếp tục kể cho tôi nghe, vẫn với giọng hể hả:

- Mà này, Bác sĩ ơi, ông có biết không, tôi gặp thằng giết người ở ngay nhà ông, chính tại nhà Bác sĩ đấy... Tuy vậy nhưng tôi vẫn không tin hẳn! Vâng, tôi vẫn nghi ngờ hẳn!... Các người có biết hẳn gợi ý với ta cái gì trước

tiên không? Làm thịt mi trước tiên đây, con ạ! Làm thịt mi đây, con khốn ạ! Mà cũng không dặt đồ gì đâu! Ta cam đoan với các người là thế! Vả lại, với ai hăn cũng gọi ý như thế! Không lạ gì đâu!... Thế đây, mi có thấy không hở con khốn kiếp, ta đã biết tỏng cái nghề của thằng làm việc đó cho mi. Ta nắm được tình hình đây chứ nhỉ! Tên hăn là Robinson!... Có phải tên hăn là thế không? Ai nói đó không phải tên nó nào? Ngay khi ta thấy hăn lân la đến đây mưu mô với các người là ta đã đâm nghi rồi... Ta làm đúng đây chứ! Nếu ta không cảnh giác thì bây giờ ta đã ở đâu rồi?

Và bà cụ còn tiếp tục kể ra mọi việc diễn biến ra sao. Con thỏ cựa quậy trong lúc hăn gài quả pháo vào phía trong cái cửa chuồng. Lúc ấy bà cụ từ trong nhà nhìn ra theo dõi, bà cụ bảo: “Tôi ngồi hàng ghế lô đầu nhé!” Trong lúc hăn đang loay hoay gài bẫy thì quả pháo nổ, tất cả đạn ghém trong đó bắn thẳng vào mặt hăn, vào ngay hai con mắt. “Đã tính chuyện giết người thì làm sao mà giữ cho tinh thần được bình tĩnh! Dĩ nhiên là như thế rồi!” bà cụ kết luận.

Rút cục thì việc ấy được coi như vụng về, thất bại.

Bà cụ nhấn mạnh: “Người đời bây giờ coi mọi sự thế cả! Đúng thế! Người ta quen thế rồi! Phải giết người để kiếm miếng ăn! Đối với họ, chỉ ăn cắp có miếng bánh không là không đủ... Mà lại phải giết những bà cụ già cơ!... Thật là chưa bao giờ lại có những chuyện như thế... Chưa bao giờ! Tận thế đến nơi rồi! Trong lòng con người ta bây giờ chẳng còn gì nữa ngoài cái tâm địa độc ác! Tất cả các người đã chìm đến tận cổ trong vũng lầy ác quỷ rồi!... Mà thằng ấy bây giờ mù tịt rồi! Các người còn phải bồng bế nó mãi! Phải không?... Và các người sẽ không dứt ra được những trò ba que xỏ lá với nó đâu!...

Mụ con dâu nín thin thít, nhưng hăn là mụ chưa từ bỏ kế hoạch thoát khỏi vụ này. Quả là vợ phải cái xác chết thối hoăng. Trong lúc chúng tôi mãi suy nghĩ thì bà cụ quay ra đi tìm con trai quanh các căn phòng. “Bác sĩ ời, à mà đúng là tôi còn có ông con trai cơ đấy! Đâu rồi ấy nhỉ. Lại đang mưu toan cái gì nữa đây?”

- Ngang qua hành lang, bà cụ lắc la lắc lư trong tiếng cười không dứt. Một người già có cái cười to và khỏe như thế thường chỉ thấy ở những người điên. Khi nghe tiếng cười như thế, người ta tự hỏi không biết người ta đi đâu nữa. Nhưng bà cụ thì nhất quyết đi tìm con trai. Lão đã chuồn ra ngoài phố. “Thôi được! cứ để mặc nó trốn lủi, mặc cho nó sống cho thật dai! Nó chưa bay đi đâu được để còn phải sống với cái thằng trên gác kia, hai đứa sẽ phải sống với nhau thật là lâu, với cái thằng không còn nhìn được nữa! Phải nuôi báo cô nó! Cả quả pháo đã nổ vào cái mặt mẹt ấy rồi mà! Ta đã thấy! Ta thấy cả mà! Bùm, như thế này này! Ta đã thấy tất cả! Và ta đảm bảo rằng đó không phải là một con thỏ đâu nhé! Chà! không còn ra làm sao nữa! Bác sĩ ời, thằng con trai tôi đâu, nó ở đâu? Ông không thấy nó à? Nó cũng là một thằng xấu xa vô lại luôn luôn núp trong cái vỏ xảo trá còn tệ hại hơn cả thằng kia nữa đấy, nhưng bây giờ thì cái bản chất ghê tởm của nó lòi hết ra rồi, xong thật rồi! Lòi được ra ánh sáng cái bản chất kinh khủng như của nó. phải lâu đến thế đấy! Nhưng khi nó lòi ra thì đúng là một vật thối rữa! Không phải nói gì nữa, Bác sĩ ạ, thế là tốt rồi!

Đừng bỏ lỡ nữa!” Và bà cụ lại càng thích chí. Bà cũng muốn cho tôi ngạc nhiên về cái cao ngạo của mình trước các sự kiện đó và bỏ tất cả chúng tôi vào một rọ, tóm lại là khinh bỉ cả lũ chúng tôi.

Bà cụ lợi dụng cơn xúc động mà giành về mình một vai trò có xú thế hơn. Sướng không để đâu hết sướng. Chẳng mấy khi được sung sướng thế này, chừng nào mình còn có khả năng đóng một vai trò. Những lời than thở đối với người già mà họ đã dành cho bà cụ Henrouille suốt hai chục năm qua, bây giờ bà cụ không thềm nữa. Cái vai trò cay nghiệt đến với bà quá bất ngờ, bà quyết không buông ra nữa. Đã già thì chẳng còn tìm được một vai trò nồng nhiệt để mà chơi, họa chăng là giạt vào một cái bến tạm nhạt nhẽo nào đó chỉ để mà chờ chết. Bỗng nhiên, sự ham sống lại quay về với bà cụ qua một vai trò khát khao trả hận. Chính vì thế mà bà cụ không muốn chết tí nào. Từ sự ham sống ấy, từ sự khẳng định ấy mà bà cụ rạng rỡ hẳn lên. Tìm lại được ngọn lửa, ngọn lửa thật sự trong tấn thảm kịch.

Bà nhen lại nhiệt tình của mình, bà không còn muốn xa rời ngọn lửa mới ấy, xa rời chúng ta. Trong suốt thời gian dài, bà đã gần như không còn tin được điều đó. Bà đã tới chỗ không còn biết làm thế nào để khỏi bị bỏ chết ở cái xó vườn thối khắm ấy, rồi bỗng lại thấy trút xuống mình một cơn giông bão lớn mang tính thời sự nghiệt ngã, nóng bỏng.

Bà cụ Henrouille gào lên:

- Cái chết của ta, của ta! Ta muốn được thấy cái chết của ta! Mi nghe ta nói đây! Ta có mắt để thấy nó, cái chết! Nghe ta nói chứ! ta vẫn còn đủ hai mắt! Ta muốn nhìn nó cho rõ!

Bà cụ không muốn chết nữa, không bao giờ. Điều ấy là rõ ràng. Bà không còn tin vào cái chết của mình.

Ta biết rằng những chuyện như thế luôn luôn khó dàn xếp, mà có dàn xếp được cũng phải trả giá rất đắt. Bắt đầu là việc không còn biết đưa Robinson đi đâu. Nhà thương ư? Như vậy hẳn là chỉ tổ khơi lên hàng nghìn chuyện bép xép bàn ra tán vào... Đưa về nhà hẳn ư? Cũng không thể nghĩ đến cách này, vì hẳn đã phải mang bộ mặt như thế rồi. Dù muốn dù không thì vợ chồng Henrouille cũng đành phải để hẳn ở lại nhà mình.

Còn hẳn, co quắp trong giường của vợ chồng nhà ấy ở trên gác cũng chẳng yên ổn gì. Một tâm trạng khiếp sợ thật sự đang lớn vồn trong đầu: hẳn sẽ bị người ta tố cáo và bị truy tố. Cái đó hiểu được. Đó là một trong những chuyện quả là người ta không thể kể lại với ai. Các cửa chớp ở phòng hẳn nằm đều đóng kín, nhưng những người hàng xóm bắt đầu đi đi lại lại nhiều hơn thường ngày, họ chỉ muốn ngó vào hỏi thăm tin tức kẻ bị thương. Họ kháo nhau đủ thứ tin, đủ thứ chuyện tào lao. Nhưng làm sao có thể ngăn họ khỏi ngạc nhiên? ngăn họ khỏi soi mói? Họ lại còn thêm thắt vào đấy nữa chứ. Làm sao tránh được những giả thuyết? Cũng còn may là Tòa án chưa nhận được đơn khiếu kiện nào chính xác. Chuyện đã thế đấy. Về cái mặt hẳn, tôi sẽ xoay sở được. Mặc dầu vết thương rất sâu lại ngoằn ngoèo và rất bẩn nhưng chưa bị nhiễm trùng. Còn hai con mắt, tôi thấy trước được rằng những vết sẹo sẽ mọc trên giác mạc và ánh sáng sẽ khó mà lọt qua, thậm chí không bao giờ còn lọt qua được nữa.

Cố xoay sở thì cũng có thể tìm cách nào đó chữa cho hẳn trông được thế nào nên thế. Lúc này chúng tôi phải hết sức khẩn trương và trước hết phải tránh không để bà cụ lại toang toác hết cả mọi chuyện bẩn thỉu với hàng xóm và những kẻ tò mò. Có thể coi là bà cụ đã phát rồ rồi, cái đó không phải lúc nào cũng giải thích được.

Nếu cảnh sát can thiệp vào những trò phiêu lưu này của chúng tôi thì không biết họ sẽ lôi chúng tôi đi đến đâu nữa đây. Chúng tôi thay nhau cố làm cho bà cụ bình tĩnh lại. Không ai muốn tỏ ra thô bạo, nhưng ngọt ngào

cũng chẳng ăn thua. Đơn giản là bà cụ bây giờ bị ám ảnh với chuyện trả thù, và dọa tố giác chúng tôi.

Mỗi ngày tôi qua thăm Robinson ít nhất hai lần. Cứ thấy tiếng tôi bước lên cầu thang là hắn đã rên rỉ trong dải băng buộc trên mặt. Thì đúng là hắn đau đớn, nhưng cũng không đến mức như hắn cố làm ra với tôi. Tôi thấy trước được rằng hắn sẽ còn sầu não hơn nhiều khi hắn biết rõ hai con mắt hắn ra sao... Tương lai sẽ thế nào, tôi vẫn chưa dứt khoát được. Hai mí mắt của hắn nhúc nhối. Hắn nghĩ có thể do nhúc nhối mà hắn không còn nhìn thấy gì trước mặt.

Vợ chồng Henrouille coi sóc hắn rất cẩn thận theo chỉ dẫn của tôi. Không có gì phải ngại về mặt này.

Không ai nói gì về vụ mưu sát nữa. Cũng chẳng ai nói gì về tương lai. Mỗi tối, lúc tôi từ biệt họ, mọi người lại nhìn nhau khắp lượt, và mỗi lần với cái nhìn nặng nề như thế, tôi lại cảm thấy như họ đang nhắm nhẹ lần lượt loại bỏ nhau đến nơi. Cái kết luận trong suy nghĩ của tôi như thế xem ra là lô gích và thích hợp. Đêm đêm tôi không hình dung nổi những gì xảy ra trong ngôi nhà ấy. Tuy nhiên, sáng hôm sau, tôi lại gặp họ, lại thấy đủ cả những con người, những đồ vật chúng tôi cùng bỏ lại tối hôm trước. Tôi cùng vợ Henrouille thay băng, rửa thuốc tím và hé mở thử mấy cái cửa chớp. Vô ích. Robinson vẫn chẳng nhận ra được gì qua việc mở cửa chớp...

Cứ thế, trái đất quay trong đêm tối mù mịt và lặng thinh.

Và lão con trai bà cụ sáng sáng đến đón tôi với một câu hơi thôn dã: “Bác sĩ ời... Vậy mà chúng ta cũng đã tới được những ngày băng giá cuối cùng!” Lão ngược nhìn lên bầu trời qua hàng lan can nhỏ trước hiên nhà. Như thế thời tiết có điều gì quan trọng. Vợ lão cũng thêm một lần nữa thử lựa lời bàn chuyện với bà mẹ chồng qua cái cửa đã được bà rào chắn kỹ và vợ chỉ làm cho bà cụ tăng thêm phần nộ.

Trong lúc băng cho Robinson, hắn kể cho tôi nghe cuộc vào đời của mình. Băng nghề bán hàng. Từ lúc mới mười một tuổi, bố mẹ hắn đã gửi hắn đến một cửa hàng giày hạng sang để chạy hàng. Một hôm hắn đi giao giày đặt

cho một người khách đàn bà, người này dụ hắn làm trò khoái lạc mà đến lúc ấy hắn cũng mới chỉ thấy trong tưởng tượng. Hắn không còn dám quay lại với ông chủ vì tự coi hạnh kiểm của mình kinh tởm. Vào thời bấy giờ, ngủ với một bà khách hàng như hắn nói, là một hành vi không tha thứ được. Tuyệt nhất là cái sơ mi nút xơ lin của bà khách ấy đã đặc biệt tác động đến hắn. Ba mươi năm sau, hắn vẫn nhớ nguyên vẹn cái áo sơ mi đó. Người đàn bà quyền quý ấy sột soạt trong gian phòng đầy những gối nệm và các rèm cửa có tua diềm, da thịt hồng hào thơm nức, chú bé Robinson suốt đời mang trong đầu các nhân tố của những so sánh vô vọng triền miên. Biết bao sự việc đã diễn ra sau đó. Hắn đã thấy tận mắt các lục địa, thấy đầy đủ những cuộc chiến tranh, nhưng chẳng bao giờ hắn ngóc lên nổi với sự phát hiện ấy. Tuy thế, hắn cũng thấy vui vui khi nhớ lại và kể lại cái giây phút thanh xuân đã hưởng với người khách hàng đàn bà ấy. Hắn ghi nhớ: “Hai con mắt nhắm lại thế này này, đầu óc suy nghĩ. Chuyện ấy đi qua... Có thể nói như xem phim trong óc mình...” Tôi chưa dám nói cho hắn biết rằng rồi hắn có lẽ sẽ có đủ thời giờ để phát chán ngấy thứ điện ảnh trong óc mình đó. Bởi tất cả mọi sự chìm đắm trong mơ mộng đều dẫn đến cái chết, đến một lúc nào đó hắn có thể sẽ chỉ còn thấy người đàn bà ấy với hắn trong thứ điện ảnh đó thôi.

Ngay bên cạnh ngôi nhà, vợ chồng Henrouille bây giờ hì hụi với cái xưởng máy nhỏ trang bị một mô tơ lớn trong đó. Suốt từ sáng đến tối, ngôi nhà cứ rùng rùng lên. Rồi lại còn thêm những xí nghiệp khác ở xa hơn một chút, búa máy nện liên tục, cho đến đêm khuya cũng chưa hết. Lão Henrouille nói đùa: “Chừng nào căn nhà tồi tàn nay sụp đổ thì mình cũng chẳng còn!” Tuy thế lão cũng hơi lo. Quả là trần nhà đã lở vôi vữa xuống. Một kiến trúc sư hoài hơi đảm bảo với họ rằng, khi người ta không còn nghe thấy mọi sự trên đời thì lập tức người ta cảm thấy nhà mình như một con tàu, một loại tàu trôi giạt từ nỗi sợ này sang nỗi sợ khác. Những người hành khách kín đáo và đã phải qua một quãng thời gian dài làm những dự án còn buồn hơn cả cuộc sống và hơn cả những nền kinh tế nữa, thế rồi họ đâm ra nghi ngờ cả ánh sáng lẫn đêm tối.

Theo ý kiến của tôi, sau mỗi bữa ăn sáng, lão Henrouille lại lên đọc sách báo cho Robinson nghe một lúc. Nhiều ngày trôi qua. Câu chuyện về người đàn bà tuyệt diệu mà Robinson đã được ăn nằm hồi còn đi học nghề, hẳn cũng đem kể cho Henrouille. Câu chuyện đã thành một thứ trò đùa chung cho cả mọi người trong nhà. Thế là những điều bí mật của chúng tôi cũng không còn bí mật khi chúng đã bị phơi bày ra công chúng. Trong chúng ta, và trên mặt đất này, giữa khoảng trời kia, cái khủng khiếp có lẽ chỉ là cái chưa được nói ra. Sẽ không thể yên tâm chừng nào mọi cái chưa được nói ra hết; nói một lần cho xong, để rồi người ta sẽ im lặng và sẽ không còn phải sợ ngậm miệng nữa. Rồi sẽ xong thôi.

Trong mấy tuần lễ chờ cho hai mí mắt hết sưng mủ, tôi đủ thì giờ chuyện trò trêu chọc về hai con mắt và tương lai của hẳn. Lúc thì nói dối hẳn là cửa sổ đóng kín, kỳ thực là các cánh cửa đều mở toang, lúc lại bảo hẳn là ngoài trời rất tối.

Một hôm, trong lúc tôi đang còn quay lưng lại thì hẳn tự động lò dò ra hẳn chỗ cửa sổ để tìm hiểu thực hư, tôi không biết để mà kịp ngăn hẳn vạch dải băng buộc trên mắt. Hẳn hơi ngập ngừng một lát. Sờ soạng bên phải rồi bên trái khung cửa sổ, hẳn muốn yên trí trước đã, và hẳn đã tin chắc là cửa mở thật. Hẳn la lên sau lưng tôi:

- Bardamu! Bardamu! Cửa sổ mở thật đây này! Mở thật đấy cậu ạ!

Tôi đứng ngây người ra đó, không biết trả lời sao. Hẳn vươn thẳng hai cánh tay ra ngoài khung cửa, ngoài không khí mát rượi. Tất nhiên hẳn không trông thấy gì, nhưng cũng cảm nhận được không khí bên ngoài. Trong cái tối tăm của mình, hẳn cố sức duỗi thẳng hai cánh tay, như cố vươn tới chốn tận cùng. Hẳn không muốn tin là thế. Không muốn tin là đối với hẳn tất cả chỉ còn là tối tăm. Tôi dìu hẳn về giường, cố an ủi, nhưng hẳn không còn tin tôi nữa. Hẳn khóc. Hẳn coi như đã đến bước đường cùng rồi. Còn nói được gì nữa. Bản thân nổi buồn chẳng giúp gì được cho anh mà anh phải quay lại phía sau, quay lại với người đời, bất kể những ai. Chẳng khó khăn gì trong những lúc như thế, ngay cả để mà khóc than thì cũng phải quay lại nơi mọi

việc đã khởi đầu, phải quay lại với họ.

Trong bữa ăn sáng hôm vừa diễn ra cảnh đó, tôi hỏi mẹ con dâu:

-Này, bà sẽ làm gì với hân khi hân đã khá hơn?

Vợ chồng mẹ thường mời tôi ở lại ăn sáng với họ trong nhà bếp. Xét cho cùng thì cả hai đều chẳng biết làm thế nào để giải quyết được tình thế. Cứ nghĩ đến khoản viện phí phải trả là họ đã phát khiếp, nhất là mẹ vợ, người nắm biết được rạch ròi cả đến giá tiền những bộ áo riêng cho người tàn tật. Mẹ đã tính cả đến chuyện chạy chọt tại Cơ quan Cứu tế công cộng. Chuyện chạy chọt này họ giấu không cho tôi biết.

Một tối, sau lần khám thứ hai, Robinson tìm mọi cách cố giữ tôi lại với hân, khoan khoan hãy về. Hân không ngớt kể lại tất cả những gì hân nhớ được, những kỷ niệm của chúng tôi về những chuyện cũ, những chuyến đi, ngay cả những cái mà tôi vẫn chưa có dịp nào nhớ lại. Hân nhắc đến những chuyện chưa bao giờ được gợi nhớ. Sự hồi tưởng quãng đời hai đứa cùng trải qua với nhau ấy cứ ngồn ngộn lên đủ cả, than vãn có, tử tế có, những bộ áo quần, những người bạn đã già biệt, quả là một cửa hàng tạp hóa toàn những cảm xúc lỗi thời mà hân đem ra khai trương trong cái đầu không có mắt.

Khi nỗi khổ tâm hình như đã quá lớn, hân báo cho tôi biết trước:

-Tôi sẽ tự tử!

Thế rồi hân cũng mang được nỗi khổ ấy ra xa hơn một chút như mang một khối lượng quá sức mình, hoàn toàn vô ích, một nỗi khổ của kẻ đi đường không có được bạn đồng hành mà trò chuyện, một nỗi khổ quá lớn và phức tạp trăm bề. Hân không còn biết giải thích ra sao vì nó vượt qua cả tầm học thức của hân.

Hèn nhát vốn là bản chất của hân, tôi biết thế và hân cũng biết thế, và luôn luôn hy vọng được ai đó cứu vớt hân ra khỏi sự thật ấy. Nhưng mặt khác, tôi lại tự hỏi rằng ở đâu đó liệu có những người hèn nhát thật không?... Có thể nói rằng người ta luôn luôn tìm được cho bất cứ ai một lý do nào đó, để anh ta sẵn sàng chết, chết ngay lập tức và chết thoải mái nữa. Chỉ có điều là không phải lúc nào cũng tìm được cơ hội cho anh ta chết một cách đẹp đẽ,

một cơ hội vừa ý anh ta. Thế là anh ta đành phải tìm lấy nơi nào đó để chết theo khả năng của mình... Anh ta dừng lại với bộ mặt một kẻ đần độn trên đời, hơn nữa đối với mọi người còn là một kẻ hèn nhát, có chăng chỉ là tự mình không tin nổi được mình thôi. Vì đó chỉ là cái vỏ ngoài của sự hèn nhát.

Robinson chưa sẵn sàng chết trong cái cơ hội người ta bày ra cho hắn. Giá bày cách khác có lẽ hợp ý hắn hơn.

Tóm lại, với hắn, chết cũng giống như phải lấy vợ.

Cái chết ấy không chút nào vừa ý hắn, nó là thế đấy. Chẳng còn gì mà nói.

Thế là hắn cam chịu nằm thối thây ra đó trong tâm trạng cô đơn tuyệt vọng. Và lúc này thì hắn còn bần bịu, mãi mê nhồi nhét một cách ghê tởm vào tâm hồn mình nỗi khổ sở, đơn chiếc của hắn. Rồi ra, có thể hắn sẽ thu dọn ngăn nắp nỗi khổ đau, khi ấy có thể lại bắt đầu một cuộc sống mới thật sự. Phải thế thôi.

Một buổi tối, sau bữa ăn, chấp vá lại những mẫu hồi ức, hắn bảo tôi:

- Cậu có tin tớ không là tùy, nhưng cậu biết rồi đấy, tớ là thằng chẳng nổi nang gì món ngoại ngữ, tuy thế, với tiếng Anh, cho đến cuối cái hồi ở Detroit tớ cũng nói được dăm ba câu... Bây giờ thì gần quên tiệt rồi, chỉ còn mỗi một câu... Hai từ... Nó cứ theo đuổi suốt từ khi xuất hiện trước mắt tớ: *Gentlemen first!* [120*] Đó là tất cả những gì tớ nói được lúc này về tiếng Anh, cũng chẳng biết tại sao... Cũng dễ nhớ, quả vậy... *Gentlemen first!*

Và để trò chuyện với hắn, hai đứa chúng tôi vui vế cùng nhau nói lại tiếng Anh. Chẳng đâu vào đâu cũng nhắc đi nhắc lại luôn mồm *Getitlemen first!* như những thằng rồ. Chỉ là một trò tếu với nhau thôi. Rồi đến lượt lão Henrouille cũng được biết trò này vì lão thường lên nhòm coi chúng tôi thế nào.

Khuấy lại những kỷ niệm cũ, chúng tôi hỏi nhau ai còn ai mất... Những người mà hai đứa cùng quen biết... Không biết lúc này Molly sống thế nào, nàng Molly xinh xắn của chúng ta... Lola thì tôi muốn quên phắt đi, nhưng dẫu sao tôi vẫn cứ muốn biết tin tức của tất cả, kể cả Musyne cũng vậy, đã nhớ thì nhớ cho hết... Lúc này có thể Musyne vẫn ở không quá xa Paris. Tóm

lại là ngay cạnh đây thôi... Nhưng khéo không tôi phải tiến hành những cuộc thám hiểm, họa may mới có được tin tức của Musyne... Trong số bao nhiêu người mà tôi đã quên tên, quên những tập quán, những địa chỉ, và những cử chỉ đáng mến, những nụ cười, sau bấy nhiêu năm lo lắng, khát khao kiếm miếng ăn, chắc hẳn bây giờ đã trở thành những miếng phó mát lâu ngày và mang những nếp nhăn khó nhọc... Bản thân kỷ niệm luôn luôn có sức tươi trẻ của nó... Nếu mình để nó mốc meo thì nó trở thành những bóng ma đáng tởm nhầy nhớt những ích kỷ, kiêu ngạo và dối trá... Thối nẫu như những quả táo ủng... Chúng tôi cùng nhau nhắc lại thời trai trẻ, nhăm nháp với nhau. Tự dè chừng với mình. Nhớ đến mẹ đã lâu tôi chưa về thăm. Những lần về thăm trước không mang lại kết quả gì cho thần kinh của tôi... Nói đến đau buồn thì ở mẹ còn tồi tệ hơn nhiều... vẫn với ngôi hàng nhỏ, qua hết năm này tháng nọ, có vẻ như mẹ chỉ tích tụ thêm được quanh mình toàn những điều thất vọng... Về thăm mẹ, mẹ kể: “Con có biết, dì Hortense chết đã được hai tháng ở Coutances không?... Có lẽ con đã có thể đến đó chứ? Và Clémentin, con còn nhớ Clémentin không?... Thằng bé đánh xi nê nhà vẫn chơi với con hồi nhỏ ấy... Hôm kia, người ta mới nhặt nó ở ngoài phố Aboukir... Đã ba ngày nó không được ăn uống gì...”

Cái thời thơ ấu của Robinson, hẳn không còn biết nên nhớ từ quãng nào, mặc dầu hẳn thấy không đến nỗi kỳ cục. Ngoài cái chuyện với bà khách hàng ấy ra, hẳn chẳng còn gì để mà thất vọng đến phát nôn mửa trong những xó nhà chỉ rất những thứ hơi hám, những chiếc chổi, những cái thùng, những chén bát, những cái tát tai... Lão Henrouille lại càng không có gì để kể về thời trai tráng, trừ cái thời lão ở trung đoàn mà bây giờ vẫn còn bức ảnh chụp lúc đang chuếch choáng và treo ngay bên trên tủ gương.

Khi lão Henrouille xuống nhà, Robinson mới cho tôi biết nỗi băn khoăn của hẳn lúc này là không bao giờ nhận khoản mười nghìn quan họ đã hứa... “Thực ra thì cũng đừng quá trông mong vào chuyện ấy!” tôi bảo hẳn, để chuẩn bị cho hẳn thấy trước được sẽ thêm nỗi thất vọng này nữa.

Những hạt chì nhỏ của quả pháo bây giờ mới nổi lên mấp mé bờ các vết

thương. Mỗi ngày tôi chỉ nhổ lấy ra được vài hạt mà cũng làm cho hần rất đau, vì phải đục vào màng kết mạc ở phía trong mí mắt.

Chúng tôi đã ra công giữ gìn cẩn thận nhưng xóm giềng cũng đã bắt đầu bàn tán đủ điều tầm bậy. Cũng may là Robinson không hay biết gì về những lời bàn tán ấy, nếu không thì hần chỉ càng ồm thêm. Khởi nói, chúng tôi biết mình đang bị bao quanh bởi những sự nghi ngờ. Mụ con dâu Henrouille có giảm bớt tiếng động trong nhà bằng cách đi lại bằng giày vải. Không ai tin được mụ nhưng mụ thì ở ngay cạnh chúng tôi.

Đã sa vào giữa bãi đá ngầm thì điều nghi ngờ nhỏ nhất lúc này cũng đủ lật chìm tất cả chúng tôi. Tất cả sẽ đi tới gãy vụn, vỡ toác, nhào nhoét, bầy hết ra trên bến. Robinson, bà cụ, quả pháo, con thỏ, đôi mắt, gã con trai huyền hoặc, mụ con dâu sát nhân, với những rác rưởi và vô sỉ của chính họ, tất cả sẽ tự chềnh bầy ra trước mắt những kẻ tò mò run rẩy. Tôi chẳng tự hào gì. Không vì tôi là kẻ chẳng phạm tội gì xác thực. Không. Tuy vậy tôi cảm thấy mình cũng có tội. Tôi có tội trước nhất là trong thâm tâm muốn để mặc tất cả chuyện đó cứ tiếp diễn. Và ngay cả chuyện tôi không thấy có gì là bất tiện nếu tất cả sẽ cùng nhau đi dạo càng lúc càng xa hơn vào đêm tối.

Trước hết, cũng chẳng phải đợi mình mong muốn, cái đó tự nó đang một mình tiến bước kia rồi, mà lại còn gấp gấp nữa.

Người giàu chẳng cần tự họ giết người để kiếm miếng ăn. Mà họ khiến người khác làm việc ấy, chứ người giàu có bao giờ tự tay làm điều xấu đâu. Họ chỉ bỏ tiền ra trả thôi. Người ta làm mọi việc hợp ý muốn của họ và tất cả đều bằng lòng. Trong khi các mục vợ họ xinh đẹp, thì vợ người nghèo xấu xí. Đó là kết quả của nhiều thế kỷ, điểm trang hãy để ra một bên. Đẹp để kháu khỉnh, ăn uống đầy đủ, tắm táp sạch sẽ. Từ khi có cuộc sống đến giờ thì cũng chỉ đến thế mà thôi.

Còn lại là những kẻ hoài công lao vào cái ác, sa sẩy, trượt ngã, rơi tõm vào rượu cồn, là thứ để lưu giữ cả người sống lẫn người chết, và cuối cùng chẳng đi đến đâu. Cái đó đã được chứng minh rõ ràng. Từ biết bao thế kỷ nay, ta có thể thấy những bầy gia súc của ta sinh nở, cực nhọc và gục chết trước mắt ta, mà cũng chẳng bao giờ đạt được cái gì ghê gớm phi thường, ngoài việc không ngừng lặp lại y nguyên sự thất bại vô vị của biết bao những con gia súc khác để lại cho chúng. Lúc nào cũng có những đợt sóng liên tục những sinh vật vô dụng từ tận cùng các thời đại kéo đến chết trước mắt chúng ta, thế mà ta cứ đứng đó để hoài vọng sự đời... Kể cả nghĩ đến cái chết như người ta nghĩ cũng chẳng hay ho gì.

Các mục vợ nhà giàu được nuôi dưỡng tốt, được dỗ dành, được nghỉ ngơi, nên xinh đẹp. Thật thế. Dầu sao chỉ bấy nhiêu có lẽ cũng đủ rồi. Ai biết được. Có thể đó ít nhất cũng là lý do để tồn tại.

- Cậu có thấy đàn bà con gái ở Mỹ xinh đẹp hơn ở đây không? Robinson hỏi tôi. Từ khi giờ chúng lục lọi kỷ niệm về những ngày lưu lạc, hắc đâm ra tò mò cả đến chuyện đàn bà.

Hồi này tôi đến thăm hắc có thừa hơn, vì mới được giao phụ trách một trạm y tế nhỏ chuyên khám chữa những người bị bệnh lao ở quanh vùng. Cũng phải nói thẳng ra rằng, công việc này mỗi tháng mang lại cho tôi tám trăm quan. Bệnh nhân thì cũng vẫn toàn những người trong vùng mà tôi thường khám chữa, những người của cái làng mà tôi chẳng bao giờ giữ được

hết bùn, kẹt trong những đồng rác, loanh quanh những đường mòn nơi những đứa con gái còn nhỏ tuổi đã sớm tinh ranh láu lỉnh, trốn học ra kiếm từ mấy kẻ cuồng dâm nào đó lấy hai mươi xu (một quan), vài lát khoai rán và cả bệnh lậu nữa. Xứ sở của điện ảnh tiền phong, nơi các đồ lót bắn đầu độc cả những cành cây và tất cả mọi cây rau xà lách đều đắm nước đái những tối thứ bảy. Trong lĩnh vực của mình, suốt mấy tháng thực hành chuyên khoa vừa qua, tôi chưa đạt được kỳ công nào. Mà mình thì rất rất cần những kỳ công. Nhưng các khách bệnh của tôi lại chẳng cần biết tôi có lập được hay không những kỳ công, mà ngược lại, họ dựa vào cái bệnh lao ấy để có thể thoát từ nỗi khổ tuyệt đối mà họ luôn luôn phải ngụp lặn sang nỗi khổ tương đối nhờ khoản trợ cấp ít ỏi của chính phủ. Họ giữ cho đờm dãi luôn luôn mang dương tính suốt từ chiến tranh đến giờ. Họ gầy nhom vì sốt lại còn vì ăn ít, nôn ọe nhiều, nốc lảm vang và vẫn phải lao động, ba ngày thì một ngày lao động, thật thế. Hy vọng vào trợ cấp ám ảnh họ cả thể xác lẫn tâm hồn. Một ngày nào đó, trợ cấp có thể đến với họ như một ân huệ, miễn là họ còn đủ sức mà chờ đợi thêm một ít trước lúc sức cùng lực tận. Sẽ không hiểu được thế nào là khắc khoải chờ mong chừng nào anh chưa được quan sát những người nghèo chờ mong khắc khoải món trợ cấp mà họ hy vọng.

Chiều chiều và suốt nhiều tuần, họ qua đó để hy vọng, ở ngay cửa, ngay, thêm cái phòng y tế khốn khổ của tôi, kệ trời mưa ở bên ngoài, họ khuấy lên những niềm hy vọng về những phần trăm, những khát khao đờm dãi được chứng thực mang vi trùng lao, những đờm dãi thực sự, “trăm phần trăm” là đờm dãi ho lao. Còn việc chữa bệnh thế nào thì hãy để đấy, nhận được phần trợ cấp như hy vọng đã, tất nhiên họ cũng nghĩ đến chữa bệnh, nhưng nghĩ chừng nào thôi, không bằng khát vọng được hưởng trợ cấp, dù là trợ cấp tí xíu, bất kể điều kiện ra sao họ cũng sống đến hoa mắt lên rồi. Trong đầu óc họ không còn có gì khác, ngoài nỗi ước mong đó, một nỗi ước mong ngoan cường, tối hậu, mà những mong muốn nhỏ bé khác cho đến cả cái chết nữa đối với họ sẽ chỉ còn là thứ yếu, chỉ là một rủi ro thể thao không hơn không kém. Cái chết bất quá chỉ là chuyện vài giờ, có khi chỉ vài phút, còn trợ cấp

cũng giống như nổi khổ, nó kéo dài cả đời mình. Những kẻ giàu say sưa theo lối khác và không thể hiểu được những cơn cuồng nhiệt về an sinh này. Giàu có, là một thứ say khác, là quên lãng. Chính vì thế mà người ta trở nên giàu, để quên đi.

Tôi cũng bỏ dần cái thói quen hứa hẹn sức khỏe với các bệnh nhân của mình. Cái triển vọng được mạnh khỏe không làm cho họ vừa lòng lắm đâu. Chung quy thì khỏe mạnh là điều cực chẳng đã. Khỏe mạnh để lao động, rồi sau thì sao? Trong khi món trợ cấp của Nhà nước, dù ít ỏi, thì cũng là tuyệt vời, đơn giản thế thôi.

Đã không có tiền để cho người nghèo thì tốt nhất là ngậm miệng lại. Chứ nói gì với người nghèo ngoài đồng tiền, hầu như luôn luôn chỉ là đánh lừa, là nói dối. Kẻ giàu thì dễ vui thú lắm, ví dụ như chỉ cần đứng trước gương mà ngắm nghía cũng đủ thích rồi, vì trên đời này chẳng còn ai đáng ngắm hơn những kẻ giàu. Để tăng lực cho họ, cứ mười năm một lần, người ta lại nâng lên một nấc cho mấy anh giàu trên cái cung bậc Bắc đẩu bội tinh, và thế là họ lại bận bịu được mười năm nữa. Chỉ có thế thôi. Đám khách bệnh của tôi, họ toàn là những người ích kỷ, nhưng người nghèo, những người chỉ nghĩ đến vật chất co cụm lại trong những ý đồ thấp kém để hòng rút lui, bằng cục đờm lẫn máu và dương tính. Họ bất cần những cái còn lại. Ngay cả thời tiết bốn mùa họ cũng không coi vào đâu. Thời tiết thế nào cũng mặc, họ chỉ cần biết cơn ho và bệnh tật mang lại cho họ cái gì. Mùa đông chẳng hạn, cảm cúm nhiều hơn mùa hè, nhưng mùa xuân lại dễ ho ra máu hơn và nóng nực có thể giúp người ta mỗi tuần sụt được vài ba cân... Đôi khi tôi nghe họ nói với nhau, nhưng cứ tảng lờ như đang mãi việc và chờ lượt họ. Họ chụp lên tôi những điều khủng khiếp không sao kể hết và những lời dối trá vượt hẳn sức tưởng tượng. Cái gì khuyến khích họ nói xấu tôi đến thế, tôi không biết được sự dửng dưng cảm bí hiểm nào đã thúc đẩy họ càng trở nên nhẫn tâm, ương ngạnh và độc ác đến thế để cố mà giữ được mạng sống vững hơn. Nhưng cũng phải tin rằng, nói xấu, miệt thị, đe dọa như vậy, có lẽ lại là tốt với họ. Dù sao, tôi vẫn làm hết sức mình, bằng tất cả mọi cách, để cho họ được dễ chịu, tôi đứng

về phía họ, và tôi cố giúp ích cho họ, tôi cho họ nhiều i-ốt họ có thể khắc ra những con vi trùng lao ghê tởm nhưng lại không vì thế mà ảnh hưởng đến ý đồ của họ... Trước mặt, tôi hỏi gì thì họ tươi cười như những gia nhân, nhưng họ không ưa gì tôi, trước hết vì tôi làm những điều tốt cho họ, kể đó là do tôi đã không phải kẻ giàu có mà họ lại được điều trị không mất tiền, điều đó chẳng hay ho gì đối với một người bệnh dù đang là kẻ hưởng trợ cấp. Sau lưng thì chẳng còn thiếu những chuyện bậy bạ họ kháo nhau về tôi. Nào là tôi không có xe ô tô như phần đông các thầy thuốc khác trong vùng, họ nghĩ thầy thuốc mà đi bộ có khác gì một thằng què. Các bệnh nhân của tôi, cứ bị kích động lên một tí, mà các đồng nghiệp của tôi lại không bỏ lỡ cơ hội, thế là có thể nói rằng họ trả thù tất cả sự tử tế của tôi, trả thù sự giúp đỡ tận tụy của tôi. Rồi thì tất cả cũng trở thành chuyện bình thường. Dù thế nào thì thời gian cũng cứ trôi qua.

Một buổi tối, khi phòng đợi của tôi hầu như chẳng còn ai, một vị linh mục bước vào hỏi gặp tôi. Tôi không quen biết ông linh mục này, suýt nữa thì tôi đuổi khéo ông ta. Tôi không thích các cha cố, tôi có lý do của tôi, nhất là từ lần bị họ chơi một võ lên con thuyền ở San Tapeta ^[121*]. Tôi cố mãi mà không sao nhận ra, để trách mắng cho một trận có sở cứ hằn hoi. Thật quả là tôi chưa hề gặp ông ta bao giờ. Tuy thế, ông này hằn cũng như tôi, thường hay đi lại trên đường phố Rancy vào lúc đêm hôm, vì ông ta cũng quanh quất đâu đây. Cũng có thể mỗi lần thấy tôi là ông né tránh. Tôi nghĩ thế. Tóm lại là có thể người ta đã bảo cho ông biết tôi không ưa các linh mục. Điều đó có thể nhận thấy qua cái nhìn len lén của ông ta khi mở đầu câu chuyện. Vậy ra chúng tôi chưa hề xô lẫn nhau chung quanh các bệnh nhân. Ông cho biết, ông phụ trách một nhà thờ ở gần đó từ hai chục năm nay. Con chiên có hàng đàn, nhưng chẳng mấy người cũng tiền cho ông. Gần như một kẻ ăn xin. Sự tình này đã làm cho chúng tôi xích lại gần nhau. Chiếc áo thầy tu phủ lên người ông như một tấm chăn rất bất tiện cho những cuộc đi dạo trong những khu phố bát nháo này. Tôi nhận xét với ông và còn nhấn mạnh vào sự bất tiện quá thể của thứ đồ lễ linh kinh như vậy. Ông trả lời:

- Rồi cũng quen đi thôi!

Nhận xét xấu xược của tôi không làm ông khó chịu mà ông còn tử tế hơn. Tất nhiên là ông có điều gì muốn nói với tôi. Giọng ông không cao quá cái lối rĩ rả tâm tình đơn điệu, theo thói quen nghề nghiệp, ít nhất cũng như tôi hình dung. Trong lúc ông nói năng cân nhắc rào đón, thì tôi cố thể hiện tất cả những gì ông linh mục này tiến hành mỗi ngày để kiếm đủ số ca-lo cho mình, với hàng đồng những nhân nhó và những hứa hẹn cũng y như tôi... Và để cho vui, tôi còn hình dung ra ông ta trần trụi đứng trước ban thờ... Ta phải tập cho quen việc chuyển vị những người đến thăm mình ngay từ cái phút đầu tiên như thế mình sẽ nhanh chóng biết rõ họ, nhận biết ngay được trong bất cứ nhân vật nào cái thực tại của một con người quá quắt và ham hố. Thật là một trò tưởng tượng hay ho. Cái uy thế tồi tệ của anh ta sẽ tiêu tan, sẽ bốc hơi. Trần trùng trục, anh ta chỉ còn như cái bị ăn mày khốn khổ nhưng vênh váo huênh hoang, lúng ta lúng túng lấp ba lấp bấp một cách vô bổ theo cách này hay cách khác. Chẳng có gì cưỡng lại được sự thử thách đó cả. Nháy mắt là lại thấy ngay. Chỉ còn những ý niệm, mà ý niệm thì có làm cho ai sợ bao giờ. Với những ý niệm thì chẳng mất gì, đâu lại vào đó. Nhưng, đôi khi cũng khó chịu đựng nổi cái uy thế của một người ăn mặc tử tế. Anh ta cất giấu bên trong áo quần đầy những thứ hôi hám và những điều bí ẩn.

Răng của ông linh mục đã sâu cả, hôi hôi, đen đen, bám đầy bọt xanh bọt vàng, tóm lại là ông ta đã bị viêm khớp răng có mủ. Tôi định nói với ông ta về chuyện viêm răng, nhưng ông ta còn mãi kể lể những chuyện của mình. Càng nói thì nước rãi càng ứa ra theo cái lưỡi ông đùn đẩy vào những hốc răng gãy. Những khe răng sâu làm xước đầu lưỡi ông đến rớm máu.

Tôi có thói quen và cả cái thú quan sát tỉ mỉ và sâu kín ấy. Khi ta dừng lại theo cách ví dụ như cách hình thành và phát ra các từ thì các câu chữ của ta không còn chống đỡ nổi với tai họa của sự trang trí nhòe nhoẹt những dải dốt. Nỗ lực cơ học của chúng ta trong đàm thoại còn phức tạp và khó nhọc hơn cả việc bài tiết. Cái hố mồm ấy co co giật giật để thổi hơi ra, hít hơi vào, vùng vẫy, đẩy ra tất cả những thứ âm thanh lè nhè qua rào chắn của những chiếc

răng sâu hôi thối, quả là một sự trừng phạt! Cái mà mình được lệnh phải chuyển vị thành lý tưởng là thế đó. Thật là khó. Bởi lẽ chúng ta chỉ là những khối khếp kín chứa những lòng ruột âm ẩm và thối rữa, nên luôn luôn khó khăn đối với tình cảm. Yêu đương thì chẳng sao nhưng chung sống với nhau thì khó đấy. Đã là rác rưởi thì chẳng mong tìm cách tồn tại mà cũng không mong sinh sôi nảy nở. Ở đây, tại điểm này, chúng ta đúng là khổ sở hơn cục cứt, đã thế mà còn cứ gào rống lên bền gan vững chí thì quả là một sự tra tấn đến khó tin.

Dứt khoát là chúng ta chẳng tôn thờ cái gì linh thiêng hơn mùi vị của chính mình. Tất cả nỗi khổ của chúng ta đều bắt nguồn từ cái mà chúng ta bằng mọi giá, năm này qua năm khác, phải núp trong những Jean, Pierre hay Gáston. Thế xác chúng ta, ngụy trang với những phân tử xáo động, vô vị, lúc nào cũng nổi lên chống lại cái trò hề tồi tệ bắt phải tồn tại. Những phân tử ấy của chúng ta muốn tan biến đi cho mau vào cái vũ trụ của những cô nàng kháu khỉnh! Những phân tử ấy đau đớn chỉ vì buộc phải là “chúng ta”, những kẻ bị cầm sừng vô tận. Nếu có can đảm thì ta có thể nổ tung ra rồi, nhưng lại cứ lần khần hết ngày này sang ngày khác. Sự tra tấn thân yêu của chúng ta, cái vật li ti ấy, bị nhốt lại đó, ngay trong da thịt, với sự kiêu hãnh của chúng ta.

Trong lúc tôi im hơi lặng tiếng, rụng rời bởi sự khơi gợi những cái ô nhục sinh vật học như thế, ông linh mục tưởng đã chi phối được tôi, ông tận dụng cơ hội để tỏ cho tôi thấy ông là con người khoan dung và còn thân mật nữa. Tất nhiên là ông đã dò hỏi về tôi từ trước. Với những dẫn đo thận trọng, ông tinh khôn đề cập đến chuyện tiếng tăm của tôi về y học. Ông cho tôi thấy rằng, giá như tôi làm hoàn toàn khác, ngay từ những tháng đầu hành nghề ở Rancy, thì danh tiếng của tôi còn có thể nổi lên hơn.

- Ông bác sĩ thân mến ơi, ta đừng bao giờ quên rằng, về nguyên tắc, bệnh nhân là những người bảo thủ... Cái đó dễ nhận ra lắm. Họ ngờ cả đến trái đất và bầu trời này cũng sẽ chẳng còn với họ nữa.

Theo ý ông, lẽ ra tôi đã phải ngay từ đầu gắn bó với Nhà thờ. Đó là kết

luận của ông cả về mặt tinh thần lẫn thực tiễn. Ý kiến ấy không tồi. Tôi cố kìm mình không cắt lời ông, nhưng cũng sốt ruột chờ đợi chủ đề chính của cuộc thăm viếng này.

Trong những lúc buồn buồn và kín đáo như thế này thì chẳng còn mong gì hơn là gặp được thời tiết như ở bên ngoài bây giờ. Có thể nói rằng thời tiết rất xấu, vừa lạnh, vừa nặng nề, bước ra đường là chẳng còn thấy được phần còn lại của thế gian, có lẽ đã tan chảy cả ra rồi.

Chị y tá của tôi cũng đã ghi hết các bệnh lịch, tất cả, đến cái cuối cùng. Chị không còn lý do gì để phải ở lại đó nghe chúng tôi chuyện trò với nhau. Chị ra về, nhưng rõ ràng là bức dọc, chị sập mạnh cửa lại phía sau mình và lao vào cơn mưa dữ dội.

Trong cuộc nói chuyện, ông cha xứ cho biết tên là linh mục Protiste. Qua những ngập ngừng, ông cho tôi hay rằng từ ít lâu nay ông đã cùng mẹ con dâu Henrouille chạy chọt để tìm chỗ ở cho bà cụ và Robinson, cả hai với nhau, tại một cộng đồng tôn giáo, chỗ nào không tốn kém lắm. Vẫn còn đang tìm.

Nhìn kỹ ông ta, linh mục Protiste, có lẽ cùng lắm thì cũng chỉ như một nhân viên nhà hàng như những người khác, cũng có thể như một trưởng gian hàng, mềm nhún, tai tái và được phơi đi sấy lại có đến trăm lần. Ông ta thật sự là một con người bình dân bởi sự khúm núm quanh co của mình. Cũng bởi cái hơi thở nữa. Tôi không thể nào lẫn lẫn các hơi thở được. Đó là một người hay ăn quá vội và uống rất vang trắng.

Ông kể lại rằng, ít hôm sau vụ mưu sát, mẹ con dâu Henrouille thoát đầu đến tận nhà xứ tìm ông để nhờ kéo họ ra khỏi tình cảnh rắc rối tồi tệ mà họ nhúng vào. Tôi cảm thấy, trong khi tìm cách bào chữa, phân trần, ông có phần hồ thẹn trong sự cộng tác này. Đối với tôi, chẳng cần gì phải mầu mè. Biết cả rồi. Ông ấy đến tìm chúng tôi vào lúc đêm hôm. Tất cả là thế. Dầu ông ấy là cha xứ thì cũng kệ! Một thứ táo tợn bẩn thỉu cũng đã choán dần linh hồn ông ấy, với tiền bạc. Thây kệ! Đến lúc cả cái trạm y tế của tôi chìm hẳn vào yên lặng và bóng đêm đã trùm kín khắp vùng, ông ta mới hạ thấp hẳn giọng xuống để cho tôi nghe rõ những điều thầm kín, chỉ mình tôi thôi. Tuy thế ông cũng hoài công thầm thì, tất cả những gì ông kể lại tôi thấy dầu thế nào thì cũng quá lớn, không chịu nổi, có thể vì cái yên lặng bao quanh chúng tôi và trong đó chứa đầy những âm vang. Có thể chỉ đối với một mình tôi? Suyt! thỉnh thoảng, giữa những lời ông thốt ra, tôi lại có ý nhắc. Do sợ hãi, hai môi tôi hơi run run và cứ mỗi câu tôi lại phải ngừng lại suy nghĩ.

Ông cha xứ ấy đã liên kết với chúng tôi trong nỗi hiểm nghèo, bây giờ ông không còn biết làm thế nào để đưa tiếp cả bốn người chúng tôi vào trong đêm đen. Một nhóm nhỏ đây. Ông muốn biết trong cuộc phiêu lưu này đã có bao

nhieu người rồi? Chúng tôi đã đi đến đâu rồi? Ông cũng thế, để có thể nắm tay những người bạn mới đến mục tiêu cuối cùng thì chúng tôi liệu có phải tất cả cùng nhau đến đích hay không. Bây giờ đã cùng nhau trong một hành trình. Ông cha xứ có lẽ sẽ phải tập cho quen đi đêm như chúng tôi, như những người khác. Ông còn va vấp. Ông hỏi tôi cách giữ thế nào cho khỏi ngã. Nếu sợ thì ông đừng đến nữa! Ta sẽ cùng nhau đến tận cùng và sẽ biết được ta đi tìm cái gì trong cuộc phiêu lưu.

Cuộc sống là thế, một mẩu ánh sáng tắt ngóm trong đêm tối.

Thế rồi, có thể là họ sẽ chẳng bao giờ biết được, chẳng bao giờ tìm được cái gì. Cái chết đúng thế đấy!

Tất cả trong lúc này là mò mẫm tiến bước. Vả lại, dù có ở đâu thì cũng không thể lùi được nữa. Không còn gì để lựa chọn. Cái công lý bản thiêu của họ với những đạo luật ở từng góc hành lang. Mụ con dâu Henrouille nắm tay bà cụ, còn lão con trai và tôi nắm tay hai người, Robinson cũng thế. Chúng tôi kết lại với nhau. Đúng thế. Tôi giải thích ngay tất cả với ông cha xứ. Và ông ta hiểu ra.

Tôi cũng nói với ông ta và nhấn mạnh thật rõ ràng rằng, đã đến nước này thì dù muốn dù không, cái tốt nhất là chớ có làm cho ai nấy ngạc nhiên và phơì trần ra trước mắt người qua đường. Có gặp ai thì cũng cứ giả bộ như đi dạo chơi, cứ làm như không. Lệnh là thế. Phải giữ cho thật tự nhiên. Thế là bây giờ ông cha xứ biết hết, hiểu hết. Đến lượt ông, ông bắt tay tôi thật chặt. Ông cũng không tránh khỏi rất sợ hãi. Đó là bước khởi đầu. Ông ngần ngại, ông lúng túng như một kẻ ngây thơ. Chúng tôi đang trong tình trạng chẳng có đường đi, chẳng có ánh sáng, chỉ còn những bước lò dò thận trọng, đùn đẩy nhau, mà cũng chẳng còn tin được bao nhiêu vào những bước chân của mình. Những lời người ta nói ra để trấn an nhau cũng chẳng lọt được vào tai. Âm vang chẳng đáp lại cái gì, chúng tôi đã thoát ly Xã hội rồi. Cái sợ chẳng nói có cũng chẳng nói không. Nó nắm lấy tất cả những gì mình nói, những gì mình nghĩ.

Trong những trường hợp ấy, cái sợ cũng không làm mình càng mắt ra

trong đêm tối. Đó là nỗi khiếp sợ thất bại, tất cả là thế. Đêm tối đã chiếm đoạt tất, cả những cái nhìn. Người ta trở thành trống rỗng vì nó. Dù sao cũng phải nắm chắc lấy tay nhau, không thì ngã đấy. Những người của ban ngày không còn hiểu được anh đâu. Ta bị tách khỏi họ bởi tất cả cái sợ và sẽ chịu chết gì ở đây cho đến lúc cái sợ chấm dứt theo cách này hay cách khác, và khi ấy ta có thể theo kịp mấy đứa khốn kiếp của cái thế giới này trong cái chết hay trong cuộc sống.

Ông cha xứ chỉ phải giúp chúng tôi trong lúc này và ông cũng cuống cà kê lên, đó là việc của ông. Hơn nữa ông đến cũng chỉ nhằm có thể, nhằm vào việc đầu tiên là gắng làm sao thu xếp gấp rút nơi trú ngụ cho bà cụ Henrouille, và đồng thời cho cả Robinson, ở chỗ các bà xơ dưới tỉnh. Cái mẹo này xem ra có khả năng, cả cho tôi nữa. Chỉ có điều là phải chờ nhiều tháng mới có được chỗ trống, mà chúng tôi thì không thể nào chờ được nữa. Thôi!

Mụ con dâu nói rất đúng, sớm sửa là hay nhất. Đi thôi! Tìm cách khác! Thế là Protiste lại mò mẫm cách dàn xếp khác. Cách này thật là tài tình, tôi đồng ý ngay. Trước hết, cách này mang lại một món hoa hồng cho cả hai người, ông cha xứ và tôi. Sự dàn xếp này phải được thỏa thuận không chậm trễ và tôi sẽ giữ một vai trò nhỏ trong đó. Tức là phải làm sao thuyết phục được Robinson chịu theo xuống miền Nam, khuyên bảo cậu ta nhẹ nhàng thân ái nhưng cũng có phần thúc ép nữa.

Không biết hết được chiều sâu cũng như mặt trái của cái mưu mẹo mà ông cha xứ gợi ra, có lẽ tôi sẽ phải có những dè dặt nhất định, ví dụ như dự phòng một vài bảo đảm cho anh bạn... Bởi vì, nghĩ đi nghĩ lại, tôi thấy cái mưu mẹo của ông Protiste này nó kỳ kỳ. Nhưng tình thế đã gấp quá rồi, điều cốt tử bây giờ là không được kéo dài thời gian nữa. Tôi hứa hẹn với họ tất cả những gì họ muốn, sự hỗ trợ và giữ kín tiếng. Lão Protiste xem ra đã quá quen với những tình thế tế nhị kiểu này và tôi cảm thấy ông ta có thể giúp tôi thực hiện mọi việc dễ dàng.

Bắt đầu từ đâu bây giờ? Trước hết phải tổ chức cuộc khởi hành kín đáo

xuống miền Nam. Nhưng Robinson sẽ nghĩ gì về việc xuống miền Nam? Lại còn đi cùng với bà cụ mà hãn suýt đã giết chết... Tôi sẽ năn nỉ hãn... Thế thôi!... Hãn phải đi... với đủ mọi lý do, tất nhiên không phải đều tốt, nhưng vững chắc cả.

Nói về nghề ngỗng kỳ cục thì đây là một nghề người ta vừa tìm được cho hãn và cho cả bà cụ ở dưới miền Nam. Ở Toulouse. Một thành phố xinh đẹp! Người ta sẽ thấy cái thành phố ấy! Ta sẽ gặp họ ở dưới ấy! Tôi hứa là sẽ đi Toulouse ngay sau khi họ được yên chỗ, tại nhà họ, tại chỗ họ làm và tất cả.

Kể nghĩ thì cũng thấy hơi lo vì Robinson phải đi xuống đó quá sớm nhưng cùng lúc tôi lại thấy khá là vui, nhất lại do đây là lần đầu tôi vớ được một món hời. Họ sẽ có thể trả tôi một nghìn quan. Đã thỏa thuận với nhau. Tôi chỉ còn việc khuyến khích Robinson rằng xuống miền Nam khí hậu tốt hơn đối với những vết thương trên mặt hãn, rằng chẳng còn chỗ nào hơn để hãn kiếm tiền dễ dàng như thế. Đó là cách để hãn đi đến quyết định.

Sau năm phút nghiền ngẫm, ngay bản thân mình cũng tin là đúng và thấy như thế là cuộc gặp gỡ có tính quyết định đã chuẩn bị kỹ được rồi. Phải rèn thép ngay khi còn nóng, ý tôi là thế. Xét cho kỹ thì dưới ấy cũng không đến nỗi tồi hơn trên này. Suy nghĩ lại, càng thấy ý kiến của lão Protiste này thật là chí lý. Mấy ông cha cổ này dầu sao cũng biết cách giúp anh dập tắt những vụ bê bối tệ hại.

Họ giao cho Robinson và bà cụ làm một việc so với các việc khác chẳng có gì là tồi. Nếu tôi hiểu không sai, thì đó là một căn hầm chứa những xác ướp. Người ta để cho khách du lịch xuống thăm căn hầm dưới một ngôi nhà thờ, với một khoản quyền góp nhỏ. Lão Protiste đảm bảo với tôi đó là một công việc thật sự. Tôi hầu như tin được ngay và có phần ganh tị nữa. Không phải ngày nào người ta cũng khai thác được ở người chết.

Tôi khóa cửa trạm y tế, cùng ông cha xứ, cả hai cả quyết lên đường, vượt qua mấy vùng lầy, đến gia đình Henrouille. Muốn mới có mới. Chứa chan hy vọng một nghìn quan! Tôi đã thay đổi suy nghĩ của mình về ông cha xứ. Đến nơi, chúng tôi gặp hai vợ chồng Henrouille đang ở bên Robinson trong căn

phòng trên gác. Nhưng sao Robinson lại thế kia! Vừa nghe tiếng tôi bước lên, hắn làm cho tôi giật mình và cảm thấy có chuyện gì đang xảy ra với hắn.

- Cậu đấy à?... Có thật thế không?... Hắn hồi hả hỏi tôi.

Và rồi không còn để cho tôi kịp nói lời nào, hắn đã khóc lóc sụt sùi. Vợ chồng Henrouille ra hiệu cho tôi, trong lúc hắn cầu cứu. Tôi nghĩ bụng: “Thật là rắc rối! Họ lại quá vội vã rồi!... Cứ luôn luôn là vội! Sao việc chưa chín mà họ đã nói toạc ra thế này?.. Chẳng có chuẩn bị gì cả sao? Chẳng chờ tôi hay sao?...”

Thật may là tôi đã nén lại được, không nói ra cái ý nghĩ ấy. Robinson cũng thế, hắn chẳng đòi hỏi gì hơn. Thế là đủ. Ông cha xứ cứ quần quanh ngoài hành lang không dám vào phòng. Cuối cùng thì mẹ con dâu cũng mời ông ta:

“Mời cha, xin mời cha vào! Cha đừng lo chật chội! Cha sẽ bất ngờ trước một gia đình khốn khổ lại gặp hoạn nạn đó, thưa cha!... Một ông thầy thuốc và một vị linh mục!... Phải đâu những lúc đau đớn trong đời, ai cũng luôn luôn gặp được như thế này?” Mẹ ta nói liền thoảng. Chính những niềm hy vọng mới mẻ thoát ra được nỗi cay cực và tăm tối đã khiến cho con mẹ độc ác ấy ăn nói văn vẻ trữ tình theo cách bản thiêu của mẹ.

Ông cha xứ bối rối đánh mất tất cả mọi khả năng của mình và ấp a ấp úng đứng ì ra xa xa bệnh nhân. Cái lúng túng xúc động của ông truyền vào Robinson khiến hắn ta nổi cáu gào tướng lên:

- Họ đánh lừa mình! Tất cả bọn họ đánh lừa mình!

Mà mới toàn những ba hoa bép xép, mới chỉ những chuyện bên ngoài, những cơn xúc động. Luôn luôn là như thế. Nhưng những cái đó lại càng thôi thúc tôi liều lĩnh. Tôi kéo mẹ vợ Henrouille ra một góc nhà và thẳng thắn mặc cả với mẹ, vì tôi biết rằng người duy nhất ở trong kia có khả năng kéo vợ chồng mẹ ra thoát thì lúc này còn đang ngắc ngứ chưa dứt khoát thực hư. Tôi bảo mẹ cứ ứng trước một phần tiền đi đã, ứng ngay bây giờ. Đã không còn tin cậy nhau thì cũng chẳng việc gì phải ngượng mồm, người ta thường bảo thế. Mẹ ta hiểu và giúi luôn vào tay tôi một tờ bạc nghìn quan, tiếp luôn một tờ nữa cho chắc chắn. Tôi tỏ cho mẹ thấy là mình có uy thế đối với hắn.

Ngay khi đang ở đó, tôi quyết định Robinson ngả theo việc đi xuống miền Nam.

Người ta sẽ nhanh chóng nói như thế là phản bội. Phải tranh thủ cơ hội đi đã. Cũng như mở cái cửa sổ nhà lao, là phản bội. Ai cũng muốn việc đó, nhưng hiếm người làm nổi.

Một khi Robinson đã rời Rancy, tôi thấy rõ cuộc sống khởi động trở lại, ví dụ như số bệnh nhân đến đông hơn thường lệ một ít, rồi lại chẳng có người nào. Thoạt đầu là do xảy ra nạn thất nghiệp, nạn khủng hoảng ở các vùng lân cận, mà cái đó là tai hại nhất. Thế rồi thời tiết đang mùa đông mà lại dịu ấm và khô ráo, trong khi đối với nghề y chúng tôi cần khí hậu ẩm ướt và giá lạnh. Cũng chẳng có dịch bệnh gì cả, thật là một mùa trái khoáy, hỏng hết.

Tôi đã thấy các đồng nghiệp cuốc bộ đi thăm bệnh, nói cho vui thì đó là những cuộc đi dạo, kỳ thật thì họ bức bối bởi lẽ phải dè sẻn không dám dùng đến ô tô. Tôi ra đường chỉ cần khoác cái áo mưa. Không biết có vì thế mà bị một trận cúm dai dẳng? Hay vì tôi có thói quen ăn quá ít? Mọi cái đều có thể đúng. Hay là bệnh sốt rét lại tái phát? Cuối cùng, chỉ vì một cú cảm lạnh nhỏ, đúng vào trước mùa xuân, tôi bắt đầu ho không sao dứt, bị ốm tẽ ốm hại. Một tai họa. Buổi sáng hôm đó tôi không còn thể nào ngóc dậy nổi. Vừa lúc cô thằng nhỏ Bébert qua cửa. Tôi nhờ gọi chị ta. Chị lên nhà. Tôi nhờ chị đi thu hộ một món tiền nhỏ người ta còn nợ trong khu phố. Món duy nhất, món sau cùng. Lấy được nửa món này thì tôi có liệt giường cũng đủ sống được mười ngày.

Trong mười ngày nằm dài ấy, có thì giờ mà ngẫm nghĩ. Tôi quyết định, ngay sau khi bình phục sẽ rời khỏi Rancy. Và lại hai khoản nợ đã quá hạn rồi... Giã biệt bốn món đồ gỗ nữa thôi! Tất nhiên không cho ai biết, tôi sẽ rút êm thôi và người ta sẽ chẳng còn bao giờ thấy tôi ở La Garenne-Rancy. Tôi có thể sẽ ra đi không để lại dấu vết và địa chỉ. Khi con vật khốn nạn, thói tha vây hãm anh, sao còn tranh cãi làm gì? Không phải nói gì hết, cút luôn đi là tinh khôn.

Với tấm bằng của mình, tôi muốn hành nghề ở đâu chẳng được, quả là thế... Nhưng ở nơi khác thì chưa chắc sẽ được dễ chịu hay lại xấu hơn... Tất nhiên là khá hơn lúc ban đầu, rồi lại phải có thời gian để người ta tìm hiểu mình, và bắt đầu hồ hởi với mình hoặc tìm cách hại mình. Chừng nào người

ta còn phải dò tìm cho ra chỗ nào có thể dễ gây hại cho anh, thì anh còn được yên, nhưng đến khi đã nắm được thóp của anh rồi thì lại trở lại y hệt như cũ, đâu cũng thế thôi. Tóm lại, cái thời gian ngắn ngủi, chưa quen biết nhau ở chỗ mới, là cái thời gian dễ chịu nhất. Sau đó lại tái diễn vẫn một trò độc địa. Đó là bản chất của họ. Tất cả là có chờ đợi quá lâu đến tận lúc người ta biết tỏng những nhược điểm của mình. Phải đập chết những con rệp trước khi chúng tìm được các kẽ hở. Đúng không nào?

Còn đối với các bệnh nhân, các khách hàng, tôi cũng không chút ảo tưởng vào họ... Có lẽ ở một khu phố khác họ cũng chẳng kém tham lam, chẳng kém chậm hiểu, chẳng kém hèn hạ như ở đây đâu. Cùng một thứ vang, cùng một thứ xi-nê, cùng những trò đua nhau ngồi lê đôi mách, cùng cái khoản nhiệt tình với sự ỉa đái, từ lỗ mồm xuống lỗ đít, lấy cái đảng kia mà suy cái đảng này thì cũng vẫn cùng một bầy người nặng nề, thôn dã, loăng quăng phía hết chuyện này đến chuyện khác, luôn luôn huênh hoang ác khẩu, buôn lậu, gặp dịp là sừng cồ lên với nhau.

Nhưng, nếu như người bệnh còn biết giở mình trên giường, thì trong cuộc sống, chúng ta cũng có cái quyền được đảo lộn từ sườn bên này sang sườn bên kia, đó là tất cả những gì ta có thể làm và tất cả những gì ta đã tìm được để làm vật phòng vệ chống lại Định mệnh. Chớ có hy vọng quăng được nổi cực nhọc ở đâu đó trên dọc đường. Cái cực nhọc cũng giống như người đàn bà kinh khủng mà mình đã trót lấy làm vợ. Có lẽ thà tìm cách mà yêu thương chút ít còn hơn là suốt đời đánh đập nhau cho mệt xác. Bởi lẽ dĩ nhiên là anh không thể giết vợ, phải không nào?

Dù sao thì tôi cũng vẫn cứ hết sức lặng lẽ rút khỏi căn gác lửng ở Rancy. Đi qua lần cuối cái lều của bà gác cổng, tôi thấy họ ngồi quanh chai vang và đĩa hạt dẻ. Họ không nhìn thấy mà cũng không biết tôi ra đi. Bà ta ngồi gãi, còn ông chồng ngả nghiêng bên bếp lò, đờ người với hơi lửa, có lẽ lão đã uống khá nhiều đến mức màu tím rượu đã làm cho hai mắt nhắm nghiền.

Đối với những con người ấy, tôi lướt vào chốn xa lạ như vào con đường hầm lớn vô tận. Thế là bớt đi được ba người tìm hiểu; dò xét và mưu hại

mình, bây giờ họ không còn biết được mình thế nào rồi. Thế là tốt. Tôi nói ba, vì tính luôn cả con gái họ, con bé Thérèse, bị lên nhọt đầu đanh mừng mủ, do nó ngứa gãi nhiều vì rận rệp. Thật quả là vào nhà các bà gác cổng đến khốn khổ vì rệp cắn, có thể nói y như đi xuyên dần vào một cái bàn chải.

Ngọn lửa ga dài bằng ngón tay ở cổng vào, rọi xuống những người đi trên hè đường và biến luôn họ thành những bóng ma lơ lửng trong cái khung cổng tối om. Rồi họ tiếp tục thay đổi màu sắc, đó đây, trước mỗi khung cửa sổ hay mỗi cột đèn, cuối cùng thì họ cũng như tôi, tan biến vào bóng đêm, tối đen và mềm nhũn.

Cũng chẳng còn cần nhận biết xem ai đang đi trên đường. Tuy vậy, kể cũng hay hay, trong lúc họ tản bộ thế kia, giá tôi có thể giữ họ lại, chỉ một giây ngắn ngủi, chỉ đủ để mà nói với họ, cũng một lần này thôi, rằng tôi, tôi sắp sửa đi biệt tăm biệt tích, đi khá xa, rằng tôi nguyên rủa họ và sẽ chẳng còn anh nào làm gì được tôi, chẳng còn ai mưu hại được tôi...

Đến đại lộ Tự do, những chiếc xe chở rau run rẩy tiến lên phía Paris. Tôi đi theo họ. Tóm lại thì tôi đã gần hoàn toàn rời khỏi Rancy. Cũng chẳng nóng vội gì. Để sưởi ấm, tôi tạt vào lều của cô thằng Bébert. Chiếc đèn của chị tỏa bóng vào tận cuối hành lang. Tôi nghĩ thầm: “Để kết thúc, mình cũng phải chào “tạm biệt” cô thằng bé”.

Chị đang ngồi trên chiếc ghế như thường ngày, giữa những mùi quen thuộc của căn lều, với cái lò nhỏ sưởi cho tất cả, và khuôn mặt già nua của chị lúc nào cũng muốn khóc kể từ ngày thằng cu Bébert mất, rồi trên tường, ngay trên cái hộp khâu, một tấm ảnh học trò của Bébert, khoác tạp dề, đội bê rê và đeo thánh giá. Đây là một tấm ảnh phóng đại do chị mua cà phê được thưởng. Tôi đánh thức chị.

-Ôi, chào bác sĩ, chị giật mình và tôi còn nhớ rõ chị nói gì. Chị nhận xét luôn: Trông bác sĩ như đang mệt! Ông ngồi xuống đây đã... Tôi cũng không khỏe đâu...

-Tôi đang đi dạo một vòng, tôi trả lời để khỏi lúng túng.

-Khuya khoắt thế này mà đi dạo, nhất là lại đi về phía quảng trường

Clichy... Đường ấy vào giờ này là gió rét lắm đấy!

Chị đứng dậy, xiêu bên này xẹo bên kia tìm chanh đường để pha rượu nóng cho cả hai, vừa làm chị vừa nói luôn mọi chuyện, về gia đình Hensuille, và tất nhiên cả về Bébert. Chẳng làm thế nào ngăn chị đừng nhắc đến Bébert vì càng nhắc chị càng thêm đau buồn, chị cũng biết như thế. Tôi ngồi yên nghe đến tê cóng người lại. Chị cố gọi lại với tôi những cái ngoan ngoãn của Bébert, cứ được một quãng chị lại kể lại từ đầu, tất cả mọi tình huống, từ lúc nuôi thằng bé bằng bình sữa thế nào, thế rồi bật nhớ ra thêm một tính tốt gì của nó chị lại trở lại đầu câu chuyện, cho đến cuối cùng không nhớ ra thêm gì nữa chị sụt sùi, bất lực... Chị rơi vào một nhọc. Chị thiếp đi trong tiếng nước nổ. Chị đã không còn sức để tìm lại lâu hơn cái ký ức nhỏ nhỏ về thằng cu Bébert. Bébert chị hằng yêu dấu. Cái hư vô đã đến gần và ít nhiều đã phủ lên ngay người chị. Chỉ một chút rượu pha chanh đường và một chút mệt mỏi và thế là xong, chị ngủ khò khò như chiếc máy bay con con ở phía xa xa đang bị các tầng mây cuốn đi. Chị chẳng còn ai trên trái đất này.

Trong lúc chị ngủ gục thế kia, tôi nghĩ mình ra đi và có lẽ chẳng bao giờ còn gặp lại cô thằng Bébert. Bébert thì đã đi hẳn rồi, mà chẳng phải màu mè gì và thực sự là bà cô nó cũng có thể sẽ đi theo nó, chẳng còn lâu la gì nữa. Tim chị đã yếu, đã già rồi. Nó cố đẩy máu vào các động mạch, nhưng khó đưa vào các tĩnh mạch để trở về tim. Chị sẽ trước hết sang nghĩa trang lớn ngay bên cạnh, nơi những người chết xúm lại thành đám đông sẵn sàng chờ đón. Ở đó chị sẽ chơi với thằng Bébert trước khi nó lại ốm dưới nghĩa trang. Và sau đó thì hết tất cả. Người ta sẽ đến sơn lại căn lều và họ có thể nói rằng họ gỡ được lại cả, giống như những trái bun ^[122*] run rẩy bên miệng hố làm điệu làm bộ trước khi kết thúc. Những trái bun cũng thế, chúng bắn đi rất mạnh và cũng ồn ã lắm, nhưng rút cục thì chúng cũng chẳng biến đi đâu, mà đều tìm về một chỗ. Chúng ta cũng thế thôi, đất chỉ có mỗi một việc, là làm cho tất cả chúng ta tìm lại được nhau dưới đó. Đối với cô thằng Bébert bây giờ chẳng còn xa xôi gì, chị ta hầu như không còn gì mà hăm hở. Nhưng đang còn sống thì làm sao gặp được nhau. Có quá nhiều màu sắc làm cho

mình đang trí và quá nhiều người chuyển động quanh mình. Chỉ còn tìm lại được nhau trong tĩnh lặng, khi đã quá muộn, như những người chết. Tôi cũng thế, còn phải chuyển động, còn phải đi nơi khác. Tôi đã cố làm, cố biết nhưng chỉ hoài công... Tôi không thể cứ ở mãi đây với chị.

Tấm bằng của tôi phồng lên và nhô ra khỏi miệng túi, còn phồng hơn cả tiền bạc và giấy tờ căn cước của tôi trong đó. Trước cửa đồn cảnh sát, tay nhân viên đứng gác đang chờ đổi phiên nửa đêm; anh ta ra sức khạc nhổ. Chúng tôi chào nhau.

Sau cái đèn nhấp nháy ở góc đại lộ, nơi bán xăng, là trạm thu thuế đem hàng vào thành phố, các nhân viên thuế mặc đồng phục lá cây ngồi trong lồng kính. Máy chiếc xe điện không chạy nữa. Đây là lúc hợp thời để chuyện trò về cuộc sống với các nhân viên thuế, về cuộc sống ngày càng khó khăn, đắt đỏ. Họ có hai người, một già một trẻ, gầu trắng xóa trên đầu cả hai, họ cúi xuống những bản kê danh sách và biểu thuế to thế này. Qua những tấm kính của họ, có thể thấy trên bến sông lớn hình bóng những bức tường thành cũ vươn cao trong đêm tối chờ đón những con tàu từ phương xa, những chiến hạm cao quý, mà ta sẽ không còn bao giờ thấy nữa. Chắc chắn là thế. Ta hãy hy vọng.

Tôi với mấy nhân viên thuế chuyện trò tào lao với nhau một lúc, và còn uống với nhau một tách cà phê hâm nóng trên cái lò nhỏ. Họ hỏi giễu, liệu tôi có hay đi du ngoạn trong lúc khuya khoắt thế này, với một gói nhỏ trong tay. “Đúng thế đấy”, tôi trả lời họ. Chẳng cần giảng giải vô ích những điều không mấy bình thường với các nhân viên thuế. Họ không thể hiểu gì hơn. Nhưng cũng có phần bưng bực vì nhận xét của họ, tôi nảy ra ý thích làm cho họ ngạc nhiên, nói liên lấu về trận đánh năm 1816, trận đánh đã lôi cuốn quân cô-dắc vào trận địa bầy sẵn của Napoléon vĩ đại, ở La Barrière, ngay chỗ chúng ta đang đứng đây.

Tất nhiên là câu chuyện được viện dẫn quá lên. Nhưng chỉ bấy nhiêu lời cũng đã thuyết phục được hai kẻ bần tiện ấy bằng trình độ văn hóa hơn trội và sự uyên bác bốc đồng của tôi. Thế là tôi bình tâm đi tiếp về phía quảng

trường Clichy, qua đường phố đó mà đi lên.

Ta có thể nhận ra ở góc phố Các Bà (Rue des Dames) luôn luôn có hai gái điếm lấp ló đón khách. Họ nằm chắc mấy tiếng đồng hồ cùng kiệt này trước lúc trời về sáng. Nhờ có họ mà cuộc sống tiếp diễn trong bóng tối. Họ làm hiệu liên lạc bằng mấy cái ví tay căng phồng toàn những đơn thuốc, mùi soa dùng vào mọi việc và ảnh con cái ở nhà quê. Khi ta sáp lại gần họ trong bóng tối, thì phải coi chừng bởi vì những người đàn bà này cũng chỉ mới đến đó thôi, chừng nào họ đã lười nghề rồi, tức là đã sống hăn hoi ở đó rồi thì chỉ cần trao đổi vài câu là tóm được đủ những gì phải làm đối với họ. Đó là những đầu óc sâu bọ trong những chiếc giày bột-tin cài khuy.

Chớ có nói gì với họ, khi vừa đến gần. Họ tệ lắm. Tôi phải tránh xa, và bắt đầu chạy giữa hai đường ray. Đường phố này khá dài.

Ở ngay cuối phố là tượng thống chế Moncey. Ông vẫn đứng đó bảo vệ quảng trường Clichy từ năm 1816 chống lại những kỷ niệm và lãng quên, mà cũng chẳng chống cái gì cả với một vòng hoa cườm không đắt tiền lắm. Tôi chạy bộ đến được gần ông với 112 năm chậm hơn, qua con đường vắng tanh vắng ngắt. Chẳng còn quân Nga, chẳng còn chiến trận, cũng không có quân cô-dắc, chẳng một mống lính tráng, chẳng còn gì hết trên quảng trường ngoài cái mép bệ mọc dưới đó vòng hoa cườm. Và ngọn lửa từ chiếc lò than nhỏ gần ba quả chuông xung quanh bốc khói cay sè. Chẳng lấy gì làm hay.

Vài cái ô tô chạy vội về mọi ngả.

Lại nhớ đến những con đường lớn, nhớ đến một nơi đỡ lạnh hơn những chỗ khác. Đầu tôi choáng váng vì lên cơn sốt. Ngấm rượu của bà cô thẳng nhỏ lại chạy trước gió lạnh. Cạnh ga métro Saint-Georges, một bà già đội chiếc mũ len khóc than số phận đứa cháu gái ốm nằm nhà thương, bà nói nó đau màng óc. Nhân cơ hội, bà ngỏ ý xin tiền. Bà đã rơi không đúng chỗ.

Tôi cho bà mấy lời khuyên. Tôi cũng kể lại trường hợp thằng bé Bébert và một đứa bé gái khác mà tôi điều trị và chết ở thành phố từ hồi tôi còn đang theo học, cũng bị đau màng óc. Cơn hấp hối của nó kéo dài đến ba tuần lễ và mẹ nó nằm ngay cạnh giường bên cạnh không sao ngủ được vì đau buồn, thế

là mẹ nó cứ phải thủ dâm suốt cái thời gian ba tuần hấp hối của con, không ai ngăn cản được cho đến khi mọi việc kết thúc.

Điều đó chứng tỏ rằng người ta không thể sống, dù chỉ một giây, mà không có lạc thú, và thật khó mà có đau buồn thật sự. Cuộc sống là thế đó.

Tôi và bà cụ đau buồn ấy từ biệt nhau trước cửa nhà hàng Galeries (Latayette). Bà cụ còn phải xuống chợ Halles để giao cà rốt. Bà đi theo con đường của các hàng rau, cũng một con đường như tôi.

Nhưng tôi bị lôi cuốn vào rạp chiếu bóng “Tarapout”. Rạp nằm trên đại lộ như một cái bánh ga tô to tướng bằng ánh sáng. Và người từ khắp nơi kéo đến chen nhau bám quanh như dòi. Họ từ trong đêm tối bò ra để trở mắt lên mà nhòm cho thỏa đủ thứ hình ảnh. Cũng vẫn là những người đi chuyển métro sáng sớm. Nhưng ở đây, trước rạp Tarapout họ thỏa mãn, giống như ở New York người ta đứng gãi bụng trước quầy bán vé, xì ra một ít tiền và ngay lập tức cả quyết cùng nhau vui sướng lao nhanh vào những cái lỗ sáng đèn. Cứ như là bị ánh sáng lột bỏ hết áo quần, mặc dầu trên người họ, những động tác của họ, còn đeo đầy những tràng hoa và những ngọn đèn nữa. Đã vào đây thì không ai còn có thể nói đến chuyện riêng tư, cũng như là hoàn toàn trái ngược với đêm tối ở bên ngoài.

Tôi cũng khá ngây ngất, thế là phải tìm ra một tiệm cà phê gần đó. Ngay bàn bên cạnh, tôi nhìn thấy rõ ràng Parapine, thầy cũ của tôi, đang nhâm nhi vại bia vẫn gàu bám đầy mái tóc. Lại gặp nhau. Tay bắt mặt mừng. Ông cho biết ông có nhiều thay đổi trong cuộc sống. Phải mất đến mười phút ông mới kể hết mọi chuyện. Cũng chẳng có gì lạ kỳ. Đối với ông, Giáo sư Jaunisset ở Viện ngày càng xử tệ hơn, ngày càng rầy rà với ông, đến mức ông phải ra đi, phải từ chức và từ bỏ phòng thí nghiệm của ông. Lại còn các bà mẹ những đứa con gái học trò ấy ngày càng kéo đến chờ ở trước cửa Viện để mắng nhiếc ông. Đủ chuyện lôi thôi. Các cuộc điều tra. Những nỗi kinh hoàng.

Vào giây phút chót, nhờ có mẫu rao vặt mập mờ trong một tờ tạp chí y học, ông vớ liền được một cách sinh nhai nhỏ khác. Tất nhiên chẳng có gì ghê gớm, nhưng dầu sao cũng là một công việc chẳng mấy nhọc nhằn mà lại

hợp với sở trường của ông. Đó là việc ứng dụng khéo léo những lý thuyết mới của Giáo sư Baryton kích thích sự phát triển ở những đứa trẻ dần dần bằng điện ảnh. Một bước tiến phi thường về tiềm thức. Cả thành phố chỉ còn bàn tán chuyện đó. Thật là hiện đại.

Parapine dẫn đám khách đặc biệt này đến rạp Tarapout hiện đại. Ông sang đón các em tại nhà điều dưỡng hiện đại của Baryton ở ngoại ô, sau buổi biểu diễn lại dẫn chúng về, đưa nào cũng lú lẫn, no nê những ảo ảnh, sung sướng và nguyên vẹn mà lại còn hiện đại hơn nữa. Tất cả là đấy. Liên sau khi chúng đã yên chỗ trước màn ảnh là không còn phải lo đến chúng nữa. Thật là một công chúng bằng vàng. Tất cả đều thỏa mãn, vẫn chỉ một phim chiếu liên mười lần vẫn làm chúng say mê. Chúng có nhớ gì đâu. Chúng liên tục reo vui vì ngạc nhiên. Gia đình chúng cũng thích. Parapine cũng thế. Tôi cũng thế. Chúng tôi cùng nhau vui nhộn thoải mái và uống hết vại này đến vại khác để chúc mừng sự phục hồi chức năng vật chất này của Parapine trên bình diện của hiện đại. Đã định trước, là đến hai giờ sáng, tức là sau buổi chiếu cuối cùng của rạp Tarapout, mới phải đi đón mấy thằng đàn của ông và đưa gấp rút bằng ô tô về nhà Bác sĩ Baryton ở Vigny-sur-Seine. Thật là một công việc.

Do cả hai cùng mừng gặp lại nhau, chúng tôi chỉ nói chuyện vui, chuyện tào lao và trước hết về những chuyến đi của mỗi người, cuối cùng đến chuyện Napoléon, cũng là do trong câu chuyện có nhắc đến tượng đài Moncey trên quảng trường Clichy. Mọi chuyện trở nên vui vẻ vì chỉ nhằm mục đích được chuyện trò tự do thoải mái với nhau, quên hết sự đời, quên hết mọi cái dính đến đồng ti'ên.

Dần dà, đến cả Napoléon cũng có chuyện mà nói tếu được. Parapine là rất tinh thông về Napoléon trong lịch sử. Ông bảo ngày trước, khi còn học trung học ở Ba Lan, ông mê chuyện đó lắm. Parapine là người được nuôi ăn học tử tế chứ không như tôi đâu.

Do thế, ông mới kể cho tôi nghe, cái hồi rút quân khỏi nước Nga, các tướng lĩnh của Napoléon rất chật vật không làm sao ngăn được ông ta làm

một chuyến cuối cùng sang Varsovie để gặp người tình Ba Lan. Napoléon vốn là thế, ngay cả giữa những lúc thất bại và đau đớn ghê gớm nhất. Tóm lại là không nghiêm túc. Thậm chí cả lúc được coi là bậc kỳ tài của nữ hoàng Joséphine! Lửa đã thúc dốt, ai nói gì cũng chống lại tất. Hơn nữa, cũng chẳng làm gì nổi, khi người ta đã thích hưởng thụ và vui nhộn, mà đấy cũng là cái thích của tất cả chúng ta. Cái ấy là đáng buồn hơn cả. Người ta chỉ nghĩ đến nó! Trong nôi, trong quán cà phê, trên ngai vàng, vào chuồng xí. Khấp! Khấp cả! Napoléon hay không cũng mặc! Mọc sừng hay không cũng thế! Hưởng lạc đã! Mặc xác bốn mươi vạn kẻ bị gài bẫy vào những ảo giác chuyển choáng say! Ừ thì ông đại bại, miễn là Poléon ^[123*] này làm thêm quả nữa đã! Thật khốn nạn! Thôi đi! Đời là thế! Mọi cái kết thúc thế đấy! Chẳng đứng đắn! Tên bạo chúa đã chán ngấy cái vở tuồng y đóng rất đạt trước các khán giả. Y đi ngủ với đàn bà khi tên bạo chúa ấy không còn có thể phóng cái cuồng nhiệt của y vào công chúng. Vậy thì y cứ liệu hồn! Định mệnh sẽ bỏ rơi y nhanh thôi! Không phải vì mạnh tay tàn sát họ mà những người có nhiệt tình đã chê trách y! Không đâu! Cái ấy chẳng là gì! Nhưng làm sao người ta có thể tha thứ cho hắn! Nhưng bỗng nhiên trở thành một kẻ quấy rầy thì không ai tha thứ đâu. Người nghiêm túc không chịu được kẻ dối trá. Các dịch bệnh chỉ ngừng lại khi những con vi trùng đã chán ngấy các độc tố của chúng. Người ta đưa Robespierre lên máy chém chỉ vì y cứ lặp đi lặp lại một điệu, còn với Napoléon thì chỉ bởi không cưỡng lại được sự lạm phát Bắc đẩu bội tinh suốt hơn hai năm trời. Đó là nỗi dẫn vật của kẻ điên rồ đã ban phát những khát khao mạo hiểm trên nửa phần châu Âu vững chắc. Nghề nghiệp kỳ quặc. Chết mất thôi.

Còn điện ảnh, anh chàng làm công mới mẻ nhỏ bé ta hằng mơ ước, ta có thể mua được, có thể kiếm được trong một vài giờ, như kiếm một tên dĩ đực.

Rồi lại còn thêm những tài tử, trong thời buổi bây giờ, người ta vô cùng lo ngại nên phải đề phòng, do đó mà họ được phân tán ra khắp nơi. Ngay trong những ngôi nhà được xếp chỗ cho các tài tử, những cái rùng mình của họ cũng tràn ra khắp và những sự thành khẩn của họ chảy tong tống qua các tầng

gác. Cửa rả rung cả lên. Đó là dành cho ai rung động nhiều hơn, cả gan hơn, âu yếm hơn và đam mê dữ dội hơn anh bạn hàng xóm. Bây giờ người ta trang trí các nhà tiêu cũng giống như các lò mổ hay nhà tắm tắm nữa, để cho anh vui mắt hơn, khuây khỏa hơn, làm cho anh thoát khỏi Định mệnh.

Sống khô khan, khác gì bị nhốt trong buồng người điên! Cuộc sống là một lớp học mà khó chịu nhất là viên giám thị, hơn nữa lúc nào lão cũng đứng đó nhìn mò anh, cứ phải bằng mọi giá làm như anh đang bận bịu vào việc gì đó rất say mê, nếu không lão mà tới thì lão ngốn luôn cái óc của anh. Một ngày mà chỉ bình thường với 24 giờ thôi thì không thể dung được. Hầu như không thể chịu được một thú vui dài mà chỉ được có một ngày, một cú giao hợp dài cũng chỉ một ngày, dù là đồng tình hay ép buộc.

Những ý nghĩ tởm lợm như thế đến với bạn trong khi ta rối trí bởi sự túng quẫn, khi mỗi phút giây của bạn bị đè nghiền bởi một ước ao hàng nghìn cái khác hoặc hơn nữa.

Robinson là một chàng trai cũng lo phiền bởi cái vô cùng vô tận, theo kiểu của hắn, trước khi hắn bị nạn, nhưng bây giờ thì hắn đã được giải quyết. Ít nhất tôi tin là thế.

Nhân ngồi với nhau yên tĩnh trong quán cà phê, tôi cũng kể cho Parapine biết những gì đã xảy ra với tôi từ lúc chia tay với ông. Ông thông cảm mọi việc, cả những việc của tôi và tôi thú thực với ông là tôi đã phá ngang nghề thuốc khi rời bỏ Rancy một cách khác thường. Phải nói là thế. Và cũng có gì đáng cười đâu. Quay lại Rancy là việc tôi còn phải suy nghĩ, bất kể tình hình ra sao. Parapine cũng đồng ý như vậy.

Trong lúc chúng tôi chuyện trò thích thú với nhau như thế, có thể nói là những cuộc xưng tội với nhau, thì rạp Tarapout cũng nghỉ giải lao và các nhạc công trong rạp ừa cả sang quán. Họ nhất loạt cùng nhau kiểm ly rượu. Các nhạc công khá quen với Parapine.

Dần dần, qua họ, tôi được biết họ đang kiếm một Pacha, vai phụ trong những màn kịch xen kẽ. Một vai trò câm. Người đóng vai Pacha đã bỏ đi mà không nói năng gì. Một vai hay hay trong màn giáo đầu lại được trả hậu nữa.

Không phải tốn sức lắm. Lại không nên quên rằng vai này còn được bao quanh bởi một bầy vũ nữ Anh xinh đẹp tuyệt trần, hàng nghìn cơ bắp vung vẩy chính xác. Hoàn toàn hợp thể loại và nhu cầu của tôi.

Tôi làm bộ tử tế và chờ đợi ý kiến của viên quản lý. Tôi tự giới thiệu. Lúc ấy đã quá khuya, họ không đủ thì giờ đi tìm một vai phụ khác ở tận cửa ô Saint-Martin, nên tìm được tôi ngay tại chỗ thì viên quản lý rất bằng lòng. Cũng đỡ cho ông ta phải chạy vạy. Đối với tôi cũng thế. Ông ta xem xét tôi qua loa và thu nhận tôi ngay lập tức. Họ xếp chỗ cho tôi. Miễn là tôi không què quặt, họ chẳng đòi hỏi gì hơn, và còn...

Tôi vào những tầng hầm của rạp Tarapout đẹp đẽ, ấm cúng, tường bọc vải chần. Thật đúng là một tổ ong với những ô ngăn thơm phức, nơi các cô gái Anh nghỉ xả hơi chờ màn diễn, hàng tràng tiếng cười đùa, chí chóe không sao mà phân biệt được. Đang hăng vì vừa kiếm được kế sinh nhai, lập tức tôi hối hả làm quen với các cô bạn trẻ trung, phóng túng này. Các cô chào hỏi giới thiệu cả nhóm một cách duyên dáng nhất trần đời. Thật là những nàng tiên. Những nàng tiên kín đáo. Còn thích nữa là chẳng phải tự thú cũng chẳng bị coi thường, thế mới là Anh cát lợi chứ.

Rạp Tarapout thu nhập lớn lắm. Ngay cả các hậu trường cũng rất là sang trọng, thoải mái, đủ cả đèn vể, ánh sáng, xà phòng, xăng ụych. Chủ đề màn giải trí mà chúng tôi trình diễn hình như xuất xứ từ Turkestan, với những điệu vũ ưỡn ẹo, nhón cao chân lên, dang rộng háng ra theo tiếng nhạc và tiếng trống rồn rập dữ dội.

Vai trò của tôi đơn sơ nhưng cần thiết. Phục trang đầy người những vàng với bạc, lúc đầu tôi có gặp khó khăn trong việc ngồi giữa bao nhiêu là những cây đèn và cột chống phong màn, nhưng rồi cũng xong, cũng được nổi bật một cách dễ ưa, chỉ còn thả mình vào cõi mộng dưới những ngọn đèn mờ chiếu dọi.

Hai mươi cô vũ nữ Luân Đôn vung vẩy quanh tôi suốt mười lăm phút đồng hồ theo điệu nhạc lúc du dương lúc huyền ảo mãnh liệt để giả bộ cố làm cho tôi phải nhận chân lấy những đường nét hấp dẫn của các cô. Tôi

chẳng đòi hỏi gì nhiều đến thể và nghĩ đến bụng mỗi ngày cứ năm lần diễn tập thể này quả là quá nhiều đối với phụ nữ, chưa nói đến chuyện đôi khi còn phải vặn vẹo liên hồi hai cái hông theo cường độ của một nòi giống ít tư lự, một thứ lắc lư liên tục chỉ có ở các con tàu bươn chải vô tận trên các đại dương...

Chẳng cần vật lộn làm gì, cứ chờ đợi là đủ, vì cái gì thì cuối cùng cũng phải ló ra ngoài đường phố. Xét cho cùng thì chỉ có đường phố là đáng kể. Chẳng có gì mà nói. Đường phố đang chờ ta. Phải xuống đường thôi, phải quyết định đi thôi, không phải chỉ một, hai hay ba trong chúng ta mà tất cả. Cứ đứng đấy mà làm bộ làm tịch, rồi nó cũng đến thôi.

Trong các nhà, chẳng có gì tốt. Cứ mỗi cánh cửa đóng lại sau một người, là anh ta bắt đầu ngay việc ngửi hít và tất cả những gì trên người anh ta cũng bốc mùi. Anh ta lồi thối ngay tại chỗ, cả thể xác lẫn tâm hồn. Anh ta thối rữa. Nếu con người có bốc mùi, thì cũng là điều tốt với chúng ta. Ta phải chú tâm đến họ! Phải lôi họ ra, tống cổ họ đi, phoir bày họ ra. Tất cả những gì bốc mùi đều ở trong phòng dù có điểm trang thì vẫn bốc mùi.

Nói về các gia đình thì tôi biết một tay được sĩ thế này này, ở phố Saint-Ouen, ngoài cửa hàng dán một tấm áp phích rất đẹp, một quảng cáo rất hay: Ba quan một hộp, xổ cho cả nhà! Chuyện hay nhỉ! Phát ợ ra mất! Cùng nhau làm, trong gia đình. Ghét nhau đến học máu, nhưng đã là tổ ấm thật sự thì ai lại đòi hỏi, bởi vì dầu sao vẫn còn rẻ hơn là đi ở khách sạn.

Lại nói về khách sạn, nó đỡ cho mình phải lo lắng hơn, không kiêu kỳ như một căn hộ, ở đó ta cảm thấy đỡ tội lỗi hơn. Cái giống người là chẳng bao giờ chịu ở yên, mà muốn đạt được lời phán xét cuối cùng của Chúa, không phải trên đường phố như thường xảy ra, thì tất nhiên ở khách sạn sẽ được gần hơn. Các thiên thần có thể mang kèn tù và đến đó và chúng ta sẽ là những người đầu tiên được dẫn đi khỏi khách sạn.

Người ta cố không để quá lộ mặt ở khách sạn. Chẳng làm quái gì cái đó. Ngay sau khi mình to tiếng với nhau một tí hay là để xảy ra luôn chuyện cãi cọ, là không hay rồi, là người ta đã theo dõi rồi. Đến cả chuyện đi đại vào lavabô cũng không dám, vì lo phòng này phòng kia nghe thấy cả. Cuối cùng thì phải làm việc đó theo cách của các sĩ quan hải quân. Chẳng lúc này thì lúc khác, chuyện gì cũng có thể động trời được, người ta sẵn sàng, và cóc cần

đến chúng ta, vì mỗi ngày nội một việc gặp nhau trong hành lang khách sạn đã có đến mười lần “xin lỗi”, nhàm quá rồi.

Phải tập phân biệt mùi từng người cùng một cầu thang với mình, trong các nhà vệ sinh, chuyện ấy đơn giản thôi. Cái khó là tự đối mình trong những phòng cho thuê đã có sẵn đồ đạc. Khách trọ là họ không ưa những cái lòe loẹt phù hoa. Ngày lại qua ngày, họ đi đây đi đó một cách kín đáo, không muốn để ai biết mình, trong một khách sạn cũng như trên một tàu thủy có thể đã hư mục lỗ chỗ.

Cái khách sạn tôi đến ở là nơi hấp dẫn trước hết các sinh viên ở dưới tỉnh lên. Cứ bước lên những bậc thang đầu tiên là đã ngửi thấy mùi khói thuốc lá và mùi thức ăn điếm tằm. Còn ban đêm thì từ xa đã nhận ra khách sạn vì ánh đèn mờ trên khung cửa và những hàng chữ rỗng ruột mạ vàng treo trên ban công như cái máng cỏ cũ to tướng. Một nhà trọ như con quái vật dần độn vì những mưu mô cáu bẩn.

Từ phòng này sang các phòng khác, qua hành lang, người ta thăm hỏi nhau. Sau những năm làm ăn tham hại trong đời sống thực tiễn, những cuộc mạo hiểm như người ta nói, tôi trở về với họ, các sinh viên.

Những ước ao của họ vẫn là thế, vững vàng và già cỗi, nhạt phèo không hơn không kém ngày trước, khi tôi rời ghế sinh viên. Con người có thể thay đổi còn ý niệm thì không. Cũng vẫn thế, người này người nọ, lại rủ nhau đi gặm ít nhiều về y học, vài mẫu hóa học, vài viên luật học, và toàn bộ động vật học, vào những giờ gần như đều đặn, ở đầu bên kia khu phố. Chiến tranh lướt qua trường lớp của họ đã chẳng xáo động chút gì ở họ và khi ta, bằng tình cảm, hòa nhập vào những mộng mơ của họ thì họ đưa ta thẳng một lèo đến tuổi bốn mươi sau này. Nghĩa là họ tự ứng trước cho họ hai mươi năm, hai trăm bốn chục tháng với những sự dè sẻn bền bỉ để tạo ra một hạnh phúc.

Đó là một bức tranh dân gian vùng Épinal ^[124*] dùng vào việc thực hiện giấc mơ hạnh phúc và thành đạt của họ, nhưng có tuần tự lớp lang và chau chuốt hơn. Họ tưởng tượng đến một bức hình trong đó họ đứng giữa một gia đình không đông lắm nhưng khó ai sánh được và quý báu đến phát cuồng lên.

Tuy rằng, có thể nói họ chẳng bao giờ nhòm ngó gì đến gia đình họ hiện nay. Chẳng cần. Gia đình được dựng nên cho tất cả, ngoại trừ cái việc được ngó ngang tới. Trước hết đó là cái quyền uy của ông bố, hạnh phúc của ông, được ôm hôn cả gia đình nhưng chẳng bao giờ thêm ngó ngang đến, cái chất của ông mà.

Về mặt mới mẻ thì họ sẽ có mùa hè ở Nice, đi bằng ô tô với người vợ sẵn hời môn, và có thể áp dụng lối chuyển ngân qua ngân hàng. Đối với những chuyện hồ thẹn về tinh thần, có lẽ một tối nào đó dẫn luôn cả vợ đến nhà thổ. Không hơn nữa đâu. Cái gì còn lại trên thế gian đều nằm cả trong các báo hàng ngày và được cảnh sát canh giữ.

Việc cư trú trong khách sạn có lúc khiến cho các bạn trẻ của tôi hơi ngượng nghịu và dễ bị kích thích. Cu cậu sinh viên trẻ măng con nhà trưởng giả cảm thấy như bị tù túng, và biết rằng mình chưa thể có tiền mà để dành, cu cậu bèn đua đòi lối sống phóng đảng để khuây khỏa và ngày càng lao sâu vào đó.

Vào những ngày đầu tháng, bọn chúng tôi rơi vào một cơn khủng hoảng ngắn nhưng thật sự về chuyện dâm dục, cả cái khách sạn rung lên. Tiêu sài thả cửa. Tổ chức với nhau một cuộc săn ái tình. Chả là đều nhận được tiền ở dưới tỉnh gửi lên mà. Bản thân tôi, có lẽ có thể kiếm được khoản này với các cô gái vũ nữ Anh ở Tarapout mà lại chẳng tốn tiền nữa, nhưng nghĩ đi nghĩ lại tôi đã loại bỏ sự dễ dãi này phần vì ngại sinh chuyện, phần nữa do mấy đứa cùng làm ở đó, những thằng ma cô ganh ghét khốn khổ, luôn luôn bám lấy các cô gái ở hậu trường.

Do chúng tôi đọc nhiều tờ báo con lợn trong khách sạn nên biết được khá nhiều thủ đoạn và nơi chốn để làm tình ở Paris! Phải thú nhận rằng các địa chỉ ấy cũng hay hay. Thế là chúng tôi bị lôi cuốn, kể cả tôi là đứa đã từng qua lại hẻm Bérésinas ^[125*] và đi đây đi đó, biết rõ những góc ngách của trò con lợn này, nhưng hình như cuộc săn đuổi những chuyện kín vẫn chưa hoàn toàn cạn kiệt với mình. Trong người vẫn cứ luôn luôn tiềm tàng một chút gì kỳ cục dành cho cái hạ bộ. Ta tự nhủ rằng cái hạ bộ thì có dạy được ta gì đâu,

nhưng rồi ta chẳng bỏ phí giây phút nào về nó, thế rồi ta lại bắt đầu một lần nữa tuy chỉ nhằm có mỗi việc là biết đích xác nó thật trống rỗng và dù sao thì người ta vẫn biết được một vài cái mới về nó và thế là đủ cho anh lại bắt đầu hào hứng lạc quan...

Bình tĩnh lại, ta suy nghĩ sáng suốt hơn trước, ta lại bắt đầu hy vọng trong khi ta chẳng hy vọng cái gì cả và tất nhiên là ta lại quay lại phía sau với cùng một giá. Tóm lại thì đối với tuổi nào cũng vẫn có những khám phá trong cái ấy của đàn bà. Vậy là một buổi chiều, đây là tôi kể lại chuyện đã qua, ba người khách trọ chúng tôi trong khách sạn rủ nhau đi mò của lạ bằng giá rẻ. Việc này được giải quyết chóng vánh nhờ có những mối quan hệ của Pomone, người làm công việc điều chỉnh hoặc thu xếp các món hàng tình dục trong khu phố Batignolles của hăn, thỏa mãn tất cả những ai muốn ăn nằm với đàn bà. Quyển sổ của Pomone chứa đầy những khách gọi với đủ mọi giá. Hăn điều hành thứ trời cho này không sót ngày nào, ở cuối cái sân nhỏ trong một gia cư xoàng xĩnh tối om, phải lò dò từng bước cứ như vào một nhà đái lạ. Phải vạch dần từng cái rèm che làm cho anh ngái ngái, trước khi gặp được thẳng cha chủ chứa, luôn luôn ngồi dưới ánh đèn mờ ảo như người xưng tội.

Mặc dầu tôi với Pomone biết nhau đã lâu, thường chuyện trò và cộng tác với nhau một thời gian, hăn đã từng nêu ra với tôi đủ thứ ý kiến, đủ trò kín đáo khá là nguy hiểm, nhưng thật tình mà nói, tôi chưa bao giờ quan sát hăn thật kỹ, và bây giờ, với cảnh u tối này, giá có gặp lại hăn dưới địa ngục có lẽ tôi sẽ hoàn toàn không còn nhận được ra.

Tôi chỉ còn nhớ là những tay chơi lén lút đang chờ lượt được tiếp trong phòng khách luôn luôn giữ kẽ, không suồng sã, thậm chí còn dè dặt với nhau nữa, y như vào một phòng răng mà thầy thuốc nha khoa không thích ồn ào và chói sáng.

Nhờ một sinh viên y khoa, tôi quen biết Pomone. Hăn lui tới chỗ cậu sinh viên để tâm sự về một sự tình cờ nho nhỏ đã làm cho thẳng cha số đỏ ấy có được cái dương vật to kinh khủng. Người ta bèn tổ chức những buổi tối thật kín đáo ở ngoại ô và triệu cậu sinh viên đến trình bày về cái của lạ trứ danh

đó. Trước hết là các bà các cô, những người không thể nào tin được rằng lại có thể có “một cái to đến thế” để họ chiêu đãi. Những lời nhảm nhí của mấy đứa con gái quá trớn. Trong sổ đen của sở cảnh sát, cậu sinh viên của chúng ta được mệnh danh khủng khiếp: Balthazar! ^[126*] Các khách làng chơi ngồi đợi lượt bắt chuyện với nhau một cách khó khăn. Nổi đau thì còn phơi bày ra được, chứ lạc thú và nhu cầu lại có những mặt đáng xấu hổ. Đã đi mò gái và nghèo nữa thì dù muốn dù không anh cũng sa vào tội lỗi rồi. Khi Pomone hiểu được thực trạng của tôi và biết tôi từng làm thầy thuốc thì hẳn không còn tâm sự về chuyện bứt dứt của mình nữa. Một tật xấu đã vắt kiệt sức lực hẳn. Hẳn nhiên phải cái thói liên tục thủ dâm ngay dưới gầm bàn hẳn ngồi, cả trong lúc tiếp chuyện khách khứa, những người đi tìm chỗ giải tỏa nỗi day dứt dưới hạ bộ. “Đó là cái nghiệp của tôi, ông thông cảm! Không làm sao mà ngăn lại được... Với tất cả những gì mà những kẻ bẩn thỉu ấy đến kể cho tôi!”... Tóm lại thì chính đám khách khứa ấy lại lôi cuốn hẳn vào sự lạm dụng, giống như những anh chị hàng thịt đã béo phì lại càng ưa ngốn đầy thịt. Hơn nữa, tôi tin chắc rằng ruột gan hẳn luôn luôn bị hâm nóng bởi bệnh sốt ác tính từ phổi dồn xuống. Và lại chỉ mấy năm sau hẳn đã chết vì lao. Những cuộc tán gẫu vô tận của các mục khách kiêu kỳ cũng làm hẳn kiệt lực theo một kiểu khác, luôn luôn gian trá, bịa đặt hàng đống những chuyện ông ẹo chẳng đâu vào đâu hoặc xoay quanh cái bụng dưới của các mục mà chỉ nghe họ nói với nhau thôi thì có mà đảo lộn cả bốn phương trời cũng không tìm ra được cái gì giống thế.

Với đám khách đàn ông thì trước hết phải đưa ra những ả đồng tình và hâm mộ những thói ngông cuồng nhiệt của họ. So với những khách tình của mục Herote trước kia thì khách khứa bây giờ không được như vậy. Tuy nhiên chỉ một chuyến thư buổi sáng của “hãng” Pomone cũng thừa đủ chất ái tình để dập tắt hẳn mọi cuộc chiến tranh trên thế giới này. Nhưng mà thế đó, cơn hồng thủy tình cảm ấy vẫn chẳng bao giờ vượt được lên quá cái hạ bộ. Và đó mới thật là bất hạnh.

Cái bàn của hẳn chìm biến dưới đồng hồ độn kinh tởm những bức thư

toàn chuyện tào lao bóng rầy. Do ham muốn biết thêm, tôi quyết định dành một thời gian lưu ý đến việc phân loại cái mưu ma chước quỷ bằng thư từ này. Hẳn bày cho tôi chia ra từng loại ái ân trù mẫn, cũng như phân loại cà vạt hay bệnh tật, trước hết những kẻ loạn dâm để một bên, rồi đến những tay thống dâm và thích những trò kỳ quặc một bên khác, những tay thích dùng roi vọt để kích dâm, những tay thích “hạng nữ quản gia” thì để vào một trang khác, và cứ thế cho đến hết. Kể cũng không lâu la gì lắm trước khi quay lại với những trò vui vật vãnh. Chúng tôi đúng là đã bị tống ra khỏi Thiên đường! Có thể nói đúng là thế. Pomone cũng đồng ý với tôi với hai bàn tay ươn ướt và cái tật triền miên mà hẳn phải gánh lấy vừa là lạc thú vừa là nhục hình. Trong vòng vài tháng, tôi biết quá đủ về hẳn và cái nghề ngón của hẳn. Tôi thừa dần những cuộc gặp.

Ở Tarapout, người ta vẫn coi tôi là người tử tế, yên tâm, một vai phụ đúng giờ, nhưng đang được yên lành, thì bất hạnh lại xảy đến với tôi, khiến tôi phải đột ngột rời bỏ vai phụ ấy để tiếp tục con đường khốn khổ của mình.

Một thời gian nhìn lại mới thấy được rõ những ngày ở Tarapout tóm lại chỉ là nơi dừng chân bị cấm đoán và xảo trá. Ví dụ, trong suốt bốn tháng trời, lúc nào cũng ăn mặc chỉnh tề, có lúc như ông hoàng, có lúc như một phi công và được trả công hậu hĩnh đều đặn. Cứ ở Tarapout thì tôi có thể đủ ăn nhiều năm. Không phải bỏ vốn mà hưởng lãi đều đều. Một tối, không hiểu vì sao, người ta đảo lộn tiết mục của chúng tôi. Một sự phản trắc! Một thảm họa! Màn giáo đầu này thể hiện các bến sông ở Luân Đôn. Lập tức, tôi dâm ra ngỡ ngàng. Các cô gái Anh của chúng ta đứng xem bên trong ca hát, giả bộ như bên bờ sông Tamise, trong đêm khuya, còn tôi đóng vai một cảnh sát viên. Một vai hoàn toàn câm, đi loăng quăng trước cái lan can hết sang trái lại sang phải. Đột nhiên, trong lúc tôi không nghĩ đến thì các cô gái cất cao giọng hát hết chịu nổi, thậm chí bài ca chuyển hẳn sang mặt bất hạnh của số phận. Thế là trong khi các cô gái hò hát thì tôi không còn nghĩ được cái gì khác nỗi đau khổ của giới nghèo và trước hết là nỗi đau khổ của bản thân mình. Với bài hát ấy, các cô gái đã làm tôi nhớ lại cái thời phải nuốt cá ngừ đầy bụng. Tôi

đã tưởng tiêu hóa được nó, quên hẳn được nỗi cực nhọc ấy rồi! Thật là tồi tệ, bài hát vui mà chẳng vui tí nào. Vừa ca hát vừa uốn éo, các cô bạn tôi cố làm cho vui. Cũng có thể nói là được đấy, cứ như là người ta phô bày nỗi khổ, nỗi tuyệt vọng... Không sai đâu! Nhờ trong sương mù và trong tiếng vi vu! Rì rì những lời oán thán, nó làm cho mình già đi từng phút một. Cả đến phong màn trang trí cũng toát ra nỗi kinh hoàng ghê gớm. Tuy nhiên các cô bạn vẫn cứ tiếp tục. Các cô có vẻ như không biết đến tác động xấu trong bài hát của mình gây thêm nỗi đau cho tất cả chúng ta... Các cô than vãn cả cuộc đời mình bằng những điệu nhảy, những cười cợt, thật đúng nhịp... Khi cái đó đến từ xa xa, một cách thật chắc chắn, thì không ai còn có thể làm được, còn có thể chông đỡ được.

Cái khổ thì chỗ nào chẳng có, cho dầu cái sang trọng có trùm lên cả cái sần diến, lên người chúng tôi, lên phong màn trang trí, thì cái khổ vẫn tràn trề, vẫn rì rì trên khắp trái đất. Nghệ sĩ thì cũng chỉ là nghệ sĩ... Cái nghèo khổ cứ leo lên các cô, dù các cô có muốn ngăn nó lại, thậm chí có biết nó hay không. Chỉ có ánh mắt của các cô là đượm buồn thôi. Nhưng chỉ ánh mắt thì sao đủ. Các cô hát về những cảnh ngộ thâm trầm trong cuộc vật lộn để tồn tại và để sống mà các cô có hiểu gì đâu. Các cô vẫn tưởng đó là tình yêu, chỉ có tình yêu thôi, chứ có ai bảo cho các cô gái nhỏ ấy biết gì hơn đâu. Các cô hát cái gọi là nỗi buồn nho nhỏ! Các cô gọi thế đấy! Khi người ta còn trẻ và chưa hiểu biết thì người ta coi cái gì cũng chỉ là những nỗi buồn tình...

Where I go... Where I look...

It's only for you... ou...

Only for you... ou... [127*]

Các cô hát thế đó.

Đó là lẽ thói của tuổi trẻ muốn tổng tất cả loài người vào một xó đằng sau, chỉ một thôi, giấc mơ đáng ghét, mối tình cuồng dại. Rồi đây, có lẽ các cô sẽ có thể biết được tất cả những cái ấy kết thúc ở đâu, khi các cô không còn hồng hào nữa, khi cái nghèo khổ trầm trọng ở xứ sở khổ kiếp của họ đã tóm lấy họ, cả mười sáu cô, cả những cặp đôi to như đôi ngựa cái, những cặp

vú núng na núng nính... Và lại cái nghèo khổ cũng đã bám trên cổ, trên người các cô gái kháu khỉnh ấy, các cô không trốn tránh được đâu. Trong bụng, trong hơi thở, nó cũng đã bằng mọi làn sóng bám lấy giọng hát mỏng manh và lạc điệu rồi.

Nó nằm trong đó. Không cần trang phục, không đính vẩy vàng, không cần ánh sáng, không cần cười mỉm để đánh lừa nó, để gây ảo tưởng với nó, tự nó sẽ tìm ra nơi che giấu những ảo tưởng ấy; nó chỉ vui thích là làm cho các cô hò hát trong lúc chờ đợi lượt mình nhận lấy tất cả những điều vô nghĩa của hy vọng. Cái đó đánh thức nó, ru ngủ nó, kích thích nó.

Nỗi nhọc nhằn của chúng ta là thế, cái lớn nhất, cho một cuộc giải trí.

Mặc kệ, ai muốn hát những bản tình ca thì cứ hát! Bản thân ái tình đã là nỗi khổ rồi và chỉ có nó, mãi mãi là nó, điều toa đối trá ngay trong mồm mình, đồ cứng, thế thôi. Cái quân ác nghiệt ấy là có mặt khắp nơi, chớ có đánh thức nó dậy, kể cả với đứa đối trá. Với nó thì đối trá cũng thế thôi. Thế mà ngày ba bận, các cô gái Anh của tôi đâu sao vẫn phải dàn hàng ra trước phòng màn, với tiếng đàn ắc-coóc du dương. Tất nhiên cái đó sẽ kết thúc rất không hay.

Tôi cứ để mặc họ làm nhưng có thể nói rằng tôi đã thấy được tai họa đang đến.

Trước hết là một trong những cô gái ấy bị ốm. Cho chết những cô gái xinh xẻo đi trêu chọc những nỗi đau! Càng chết càng hay! Về chuyện này, cũng chớ có dừng lại ở góc phố mà đóng tai lên nghe tiếng đàn ắc-coóc, thường đó là chỗ dễ vớ phải tai họa, vớ phải cú đòn chân lý. Một cô gái Ba Lan đến thay thế cô gái ốm trong cái điệp khúc ấy. Cô gái Ba Lan này cũng thỉnh thoảng ho hắng. Một cô gái dài người khỏe khoắn nhưng hơi xanh. Chúng tôi trở nên tâm tình với nhau ngay lập tức. Trong vòng hai giờ đồng hồ là tôi đã biết luôn được hết tâm tính của cô, còn thể xác thì hãy từ từ một chút. Cái tật của cô gái Ba Lan này là cứ tự làm què quặt thần kinh của mình bởi những chuyện yêu đương chốc lát vô vọng. Tất nhiên là cô nhập vào bài ca của các cô gái Anh cũng trơn tru như vào miếng bơ, với tất cả nỗi đau của mình. Bài hát mở

đầu bằng một giọng nhỏ nhẹ dễ thương, không có vẻ gì nặng nề, như thế mọi cái đều để cho anh khiêu vũ, nhưng rồi nó làm nghiêng ngả tim anh khiến anh buồn rầu tưởng như sắp bỏ mất khát vọng sống, tưởng chừng mọi cái rồi chẳng đi đến đâu, tuổi thanh xuân cũng thế, tất tần tật, và anh mãi miết theo dõi từng lời ca ngay cả lúc bài ca đã dứt, điệu du dương đã bỏ đi xa, tìm về ngủ trên cái giường thật sự của nó, chính cổng của nó, chui tọt vào đúng cái lỗ của nó để kết thúc hẳn. Hai vòng điệp khúc là người ta có ngay niềm khao khát về cái xứ sở êm đềm của chết chóc này, về cái xứ sở luôn luôn dịu dàng nhưng cũng mau quên như một lớp sương mù. Tóm lại là các cô gái ấy có những giọng hát trong sương mù.

Tất cả lại lặp lại bản đồng ca về khúc ngâm hồn oán nhưng ai còn ở lại đó, kéo dài cái sống, chờ đợi bên những bến sông, tất cả những bến sông trên thế gian này, để cho cuộc sống qua đi, trong khi làm đủ mọi việc, bán chác những đồ vật và những trái cam cho những con ma khác, bày mưu tính kế thuê và lưu hành tiền giả, rồi cả cảnh sát, cả những kẻ hư hỏng, cả những nỗi buồn, kể cho nhau nghe đủ chuyện, trong làn sương mù nhẩn nại không bao giờ dứt...

Cô bạn mới từ Ba Lan đến có tên là Tania. Tôi biết là cuộc sống của cô lúc này đang sôi sục, do một viên chức nhỏ nhà băng, tuổi chừng bốn chục, mà cô quen biết ở Berlin. Cô muốn trở lại Berlin của anh ta và yêu anh ta bằng mọi giá, bất chấp tất cả. Để có thể quay lại đó tìm anh ta, cô phải làm bất cứ việc gì.

Cô theo đuổi các viên chức nhà hát, những tay hứa hẹn tuyển người làm, leo lên những cầu thang khai mò. Những thằng cha đều cáng ấy cầu véo đùi cô trong lúc cô chờ mong những hồi âm chẳng bao giờ tới. Nhưng cô cũng chẳng để ý làm gì đến những trò sờ soạng ấy trong khi mỗi tình nơi xa xăm đang còn chiếm lấy cả hồn cô. Một tuần trôi qua trong những điều kiện như thế làm gì mà lại không xảy ra một tai họa nào. Từ bao tuần bao tháng nay cô đã nhồi nhét những toan tính vào Sổ phận, như người ta nhồi thuốc súng vào đại bác.

Bệnh cúm đã cướp đi người tình kỳ diệu của cô. Chúng tôi biết được tin đau buồn ấy vào một tối thứ bảy. Liên sau khi được tin, cô cuống cuống, hốt hoảng kéo tôi phóng ra ga Phía Bắc. Trong cơn điên loạn, tại phòng bán vé, cô nhất định cho rằng còn kịp đến Berlin để đưa tang. Phải đến hai trưởng ga mới thuyết phục được cô, giảng giải cho cô biết là đã quá muộn.

Trong tình trạng như cô lâm phải, tôi không thể nào lại nghĩ đến việc bỏ mặc cô ở đó. Vả lại cô đang phải đối phó với nỗi bi thảm của mình và còn cho tôi thấy rõ cô đang như người hoàn toàn mất hồn. Những mối tình dang dở bởi đau khổ và bởi xa cách, cũng giống như những mối tình của người thủy thủ, không thể nói được là không thể bác bỏ hay là thành công. Trước hết, do đã không có dịp để gặp nhau luôn thì không thể cãi nhau được, và như thế là đã giành được phần thắng rồi. Nhưng cuộc sống chỉ là một cơn hoang tưởng đầy ắp những ảo ảnh, càng ở xa anh càng nhét vào đó nhiều ảo ảnh hơn và càng lấy làm thỏa mãn, đó là chuyện tự nhiên và bình thường. Chân lý thì có ăn được đâu.

Ví dụ như bây giờ thì người ta thật dễ dàng kể cho mình nghe những chuyện về ông Giê-su. Nhưng thử hỏi, ông Giê-su có bao giờ đi ngoài trước mặt mọi người không? Tôi nghĩ rằng cái trò ấy không thể kéo dài mãi được nếu như ông ngồi ị trước công chúng. Tất cả là ở đó, rất ít sự hiện diện, nhất là đối với tình yêu.

Khi đã biết chắc là không còn tàu đi Berlin nữa, chúng tôi quay ra gửi điện tín. Chúng tôi thảo một bức điện khá dài. Nhưng lại càng khó, vì chúng tôi hoàn toàn không biết gửi cho ai bây giờ. Chúng tôi không quen biết một ai khác ở Berlin, ngoài người đã chết. Từ lúc đó, chúng tôi chỉ còn biết nói với nhau về cái chết ấy. Chúng tôi loay quanh ở đấy vài ba lượt rồi dù sao cũng phải tính đến chuyện ru ngủ cơn đau này. Chúng tôi chậm rãi đi lên phía đồi Montmartre, vừa đi vừa lúng búng những chuyện buồn rầu.

Vừa ra khỏi phố Lepic là bắt đầu gặp luôn những người đến tìm cái vui trên vùng cao này của thành phố. Họ hồi hả. Leo lên đến Nhà thờ Trái tim thiêng, họ bắt đầu ngó xuống bên dưới, ban đêm trông như một cái vũng nặng

nề với tất cả nhà cửa chen nhau dưới đáy.

Tại một vườn hoa nhỏ, chúng tôi thấy một quán cà phê xem ra có vẻ không đắt tiền lắm, hai đứa rủ nhau vào. Tania, với sự an ủi và lòng biết ơn, để tùy cho tôi chọn chỗ nào có thể hôn cô. Cô cũng rất muốn uống nữa. Trên những chiếc ghế dài nhỏ quanh chúng tôi, những người, nhậ nhệ ngà say đã lăn ra ngủ. Đồng hồ trên ngôi nhà thờ nhỏ đã điểm giờ và rồi lại tiếp tục điểm không dứt. Càng lúc càng rõ, chúng tôi đã tới nơi tận cùng trần thế. Không còn đi xa hơn được nữa, vì tiếp đó chỉ còn nơi của người chết.

Những người chết ấy bắt đầu từ Quảng trường Tertre, bên cạnh. Chỗ chúng tôi ngồi dễ ngó thấy họ. Họ vượt lên cả phía Nhà hàng Dufayel, ở mạn đông.

Nhưng dầu sao cũng phải biết cách thế nào để tìm ra họ, tức là tìm thấy từ nội tâm với hai mắt gần như nhắm nghiền, bởi vì đèn đóm sáng chói từng bụi lớn, dầu có xuyên qua những làn mây thì cũng vẫn bị lóa mắt không thể thấy được những người chết nằm dưới đó. Với những người chết ấy, tôi đã nhớ ngay rằng họ đã cướp đi Bébert và lại còn cách đó không lâu một đứa con gái xanh lợt bị sẩy thai ở Rancy, có thể đã bị moi hết ruột gan rồi.

Còn đây ra ở nơi này nơi nọ những khách bệnh cũ của tôi, và cả những nữ bệnh nhân mà tôi đã quên bằng mất rồi, rồi còn những người khác nữa, người da đen trong đám mây trắng, mỗi một mình, cái cậu bị họ quất roi quá tay mà tôi gặp ở Topo, và ông già Grappa trong rừng rậm! Với những người đó, lắm lúc tôi thường nghĩ đến, tay trung úy, tay da đen bị tra khảo và cả lão linh mục người Tây Ban Nha, đêm nay lão cũng đến với người chết để cầu nguyện trên trời và cây thập tự vàng của lão đang làm vương vীu lão trong những chuyến bay bổng từ bầu trời này sang bầu trời khác. Cùng với cây thánh giá ấy, lão bám lấy những vầng mây, những vầng mây bản nhất, vầng vọt nhất, và tôi vẫn còn nhận ra được nhiều người mất tích khác, vẫn còn nhiều nữa... Nhiều vô kể đến mức mình thấy hồ thẹn là không có thời giờ để nhìn họ trong những năm họ sống ngay cạnh mình.

Đúng là ta không bao giờ có đủ thời giờ, chỉ để nghĩ tới bản thân mình.

Thế là tất cả những kẻ mặt kiếp ấy đã trở thành các thiên thần mà tôi chẳng thấy ra! Lúc này thì trên các tầng mây thiếu gì những thiên thần và những kẻ ngông cuồng, những kẻ không đứng đắn. Họ nhón nhơ trên bầu trời thành phố! Đã đến lúc tôi phải tìm kiếm Molly trong đó, người đẹp của tôi, người bạn gái duy nhất của tôi, nhưng nàng không đến cùng với họ... Nàng phải có một khoảng trời nho nhỏ dành riêng cho mình, gần gũi Đấng Cao Xanh, xứng với Molly luôn luôn tử tế... Tôi thật mừng là không thấy nàng lẫn trong bọn lưu manh đó, bởi vì đúng những kẻ nằm chết đó là những kẻ vô lại, lưu manh, mặt hạng và đêm nay người ta tập hợp những cái bóng ma ấy lơ lửng trên thành phố. Nhất là ở cái nghĩa địa bên cạnh đó. Một cái nghĩa địa nhỏ thôi, những bóng ma đó vẫn còn sắc máu muốn há to mồm để mắng nhiếc nhau nhưng không há nổi nữa rồi... Chúng chờ đợi nhau, chờ người chỉ huy chúng, bá tước La Pérouse ^[128*], người của các đảo, đêm nay chỉ huy chúng trong cuộc tập hợp này... Nhưng La Pérouse thì còn chưa xỏ được cái chân giả và còn đang tìm kiếm cái ống nhòm của mình.

Ông ta không muốn ra khỏi các đám mây mà không đeo cái ống nhòm trên cổ, cái ống nhòm đã nổi tiếng với ông trong các cuộc phiêu lưu. Những tên cô-dắc bị vùi gần Moulin cũng chưa ra được khỏi mồ. Đã bao lần chúng cố sức leo lên nhưng rồi lại rơi tòm xuống đáy mồ, chúng vẫn còn say suốt từ năm 1820 đến giờ.

Một cơn mưa làm cho những bóng ma ấy tung tóe ra, dẫu sao cũng dễ chịu hơn, dù ở tít tận trên bầu trời thành phố. Chúng tản ra, đan xen vào đêm tối trong cái náo động vốn có, từ đám mây này sang đám mây kia... Nhà hát Opéra hình như hấp dẫn chúng nhất, vì những ánh đèn quảng cáo rực sáng ở giữa. Những bóng ma ấy bấp tóe ra, nhảy vọt sang phía bên kia bầu trời, nhưng nhúc, loạn xạ đến lóa cả mắt. La Pérouse đã trang bị xong và muốn rằng người ta dựng ông thẳng dậy vào đúng hồi chuông bốn giờ. La Pérouse đang còn cài khuy áo thì phía đằng sau ông đã cả một bầu trời đang xô tới. Một cuộc tháo chạy tán loạn khủng khiếp, tất cả những bóng ma quay cuồng lên, những bóng ma từ tứ xứ, thuộc mọi sự tích anh hùng. Chúng theo đuổi

nhau, thách đố nhau, gánh vác bao nhiêu là thế kỷ. Mạn Bắc thành phố này đã từ lâu phải chịu đựng những cuộc loạn tời tệ của chúng. Chân trời đã lộ ra màu xanh lơ và ngày đã xuất hiện dần lên từ một cái hố lớn mà những bóng ma ấy đào từ trong đêm để lẫn trốn.

Sau đó thì muốn tìm lại chúng là việc hoàn toàn khó. Phải biết cách ra khỏi Thời gian.

Chính là bên phía Anh quốc mà ta có thể tìm thấy chúng chừng nào ta đến đó, nhưng sương mù ở bên ấy lúc nào cũng dày đặc, như những cánh buồm dựng lôn hàng hàng lớp lớp, từ mặt đất lên tận trời cao và lên mãi. Tuy vậy, với thói quen và sự chú ý, ta vẫn có thể đến đấy mà tìm được chúng, nhưng phải khá lâu, vì luôn luôn gặp phải những trận gió mạnh và những làn hơi nước đọng ngoài khơi.

Người đàn bà cao lớn đứng đó canh gác đảo quốc. Cái đầu bà ta cao hơn cả đụn hơi nước cao nhất. Chỉ còn có bà ta là còn chút ít sức sống trên đảo. Mái tóc rực đỏ của bà cao hơn hết thảy, sáng hoe lên những làn mây, đó là tất cả những gì còn lại của ánh mặt trời.

Người ta giải thích rằng bà đang cố gắng pha trà. Bà đứng đó trong vĩnh cửu và bà phải cố gắng. Bà chẳng bao giờ đun sôi được ấm trà bởi vì sương mù càng lúc càng dày đặc và càng thấm đẫm. Cái ấm pha trà của bà là vỏ một con tàu, con tàu đẹp nhất, lớn nhất, con tàu cuối cùng bà có thể tìm thấy ở Southampton, bà dùng nó để đun nước pha trà, với các đợt sóng liên tiếp. Bà khuấy nó lên... Bà dùng cái mái chèo khổng lồ để đảo cả lên... Bà chú tâm vào đó.

Bà không nhìn cái gì khác, lúc nào cũng nghiêm chỉnh, trầm tư.

Những bóng ma ấy lượn lơ trên đầu, bà cũng mặc, không hề động đậy, bà đã quen với chúng, những bóng ma từ lục địa ra để rồi tan biến nơi đây... Thế là hết.

Bà lấy mấy ngón tay cời cời ngọn lửa dưới đồng tro, giữa hai khu rừng trụi, thế là đủ. Bà cố làm cho ngọn lửa bùng lên, tất cả với bà bây giờ là thế, nhưng ấm trà của bà không còn bao giờ sôi lên được nữa. Không còn sức

sống cho những ngọn lửa ấy, cũng không còn cho ai ở trên đời, chỉ còn được tí chút cho bà nữa thôi và hầu như cũng đã tàn rồi...

Tania đánh thức tôi trong căn phòng mà cuối cùng chúng tôi phải cùng ngủ với nhau. Lúc ấy đã mười giờ sáng. Để cho cô đi, tôi nói dối là hơi khó ở phải nằm thêm một chút.

Cuộc sống lại trở lại. Cô tin vào lời tôi. Ngay sau khi cô xuống nhà, đến lượt tôi cũng lên đường. Sự thật là tôi cũng có việc phải làm. Cái nhộn nhạo đêm qua để lại cho tôi một dư vị kỳ cục của sự ăn năn. Nhớ đến Robinson tôi thấy phiền lòng. Quả là tôi đã bỏ mặc hẳn ta với số phận và còn tôi tệ hơn nữa là để cho cha xứ Protiste coi sóc hẳn. Thế là đủ. Đành rằng tôi nghe nói mọi việc ở dưới Toulouse đã khá hơn, và bà cụ Henrouille lại còn trở nên tử tế đối với hẳn. Chỉ hiềm nỗi, trong một số trường hợp, ta không được nghe cái ta muốn nghe và cái dàn xếp được cho mình tốt hơn, phải không nào... Những chỉ dẫn mơ hồ ấy xét cho cùng không chứng tỏ được gì cả.

Bản khoản và muốn rõ hơn, tôi đi về Rancy để tìm những tin tức rõ ràng, chính xác. Muốn về đây phải đi qua phố Batignolles là nơi ở của Pomone. Đó là con đường tôi thường đi. Vừa đến gần nhà hẳn, tôi ngạc nhiên đã thấy chính hẳn đang ở góc đường, như đang theo dõi một gã nhỏ người cách đó vài bước. Pomone là kẻ vốn không ra ngoài cửa bao giờ, thế này phải là một sự kiện thật sự đây. Tôi cũng đã nhận ra cái tay hẳn đang theo đuổi, đó là một khách hàng của hẳn, tay này lấy tên là “Le Cid” ^[129*] trong thư từ liên lạc. Nhưng bằng nhiều nguồn tin, chúng tôi biết tay Le Cid này làm việc ở bưu điện.

Từ nhiều năm nay gã bám riết Pomone để nhờ hẳn tìm cho một cô bồ nhỏ được dạy dỗ tử tế như mơ ước của gã. Nhưng chưa có cô gái được giới thiệu nào được nuôi dạy tử tế theo đúng gu của gã. Gã cho rằng các cô phạm nhiều lỗi quá. Thế là không được. Suy đi xét lại thì có hai hạng bồ nhỏ, những cô có “tư tưởng rộng rãi” và những cô được hấp thụ “một nền giáo dục cơ đốc tốt”. Đó là hai cách để cho các cô gái khốn khổ ấy cảm thấy mình hơn người, cũng là hai cách để kích thích những kẻ lúc nào cũng lo lắng khôn nguôi và những

kẻ không bao giờ thỏa mãn, một hạng “gái có khả năng” và một hạng “gái tự do phóng túng”.

Tất cả mọi dành dụm của Le Cid đều quẳng vào việc mò tìm hết tháng này sang tháng khác. Đến nay, với Pomone, gã đã cạn kiệt khả năng mà cũng cạn kiệt hy vọng. Sau đó tôi còn được biết là gã Le Cid tự tử trên một bãi đất hoang, vả lại, ngay khi thấy Pomone ra khỏi nhà là tôi đã ngờ có chuyện gì xảy ra không bình thường rồi. Tôi theo dò hai người khá lâu suốt cái khu phố đang biến dần những cửa hiệu dọc các đường phố và dần dà cũng mất luôn cả bản sắc của nó, cuối cùng mọc lên những quán ăn tạm bợ thế này cho đến tận chỗ phòng thuế. Khi mình không vội vã thì dễ lạc đường trên những phố sá này lắm, trước hết vì buồn trong lòng và thờ ơ với ngoại cảnh. Giá có ít tiền thì tôi đã kiếm ngay một chiếc taxi để gỡ ngay khỏi cơn bối rối. Những người mình gặp kéo lê cái số phận nặng nề khiến anh cũng phải lúng túng cho họ. Sau những ô cửa sổ che rèm, hình như có ai đó trong những gia đình hưởng trợ cấp quên đẩy nắp ga. Không thể làm gì được. Họ bảo: Mẹ kiếp! có bao nhiêu đâu.

Rồi cũng chẳng có cái ghế băng nào mà ghé dít. Chỗ nào cũng một màu hung hung xám xịt. Đã mưa là mưa khắp, phố sá trơn nhẫy như lưng con cá lớn với một sọc nước mưa ở giữa. Không thể nói rằng cái khu phố ấy lộn xộn, mà nó như là một nhà tù, hầu như được quản lý tốt, một nhà tù không cần có cửa.

Lang thang như thế, cuối cùng tôi đành lập tức để mất hút Pomone và gã tự tử của hắc tử quăng phố Hàng Dấm. Thế là tôi đã sắp đến La Garenne-Rancy mà tôi không thể kiềm chế được mình, leo lên các pháo đài để nhìn lướt một cái.

Từ xa, La Garenne-Rancy cũng khá hấp dẫn, không ai nói trái đi được, vì những hàng cây trong khu nghĩa trang lớn. Có thể có người lầm đó với khu rừng Boulogne.

Khi đã tuyệt đối muốn biết tin tức của ai thì phải tìm hỏi những người hiểu biết. Hơn nữa tôi nghĩ giá mình có tạt vào thăm gia đình Henrouille thì cũng

chẳng mất gì. Nhất định là họ phải biết những gì xảy ra ở dưới Toulouse. Và thế là tôi lại phạm vào một chuyện bất cần. Tôi đã không dè chừng. Tôi không biết rằng mình đã tới đó, ở đó, giữa đêm hôm trong một vùng toàn những trò bẩn thỉu. Thế là bất hạnh lập tức giáng xuống mình. Chẳng hơi đâu mà bận tâm và trước hết chớ có tìm gặp lại những người như thế. Kéo sau đứt không ra đâu.

Lòng vòng một lúc rồi quen chân tôi đến cách ngôi nhà có vài bước. Tôi chẳng nhớ ngay được đúng nhà họ. Trời lại đổ mưa. Ngoài tôi, chẳng còn ai trên đường phố, tôi ngập ngừng không dám bước tới. Tôi đã định quay đi thì cửa ngôi nhà hé mở, đủ cho mẹ con dâu làm hiệu gọi tôi vào. Đúng là mẹ, mẹ đã nhìn thấy tất cả. Mẹ nhìn thấy tôi bước thấp bước cao bên kia hè phố. Thế là tôi không còn muốn đến gần đấy nữa, nhưng mẹ vật nài và còn réo cả tên tôi.

- Bác sĩ ời!... bác sĩ đến mau đi!

Cứ thế mẹ réo gọi như ra lệnh...

Tôi ngại bị người ta để ý, bèn vội vàng bước lên bậc thềm nhỏ nhà mẹ và thấy lại ngay cái hành lang với chiếc bếp lò và gặp lại tất cả sự trang trí cũ. Tuy nhiên cái đó lại gây cho tôi một nỗi e ngại lạ lùng. Kể đó, mẹ kể cho tôi biết rằng chồng mẹ ốm đã hai tháng nay và ngày càng nặng hơn.

Lập tức tôi tất nhiên là phải dè chừng.

Tôi vội hỏi:

-Còn Robinson?

Lúc đầu mẹ né tránh câu hỏi của tôi. Rồi mẹ cũng phải trả lời quấy quá:

-Cả hai người đều khỏe mạnh... Công việc của họ ở Toulouse trôi chảy.

Mẹ không nói gì hơn và lại quay về chuyện chồng mẹ. Mẹ muốn tôi chăm lo ngay cho chồng mẹ, không để chậm thêm phút nào nữa. “Nào là tôi rất tận tâm... Nào là tôi biết rất rõ chồng mẹ... Huyền thuyên liến thoắng... Nào là chồng mẹ chỉ tin cậy có tôi thôi... Chồng mẹ không muốn tìm ông thầy nào khác...” Toàn là kiểu cách điệu bộ.

Tôi thì tôi có nhiều lý do để nghi ngờ rằng bệnh của chồng mẹ còn có

những nguyên nhân kỳ cục. Tôi đã trải qua nhiều kinh nghiệm cay đắng để biết rõ mẹ đàn bà này và những lễ thói của gia đình mẹ. Tuy vậy một sự tò mò tai hại đã xúi khiến tôi leo lên trên phòng.

Lão nằm đúng cái giường tôi đã từng điều trị cho Robinson sau vụ tai nạn, mấy tháng trước đây.

Trong có vài tháng mà căn phòng đã nhiều thay đổi, cho dầu người ta không xê xích đi cái gì. Mọi thứ đều cũ kỹ, xuống cấp không biết vì sao. Mọi cái quanh mình đều thay đổi. Tất nhiên không phải những đồ vật ở đó đã bị xê dịch, thay thế, mà ở bản thân chúng, trong chiều sâu, ta thấy khang khác. Có thể nói chúng có thêm sức để đi vào mình một cách buồn bã hơn, sâu sắc hơn, nhẹ nhàng hơn trước, hòa tan vào cái chết đang diễn ra từng ngày thong thả và dễ thương trong bản thân mình, sợ hãi hèn nhát trước cái chết, ta ra công tập luyện để phòng thân nhưng sức cứ ngày một kém. Đôi khi ta thấy cuộc đời như cũng mềm lòng và nhả lại trong bản thân ta cùng với những người và vật mà ta đã từ bỏ, những người và vật tầm thường hay quý giá, hay còn đáng gờm nữa. Cái sợ chết đã đánh dấu tất cả những cái đó bằng những nếp nhăn trong lúc ta dạo bước trên đường phố sau một thú vui hay sau một miếng bánh.

Mẹ vợ để cho hai chúng tôi ở lại một mình. Gương mặt lão chồng không sáng sủa lắm. Bộ máy tuần hoàn đã kém đi nhiều. Bệnh ở tim đây.

- Tôi chết mất, lão lắm bầm, rất đơn giản là khác.

Trong những ca như thế này là tôi có thể nổi máu chó rùng lên đây. Tôi cúi xuống nghe tim lão, vấn đề là cần có một vài động tác gì đó mà người ta đang mong đợi. Có thể nói rằng tim lão đang ròn rập gấp gáp dưới mấy rẻo sườn, cố đuổi theo cái sống, nhưng chỉ hoài công vọt lên mà không còn có thể níu cái sống lại nữa rồi. Hỏng rồi. Càng cố thì càng vấp và chẳng mấy chốc mà lão sẽ rơi tòm vào sự rữa nát trong trái tim lão, nhầy nhớt một màu đỏ và há hốc ra như một quả lựu đạn thối bị đập búa. Chỉ vài ngày nữa, người ta sẽ thấy được trái tim nhều nhèo của lão trên bàn đá do lưỡi dao tách ra sau cuộc mổ tử thi. Bởi vì tất cả cái đó đều kết thúc bởi một cuộc mổ pháp y

không gượng nhẹ. Tôi thấy trước được rằng, cả cái khu phố này sẽ kháo nhau những chuyện tục tĩu xung quanh cái chết mà người ta thấy cũng không bình thường, sau vụ kia.

Người ta đã từng đón chờ mẹ vợ lão ở chỗ quẹo trong khu phố với những lời xấu xa độc địa về vụ gây thương tích nặng lần trước. Cái đó sẽ để lại sau. Lúc này lão chồng không còn biết được sống chết ra sao. Lão như đã ít nhiều ra khỏi cuộc sống rồi, nhưng vẫn không sao tổng khứ được hai lá phổi. Lão đẩy hơi ra thì nó lại quay lại. Lão muốn ra đi lắm, nhưng lại cứ phải sống, cho đến cùng. Một công việc thật là tàn khốc mà lão lại ngấp nghé thêm thường.

- Tôi không còn cảm thấy được hai chân mình rồi, lão rên rĩ... Tôi lạnh đến đầu gối rồi... Lão muốn rờ xuống chân mà không sao được.

Uống cũng không còn uống nổi. Gần như xong rồi. Đưa cho lão chén trà do mẹ vợ pha tôi tự hỏi không biết mẹ ta có đổ cái gì vào đấy không. Mùi trà vẫn thơm, nhưng mùi vị chưa phải là chứng cứ, nước cỏ mèo chẳng khó người à, thế mà uống vào lại giảm đau. Với lại đã khó thở như chồng mẹ thế kia thì chén trà có làm sao cũng chẳng quan trọng. Tuy vậy lão vẫn gượng gượng, còn tí gân cốt nào là còn cố để mà đau đớn, để mà phì phò hơn nữa. Lão vật vờ với cái sống cũng như với cái chết. Có lẽ tan vỡ cũng là ở những trường hợp này đây. Khi thiên nhiên đã cóc cần nữa thì chẳng còn giới hạn nào. Núp sau cánh cửa, mẹ vợ nghe ngóng việc khám bệnh của tôi, nhưng tôi đã biết tổng mẹ ta rồi. Tôi rón rén để bắt được mẹ quả tang. Mẹ chẳng hề méch lòng mà còn ghé lại nói thầm bên tai tôi:

-Bác sĩ ơi, có lẽ phải tháo hàm răng giả cho ông ấy... Có thể hàm răng giả làm cho khó thở.

Tôi cũng rất muốn lão ta bỏ hàm răng giả ấy ra.

-Bà vào mà bảo ông ấy! tôi khuyên mẹ. Đây là một việc nhờ vả tế nhị trong tình trạng lão như thế.

-Không! Không! bác sĩ làm thì hơn! mẹ năn nì.

Tôi biết rằng tôi mà làm sẽ có chuyện gì đây. Tôi hỏi mẹ:

-Chà! sao lại lạ thế nhỉ?

-Ông ta gằn hàm răng giả đã ba chục năm nay mà có nói gì với tôi đâu...

-Thế thì ta có thể cứ để đấy cho ông ấy? tôi đề nghị. Vì ông ấy đã có quen thờ với nó rồi...

-Ồ không! tôi sẽ tự oán trách mình mất! mụ trả lời tôi với sự xúc động nào đó trong giọng nói...

Tôi rón rén quay vào phòng. Lão chồng biết tôi trở lại bên lão. Lão tỏ ra vui lòng. Giữa những cơn nghẹt thở, lão còn nói với tôi, còn cố tỏ ra tử tế với tôi nữa. Lão hỏi tôi có kiếm được thêm khách không... Tôi trả lời “Có, có, vâng, vâng” các câu hỏi của lão. Muốn giải thích tỉ mỉ cho lão thì quá dài, quá phức tạp. Không phải lúc. Mụ vợ núp sau cánh cửa lại ra hiệu cho tôi bảo lão bỏ hàm răng giả. Thế là tôi áp gần vào tai lão, nói nhỏ khuyên lão bỏ cái đó ra. Thật là hớ! “Tôi vứt vào chuồng tiêu rồi!...” lão trả lời với hai con mắt càng sợ hãi hơn. Tóm lại vẫn chuyện làm duyên. Rồi lão khò khè một hơi dài sau đó. Thì ra con người ta bất kể ra sao cũng vỗ ngực mình là nghệ sĩ. Còn lão thì suốt đời tự thấy khốn khổ về mặt thẩm mỹ chỉ vì cái hàm răng giả.

Đã đến lúc xưng tội. Tôi có ý nhân lúc này lão cho biết ý kiến về những gì đã diễn ra đối với bà mẹ lão. Nhưng không còn được nữa rồi. Lão đã ú ớ. Dãi dốt bắt đầu ứa ra. Thế là hết. Không còn lấy ra được một lời. Tôi lau miệng cho lão rồi xuống nhà. Mụ vợ đang ở dưới hành lang tỏ vẻ không bằng lòng chút nào và gần như gắt lên với tôi chỉ vì cái hàm răng giả, làm như đó là lỗi tại tôi.

-Bằng vàng! Bằng vàng đấy, Bác sĩ ơi... Tôi biết mà! Tôi biết ông ấy đã phải trả bao nhiêu tiền!... Không ai còn làm những cái như thế nữa đâu!...

Câu chuyện còn dài, kể sao cho xiết!

-Tôi muốn ta lại lên lần nữa thử xem, tôi đề nghị với mụ, trong bụng rất khó chịu. Và tất nhiên là chỉ lên cùng với mụ.

Lần này thì lão chồng gần như không còn nhận ra chúng tôi. Chỉ hơi hơi thôi. Lão khò khè nhỏ hơn khi chúng tôi lại gần, như muốn nghe rõ được mụ vợ và tôi cùng nói gì với lão.

Tôi không đến đưa tang. Không có mỗ xác như tôi đã hơi nghi ngờ. Mọi việc diễn ra không ồn ào. Nhưng cũng không ngăn được mẹ vợ góa của Henrouille với tôi, cả hai giận nhau vì chuyện hàm răng giả.

Đám trẻ thì lúc nào cũng bắn lên với chuyện làm tình, họ vội vội vàng vàng vồ lấy bất cứ cái gì người ta đưa cho, tưởng rằng đều là thứ mua vui được cả, do cảm tính họ không suy nghĩ kỹ trước khi bắt tay vào. Cũng gần giống như hành khách đi tàu đến toa ăn, giữa hai hồi còi, người ta đưa cho cái gì thì cũng chén tuốt. Miễn là người ta cung cấp cho đám trẻ hai ba bài ca nhỏ nhỏ dùng để gây thêm phấn hứng trong các cuộc trò chuyện yêu đương, thế là đủ, và thế là họ sướng cả rồi. Tuổi trẻ là dễ thỏa mãn, họ trước hết hưởng thụ như họ muốn đã, quả là thế!

Tất cả tuổi trẻ đổ ra bãi biển vinh quang, ra tận bờ, nơi những người phụ nữ có vẻ được tự do, nơi họ xinh đẹp đến nỗi chẳng cần đến sự tưởng tượng của chúng ta trong những giấc mơ.

Thế rồi, một khi mùa đông tới, tất nhiên là ta buồn nản phải trở về, phải nói với nhau thế là hết, phải thú nhận với nhau điều đó. Tuy vậy, có thể ta vẫn cứ sống trong giá lạnh, trong tuổi tác, và vẫn hy vọng. Cái đó hiểu được. Con người ta vốn ti tiện. Họ chẳng ưa ai cả. Hưởng lạc và hạnh phúc trên hết. Cái đó đúng với ý tôi. Và khi họ bắt đầu giấu giếm người khác, đó là dấu hiệu họ sự vui chơi với người ta. Đó là một căn bệnh tự thân. Có lẽ phải hiểu xem tại sao họ không chịu chữa chạy cái bệnh cô đơn. Một tay khác tôi gặp hồi chiến tranh trong nhà thương, một cậu cai, cậu ta đã nói với tôi một ít về những cảm giác ấy. Thật tiếc là tôi không còn gặp lại cậu ta! Cậu ta giải thích cho tôi: “Trái đất đã chết... Chúng ta chỉ còn là những con sâu trên đó, những con sâu bâu lấy cái xác to tướng kinh tởm của nó, ngốn ngấu lòng ruột và cả những chất độc của nó... Chẳng còn làm gì được nữa. Chúng ta sinh ra đã thối rữa rồi... Và rồi thế đó!” Thế là một buổi tối, người ta cấp tốc đưa nhà tư tưởng ấy đến bên cạnh pháo đài, vì chứng cứ đã rành rành đáng phải xử hắn. Ày thế mà cũng phải hai tay cảnh sát, một cao một thấp, giải hắn đi. Tôi còn nhớ lắm. Tại Tòa án binh người ta bảo hắn là một tên vô chính phủ.^[130*]

Nhiều năm sau, khi ta nhớ lại và muốn kiểm tìm những lời của một số

người nào đó và kiểm tìm bản thân họ để hỏi xem là họ muốn nói gì với chúng ta khi ấy... Nhưng họ đã đi mất cả rồi!... Ta không đủ kiến thức để hiểu họ... Ta muốn hiểu xem từ khi ấy họ có những lần nào thay đổi ý kiến không... Nhưng muộn quá rồi... Hết rồi!... Chẳng còn ai hiểu gì về họ nữa. Thế là lại phải tiếp tục mò mẫm một mình trong đêm tối. Ta đã đánh mất những bạn đường thật sự của mình rồi. Khi còn thời gian thì ta chẳng hỏi họ những câu đáng hỏi. Ở ngay bên họ mà ta không biết. Rõ thật kẻ mất hồn. Trước hết là ta cứ luôn luôn chậm trễ. Có nuôi tiếc cũng chẳng nên cơm cháo gì.

Cuối cùng thì cũng thật may là cha xứ Protiste ít nhất cũng đến tìm tôi vào một buổi sáng để cùng nhau chia khoản hoa hồng trong vụ thu xếp cho bà cụ Henrouille đến ở dưới căn hầm đó. Tôi đã tưởng không còn trông mong gì ở ông linh mục này. Cứ như thể ông ta trên trời rơi xuống... Một nghìn năm trăm quan cho mỗi chúng tôi! Đồng thời ông cũng cho biết những tin vui về Robinson. Theo ông thì hai con mắt hấn đã khá hơn. Hai mí mắt không còn mừng mủ nữa. Và dưới đó đang mong đợi tôi. Hơn nữa chính tôi cũng đã hứa là sẽ đi thăm họ. Cả Protiste cũng nhấn mạnh chuyện này.

Ông còn kể cho biết thêm là Robinson sắp sửa lấy con gái bà bán nển ở nhà thờ bên cạnh căn hầm, người đàn bà lệ thuộc vào những cái xác ướp của bà cụ Henrouille. Đám cưới chuẩn bị gần xong rồi.

Tất nhiên là tất cả những chuyện ấy đưa chúng tôi đến việc ông Henrouille mất, nhưng cũng chỉ kể qua loa với nhau, câu chuyện lại trở lại một cách dễ chịu hơn với tương lai của Robinson và với cả cái thành phố Toulouse mà tôi chưa biết được tí gì, mới được nghe Grappa nói đến hồi trước, rồi đến công việc của họ với bà cụ già, cuối cùng đến cô gái sắp lấy Robinson. Tóm lại là chúng tôi nói với nhau đủ mọi chuyện, đủ mọi vấn đề... Một nghìn năm trăm quan! Cái đó làm cho tôi trở nên con người rộng rãi và có thể nói là lạc quan nữa. Tôi thấy mọi dự kiến do Robinson đem lại đều là khôn ngoan, có ý nghĩa, chí lý và ứng dụng khá tốt vào mọi tình thế... Mọi cái sẽ đâu vào đấy. Ít ra thì tôi cũng tin là thế. Rồi tôi với ông linh mục lại thao thao về chuyện

tuổi tác. Ông ấy cũng như tôi đều đã vượt qua cái tuổi ba mươi từ khá lâu rồi. Tuổi ba mươi của chúng tôi đã đi vào dĩ vãng khá xa trên những bến bờ dai ngoách và chẳng mấy luyện tiếc. Thậm chí chẳng cần phải quay lại để nhìn nhận những bến bờ ấy làm gì. Ta chẳng mất mát gì lắm trong lúc già đi thế này.

- Rút cục lại, có mà để tiện thật sự thì mới tiếc tuổi năm này hơn năm khác!... tôi kết luận. Chúng ta có thể già trong hăng say, và dứt khoát nữa, thừa cha. Ngày hôm qua có phải là kỳ cục không? Và năm trước?... Cha thấy thế nào?... Nuối tiếc gì? Tôi xin hỏi cha? Tuổi thanh xuân ư?... Chúng ta làm gì có được tuổi thanh xuân!... Đúng, là những kẻ nghèo hèn càng tiến dần đến cuối đời thì họ càng trẻ lại miễn là họ phải cố ném bớt trên dọc đường tất cả những ảo ảnh, những sợ sệt và cái nỗi khát khao bở ỉ là phải phục tùng mà người ta đã phú cho họ từ lúc chào đời, tóm lại là họ đã đỡ chán ngán hơn cái thuở ban đầu. Cái còn lại trên trái đất này không dành cho họ! Cái đó chẳng dính dáng gì đến họ!

Nhiệm vụ duy nhất của họ là phải giữ sạch sự phục tùng ấy đi, ới mưa vào nó. Chẳng nào họ đạt được việc ấy trước khi chết hẳn thì chẳng đó họ có thể khoe mình đã không đến nỗi sống vô ích.

Rõ ràng là tôi đang hăng say... Một nghìn năm trăm quan ấy đang khơi nguồn cao hứng trong tôi, tôi tiếp tục:

- Tuổi thanh xuân chân chính, duy nhất, thừa cha, là yêu thương tất cả mọi người không phân biệt, chỉ có thể mới là thật, chỉ có thể mới là trẻ và mới. Vậy thì, thừa cha, là người hiểu biết họ nhiều, cha có thấy những thanh niên được cân đối như thế không?... Tôi thì chưa thấy!... Chỗ nào tôi cũng chỉ thấy những cái khờ khạo đen tối và cũ kỹ lên men trong những thể xác ít nhiều còn mới mẻ của họ, và những cái nhớp nhúa ấy càng lên men thì lại càng khuấy động thanh niên, và thế là họ lại càng tự coi mình trẻ ghê trẻ gớm! Không đúng đâu, chỉ là lừa phỉnh thôi... Họ chỉ trẻ theo cách của những cái nhọt bọc mừng mủ làm cho họ đau đớn ở bên trong và căng phồng họ lên.

Tôi nói thế khiến Protiste khó chịu... Để khỏi làm ông thêm phiền lòng, tôi

chuyển câu chuyện... Nhất là ông vừa đối xử tử tế và còn đem lại may mắn cho tôi nữa... Quả thật là hoàn toàn khó mà tự kiềm chế khỏi quay lại một chủ đề gây phiền cho anh cũng như cho cả tôi. Cứ sống một mình là ta thấy liên cái chủ đề đã đè nặng suốt cả cuộc đời. Ta đã u mê vì nó. Để nó khỏi chướng đối với tất cả những người đến thăm, ta cố sơn phết lên một chút nhưng chỉ làm người ta thêm bức. Sống cô độc là tự dẫn mình đến cái chết.

- Phải chết một cách phong lưu hơn con chó, tôi nói thêm với ông, và phải dành lấy một nghìn phút để mà chết, dù sao thì mỗi phút đều phải có cái mới và thừa mứa những kinh hoàng để cho anh nghìn lần quên đi tất cả những gì người ta có thể có lạc thú làm tình trong cả nghìn năm trước đó... Hạnh phúc ở trên đời có lẽ là chết một cách vui vẻ, chết trong lạc thú... Còn lại chẳng là gì ráo, chỉ là nỗi sợ mà người ta không dám nói ra, đó là nghệ thuật.

Protiste nghe tôi lảm nhảm như vậy là ông nghĩ ngay rằng tôi chắc chắn lại bị ốm rồi. Có thể là ông có lý và tôi hoàn toàn sai quấy. Tại cái nơi ở ẩn này, trong lúc đi tìm một hình phạt cho tính ích kỷ phổ biến tôi đã lẫn lộn giữa cái tưởng tượng với cái có thật, tôi đi tìm hình phạt ở tận cõi hư vô! Thôi thì ta cứ đùa tếu đi vì ít có dịp được ra ngoài, do thiếu tiền, và còn do hiểm dịp để quên mình và để làm tình.

Tôi mừng rằng mình hoàn toàn không có lý do để làm cho Protiste phải bức dọc vì những triết lý trái với các tín điều tôn giáo của ông, nhưng phải nói rằng dù sao thì ở con người ông nó vẫn toát ra một tí cái sở thích rất khó chịu là cứ muốn làm bề trên, cái ấy có thể chọc tức khối người. Theo ý niệm của ông, thì tất cả mọi người đều phải ở trong một thứ phòng chờ vĩnh cửu trên trần thế để mà đợi số của mình. Số của ông tất nhiên phải thuộc hạng ưu và sẽ lên Thiên đường. Còn lại, ông mặc xác.

Những tín điều như thế thì sao mà chịu được. Ngược lại, cũng tối hôm ấy, khi ông ngỏ ý ứng trước cho tôi số tiền cần chi vào chuyến đi xuống Toulouse, thì tôi thôi hẳn việc quấy rầy và nói trái ý ông. Lo ngại phải gặp lại Tania ở Tarapout với cái bóng ma của cô khiến tôi nhận ngay lời mời của ông mà không bàn cãi gì thêm. Tôi nghĩ bụng dù thế nào thì cũng sẽ được một hai

tuần sống dễ chịu! Ma quỷ thì bao giờ cũng đủ mảnh lối để quyến rũ anh! Chẳng bao giờ biết hết được những mảnh lối ấy. Ta còn được sống thì còn không biết đi đâu nữa để tìm nơi làm lại hạnh phúc. Có lẽ ta đã vung vãi những đứa con đẻ non của hạnh phúc, làm thối hoảng khắp nơi khắp chốn đến không còn người được nữa. Những thai nhi đẻ non để ở trong các viện bảo tàng là những cái thật, thế mà có lắm người mới thoáng trông thấy đã phát ốm và buồn nôn. Từ những mưu toan thật là ghê tởm của chúng ta để được sung sướng, nếu như thất bại, thì còn phát ốm đến chết thẳng cẳng.

Ta không thể làm gì để khỏi héo hắt nếu không quên đứt những chuyện ấy đi. Chưa kể nỗi bất hạnh tự khoác vào mình đến nông nỗi này, để hâm lại những niềm hy vọng, những hạnh phúc đã thoái hóa, những nhiệt tình và ảo ảnh... Anh muốn ư, thì đấy! Còn tiền bạc của ta? Và những kiểu cách hạ lưu, những vĩnh cửu ta hằng mong muốn... Và những điều thề thốt với nhau, những điều tưởng như chưa ai nói đến trước khi nó tràn ngập đầu óc và mồm miệng ta, và những mùi thơm cùng những mơn trớn vuốt ve, những điệu bộ, tóm lại là tất cả, để cuối cùng phải ra sức che giấu hết thấy những cái đó đi, không nói tới nữa vì xấu hổ vì sợ nó quay lại với mình như một đồng ói mửa. Vậy là không phải vì chúng ta thiếu kiên trì, không đâu, có lẽ là do chúng ta đã chọn được đúng con đường dẫn tới một cái chết thanh thản.

Đi Toulouse, tóm lại, lại là một sự ngu ngốc nữa. Nghĩ đi nghĩ lại, tôi đã có ý nghi ngờ. Tôi không có lý do để khước từ. Nhưng theo đuổi Robinson như thế này, giữa những trò phiêu lưu của hắn, tôi đã thấy bắt mùi vào những chuyện ám muội. Ngay từ hồi ở New York, mỗi khi mất ngủ là tôi lại trăn trở tự hỏi tại sao mình không đi theo Robinson xa hơn, xa hơn nữa. Lao đầu vào đêm tối thì trước tiên cũng thấy kinh hãi, nhưng do ham được biết nên không còn muốn rời bỏ nơi sâu thẳm ấy. Tuy nhiên, cùng một lúc lại có quá nhiều thứ muốn biết, mà đời thì quá ngắn. Ta không muốn bắt công với ai cả. Ta có những dẫn đo, ta dè dặt trong việc đánh giá tất cả những cái đó cùng một lượt và ta sợ nhất là phải chết khi đang còn dang dở, bởi vì như thế thì ta sinh ra trên trái đất này chẳng để làm gì cả. Tồi tệ nhất trong mọi tồi tệ.

Phải gấp gáp lên, chớ bỏ lỡ cái chết của mình. Bệnh tật, nỗi khổ đã phân tán sức lực anh từng giờ phút, từng năm tháng, tẻ mạt ngủ làm cho bộ mặt anh lem luốc xám xịt suốt những ngày, những tuần, và căn bệnh ung thư trong người chúng ta có lẽ đã từ đoạn cuối ruột già leo lên một cách tỉ mỉ và hút dần hết máu.

Ta thường tự nhủ là mình không bao giờ có đủ thời gian! Chưa kể, trong cái chăm chăm gây tội ác của con người, chiến tranh cũng luôn luôn sẵn sàng leo từ căn hầm nhốt những người nghèo leo lên. Liệu họ giết người nghèo như thế đã đủ chưa? Chưa chắc... Đó là vấn đề ? Có lẽ người ta đến phải chọc tiết tất cả những ai không hiểu được vấn đề? Thì sẽ có những người khác sinh ra, sẽ có những người nghèo mới nữa và cứ thế kéo dài cho đến khi chuyện đó trở thành một trò cười, hoàn toàn là một trò cười... Cũng như người ta giầy cỏ cho tới lúc cỏ thật tốt tươi mềm mại.

Xuống tàu ở Toulouse, tôi chần chừ trước cửa ga. Vào quán uống một chai bia rồi dạo sao cũng cứ lang thang trên đường phố. Đến những thành phố lạ cũng có cái thích! Đây là lúc là nơi mình có thể cho rằng những người mình gặp đều là người tử tế. Thật là lý tưởng. Phải tranh thủ những thời khắc lý tưởng này mà giết thì giờ một tí trong vườn hoa công cộng. Tuy nhiên, qua một tuổi nào đó, trừ phi là con cái gia đình tiêu biểu, còn thì cũng phải dè chừng kéo lại giống như Parapine sẽ đi mò gái trẻ trong vườn hoa công cộng thôi. Thú vị là có được một cửa hàng bánh ngay trước mặt, qua phía bên kia hàng rào vườn hoa. Cái cửa hàng đẹp đẽ ở góc đường ấy trang trí tỉ mỉ như một thanh lâu với những lồng chim nhỏ và những tấm gương lấp lánh. Có thể tìm được kẹo hạnh nhân ở đây ăn đến chán vẫn không hết, ấy là nghĩ thế thôi. Đây quả là nơi trú chân của các thiên thần thượng đẳng. Các cô gái nhà hàng tán gẫu với nhau những chuyện yêu đương của họ đại thể thế này:

“Thế là, tớ bảo anh ấy có thể đến tìm tớ vào chủ nhật... Bà cô tớ nghe được, bà làm toáng lên vì bố tớ...

-Thế bố cậu vẫn chưa lấy vợ khác à? cô bạn ngắt lời.

-Thì làm được quái gì nếu bố tớ có lấy vợ khác... Dù sao thì bố tớ cũng có

quyền được biết với ai mà con gái ông ra đời chứ...”

Đó cũng là ý kiến cô gái kia trong nhà hàng. Nơi sẵn những cuộc bàn luận say sưa giữa các cô bán hàng. Để khỏi cản trở họ, tôi hoà công ngồi trong một xó, không ngớt tọng hết bánh su kem đến bánh kem mút, lại còn ăn vụng nữa, với hy vọng là các cô mau mau giải quyết được những vấn đề tế nhị về ngôi thứ trong gia đình, thế mà các cô vẫn chẳng ra cho. Chẳng thấy ló ra được cái gì cả. Sự bất lực của họ trong việc biện luận chỉ đưa họ đến chỗ ghen ghét không sở cứ rõ ràng. Ngập ứ đến tận cổ những điều phi lý, kiêu căng và dốt nát, các cô gái nhà hàng ấy xì xào hàng nghìn lời nguyền rủa.

Dù sao thì tôi cũng cứ bị mê hoặc bởi cơn tuyệt vọng khốn khổ của các cô. Tôi tấn công đĩa bánh ga tô ba-ba ^[131*]. Tôi không tính được đã ăn bao nhiêu chiếc ba-ba nữa. Các cô cũng thế. Tôi hy vọng rằng không phải ra đi trước khi các cô đạt được một kết luận... Nhưng sự say mê đã làm cho các cô điếc đặc rồi cảm tịt luôn ngay bên cạnh tôi.

Chua chát hần học đã cạn, họ dẫn lòng bực bội núp sau quây ga tô, chẳng ai chịu thua, cắn môi ngậm miệng, “được rồi để đấy”, cay đắng nghiền ngẫm để trong dịp sau sẽ phun ra mau lẹ hơn những điều ngốc nghếch rõ đại và chướng tai gai mắt mà họ được biết của cô bạn trong trận này. Và lại nếu cái dịp ấy có thể chẳng xảy ra, thì họ sẽ tạo ra... Những lý lẽ mạnh mún chẳng đâu vào đâu. Tôi cứ đành phải ngồi đó để càn đĩnh tai nhức óc với những lời lẽ tuôn không ngớt của các cô, như những con sóng nhỏ vỗ loạn vào bờ.

Nghe ngóng, chờ đợi, hy vọng, ở đây, ở đó, trên xe lửa, trong quán cà phê, ngoài đường phố, trong phòng khách, trong lều bà gác nhà, ta nghe, ta chờ toàn những cái độc ác đang thành hình, cũng như chiến tranh, nhưng cái đó chỉ khuấy động thể thôi chứ chẳng đi đến đâu bao giờ, dù bởi các cô gái khốn khổ ấy hay bởi ai khác. Chẳng có ai đến giúp đỡ chúng tôi. Những lời ba hoa phù phiếm ồn ào ấy cứ như một tấm màn kịch xù xám xịt và đơn điệu căng lên trên cuộc sống như một ảo ảnh quá quắt đến nản lòng. Hai bà khách vừa bước vào và cắt đứt luôn sự lôi cuốn khó hiểu của câu chuyện vô hiệu của các cô đối với tôi. Hai bà khách tức khắc trở thành đối tượng của sự vồn vã của

toàn thể nhân viên nhà hàng. Họ tíu tít trước những yêu cầu và những ý muốn nhỏ nhất của các bà. Chỗ này rồi chỗ kia, hai bà chọn lựa, nhón lấy những chiếc bánh nướng nhỏ, bánh kem để mang đi. Đến lúc trả tiền, các cô gái lại càng hối hả một cách lễ phép và còn đua nhau biếu các bà những chiếc bánh giòn để các bà ném “ngay tức khắc”.

Một bà chối từ với những lời cảm ơn rất ư duyên dáng, giải thích kỹ càng và kín đáo với những phụ nữ kia, cũng rất quan tâm, rằng ông thầy thuốc của bà cấm bà từ nay không được ăn của ngọt, và ông thầy thuốc ấy sao mà hay thế, ông đã lập nhiều kỳ tích trong việc chữa bệnh táo bón ở trong thành phố và các nơi khác, cùng với nhiều người khác, bà đang được ông chữa khỏi căn bệnh bí đại tiện đã hơn chục năm nay, nhờ có một chế độ kiêng khem đặc biệt với một thứ thuốc tuyệt diệu chỉ mình ông biết. Những người phụ nữ kia chưa từng nghe nói đến việc khỏi được bệnh táo bón lại dễ dàng như thế. Họ khổ sở hơn ai hết về cái bệnh táo bón này. Họ phản đối. Họ đòi phải cho họ chứng cứ. Bà nọ bị nghi ngờ chỉ nói thêm rằng, hiện nay bà ta “đi ngoài là đánh rắm liên hồi như bắn pháo hoa thật sự... Là bởi vì thứ phân mới của bà đều thành hình khuôn rất dai, thành ra lại phải cẩn thận gấp bội... Nhiều khi những cục phân tuyệt diệu ấy quá rắn, làm cho bà bị đau lỗ đít đến khủng khiếp... Rách ra được... Bà phải bôi va-dơ-lin trước khi vào nhà tiêu”. Thật khó mà bắt bẻ được.

Vậy là mấy bà khách rất vui chuyện ấy vững tin ra về, và được tiễn ra tận thềm với tất cả những nụ cười của nhà hàng bánh ngọt “Chim non”.

Tôi thấy cái vườn hoa công cộng trước mặt thích hợp cho mình dừng chân chốc lát để tĩnh tâm, đủ thời gian lấy lại tinh thần trước khi đi tìm cậu bạn Robinson.

Trong các công viên dưới tỉnh, những chiếc ghế băng hầu như lúc nào cũng bỏ trống vào những buổi sáng trong tuần, bên những khóm chuối hoa và khóm mào-gơ-rít sum sê. Gần những hòn non bộ, trên làn nước tù đục ngầu, một chiếc thuyền nhỏ bằng kẽm với lớp tro nhẹ bao quanh, được cột vào bờ bằng một sợi thừng mốc meo. Con thuyền nhỏ ấy chỉ chở khách dạo chơi

quanh hồ vào ngày chủ nhật, một tấm biển ghi như thế và ghi cả giá vé: “Hai quan”. Bao nhiêu năm rồi? bao nhiêu sinh viên? bao nhiêu bóng ma?

Trong các vườn hoa công cộng thì xó xỉnh nào cũng chất đống những giỏ hoa lý tưởng, những khóm cây hẹn ước thề bồi và những chiếc khăn tay chứa đủ thứ. Chẳng có gì là đứng đắn.

Nhưng dù sao thì hãy tạm ngừng mơ mộng hão huyền! Tôi tự bảo mình lên đường đi tìm Robinson và ngôi nhà thờ Sainte-Éponime cùng căn hầm mà hân vớ bà cụ trông giữ những xác ướp. Tôi đến đây cốt để thấy tất cả những cái đó, phải quyết định thôi...

Với một chiếc xe ngựa chở thuê, thế là tôi bị cuốn hút vào những đoạn đường quanh co, vào những nước kiệu nhịp nhàng, giữa những phố phường râm mát của một thành phố cổ, nơi ánh mặt trời bị kẹt trên những mái nhà. Chiếc xe gầy ồ trên đường phố với những bánh xe của nó, với tiếng vó ngựa gõ trên đường, tiếng lộc cộc lúc qua rãnh qua cầu... Từ đã khá lâu, ở miền Nam không có những thành phố bị thiêu cháy. Chưa bao giờ các thành phố ấy lại cổ xưa đến thế. Chiến tranh không qua đó nữa.

Chúng tôi đến trước cửa nhà thờ Sainte-Éponime đúng lúc chuông điểm giữa trưa. Căn hầm còn xa hơn một chút, nằm dưới một cây thánh giá. Người ta trả cho tôi một chỗ ở chính giữa khu vườn nhỏ rất khô. Có thể xuống hầm mộ ấy qua một cửa hang có cửa chắn. Từ xa tôi đã thấy người gác cửa hầm, một cô gái trẻ. Lập tức tôi hỏi cô luôn tin tức của Robinson. Cô gái đang định đóng cửa. Cô nở nụ cười rất dễ thương để trả lời tôi, và cho tôi biết liên tin tức, toàn những tin vui.

Trong ánh nắng giữa trưa ấy, ở nơi chúng tôi đang đứng, mọi cái đều rực lên một màu hồng và những tảng đá mục ruỗng vươn theo chiều cao nhà thờ lên tít trên trời, như sẵn sàng đợi lượt tan biến vào không khí.

Cô gái người tình của Robinson có lẽ trong độ tuổi hai mươi. Hai chân rắn chắc và thẳng, ngực nhỏ nhưng hoàn toàn duyên dáng, khuôn mặt xinh xắn, sắc sảo, rõ ràng, đôi mắt, theo ý tôi, có lẽ hơi quá đen và quá chăm chú. Không tí nào thuộc loại mơ mộng. Chính cô đã viết những bức thư của

Robinson, những bức tôi nhận được. Cô đi trước tôi với bước đi rất chính xác xuống dưới hầm, bàn chân và mắt cá chân rất thanh tú và cả hai cổ chân của một người biết hưởng lạc, sẵn sàng uốn cong và quặp lại đúng lúc. Hai bàn tay ngắn, cứng cáp, nắm chắc như những bàn tay thợ với nhiều tham vọng. Tiếng mở khóa kêu tách một cái. Nắng nóng nhảy nhót quanh chúng tôi và hừng hực trên hè đường. Nói cà kê một tí, và khi cửa mở ra rồi, cô mời tôi xuống thăm căn hầm, dù đã đến giờ ăn trưa. Tôi bắt đầu thấy mình không còn có gì phải lo nữa. Chúng tôi theo sau cái đèn của cô, càng xuống sâu không khí càng mát. Thật là dễ chịu. Tôi giả vờ sẩy chân giữa hai bậc thang, để níu lấy cánh tay cô, cái đó làm cho hai người cùng cười vui và khi xuống đến nền đất nện, tôi khẽ hôn vào quanh cổ cô. Lúc đầu cô phản kháng, nhưng chỉ vừa phải.

Sau phút giây trìu mến ngắn ngủi ấy, tôi xoắn lấy quanh bụng cô đúng như một thằng kỳ quặc thêm khát tình ái. Những kẻ đòi truy thì bao giờ cũng nhờn mép nhờn môi khi nói chuyện tâm hồn. Tôi từ từ luồn bàn tay vuốt ngược lên hai đùi uốn cong. Chiếc đèn đặt xuống hên đất soi rõ những nét chuyển động trên đôi chân, trông lại càng thích. Một thế nằm được ưa chuộng. Chà! chớ có bỏ phí tí gì những lúc thế này! Dòm ngó thêm thường mãi thì bây giờ được đền bù rồi đây. Thôi thúc mới mạnh làm sao! Tâm trạng vui vẻ đột ngột làm sao! Cuộc chuyện trò lại trở lại với giọng tin cậy mới và giản dị. Chúng tôi đã là bạn của nhau. Bắt đầu từ hạ bộ đã! Chúng tôi vừa tiết kiệm được mười tuổi.

“Cô thường dẫn khách đi thăm à?” tôi vừa thở vừa hỏi một cách thật là hớ. Nhưng tôi vội chữa. “Có phải bà mẹ cô bán nệm ở nhà thờ cạnh đây không?... Cha xứ Protiste cũng nói chuyện với tôi về bà.

- Tôi chỉ thay bà Henrouille trong giờ ăn trưa thôi... cô trả lời. Buổi chiều tôi làm ở nhà hàng thời trang... ở phố Nhà Hát... Lúc đến đây ông có qua cửa Nhà Hát không?”

Một lần nữa cô lại làm cho tôi vững tâm về Robinson, hẳn đã khá lắm, ngay bác sĩ chuyên khoa mắt cũng tin là hẳn sẽ sớm nhìn được kha khá để có

thế một mình đi đường. Hẳn cũng đã thử. Tất cả những cái đó là triệu chứng tốt. Về phần mình, bà cụ Henrouille cũng thấy hoàn toàn bằng lòng với căn hầm này. Bà mua sắm và dành dụm. Chỉ có một cái bất tiện là nhà họ ở lắm rệp quá, không ai ngủ nghỉ gì được, nhất là vào những đêm giông bão. Thế là phải đốt diêm sinh để trừ rệp. Hình như Robinson nhắc đến tôi luôn với những lời lẽ tử tế nữa. Chúng tôi đi dần vào chuyện và những tình tiết của đám cưới.

Quả thật là đã qua đủ mọi chuyện mà tôi vẫn chưa hỏi tên cô. Tên cô là Madelon. Sinh trong thời chiến tranh. Dự định cưới xin của họ dù sao cũng rất thuận tiện cho tôi. Chắc hẳn là cô đã phải biết, lấy Robinson rồi thì làm ăn ra sao... Cứ cho là bệnh tật hẳn sẽ khá hơn, nhưng hẳn vẫn sẽ là một kẻ tàn phế... Cô vẫn tin rằng hẳn còn có đôi mắt của người mù, tức là bằng đôi tay sờ mó... Nhưng gân cốt và tinh thần của hẳn đã bệnh hoạn như vậy và cái còn lại nữa! Tôi đã suýt buột miệng nói ra điều đó với cô để cô canh chừng. Tôi không còn biết làm sao định hướng hay làm thế nào ra khỏi những chuyện cưới xin.

Để thay đổi chủ đề, tôi tỏ rất quan tâm đến những gì có trong hầm, là người từ rất xa đến chỉ cốt được thăm căn hầm, giờ là lúc tôi phải để tâm vào đây.

Với chiếc đèn nhỏ của cô, Madelon cùng tôi, soi từng cái xác ướp. Nhìn những cái này chắc hẳn các du khách phải suy nghĩ đây! Những xác ướp đó gắn lên tường như những người bị xử bắn... Hơn nữa lại hoàn toàn là da với xương, với quần áo nữa... Mỗi thứ một ít đều có cả... Nhưng đã trong tình trạng cáu bẩn và thùng lổ chỗ... Thời gian đã bám theo những bộ da của họ từ nhiều thế kỷ mà vẫn chưa buông tha... Thời gian xé nát từng mảnh trên khuôn mặt họ... Nó khoét rộng thêm các lỗ hổng và vẫn còn trông thấy những sợi biểu bì mà thần chết đã bỏ sót sau những lớp sụn. Bụng họ rỗng không, làm cho họ bây giờ như mang hình bóng một cái nôi nhỏ nơi rốn.

Madelon giải thích cho tôi rằng những người chết ấy đã phải chôn hơn năm trăm năm trong nghĩa địa toàn vôi sống mới được thế này. Có lẽ không

còn gọi được đó là những xác chết. Đối với họ, thời gian dành cho xác chết đã chấm dứt từ lâu. Họ đã rất từ từ đi đến bờ cõi của cát bụi.

Trong hầm này có lớn bé hai mươi sáu cái tất cả, không đòi hỏi gì hơn là được vào cõi Vĩnh hằng. Nhưng người ta chưa chịu để họ đi. Những bộ xương phụ nữ được đội mũ bon-nê, có một người gù, một người khổng lồ và cả một đứa bé cũng đã rửa hết, và thừa bạn, quanh cái cổ tí xíu khô khốc còn quần một chiếc yếm dải đăng ten, và một mẫu tã lót nữa.

Bà cụ Henrouille kiếm khá tiền nhờ những của mục nát từ nhiều thế kỷ này. Tôi nhớ lại hồi mới biết bà cụ thì bà cũng gần giống những bóng ma ấy... Cứ thế, tôi cùng Madelon từ từ điếm qua trước mắt họ... Lần lượt từng cái sọ hiện ra cam lạng trong vòng sáng của ngọn đèn dầu. Trong đáy những hố mắt chưa đen tối hẳn, mà vẫn như còn có cái nhìn dịu dàng của những người còn nhận biết. Cái gây khó chịu có lẽ trước hết là cái mùi cát bụi của họ bay vào đầu mũi mình.

Bà cụ Henrouille không bỏ sót một cuộc tham quan nào của khách du lịch. Bà bắt những người chết phải làm việc y như trong một rạp xiếc. Gặp mùa, mỗi ngày họ đem lại cho bà một trăm quan.

- Ông có thấy những người chết không có vẻ gì là buồn, phải không nào? Madelon hỏi tôi. Chắc là một câu hỏi quen thuộc của cô.

Với cô gái xinh xắn ấy, cái chết chưa nói lên cái gì cả. Cô sinh ra trong thời chiến, thời cái chết thật nhẹ nhàng. Còn tôi, tôi biết rõ người ta chết thế nào. Tôi biết cái chết đau đớn ghê gớm lắm. Ta có thể nói với các du khách rằng những người chết này thỏa mãn. Họ cũng chẳng có gì để nói lại. Bà cụ Henrouille có thể vỗ lên bụng họ kêu bồm bộp. Nhưng như thế cũng không phải cái cơ để nói mọi việc đều suôn sẻ.

Cuối cùng, chúng tôi trở lại những chuyện của mình với Madelon. Như vậy hoàn toàn đúng là Robinson đã khá lên. Tôi không đòi hỏi gì hơn. Cô người tình ấy hình như kiên trì cái đám cưới của mình. Cô sẽ buồn chán Toulouse. Tại đây hiếm dịp để gặp một chàng trai đã đi đó đi đây nhiều như Robinson. Hẳn biết khối chuyện! Chuyện thật có mà chuyện ít thật cũng có.

Hắn đã kể cho họ nghe khá dài về nước Mỹ và vùng Xích đạo. Thật là tuyệt.

Tôi cũng đã ở Mỹ và ở vùng Xích đạo. Tôi cũng biết nhiều chuyện. Tôi định kể lại. Cũng do cùng đi đây đó với Robinson nên thành bạn với nhau. Ngọn đèn phụt tắt. Châm đi châm lại đến mười lần, trong khi chúng tôi sắp đặt quá khứ với tương lai. Cô giữ không cho tôi đụng đến cặp vú vì vú cô nhạy cảm lắm.

Dù sao thì cũng chỉ trong phút chốc bà cụ Henrouille ăn xong là quay về, tôi đành phải leo lên trên bằng một cầu thang nhỏ, dốc đứng, mỏng mảnh và khó leo như một cái thang. Tôi đã để ý.

Cũng vì cái cầu thang mỏng mảnh, ác hiểm ấy mà Robinson ít khi xuống dưới hầm xác ướp. Đứng ra thì hẳn thường chỉ đứng ở trước cửa để rào đón đôi câu với các du khách và cũng để tập nhìn đây nhìn đó cho ánh sáng lọt qua mắt.

Dưới hầm, trong lúc đó, bà cụ Henrouille tự xoay sở lấy. Thật ra thì với các xác ướp, mình bà làm cả hai việc. Bà tô điểm cuộc tham quan của khách du lịch bằng một bản thuyết trình ngắn viết sẵn trên giấy về những người chết của mình. “Thưa quý ông, quý bà, hoàn toàn không có gì đáng ghê sợ, vì họ đã được lưu giữ trong vôi, như quý vị thấy đây, từ hơn năm thế kỷ... Sưu tập của chúng tôi là độc nhất trên thế giới... Phần thịt tất nhiên đã biến hết đi rồi... Chỉ còn lại lớp da, nhưng cũng đã thuộc rồi... Tuy trần truồng, họ không phải là không đứng đắn... Quý vị sẽ để ý thấy một đứa nhỏ được chôn cùng thời với mẹ nó... Đứa bé cũng được giữ gìn rất tốt. Và cái xác cao lớn kia với chiếc áo sơ mi và dải đăng ten... Cái xác ấy vẫn còn đủ răng... Quý vị để ý sẽ thấy...” Bà cuộn tờ giấy vổ bồm bộp lên ngực tất cả các xác chết. “Đây, quý ông quý bà xem, cái xác này vẫn còn một con mắt... đã khô hẳn... và cái lưỡi... cũng đã thành như một miếng da!” bà cầm cái lưỡi. “Nó lè lưỡi nhưng không có gì đáng tởm... Quý ông, quý bà muốn cho bao nhiêu là tùy, nhưng theo lệ thường người ta cho mỗi người lớn hai quan và một nửa cho các trẻ con... Các vị có thể sờ tay vào họ trước khi đi... Các vị sẽ tự thấy... Nhưng cũng xin nhẹ tay... Tôi xin lưu ý quý vị... Họ đều mỏng mảnh...”

Ngay từ khi mới đến, bà cụ Henrouille đã tính chuyện tăng giá lên, đây là vấn đề thỏa thuận với Nhà xứ. Nhưng việc đó bà không làm một mình được vì cha xứ ở Sainte - Éponime đòi chia cho mình ông một phần ba thu nhập, rồi lại cả Robinson cũng liên tục phản đối rằng bà cụ không đưa cho hẳn đủ tiền chia lãi, hẳn thấy thế.

-Tớ bị người ta coi như một con chuột cống... Lại còn một lần... Tớ thật không phải số đỏ! Dầu sao thì đấy cũng là một việc béo bở với bà già ấy

chứ!... Bà ních đầy túi, đồ độc ác, tớ có thể khẳng định là thế.

-Thì cậu có mang về được đồng nào trong vụ này đâu! tôi bác bỏ để hẳn diu bớt và cũng để hẳn hiểu hơn... Mà cậu lại được nuôi dưỡng tử tế!... Mọi người chăm sóc cậu!...

Nhưng Robinson ngang bướng như một con ong bầu, đúng là một đứa quấy rầy bẩm sinh. Hẳn không muốn hiểu mà cũng không cam chịu.

-Dù sao cậu cũng đã may mà thoát ra khỏi một vụ xấu xa tồi tệ, tớ đảm bảo với cậu thế!... Đừng kêu ca gì nữa! Không được người ra vạch đường chỉ lối cho thì cậu đã bị đưa ra thẳng Cayenne ^[132*] rồi... Và bây giờ cậu đang được sống bình thản thế này. Cậu lại còn vợ được cô bé Madelon, người tử tế và rất mến cậu... Cậu điên thật rồi đấy!... Cậu còn kêu ca phàn nàn gì nữa nào?... Nhất là hai mắt cậu bây giờ đang khá lên...

- Cậu có vẻ muốn nói rằng tớ không biết là tớ phàn nàn quá đáng chứ gì? hẳn trả lời tôi. Nhưng tớ nghĩ rằng dù thế nào cũng phải phàn nàn... Thế này này... Tớ chỉ còn thế này này... Để tớ nói cậu nghe... Họ chỉ còn cho phép tớ mỗi một cái... Họ không thêm nghe tớ nói.

Thực tế thì cứ lúc nào chỉ còn hai đứa với nhau, hẳn có bao giờ ngừng cãi nhai. Tôi đâm ra ngại những lúc tâm sự với hẳn. Tôi nhìn hẳn, hai con mắt hấp háy còn rỉ nhoèn trước nắng, và tôi nghĩ thầm thằng cha Robinson này quả là một đứa chẳng có cảm tình với ai cả. Có những con vật sinh ra cũng như thế, chúng cố làm ra vẻ ngây thơ và khổ sở và đủ cả, nhưng vô ích, người ta biết tỏng rồi và làm điệu bộ gì thì người ta vẫn cứ chẳng ưa. Ở chúng thiếu một cái gì đó.

-Có thể là cậu đã chết mục ở trong tù rồi ấy chứ... tôi lại tiếp tục, vấn đề là làm cho hẳn phải suy nghĩ nữa.

-Thì tớ đã ở tù... Cũng không tồi tệ hơn chỗ tớ đang sống hiện nay!... Cậu lạc hậu rồi...

Hẳn chưa hề nói với tôi là hẳn đã bị đi tù. Có lẽ chuyện ấy xảy ra trước khi chúng tôi gặp nhau, trước chiến tranh. Hẳn gằn giọng kết luận:

-Tớ nói cho cậu biết, chỉ có một thứ tự do, chỉ một thôi: Đó là trước hết

được nhìn rõ hơn, và rồi có tiền đầy túi, còn lại chẳng là gì hết!...

-Rút cục thì cậu muốn đi tới đâu?

Khi mình thúc ép hẳn phải tự định đoạt, phải nói rõ hẳn ý hẳn ra thì hẳn co vùi lại ngay. Tuy nhiên đó cũng là lúc câu chuyện có thể thú vị hơn...

Trong khi Madelon, ban ngày phải đi đến xưởng may và bà cụ Henrouille mãi mê trình bày cho khách những cửa bỏ đi của bà, thì chúng tôi rủ nhau ra ngồi hàng cà phê dưới gốc cây. Đây là một chỗ Robinson rất thích, một hàng cà phê dưới gốc cây. Có lẽ vì ở đó sẵn tiếng chim hót líu lo trên cành. Chỗ ấy thật là lẩm chim! Nhất là vào khoảng năm giờ khi chúng bay về tổ, ríu rít bởi mùa hè. Chúng bay ào xuống như một cơn giông. Người ta còn kể rằng có một ông thợ cạo mở cửa hàng ở dọc khu vườn này đã phát điên, chỉ vì quanh năm suốt tháng phải nghe tiếng chim ríu ra ríu rít với nhau. Đúng là chúng tôi cũng không nghe rõ được mình nói gì.

Nhưng dù sao thì Robinson cũng thấy vui vui.

- Giá như bà ấy chỉ cần đưa đều đều cho tớ bốn xu mỗi người khách, tớ cũng có thể thấy là tốt rồi!

Cứ khoảng mười lăm phút là hẳn lại trở lại với nỗi day dứt ấy. Tuy vậy, đôi lúc hình như hẳn cũng nhớ đến những thời đã qua, cả những chuyện như hồi ở Công ty Pordurière ở châu Phi mà cả hai đều biết rất rõ, và những chuyện tục tũ mà hẳn chưa kể cho tôi nghe bao giờ. Có lẽ không dám kể. Xét cho cùng thì hẳn là con người khá kín tiếng, thậm chí như kẻ thích làm ra vẻ bí mật nữa.

Nói về quá khứ, mỗi khi tình cảm lâng lâng, thì tôi nhớ nhất vẫn là Molly, nhớ rõ như nghe một tiếng chuông đồng hồ từ phương xa vang vọng lại, cũng như mỗi khi nghĩ đến điều gì tốt đẹp là tôi nghĩ ngay đến nàng.

Chung quy, khi nào cái tính ích kỷ nó nổi lòng ta ra một tí, khi thời gian đã đến lúc kết thúc, thì trong lòng ta cái kỷ niệm còn được giữ lại, đó là kỷ niệm về những người đàn bà yêu những người đàn ông hơi thật một tí, không phải chỉ yêu có một người, kể cả đó là anh, mà yêu tất cả.

Tối hôm ấy, từ quán cà phê ra về, chúng tôi chẳng làm gì cả, y như những

chàng hạ sĩ về hưu.

Đang mùa, nên không lúc nào ngớt khách du lịch. Họ kéo nhau xuống hầm và bà cụ Henrouille đã đặt tới chỗ làm cho họ cười vui. Cha xứ tuy có khó chịu chút ít về những câu bông đùa ấy nhưng ông nhận được thêm phần khá hơn nên cũng nín thinh. Kể cũng đáng công xem và nghe bà cụ Henrouille giữa những xác chết ấy. Bà cụ cùng với anh nhìn thẳng vào mặt những xác chết, bà không còn sợ gì cái chết, bản thân bà, da dẻ nhăn nhoe héo quắt, thì cũng như đã nằm trong số họ, cầm cái đèn ba hoa cạnh những cái gọi là khuôn mặt ấy.

Khi trở về nhà, quây quần trong bữa ăn tối, còn bàn cãi chán về các khoản thu nhập, và rồi bà mẹ Henrouille gọi tôi là “chú Bác sĩ Chó rừng” của bà, vì những chuyện đã diễn ra giữa chúng tôi ở Rancy. Tất nhiên chỉ là để nói vui thôi. Madelon thì vất vả bận rộn trong bếp. Chỗ ở của chúng tôi chỉ có một tí ánh sáng, đây là gian phụ của kho để đồ thờ, rất chật chội, đầy những kèo cột, xó xỉnh bụi bậm. Bà cụ bảo: “Dẫu cho có thể nói là lúc nào trong nhà cũng tối om, thì mình vẫn còn thấy được cái giường, cái túi và thấy được cái mồm mình nữa, thế là đầy đủ chán!”

Sau cái chết của con trai, bà cụ buồn không lâu. Một tối, bà kể với tôi về chuyện này:

- Hẳn là người luôn luôn khó tính, còn tôi, ông biết không, tuy đã ở tuổi bảy mươi sáu mà tôi có kêu ca phàn nàn gì bao giờ đâu! Còn hẳn thì luôn mồm, có thể ví dụ như Robinson của ông, đúng là cùng một giuộc với nhau, ừ mà cái cầu thang nhỏ trong hầm dốc lắm phải không?... Ông cũng đã biết đấy chứ?... Tất nhiên là nó làm tôi phát mệt, nhưng có những ngày nó đem lại cho tôi mỗi bậc là hai quan...

Tôi tính rồi... Vậy thì, với cái giá ấy, dẫu có phải leo lên đến tận giới, tôi cũng leo!

Madelon cho rất nhiều gia vị vào bữa ăn, cả cà chua nữa. Thật là ngon. Cả rượu vang phốt hồng. Đã đến miền Nam này thì ngay đến Robinson cũng phải quen uống vang. Hẳn đã kể cho tôi tất cả những gì xảy ra từ khi đến

Toulouse. Tôi không còn để tai nghe hắn. Hắn thất vọng và ngán ngẫm với tôi, có thể nói là thế. “Tớ phải kết luận rằng cậu là một thằng tư sản (bởi vì vào thời điểm ấy, tôi thấy không còn lời nguyên rủa nào cay độc hơn thế). Rút cuộc, cậu chỉ nghĩ đến tiền thôi... Khi nào nhìn rõ được rõ hơn, hắn là cậu sẽ còn tồi tệ hơn khối kẻ khác!”

Có mắng mỏ thì hắn cũng chẳng mếch lòng. Còn có thể nói rằng như thế càng lấy lại can đảm cho hắn. Hơn nữa, hắn cũng thấy đó là sự thật. Tôi nghĩ bụng, bây giờ thằng cha ấy đã có nơi có chốn rồi, chẳng còn phải lo gì cho hắn... Với một cô vợ bé nhỏ hơi dữ dằn một tí, hơi hư hỏng một tí, thì khỏi phải nói, có biến đổi thành một thằng đàn ông khác anh cũng chẳng nhận ra. Tôi còn nghĩ thầm, từ lâu mình cứ coi Robinson là một gã phiêu lưu, nhưng thật ra chỉ là một miếng pho mát nhạt muối [133*], dù có bị cắn sừng hay không, mù lòa hay không... Thế đó.

Hơn nữa, hắn bị lây cái cuồng nhiệt dành dụm của bà cụ Henrouille, rồi Madelon cũng nóng lòng với đám cưới. Thế là trọn vẹn. Hắn phải liệu lấy thôi. Trước hết là phải bén mùi cô gái nhỏ đi. Tôi đã biết chuyện ấy. Họa có nói dối thì mới bảo rằng tôi không tí nào hờn ghen trong chuyện này. Với Madelon, chúng tôi thỉnh thoảng gặp nhau chốc lát trong buồng cô, trước bữa ăn tối. Nhưng cũng không dễ gì thu xếp được những cuộc gặp gỡ như thế. Người ta chẳng nói gì. Chúng tôi giữ hết sức kín.

Cũng đừng vì thế mà nghĩ rằng cô không yêu Robinson của cô. Hai chuyện không ăn nhằm gì với nhau. Chỉ có điều là, hắn thì hắn đầu cơ việc đính hôn, còn cô ấy, cũng tự nhiên thôi, cô lợi dụng lòng chung thủy. Tình cảm giữa họ với nhau là thế. Tất cả trong những cái đó là sự đồng tình. Hắn đã tâm sự với tôi rằng hắn chờ ngày cưới để được sờ vào đấy. Đó là ý hắn. Vậy thì, với hắn là vĩnh cửu còn với tôi là tức khắc. Hơn nữa hắn còn cho tôi biết hắn có thêm một dự định khác là cùng với cô ấy mở một quán ăn nhỏ và bỏ mặc bà cụ Henrouille. Tất cả là chuyện nghiêm chỉnh. Trong những lúc hứng trí, hắn dự kiến rằng: “Cô ấy nhã nhặn, hắn là sẽ vừa lòng khách hàng. Mà cậu cũng đã thưởng thức các món ăn cô ấy nấu rồi còn gì. Cái gì chứ nấu

ăn thì cô ấy chẳng sợ ai!”

Hắn còn nghĩ cả đến việc vay bà cụ Henrouille một số vốn nhỏ ban đầu. Tôi cũng mong thế, nhưng tôi thấy trước là hắn sẽ gặp nhiều khó khăn để quyết định việc này. Tôi bảo hắn: “Cậu nhìn đời toàn màu hồng”, cốt cho hắn yên tâm và để hắn phải suy nghĩ thêm. Lập tức hắn òa khóc và coi tôi là đồ ghê tởm. Không muốn làm nản lòng ai, tôi vội nhận ngay là mình có lỗi bởi mỗi u sầu trong lòng đã khiến tôi sai lạc. Trước chiến tranh hắn biết nghề khắc đồng, nhưng bây giờ, với bất cứ giá nào, hắn cũng không còn muốn thử lại nữa. Tùy hắn. “Với hai lá phổi của tớ, tớ cần có nơi thật khoáng đãng, cậu hiểu không, lại còn đôi mắt tớ không còn bao giờ được như trước nữa”. Quan điểm đó của hắn cũng không sai. Chẳng có gì để trả lời. Khi hai đứa cùng nhau qua những phố đông, nhiều người ngoái lại để tỏ vẻ thương hại kẻ mù lòa. Những người đó sẵn lòng thương đối với những người tàn phế, mù lòa và ta có thể nói rằng họ còn dự trữ được cái tình. Tôi cũng nhiều lần cảm thấy được cái tình dự trữ. Cái tình ấy lớn lắm. Không thể nói trái đi được. Chỉ có điều thật bất hạnh là con người ta lại cứ ôm khư khư lấy cái tình dự trữ ấy. Nó không thoát ra được, thế thôi. Nó bị cầm giữ trong đó, nằm lì trong đó, chẳng còn dùng làm gì cả. Cái tình ấy chết trong đó.

Sau bữa tối, Madelon chăm nom hắn, Léon, như cô thường gọi. Cô đọc báo cho hắn nghe. Bây giờ hắn lại đắm mê chuyện chính trị và các báo miền Nam này thì có mà đầy những chuyện chính trị sống động.

Buổi tối, xung quanh chúng tôi, căn nhà chìm sâu thêm vào cái tối tàn qua nhiều thế kỷ. Sau bữa tối, là lúc lũ rệp xuất hiện, và cũng là lúc tôi thử nghiệm hiệu quả của thứ độc được giết chúng dần mòn mà tôi định sẽ bán cho một nhà bào chế để kiếm chút lời. Cũng là một mưu đồ nho nhỏ. Việc này cũng làm cho bà cụ Henrouille đỡ buồn, bà giúp tôi trong những cuộc thử nghiệm. Chúng tôi cùng nhau dò tìm từng ổ rệp, các khe rãnh, góc ngách, phun thuốc vào cả đàn cả lũ chúng. Chúng giẫy giụa và xui dần dưới ánh nền của bà cụ Henrouille soi cho tôi rất cẩn thận.

Vừa làm, chúng tôi vừa nhắc lại những chuyện ở Rancy. Cứ nghĩ đến nơi

ấy là tôi đã thấy rầu ròi, có lẽ ở hẳn Toulouse cho đến trọn đời mà lại hay. Xét cho cùng thì tôi cũng chẳng còn đòi hỏi gì hơn, miếng ăn đã đảm bảo và thời gian thuộc về mình. Đủ sung sướng rồi. Tuy vậy tôi cũng phải nghĩ đến việc quay lại và đến công việc. Thời gian đã qua đi cùng với món tiền thưởng của ông cha xứ, và còn tính chuyện để dành nữa chứ.

Trước lúc ra đi, tôi muốn nhắc thêm với Madelon vài bài học và vài lời khuyên nhỏ. Tốt hơn hết là cho tiền khi mình có thể và khi mình muốn làm việc thiện. Nhưng cũng có thể giúp ích vào việc phòng ngừa và hiểu biết thật đúng cái gì mình phải kiềm chế, đặc biệt là tất cả những nguy cơ có thể có trong việc ăn nằm với người này người khác, đó là điều mà tôi nghĩ thầm trong bụng, nhất là về chuyện bệnh tật thì Madelon làm cho tôi hơi sờ sợ. Lanh lẽ hoạt bát thì ở cô là cái chắc, nhưng cô hoàn toàn mù tịt về chuyện những con vi trùng. Tôi bèn lao vào việc giải thích tỉ mỉ cho cô về việc cô phải xem cho kỹ trước khi đáp ứng những lời mời mọc. Nếu thấy nó đỏ... Nếu nó rỉ giọt ra ở đầu... Tóm lại là những chuyện kinh điển mà ta phải biết và rất là hữu ích... Sau khi chăm chú nghe, để yên tôi nói, cô mới phản đối làm phép. Cô giả bộ nổi cơn thịnh nộ với tôi... “Rằng cô là người đứng đắn tử tế... Rằng tôi thật đáng xấu hổ... Rằng tôi nghĩ những điều ghê tởm đối với cô... Rằng không phải vì với tôi... Rằng tôi khinh thường cô... Rằng đàn ông là đồ tồi...”

Tóm lại là tất cả những điều mà đàn bà thường nói trong những trường hợp ấy. Phải nán đợi thôi. Chỉ là che mắt thế thôi. Cái chính với tôi là cô đã chú ý nghe những lời khuyên của tôi và cô ghi nhớ những điều cốt yếu. Còn lại chẳng có gì quan trọng, nghe tôi rồi, cô thấy điều làm cho cô buồn nhất là chỉ do âu yếm và thích thú mà có thể vướng phải tất cả những gì tôi vừa kể. Thiên nhiên chẳng được tích sự gì, cô thấy tôi cũng kinh tởm như thiên nhiên và như thế là đã xúc phạm, đến cô. Tôi cũng không nhấn thêm nữa mà chỉ nói qua với cô về những bao cao su khá tiện lợi. Cuối cùng, ra bộ những người sành tâm lý, chúng tôi thử phân tích một chút về tính cách Robinson.

-Anh ấy đúng là không biết ghen, nhưng có những lúc khó tính, cô nói với

tôi.

-Đúng, đúng!

Tôi trả lời và lao vào một cuộc phân tích tính cách Robinson, làm như thể tôi biết được hẳn, nhưng tôi lập tức tự thấy mình không biết quái gì về Robinson, ngoại trừ mấy chuyện thô bạo đã quá rõ trong tâm tính hẳn. Chẳng có gì hơn. Kể cũng lạ, cái mà ta khó hình dung được là cái có thể làm cho một con người ít nhiều dễ thương đối với người khác... Mình muốn giúp hẳn, muốn tạo thuận lợi cho hẳn, nhưng cứ lúng ta lúng túng... Thật là đáng thương, ngay từ những lời đầu tiên... Ta ngụp trong đó.

Thời buổi chúng ta mà đi làm một La Bruyère ^[134*] là không ổn đâu. Mọi cái vô thức đều chuẩn thẳng trước mặt anh khi anh định tới gần.

Lúc tôi sắp đi mua vé tàu, họ còn lưu tôi lại, đồng ý với nhau thêm một tuần nữa. Cũng là để cho tôi thăm các vùng ngoại ô Toulouse, những bờ sông rất mát mẻ mà người ta nói nhiều với tôi, nhất là cho đi thăm những vườn nho rất đẹp ở quanh vùng mà tất cả mọi người ở thành phố này đều hãnh diện và thỏa mãn, cứ như tất cả mọi người đều đã là chủ sở hữu. Tôi không thể ra đi mà chỉ biết có những cái xác chết của bà cụ Henrouille. Không được đâu! Níu kéo chào mời...

Tôi đã mềm lòng trước những tấm lòng tốt như vậy. Nhưng cũng không dám nán lại lâu bởi sự thân mật giữa tôi với Madelon, sự thân mật đã trở thành ít nhiều nguy hiểm. Bà cụ đã bắt đầu nghi ngờ có gì đó giữa chúng tôi. Ngượng ngịu lắm.

Nhưng bà cụ cũng không thể đi tham quan cùng chúng tôi. Trước hết vì bà không muốn đóng cửa căn hầm, dù chỉ một ngày. Tôi đành phải ở lại, và một buổi sáng chủ nhật đẹp trời, chúng tôi mua vé hạng nhì, tuy vậy cũng xạc mùi xúc-xích-xông như những toa hạng ba. Đến một làng có tên là Saint-Jean chúng tôi xuống. Madelon có vẻ như thấy lại được nơi cũ của mình, hơn nữa gần như đến đâu cô cũng gặp ngay những người quen. Có thể nói là một ngày hè đẹp đẽ đã mở đầu. Vừa đi chúng tôi vừa kể cho Robinson biết những gì trước mặt. “Đây là một khu vườn... Kia là một cây cầu và một người đang

ngồi câu trên đó... Ông ta chẳng câu được gì... cẩn thận có xe đạp đang đi tới..." Nhưng mùi mỡ rán thì hăng nhận ra ngay hướng. Chính hăng đã kéo chúng tôi vào một quầy bán những món rán mười xu một suất... Tôi vẫn còn nhớ Robinson thích các món rán cũng giống tôi vậy. Cái thú của người Paris là ăn món rán. Madelon thích một mình uống véc-mút, không pha.

Sông ngòi ở miền Nam không được thoải mái lắm. Có thể nói là sông ngòi ở đây đang đau, vì không ngừng khô cạn. Đồi núi, mặt trời, ngư dân, cá mú, tàu bè, những hồ nhỏ, những bãi giặt, những vườn nho, những rừng liễu, ai cũng muốn, cái gì cũng đòi nước. Nước bị đòi quá thế mà các lòng sông chẳng có bao nhiêu. Nhiều chỗ tưởng chỉ như vừa qua cơn ngập chứ không còn là sông nữa. Cốt đến để cho vui vẻ thì phải khẩn trương mà đi tìm chỗ vui. Ăn xong mấy món đồ rán, chúng tôi quyết định rủ nhau đi chơi thuyền một vòng cho vui, trước bữa ăn trưa, tất nhiên là tôi cầm chèo, còn hai người ngồi trước mặt, Robinson và Madelon, tay trong tay.

Chúng tôi xuôi theo dòng, lắm chỗ nước quá nông, mái chèo nạo tới đáy sông, cô ấy kêu chí chóa, còn hăng thì cũng không yên tâm gì hơn. Những ruồi là ruồi. Chỗ nào cũng thấy chuồn chuồn bay lượn ngó ngang trên sông với những con mắt to và khế vẩy đuôi sợ hãi. Trời nóng lạ kỳ, đến mức bốc khói khắp mặt sông. Chúng tôi lướt qua mấy xoáy nước tới những cành cây mục... Bơi thuyền sát bờ sông nóng bỏng, cố tìm lấy vài mẫu bóng râm từ những ngọn cây không quá bị sàng lọc bởi ánh mặt trời. Càng nói càng nóng, chúng tôi không dám nói gì với nhau nữa.

Robinson, tất nhiên là người đầu tiên ngán ngấm trò sông nước. Thế là tôi đề nghị áp thuyền trước một quán ăn nào đó. Chúng tôi không phải những người duy nhất có cái ý kiến nhỏ ấy. Tất cả những người đánh cá trên đoạn sông này đều đã ngồi trong quán trước chúng tôi, đang say sưa với rượu khai vị và núp sau những bình xi-phông. Robinson không dám hỏi tôi xem cái quán tôi chọn đây có đắt lắm không, nhưng tôi đã giúp hăng bớt lo lắng bằng cách đảm bảo với hăng rằng giá cả đều đã niêm yết và đều phải chăng. Đúng thế. Với Madelon thì hăng chẳng rời bàn tay cô.

Bây giờ tôi có thể nói rằng chúng tôi đã trả tiền cho quán ăn coi như mình đã ăn cả, nhưng thật ra chỉ ném thử vài miếng. Tốt hơn hết là không nói gì nữa đến những món ăn họ bưng ra cho chúng tôi. Còn cả đấy.

Định dành buổi chiều vào một chuyến đi câu với Robinson, nhưng thấy quá lách kích và có thể làm cho Robinson thêm buồn vì hẳn làm sao trông thấy được phao trên dây câu. Về phần mình, ngồi trên thuyền sau một buổi sáng gian nan ấy tôi đã phát ốm. Đủ quá rồi. Tôi đã không còn hứng thú với sông nước từ khi ở châu Phi. Tôi già đi cũng vì thế.

Để thay đổi chương trình, tôi gợi ý đi bộ dạo chơi một chút bên bờ sông, hoàn toàn đơn giản, để mình được thanh thản, ít nhất cũng đến đám cỏ mọc cao cách đó chưa đến một cây số, gần rặng cây dương.

Chúng tôi tiếp tục đi, tôi và Robinson khoác tay nhau, Madelon đi trước vài bước. Như thế dễ đi trong cỏ hơn. Đến một khúc sông chúng tôi nghe tiếng đàn ắc-coóc từ một chiếc xuồng đậu dưới bến vắng lên. Robinson lưu luyến tiếng đàn. Đối với hẳn thì việc này cũng rất dễ hiểu, vì hẳn vốn có sở thích âm nhạc. Chúng tôi đều mừng là đã tìm được cái gì đó để hẳn vui, chúng tôi dừng lại ngay trên bãi cỏ, ít bụi hơn bên bờ dốc cạnh đó. Cái xuồng này xem ra không bình thường. Rất sạch sẽ và tỉ mỉ. Một cái xuồng để ở chứ không phải để chở hàng, trên xuồng đầy hoa và có cả một chuông chó xinh xinh đóm dáng nữa. Chúng tôi mô tả chiếc xuồng cho Robinson nghe. Hẳn muốn biết tất cả. “Tớ cũng rất muốn được ở trên xuồng như thế, hẳn nói và quay sang hỏi Madelon: Còn em?”

- Em hiểu ý anh lắm rồi! cô trả lời. Nhưng cái ý ấy của anh tốn kém lắm, Léon ạ! Còn đắt hơn cả một ngôi nhà tương tự đấy!

Cả ba chúng tôi ngồi đó mà suy nghĩ với nhau về cái giá một chiếc xuồng như thế, nhưng chịu không sao tính ra được... Mỗi người đưa ra một con số. Chúng tôi đã có thói quen là tính cái gì thì cũng xướng to lên... Trong lúc đó, tiếng đàn ắc-coóc vang đến chúng tôi những điệu thật là mơn trớn, và đệm vào cả những lời ca... Cuối cùng chúng tôi đi đến nhất trí với nhau rằng chiếc xuồng được trang bị như thế ít nhất cũng phải hàng trăm ngàn quan. Chỉ để

mơ ước thôi...

Nhắm đôi mắt đẹp của em lại, bởi thời gian ngăn ngủi...

Ở xứ sở diệu kỳ, ở xứ sở êm đềm của những ước mơ.

Họ hát ở trong xuồng như thế đó, lẫn cả giọng đàn ông với đàn bà, hơi lạc điệu, nhưng dấu sao cũng dễ chịu với khung cảnh này. Với cái nóng và cảnh nông thôn, thời gian và con sông.

Robinson vẫn chưa dứt ra khỏi việc ước giá tiền nghìn và tiền vạn. Hắn cho rằng cứ như con xuồng được mô tả thì còn phải đắt hơn thế nữa... Bởi trên mũi có một lớp kính để nhìn rõ được bên trong và chỗ nào cũng dát đồng, như vậy là loại sang rồi...

- Léon ơi, anh thật rồi hơi, Madelon cố làm cho hắn dịu bớt, nào ngả lưng xuống đây này, cò êm đấy, nghỉ ngơi một lát... Một trăm nghìn hay năm trăm nghìn thì cũng không phải của anh mà cũng chẳng phải của em, phải không nào?... Nhọc lòng vào chuyện ấy làm gì, anh...

Tuy ngả lưng xuống nhưng hắn vẫn cứ băn khoăn về giá chiếc xuồng, ra sức tìm hiểu và cố thử xem nó ra sao mà đắt đến thế... “Nó có máy nổ không?” hắn hỏi, nhưng chúng tôi làm sao biết được. Vì hắn nắn nì, tôi đã phải chiều ý, ngó phía đuôi xuồng coi có cái ống của máy nổ không.

Nhắm đôi mắt đẹp của em lại, bởi vì đời chỉ là giấc mộng...

Tình yêu chỉ là ảo ảnh...

Nhắm đôi mắt đẹp của em!

Những người dưới xuồng tiếp tục hát như thế. Còn chúng tôi thì đều thẫn mệt... Họ ru chúng tôi mơ mơ ngủ.

Được một lúc, con chó săn cụp tai từ trong cúi xò ra cầu tàu hướng về phía chúng tôi sủa toáng lên. Chúng tôi giật mình thức giấc, mắng con chó. Lo cho Robinson.

Một tay có vẻ như chủ chiếc xuồng từ trong khung cửa nhỏ bước ra. Tay ấy không muốn ai được mắng con chó của mình, hai bên cãi nhau. Nhưng khi tay ấy hiểu ra rằng Robinson có thể gọi như kẻ mù lòa thì bỗng bình tĩnh ngay lại và còn cảm thấy mình ngốc nghếch nữa. Tay ấy đổi giọng và còn tự

cho là đã xử sự thô lỗ... Để bù lại, tay ấy mời chúng tôi xuống dưới xuống uống cà phê, nhân dịp mừng ngày sinh của mình. Tay ấy không muốn chúng tôi cứ nằm phơi nắng nóng như thế, liền thoắt một hồi... Mà như thế lại hay, vì họ đang ngồi với nhau mười ba người... Tay chủ này là một chàng trai phóng túng. Anh ta còn cho biết là rất mê tàu thuyền... Thì chúng tôi đã hiểu ngay điều đó. Nhưng cô vợ lại sợ đi biển, thế là họ phải neo lại đây. Những người trong xuồng hình như đều vui vẻ tiếp chúng tôi. Trước hết là cô vợ, một phụ nữ đẹp kéo đàn ắc-coóc rất hay. Dù sao thì mời chúng tôi cùng uống cà phê như thế là tử tế rồi. Thuộc loại người nào thì cũng chẳng kể gì. Thật ra, cũng đáng tin cậy về phía họ. Chúng tôi hiểu ngay rằng không nên làm điều gì để những người chủ duyên dáng này phải hổ thẹn... Trước hết là trước mặt khách khứa của họ... Robinson tuy có những tật xấu đấy, nhưng cũng là một gã trai nhậy cảm. Chỉ nghe giọng nói, trong lòng hẳn đã thấy cần phải ý tứ, đừng để buột ra những điều thô lỗ. Tuy chúng tôi ăn mặc chẳng bảnh bao gì nhưng sạch sẽ thơm mát. Nhìn gần, tôi thấy chủ nhân chiếc xuồng này trạc ba mươi, với mái tóc hung đẹp nên thơ. Cô vợ xinh đẹp có cặp mắt mượt mà đúng “như nhung”.

Bữa trưa của họ vừa kết thúc. Thức ăn còn lại khá dồi dào. Chúng tôi không chối từ chiếc bánh ga tô nhỏ, không đâu! Và cả ly rượu poóc-tô kèm theo. Từ lâu tôi không được nghe những giọng nói lịch sự như thế. Những người lịch thiệp họ có cách nói nào đó khiến cho anh phải rụt rè và với tôi thì phát sợ, nhất là ở những cô vợ của họ, tuy chỉ là những câu nói kênh kiệu chẳng ra sao, nhưng được đánh bóng như những đồ gỗ cổ. Tuy vô thường vô phạt nhưng những câu nói của họ vẫn dễ sợ. Ta sợ trượt ngã, chỉ vì đáp lời họ. Ngay cả lúc giải buồn với nhau, họ mượn giọng bọn vô lại để hát những bài hát của người nghèo, thì họ vẫn cứ giữ cái âm điệu riêng biệt khiến cho ta phải dè chừng và phát ngán, một âm điệu như ngọn roi trong đó, luôn luôn sẵn sàng quất lên đám dây tở. Thật là phấn hứng, nhưng đồng thời nó cũng kích thích anh tặc luôn áo quần của những cô vợ họ lên chỉ để mà nhìn nó tiêu tan, cái mà họ gọi là phẩm giá của các cô nàng.

Tôi khe khẽ giải thích cho Robinson biết những đồ đạc bày biện xung quanh, toàn đồ gỗ cổ, làm cho tôi hơi nhớ đến cửa hiệu của mẹ tôi, nhưng tất nhiên là ở đây sạch sẽ và ngăn nắp hơn. Ở cửa hàng mẹ tôi thì hoàn toàn là mùi hạt tiêu mốc.

Trên các bức vách, chỗ nào cũng thấy treo tranh của chủ nhân. Một họa sĩ. Cô vợ cho tôi biết điều đó với những kiểu cách rất điệu dàng. Được vợ yêu, cái đó thể hiện rõ ở cây đàn ắc-coóc trên đó, bàn bè đó, những mộng mơ trên con tàu, trên vùng nước hiếm chảy quanh, rất sung sướng mà không phải đi đâu cả... Họ có đủ mọi thứ ngay trong nhà họ với tất cả những của ngon ngọt tươi mát quý hiếm trên đời, giữa những làn gió nhẹ của chiếc quạt máy và sự an toàn tuyệt diệu.

Đã đến đây rồi, chúng tôi ắt phải đồng điệu với họ. Trước hết là những đồ uống ướp lạnh và kem dâu, những thứ tráng miệng ưa thích của tôi. Madelon cũng xoắn xít đòi thêm. Cả cô nữa, cũng bắt đầu lấy cái kiểu cách làm duyên. Cánh đàn ông thấy Madelon dễ mến, nhất là ông bố vợ, một con người rất giàu có, ông ta có vẻ rất bằng lòng được có Madelon bên cạnh và thế là ông uốn éo để lấy lòng cô. Ông còn tìm kiếm trên bàn các món ăn ngon để mời riêng cô, trong khi cô đã ngập mũi với kem. Qua trò chuyện, được biết ông ta góa vợ. Chắc hẳn ông đã quên đàn bà. Chẳng mấy chốc Madelon chính choáng hơi men. Bộ quần áo trên người Robinson cũng như bộ của tôi đã hơi tã mùa này qua mùa khác, nhưng trong chỗ khuất như chỗ chúng đang ngồi thì cũng không ai thấy được. Dù sao thì tôi cũng cảm thấy mình thấp kém giữa những người kia, thoải mái mọi mặt, sạch sẽ như người Mỹ được tắm rửa tử tế, được ăn mặc chững chạc, sẵn sàng cho những cuộc thi thanh lịch.

Madelon ngà ngà say không còn giữ gìn được nữa. Cô nghiêng ngó lên những bức vẽ, nói năng lảm nhảm. Nữ chủ nhân đã hơi thấy ra bèn kéo đàn ắc-coóc để ổn định lại tình hình. Mọi người cùng hát, cả ba chúng tôi cũng ú ớ hát theo nhưng sai bét và nhạt phèo, vẫn cái bài hát chúng tôi đã nghe hồi nãy ở ngoài kia, và thêm một bài khác.

Robinson đã tìm được cách bắt chuyện với một ông có tuổi hình như biết

nhiều về nghề trồng ca cao. Một đề tài hay. Một anh thuộc địa, hai anh thuộc địa. Tôi bỗng vô cùng kinh ngạc khi nghe Robinson khẳng định:

- Khi tôi còn ở châu Phi, vào thời tôi làm Kỹ sư Canh nông của Công ty Pordurière, tôi hướng dẫn tất cả dân chúng trong làng vào việc trồng hái... vân vân...

Hắn không thể thấy được tôi nên thả cửa múa may... Thật hết cỡ... Những kỷ niệm giả tạo... Tha hồ lòn ông già... Những trò dối trá! Tất cả những gì hắn có thể tìm ra để được ngang tầm với ông lão. Xưa nay Robinson là người khá dè dặt trong nói năng. Thế mà hắn làm cho tôi khó chịu và buồn phiền về những lời lẽ ba hoa đến thế.

Họ xếp hắn vào chỗ ngồi danh dự ở giữa cái đi văng sức nước nước hoa, tay phải nâng ly rượu mạnh loại hảo hạng, còn tay trái gợi lại những cử chỉ khoáng đạt uy nghi của vị chúa những khu rừng không thể chinh phục và những cơn bão tố mãnh liệt vùng xích đạo. Hắn đã say, say thật rồi... Lúc này mà Alcide có mặt ở đó, trong một góc nhỏ kia, có lẽ cũng phải tức cười. Alcide khốn khổ ^[135*]!

Chẳng phải bàn, muốn dễ chịu thì trong chiếc xuồng này của họ thật dễ chịu. Nhất là bắt đầu có tí gió sông lọt vào, và những chiếc rèm phấp phới trong các ô cửa sổ như những lá cờ nhỏ reo vui trước gió.

Rồi lại kem, lại sâm banh. Chủ nhân luôn miệng đến trăm lần, ngày sinh của anh ta mà. Anh ta đã thực hiện được việc đem lại niềm vui một lần cho mọi người, kể cả người qua đường. Đối với chúng tôi cũng một lần. Trong một tiếng, hai tiếng và có thể là ba tiếng, tất cả hòa hợp với nhau dưới sự điều hành của anh ta, tất cả là bạn của nhau, người đã quen hay ai khác, kể cả người lạ, cả ba chúng tôi mà họ đã tóm được trên bờ sông, do không thể làm hơn, để không còn phải mười ba người ngồi một bàn. Tôi bắt đầu hát một bài hát vui ngắn và bỗng tôi cũng tự thấy mê say, tự hào, tự giác. Tôi thấy đã đến lúc cho họ biết mình là ai, dù sao cũng để mình chứng cho cuộc mời mọc này, đầu tôi đã bốc nóng, họ cần biết rằng họ đã mời được đích thân tôi, một trong những thầy thuốc danh tiếng trong vùng Paris! Tất nhiên là những con

người ấy không thể nào tin được qua cách ăn mặc của tôi. Cũng như cách ăn mặc xoàng xĩnh của các bạn tôi. Nhưng liền đó, sau khi biết được cương vị của tôi, họ liền tỏ ra vui mừng, sung sướng, và không còn chờ đợi gì nữa, người nào cũng nhờ tôi khám cho họ những bất hạnh riêng nhỏ nhỏ trong người; tôi liền tranh thủ sắp lại gần con gái một tay thầu khoán, một cô bé khá lực lưỡng đúng là bị bệnh nổi mề đay và không có lý do gì cũng ợ chua liền liền.

Khi mình chưa quen với những cao lương mỹ vị và sự tiện nghi, thì rất mau chệnh choáng. Sự thật chỉ đòi anh sớm tềch. Rất ít khi mà sự thật lại buông tha anh đâu. Không thể cưỡng lại sự thật của mình đâu. Trong niềm vui đột ngột chứa chan thế này, cái bệnh hoang tưởng điên cuồng coi anh chẳng ra cái đinh gì. Đến lượt tôi cũng bắt đầu làm nhảm, trong lúc nói về căn bệnh mề đay của cô em nhỏ. Để thoát khỏi những điều nhục nhã hàng ngày, cũng giống như Robinson, tôi bắt đầu hòa điệu với đám nhà giàu, bằng những đồng tiền của kẻ nghèo, tức những lời hư cấu. Tất cả chúng ta đều xấu hổ với thịt da nhẽo nhẽo, bộ xương quá khổ. Tôi không thể tự giải quyết được việc trình bày với họ sự thật về mình; sẽ không xứng đáng với họ. Phải bằng mọi giá tạo ra ấn tượng tốt đẹp.

Với những câu hỏi của họ, tôi liều lĩnh nghĩ sao trả lời vậy, cũng như Robinson trả lời ông già hồi nãy. Đến lượt mình, tôi tràn ngập toàn những cái tuyệt vời!... Khách bệnh của tôi đông đảo!... Phải làm quá sức!... Bạn Robinson... nhà kỹ sư, mời tôi đến ở tại tòa lâu đài nhỏ của anh ở Toulouse...

Còn vị khách thì sau khi đã no say, ắt dễ bị thuyết phục. Thật là may! Mọi cái trót lọt! Robinson đã đi trước tôi trong cái may mắn thoảng qua bằng những chuyện phịa ứng biến, chỉ cần cố lên một tí teo là theo được hần.

Do hần đeo kính đen nên mọi người không thấy rõ được hai mắt Robinson ra sao. Rất hào phóng, chúng tôi gán luôn cho nỗi bất hạnh của hần là do chiến tranh. Từ đấy, chúng tôi càng được họ trọng vọng, đề cao về mặt xã hội rồi cả mặt yêu nước, đến nỗi vợ chồng chủ nhân, ngạc nhiên đôi chút trước hết bởi cái độc đáo của anh chồng, nhà họa sĩ, mà thói ăn chơi giao thiệp kiểu

nghệ sĩ đôi lúc đã khiến anh ta có những hành động lạ thường... Các khách mời bắt đầu thấy cả ba chúng tôi thật sự rất đáng mến và lý thú hết mức.

Với cương vị một người vợ chưa cưới, Madelon có lẽ chưa giữ được vai trò cần phải có của mình là đứng dẫn đoàn trang. Cô kích thích tất cả mọi người, cả đám đàn bà, đến nỗi tôi phải tự hỏi liệu thế này thì có đi đến kết thúc bằng một cuộc truy hoan không. Không. Các câu chuyện rời rạc dần, không đầu vào đâu. Chẳng chuyện gì xảy ra.

Chúng tôi cứ thế bám vào những lời lẽ huênh hoang và những gổ đệm, ngỡ ngác bởi mọi người đang gắng làm cho chúng tôi sung sướng, sâu xa hơn, nồng nhiệt hơn, hơn thêm chút nữa, người này người nọ, bụng dạ no nê, cố hết sức mình, bằng tinh thần thôi, giữ cho được cái lạc thú trên đời trong lúc này, tất cả những gì mình thấy là tuyệt diệu ở tự thân và ở khắp thế gian, và để cho người bên cạnh mình cũng được hưởng và người bên cạnh ấy thừa nhận với ta rằng đúng là cái anh ta đang tìm kiếm, thật là tuyệt, cái món quà ta vừa trao tặng thật đúng là cái anh ta đang thiếu từ biết bao nhiêu năm rồi, để rồi cuối cùng được hoàn toàn sung sướng, mãi mãi sung sướng! Thế là anh ta đã thấy ra được chính cái lẽ sống của mình! Vậy thì phải nói cho mọi người biết rằng anh ta đã tìm được ra lẽ sống! Nào, ta lại cùng uống với nhau để ăn mừng sự khoái trá này và chúc cho nó tồn tại mãi như thế này! Sẽ không bao giờ còn thay đổi sự mê say này! Nhất là sẽ không bao giờ quay lại những thời tồi tệ, những thời không có chuyện thần kỳ, những thời trước khi ta quen biết nhau và ta đã tuyệt vời tìm thấy được nhau!... Cùng nhau tất cả từ đây! Thế đấy! Mãi mãi!...

Chủ nhân thì không sao tự kiềm chế được để dứt ra khỏi cơn mê say này.

Anh ta có cái tật là hay nói về nghề họa của mình, cái nghề làm cho anh day dứt mạnh mẽ thật sự, về những bức vẽ của anh, nói hết sức mình và nói bất cứ lúc nào. Thế là, do việc làm ngốc nghếch ngoan cố của anh ta, những lời lẽ tầm thường sáo rỗng lại dội lên giữa đám người đã say mềm cả. Cố gượng được cơn say, tôi nói với chủ nhân mấy lời ca ngợi thấu triệt và rạng rỡ, những lời chúc mừng kiểu cách đối với các nghệ sĩ. Anh ta cần phải như

vậy. Nhận xong mấy lời ca ngợi của tôi, như vừa được một cú làm tình, anh ta ngã luôn người xuống một chiếc xô pha, ngủ liền, trông thật dễ thương và tất nhiên là sung sướng. Trong lúc đó, khách khứa, với những cặp mắt nặng trĩu và thoi miên lẫn nhau, vẫn còn lơ mơ giữa cơn buồn ngủ díp mắt với cái khoái được một bữa tiêu hóa thần diệu.

Về phần mình, tôi dè sẻn cơn thèm ngủ ấy, để dành lại đến đêm hầy hay. Những nỗi lo sợ lớn vồn ban ngày rất thường xua đi mất cơn buồn ngủ, và khi đã vớ được dịp may để thu thập lấy một ít dự phòng cho sự sung sướng thanh thản, thì cố mà thực hiện, chỉ có thật là đàn độn mới bỏ phí cái đó vào mấy giấc ngủ chập chờn. Tất cả để đến đêm! Đó là phương châm của tôi! Lúc nào cũng phải nghĩ đến đêm tối. Hơn nữa, chúng tôi cũng được mời ở lại ăn bữa tối, đó là lúc để ăn bù.

Tranh thủ lúc mọi người đang còn ngơ ngác, chúng tôi đánh bài chuồn. Cả ba chọn một lối ra thật kín đáo, né tránh những vị khách đang ngủ gật và quây quanh cây đàn của nữ chủ nhân. Đôi mắt của nữ chủ nhân dịu hiền theo tiếng nhạc chóp chóp tìm rói bóng hình. “Lát nữa nhé!”, cô ta chào khi chúng tôi đi qua gần chỗ cô và nụ cười cũng tắt ngấm vào cõi mơ.

Cả ba chúng tôi đi không xa lắm, chỉ vừa tới chỗ tôi đã ngắm trước, chỗ khuỷu con sông, giữa hai rặng cây dương, những ngọn cây to vươn cao nhọn hoắt. Từ chỗ đó chúng tôi nhìn ra khắp thung lũng và xa xa là thành phố nhỏ nằm giữa thung, rúm lại quanh tháp chuông như một cái đỉnh giữa ráng chiều rực đỏ.

-Mấy giờ có tàu để về nhỉ? Madelon lo ngay chuyện ấy.

-Em không phải lo! hần nói cho cô yên dạ. Họ hứa sẽ đưa chúng mình về bằng xe ô tô, đã thỏa thuận rồi... Tay chủ đã báo thế... Họ có một cái...

Madelon không vật nài gì nữa. Cô ngồi nghĩ đến thú vui... Thật là một ngày tốt đẹp. Thế rồi cô hỏi:

-Mắt anh bây giờ thế nào rồi, Léon?

-Khá hơn nhiều. Anh chưa muốn nói gì với em vì anh chưa chắc, nhưng với con mắt trái thì anh đã bắt đầu đếm nhấm được những cái chai trên bàn...

Anh đã uống khá khá, em có nhận thấy thế không? Rượu lại ngon nữa!...

-Phía trái là phía tim đấy, Madelon vui vẻ lưu ý. Cô không còn gì thỏa mãn hơn đối với hai con mắt của hắn, điều đó là dễ hiểu.

-Em hôn anh, anh hôn em đi nào! cô bảo hắn. Tôi bắt đầu cảm thấy mình quá gần với sự biểu lộ trần trụi của họ. Tuy nhiên tôi cũng khó rời xa, vì cũng chẳng còn biết đi đâu. Tôi làm ra vẻ đi ra gốc cây hơi xa để tiểu tiện và đứng núp đó chờ cho sự việc của họ qua đi. Những gì họ kể cho nhau thật là êm ái. Tôi lắng nghe. Những lời đối thoại yêu đương dù nhạt nhẽo nhất thì cũng vẫn thấy lạ kỳ, khi mình đã biết những người nói đó là ai. Và thật quả tôi chưa từng nghe họ nói với nhau thế này bao giờ.

-Anh yêu em thật không? cô hỏi.

-Anh yêu đôi mắt bao nhiêu thì cũng yêu em bấy nhiêu! hắn trả lời.

-Chẳng phải là không quan trọng, điều anh vừa nói đó, Léon!... Nhưng anh đã nhìn thấy em đâu, Léon?... Khi nào anh nhìn được em bằng chính mắt anh hơn là qua mắt những người khác, có thể là anh sẽ không còn yêu em đến thế... Đến lúc ấy anh sẽ nhìn thấy những người đàn bà khác và có thể anh sẽ bắt đầu yêu tất cả họ?... Cũng như các bạn phải không?...

Nhận xét đó cô nói với hắn, nhưng kín đáo nhắm vào tôi. Tôi không làm đâu... Cô tưởng tôi đã đi xa rồi và không thể nghe họ nói... Thế là cô ra sức chơi tôi một vở đây... Cô không để mất thì giờ... Còn anh bạn thì hắn bắt đầu phản ứng. “Thế đấy!...” hắn nói.

Nhưng tất cả chỉ là giả thiết! Những lời vu cáo...

-Anh ấy à, Madelon, không đâu! hắn tự bảo vệ. Anh không cùng loại với hắn đâu! Cái gì làm cho em tưởng anh cũng như hắn!... Tử tế như em đối với anh... Anh gắn bó với em! Anh không phải thẳng đều cáng đâu! Mà mãi mãi anh chỉ có một lời thôi, một lời đã nói với em! Cho mãi mãi! Em xinh đẹp, anh đã biết chứ, và em sẽ càng xinh đẹp hơn khi nào anh nhìn được thấy em... Đó, bây giờ em đã bằng lòng chưa? Em không khóc nữa chứ? Dù sao thì anh cũng không thể nói gì hơn với em được nữa!

-Anh đáng yêu quá, Léon! cô trả lời và thu mình vào trong vòng tay hắn.

Họ đang thề thốt với nhau, không thể ngăn lại được, trời cũng không còn đủ lớn nữa.

-Anh muốn rằng em được luôn luôn hạnh phúc với anh... hă nói, rất nhẹ nhàng. Mong em sẽ không phải làm gì cả mà có đủ tất cả những gì em cần...

-Trời, anh tốt quá, Léon của em. Anh còn tốt hơn em đã hình dung đấy... Anh thật dịu dàng! Anh thật thủy chung! và anh là tất cả!...

-Đó là vì anh yêu em tha thiết, em cưng của anh...

Họ càng quấn quít, sưởi ấm cho nhau. Và vẫn cho rằng tôi khuất xa niềm hạnh phúc rạo rức đó của họ, họ lại ra sức bồi thêm cho tôi một cú tồ tề hơn...

Đầu tiên là cô ấy: “Ông bác sĩ bạn anh là người tử tế, phải không?” Cô ấy lại tiếp tục, cứ như không quên tôi đi được, “ông ấy tử tế!... Em không muốn nói điều gì nhằm chống ông ấy, vì ông ấy là bạn của anh... Nhưng phải nói rằng dù sao ông ta cũng là một người đàn ông thô bạo với đàn bà... Em không muốn nói xấu ông ta vì em tin là ông ấy thật sự rất quý anh... Nhưng dù thế nào thì cũng không cùng loại người với em... Em sẽ nói với anh... Liệu cái đó có làm anh phật ý không?” Không chẳng có cái gì làm phật ý Léon được đâu. “Anh ạ, em thấy hình như ông bác sĩ quá yêu đàn bà... Hơi giống như những con chó ấy, anh có hiểu em không?... Anh không thấy à? Như người ta thường nói ấy mà, chó nó nhảy lên một cái, làm cho đau lên rồi cút mất... Anh không thấy thế à? ông ấy như thế đấy, phải không?”

Hă thấy chứ, thẳng đếu ấy, hă thấy tất cả những gì cô ấy muốn, thậm chí hă thấy những gì cô ấy nói là hoàn toàn đúng và buồn cười. Kỳ quặc tất. Hă khuyến khích cô tiếp tục và thích thú phát nắc lên.

-Ừ, thật đúng như những gì em nhận xét về cậu ấy đấy, Madelon ạ. Ferdinand là một người không xấu đâu, nhưng về mặt tế nhị, thì đấy không phải mặt mạnh của cậu ấy, có thể nói là thế, hơn nữa về sự chung thủy cũng vậy!... Anh có thể chắc chắn là thế!...

-Anh hă biết rõ ông ấy có khối tình nhân đấy nhĩ, anh Léon? Con bé thăm dò đây!

-Bao nhiêu là bao nhiêu! hăn trả lời quả quyết, nhưng em phải biết... Trước hết cậu ta... không phải con người khó khăn!...

Phải rút ra một kết luận về những chuyện này,
Madelon gánh lấy việc ấy.

-Các thầy thuốc, thì ai chẳng biết, đều là đồ con lợn tất... phần lớn thời gian... Ấy thế mà không khéo ông ta lại thành công trong lối sống ấy đấy!

-Em chưa bao giờ nói hay đến thế; hăn tán thành, thẳng bạn tốt, thẳng bạn hạnh phúc của tôi, và hăn tiếp tục: Chính về điểm này, anh thường nghĩ cậu ta đạt được đến thế hăn là đã phải dùng ma túy... Mà này, cậu ta còn có cái ấy, chà nếu em mà thấy được nó to thế nào! Không phải thường đâu!...

-Ái! ái! Madelon bối rối và hăn là đang nhớ lại cái của tôi. Thế anh có nghĩ rằng ông ấy có thể mang bệnh không, anh? Cô ta bỗng trở nên lo lắng ngao ngán bởi những thông tin kín đáo ấy.

-Cái đó thì anh không biết gì cả, hăn buộc lòng phải nhận là thế, thật tiếc là anh không thể đảm bảo được gì cả... Nhưng cậu ta thường gặp may mắn trong đời.

-Dẫu thế nào thì anh cũng có lý, ông ta nhất định là đã dùng ma túy... Có lẽ vì thế mà đôi khi thấy ông ta lạ lùng lắm...

Madelon suy nghĩ trong đầu về chuyện ấy. Cô nói thêm:

-Từ nay mình phải cẩn thận hơn đối với ông ta...

-Dù thế thì em cũng không sợ chứ? hăn hỏi. Ít ra thì cậu ta cũng không là gì đối với em, phải không?... Cậu ấy có tán tỉnh em bao giờ không?

-À cái đó thì không, em không thích! Nhưng ai mà biết được ông ta nghĩ gì trong đầu... Cứ giả thử ông ta lên một cơn gì đó chẳng hạn... Những người như thế, những người nghiện ma túy là dễ lên cơn lắm!... Em chỉ luôn luôn mong rằng không phải để ông ấy chữa bệnh cho mình!...

-Anh cũng thế, bây giờ người ta đã nói đến chuyện ấy! Robinson tán thành. Cùng lúc với những âu yếm vuốt ve...

-Ngoan nào!... Ngoan nào!... cô ta ru hăn.

-Mèo con của anh!... Meo!... hăn đáp lại. Rồi yên lặng với những cái hôn

cuồng nhiệt trong đó. “Nào, em thử nói thật nhanh rằng em yêu anh xem được bao nhiêu lần cho đến lúc anh hôn đến vai em...” Trò ấy bắt đầu từ cổ xuống. “Em nóng ran lên đây này! cô vừa thở vừa kêu... Em chết ngạt mất!... Cho em thở đã!” Nhưng hăn không để cho cô thở. Hăn vẫn tiếp tục. Tôi ở trong đám cỏ cạnh đấy, cố ngó xem cái gì sắp xảy ra. Hăn thỏa thích đớp đớp hai đầu vú. Rồi những trò tiếp nối. Tôi cũng nóng ran cả người, cảm giác chùng chắt và càng kinh ngạc thán phục cho sự tò mò của mình.

-Hai chúng mình sống với nhau sẽ hạnh phúc, phải thế không, anh Léon? Nói với em đi, anh có chắc chắn là chúng mình sẽ hạnh phúc với nhau không?

Phút giải lao. Rồi lại những dự kiến cho tương lai chẳng bao giờ hết, như thể họ sẽ làm lại cả thế giới này, một thế giới chỉ để cho hai người họ thôi! Nhất là tôi lại càng không được ở trong cái thế giới ấy. Có thể nói rằng họ chẳng bao giờ hết nghĩ đến việc giữ bỏ tôi, dọn sạch bóng dáng tồi tệ của tôi trong cuộc sống riêng tư của họ.

-Anh với Ferdinand là bạn với nhau đã lâu chưa? Chuyện này vẫn ám ảnh cô...

-Nhiều năm rồi, phải... Nơi đây... Nơi đó... hăn trả lời. Ban đầu gặp nhau cũng là tình cờ thôi, trong các chuyến đi... Cậu ấy là người thích được thăm các nước... Theo một nghĩa nào đó thì anh cũng thế. Thế là gần như cả hai là bạn đường với nhau từ đã lâu... Em hiểu không?... Hăn đã đưa cuộc sống của tôi và của hăn vào những chuyện tầm thường nhất.

-Này anh! thế thì thôi là bạn nữa nhé, anh yêu! Bắt đầu ngay từ bây giờ nhé! Cô trả lời hăn thật là quả quyết, ngắn gọn và rõ ràng... Chấm dứt đi thôi... Chấm dứt, phải thế không, anh yêu?... Từ nay chỉ mình em là bạn đường của anh thôi... Anh hiểu em không? Phải không, anh yêu?...

-Thế em ghen tị với cậu ấy à? hăn hỏi cô với vẻ hơi sừng sờ, rõ thẳng ngốc.

-Không, em không ghen tị, nhưng em yêu anh quá đi mất, anh thấy không, Léon của em? Em muốn tất cả anh là thuộc về em... Em không san sẻ anh cho

ai cả... Và trước hết ông ta bây giờ không phải là người để giao du đối với anh, vì anh là người em yêu, Léon của em... Ông ta quá hư hỏng... Anh có hiểu cái đó không? Hãy nói anh yêu em rất nhiều đi, Léon! và anh hiệu em chứ?

-Anh rất yêu em...

Tốt lắm...

Ngay tối hôm ấy, tất cả chúng tôi quay về Toulouse.

Hai hôm sau thì tai nạn xảy ra. Dù thế nào, tôi cũng phải đi và đúng vào lúc tôi đang sửa soạn hành lý để ra ga thì có tiếng ai kêu gì đó ở trước cửa nhà. Tôi lắng tai nghe... Họ gọi tôi phải mau mau xuống ngay dưới hầm... Tôi không thấy rõ được người gọi như thế... Nhưng cứ nghe giọng thì hẳn là chuyện gì gấp lắm đây... Hình như tôi phải tới cấp cứu thì phải.

“Một phút nữa không được à? Cháy à?” tôi trả lời, mình cũng chẳng có gì phải vội vã... Lúc ấy phải vào khoảng bảy giờ, đúng trước giờ ăn tối. Việc từ biệt nhau thì đã hẹn ở ngoài sân ga rồi. Và cũng đã thu xếp đâu đấy, bà cụ sẽ về muộn một chút. Vì đúng vào tối hôm ấy bà cụ phải đợi một cuộc hành hương ở dưới hầm.

Người đứng ngoài đường càng réo:

-Đến nhanh đi, bác sĩ ơi!... Bà cụ Henrouille vừa gặp rủi ro!

-Được! được! tôi nói... Tôi đi ngay đây! Đồng ý...

Tôi xuống đây!

Nhưng tôi cũng đủ thời giờ để bình tĩnh lại một chút. Tôi bảo:

-Cứ đi trước đi. Bảo họ tôi sẽ đến sau... Tôi sẽ đuổi theo... để tôi xỏ cái quần đã...

Người kia vẫn nài nỉ:

-Nhưng mà gấp lắm rồi... Bà cụ bất tỉnh rồi, xin nhắc lại với bác sĩ thế!... Hình như bà cụ bị vỡ đầu!... Bà ấy ngã trên những bậc thang dưới hầm! Ngã thẳng xuống tận bậc dưới cùng.

“Xong rồi đấy!” tôi tự nhủ mình khi nghe thủng câu chuyện và cũng chẳng cần suy nghĩ gì lâu. Tôi chuồn thẳng ra ga. Đã rõ rồi.

Vừa vắn kịp chuyển tàu bảy giờ mười lăm, nhưng trần trụi. Vì quần áo bỏ lại cả.

Cũng chẳng có tiền đưa từ biệt.

Cái mà Parapine thấy ở tôi trước tiên, khi ông gặp lại, là vẻ mặt kém vui.

- Hẳn là ở dưới Toulouse anh phải làm việc mệt lắm. Ông nhận xét với vẻ ngờ vực như xưa nay.

Đúng là có lắm chuyện xúc động ở dưới Toulouse, nhưng cũng chẳng có gì phải phàn nàn, vì đúng vào lúc gay cấn, tôi đã thoát được ra khỏi những chuyện thật là rắc rối, ít ra tôi cũng hy vọng là thế.

Tôi kể rõ với Parapine từng chi tiết cuộc phiêu lưu của mình, đồng thời cả những mối nghi ngờ. Nhưng ông không tin là tôi lại giải quyết tình hình khéo léo đến thế... Tuy vậy tôi không còn thì giờ để tranh cãi làm gì, bởi vì lúc đó đối với tôi vấn đề có việc làm đã trở thành cấp bách. Không có thì giờ để mất vào những lời bình luận... Tôi chỉ còn hơn một trăm năm mươi quan để dành và cũng chẳng biết kiếm chỗ nào mà ở. Đến Tarapout chẳng?... Họ chẳng mượn tôi nữa. Khủng hoảng rồi. Trở lại La Garenne-Rancy ư? Kiếm lại khách ư? Tôi nghĩ chán một hồi, chỉ đắm vào ngỗ cụt và toàn chuyện bất đắc dĩ. Như ngọn lửa thiêng đã tắt ngấm.

Cuối cùng, chính Parapine lại giơ sào kéo tôi lên, bằng một chỗ làm nho nhỏ ông tìm được cho tôi trong bệnh viện thần kinh, đúng nơi làm của ông từ nhiều tháng nay.

Công việc tiến triển khá tốt. Trong nhà thương này, Parapine không chỉ phụ trách việc đưa mấy đứa nhỏ tâm thần đi xem chiếu bóng, mà còn làm thêm việc phóng các tia để chữa bệnh. Mỗi tuần hai lần, đúng giờ đã định, ông ấn nút phát ra những trận sấm sét điện từ lên trên đầu những bệnh nhân mắc bệnh u sần được tập trung trong một phòng thật kín và tối om. Đây là một thứ thể thao tinh thần và cũng là thành quả sáng kiến của Bác sĩ Baryton, chủ nhà thương này. Hơn nữa, lão chủ còn là một tay đại hà tiện, lão trả cho tôi đồng lương cón con mà bắt ký cái hợp đồng toàn những điều khoản dài dặc chỉ có lợi cho lão. Đúng là một ông chủ.

Chúng tôi ở nhà thương này tuy tiền lương chẳng bao nhiêu, nhưng được

cái là ăn uống không đến nỗi tồi và ngủ nghỉ thì thoải mái. Lại con cái khoản đi lại với đám nữ y tá thả cửa. Tất nhiên là phải ngấm ngấm với nhau. Lão chủ Baryton không thấy có gì phải chỉ trích những trò giải trí ấy thậm chí còn nhận thấy những khả năng tình dục đó càng ràng buộc nhân viên với nhà thương của lão. Không tồi mà cũng không khe khắt.

Mà cũng chẳng phải lúc để đặt vấn đề hay điều kiện khi người mang miếng bít tết đến tận miệng cho mình. Suy nghĩ kỹ, tôi vẫn chưa thể nào hiểu hết được vì sao Parapine lại đột nhiên dành cho tôi nhiều lợi ích như thế. Cách cư xử của ông ta khiến tôi phải lúng túng. Gán cho ông những tình cảm hữu ái... Có thể là quá tô điểm cho ông chăng... Còn khá là phức tạp đây. Nhưng rồi mọi cái cũng đến...

Đã thành tục lệ, đến bữa trưa là chúng tôi lại gặp nhau, quây quần xung quanh Baryton, lão chủ của chúng tôi, một bác sĩ tâm thần lão luyện, chòm râu cằm nhọn, hai đùi ngắn nhưng mập, rất nhã nhặn, tất nhiên phải chữa ra một bên vấn đề kinh tế, đây là một chương đề gợi cho lão sự tởm lợm mỗi khi người ta nhắc đến.

Nhưng cũng phải nói rằng, cái gì chứ món mì “nui” và thứ vang khé cổ thì lão quả là nuông chiều chúng tôi. Lão cho chúng tôi biết rằng lão được chia phần gia sản cả một cánh đồng nho. Chúng tôi cần gì chuyện ấy! Chỉ là một vườn nho nhỏ bé thôi, tôi dám chắc là thế.

Cái nhà thương điên của lão ở Vigny-sur-Seine ^[136*] chẳng lúc nào với bệnh nhân. Trong các bản chỉ dẫn, người ta gọi đấy là “Nhà phục hồi Sức khỏe” ^[137*], vì có một khu vườn lớn bao quanh, nơi những người điên đi dạo trong những ngày đẹp trời. Họ đi dạo với dáng đi kỳ cục, cố giữ một cách khó nhọc cho cái đầu thẳng bằng trên hai vai, như thế luôn luôn sợ lở sẩy chân thì đổ vung đổ vãi ra mặt đất tất cả những gì chứa trong đó. Toàn những thứ dị kỳ cái nọ xọ cái kia chen chúc thúc ép nhau mà họ cứ phải khư khư giữ lấy trong đầu một cách khủng khiếp.

Họ uốn éo nhăn nhăn nhở khoe với chúng tôi cái kho báu tâm thần của họ. Có lẽ tung vãi những thứ ấy ra tất cả cái đế quốc thuộc địa này cũng

chẳng hết. Một người điên chẳng qua là những ý niệm bình thường của một con người bị nhốt chặt trong đầu. Thế giới bên ngoài không xuyên qua được cái đầu ấy, thế là đủ. Nó trở thành một cái ao tù, một cái đầu khép kín, một ổ nhiễm trùng.

Baryton mua sỉ rau cỏ và mì thẳng từ Paris. Cho nên các nhà bán lẻ ở Vigny-sur-Seine không ưa gì chúng tôi. Có thể nói là họ ghét chúng tôi nữa. Nhưng sự ganh ghét của họ cũng chẳng làm bữa ăn của chúng tôi mất ngon. Hồi tôi mới đến làm, hễ cứ ngồi vào bàn là lão Baryton lại xả ra một tràng những kết luận và thuyết lý cho những câu chuyện rời rạc của chúng tôi. Trải qua cả cuộc đời giữa những người điên, kiếm miếng trong những vụ làm ăn với họ, san sẻ bát súp của họ, vô hiệu hóa đến đâu hay đấy những trò điên rồ, cho nên hình như lão thấy chẳng có gì chán bằng đôi khi còn phải nói đến những thói tật của họ trong bữa ăn. “Họ không được có mặt trong câu chuyện của những người bình thường!” lão cả quyết khẳng định. Lão không đòi hỏi gì hơn về cái gì liên quan đến vệ sinh tâm thần.

Lão là lão thích chuyện trò nhưng hơi ngại câu chuyện liệu có vui và nhất là có yên tâm và được suy nghĩ chín chắn không. Về chuyện những kẻ điên gần kia, lão muốn rằng đừng làm cho nặng nề thêm. Đối với họ, mình tỏ ra ác cảm theo bản năng dù chỉ một lần thôi cũng đủ đi tong hết. Ngược lại, lão cũng rất thích những chuyện du ký của chúng tôi. Lão nghe mãi không chán. Từ khi có tôi, Parapine rảnh bớt được một phần trong cuộc hầu chuyện này. Tôi đã rơi đúng lúc để giải khuây cho ông chủ trong những bữa ăn. Tất cả những cuộc viễn du của tôi đều được kể lại ở đó khá dài, tất nhiên có sắp xếp, văn vẻ và hấp dẫn. Trong lúc ăn, mồm và lưỡi Baryton khua ầm lên. Đứa con gái luôn luôn ngồi bên phải lão. Tuy mới lên mười mà con bé Aimée đã có vẻ héo hon. Có cái gì đó vô tri, một nước da xạm lại không chứa được nữa làm cho Aimée mờ nhạt trước mắt chúng tôi, như thể những bóng mây không lành mạnh nổi nhau lớn vờn trước khuôn mặt ấy.

Giữa Parapine và Baryton xảy ra một vài chuyện va chạm nhỏ. Tuy vậy Baryton là người không để bụng với ai cái gì, trừ phi đụng chạm đến chuyện

lời lão của lão. Từ lâu, lão coi đó là khía cạnh thiêng liêng nhất trong cuộc sống của mình.

Một hôm, vào cái thời mà Parapine còn chuyện trò với lão, ông nói sững ngay tại bàn ăn rằng lão thiếu y đức. Ban đầu thì nhận xét đó có làm méch lòng Baryton, nhưng rồi cũng dần xếp xong, họ chỉ giận nhau chốc lát. Khi nghe tôi kể lại những chuyến đi của mình, chẳng những Baryton cảm thấy xúc động một cách lãng mạn, mà còn có cảm giác như tiết kiệm được tiền bạc. “Được nghe anh kể chuyện, thì chẳng ai còn phải đi đến các xứ đó làm gì, anh kể chuyện hay lắm, Ferdinand!” Quả là lão không còn có thể nghĩ đến một lời khen nào hay hơn nữa cho tôi.

Chúng tôi chỉ tiếp nhận vào nhà thương này những người điên dễ trông nom chứ không bao giờ nhận những người điên hung dữ hoặc thể hiện rõ khả năng giết chóc. Nhà thương của lão không đến nỗi kinh hãi thê lương. Rào chắn không nhiều, chỉ có vài phòng nhốt riêng. Đối tượng đáng lo ngại nhất, có lẽ lại là con bé Aimée, chính con gái lão. Đứa bé ấy không nằm trong số bệnh nhân, nhưng môi trường này đã ám ảnh nó.

Lúc lúc lại có vài tiếng gào rú văng đến tận phòng ăn của chúng tôi, nhưng nguồn gốc những tiếng kêu ấy thì luôn luôn mơ hồ phù phiếm. Hơn nữa cũng không kéo dài. Chúng tôi còn quan sát thấy nhiều đợt cuồng loạn đột ngột và kéo dài chẳng có lý do của các nhóm người điên, trong những cuộc nhớn nhợ đi dạo triền miên của họ, giữa chỗ máy bơm đến những lùm cây và những khóm hải đường. Tất cả những cái đó kết thúc mà chẳng gây ra chuyện gì hay mối lo sợ nào, nhờ việc cho họ tắm nước ấm và uống xi rô có thuốc phiện.

Thỉnh thoảng những người điên lại ra mấy ô cửa sổ nhà ăn trông ra phố, gào rú và gây náo động các nhà hàng xóm, nhưng họ vẫn giữ sự ghê rợn trong nội bộ là chính, nhất là dành nó để chống lại việc điều trị của chúng tôi. Họ rất say mê sự chống đối này.

Đến bây giờ nhớ lại, nhớ tất cả những người điên tôi biết ở nhà thương của lão Baryton, tôi không thể không hoài nghi rằng ngoài chiến tranh và bệnh tật, hai cơn ác mộng vô tận này, liệu còn có những kết quả thực sự nào

khác của các biện pháp tiết chế sâu sắc của chúng ta.

Nỗi mệt nhọc lớn trong cuộc sống có lẽ chỉ là sự bất hạnh quá đáng mà người ta tự khoát vào mình để được sống lấy hai mươi năm, bốn mươi năm, hay hơn nữa, một cách vừa phải, để mình không chỉ đơn giản, sâu sắc là mình, tức là nhơ nhớp, tàn bạo, phi lý. Ôm cơn ác mộng là cứ phải luôn luôn tỏ ra như một lý tưởng phổ biến nhỏ bé, một siêu nhân từ sáng đến tối, một kẻ đề tiện đi cà nhắc mà người ta đã nặn ra cho chúng ta.

Các bệnh nhân chúng tôi có tại nhà thương, thuộc đủ mọi giá, những người phong lưu nhất thì được ở những phòng trần thiết theo kiểu vua Louis XV. Đối với những bệnh nhân này, lão Baryton hàng ngày đến thăm với giá cao. Họ chờ đợi lão. Đôi khi họ cho Baryton hai cái tát ra trò, nói trắng ra là kinh khủng, và đã có chủ ý từ lâu. Lập tức lão ghi tên bệnh nhân này vào loại điều trị đặc biệt.

Tại bàn ăn, Parapine tỏ ra dè dặt ý tứ, không phải những kết quả hùng biện của tôi đối với Baryton đã làm cho ông phật lòng, không hề như vậy mà ngược lại, ông hình như không còn có gì lo lắng, như cái thời bán búa với những con vi trùng, ông hầu như thỏa mãn. Cũng phải ghi nhận thêm là ông còn lo sợ chuyện quan hệ của ông với mấy đứa con gái vị thành niên. Ông vẫn còn ít nhiều bối rối về chuyện tình dục. Vào những lúc rỗi rãi, ông cũng lảng vảng quanh các bãi cỏ trong viện, như một người bệnh, và khi thấy tôi đến gần, ông hé nở vài nụ cười, nhưng là những nụ cười gượng gạo, mờ nhạt, có thể coi như những nụ cười ly biệt.

Thu nhận cả hai chúng tôi làm nhân viên kỹ thuật, Baryton như được món hời vì chúng tôi chẳng những tận tụy trong công việc từng giờ mà cả trong những lúc giải trí, lại còn những vang bóng của các chuyến đi mà lão thèm muốn nhưng không được thỏa lòng. Cho nên lão thường vui mừng chứng tỏ cho chúng tôi thấy sự hài lòng của lão. Tuy vậy, đối với Parapine lão vẫn giữ một vài dè dặt.

Lão chưa bao giờ hoàn toàn thoải mái với Parapine. Một hôm lão tâm sự với tôi: “Này, Ferdinand, anh có biết không, Parapine là người Nga đấy!” Là

người Nga, đối với Baryton, có nghĩa là cái gì đó cũng có thể mô tả, không nể nang, theo hình thái học, như là một “anh bị bệnh đái đường” hay một “anh Pháp giả cây”. Lao vào cái đề tài đã quấy rối tâm linh lão từ nhiều tháng nay, lão bắt đầu động não ghê gớm trước mặt tôi và nhằm vào lợi ích riêng tư của tôi... Tôi chưa nhận biết được lão. Chúng tôi cùng đi với nhau đến đúng quầy bán thuốc lá để kiểm mấy gói thuốc.

“Parapine là một cậu mà tôi thấy hoàn toàn thông minh, đó là tất nhiên rồi, phải không Ferdinand... Nhưng cái thông minh của cậu ta lại rất là độc đoán! Anh có thấy thế không, Ferdinand? Trước hết, cậu ta là người không chịu thích nghi... Điều đó thấy rõ ngay lập tức ở cậu ta... Cậu ta không thoải mái cả với nghề của mình... Cậu ta không thoải mái ngay cả với giới của mình!... Anh thừa nhận chứ?... Và như thế là cậu ta sai! Rất sai!... Chính vì thế mà cậu ta đau khổ!... Chứng cứ đấy! Đây này, Ferdinand, anh xem tôi thích nghi thế nào!... (Lão gõ nhẹ mấy cái lên xương ức.) Cho dầu ngày mai trái đất có quay ngược chiều. Thế thì sao nào? Thì tôi sẽ thích nghi, Ferdinand ạ. Lại còn ngay lập tức nữa cơ! Và anh có biết thế nào không, Ferdinand? Tôi sẽ ngủ thêm một giấc mười hai tiếng nữa, và mọi cái sẽ xong tất! Tất cả là thế! Hấp! Không có gì khôn ngoan hơn thế! Và mọi cái sẽ hoàn tất! Tôi sẽ được thích nghi! Còn Parapine, trong một cuộc phiêu lưu tương tự, anh có biết cậu ta sẽ làm gì không? Cậu ta sẽ gặm dần từng tí những dự án và những đăng cay trong một trăm năm nữa!... Tôi tin chắc như thế! Tôi xin nói với anh như thế!... Không đúng tí nào ư? Cậu ta sẽ mất ngủ liền nếu trái đất quay ngược chiều!... Cậu ta sẽ tìm thấy ở đó sự bất công đặc biệt thế nào tôi không còn biết nổi nữa... Quá nhiều bất công!... Hơn nữa, đó là cái tật của cậu ấy, chỉ thấy bất công!... Cậu ta nói với tôi vô thiên lủng những bất công vào cái thời mà cậu ta còn hạ cố nói chuyện với tôi... Và anh có thể tin rằng cậu ta lại còn khóc lóc nữa chứ? Chỉ là tai họa xoàng thôi chẳng!... Nhưng không! Cậu ta sẽ cố tìm ngay một trò để làm nổ cả trái đất! Để trả hận mà, Ferdinand ạ! Và trò tồi tệ nhất, tôi sẽ nói cho anh biết cái trò tồi tệ nhất ấy, Ferdinand... Nhưng hoàn toàn nói riêng với nhau thôi... Thế là cậu ta rồi cũng sẽ tìm ra cái trò

ấy!... Như tôi đã nói với anh! Chà! này Ferdinand, hãy cố nhớ lấy điều tôi sắp giải thích cho anh nghe... Có những người điên thường và cũng có những người điên khác thường, những người bị dẫn dắt bởi những định kiến của nền văn minh... Thật là khủng khiếp không sao nghĩ được rằng Parapine lại tự xếp mình vào loại điên ấy!... Anh có biết cậu ta nói gì với tôi không?

-Thưa ông không...

-Thế này này, cậu ta nói với tôi rằng: “Thưa ông Baryton, giữa cái dương vật với toán học, chẳng có quái gì cả! Chẳng có gì! Chỉ là một khoảng trống rỗng!” Và anh hãy nhớ thêm nữa nhé!... Anh có biết cậu ta còn nói gì với tôi nữa không?

-Thưa không, thưa ông Baryton, tôi không biết gì cả...

-Vậy ra cậu ấy không nói với anh cái đó à?

-Thưa chưa ạ.

-Thế thì, với tôi, cậu ấy đã nói rồi... Cậu ta cho rằng thời đại toán học có xảy đến thì cũng kệ! Đơn giản thế thôi! Cậu ta quả quyết tuyệt đối! Với tôi mà cậu ta xử sự hỗn xược như thế, anh thấy thế nào? Với người hơn tuổi cậu ta? Thủ trưởng của cậu ta?...”

Tôi đành phải cười khẩy một cái cho qua cầu chuyện nông cuồng quá xá ấy. Nhưng Baryton lại không chịu được cái chuyện tầm phào ấy. Lão còn tìm được lý do để phản nộ về nhiều chuyện khác nữa...

“Chà! Ferdinand này, tôi biết rằng đối với anh tất cả chuyện này hình như đều vô hại... Chỉ là những lời lẽ ngây thơ, những chuyện nông cuồng vớ vẩn như mọi cái khác... Hình như anh kết luận là thế... Chỉ thế thôi, phải không? Ôi Ferdinand khinh suất! Để tôi giúp anh cảnh giác thật cẩn thận trước những thói không hay đó, nhìn bề ngoài tưởng như chỉ là phù phiếm! Tôi phải nói với anh rằng như thế là hoàn toàn sai lầm!... Hoàn toàn sai lầm! Nghìn lần sai lầm, thật đấy!... Trong quá trình hành nghề của tôi, tôi xin anh hãy tin rằng tôi đã chịu đựng hầu như tất cả những gì người ta có thể chịu đựng ở đây và ở nơi khác những cơn điên loạn nóng cũng như lạnh! Chẳng còn thiếu thứ gì!... Anh đồng ý với tôi thế chứ, Ferdinand? Và chắc hẳn anh cũng đã nhận thấy

tôi không hề biểu lộ cái ấn tượng rằng mình bị rơi vào lo sợ kinh hoàng... Cường điệu chăng? Không, phải thế không? Chẳng cần gì phải dùng đến lời lẽ hùng hồn dù chỉ một từ hay nhiều từ, dù là một câu hay toàn bộ những bài diễn từ để đánh giá tôi!... Với dòng dõi chân chất và bản tính giản dị của tôi, người ta không thể không liệt tôi vào hàng những người biết ước chế, không để cho bất kỳ một lời lẽ nào khiến mình phải sợ hãi!... Thế mà, Ferdinand này, sau khi phân tích chu đáo, đối với Parapine, tôi vẫn buộc mình phải canh chừng!... Phải chuẩn bị sẵn những dự phòng nghiêm ngặt nhất... Sự ngông cuồng của cậu ta không giống bất kỳ ai ngông nghênh thông thường và chẳng hại đến người khác... Tôi thấy hình như nó thuộc vào một trong những thể loại kiếm hơi đáng gờm của tính độc đáo, một trong những ý ngông rất dễ lây lan: có thể nói, những ý ngông trong quan hệ xã hội và hiếu thắng!... Có thể trong trường hợp này, ta chưa coi hẳn là cậu bạn của anh đã mắc bệnh điên... Không! Mà có thể đó chỉ là một niềm tin cường điệu. Nhưng tôi biết rằng trong thực tế có những hành động điên rồ dễ truyền nhiễm... Không có gì nghiêm trọng hơn là niềm tin cường điệu!... Tôi nói anh rõ, Ferdinand ạ, tôi từng biết khá nhiều những loại người tin như thế và biết cả những gốc gác của nó nữa!... Những kẻ luôn mồm nói đến công lý, thì rút cục, tôi lại thấy là những kẻ điên đại nhất!... Ban đầu, các vị thánh nói đến công lý ấy cũng hấp dẫn tôi ít nhiều, phải thú thật là thế... Bây giờ thì họ làm tôi phát ngán rồi, những kẻ gàn dở ấy khiến tôi phải nổi cáu đến hết mức rồi... Anh có đồng ý thế không?... Người ta khám phá ra trong con người một khả năng truyền nhiễm nào đó làm cho tôi phát sợ, mà tất cả ai ai cũng thế, anh biết không?... Hãy để ý đến nó, Ferdinand ạ! ở tất cả! Cũng như rượu và khiêu dâm ấy... Cùng một bản chất... Cùng một tai ương... Lan truyền vô tận... Anh cười ư, Ferdinand? Đến lượt anh làm tôi sợ đấy! Ferdinand, con người anh sao mà mỏng manh dễ vỡ, dễ tổn thương, không vững chắc, luôn luôn phơi mình trước hiểm nguy! Thế mà tôi cứ tưởng anh là người nghiêm túc cơ đấy!... Đừng quên rằng tôi đã già, tôi có thể tự cho phép mình bất cần đến tương lai! Cái đó là được phép đối với tôi đấy! Nhưng còn đối với anh!"

Về nguyên tắc, tôi mãi mãi nhất trí với ông chủ của tôi tất cả những cái đó. Tôi chưa đạt được tiến bộ thực tiễn lớn nào trong cuộc sống đầy xáo trộn của mình, nhưng tuy thế tôi cũng đã học hỏi được những nguyên lý đúng đắn về thân phận kẻ bị lệ thuộc. Chính vì thế, với Baryton, nhờ những tâm trạng như vậy, mà cuối cùng chúng tôi trở nên thân thiết, tôi không cãi lại, mà đến bữa ăn uống cũng ít. Tóm lại là một phụ tá dễ ưa, hoàn toàn không tốn kém và cũng không tham lam một đồng xu, không cố gì đáng lo ngại.

Vigny-sur-Seine trải ra giữa hai đập nước, nằm giữa hai ngọn đồi trọc, đó là một làng đang cựa mình ở vùng ngoại ô. Paris đang thôn tính nó.

Mỗi tháng nó mất đi một khu vườn. Biển quảng cáo sặc sỡ ngay từ lối vào. Con gái viên thừa phái đã biết cách pha cốc-tai. Chỉ có đường tàu điện là cổ tình trở thành lịch sử, chùng nào chưa có cách mạng nó chưa chịu biến. Ai nấy lo lắng, trẻ con bây giờ không nói theo giọng của bố mẹ nữa. Người ta cảm thấy ngượng ngùng khi nghĩ rằng mình vẫn là tỉnh Seine-et-Oise. Phép thần đang sắp hoàn thành. Mẫu vườn cuối cùng đã biến mất sau khi Laval đến kinh doanh, và từ sau kỳ nghỉ hè các bà giúp việc đòi tăng lương hai mươi xu một giờ. Đã xuất hiện một tay cò mồi đánh cá ngựa. Cô nhân viên bưu điện mua tiểu thuyết về bọn dĩ đực về xem và tưởng tượng thêm nhiều chuyện ly kỳ hơn thế. Cha xứ khi cần cũng vắng tục như ai và tư vấn cho các con chiên ngoan đạo về chứng khoán. Sông Seine đã chết hết cá và nó đã Mỹ hóa với hai hàng xe ủi-đẩy-đổ hàng đồng rác rưởi và đồ phế thải trông như hàm răng giả khùng khiếp trên hai bờ sông. Ba tay đầu cơ những lô đất vừa phải vào tù. Rồi mọi việc lại dẫu vào đó thôi.

Cơn sốt đất đai ở địa phương này không lọt khỏi mắt Baryton. Lão tiếc cay tiếc đắng vì hai mươi năm trước đã không mua nhiều đất hơn nữa trong thung lũng bên cạnh. Hồi ấy người ta bán tổng bán tháo như bán cá ươn, có bốn xu một mét. Thời vàng son nay còn đâu! May thay cái Viện Tâm lý liệu pháp của lão vẫn trụ vững. Nhưng không hoàn toàn suôn sẻ. Thiên hạ háo cái mới luôn luôn đòi hỏi, thúc ép lão phải có những kiểu điều trị tân kỳ hơn, nhạy bén hơn, bí hiểm hơn, vân vân... Nhất là máy móc phải tối tân, dụng cụ choáng lộn hơn, ngay lập tức, nếu không muốn bị thua trong cạnh tranh. Khối nhà thương tư tưởng tự đang lấp ló trong các khu rừng cây gần Asnières, Passy, Montretout, họ cũng luôn luôn chộp những đồ nghề hạng sang nhất.

Có Parapine mách nước, Baryton phải vội vàng theo kịp thời đại, tất nhiên bằng cách tiết kiệm nhất, mua toàn hàng hạ giá, đồ cũ, bán xon, nhưng tân

trang liên tục, nào đồ điện, đồ khí động lực, thủy động lực, ra về bao giờ cũng trang bị đồ mới nhất để chiều ý những khách hàng khó tính và giàu có. Lão muốn rên lên vì cứ phải chạy theo cái hào nhoáng bề ngoài... buộc phải tranh thủ sự tín nhiệm của những kẻ điên rồ.

Một hôm lão tâm sự với tôi, bày tỏ những tiếc nuối của mình:

- Lúc tôi mở bệnh viện này, là đúng sau kỳ Triển lãm, cái Triển lãm quốc tế ấy, anh Ferdinand ạ... Những thầy thuốc về khoa thần kinh lúc đó còn rất ít, và rất thọc mạch nhưng không hư đốn như bây giờ, anh hiểu cho!... Bây giờ không ai trong chúng tôi lại nghĩ mình cũng phải điên như bệnh nhân... Thời ấy chưa có cái mốt nổi điên lên để có cơ chữa chạy, một cái mốt tồi tệ, anh thấy không, như mọi thứ mốt nhập ngoại...

“Lúc mới hành nghề, các thầy thuốc Pháp chúng ta còn biết tự trọng, anh Ferdinand ạ! Chưa ai nghĩ rằng phải chạy đua với bệnh nhân... Có lẽ để cho ngang tầm chẳng?... Tôi không hiểu được... Chiều ý họ chẳng? Cứ đà này chúng ta sẽ đi đến đâu?... Tôi xin hỏi anh?... Cứ cố tỏ ra khôn khéo, bệnh hoạn hơn cả những bệnh nhân rồ dại nhất trong các nhà thương điên của mình, cứ đắm mình vào một thứ tự mãn ti tiện trong tất cả những đòi hỏi lỗ lã mà họ yêu cầu, chúng ta đi đến đâu?... Ferdinand, liệu anh có thể làm tôi yên lòng về số phận của lý trí chúng ta?... Và thậm chí của cả lương tri thông thường?... Cứ đà này, sẽ còn gì là lương tri? Không còn gì hết! Điều đó dự đoán được! Không còn tí gì! Tôi dám báo trước với anh như vậy... Thật hiển nhiên...

“Trước hết, cái gì mà chẳng có giá trước một trí thông minh thật sự hiện đại? Không còn trắng! Không còn cả đen nữa! Mọi thứ đổ sụp!... Đó là kiểu mới! Đó là mốt! Thế thì tại sao chính chúng ta lại không hóa điên luôn?... Ngay lập tức! Bắt đầu đi! Và tự vỗ ngực nữa! Lớn tiếng tuyên bố cuộc đại loạn trí tuệ! Lấy sự điên loạn để tự quảng cáo! Ai ngăn chúng ta? Ferdinand, tôi xin hỏi anh? Vài sự ngần ngại tối thượng và vô ích của con người? Rồi những rụt rè vô vị nào nữa? Hử? Ferdinand ơi, khi nghe một số đồng nghiệp nói, và anh nhớ cho rằng đó là những người được khách hàng và các Viện

Hàn lâm ưa chuộng, tôn trọng nhất, có lúc tôi tự hỏi họ sẽ đưa chúng ta đi tới đâu!... Thật là quý quái! Những kẻ điên cuồng ấy làm tôi hoang mang, lo sợ, và nhất là kinh tởm. Chỉ nghe họ nói ở những hội nghị hiện đại ngày nay, báo cáo kết quả nghiên cứu của họ, là tôi thật sự hoảng hồn! Nghe họ nói, là lý trí của tôi phản lại tôi liền... Những đứa con cưng của khoa tâm thần học mới nhất này thật đồi bại, xảo quyệt, họ kéo chúng ta xuống vực thẳm với những phân tích hoang tưởng ^[138*] của họ... Phải rồi, xuống vực thẳm! Một buổi sớm nào đó, nếu không chống cự lại, những bạn trẻ các anh, thì chúng ta sẽ qua đây hết, hiểu chưa, qua hết! Cứ kéo kẹt mãi, tăng bốc mãi ta lên hành hạ lý trí ta ở phía bên kia sự thông minh, cái phía ma quỷ ấy, cái phía mà ta không biết đường nào mà lần! Và lại, có thể nói rằng bọn chúng đã bị nhốt trong cái vực thẳm dành cho kẻ tội đồ rồi, chỉ vì cứ thủ dâm bằng trí óc suốt cả ngày lẫn đêm mà! Tôi nói cả ngày lẫn đêm, vì, anh biết không, cả ban đêm bọn đều cáng ấy vẫn không ngừng mơ những chuyện loạn dâm!... Thật quá đáng!... Này đào sâu này!... Này mở mang trí óc này! Này bới đi bới lại này!... Và thế là, chung quanh họ chỉ còn là một mớ bầy nhầy những chất thải của cơ thể, một bùng nhùng những triệu chứng mê sảng tiết ra tong tống khắp nơi... Tất cả sắp sụp đổ, Ferdinand ạ, sụp đổ, tôi báo trước anh biết, tôi, lão già Baryton này, và không còn bao lâu nữa đâu! Và anh sẽ chứng kiến việc đó! Vì anh hãy còn trẻ!... Anh sẽ chứng kiến!... A! tha hồ mà thích thú! Các anh sẽ nhảy tuốt sang ông hàng xóm! Hốp! Thêm một cú mê sảng nữa! Một cú quá liều lượng! Và vrrum! Tiến sang nhà Thăng Điền! Xong! Các anh được giải thoát, như vẫn nói! Điều đó hấp dẫn các anh quá lâu rồi mà! Một liều ba bảy cũng liều! Nhưng khi các anh sang với Thăng Điền rồi, tôi bảo đảm là các anh sẽ ở lại đó mãi!

“Ferdinand, anh hãy nhớ kỹ lấy điều này, cái khởi đầu cho sự kết thúc hết cả, đó là sự quá đà. Cuộc đại loạn này mở đầu như thế nào, tôi có đủ tư cách để kể... Đầu tiên là sự thiếu mức độ. Rồi đến những quá đáng xa lạ! Không còn mức độ, không còn sức lực! Thế là hết! Tất cả mọi người rơi vào cõi hư vô, chứ sao? Tất cả? Thì đúng thế! Chúng ta không chỉ đi tới, mà là chạy tới,

xô nhau chạy tới! Tôi, tôi đã tận mắt trông thấy lý trí dần dần mất thăng bằng rồi tan biến trong cái âm mưu to lớn của những tham vọng quỷ quyệt! Khởi đầu là vào năm 1900... Từ thời điểm đó, cả thế giới nói chung và ngành tâm thần học nói riêng chỉ là một cuộc chạy đua cuồng điên xem ai tai quái hơn, dâm dăng hơn, kỳ quặc hơn, kinh tởm hơn, sáng tạo hơn, như họ nói!... Thật loạn xà ngầu!... Phần thắng sẽ thuộc về ai lúc cung tận tụy sớm nhất với con quái vật, với con thú không tim!... Ferdinand ạ, con thú ấy ư? Một cái đầu to sù đi ngật ngưỡng!... Các trận chiến và đờm dãi nó đang lóe rực tới chúng ta khắp tứ phía!... Chúng ta sắp ngập trong cơn hồng thủy! Rất đơn giản! À, dường như ý thức đã bị nhàm chán. Thì sẽ không nhàm chán nữa! Thiên hạ bắt đầu lục đục với nhau, để đổi món... Thế rồi người ta bỗng thấy nảy sinh những “cảm tưởng”, những “linh tính”... Như đàn bà!...

“Vả lại đến tình thế này, có cần gì phải vướng víu về một cái từ phản phúc gọi là lô gích không?... Tất nhiên không! Đúng hơn, lô gích lại là một thứ vật cản đối với các nhà bác học tâm lý vô cùng tinh tế mà thời đại ta đã nhào nặn, thực sự tiến bộ... Nhưng Ferdinand, anh chớ vì thế mà bảo rằng tôi khinh rẻ đàn bà! Không! Anh thừa biết thế. Nhưng tôi không ưa những cảm giác của họ! Tôi là con vật có hồn dãi, và một khi nắm được sự việc gì thì khó lòng từ bỏ. Nhân tiện hôm nọ vừa xảy ra với tôi một chuyện... Người ta yêu cầu tôi tiếp một nhà văn... Tay nhà văn ấy lang thang khắp vùng... Và anh có biết, suốt một tháng trời hăn gào cái gì? “Phải thanh toán!... Phải thanh toán!...” Hăn gào như thế khắp nhà... Hăn đã bước sang phía bên kia của trí khôn!... Nhưng chính đó là cái hăn vô cùng vất vả mà không thanh toán được... Hăn bị thắt cái gì đó làm bí đái, nước giải không ra được... Tôi cố gắng thông cho hăn, giải thoát từng giọt, từng giọt... Gia đình thì cứ nhất định rằng hăn bị như thế là do thiên tài của hăn... Tôi ra sức giải thích rằng chính bọng đái của tên văn sĩ bị bệnh, nhưng họ không nghe... Với họ, chẳng qua trong lúc thiên tài lên đến cực điểm nên hăn bị như vậy, thế thôi... Cuối cùng tôi đành ngả theo ý kiến họ. Anh biết gia đình là cái gì rồi chứ? Không thể làm cho gia đình hiểu rằng một con người, dù thân hay sơ, rút cục chỉ là một khối thối rữa

tiềm ẩn... Họ sẽ không chịu chi tiền cho cái thói rửa tiềm ẩn đó”.

Từ hơn hai chục năm nay Baryton không ngừng ra sức chiều lòng các gia đình bệnh nhân với tất cả sự ngạo mạn của họ. Các gia đình ấy làm cho lão khốn khổ. Tôi biết lão bản tính kiên trì, vững vàng, song lão luôn luôn giữ trong lòng mỗi cảm hận dai dẳng với các gia đình ấy... Hồi tôi sống bên lão, lão rất khó chịu và luôn luôn tìm mọi cách làm thế nào kín đáo bỏ trốn để giữ ra được một lần cho dứt khỏi sự câu thúc của các gia đình ấy... Mỗi người có lý do để tự giải thoát khỏi nỗi khổ tâm riêng và mỗi người trong chúng ta tùy theo từng trường hợp mà tìm được cách khôn khéo để thực hiện. Hạnh phúc thay những ai chỉ cần đến nhà thổ là xong!

Về phần mình, Parapine có vẻ thỏa mãn với con đường im lặng. Còn Baryton, sau này tôi mới hiểu, thì luôn luôn tự hỏi liệu mình có bao giờ thoát khỏi sự phụ thuộc vào các gia đình ấy, thoát khỏi ngàn thứ nhàm chán của tâm lý ẩm thực. Lão khát khao những điều thật mới, thật đa dạng, đến mức luôn luôn sẵn sàng bỏ trốn, đào thoát, có lẽ vì thế mà lão luôn mồm chỉ trích... Qua cuộc sống thường nhật thấy nổi bật tính ích kỷ của lão. Lão không coi trọng một cái gì, chỉ muốn bỏ ra đi, đem thân mình đi nơi khác.

Lão tự giải thoát bằng một vụ tai tiếng rất đáng tiếc mà vẫn tưởng mình làm đúng. Tôi sẽ kể đầu đuôi câu chuyện đó sau này.

Phần tôi, lúc này làm phụ tá cho lão, cũng tạm được.

Công việc điều trị hằng ngày không có gì vất vả; tất nhiên thỉnh thoảng tôi cũng thấy hơi bất ổn, chẳng hạn khi trò chuyện quá lâu với các bệnh nhân. Tôi như bị choáng, tuồng như bị họ kéo ra xa khỏi bến bờ quen thuộc của mình; từ câu này xọ sang câu khác, với những lời lẽ ngây thơ, họ đưa mình vào tận chính giữa cơn mê sảng của họ. Trong chốc lát, tôi tự hỏi làm thế nào thoát ra được, hay không khéo cũng bị hãm vào cơn điên của họ mà không biết.

Có thể nói là tôi đã ở sát ngay bờ vực nguy hiểm của người điên, liền kề với họ, do bản chất tôi vốn lạnh, đối xử với họ tử tế. Tôi không chao đảo, nhưng luôn cảm thấy nguy cơ, như tuồng sắp bị họ ngằm lồi tuột vào mê lộ

trong cái thành phố xa lạ của họ. Một thành phố mà ta càng đi sâu vào giữa những dãy nhà tàn tạ càng thấy phố phường mềm nhũn ra... Dù sao ta vẫn muốn đi xa chút nữa để xem mình có đủ sức phục hồi lý trí không, dù đi giữa hoang tàn đổ nát. Lý trí dễ biến nhanh thành tật xấu, chẳng khác gì niềm vui biến thành sự buồn ngủ, ở những kẻ thần kinh suy nhược. Không thể chỉ lo đến lý trí của mình. Mọi việc hỏng hết rồi. Không lơ mơ nữa.

Cứ thế, từ nghi hoặc này đến nghi hoặc khác, đã đến ngày 4 tháng năm. Một ngày ra trò. Hôm ấy tự nhiên tôi thấy người khỏe khoắn như có phép tiên. Mạch đập 78. Như vừa ăn một bữa sáng thịnh soạn. Thế mà bỗng dưng tất cả quay cuồng! Tôi ra sức bấu víu. Mặt mũi ai nấy trở nên kỳ dị, thô ráp như vỏ chanh và có vẻ tai ác hơn trước. Có lẽ vì đã leo quá cao, quá liều lên tột đỉnh của sức khỏe, tôi rơi tòm xuống trước tấm gương, thấy mình già đi trông thấy.

Không thể kể cho hết được nỗi chán ngán mệt mỏi khi những ngày khốn kiếp ấy dồn dập giữa mũi và mắt mình, chỉ riêng quãng ấy thôi đối với nhiều người đã phải bao nhiêu năm. Thế mà đây chỉ với một người thì thật quá nhiều.

Chung quy, tôi bỗng muốn trở lại Tarapout ngay lập tức. Nhất là Parapine đã không thèm nói chuyện với cả tôi. Nhưng có trở lại với Tarapout, tôi cũng không còn đất sống. Thật gay, khi ta chỉ có một chỗ dựa vật chất và tinh thần là ông chủ, mà ông chủ ấy lại là một thầy thuốc tâm thần, không biết trong đầu lão nghĩ cái gì. Đành chịu đựng. Không nói gì cả. Chúng tôi chỉ còn nói với nhau toàn chuyện đàn bà; đó là một đề tài vô hại mà tôi còn hy vọng đôi lúc làm cho lão vui. Về mặt này, lão tin là tôi có chút ít kinh nghiệm và thẩm quyền.

Baryton có coi thường tôi đôi chút thì cũng chẳng sao. Ông chủ bao giờ lại chẳng yên tâm hơn với sự hèn mọn của nhân viên. Đã là nô lệ thì dù muốn dù không cũng cứ là đáng khinh một chút và thậm chí nhiều nữa là khác. Một loạt những khuyết tật cố hữu về thể chất và tinh thần đè nặng lên số phận của họ. Như thế trái đất quay được tốt hơn, vì mỗi người trên đó đều giữ đúng vị

trí của mình.

Kẻ người ta thuê mướn ắt phải là kẻ thấp hèn, nhạt nhẽo, sa cơ, có như vậy lương tâm người ta mới thanh thản, nhất là Baryton trả cho chúng tôi rất thấp. Đã hà tiện, lão lại hay lo ngại, nghi ngờ. Hư hỏng truy lục và trung thành, những cái đó thường đi đôi, hòa hợp với nhau. Giá tôi bị cảnh sát truy nã nữa thì có lẽ Baryton lại càng ưa thích hơn. Như vậy tôi sẽ càng trung thành với lão.

Vả lại, từ lâu tôi đã từ bỏ mọi tự ái. Tôi nghĩ thứ tình cảm ấy là quá cao sang so với thân phận mình, lại ngàn lần tổn kém so với của cải mình có. Hy sinh bém nó đi càng tốt.

Giờ tôi chỉ cần giữ một sự ổn định tương đối về ăn uống và thể lực. Những thứ còn lại chẳng đáng quan tâm. Tuy nhiên nhiều đêm cũng khó ngủ, nhất là khi nhớ lại những chuyện xảy ra ở Toulouse, tôi thao thức hàng giờ.

Tôi không khỏi tưởng tượng ra đủ thứ chuyện bi thảm tiếp sau vụ bà cụ Henrouille bị ngã dưới hầm xác ướp. Và thế là tôi hoảng sợ đến quận bụng, tim đập liên hồi khiến tôi phải vùng dậy khỏi giường, đi đi lại lại trong phòng cho đến tận sáng. Trong những cơn khủng hoảng ấy, tôi chịu không tài nào thanh thản lại để ngủ tiếp. Cho nên chớ bao giờ vùi tin vào nỗi đau khổ của con người. Hãy hỏi họ có lại ngủ tiếp được không?... Nếu được, mọi việc đều tốt. Thế là đủ.

Phần tôi, tôi không bao giờ ngủ được đầy giấc. Tôi đã mất cái thói quen tin cậy, mà có thật tin cậy vô biên thì con người mới có thể ngủ say đầy giấc. Ít nhất tôi phải bị bệnh, bị sốt rét, bị tai họa cụ thể gì đó thì mới thấy lại được sự dừng dưng và loại trừ nỗi lo âu, phục hồi sự bình tĩnh thiêng liêng và ngó ngán. Qua nhiều năm, những ngày duy nhất tạm chịu đựng được mà tôi còn nhớ, là mấy ngày tôi bị cúm, bị sốt cao ^[139*].

Baryton không bao giờ hỏi thăm đến sức khỏe của tôi. Lão cũng chẳng quan tâm đến sức khỏe của bản thân. “Khoa học và đời sống là một sự pha trộn tai hại, Ferdinand ơi! Tôi nói thật, hãy tránh quan tâm đến thân mình... Mỗi vấn đề đặt ra cho cơ thể đều biến thành một kẻ hở... Một sự mở đầu cho

lo âu, ám ảnh...” Đó là những nguyên lý sinh học đơn giản mà lão ưa thích. Nói tóm lại, lão rất khôn ngoan. “Biết lắm, thêm khổ!” lão thường bảo thế. Có ý muốn để tôi liệu chừng.

Lão không bao giờ nói chuyện tiền nong với tôi, nhưng trong thâm tâm thì chắc hẳn là lão nghĩ tới nhiều hơn.

Những chuyện rắc rối giữa Robinson với gia đình Henrouille, tôi chưa hiểu hết, và vẫn còn giữ trong lòng, nhưng thỉnh thoảng cũng kể cho Baryton nghe một vài mẩu. Song lão không quan tâm gì cả. Lão thích những chuyện tôi kể về châu Phi, nhất là chuyện về mấy đồng nghiệp tôi đã gặp hầu khắp mọi nơi, với những kiểu điều trị kỳ cục và đáng ngờ của họ.

Ở bệnh viện, thỉnh thoảng chúng tôi lại bị báo động vì con bé Aimée, con gái lão. Đến giờ ăn trưa đột nhiên nó biến đi đâu mất, tìm trong phòng, ngoài vườn đều không thấy. Phần tôi, luôn luôn chuẩn bị tư tưởng để lỡ ra một đêm nào đó lại tìm thấy nó bị sát hại ở một bụi cây. Với những bệnh nhân điên lang thang khắp các xó xỉnh, chuyện ấy có thể xảy ra được lắm. Mấy lần con bé đã suýt bị hãm hiếp. Nó đã bị cấm không được la cà ở những con đường khuất nẻo, vậy mà nó cứ hay đến đó, như có ma dẫn lối quỷ đưa đường. Mỗi lần như thế, bố nó lại đét đít cho một trận nên thân. Nhưng cũng chẳng ăn thua gì.

Nhân viên chúng tôi, do thường gặp người điên qua lại các hành lang, nên luôn luôn phải cảnh giác. Người điên là dễ phạm tội hơn người thường. Vì thế đã thành thói quen là mỗi khi gặp họ, chúng tôi thường quay lưng vào tường, sẵn sàng hể thấy họ giở trò gì là cho luôn một cái đá vào bụng dưới. Họ chỉ gườm gườm nhìn chúng tôi rồi đi qua. Thế là điên hay không điên, chúng tôi đều hiểu nhau.

Baryton rất tiếc là trong chúng tôi không ai biết đánh cờ. Rồi tôi sẽ phải học cái trò chơi này, dù chỉ nhằm vừa lòng lão.

Ban ngày Baryton hoạt động rất tất bật và tỉ mỉ, khiến mọi người xung quanh cũng mệt lây. Mỗi sáng lão lại nảy ra một ý kiến mới, hoàn toàn có tính thực dụng. Thay giấy vệ sinh cuộn trong nhà xí bằng loại giấy từng tờ

gấp, làm cho chúng tôi phí công suy nghĩ mất một tuần liền mà ý kiến cứ trái ngược nhau. Cuối cùng, quyết định chờ đến tháng các cửa hàng bán giảm giá sẽ tính. Sau đó là một chuyện vớ vẩn khác, chuyện áo gi lê dạ... Phải mặc nó bên trong hay bên ngoài sơ mi?... Rồi cách xử lý xuyn phát đồ xút thế nào?... Parapine im như thóc, không tham gia các cuộc tranh cãi dưới tầm trí thức đó.

Buồn tình, cuối cùng tôi lại kể cho Baryton thêm nhiều chuyện về các chuyến phiêu lưu của tôi, đến mức mệt nhoài. Và thế là đến lượt lão lại lấp cuộc chuyện trò bằng những đề xuất, những ý kiến vặt vãnh. Cái vòng luẩn quẩn thoát không xong. Chính vì mỗi mệt mà lão bắt mất hồn tôi. Tôi không có được sự dừng dừng tuyệt đối như Parapine để tự bảo vệ. Trái lại, tôi cứ mặc nhiên đối đáp với lão. Tôi không tài nào dừng tranh luận liên miên đủ thứ, như so sánh lợi hại giữa ca cao và cà phê kem chẳng hạn. Thật ngốc nghếch mà vẫn cứ bắt vào.

Cứ thế, chúng tôi tranh luận đủ chuyện lớn nhỏ: chứng giãn tĩnh mạch thấp, dòng điện Faraday tối đa, điều trị bệnh viêm tế bào vùng khuỷu... Theo sự hướng dẫn và thiên hướng của lão, tôi đã nói được lảng nhãng đủ mọi thứ như một kỹ thuật gia thực thụ. Baryton kèm sát tôi, đi trước tôi trong cuộc dạo chơi dớ dẩn bất tận, lão khiến tôi bão hòa với cuộc chuyện trò cho tới vĩnh hằng. Parapine hẩn cười thầm trong bụng khi nghe chúng tôi cãi vã suốt ngày những chuyện linh tinh.

Nhưng xin cầu bình yên cho linh hồn ngài Baryton, lão đều cáng ấy! Cuối cùng thì tôi cũng tìm được cách làm cho lão phải biến. Mất khá nhiều công sức.

Trong số các nữ bệnh nhân mà tôi được giao trách nhiệm quản lý đặc biệt, thì những mục nhếch nhác nhất thường gây cho tôi lắm chuyện bực mình. Chỗ này đòi đi tắm... Chỗ kia đòi ống thông dò... Những tật xấu lặt vặt, những cơn điên khùng, những vết thương cần giữ cho sạch... Một nữ bệnh nhân trẻ thường làm cho tôi bị lão chủ quở trách. Chả là cô ta có tật hay ngắt hoa, phá hoại khu vườn, mà tôi thì không ưa bị chủ quở trách.

Biệt hiệu cô ta là “Vị hôn thê”, người Ác-giăng-tin, về hình thức không đến nỗi nào, nhưng có bệnh tâm thần, đòi lấy bố đẻ. Thế là tất cả các hoa trong vườn lần lượt bị cô ta vật để cắm lên tấm áo cưới trắng tinh mà chỗ nào, lúc nào cô cũng mặc. Một ca bệnh lý mà gia đình cô ta, vốn rất sùng đạo, lấy làm xấu hổ. Họ nhốt cô vào đây cho khuất mắt thiên hạ. Theo Baryton, cô là nạn nhân của một nền giáo dục quá khắc nghiệt, căng thẳng, một nền đạo đức cứng nhắc, làm cô ta phản ứng đến phát điên.

Cứ đến chiều tối, chúng tôi lừa tất cả mọi người vào trong nhà, điểm danh rất lâu, rồi còn phải vào từng phòng canh chừng, nhất là để ngăn những kẻ bị kích thích thường thủ dâm trước khi ngủ. Tối thứ bảy càng cần chú ý canh gác hơn, vì chủ nhật người nhà đến thăm, thấy họ phờ phạc vì thủ dâm, thì thật không hay cho Viện.

Nhân đây tôi nhớ lại vụ Bébert và món xi rô tinh chế. Ở Vigny, tôi thường cho họ uống nhiều loại xi rô này. Tôi còn nhớ công thức pha chế, và tin vào công hiệu của nó.

Bà gác cổng của viện mở một quán bánh kẹo, cùng với chồng là một tay to lớn vạm vỡ, đôi khi gặp trường hợp gay cấn, chúng tôi phải nhờ tay này trợ lực.

Cuộc sống cứ thế trôi đi, nói chung tạm ổn, chẳng mấy chuyện đáng phàn nàn, nếu như Baryton không chợt nảy ra sáng kiến mới.

Hắn là từ lâu lão đã ấp ủ cách nào đó để sử dụng tôi được nhiều hơn mà tiền lương vẫn như cũ. Và thế là lão đã tìm được ra.

Một hôm, vào bữa ăn sáng, lão liền nói toạc ra. Thoạt tiên, lão sai dọn một liễn đầy kem dâu, là món tráng miệng tôi rất thích. Ngay lúc đó tôi đã ngỡ ngợ. Quả nhiên, vừa ăn xong, lão vào đề luôn:

-Ferdinand, tôi tự hỏi liệu anh có đồng ý dạy tiếng Anh cho con bé Aimée nhà tôi không?... Anh nghĩ thế nào?... Tôi biết giọng nói tiếng Anh của anh rất hay... Mà trong tiếng Anh, cái giọng là quan trọng nhất!... Và lại, không phải nói để nịnh anh đâu, anh vốn là người tốt bụng, sẵn lòng giúp đỡ mà.

-Thưa ông Baryton, tất nhiên tôi đồng ý - bị bất ngờ, tôi trả lời luôn.

Và lập tức, chương trình được quyết định. Ngay sáng hôm sau tôi sẽ giảng bài đầu tiên cho Aimée. Và cứ thế những bài tiếp theo trong nhiều tuần...

Chính bắt đầu từ những bài tiếng Anh ấy mà chúng tôi bước vào một thời kỳ hết sức bối rối, mập mờ, việc này việc nọ liên tiếp ủa đến với nhịp độ khác hẳn cuộc sống bình thường.

Baryton ngồi dự tất cả các buổi học của con gái. Mặc dầu tôi hết sức tận tình, con bé Aimée tội nghiệp chẳng tiêu hóa nổi một chút tiếng Anh nào. Thực ra thì nó chẳng thiết gì biết nghĩa mỗi từ mới học. Nó tự hỏi tại sao chúng tôi lại cứ bắt ép nó phải hiểu nghĩa những từ ấy. Thiếu chút nữa là nó òa lên khóc. Với chút tiếng Pháp đang học bập bẹ nó nghĩ là đã quá đủ để phải học suốt đời rồi. Nhưng bố nó lại không chịu nghĩ như thế. Lão dễ dàng, động viên con:

-Nào, Aimée con yêu của bố! Con phải trở thành một thiếu nữ hiện đại... Bố đã bị nhiều thiệt thòi, vì không biết đủ tiếng Anh để giao thiệp với khách hàng nước ngoài... Thôi, con đừng khóc!... Hãy lắng nghe ông Bardamu giảng, ông ấy rất tốt, và khi nào con nói được từ *the* bằng cách đưa lưỡi như ông ấy, bố hứa sẽ mua thưởng cho con một xe đạp thật đẹp, mạ kền bóng loáng...

Nhưng Aimée không muốn tập nói những từ *the* hay *enough*, dứt khoát không muốn. Chính lão Baryton lại tập nói thay cho con những *the*, những *rough* và lại đạt nhiều tiến bộ khác, mặc dù vẫn lơ lớ giọng vùng Bordeaux và cái tư duy lô gích rất khó hợp với tiếng Anh. Một tháng, hai tháng như thế. Ông bố càng mê học Anh ngữ bao nhiêu thì đứa con càng đỡ phải mệt óc tập đọc. Hóa ra tôi dạy Baryton là chính. Lão bám chặt tôi không rời, rút hết vốn Anh văn tôi có. Hai phòng sát cạnh nhau nên mỗi sáng tôi nghe thấy lão vừa mặc quần áo vừa chuyển hết mọi sinh hoạt thành Anh ngữ. *The coffee is black... My shirt is white... The garden is green... How are you today Robinson?* ^[140*] Lão gào tướng lên bên kia bức vách.

Với kiểu cách tai quái ấy, lão sẽ kéo tôi đi rất xa... Khi bước vào tiếp xúc với nền văn học lớn, chúng tôi không còn thể dừng được nữa... Sau tám tháng

tiến bộ không bình thường như vậy, lão gần như biến thành người anglo-saxon. Đồng thời, cũng làm tôi chán ngán lão đến hai lần.

Dần dà chúng tôi bỏ mặc con bé Aimée ra ngoài câu chuyện, để nó hoàn toàn yên ổn. Nó bình thản quay về với mây bay, chẳng đòi hỏi gì. Nó không học tiếng Anh nữa, thế là xong! Dành hết cả cho Baryton!

Mùa đông trở lại, đã tới Noel. Các hãng du lịch quảng cáo chào mời mua vé khứ hồi sang Anh, được giảm giá... Khi ra phố, đi xem chiếu bóng với Parapine, tôi đã để ý thấy những tờ cáo thị ấy... Tôi còn vào hỏi giá nữa.

Rồi đến bữa ăn, tôi đã động vài câu về chuyện ấy với Baryton. Thoạt đầu lão có vẻ không quan tâm, và bỏ qua. Tưởng lão đã quên đi, thì một tối chính lão lại nhắc đến chuyện đó và yêu cầu tôi kiếm cho lão mấy tờ quảng cáo ấy.

Những lúc không học Anh văn, chúng tôi thường chơi bi-a Nhật Bản ở một phòng riêng biệt, có chấn song vững chắc, nằm ngay bên trên lều của bà gác cổng.

Những trò khéo tay, Baryton chơi rất khá. Parapine thường đánh cuộc với lão nhưng đều bị thua. Cả buổi tối, nhất là vào mùa đông hay những hôm trời mưa, chúng tôi thường chúi mũi trong cái phòng nhỏ ấy để khỏi làm bẩn các phòng khách lớn của chủ. Đôi khi cũng đưa một bệnh nhân lên cơn vào phòng nhỏ ấy để theo dõi, nhưng việc đó rất hãn hữu.

Trong khi Parapine và Baryton thi nhau trở tài trên bàn bi-a, thì tôi cũng chơi một trò, nếu có thể gọi là trò, thử đặt mình vào địa vị một tù nhân trong xà lim xem cảm giác sẽ ra sao. Chả là tôi rất thiếu cảm giác. Cố gắng lắm tôi cũng chỉ có thể làm quen với những khách qua đường thừa thớt vùng ngoại ô. Chiều chiều ta thương cảm nhìn hoạt động chậm chạp của những tòa tàu điện từ Paris tới, thả xuống từng tốp viên chức lù đù, qua góc phố là họ biến mất vào đêm tối, ta không còn kịp đếm xem họ có bao nhiêu người. Nhưng Baryton chẳng mấy khi để tôi thoát mái mơ màng. Giữa cuộc chơi, ông ta bắt thần hỏi một câu ngớ ngẩn:

- *Hou do you say* “không thể” bằng *english*, hả Ferdinand? [\[141*\]](#)

Tóm lại lão ta không ngừng khao khát tiến bộ. Với tất cả sự ngốc nghếch,

lão luôn gồng mình lên để hướng về phía hoàn hảo. May thay, một cơn khủng hoảng đã giúp tôi thoát nạn. Xin kể vắn tắt sau đây.

Càng tiến sâu vào đọc *Lịch sử Anh quốc*, tôi càng thấy lão kém dần tự tin và hào hứng. Đến đoạn học về các thi nhân thời Elisabeth ^[142*] thì trong trí óc và con người lão có những thay đổi vô hình. Lúc đầu tôi khó tin chuyện đó, nhưng rồi, cũng như mọi người, phải công nhận sự thật là Baryton trở nên thảm hại. Trước nghiêm túc, tập trung bao nhiêu thì nay lang bang, nói năng lảm nhảm bấy nhiêu. Và dần dần đến lượt lão ngồi hàng giờ liền, trong nhà mình, trước mắt chúng tôi, tâm trí lơ mơ ở những đâu đâu... Cho dù từ lâu chẳng ưa gì lão, tôi cũng cảm thấy hối tiếc nhìn thấy Baryton rã rời rõ rệt, nghĩ rằng mình cũng có phần trách nhiệm. Cơn khủng hoảng tinh thần của lão như có dính dáng đến tôi... Một hôm, tôi đề nghị tạm nghỉ học một thời gian với lý do cần giải lao để lấy lại sức đồng thời cũng để tìm kiếm thêm tài liệu. Lão không để trò bịp ấy lừa dối mình và kiên quyết phản đối, nhất định đòi cùng với tôi tiếp tục khám phá nước Anh trí tuệ... Như đã bắt đầu khám phá... Tôi không biết nói sao, đành chiều ý. Lão còn lo không sống được bao lâu nữa để hoàn thành công việc. Tóm lại, và mặc dù linh cảm thấy bất hạnh sẽ đến, tôi buộc phải cùng lão tiếp tục cuộc hành trình buồn tẻ vào hiểu biết.

Sự thật, Baryton đã không còn là chính mình. Lão ngày càng ít quan tâm đến công việc điều hành cụ thể cái nhà thương điên ấy, dù đó là sự nghiệp mà lão đã mê say suốt từ hơn ba chục năm qua. Lão hoàn toàn trông cậy vào Parapine để lo các công việc hành chính. Ngoài mặt, lão cố tìm cách che giấu nỗi hoang mang rối loạn về các tín hiệu của mình, song với chúng tôi, điều đó ngày càng lộ ra rõ rệt, không thể chối cãi.

Gustave Mandamour, viên cảnh sát chúng tôi đã quen ở Vigny và thỉnh thoảng giúp đỡ cho Viện một số việc, và cũng là người ít tinh khôn nhất trong số những người cùng loại mà tôi biết, hồi đó đã hỏi tôi có phải lão chủ đã nhận được tin dữ gì chẳng... Tôi đã trấn an anh ta mà trong bụng cũng không tin.

Baryton bỏ ngoài tai mọi lời bàn ra tán vào, chỉ yêu cầu mọi người đừng

làm phiền vì bất cứ lý do gì. Hồi mới học, theo lão, chúng tôi đã đọc quá lướt nhanh cuốn *Lịch sử nước Anh* của Macaulay, tác phẩm đồ sộ gồm mười sáu tập. Theo lệnh lão, chúng tôi cùng nhau đọc lại, và trong trạng thái tinh thần rất đáng ngại. Đọc từng chương một.

Theo tôi, Baryton ngày càng bị căn bệnh suy tư đục ruồng. Lúc đọc đến đoạn gay cấn nhất, khi Monmouth “kẻ ngấp nghé ngôi vua” ^[143*] vừa đổ bộ lên những bến bờ mù mịt của xứ Kent.... Cuộc phiên lưu đến lúc vô vọng, Monmouth không biết mình sẽ phải làm gì, muốn gì... Ông ta bắt đầu nghĩ đến việc bỏ đi, nhưng không biết đi đâu và bằng cách nào... Trước mắt ông rõ ràng là thất bại... Trong ánh bình minh mờ ảo... sóng biển đã cuốn đi những con tàu cuối cùng. Lần đầu tiên Monmouth phải suy nghĩ... Baryton cũng vậy, dù ở mức độ nhỏ hơn, không tài nào vượt lên khỏi những quyết định của chính mình... Lão đọc đi đọc lại đoạn văn, miệng lẩm bẩm... Cuối cùng, lão gập sách lại, nằm dài bên cạnh chúng tôi.

Lát sau, hai con mắt lim dim, lão cất tiếng đọc thuộc lòng toàn đoạn văn, với sắc giọng tốt nhất mà người Bordeaux có thể nói tiếng Anh. Lão cứ đọc, đọc mãi.

Trong câu chuyện về Monmouth, khi mà thân phận con người bộc lộ rõ sự ngây thơ thảm hại trước Vĩnh hằng. Baryton cũng thấy mình choáng váng, và vì chỉ còn bầu vịu vào đời bằng một sợi dây mỏng, lão đã tuột tay. Tôi có thể nói, từ lúc đó, lão không còn như chúng tôi nữa... Lão không thể...

Sau buổi tối ấy, lão mời tôi đến gặp ở phòng giám đốc... Tất nhiên, trong bối cảnh này, tôi chờ đợi lão sẽ đưa ra một quyết định dữ dội, cho tôi thôi việc chẳng hạn... Nhưng mà không! Quyết định của lão lại hoàn toàn ưu ái cho tôi! Mà tôi thì ít khi được số phận ưu ái, nên tôi không cầm được nước mắt ứa ra mấy giọt. Baryton thấy tôi xúc động lại coi đó là sự buồn phiền, bèn ra sức an ủi...

- Ferdinand, chả lẽ anh lại nghi ngờ lời nói của tôi, khi tôi khẳng định rằng phải dùng cảm lảm tôi mới quyết định ra đi khỏi Viện?... Anh đã biết tính tôi chỉ thích ngồi ấm chỗ, tôi bắt đầu già rồi, cả sự nghiệp của tôi chỉ là một cuộc

thử nghiệm dài, kiên trì... Ai có thể nghĩ, chỉ trong vài tháng tôi đi đến chổi bỏ tất cả?... Vậy mà giờ đây tôi hoàn toàn dừng dừng... Ferdinand! *Hurrah!* Như anh hay reo lên bằng tiếng Anh như thế! Quá khứ với tôi không còn là gì cả! Ferdinand, tôi sẽ hồi sinh! Thế đấy! Tôi đi! Ôi anh bạn tốt, nước mắt anh không làm giảm sự chán chường của tôi đối với những gì đã giữ chân tôi ở đây trong bao năm vô vị!... Quá lắm rồi! Đủ rồi! Tôi đi! Tôi chạy trốn! Tôi đào thoát! Đành rằng lòng tôi vò xé! Tôi biết! Tôi tự dẫn dắt mình! Này Ferdinand ơi, tuy thế mà tôi chẳng được tích sự gì cho đời cả! Chẳng tích sự gì cả! Ferdinand ơi, không cái gì có thể làm tôi quay trở lại đâu! Anh nghe không?... Giả sử tôi có để rơi một con mắt xuống bùn đâu đây thì tôi cũng không quay lại để nhặt đâu! Nào! Nói thế đủ chưa! Anh còn nghi ngờ lòng tôi nữa không?

Tôi chẳng nghi ngờ gì nữa cả. Lão Baryton này có thể làm mọi thứ. Trong tâm trạng như thế mà bây giờ tôi phản bác lại lão thì đầu óc lão hẳn không chịu nổi. Tôi để yên một lát nhưng rồi cũng khuyên giải lão đôi chút, gắng một lần cuối đưa lão trở lại với chúng tôi... Bằng cách nói, cách lập luận nhẹ nhàng, xa xôi...

-Ferdinand, làm ơn hãy từ bỏ hy vọng thay đổi ý định của tôi! Điều đó là dứt khoát, tôi đã bảo mà! Và anh hãy cho tôi được vui lòng bằng cách đừng nói gì nữa! Nào, Ferdinand, một lần cuối, anh muốn tôi vui lòng không? Ở tuổi tôi, thay đổi thiên hướng là chuyện hiếm... Thực tế là như vậy.... Nhưng đã thay đổi thì bất khả kháng...

Đó là chính lời ông ta, tôi kể lại, hầu như những lời cuối cùng. Tuy nhiên tôi vẫn mạnh dạn ngắt lời:

-Thưa ông Baryton thân mến, có thể ý định bất thần của ông muốn nghỉ ngơi thực ra chỉ là một giai đoạn có phần lảng mạn, một sự xả hơi đúng lúc trong suốt một tiến trình sự nghiệp khắc khổ? Có thể sau khi đã ném thử một cuộc sống khác... thì vị hơn, ít tẻ nhạt và công thức hơn chúng ta đang sống ở đây, biết đâu ông lại chẳng trở lại, sau khi đã mãn nguyện về chuyến đi, hết thích phiêu lưu?... Lúc đó tất nhiên ông lại về vị trí, cầm đầu chúng tôi... Ông

sẽ đổi mới nói chung, và chắc sẽ khoan dung chịu đựng các công việc đơn điệu hằng ngày... Tóm lại là già đi! Ông Baryton, ông cho phép tôi được nói như vậy chứ?

- Chà, cái anh chàng Ferdinand này mới dẻo mồm chứ! Anh ta tìm cách kích động lòng tự ái của mình đây, cái lòng tự ái nhạy cảm và thích đòi hỏi nữa, mình cũng biết thế mặc dầu đã qua biết bao chán nản và thử thách... Không đâu, Ferdinand! Tất cả mọi sự khôn khéo của anh cũng chỉ là một liều thuốc không công phạt đối với tất cả những gì là thù nghịch và đau đớn kinh khủng nằm ngay trong ý chí sâu thẳm của chúng ta thôi. Và lại, thời gian do dự, rút lại ý định không còn nữa!... Ferdinand ơi, tôi xin thú thật và lớn tiếng tuyên bố: Cạn kiệt rồi! U mê rồi! Thất bại rồi! Bốn mươi năm lo toan chật vật đã quá đủ! Anh muốn biết tôi định làm gì ư? Với anh, người bạn chí thân, người muốn chia sẻ nỗi đau của một kẻ già nua trong cơn khốn quẫn, tôi có thể nói... Tôi muốn thử đi vượt linh hồn mình như người ta vượt một con chó ghê, thối tha, vượt thật xa người bạn đường mà mình đã chán ngấy, trước khi chết... Cuối cùng chỉ còn một mình mình... Thanh thản...

-Nhưng thưa ông Baryton, cái sự chán chường mà ông vừa đột nhiên thổ lộ làm tôi thật sự ngạc nhiên, xưa nay tôi có thấy thế bao giờ! Trái lại, hằng ngày ông vẫn điều khiển công việc một cách sắc sảo... Rất nhiều sáng kiến phong phú, hiệu quả... các chỉ định điều trị hết sức chính xác, khoa học... Chưa bao giờ nhận thấy trong cử chỉ hằng ngày của ông có dấu hiệu gì mệt mỏi, chán nản... Không bao giờ có chuyện tương tự...

Nhưng từ khi quen biết lâu, lần đầu tiên tôi thấy Baryton không thích nghe những lời tán tụng. Lão còn bảo tôi chấm dứt kiểu chuyện trò ấy đi.

-Thôi, anh hãy tin tôi... Những lời thân ái của anh đúng là có làm cho những phút cuối cùng của tôi ở đây thêm êm đềm dịu ngọt. Tuy nhiên tất cả sự ân cần ấy không khiến tôi quên ký ức về một quá khứ nặng nề toát ra từ nơi này... Bằng bất kỳ giá nào và bất kỳ cách nào, tôi cũng phải xa rời nó, anh hiểu cho...

-Nhưng còn cái cơ ngơi này, sẽ dùng làm gì? Ông đã nghĩ kỹ chưa?

-Nghĩ rồi, Ferdinand! Anh sẽ chỉ đạo nó thay tôi trong suốt thời gian tôi vắng mặt, có vậy thôi!... Xưa nay anh chẳng đã có quan hệ rất tốt với khách hàng đó sao? Anh đứng ra chỉ huy, mọi người sẽ dễ dàng chấp nhận... Mọi việc sẽ suôn sẻ, rồi anh em... Parapine ít chịu giao thiệp, cậu ấy sẽ phụ trách phần trang bị máy móc, phòng thí nghiệm... Cái đó thì cậu ta thạo!... Như vậy mọi việc đều ổn...

-Nhưng thưa ông, ông không sợ rằng nếu ông ra đi sẽ bị các đối thủ cạnh tranh trong vùng bàn tán ác ý sao? Như Passy chẳng hạn? Montretout?... Gargan-Livry? Bao kẻ quanh ta... Họ luôn rình mò... Những đồng nghiệp độc mồm độc miệng... Ông rút lui một cách cao thượng, tự nguyện. Nhưng họ sẽ bẻ queo đi thành cái gì? Bỏ trốn? Phá sản? Còn gì nữa, ai mà biết được?

Giả thuyết ấy hẳn buộc lão phải buồn phiền suy nghĩ. Một lần nữa lão lại tỏ ra lo lắng, mặt nhợt nhạt.

Aimée, đưa con gái vô tội của lão sẽ chịu số phận khá hẩm hiu trong tất cả chuyện này. Baryton giao nó cho một bà cô trông nom, thật ra là một bà cô lạ hoắc ở dưới tỉnh. Vậy là sau khi mọi chuyện được thu xếp, tôi và Parapine chỉ còn ra sức cố gắng để quản lý tài sản, trông coi quyền lợi của lão. Hãy trôi đi, hỡi con thuyền không thuyền trưởng!

Sau những lời tâm sự nói trên, tôi thấy có thể mạo muội hỏi xem lão chủ định phiên lưu về hướng nào.

-Sang Anh! lão điềm nhiên trả lời.

Tất cả những chuyện xảy ra trong một thời gian ngắn ngủi ấy, tôi khó mà tưởng tượng được, song dù sao chúng tôi cũng phải mau chóng thích nghi với tình thế mới.

Ngay hôm sau, Parapine và tôi giúp lão sửa soạn hành lý. Lão hơi ngỡ ngàng khi thấy tờ hộ chiếu có nhiều trang và đủ thứ thị thực. Xưa nay lão có bao giờ cần đến hộ chiếu.

Cuối cùng vấp phải vấn đề nên mang đi áo cổ mềm hay cổ cứng? Tranh luận mãi đến gần giờ tàu chạy. Cả ba nhảy lên chuyến tàu điện cuối cùng đi Paris. Baryton muốn thật cơ động và nhẹ nhàng dù đi đâu, ở đâu, nên chỉ

mang một va li nhỏ.

Trên sân ga, những bậc lên xuống cao ở những toa tàu quốc tế làm cho lão lạ lẫm. Lão ngần ngừ chưa muốn bước lên, Đứng yên lặng trước toa tàu như trước một tượng đài. Chúng tôi giúp lão trèo lên. Nghĩ vài giây, lão đưa ra một nhận xét cuối cùng, có tính so sánh, thực dụng, vui vui:

- Đi toa hạng nhất cũng không hơn gì!

Chúng tôi bắt tay lão. Đã đến giờ. Tàu rít còi và chuyển động đúng giờ trong tiếng ồn sắt thép loảng xoảng. Cuộc chia tay bỗng dừng diễn ra vội vã.

“Tạm biệt các con!” lão chỉ kịp nói vậy thì bàn tay lão đã thoát ra khỏi tay chúng tôi. Bàn tay đó còn ngọ nguậy mãi trong khói hơi nước, trong tiếng bánh xe rít trên đường ray khi trời bắt đầu tối, bàn tay trắng ấy xa dần xa mãi...

Chẳng có gì đáng phải tiếc, song dù sao sự ra đi ấy cũng để lại một khoảng trống vắng trong bệnh viện.

Trước hết cách lão ra đi khiến chúng tôi thấy buồn. Cách ra đi ấy không tự nhiên chút nào. Sau một sự cố như thế, khó có thể hình dung cái gì sẽ đến với chúng tôi.

Nhưng không còn thì giờ để băn khoăn nhiều hoặc buồn bã. Vài ngày sau khi tiễn Baryton ra ga, có một người đến văn phòng đòi gặp tôi, nhất thiết phải là tôi. Linh mục Protiste.

Tôi kể cho ông ta biết mọi chuyện, ông ta mới ngã ngửa người. Nhất là cái cách độc đáo mà Baryton tung hê mọi thứ để đi tiêu dao đến các xứ miền Bắc!... Nghe vậy, ông linh mục như không tin ở tai mình, đến khi hiểu ra thì lại chỉ thấy đây là dịp may hiếm có cho tôi.

- Thừa Bác sĩ, ngài Giám đốc tin cậy Bác sĩ đến thế, thật là một sự tiến cử tuyệt vời! ông ta cứ lải nhải mãi không thôi.

Tôi cố ngăn ông ta, nhưng đã hăng rồi, ông ta cứ nhắc đi nhắc lại cái điệp khúc ấy, tiên đoán tôi sẽ có tương lai huy hoàng, sự nghiệp y học lớn lao. Tôi không sao ngắt được lời ông.

Cuối cùng thì cũng phải trở về với những công việc nghiêm túc, liên quan đến cái thành phố Toulouse mà ông vừa tới hôm qua. Tất nhiên tôi cứ để ông kể lể những gì ông biết. Tôi còn làm ra bộ ngạc nhiên, sửng sốt khi ông báo tin về tai nạn xảy ra hôm trước.

Sao? sao? Bà cụ chết rồi?... Từ bao giờ vậy? xảy ra như thế nào?

Lần lần rồi ông ta cũng phải kể rõ đầu đuôi.

Không hẳn nói rõ là chính Robinson đã đẩy ngã bà cụ xuống cầu thang, song ông ta cũng để mặc tôi muốn đoán thế nào thì đoán... Bà cụ chẳng còn kịp kêu lên một tiếng, có vẻ như vậy. Ta hiểu ngầm với nhau... Thật hoàn hảo, gọn ghẽ... Lần thứ hai hẳn ta ra tay, bà cụ đã không thoát.

May thay là ở Toulouse, bà con dân phố vẫn coi Robinson là một thẳng

mù. Bởi vậy, người ta đều cho đây là một tai nạn, bi thảm thật nhưng cũng dễ hiểu khi xét đến hoàn cảnh và tuổi tác bà cụ, rồi thì việc xảy ra lúc cuối ngày, mệt mỏi... Lúc này tôi không muốn tìm hiểu thêm gì nữa. Đã nghe quá nhiều chuyện tâm tình thầm kín rồi.

Tuy nhiên, muốn ông linh mục chuyển sang nói chuyện khác thật khó. Ông ta rất băn khoăn về vụ này nên cứ trở đi trở lại, hy vọng rằng tôi cũng bập vào, cũng dính líu vào như người ta nói... Đã giữa trưa!... Không thể nói mãi, ông đành thôi và chỉ nói về Robinson, sức khỏe của hân, hai con mắt hân... Mắt hân đã khá hơn... Nhưng tinh thần thì vẫn rất kém. Đúng vậy, tinh thần hân ta không ổn! Mặc dù luôn luôn có hai người đàn bà ân cần săn sóc, yêu thương. Hân không ngừng phàn nàn, ta thán về số phận và cuộc đời.

Tôi không lạ gì những chuyện ông linh mục kể lại. Tôi biết Robinson. Tâm trạng buồn nản, khinh bạc của hân. Nhưng tôi còn cảnh giác hơn với ý định của ông linh mục này... Tôi nín thinh, để mặc ông nói.

- Bác sĩ ơi, bạn ông, tuy đời sống vật chất bây giờ có khá hơn, dễ dàng hơn, hơn nữa lại sắp có một cuộc hôn nhân tốt đẹp, nhưng ông ta vẫn làm chúng tôi thất vọng, thú thật là tôi lo lắng... Xem ra ông ta lại quay lại cái xu hướng thích lông bông, lảm lác như bác sĩ đã biết trước đây... Ông nghĩ sao, bác sĩ thân mến?

Tóm lại, nếu tôi hiểu đúng, thì Robinson đang nhằm nhe bỏ rơi tất cả, và trước hết là cô vợ chưa cưới và bà mẹ cô phật ý và buồn lòng vô tả. Cha xứ Protiste tìm tôi cốt nói về chuyện ấy. Quả là kỳ quặc. Tôi nhất quyết im lặng, không can thiệp vào chuyện riêng của gia đình ấy... Câu chuyện không kết quả, tôi chia tay ông cha xứ ở bến xe điện, khá là lạnh nhạt. Trở về nhà thương, tôi cảm thấy trong lòng không yên.

Sau cuộc viếng thăm ấy không lâu, chúng tôi nhận được những tin tức đầu tiên của Baryton từ bên Anh. Vài tấm bưu ảnh. Lão chúc tất cả chúng tôi “khỏe mạnh và may mắn”. Lão còn viết thêm vài dòng nhí nhằng đây đó, nhờ thế mà biết được lão đã sang cả Na Uy, rồi vài tuần sau lại một bức điện của lão từ Copenhagen chúc chúng tôi: “Thành công vượt qua các khó khăn”.

Như chúng tôi dự đoán, sự vắng mặt của Baryton đã bị bàn tán rất ác ý ở Vigny và vùng lân cận. Vì tương lai của Viện, chúng tôi thấy tốt hơn hết là không nên giải thích nhiều về sự vắng mặt đó, cả với bệnh nhân cũng như các đồng nghiệp bên ngoài.

Nhiều tháng lại trôi qua, những tháng hết sức thận trọng, tế nhị, lặng lẽ. Ngay giữa chúng tôi với nhau cũng không nhắc đến Baryton. Và lại nhớ đến lão là chúng tôi lại thấy ít nhiều xấu hổ.

Rồi mùa hạ tới. Chẳng lẽ cứ quanh quẩn suốt ngày ngoài vườn để coi giữ bệnh nhân. Để tỏ ra mình còn đôi chút thanh thoi, và cũng để đổi không khí, chúng tôi lang thang ra tận bờ sông Seine.

Bên kia bờ sông là vùng đồng bằng rộng lớn Gennevilliers, với những ống khói in hình lên bầu trời mù sương. Gần bến kéo thuyền có một quán rượu thủy thủ, ngay cửa kênh đào. Dòng nước cuồn cuộn vàng đục vỗ vào cửa cống.

Trong nhiều giờ, chúng tôi tử con đường dưới bờ sông dõi nhìn cảnh đó, và ngay cạnh là một thứ như đầm lầy với cái mùi khó tả bốc lên tận con đường ô tô phía trên. Rồi cũng quen dần. Bùn lầy ở đó không còn biết là màu gì nữa, vì đã tụ đọng quá lâu qua những cơn nước lũ. Vào những buổi chiều hè, bùn ở đấy đôi khi trở nên êm dịu hơn, khi bầu trời chuyển màu hồng. Chính ở đó, đứng trên cầu, nghe tiếng đàn ắc-coóc từ những chiếc xuồng đậu bên cửa cống, chờ qua đêm để ngược dòng sông. Nhất là những xuồng từ Bỉ xuống là hay đàn nhạc, các xuồng này thường treo cờ xanh và vàng, quần áo thì giăng đầy trên các dây phơi, gió bay phấp phới.

Vào giờ rồi sau bữa sáng, tôi thường tha thẩn một mình đến quán rượu thủy thủ này, khi con mèo nhà chủ đã chịu ở trên trong bốn bức tường như bị nhốt dưới một bầu trời nho nhỏ xanh men dành riêng cho nó. Cũng ở đó, một buổi đầu hôm, đang mơ ngủ chập chờn, gần như quên hết những gì đang diễn ra, thì tôi bỗng thấy từ phía xa có ai đi tới và đang lên dốc. Tôi không phải chần chừ gì lâu, nhận ngay ra hẳn đang bước lên cầu. Đúng là Robinson, không thể lầm! Tôi nghĩ thầm: “Hẳn đến tìm mình đây... Chắc ông cha xứ đã

cho hắn địa chỉ! Phải tổng hắn đi cho mau!”

Lập tức tôi thấy hắn thật đáng ghét, đến quấy quả mình đúng vào lúc đang muốn tìm một chút yên tĩnh. Phải cảnh giác khi đi đường, thiên hạ nói không sai. Kìa, hắn đã sắp tới gần quán rượu. Tôi bước ra. Hắn có vẻ ngạc nhiên khi thấy tôi.

-Cậu lại từ đâu đến đây? tôi hỏi, giọng hơi gắt.

-Từ La Garenne... hắn đáp.

-Được thôi! Cậu ăn gì chưa? tôi lục vấn. Xem ra hắn ta có vẻ chưa ăn gì, nhưng lại không muốn vừa đến đã nói ngay là mình đói. Tôi để thêm: “Cậu lại đi lang thang à?” Bởi vì, lúc này tôi có thể nói ra điều ấy, tôi không thích gặp lại hắn chút nào. Chẳng vui vẻ gì.

Parapine cũng từ phía kênh đào đi tới. Thật trùng hợp. Ông cũng ngăn chuyện phải trực mãi trong viện. Còn tôi thì đúng là hay tự do bữa bãi trong giờ làm việc. Cứ tình hình này, có lẽ đến phải tìm cách biết được chính xác chừng nào Baryton trở về. Hy vọng rằng lão sớm chán ngao du đây đó để mà trở về lo liệu lấy cái cơ ngơi của lão. Với chúng tôi, thế là quá rồi. Chúng tôi không phải loại người lăm tham vọng, tương lai ra sao chúng tôi cũng bất cần. Như thế kể ra cũng là sai.

Nói cho công bằng thì Parapine, không bao giờ hỏi han gì việc quản lý tiền nong của viện, về cách đối xử với bệnh nhân. Tuy nhiên tôi vẫn thông báo với ông ta, dù ông ta không muốn nghe, cứ như tôi nói một mình vậy.

Nhưng về trường hợp Robinson thì rất cần cho ông ta biết. Để vào đề, tôi nói:

-Tôi đã có lần nói chuyện với ông về cậu Robinson, phải không nhỉ? Cái cậu bạn hồi chiến tranh của tôi... Ông nhớ ra chưa?

Chuyện chiến tranh, chuyện châu Phi thì ông ta đã nghe tôi kể đến trăm lần. Tôi nói tiếp:

-Thưa đây, Robinson bằng xương bằng thịt từ Toulouse về đây thăm ta... Ta sẽ mời cậu ta về viện cùng ăn tối.

Thật ra, khi nhân danh viện nói câu ấy, tôi hơi ngượng ngùng. Tôi thấy

mình hơi hớ. Phải có uy quyền nào đó mới làm được việc ấy, đằng này mình lại chẳng có gì. Đã thế, Robinson cũng không tạo thêm cho tôi được thuận lợi nào. Trên đường về viện, hắn lại tỏ ra tò mò, nghi ngại, nhất là cứ nhìn chăm chăm vào bộ mặt dài ngoẵng, tái nhợt của Parapine. Hắn tưởng ông ta cũng là một bệnh nhân tâm thần. Từ lúc biết chúng tôi ở đâu tại Vigny, hắn nhìn ai cũng tưởng như gặp người điên.

-Còn cậu, từ khi trở lại đây, cậu đã kiếm được việc gì chưa? tôi hỏi.

-Tôi đang kiếm việc... hắn chỉ trả lời có thể.

-Nhưng mắt cậu đã thật khỏi chưa? Bây giờ nhìn rõ chứ?

-Rõ, nhìn gần rõ như trước...

-Vậy thì hài lòng chứ?

Không, hắn chưa hài lòng. Hắn còn việc khác phải làm hơn là hài lòng. Tôi giữ ý không dả động gì đến Madelon. Đó là chuyện tế nhị giữa chúng tôi. Chúng tôi vui vẻ uống với nhau một chút khai vị, và tôi tranh thủ cho hắn biết nhiều chuyện ở viện cùng một vài chi tiết khác. Tôi vẫn không sao kiềm chế được cái tật huyền thuyên của mình. Đại thể không khác Baryton là mấy. Bữa ăn tối kết thúc trong sự thoải mái. Sau đó, tất nhiên tôi không thể tổng khứ Robinson Léon ra đường. Tôi đành bảo người mang một cái giường cũ lên phòng ăn. “Đây, Léon! Cậu tạm nghỉ ở đây trong khi chưa kiếm được chỗ...” tôi bảo – “Cảm ơn” hắn thản nhiên đáp, và từ đó sáng sáng hắn nhảy tàu điện đi Paris, nói là để kiếm việc làm, một chân đại diện nào đó.

Hắn nói không thích làm nhà máy nữa, mà muốn làm một chân “đại diện”. Có thể hắn đã hết sức chạy vạy thật, nhưng chưa được việc.

Một buổi tối, hắn từ Paris trở về sớm hơn thường lệ. Tôi đang ở ngoài vườn, gần chiếc bể lớn. Hắn gặp tôi tại đó, và mở đầu câu chuyện:

-Này, cậu.

-Tôi nghe đây, tôi trả lời.

-Cậu cho tôi một việc gì đó ở ngay đây được không?... Tôi chẳng tìm đâu ra...

-Đã tìm thật lực chưa?

-Rồi, thật lực rồi...

-Cậu muốn làm việc ở bệnh viện này à? Nhưng việc gì? Không tìm được việc vặt nào ở Paris hay sao? Hay để tớ và Parapine tìm giúp cậu ở một số người quen nhé?

Hắn có vẻ không thoải mái khi tôi đề nghị giúp hắn tìm việc. Hắn liền nói tiếp:

-Không hẳn là không tìm được việc. Có thể tìm được... Một việc nho nhỏ... Nhưng cậu sẽ hiểu... Tớ rất cần phải ra vẻ như bị bệnh tâm thần... Cấp bách lắm, cần thiết lắm, tớ phải có cái vẻ của một bệnh nhân tâm thần...

-Được! tôi liền bảo hắn, khỏi phải nói gì thêm nữa!...

-Không, không, Ferdinand, ngược lại, tớ phải nói rõ thêm, để cậu hiểu tớ... Mà cậu thì tớ biết, cậu rất chậm hiểu và quyết định cái gì cũng chậm...

-Ừ thì nói đi, tôi đành chịu, cậu nói đi...

-Nếu tớ không giả điên được thì sẽ lòi thối to, nhất định như vậy... Cô ta có thể làm cho tớ bị bắt... Giờ cậu hiểu chứ?

-Madelon ấy à?

-Chứ còn ai nữa!

-Hay thật!

-Cậu cứ việc nói...

-Hai người lại giận nhau à?

-Cậu thấy đấy...

-Lại đây này, nếu cậu muốn cho tớ biết tí mĩ! tôi ngắt lời hắn, kéo hắn sang bên. Như thế cẩn thận hơn, vì chung quanh toàn người điên... Họ có thể biết chuyện rồi đi nói lằng nhằng... Họ điên mà...

Chúng tôi lên một phòng cách ly trong viện, và ở đó chẳng mấy lúc tôi đã nắm được đầy đủ đầu đuôi câu chuyện, phần vì tôi đã biết rõ khả năng của hắn, phần vì linh mục Protiste đã hé mở những gì còn lại...

Đến lần thứ hai này quả là hắn đã không thất bại.

-Cậu hiểu cho, bà cụ cứ bám sát tớ... Nhất là từ lúc mắt tớ đỏ hơn, nghĩa là tớ bắt đầu một mình đi ở ngoài phố được... Tớ đã nhìn thấy lại nhiều thứ từ

lúc ấy... Nhìn lại thấy cả bà cụ... Có thể nói, chỉ còn nhìn thấy bà ta! Lúc nào bà ta cũng ở trước mắt tớ!... Như thế bà ta chặn cuộc sống của tớ lại! Tớ tin là bà ta cố tình đứng đó... Chỉ để đầu độc tớ... Không thể giải thích khác đi được!... Mà trong nhà có ngần ấy người, cậu đã biết cái nhà ấy rồi đấy, làm sao mà không húc hặc lẫn nhau? Cái nhà chật chội như thế!... Đến năm đề cả lên nhau... Phải thế không?

-Còn các bậc thang xuống hầm, cũng không vững lắm, phải không?

Bản thân tôi đã từng nhận thấy các bậc thang ấy là nguy hiểm, khi xuống thăm lần đầu với Madelon, nó rất ọp ẹp.

-Ừ, đúng thế, hẳn thừa nhận một cách thẳng thắn.

-Thế còn những người ở đó? tôi lại hỏi. Còn hàng xóm, linh mục, nhà báo... Họ không có nhận xét gì khi sự việc xảy ra hay sao?

-Hình như không... Với lại, họ không tin rằng tớ lại có thể... Họ coi tớ là một thằng hết hơi, một thằng mù... Cậu hiểu chứ?...

-Nếu vậy, thật may phúc cho cậu, nếu không thì... Còn Madelon? Cô ta có dính líu gì không? Cũng đồng tình chứ?

-Không hoàn toàn... Dù sao cũng dính tí chút, tình thế bắt buộc mà, vì cái căn hầm ấy, cậu hiểu không, sẽ thuộc toàn bộ về hai chúng tớ sau khi bà cụ qua đời... Đã thỏa thuận là thế... Chúng tớ sẽ dọn vào ở trong ấy...

-Vậy thì tại sao chuyện tình của hai người sau đó lại tan vỡ?

-Việc ấy thì thật khó giải thích...

-Cô ấy không muốn cậu nữa à?

-Không đâu, trái lại là đằng khác. Cô ấy vẫn muốn, cả những gì đã dự định cho đám cưới vẫn còn nguyên... Mẹ cô ta cũng muốn, muốn hơn cả trước kia nữa, muốn chuyện cưới xin tiến hành thật sớm. Lý do là những xác ướp của bà cụ Henrouille mà chúng tớ được thừa hưởng, và từ đó cả ba người chúng tớ có đủ phương tiện để sống yên ổn...

-Vậy thì chuyện gì đã xảy ra giữa các người?

-Hừ, tớ muốn họ hãy mặc xác tớ! Đơn giản thế thôi... Cả hai mẹ con...

-Này cậu, Léon!... nghe đến đây, tôi liền ngắt lời hẳn. Hãy nghe tớ đã...

Chuyện của cậu không nghiêm túc tí nào... Hãy thử đặt cậu vào địa vị Madelon hay mẹ cô ta, cậu có bằng lòng như thế không? Sao? Lúc mới đến đó, cậu chẳng là cái gì hết, đến đôi giày cũng không có mà đi, luôn mồm rên la rằng bà cụ nắm hết cả tiền, vân vân và vân vân... Rồi bà cụ ra đi, cậu khừ bà cụ thì đúng hơn, và cậu lại bắt đầu nhăn nhó, làm bộ làm tịch... Cậu hãy đặt mình vào địa vị hai người đàn bà ấy, hãy thử xem!... Không thể chịu được!... Bây giờ cậu lại bảo tôi thu xếp cho cậu!... Cậu đáng để bị họ đá đít một trăm lần! Xin nói thẳng với cậu là thế!

Đó là những gì tôi nói với Robinson. Hắn cũng độp chát luôn:

-Có thể là thế, nhưng cậu là thầy thuốc, đầy kiến thức và đủ các thứ, mà lại không hiểu gì về bản chất tớ...

-Thôi im đi, Léon ơi! cuối cùng tôi phải nói thế với hắn và để kết luận. Im đi, anh bạn khốn khổ, đừng có giở cái bản chất của cậu ra! Cậu nói năng như một kẻ tâm thần ấy! Tiếc rằng Baryton đang ở tận đâu đâu, nếu không lão ta sẽ giữ cậu lại để điều trị! Như thế có lẽ lại tốt nhất cho cậu! Trước hết phải nhốt cậu lại đã! Nhốt lại, nghe chưa? Rồi lão Baryton sẽ chăm lo đến cái bản chất của cậu!

-Nếu cậu cũng phải nếm trải mùi đời như tớ thì cậu cũng phát ốm lên thôi, hắn phản bác lời tôi. Có khi lại ốm hơn tớ nữa kia!...

Thế rồi hắn cứ lải nhải cự nự tôi, cứ như là hắn có đủ quyền ăn nói như thế.

Tôi nhìn thẳng vào hắn khi hắn cãi lại tôi. Tôi vốn thường bị bệnh nhân điên hành hạ nên đã quen rồi, ăn nói như Robinson đã thăm đâu.

Từ hồi ở Toulouse hắn đã gây đi nhiều, và có một cái gì đó mà tôi chưa biết như đã hiện lên nét mặt hắn.

Trong các chuyện xảy ra ở Toulouse, còn có một cái khác, tất nhiên không nghiêm trọng bằng, mà hắn đã âm ức mãi, nhưng mỗi lần nghĩ đến là lại tức lộn ruột. Đó là việc hắn buộc phải hối lộ bọn đầu cơ mà rút cục xôi hỏng bỏng không. Hắn âm ức đã phải đút lót hết chỗ này đến chỗ nọ khi tiếp nhận căn hầm đó, nào là ông linh mục và các phó linh mục, nào mụ cho thuê ghế ở

nhà thờ, rồi tòa thị chính và khối nơi khác nữa, mà kết cục chẳng ăn thua gì. Hẳn gọi họ là quân kẻ cướp.

- Thế nào? cuối cùng thì các cậu lấy nhau chứ? tôi hỏi, để kết thúc.

- Đã bảo không mà! Tôi không muốn nữa!

- Madelon cũng không đến nỗi nào, cậu công nhận thế chứ ?

- Vấn đề không phải là ở đấy...

- Chắc chắn vấn đề là ở đấy. Cậu nói là hai người được tự do cơ mà... Nếu muốn rời khỏi Toulouse, cậu có thể để bà mẹ cô quản lý căn hầm một thời gian, rồi sẽ trở về...

- Về mặt hình thức - hẳn nói tiếp, có thể nói cô ấy thật là xinh, tôi công nhận là cậu đã mô tả cho tôi rất đúng. Cậu cứ hình dung mà xem, lúc hai mắt tôi vừa bắt đầu nhìn rõ được thì người đầu tiên tôi được thấy chính là cô ta, trong một tấm gương... Tưởng tượng xem!... Ánh sáng rực rỡ!... Gần hai tháng sau khi bà cụ ngã... Thị giác trở lại với tôi như cùng lúc với Madelon, chỉ để nhìn ngắm cô ta... Thật là kỳ diệu, bất ngờ... Cậu hiểu tôi chứ?

- Thế không thích à?

- Cũng thích... Nhưng đâu chỉ có thế...

- Cậu thật vớ vẩn...

- Đúng, nhưng để tôi nói rõ cho cậu hiểu. Trước hết cô ta cho tôi là kỳ cục... Rằng tôi không còn hăng say nữa... không đáng yêu nữa... Làm điệu làm bộ, ồng à ồng ẹo...

- Có thể là do cậu đang bị những hồi hận nó giày vò chăng?

- Hồi hận cái gì?

- Tôi không biết...

- Cậu muốn gọi nó là thế nào cũng được, nhưng tôi chẳng hào hứng gì... Thế thôi... Dù sao thì tôi cũng không nghĩ đó là những hồi hận...

- Hay là cậu bị bệnh?

- Có thể đúng thế, đúng là bị bệnh... Ừ mà từ này đã gần một giờ đồng hồ, tôi cố làm cho cậu hiểu là tôi bị bệnh mà... Cậu có nhận là cậu chậm hiểu không?...

-Thôi được! tôi trả lời. Cứ coi là cậu bị bệnh đi, nếu cậu thấy như thế là cách khôn ngoan nhất...

-Đúng, các cậu giúp tớ, hẳn ta lại nản nì. Vì tớ không thể đảm bảo được về phía cô ta đâu. Cô ta rất có thể tố giác lung tung không còn lâu la gì đâu...

Cứ như là hẳn đang ban cho tôi một lời khuyên, mà tôi thì có cần gì đến lời khuyên của hẳn. Tôi không ưa gì chuyện này, lại gây lăm thứ rắc rối phức tạp đây.

Tôi hỏi lại cho yên tâm:

-Cậu nghĩ rằng cô ta sẽ tố giác ư?... Nhưng cô ta chẳng đồng lõa với cậu là gì?... Dẫu thế nào thì cô ta cũng phải đắn đo suy nghĩ trước khi bêu xấu người khác chứ?

-Suy nghĩ? hẳn lại rầy nẩy lên. Rõ là cậu không biết gì tính nết cô ta... Cô ta sẽ không do dự lấy một giây!... Tớ nói thật đấy! Cậu mà cũng gần gũi cô ta như tớ, cậu sẽ không còn phải nghi ngờ gì lời tớ đâu! Đó là một cô gái si tình, tớ nhắc để cậu nhớ lấy!... Cậu chưa bao giờ lui tới với các cô gái si tình phải không? Đã là người si tình thì họ dễ điên lăm, đơn giản là thế. Điên! Mà lại si tình với tớ nên cô ta phát điên!... Cậu hiểu chứ? Mà đã điên là dễ bị kích động! Rất đơn giản! Không gì kìm giữ được cô ta! Ngược lại...

Tôi không tiện nói với hẳn rằng, dẫu sao thì tôi cũng hơi ngạc nhiên là chỉ có mấy tháng trời mà sao Madelon lại hoảng loạn đến mức độ ấy, vì dù thế nào thì bản thân tôi cũng biết được cô ta ít nhiều... Tôi có suy nghĩ riêng về vấn đề này nhưng không thể nói.

Theo cái cách cô ta lo toan kiếm sống ở Toulouse và những gì tôi nghe thấy khi núp sau cây dương hôm gặp chiếc xuồng, thì thật khó hình dung nổi là cô đã thay đổi đến thế trong một thời gian ngắn ngủi... Tôi thấy cô là người tháo vát hơn là bi thảm, con người phóng khoáng dễ thương và tự bằng lòng trong cuộc sống với những thú vui nho nhỏ và tí chút kênh kiệu... Nhưng lúc này tôi chẳng có gì để nói. đành để cho qua.

-Thôi được, không sao! Thế còn mẹ cô ta? Bà ấy cũng sẽ làm ồn lên khi biết rằng cậu định chuồn thẳng à?

-Còn phải nói! Bà ấy suốt ngày lải nhải chê bai tớ, nhằm những lúc tớ đang cần những lời dịu dàng tử tế! Rát cả tai!... Nói chung, với bà mẹ cũng không ổn, cho nên tớ đã nói ướm với Madelon là tớ để cho hai mẹ con cô ấy ở căn hầm, còn tớ thì sẽ đi một chuyến, ngao du một mình, thăm lại quê hương...

“- Anh phải đi với em, cô ta liền phản đối... Em là vợ chưa cưới của anh, phải thế không nào?... Léon, anh sẽ đi với em, hoặc không đi đâu hết!... cô ta lại nói tiếp. Anh đã khỏi hấn đâu...”

“- Không, anh khỏi rồi, anh sẽ đi một mình!” tớ trả lời... Cãi vã mãi không thôi.

“- Vợ thì phải luôn luôn theo chồng chứ. Hai anh chị cưới nhau đi!” Bà mẹ nói để chọc tức tớ. Nghe thế, tớ rất khổ tâm. Cậu biết tớ rồi đây! Tớ đâu có cần đến đàn bà theo mình ra chiến trường! Và thoát ra khỏi chiến tranh! Và lúc ở châu Phi thì tớ cũng có đàn bà đâu? Rồi ở Mỹ tớ có người đàn bà nào?... Dù sao, cứ nghe họ lải nhải như thế hàng giờ liền thì cũng phát ốm! Đau bụng! Tớ biết; đàn bà dùng vào việc gì chứ! Cậu cũng thế, phải không? Chẳng được tích sự gì hết! Mặc kệ, tớ cứ đi! Một buổi tối họ làm tớ bức mình quá, tớ liền nói toạc với bà mẹ những gì tớ nghĩ. Tớ bảo: “Bà chỉ là một mụ lắm cẩm... Còn tôi tệ hơn cả bà già Henrouille!... Nếu bà hiểu biết được nhiều hơn một chút về con người, về những xứ sở như tôi thì bà đã không vội lên lớp hết người này đến người khác! Bà hãy ra khỏi nhà một tí để mà học hỏi! Hãy đi dạo chơi, chỉ có lợi mà thôi! Cho đầu óc sáng láng ra! Bớt thì giờ cầu kinh đi cho đỡ lắm cẩm!...” Tớ đã nói với mẹ cô ta như thế đấy! Và xin nói là, những lời ấy vẫn âm ức trong lòng tớ từ lâu, nay mới được dịp xả ra, và bà ta rất cần phải nghe... Mà cuối cùng thì người hả dạ nhất vẫn là tớ... Tớ như được ra thoát khỏi tình thế... Có thể nói rằng, mụ đàn bà quái quỷ ấy cũng chỉ chờ có thể để nhục mạ tớ bằng đủ thứ từ ngữ đều cáng. Mụ gào lên: “Đồ khốn kiếp, đồ ăn cắp, đồ ăn hại, đồ ma cô!... Gần một năm giờ nay được mẹ con tao nuôi báo cô! Chẳng được tích sự gì hết!...” Đấy, cậu nghe rõ chưa. Một cơn bão tố gia đình! Mụ ta suy nghĩ một lát rồi hạ thấp giọng, nhưng nói

những gì cậu biết không? “Đồ sát nhân! Đồ sát nhân!” Cô con gái nghe thấy thế cuống lên, như sợ tớ sẽ nên cho mẹ cô ta một mẻ. Cô vội lao vào can, bịt chặt lấy mồm mẹ. Cô ấy làm như thế là phải. Nhưng tớ nghĩ thầm: Cả hai cùng một giuộc thôi. Thế là rõ. Cuối cùng, tớ cho qua... Không còn là lúc thô bạo nữa... Vả lại họ có vào hòa với nhau thì tớ cũng cóc cần... Cậu tưởng rằng sau đó họ để tớ yên chẳng?... Còn lâu! Nghĩ vậy là ta chưa hiểu được họ... Cô con gái chỉ tạm lui một chút. Cô ta có lửa đốt trong tim và cả trong lỗ trôn nữa, nên không dừng được... “Em yêu anh, Léon, anh biết rõ là em yêu anh!” Cô ta chỉ có nhón một cái mếu ấy, “em yêu anh”. Như thế đó là lời giải đáp cho mọi thứ. Mẹ cô ta đập luôn: “Mày vẫn còn yêu được nó à? Mày không thấy nó chỉ là một đứa vô lại ư? Chẳng đáng một xu! Giờ đây nó đã khỏi mắt do công chăm nom của ta, nhưng mày sẽ phải hứng lấy tai họa! Tao thề với mày là như thế! Tao, mẹ mày!...” Để kết thúc, mọi người cùng khóc, cả tớ cũng thế, vì dù sao tớ cũng không muốn lời thôi với thứ đồ đĩ ấy, tức giận quá làm gì. Tớ liền bỏ ra ngoài. Và đã nói với nhau mất mặt mất nhạt thì tình hình khó mà khá hơn được. Nhiều tuần liền, lúc lúc lại cãi vã, rồi rình mò nhau suốt đêm ngày... Chia tay nhau thì không nỡ, nhưng cũng chẳng còn lòng nào với nhau nữa. Còn dính líu với nhau chẳng qua vì còn e ngại nhau thôi.

“- Anh yêu người khác rồi ư?” thỉnh thoảng Madelon lại hỏi tớ.

“- Đâu có! tớ trấn an cô ta. Đâu có!” Tuy thế rõ ràng là cô ta không tin tớ. Đối với cô ta thì trên đời, ai cũng phải có người yêu, không ai thoát được. Tớ nói: “Anh cần một người đàn bà khác để làm gì?” Nhưng cái tật của cô ta là phải yêu đương. Tớ chẳng biết nói sao cho cô ấy yên lòng. Cô ta giờ ra lắm trò mà tớ chưa từng thấy ở cô ấy bao giờ. Tớ cũng không ngờ rằng cô ấy bấy lâu vẫn ẩn giấu trong lòng nhiều điều kỳ quặc. “Anh đã hút mất hồn em!” cô ấy buộc tội tớ, và nghiêm trọng hơn: “Thế mà anh lại định bỏ đi!” Cô ta đe dọa: “Thì cứ đi đi! Nhưng em nói cho anh biết, thiếu anh thì em sẽ chết vì sâu não đấy!” Hóa ra tớ lại là nguyên nhân cái chết có thể xảy ra vì sâu não của cô ta? Thế là nghĩa làm sao” Tớ hỏi cậu đấy. Tớ lại an ủi: “Không, em không

chết đâu! Anh nào có lấy gì của em nào? Hãy nghĩ kỹ xem! Anh chưa có con với em! Anh cũng không đổ bệnh cho em! Phải không nào? Vậy thì, bây giờ anh muốn ra đi, có thể thôi! Như đi nghỉ hè. Thật đơn giản... Em hãy tỏ ra biết điều...” Nhưng càng giải thích quan điểm của tớ, cô ta lại càng không chịu nghe. Tóm lại, hai bên không còn muốn hiểu nhau nữa. Cô ta như điên lên vì không ngờ rằng tớ lại nghĩ trong đầu những điều tớ vừa nói ra, rằng đó là những điều tớ nghĩ thật sự, đơn giản và chân thành.

“Đã thế, cô ta còn cho rằng chính cậu đã thúc đẩy tớ bỏ đi... Biết không thể giữ tớ bằng sĩ vả, cô ta tìm cách khác. Cô ta liền nói:

“- Này Léon, đừng tưởng em cố bám lấy anh chỉ vì chuyện kinh doanh trong cái hầm ấy!... Anh biết thừa rằng, tiền với em chẳng nghĩa lý gì... Điều em muốn là được ở bên anh... Được hạnh phúc... Có vậy thôi... Thật tự nhiên... Em không muốn anh bỏ em... Đã yêu nhau như chúng ta từng yêu mà xa nhau thì không chịu nổi... ít nhất là anh hãy thề là sẽ không đi đâu, có được không?”

“Cuộc khủng hoảng cứ thế kéo dài hàng tuần. Có thể nói cô ta vừa yêu đương đắm đuối vừa gây lăm chuyện bức mình... Cứ tối tối lại ca bài ca tình ái. Cuối cùng, cô ta đồng ý giao cái hầm ấy cho bà mẹ trông coi, với điều kiện là tớ với cô ấy cả hai cùng đi Paris tìm việc làm... Luôn luôn cùng đi! Cậu bảo thế có khổ không! Cô ta sẵn sàng hiểu mọi thứ, ngoại trừ cái việc anh đi đường anh, tôi đường tôi... Việc đó cô không thể nào chấp nhận... Thành ra cô ta càng làm già, tớ càng phát ốm luôn!”

“Khỏi phải mất công để làm cho cô ta biết điều. Tớ nhận ra rằng chỉ tốn thì giờ, mà lại càng làm cho cô ta lòng lộn hơn. Vì vậy tớ phải tìm ra mưu mẹo để thoát khỏi mối tình của cô ta... Từ đó nảy ra ý định làm cô ta hoảng sợ bằng cách thỉnh thoảng lại nói năng lảm nhảm như mình bị điên... Lúc lúc lại lên cơn, không biết thế nào mà lường... Cô ta lờm nguýt tớ, không rõ đó là thật hay giả... Dù sao thì qua các câu chuyện tớ thường kể trước đây, chuyện chiến tranh, chuyện về bà cụ Henrouille, và cả thái độ kỳ quặc của tớ với mẹ con cô ấy, cũng làm cho cô phải suy nghĩ...”

“Cô suy nghĩ đến hơn một tuần, và để tớ được yên... Chắc cô đã hé ra với bà mẹ về bệnh tật của tớ... Cho nên không còn thấy họ tỏ ra muốn giữ rịt lấy tớ nữa... Tớ nghĩ bụng: Càng hay, ổn rồi! Ta được tự do!... Tớ tưởng tượng đến việc mình lẳng lẳng chuồn thẳng đi Paris mà không gây chuyện âm ỉ... Nhưng khoan đã!... Chẳng qua là tớ quá cẩn thận... Tớ nghĩ mình đã tìm được cách dễ thuyết phục nhất để chứng minh điều tớ nói là đúng... Một hôm tớ bảo Madelon: “Em sờ vào đây mà xem, cái bướu ở sau đầu đây này. Em đã sờ thấy vết sẹo chưa, có thấy đúng là một cái bướu to tướng không nào?...”

“Khi sờ nắn thấy rõ cái bướu, cô ta xúc động tớ không biết tả với cậu thế nào... Hóa ra cô ta đã không có vẻ gì là ghê sợ mà lại càng thương cảm hơn!...”

Anh bị thương ở vùng Flandres, phải mổ ở đây đây...

- “Ôi, Léon! cô sôi nổi hẳn lên, em xin lỗi anh, Léon của em!... Trước nay em vẫn không tin, nhưng bây giờ thì em thành thật xin lỗi! Em hiểu rồi! Em đã không phải với anh! Không, không! Em thật là đáng ghét!... Từ nay em sẽ không thể nữa! Em xin thề! Em xin chuộc lỗi lầm! Ngay lập tức! Đừng ngăn trở em chuộc lại lỗi lầm, anh nhé... Em sẽ đem lại hạnh phúc cho anh! Em sẽ săn sóc anh thật chu đáo! Ngay từ hôm nay! Em sẽ hết sức kiên nhẫn với anh! Sẽ thật dịu dàng! Rồi anh xem! Em sẽ thật thông cảm với anh đến mức anh không thể xa rời em được! Em lại xin dâng trọn trái tim em cho anh, em thuộc về anh!... Tất! Tất cả cuộc đời em, em dâng cho anh! Nhưng anh nói đi, ít nhất anh cũng tha thứ cho em nhé, Léon...”

“Tớ không nói gì hết, không một lời. Cô ấy nói hết cả, như vậy là cô ấy đã tự trả lời... Làm thế nào để cô ấy ngừng nói cho được?”

“Sờ thấy cái sẹo và cái bướu trên đầu tớ, cô ấy bỗng như bị bỏ bùa mê thuốc lú vì tình! Hai tay cô ấy ôm lấy đầu tớ không chịu buông ra nữa, như muốn cho tớ được sung sướng đến tận cõi Vĩnh hằng, tớ có nhận hay không cũng kệ! Từ lúc đó trở đi, bà mẹ không còn quyền gì mở mồm quát mắng tớ nữa. Madelon không để bà ta nói. Cậu không thể nhận ra cô ta nữa, cô ta muốn bảo vệ tớ đến cùng!”

“Cân phải chấm dứt trò ấy thôi! Tớ muốn chia tay nhau như những người bạn tốt... Nhưng bây giờ có cố sức cũng vô ích... Cô ấy càng gắn bó với tình yêu lại càng bị va vấp. Một buổi sáng, thừa lúc hai mẹ con đi mua bán, tớ làm như cậu đã làm, gói các thứ vào một bọc, rồi chuồn luôn... Nào, bây giờ cậu có còn bảo rằng tớ không kiên trì nữa không? Tớ xin nhắc lại rằng, trong việc ấy tớ không còn có thể làm gì được nữa... Bây giờ chắc cậu đã hiểu cả... Tớ đã nói là cô ta dám làm mọi thứ, có thể lao đến đây tìm tớ bất cứ lúc nào, cậu đừng nghĩ là tớ nói mê sáng đâu! Tớ còn tỉnh chán, tớ biết rõ cô ta mà! Chúng ta sẽ yên ổn hơn, nếu cô ta thấy tớ bị nhốt ở đây cùng với những người điên... Tớ sẽ thoải mái giả vờ làm người ngây dại không còn hiểu biết gì... Với cô ta, phải làm thế... Không hiểu gì”.

Hai ba tháng trước mà nghe những gì như Robinson vừa kể thì họa may tôi còn quan tâm, chứ bây giờ đầu óc tôi bỗng như căn cỗi đi rồi.

Trong thâm tâm, càng ngày tôi càng giống Baryton, cũng cóc cần... Tất cả những gì Robinson vừa kể về cuộc phiêu lưu của hắn ta ở Toulouse, đối với tôi chẳng còn là hiểm họa ghê gớm nữa; tôi cố gây cho mình một sự xúc động trước cái ca này của hắn nhưng vô ích, chỉ thấy sặc một mùi hôi hám ẩm mốc trong đó. Nói gì thì nói, thế gian đã bỏ rơi chúng ta ngay từ rất sớm, trước khi chúng ta vĩnh viễn ra đi.

Những thứ ta coi trọng nhất, bỗng đến ngày nào đó lại càng ít muốn nói đến, hoặc có muốn thì phải ráng lắm mới nói ra được. Cứ nghe nói mãi cũng phát ngán rồi... Ta rút ngắn lại... Từ bỏ nó đi... Đã ba chục năm rồi, nói mãi... Không cần biết phải trái nữa. Cả đến chút ít khoái lạc còn con cũng không còn chỗ trong ham muốn của mình nữa... Ngán lắm rồi... Chỉ muốn cho vào mồm chút gì rồi đắp chăn cho ấm và đánh luôn một giấc thật đã trên con đường chẳng ra quái gì cả. Muốn giành lấy chút lợi lộc thì phải biết tìm cách nhả nhó mới khác trước mặt mọi người... Nhưng còn hơi sức đâu mà thay đổi tiết mục. Ấp a ập ứng. Cố tìm cách và tìm lý do để ở lại với bạn bè, nhưng cái chết cũng đã kề bên, luôn luôn hiện diện, bí ối nhưng ít bí ẩn hơn chơi tú lơ khơ. Chỉ còn những mối sầu vật vãnh là quý hiếm với anh, mối sầu

của kẻ còn sống sờ sờ mà không có được lấy tí thì giờ đi thăm ông chú già ở Bois de Colombes [144*] mà tiếng than nho nhỏ đã mãi mãi tắt ngấm vào một tối tháng hai. Đó là tất cả những gì ta lưu lại được từ cuộc sống. Sự nuôi tiếc nhỏ mà thật là đau xót ấy. Còn lại những gì thì ta đã ít nhiều ỏi mưa ra ở dọc đường với biết bao cố gắng, nhọc nhằn. Ta chỉ còn là một cái cột đèn cũ kỹ làm kỷ vật ở góc một đường phố đã chẳng còn mấy ai qua lại.

Còn như muốn buồn chán một cách đỡ mệt nhất, thì chỉ còn cách là rơi vào những công việc đơn điệu hằng ngày. Tôi giữ nghiêm kỷ luật là mọi người trong viện đều phải đi ngủ lúc mười giờ. Chính tôi tự tay tắt điện. Mọi việc cứ thế mà làm.

Hơn nữa chúng tôi không muốn chi phí tốn kém cho những trò tưởng tượng. Cái phương thức của Baryton “cho bọn trẻ con ngó ngẩn đi xem chiếu bóng” [145*] chúng tôi lo đủ. Việc tiết kiệm, viện không thực hiện chặt chẽ lắm. Chúng tôi bảo nhau cứ hoang phí thì có khi lại buộc ông chủ phải lo lắng mà quay về.

Chúng tôi mua một cái ắc-coóc để Robinson kéo cho bệnh nhân nhảy ngoài vườn vào mùa hè. Ở Vigny thật khó mà khuây khỏa ngày đêm cho các bệnh nhân. Chẳng lẽ lúc nào cũng đưa họ đi nhà thờ thì họ ngán lắm.

Chúng tôi không còn nhận được tin tức gì từ Toulouse, cha xứ Protiste cũng không còn thấy trở lại gặp tôi. Cuộc sống ở viện trôi qua đơn điệu, vội vã. Về mặt tinh thần, chúng tôi không thoải mái. Đó đây quá nhiều hồn ma.

Nhiều tháng trôi qua. Robinson thần sắc đã khá hơn. Đến kỳ Phục sinh, đám bệnh nhân điên của chúng tôi nhộn nhạo hơn một chút. Các nữ bệnh nhân mặc áo quần mỏng lượn lờ ngoài vườn. Mùa xuân đến sớm. Cho uống bromure.

Ở rạp Tarapout, so với hồi tôi còn đóng những vai phụ, đã thay đổi nhiều trong số các nhân viên. Các cô gái Anh đã bỏ đi rất xa rồi, người ta cho tôi biết là sang tận Úc. Sẽ chẳng còn bao giờ gặp lại họ. Từ dạo có chuyện giữa tôi với Tania, tôi không còn được bén mảng đến khu hậu trường. Tôi cũng chẳng kèo nài.

Chúng tôi bắt đầu viết thư đi nhiều nơi, nhất là đến các lãnh sự quán của các nước Bắc Âu để xem liệu có tin tức gì về Baryton qua các nơi đó không. Nhưng không có hồi âm nào đáng kể.

Parapine cần mẫn và âm thầm làm trọn những nhiệm vụ kỹ thuật của ông cùng với tôi. Từ hai mươi bốn tháng nay, ông ta không hé miệng nói quá hai mươi câu. Thành ra tôi là người duy nhất phải lo thu xếp các công việc hành chính và vật chất mà tình hình đòi hỏi hằng ngày. Cũng có lúc tôi sai nhưng Parapine vẫn chẳng nói gì. Chúng tôi dừng dừng hợp tác với nhau. Và lại bệnh nhân lui tới khá đông, đủ để bệnh viện của chúng tôi đứng vững về mặt kinh tế. Sau khi trang trải tiền nhà và các khoản, còn đủ tiền để sinh sống, tất nhiên là kể cả tiền phải chu cấp cho bà cô của Aimée để trông nom con bé.

Tôi thấy Robinson giờ đây ít lo lắng hơn lúc mới đến. Khí sắc khá hơn và nặng thêm ba ký. Nói tổng quát, hình như gia đình nào có người hơi điên điên, là họ rất mừng tìm đến chúng tôi, được thuận tiện vì gần kề ngay thủ đô. Riêng khu vườn của viện cũng đáng được đến thăm rồi. Nhiều người cắt công từ Paris đến chỉ để ngắm những giỏ hoa và bồn hoa hồng của chúng tôi vào những ngày hè đẹp trời.

Chính vào một ngày chủ nhật tháng sáu, lần đầu tiên tôi nhận ra hình như có Madelon trong số người đi dạo chơi như thế; cô ta đứng im lặng một lát ngay trước cổng.

Thoạt tiên tôi không muốn báo cho Robinson biết làm gì về sự xuất hiện ấy, để hẩn khỏi lo lắng. Nhưng suy nghĩ lại, mấy ngày sau, tôi dặn hẩn ít nhất là trong một thời gian chớ nên tha thần đi dạo ra xa các vùng xung quanh như hẩn vẫn thường làm lâu nay. Lời dặn dò ấy khiến hẩn lo lo. Tuy nhiên hẩn cũng không gặng hỏi gì thêm.

Khoảng cuối tháng bảy, chúng tôi nhận được mấy tấm bưu ảnh của Baryton, lần này từ Phần Lan gửi về. Chúng tôi rất mừng, song không thấy lão nói gì đến ngày về, chỉ một lần nữa chúc chúng tôi “may mắn” và nhiều điều hữu ái khác.

Hai tháng trôi qua, rồi mấy tháng nữa... Đường sá mùa hè bụi lấm.

Khoảng lễ Các Thánh, một trong những bệnh nhân tinh thần của chúng tôi gây chuyện ầm ĩ ngay trước cửa Viện. Thường ngày anh chàng này hiền lành và đúng mực, bỗng bị kích động bởi không khí ngày lễ cầu nguyện cho các tín đồ qua đời. Hắn đứng ở cửa sổ hét ầm lên rằng hắn không bao giờ còn muốn chết nữa. Những người đi dạo ngoài phố để ý mãi không thôi anh chàng kỳ cục buồn cười này. Đúng lúc xảy ra chuyện om xòm ấy, tôi lại có cảm giác rất khó chịu, mà lần này càng rõ ràng hơn lần trước, là nhận ra Medelon ngay trên hàng đầu một đám người xúm quanh trước cổng, vẫn chỗ cũ.

Đêm hôm đó, tôi thao thức không sao ngủ được vì lo âu. Cố quên đi những gì mình thấy ban ngày mà không được. Thà rằng không ngủ nữa cho xong.

Đã lâu tôi không trở lại Rancy. Nhân chuyện gặp cơn ác mộng này, tôi tự hỏi nên chẳng ta đi dạo một vòng về phía ấy, nơi đã xảy ra đủ mọi chuyện bất hạnh, sớm hay muộn... Tôi cũng đã từng để lại đó bao cơn ác mộng... Cứ thử đến đối mặt với chúng có thể tạm coi là một thứ phòng xa đấy. Con đường ngắn nhất từ Vigny sang Rancy là đi dọc bên sông đến cầu Gennevilliers, chiếc cầu phẳng lì bắc qua sông Seine. Những đám sương mù lờ lững trên sông, sà xuống các mé nước, tụ lại, rồi trôi đi, vươn cao lên, ngập ngừng để rồi lại sà xuống bên kia cầu quanh những ngọn đèn dầu. Cái xưởng máy kéo nằm bên tả ngạn chìm trong màn đêm rộng lớn. Các khung cửa sổ nhà máy mở toang bởi một vụ hỏa hoạn vẫn còn cháy âm ỉ bên trong không biết đến bao giờ mới tắt. Đi qua nhà máy, tôi chỉ còn lại một mình trên bến... Nhưng không lo gì lạc đường... Cứ bao giờ thấy mỏi là biết được mình đến nơi. Rồi chỉ cần rẽ trái qua phố Bournaires và thế là chẳng còn bao xa nữa. Nhận ra đường không khó gì, vì đã có cụm đèn xanh đỏ lúc nào cũng nhấp nháy ở chỗ chẵn tàu. Ngay giữa đêm đen, nhắm mắt lại, tôi cũng vẫn tìm được nhà Henrouille. Ngày trước tôi đã qua lại đấy luôn...

Vậy mà đêm hôm ấy, đến đứng trước cửa nhà họ, tôi vẫn đứng đó suy nghĩ chứ không tiến bước...

Tôi nghĩ bụng, bây giờ chỉ có một mình mẹ con dâu ấy ở trong ngôi nhà này... Họ chết cả rồi, tất cả... Chắc hẳn mẹ phải biết, hoặc ít ra thì cũng đã nửa tin nửa ngờ về cung cách kết liễu bà cụ ở dưới Toulouse như thế nào rồi... Mẹ đã phản ứng ra sao?

Cây đèn đường rọi vào cái mái lợp kính trắng xóa như phủ tuyết trên bậc thềm. Tôi dừng mãi ở góc phố chỉ để nhìn sang rất lâu. Tôi rất có thể bấm chuông và chắc chắn là mẹ sẽ ra mở cửa cho tôi. Dù sao thì tôi với mẹ cũng chẳng giận dữ gì nhau. Chỗ tôi đứng đã bắt đầu giá lạnh...

Phố sá vẫn lờ lờ sương nước như hồi trước. Người ta đã hứa sửa chữa nhưng có làm gì đâu... Chẳng còn ai qua lại.

Chẳng phải vì tôi sợ gì mẹ ta, mẹ con dâu nhà Henrouille ấy. Chỉ vì bất thần tôi không muốn gặp mẹ nữa. Tôi đã lắm khi định đến đây tìm mẹ. Bây giờ, trước cửa nhà mẹ, tôi mới đột nhiên khám phá ra rằng mẹ chẳng còn gì để cho tôi biết nữa... Chuyện trò với mẹ bây giờ chỉ thêm phiền. Giữa mẹ với tôi bây giờ là thế đó.

Lúc này, trong đêm tối, tôi đã đi xa hơn mẹ, xa hơn cả bà cụ Henrouille đã chết... Không còn cùng với nhau nữa... Đã chia tay hẳn đi rồi... Không chỉ vì cái chết mà ngay trong cái sống... Số phận đã run rủi thế rồi... Ai biết phận nấy! tôi tự nhủ... Và tôi bỏ đi, quay lại Vigny.

Mẹ con dâu nhà Henrouille không đủ kiến thức để đi theo tôi lúc này... Tính cách thì mẹ có đấy... Nhưng kiến thức thì không! Vấn đề là thế. Không kiến thức! Mà kiến thức là mấu chốt. Dù độc ác và ương ngạnh, mẹ cũng không còn có thể hiểu được tôi, hiểu được những gì xảy ra xung quanh chúng tôi... Tính cách không đủ được đâu... Phải có cả tấm lòng và hiểu biết thì mới đi xa hơn được người khác... Qua phố Sazillons, tôi quay về phía sông Seine, rồi qua hẻm Vassou. Thế là giải quyết xong nỗi phiền muộn! Nhẹ cả người! Hài lòng, vì tôi đã hiểu ra chẳng nên mất công gặp mẹ con dâu bà Henrouille làm gì, thế là tôi đã bỏ rơi được mẹ tàn ác ấy trên đường!... Được đấy chứ! Chúng tôi đã từng ăn ý với nhau theo cách của mình... Trước đây tôi cũng đã từng hiểu mẹ con dâu ấy là người thế nào... Trong thời gian khá lâu... Nhưng

bây giờ thì, đối với tôi, mù quá thấp kém, không còn thấp hơn được nữa... Mù không có kiến thức mà cũng không có sức lực thì làm sao theo kịp được tôi. Mù không còn đi lên được, mà chỉ đi xuống. Nhưng cũng không còn xuống nổi đến ngay chỗ tôi đang đứng đây... Vì quá nhiều bóng tối phủ quanh tôi, mù làm sao thấy được.

Khi ngang qua ngôi nhà chị gác cổng cô thằng Bébert, tôi đã định vào, chỉ để xem bây giờ những ai ở ngôi nhà này, đó là nơi tôi đã từng chữa chạy cho thằng Bébert và cũng là nơi nó đã chết. Có thể vẫn còn tấm ảnh học trò của nó treo trên đầu giường... Nhưng đã quá khuya để mà đánh thức mọi người. Tôi đi qua thật lẹ để không ai nhận ra mình.

Xa hơn một chút, ở ngoại ô Tự do, tôi lại thấy cửa hàng đồ cũ của Bézin vẫn còn sáng đèn... Tôi không ngờ lão để đèn khuya đến thế... Nhưng cũng chỉ là một ngọn đèn lửa ga ở giữa gian hàng. Lão Bézin này biết khối góc ngách, khối tin tức trong khu phố, vì hay la cà các quán rượu, từ Chợ Rận cho đến Cửa Maillot.

Nếu còn thức, hẳn là lão sẽ kể cho tôi nghe lắm chuyện. Tôi liền gõ cửa nhưng chẳng ai thưa. Tôi biết lão ngủ tận phía trong cửa hàng, tít chỗ phòng ăn... Đã có lần, căn phòng tối thui, lão gục đầu xuống bàn, gối lên hai tay, ngay cạnh bữa ăn tối đã nguội tanh nguội ngắt, với đĩa đậu còn chờ lão. Lão mới đi về, bắt đầu ăn thì mệt quá ngủ thiếp đi. Lão ngáy rất khỏe. Cũng đã nốc nhiều rượu nữa. Tôi còn nhớ rõ hôm ấy là một ngày thứ năm, đúng vào phiên chợ hoa cà...

Tôi luôn luôn thấy lão Bézin là con người dễ chịu, chứ không đến nỗi tiện như kẻ khác. Không có gì phải nói. Rất hay chiều lòng người khác, không phải người khó khăn. Tôi thấy không nên vì tò mò muốn biết mấy cái chuyện vặt mà đánh thức lão ta dậy...

Tôi liền quay trở ra sau khi đã đóng chốt ga.

Trong cái nghề buôn ấy, chắc lão phải vất vả để bảo vệ lấy mình. Nhưng ít ra thì lão cũng không đến nỗi mất ngủ.

Dù sao thì trên đường quay về Vigny, tôi cũng thấy buồn buồn khi nghĩ

đến tất cả những con người ấy, những ngôi nhà ấy, những thứ đồ vật bản thủ
và tẻ nhạt ấy không nói được với tôi điều gì, đi thẳng vào lòng tôi như xưa,
và mặc dầu tôi là kẻ tinh ranh, thì cũng không còn đủ sức để tiếp tục đi xa
hơn nữa, và đi một mình giữa đêm khuya.

Chúng tôi duy trì những thói quen trong các bữa ăn từ thời Baryton, nghĩa là ăn chung một bàn, nhưng bây giờ thường ăn trong phòng chơi bi-a ở tầng trên phòng thường trực. Như thế đầm ấm hơn là ngồi ăn ngay tại phòng ăn chính, nơi còn vương vất những kỷ niệm không đến nỗi kỳ cục về những cuộc đàm thoại bằng tiếng Anh. Hơn nữa trong phòng ăn chính lại bày biện nhiều đồ gỗ quá đẹp đối với chúng tôi, những thứ theo kiểu “năm 1900” chính cống với những tấm kính ghép màu loại mờ trắng sữa ở nhà thờ.

Từ trên phòng bi-a, có thể nhìn thấy những gì diễn ra dưới phố. Như vậy cũng có lợi. Nhiều hôm chủ nhật, chúng tôi ở trên đó suốt ngày. Đôi khi chúng tôi mời các thầy thuốc vùng lân cận đến ăn cơm tối, nhưng người khách quen thuộc nhất lại là Gustave, một cảnh sát giao thông. Có thể nói anh ta là người đúng giờ giấc. Chúng tôi biết nhau là do nhìn qua cửa sổ thấy anh ta thực hành nhiệm vụ ngày chủ nhật ở ngã ba đường vào thị xã. Anh ta rất vất vả vì xe ô tô qua lại đông. Mới đầu cũng chỉ là chuyện trò vài câu, dần dà quen thân. Tôi có dịp ra phố lần lượt chữa trị cho hai đứa con trai anh ta, một đứa lên sỏi, một đứa quai bị. Tên anh ta là Gustave Mandamour, quê ở Cantal [146*]. Anh ta nói năng hơi khó khăn, tìm được ra chữ đấy nhưng lời thì cứ lúng búng trong miệng.

Một tối, Robinson rủ anh ta chơi bi-a, cũng là nhân tiện thế thôi. Nhưng bản tính Gustave là đã làm gì là làm tới, thế là ngày nào anh ta cũng đến chơi, đúng tám giờ tối. Chính anh ta nói ra miệng là thích đến với chúng tôi hơn là la cà các quán cà phê, ở đó thường hay nổ ra những cuộc tranh luận chính trị. Còn chúng tôi thì không bao giờ nói chuyện chính trị. Với Gustave, chính trị là chuyện khá tế nhị. Ở quán cà phê, anh ta đã bị phiền phức về chuyện này. Về nguyên tắc, anh không nên nói chuyện chính trị, nhất là khi rượu vào, mà việc rượu chè lại thường xảy ra. Còn đến với chúng tôi, anh cảm thấy yên tâm về mọi mặt, chính anh thừa nhận. Chúng tôi không uống rượu, không sợ hậu quả. Vì thế anh yên lòng lui tới.

Mỗi khi nghĩ đến cái tình thế trước và sau khi Baryton ra đi. Parapine và tôi không thấy có gì phải phàn nàn, mà thật ra thì một sự may mắn thần kỳ đã đem lại cho chúng tôi đủ mọi thứ, từ sự trọng thị về tinh thần đến tiện nghi vật chất.

Riêng tôi thì tôi chưa tin được rằng sự thần kỳ ấy sẽ lâu dài. Quá khứ của tôi chẳng sạch sẽ gì và nó đã ảnh hưởng đến tôi như những tín hiệu của Định mệnh. Ngay thời gian đầu tôi ở Vigny, đã có ba lá thư nặc danh gửi đến với nội dung mờ ám, đe dọa. Rồi tiếp sau đó, những lá thư khác ác độc không kém. Thực ra ở Vigny chúng tôi thường nhận được những thư nặc danh, nên cũng chẳng mấy để ý. Phần lớn là của những bệnh nhân cũ nay về nhà thỉnh thoảng lại lên cơn.

Nhưng những lá thư này có nội dung khác hẳn, với giọng điệu khiến tôi lo ngại. Những lời tố cáo rất cụ thể, và luôn luôn nhắm vào tôi và Robinson. Nói trắng ra, những bức thư ấy kết tội hai chúng tôi đã ăn nằm với nhau. Thật tồi tệ. Thoạt đầu tôi ngại không muốn nói cho Robinson biết, nhưng rồi thư cứ gửi đến liên tục nên tôi đành phải nói. Hai chúng tôi cùng nhau suy nghĩ xem kẻ nào viết những bức thư ấy! Lần lượt điểm tên những người quen biết mà vẫn không tìm ra. Mà những lời tố cáo ấy cũng chẳng có cơ sở gì. Tôi không phải loại người lách lẹ tình dục, mà Robinson lại càng không để ý gì về khoản ấy. Phải là một con mụ cả ghen nào đó mới bịa ra được những chuyện như thế.

Tóm lại là ngoài Madelon ra thì không còn ai khác có thể đến tận Vigny này để quấy nhiễu chúng tôi bằng những trò điên đảo ấy. Nếu cô ta chỉ có viết thư thì có viết mãi cũng chẳng sao, nhưng tôi ngại rằng, không thấy kết quả gì, cô ta sẽ đích thân đến đây một hôm nào đó để gây chuyện âm ỉ. Phải sẵn sàng đón đợi chuyện tồi tệ nhất.

Chúng tôi trải qua mấy tuần lễ như thế, mỗi lần nghe tiếng bấm chuông là lại giật mình. Tôi rất sợ Madelon lại đến, thậm chí cả người của Viện Công tố nữa.

Mỗi lần tay cảnh sát Madamour đến chơi bài hơi sớm hơn thường lệ là tôi

cứ lo nơm nớp anh ta sẽ rút ra một cái trát đòi. Song hồi ấy anh ta còn là người rất thoải mái, dễ chịu. Ngày nào đánh bài cũng thua nhưng vẫn bình thản. Chỉ sau này tính nết mới thay đổi rõ rệt. Mà cái này thì quả là lỗi ở chúng tôi.

Một buổi tối, tôi tò mò hỏi Mandamour tại sao mà đánh bạc chỉ thua là thua. Đúng ra thì tôi cũng chẳng có lý do sâu xa gì, chẳng qua hỏi để mà hỏi thế thôi. Nhất là đánh bài ở đây đâu phải để ăn tiền. Trong khi hỏi han, tôi ngồi sát gần anh ta, nhìn kỹ mới biết là bị viễn thị nặng. Hóa ra trong ánh sáng mờ mờ, anh ta rất khó phân biệt con nhép với con rô. Không thể để mãi như vậy. Tôi liền khuyên anh ta đeo kính. Thoạt đầu anh ta rất hài lòng. Nhờ đeo kính, anh ta chơi bài tốt hơn, ít thua hơn trước, và bắt đầu ham ăn thua hơn. Muốn thế, anh ta giở trò ăn gian. Và khi đã chơi gian mà vẫn thua thì bực mình giận dỗi hàng giờ liền. Tóm lại, anh ta làm cho mọi người đâm ra khó chịu. Tôi lấy làm buồn: nói ừ thì anh ta giận, nói không cũng vậy. Gustave còn kiếm chuyện để chọc tức, để gây lo lắng cho chúng tôi nữa. Vì thua nên anh ta trả hận... Mà tôi xin nhắc lại, chúng tôi chơi bài không nhằm ăn tiền, chỉ cốt giải trí, thỏa mãn thích thú... Nhưng anh ta cứ hậm hực.

Và thế là một tối, gặp vận đen, anh ta vùng vằng, vừa bỏ đi vừa có vẻ chất vấn chúng tôi:

-Thưa các ngài, tôi xin báo để các ngài liệu coi chừng! Ở địa vị các ngài thì tôi ắt phải cảnh giác hơn với những kẻ lui tới chỗ mình!... Từ nhiều ngày nay có một phụ nữ tóc nâu thường len lỏi cùng những người khác lảng vảng trước cửa bệnh viện... Lảng vảng hơi nhiều đấy! ... Hẳn cô ta có lý do!... Cô ta có việc gì mắc mớ với một trong số các ngài thì tôi nghĩ chẳng có gì đáng ngạc nhiên!...

Đó, Mandamour, trước khi ra về đã nói toẹt với chúng tôi điều nguy hại thế đó. Và anh ta đã đạt được cái hiệu quả nho nhỏ!... Dù sao tôi vẫn trấn tĩnh được và trả lời anh ta:

-Cảm ơn Gustavè! Tôi không biết người phụ nữ tóc nâu mà anh nói đó là ai cả. Theo tôi biết, không có người nào trong số các nữ bệnh nhân cũ của

chúng tôi tỏ ý phàn nàn về sự chăm sóc của bệnh viện... Có thể đó chỉ là một cô gái nghèo cơ nhỡ nào đó... Chúng tôi sẽ tìm ra... Dẫu sao thì anh nói đúng, cần phải tìm hiểu... Một lần nữa cảm ơn anh Gustave đã báo trước... Xin chào!

Chính vì thế, Robinson không đứng dậy được khỏi ghế. Tay cảnh sát đi rồi, chúng tôi ngẫm nghĩ về lời cảnh báo của anh ta, lật đi lật lại mọi khía cạnh. Cũng vẫn có thể là một người đàn bà nào khác không phải Madelon... Người láng vảng quanh bệnh viện thì có thiếu gì... Tuy nhiên cũng có những dấu hiệu nghiêm túc chứng tỏ chính là cô ta, điều ấy đủ làm chúng tôi lo sợ. Nếu đúng cô ta, thì hẳn lại có âm mưu gì mới đây? Và từ nhiều tháng nay cô sống ở Paris bằng gì? Nếu quả cô đích thân tới đây, phải coi chừng, phải chuẩn bị đối phó ngay. Tôi nói với Robinson:

-Này Robinson, đã đến lúc cậu phải quyết định đi... Cậu định làm gì? Cậu có định trở lại Toulouse với cô ấy không?

-Không! tớ đã nói với cậu rồi. Không và không!

Cậu ta trả lời, rất kiên quyết.

-Được thôi! tôi liền nói. Trong trường hợp ấy, nếu quả thật là cậu không còn muốn trở lại với cô ấy, thì tốt nhất, theo ý tớ, là cậu nên đi kiếm sống ở nước ngoài một thời gian. Như vậy cậu sẽ gỡ bỏ hẳn được chuyện ấy. Cô ta sẽ không còn theo đuổi cậu sang tận đó, hiểu chưa? Cậu vẫn còn trẻ... Sức khỏe đã hồi phục... Chúng tớ cấp cho cậu một ít tiền, chúc cậu lên đường may mắn! Ý kiến tớ là thế. Hơn nữa, cậu cũng nên biết rằng ở đây bất lợi cho cậu... Không thể kéo dài mãi...

Hắn chịu nghe tôi mà đi luôn lúc đó thì tôi được ổn hơn và tôi rất mừng. Nhưng hẳn nào có chịu.

-Cậu định tống khứ tớ đi chứ gì, Ferdinand! - hắn nói. Như thế không hay với tuổi tớ đâu... Nhìn kỹ tớ đây này!

Hắn không chịu đi, vì đã quá mệt mỏi với những chuyến giang hồ rồi. Hắn tiếp:

-Tớ không muốn đi xa nữa đâu... Cậu tha hồ nói... Tha hồ làm gì thì làm...

Tớ chẳng đi đâu cả...

Đó, hăn trả lời tình bạn của tôi thế đó. Tuy vậy tôi vẫn nhấn thêm:

-Nhưng giả thử Madelon tố giác cậu về vụ bà cụ Henrouille thì sao? Cậu đã chẳng nói là cô ta dám làm việc đó mà...

-Thì tớ cũng cóc cần! hăn đáp. Cô ta cứ làm việc gì cô ta muốn...

Mồm hăn lại phun ra những lời lẽ ấy. Bởi trước đó hăn vốn tự coi không thuộc loại người khuất phục Định mệnh.

-Vậy thì ít nhất cậu cũng tìm lấy một việc gì đó ở gần đây, trong một xưởng máy, để cậu khỏi phải ở luôn với chúng mình... Nếu có kẻ nào đến lùng kiếm cậu thì chúng tớ cũng có thì giờ báo tin cho cậu.

Về việc này, Parapine hoàn toàn tán thành ý kiến của tôi và còn bàn bạc thêm với chúng tôi nữa. Hăn ông ta thấy chuyện giữa chúng tôi là rất nghiêm trọng và khẩn trương. Cần tìm cách thu xếp cho cậu ta lánh vào đâu đó. Điểm trong số những người quen trong vùng, có một nhà doanh nghiệp sản xuất khung xe ô tô, đã từng chịu ơn chúng tôi vì một vài sự giúp đỡ tế nhị, đúng lúc. Ông ta đồng ý nhận Robinson vào làm thử ở bộ phận sơn. Công việc không vất vả, thu nhập khá.

Buổi sáng hôm hăn bắt đầu đi nhận việc, chúng tôi ngỏ lời khuyên:

- Léon này, đến nơi mới, chớ có lười biếng, đừng để mọi người để ý vì những lời nói hàm hồ... Đi làm cho đúng giờ và không về sớm... Gặp ai cũng chào hỏi tử tế... Tóm lại cần cư xử đàng hoàng. Xưởng máy ấy là nơi đáng tin cậy, và cậu đã được chúng mình giới thiệu...

Vậy mà hăn đã làm cho người ta phải để ý ngay lập tức. Tuy không phải lỗi tại hăn. Một tên chỉ điểm ở phân xưởng bên cạnh theo dõi thấy hăn thậm thụt ra vào văn phòng riêng của chủ. Thế là xong. Báo cáo. Phần tử xấu. Sa thải.

Mấy hôm sau, một lần nữa Robinson lại trở về với chúng tôi, thất nghiệp. Ôi Định mệnh!

Rồi liền hôm ấy hăn lại húng hắng ho. Chúng tôi chẩn trị, phát hiện thấy phía trên phổi bên phải bị rúm. Hăn phải nằm bẹp trong phòng.

Việc xảy ra một buổi tối thứ bảy, ngay trước bữa ăn. Có người muốn gặp đích thân tôi ở phòng tiếp bệnh nhân.

Người ta báo cho tôi biết đó là một người phụ nữ.

Chính cô ta với chiếc mũ mềm, tay đeo găng. Tôi nhớ rất kỹ. Không rào đón gì, cô nói luôn, nhưng tôi cũng chặn lại luôn:

-Madelon, nếu cô đến để tìm gặp Léon thì tôi khuyên cô nên về đi, đừng cố nữa làm gì... Cậu ta đã bị bệnh cả trong đầu, cả trong phổi rồi... Khá trầm trọng là đằng khác... Cô không gặp được đâu... Hơn nữa cậu ta cũng chẳng còn gì mà nói...

-Không có gì để nói với cả em hay sao? cô hỏi.

-Đúng, với cả cô... Nhất là với cô...

Tưởng cô ta sẽ nổi xung lên ngay. Không, cô chỉ lắc lư cái đầu trước mặt tôi, môi mím chặt, còn đôi mắt như đang tìm tôi ở một xó nào đó trong ký ức. Tôi không còn đó nữa, đã dịch chuyển đi rồi. Trong trường hợp này, nếu đối diện với một người đàn ông vạm vỡ, có lẽ tôi phải sợ đấy, nhưng với cô ta thì tôi chẳng sợ gì. Cô không khỏe bằng tôi. Từ lâu tôi đã khát khao được gõ vào một cái đầu bị giận hờn chi phổi để xem những cái đầu giận hờn ấy phản ứng ra sao. Với cái đầu ấy như một tấm ngân phiếu lớn, phải làm sao chỉ một cú chuyển phắt được tất cả mọi dự vọng lẫn quất trong đầu. Từ ít nhất cũng đã hai chục năm nay, ý muốn ấy cứ lớn vồn trong tôi. Ngoài đường phố, trong quán rượu, ở mọi nơi mà người ta thường hung hăng cãi vã. Nhưng tôi không dám, vì sợ bị choảng lại và bị như thế thì xấu hổ lắm. Nhưng lúc này, thời cơ đã đến, thật tuyệt.

-Cô có cú ngay không? tôi quát cốt chọc cho cô ta tức thêm, tức đến cao điểm.

Nghe tôi quát, cô không còn nhận ra tôi nữa. Cô nở nụ cười khinh bỉ, tức tối hết mức, coi tôi như một kẻ lỗ bịch và không đáng kể... “Đốp! Đốp!” Tôi tát cô ta liền hai cái nổ đom đóm.

Cô ngã ngời xuống cái đi văng màu hồng kê sát tường, hai tay ôm mặt, miệng thở dốc, rên hừ hừ như con chó bị đánh đập quá tay. Thế rồi như nghĩ

lại, đột nhiên cô đứng phắt dậy, lẹ làng và uyển chuyển đi ra khỏi cửa không thềm ngoái cổ lại. Tôi không thấy gì nữa. Mọi cái lại trở lại từ đầu.

Nhưng chúng tôi chỉ hoài công, các ngón ranh ma thì Madelon còn có nhiều hơn tất cả chúng tôi hợp lại. Chứng cứ là cô ấy đã gặp lại được Robinson, và vẫn còn muốn thế... Người đầu tiên nhìn thấy họ ngồi với nhau là Parapine. Hai người đang ngồi ngoài hè một quán cà phê trước cửa ga Phía Đông.

Tôi đã nghĩ rằng rồi thế nào họ cũng gặp nhau nhưng tôi làm ra vẻ không quan tâm lắm đến quan hệ giữa họ với nhau. Tóm lại thì cái đó chẳng quan hệ gì đến tôi. Hẳn làm tròn phận sự trong nhà thương, hơn nữa lại không tôi, đối với những bệnh nhân bại liệt, một công việc bạc bẽo hết mức, dọn cứt, lau chùi, thay quần áo, thật là khổ sở. Chúng tôi không còn có thể đòi hỏi gì hơn ở hẳn.

Nếu như những buổi chiều tôi phải đi công việc ở Paris hẳn có tranh thủ tìm cách gặp lại Madelon thì cũng là việc của hẳn. Còn chúng tôi thì, từ khi Madelon bị hai cái tát, chẳng còn thấy cô ta bén mảng đến Vigny-sur-Seine. Nhưng tôi nghĩ rằng từ khi đó nhất định cô ấy đã nói với hẳn nhiều chuyện xấu về tôi!

Tôi cũng không nhắc lại với Robinson chuyện ở Toulouse, cứ như chẳng có gì xảy ra cả.

Dù muốn dù không thì sáu tháng đã trôi qua, và rồi một kỳ nghỉ hè của nhân viên lại tới, chúng tôi bỗng cần tìm một nữ y tá thạo nghề xoa bóp, vì cô y tá làm việc này đã bỏ đi lấy chồng.

Khá đông các cô gái xinh đẹp nộp đơn xin việc, chúng tôi đâm ra lúng túng khó chọn giữa các giai nhân chắc nịch thuộc nhiều quốc tịch ủa đến Vigny liền sau khi báo chí đăng lên quảng cáo của chúng tôi. Cuối cùng thì chúng tôi quyết định tuyển một cô người Xlô-vác tên là Sophie, da thịt và dáng dấp mềm mại uyển chuyển, một sức khỏe thánh thiện, chúng tôi thấy rất quyến rũ, phải thú thật là vậy.

Cô gái Sophie này biết rất ít tiếng Pháp, nhưng tôi sẵn sàng dạy cô học, để

chứng tỏ cái lịch thiệp nhỏ nhoi của mình. Vả lại, với sự tiếp xúc mới mẻ này, tôi cảm thấy như tìm lại được cái thú dạy học. Tuy đã có lúc Baryton làm cho tôi chán việc dạy học. Thành cổ tật rồi. Nhưng lại thấy tươi trẻ làm sao! Hào hứng làm sao! Thân hình đẹp như tượng! Cái lý do mới hay chứ! Linh hoạt! Mạnh mẽ! Tuyệt vời hết mức! Nhan sắc của cô không hề giảm bớt tí nào bởi những cái thẹn thùng thật giả trong những lúc chuyện trò quá tây phương. Còn tôi, xin nói thật lòng, tôi ngấm cô mãi không thôi. Tôi tiến hành cuộc giải phẫu từng cơ bắp, từng nhóm một trên thân hình cô... Từng rẻo cơ bắp, từng vùng... Cái sức sống mãnh liệt ấy hòa quyện với nhau đồng thời cũng khéo léo chia tách ra, thành từng chùm, lẫn trốn đấy mà cũng ưng thuận đấy, bàn tay tôi tiếp tục sờ nắn không biết chán... Dưới làn da mượt mà, lúc căng, lúc giãn, thật huyền diệu...

Thời đại của những niềm vui sống động, của những sự hài hòa to lớn, không thể chối cãi, có tính sinh lý học, tính tương đối, thời đại ấy sẽ đến... Thân hình ấy, cái thiên chất ấy đang bị những bàn tay đáng xấu hổ của tôi vầy vò... Những bàn tay của người lương thiện, cái ông linh mục vô danh ấy... Trước hết phải có phép của Thần Chết và của những Danh ngôn... Toàn những điều bộ ông ọo thối hoảng! Lem luốc một lớp cáu ghét đầy cộp toàn những tén điều, và nhồi nhét những thứ cứt nghệ thuật vào tận cốt lõi để cho người lịch sự chơi một phát... Rồi có ra sao thì ra! Việc tốt đẹp đấy nhỉ! Tiết kiệm được việc phải khơi gợi những điều chột nhớ ra... Cái gì chứ những cái chột nhớ thì người ta sẵn lòng, chỉ một lần là họ có thể mua được tất cả những cái chột nhớ đẹp để huy hoàng nữa... Cuộc sống phức tạp hơn, nhất là cuộc sống của những thân hình con người. Cuộc phiêu lưu tàn khốc. Không còn gì thất vọng hơn. Bên cạnh cái tật xấu đó của những thân hình hoàn hảo, thì cô-ca-in chỉ còn là trò tiêu khiển của các trưởng ga.

Nhưng hãy trở lại với Sophie của chúng ta! Chỉ riêng sự có mặt của cô đã giống như một sự táo bạo đối với ngôi nhà đầy vẻ hờn dỗi, sợ sệt và mờ ám của chúng tôi.

Sau một thời gian ngắn sống cùng nhau, chúng tôi luôn vui mừng coi cô

thuộc đội ngũ các nữ y tá của mình, tuy nhiên cũng không thể không e ngại rằng đến một ngày nào đó cô sẽ khuấy đảo toàn bộ những sự thận trọng vô tận của chúng tôi, hoặc đơn giản là một buổi sáng tốt đẹp cô bỗng nhận rõ ra cái thực tế thảm hại của chúng tôi...

Sophie vẫn chưa biết được toàn bộ những kẻ bị bỏ rơi chết gí một xó như chúng tôi! Một lũ bất đắc chí! Chúng tôi ngắm nghía cô sống nhanh nhẹn hoạt bát bên chúng tôi, chỉ cần cô đứng dậy, đơn giản thế thôi, rồi ngồi vào bàn với chúng tôi, rồi lại đứng lên đi... Thế cũng đủ say mê rồi...

Và mỗi cử chỉ đơn giản như thế của cô đều đem đến cho chúng tôi sự bất ngờ và niềm vui thích. Chỉ một việc ngắm nhìn cô thật là xinh đẹp, thật là vô tư, là chúng tôi đã như thấy được những tiến bộ đầy chất thơ của bản thân mình. Nhịp sống của cô nảy sinh nhiều nguồn phong phú hơn ... Chứ không như nhịp sống của chúng tôi bò lê bò càng, dãi dớt nhòe nhoẹt.

Cái thể lực vừa lanh lợi lại vừa chính xác và hiền dịu ấy toát ra từ đầu đến chân cô, khiến chúng tôi phải bối rối không yên một cách thật là hay, nhưng đối với chúng tôi thì vẫn phải nói cho đúng là không yên.

Sự hiểu biết cục cằn của chúng tôi đối với mọi cái trên đời, theo bản năng là rất dễ ngúng nguẩy với niềm vui này, một sự hiểu biết thật ra là luôn luôn kinh hãi, ẩn náu dưới hằm sâu của cuộc sống, đầu hàng cái tồi tệ nhất theo thói quen và theo kinh nghiệm.

Sophie có dáng đi bay bổng, mềm mại và chính xác mà người ta thường thấy gần như cái dáng quen thuộc của phụ nữ Mỹ, cái dáng của những con người vĩ đại của tương lai mà cuộc sống đầy tham vọng và hời hợt sẽ đưa họ tới những kiểu cách phiêu lưu mới ... Cánh buồm hoan hỉ đã kéo lên rồi, nào ta lên đường tới cõi Vô cùng ...

Parapine vốn không phải con người mang chất trữ tình hơn ai đối với những vấn đề đầy hấp dẫn này, nhưng cũng vẫn phải mỉm cười mỗi khi cô xuất hiện. Chỉ một việc ngắm nhìn cô là tâm hồn ông đã thấy dễ chịu rồi. Nhất là đối với tâm hồn tôi, nói cho đúng, vẫn còn nhiều ham muốn.

Vấn đề là làm sao có thể bắt thần chớp được Sophie, để làm cho cô mất

bớt đi cái lộng lẫy ấy, cái quyền lực và cái uy thế đã tác động vào tôi, tóm lại là để hạ cô xuống thấp hơn một chút, để cô dễ tiếp xúc hơn đối với cái tầm cỡ xoàng xĩnh của chúng tôi, tôi đã vào phòng cô khi cô đang ngủ. Thật là một Sophie hoàn toàn khác, gần gũi hơn và cũng thật ngạc nhiên và vững dạ hơn. Không lờ loẹt, gần như không che đậy, nằm ườn trên giường, đùi vể hớ hênh, da thịt xăm xấp bày ra hết cả, cô cho thấy rõ sự mệt mỏi ...

Sophie chìm sâu vào giấc ngủ rất say, hơi khê ngáy. Đó là thời điểm duy nhất tôi thấy cô thật đúng tầm tay mình. Chẳng còn là những trò ma thuật. Chẳng còn là trò đùa. Chỉ còn sự nghiêm túc. Cô hì hụi với mặt trái của cuộc sống, và đang còn cố hút lấy sinh lực của đời ... Những lúc này trông cô hau háu, thậm chí say sưa giành lại sức mình. Phải nhìn cô trong những giấc ngủ như thế này, nở nang đầy đặn và các bộ phận của cơ thể không ngừng ngậy ngất mê ly dưới làn da dẻ hồng hào. Trông cô cũng kỳ cục, buồn cười như mọi người. Cô lơ mơ ít phút sung sướng, rồi ánh mặt trời như vừa ra khỏi đám mây dày, tràn ngập lên cô, cô tự hào, thanh thoát, lấy lại sự bay bổng của mình ...

Ta có thể hôn lên tất cả. Thật là dễ chịu được sờ mó đúng vào lúc vật chất trở thành sự sống. Ta leo lên cái bình nguyên vô tận mở ra trước cánh đàn ông. Ta reo lên: Trời! Thế là xong! Tha hồ mà hưởng khoái lạc trên đó như trên một sa mạc mênh mông...

Giữa chúng tôi, mà cô coi như những người bạn hơn là những ông chủ, thì tôi tin rằng mình được coi là người thân nhất. Ví dụ như cô cứ lăm tôi đều đều với tay y tá ở khu bệnh nhân khùng, là một tay lính cứu hỏa cũ. Cô giải thích rằng, cô làm như thế là do muốn tốt cho tôi, vì không muốn tôi phải làm việc quá sức bởi những công việc trí óc tôi đang tiến hành và hơi khó phù hợp trong việc tiếp cận với tính tình cô. Hoàn toàn có lợi cho tôi. Thế là cô làm cho tôi thành kẻ bị cấm sừng về mặt vệ sinh. Chẳng còn nói gì nữa.

Tất cả những cái đó chung quy chỉ đem lại cho tôi lạc thú, nhưng trong thâm tâm, tôi vẫn còn canh cánh chuyện Madelon. Một ngày nào đó, tôi cũng phải kể hết cho Sophie biết để xem cô nói sao về chuyện ấy. Và tôi đã thanh

toán được đôi chút sau khi kể cho cô biết những ưu phiền của tôi. Quả thật là tôi đã quá ngán những chuyện cãi vã không dứt và những oán giận xảy ra do mối tình bất hạnh của họ, và Sophie hoàn toàn đồng tình với tôi về chuyện này.

Cô cho rằng, Robinson và tôi đã là bạn với nhau, thì chúng tôi cần phải cùng nhau hòa giải hoàn toàn đơn giản, hoàn toàn tử tế và càng sớm càng tốt. Đó là lời khuyên xuất phát từ một thiện tâm. Ở Trung Âu có nhiều người có thiện tâm như thế. Chỉ có điều là cô chưa thật thông hiểu những cá tính và phản ứng của những người ở đây. Cô khuyên nhủ tôi với những ý định tốt nhất trên đời, nhưng trật lất. Thấy được cô lầm, thì đã quá muộn.

- Anh nên gặp lại Madelon, cô khuyên tôi, cứ như lời anh kể thì xét cho cùng cô ta phải là một cô gái tốt... Chỉ có anh, anh đã gây sự và đối xử thô bạo và đáng ghét với cô ấy!... Anh phải xin lỗi và thậm chí phải có món quà tặng nhỏ để cô ấy quên đi...

Ở nước cô thì người ta làm thế thật. Tóm lại là cô khuyên tôi những việc rất lịch sự nhưng không thực tế.

Tôi nghe theo những lời khuyên của cô, trước hết vì tôi thoáng thấy tất cả những kiểu cách, những sự xích lại với nhau theo kiểu ngoại giao và những trò phô bày ấy, cuối cùng cũng chừa ra một ô trống nhỏ cho khả năng giải trí và cách tân nữa. Phải cực lòng mà ghi nhận rằng, dưới sức ép của tình hình và tuổi tác, tình bạn của tôi đã trở nên khiêu dâm một cách xảo trá. Một sự phản bội. Trong lúc này, Sophie tiếp tay cho tôi phản bội mà cô không biết. Kể cũng hơi kỳ lạ là Sophie không thích những hiểm nguy. Một bản chất tuyệt vời, không đòi hỏi lấy một đồng xu nhỏ, nhưng cũng không chịu bỏ lỡ bất cứ thời cơ nào trong cuộc sống, về nguyên tắc cô không chút nghi ngờ những chuyện đó. Cô hoàn toàn cùng loại với tôi. Cô còn có thể đi xa hơn. Cô hiểu những thay đổi cần có trong các trò giải trí của hạ bộ. Phải thừa nhận là hiếm có người phụ nữ nào lại có khuynh hướng phiêu lưu đến thế. Rõ ràng chúng tôi đã khéo chọn người.

Có lẽ cô muốn, mà tôi cũng thấy đó là tự nhiên, rằng tôi cho cô biết một

vài chi tiết về mặt sinh lý của Madelon. Cô ngại bộc lộ sự vụng về của mình khi tiếp xúc thân mật với một phụ nữ Pháp, vốn ở nước ngoài người ta thường coi là những người nổi tiếng rất có tài nghệ trong chuyện ấy. Còn việc phải chịu đựng thêm vào đó cả Robinson thì cô cũng đồng ý để tôi được vui lòng. Cô bảo, Robinson chẳng gọi cảm gì đối với cô, nhưng dù sao thì chúng tôi cũng thật đồng tình với nhau. Cái đó là chính. Được thôi.

Tôi chờ thêm ít ngày, cho có dịp tốt để nói qua với Robinson cái dự kiến tổng quát về chuyện hòa giải giữa chúng tôi. Một buổi sáng, tại phòng quản trị, hãn đang sao chép các hồ sơ bệnh lịch vào quyển sổ cái. Tôi thấy đây là lúc hợp thời để thực hiện ý đồ của mình. Tôi cắt ngang công việc của hãn, chỉ để hỏi đơn giản rằng hãn sẽ nghĩ thế nào về việc tôi định nói lại với Madelon để cùng quên đi cái việc quá đáng vừa qua... Và liệu tôi có thể nhân dịp này giới thiệu với hãn cô bạn mới Sophie của tôi? Và nếu hãn nghĩ rằng chưa phải lúc cho tất cả những việc ấy thì cũng nói cho tôi rõ dù chỉ một lần cho dứt khoát.

Ban đầu, hãn còn hơi ngập ngừng, tôi nhận thấy rõ, nhưng rồi cũng trả lời, tuy không hào hứng lắm, rằng hãn thấy chẳng có gì là bất tiện... Trong thâm tâm, tôi tin rằng Madelon đã cho hãn biết tôi sẽ có thể sớm tìm gặp lại cô ta với lý do này hay lý do khác. Về chuyện cái tát hôm cô ta đến Vigny, tôi lờ đi, không hề nhắc đến.

Tôi không đại gì mà để xảy ra cãi nhau về chuyện này và để hãn gọi mình là kẻ thô lỗ giữa công chúng, bởi vì dẫu là bạn bè với nhau từ lâu, nhưng trong nhà này thì muốn gì hãn cũng dưới quyền tôi. Uy quyền trên hết.

Chuyện dàn xếp này được tiến hành rất kịp thời vào đúng tháng giêng. Như thế rất tiện, chúng tôi quyết định sẽ gặp nhau cả ở Paris một ngày chủ nhật, sẽ cùng đi xem chiếu bóng và có thể sẽ kéo nhau đi dự một chốc ngày hội hàng năm của Batignolles. Hãn cho tôi biết, Madelon rất thích đi chơi chợ phiên. Thế là gặp thời rồi! Lần đầu gặp lại nhau lại trùng vào ngày hội, thế càng hay.

Có thể nói rằng chúng tôi đã choáng ngợp cảnh hội hè trong mắt và cả trong đầu nữa! Thật là rộn rã, náo nhiệt! Nào để anh quay em! Để anh chiếm đoạt em! Để anh trêu chọc em! Và chúng tôi trộn lẫn nhốn nháo tất cả vào với ánh đèn, với ồn ã, với tất tậ! Nào tiến lên với sự khéo léo và táo bạo và vui nhộn! Trong cái áo khoác ba đờ xuy, mỗi người cố tỏ ra cái hấp dẫn của mình, có vẻ táo tợn, lại hơi xa cách để cho mọi người biết rằng ta đây vốn quen ăn chơi ở những chốn đắt tiền hơn, “expensifs” nói theo tiếng Ăng lê.

Chúng tôi thích thú ra vẻ những con người kỳ tài và hoạt bát, mặc dầu cơn gió lạnh tê tái và nỗi lo quá đà vào những cuộc vui chơi để ngày mai lại hối tiếc, có khi hối tiếc cả tuần.

Nhạc lại nổi tướng lên từ nhà tròn. Đến lộn mửa với cái bài van-xơ của Faust mà họ chơi ở nhà tròn, thật là họ muốn chơi thế nào tùy thích. Lúc thì tụt xuống lúc lại vọt lên tận cái trần quay tròn lấp lóe hàng nghìn ngọn đèn. Chẳng đơn giản chút nào. Cây đàn oóc đau khổ bởi cái nhạc tức anh ách trong lòng nó. Mời ông mời bà mua kẹo nu ga? Hay ông bà thích bắn bia? Xin tùy chọn!...

Trong đám chúng tôi, vào cuộc bắn bia, thì Madelon, mũ đội lật trên trán, là người bắn giỏi nhất.

-Anh xem này! cô bảo Robinson. Em không run tay đâu nhé! Ấy là chúng mình vừa uống nhiều đấy!

Để bạn hiểu được đúng cái giọng trò chuyện ấy, xin kể là chúng tôi vừa trong một nhà hàng ra.

-Lại trúng phát nữa! Madelon trúng giải một chai sâm banh! Bính boong! Lại trúng hồng tâm nhé!

Tôi thách cô đuổi được tôi trên vòng đua ô tô ^[147*].

-Nào! cô trả lời hăng hái. Người nào phần nấy nhé!

Tôi rất bằng lòng được cô nhận lời. Đây là một cách để xích lại gần nhau. Sophie không ghen. Cô có lý do của mình.

Robinson lên xe sau với Madelon còn tôi với Sophie ngồi xe trước. Thế là hai xe liên tiếp dính vào nhau trong hàng loạt trện va quệt! Nào, tớ đâm cho nổi u lên đây này! Tớ bám sát đây này! Nhưng tôi thấy ngay rằng Madelon không thích trò xô lấn. Hơn nữa cả Léon cũng thế, cũng không thích trò chơi ấy nữa. Có thể nói là họ không thoải mái lắm với chúng tôi. Đến một hành lang, trong khi chúng tôi bám vào lan can, thì mấy chú lính thủy con bắt đầu ra tay sờ soạng bất kể đàn ông hay đàn bà, và mời mọc đủ thứ. Chúng run lập cập, giành giật nhau, chọc ghẹo nhau. Từ khắp chốn đổ về đây những tay sờ soạng nắn túi và lại còn tiếng nhạc hăm hở, trở đủ ngón nữa chứ. Rồi ủa nhau vào những chiếc thùng có bánh lăn, mỗi lần thúc vào nhau là lại sừng cồ đến nỗi con người. Thú vui mà! Bạo lực đi liền với đùa tếu! Tất cả tiếng đàn phong cầm cho những trò vui! Tôi muốn hòa giải thật sự với Madelon trước khi rời đám hội. Tôi tha thiết, nhưng cô ta không chút đáp lại những cử chỉ cầu thân của tôi. Không, dứt khoát là thế. Cô còn dối với tôi. Cô vẫn giữ khoảng cách. Tôi đâm ra lúng túng. Cái đó làm cho cô trở lại tâm trạng cũ. Tôi đành chờ dịp khác. Và lại về mặt sinh lý, cô cũng có thay đổi, và cả những mặt khác nữa.

Tôi nhận thấy, đứng bên Sophie thì cô thua, cô tẻ nhạt hơn. Tình bạn đối với cô có khá hơn, nhưng có thể nói rằng lúc này cô tỏ ra trịch thượng. Cái đó làm tôi khó chịu. Tôi sẵn sàng tát tai cô nữa, nếu cô quay lại hay nói với tôi một cách trịch thượng. Nhưng tôi chỉ cười tùm! Đang hội hè, không phải lúc để gây khóc lóc! Vui chơi đi đã!

Sau đó, trong lúc cùng đi, cô kể cho Sophie biết rằng cô đã có việc làm ở nhà một bà dì. Ở phố Rocher, một bà dì làm áo nịt phụ nữ. Cứ tin là thế đi.

Ngay từ lúc ấy, đã không khó gì mà không thấy được thực tế là cuộc gặp gỡ để hòa giải đã thất bại. Và cả cái ý đồ của tôi cũng hỏng nốt. Thậm chí phá sản nữa.

Chúng tôi đã sai lầm trong việc tìm gặp nhau lại. Sophie thì chưa nắm rõ được tình hình. Cô ấy không cảm thấy rằng, gặp lại nhau chỉ tổ làm mọi việc phức tạp thêm... Lẽ ra Robinson phải nói, phải báo trước cho tôi biết rằng

Madelon lại ngoan cố đến mức ấy... Thật đáng tiếc! Được thôi! Luôn luôn và dù thế nào thì cũng cứ đến thẳng “Caterpillar”! như người ta gọi thế. Chính tôi đề nghị, chính tôi chỉ tiền, vấn đề là làm sao thử một lần nữa tìm cách xích lại được với Madelon. Nhưng cô luôn luôn ần núp, tránh mặt tôi, cô lợi dụng đám đông để leo lên hàng ghế trên với Robinson, tôi bị lừa. Bóng tối nhập nhoạng lại càng làm chúng tôi bối rối thêm. Tôi kết luận thầm: không còn làm gì được nữa. Và cuối cùng thì Sophie cũng đồng ý với tôi. Cô hiểu rằng trong tất cả chuyện này, tôi còn là nạn nhân của sự tưởng tượng tồi tệ của chính mình.

- Anh thấy chưa! Cô ta giận rồi đấy! Em nghĩ tốt nhất là bây giờ ta để yên cho họ với nhau... Còn chúng mình, có lẽ ta làm một vòng ở Le Chabanaïs trước khi về...

Đây là một việc mà Sophie rất thích, vì ngay khi còn ở Praha cô đã nhiều lần nghe nói đến Le Chabanaïs, nay đã đến đây thì cô không mong muốn gì hơn là được tận mắt thấy được nơi này để có thể tự đánh giá, Nhưng chúng tôi tính nhăm với nhau đến Chabanaïs sẽ rất tốn, mà tiền mang đi không đủ. Thôi đành bỏ qua vậy.

Ngay lúc đang còn chơi ở Caterpillar, Robinson đã có chuyện cái lộn với Madelon. Cả hai tức tối bỏ khu Carrousel chạy xuống. Rõ ràng là tối hôm ấy, cô cảm cẩu khó gằn. Nhăm dự bớt tình hình và dàn xếp mọi chuyện, tôi mời họ tham gia một trò vui để nguôi cơn giận, đó là trò câu cổ chai. Madelon cau có nhận lời. Tuy thế cô ta vẫn cứ thẳng chúng tôi, câu cái nào được cái ấy. Chỉ việc lựa khéo cái vòng lọt xuống dưới nút chai rồi giật mạnh dây câu theo tiếng chuông, thế là xong. Chủ quán phải kinh ngạc. Ông ta trao giải thưởng “nửa chai vang Thái công Malvoison”, nhưng Madelon không vừa ý. Cô bảo ngay chúng tôi rằng cô không thích uống thứ vang tồi ấy... Thế là Robinson mở luôn nút, để uống. Lại ầm ĩ. Khốn khổ cho hân ta, xưa nay hân có uống bao giờ đâu.

Sau đó chúng tôi qua gian bắn súng đám cưới bằng kẽm. Păng! Păng! Chúng tôi thi nhau bắn với những viên đạn chì. Thật buồn là tôi không khéo

tay ... Tôi chúc mừng Robinson. Hắn cũng thắng tôi trong mọi trò chơi. Nhưng cái khéo tay của hắn cũng không làm cho hắn mỉm cười. Có thể nói rằng chúng tôi đã kéo cả hai người vào một bữa lao dịch thật sự. Không sao làm cho họ phấn chấn, vui vẻ lên được. Thật là đã hết nước hết cái, tôi phải gào lên: “Ta đang đi hội đây mà!”

Nhưng họ vẫn kệ, dù cho tôi có thôi thúc, nhai nhải vào tai họ. Họ không còn nghe tôi nữa. “Thế nào thanh niên? tôi hỏi họ. Làm gì đây?... Thanh niên không vui thích nữa à? Với cái tuổi lớn hơn các người đến mười năm tôi sẽ nói gì đây? Thế nào con ngựa tơ của tôi?” Thế là họ nhìn tôi, cả Madelon và hắn, như thấy trước mắt họ một anh chàng mất trí, bị ngạt hơi, lú lẫn, không đáng để họ phải trả lời... Như thế là không còn phải mất công nói gì thêm với tôi, vì họ có nói gì thì chắc chắn là tôi cũng không còn hiểu được nữa... Cũng bằng không... Có thể là họ có lý chăng? tôi hỏi thầm trong bụng và lo lắng nhìn những người khác ở quanh mình.

Nhưng những người khác ấy đang bận bịu vào những việc của họ, họ còn mãi vui chơi, họ không phải như chúng tôi đến đây để mà lắc lư với những nỗi buồn vật vãnh. Không đâu! Họ mới thật là những người đi trẩy hội! Chỗ này một quan!... Đằng kia nửa quan!... Ánh sáng tràn trề... Rao hàng ới ới, rồi lại nhạc, lại kẹo bánh... Như những con ruồi sà chỗ này một tí đậu chỗ kia một tí, lại còn tha những chú giòi con, những đũa nhỏ trong vòng tay mẹ tái mét, nhột nhột gần như đang biến vào ánh đèn quá sáng. Chỉ còn thấy hơi hồng hồng quanh sống mũi, nơi thường chảy nước mũi hay đặt những cái hôn.

Trong số những gian hàng này, tôi nhận ra ngay gian “Bắn súng của các Dân tộc”, một kỷ niệm, nhưng cũng chẳng thấy gì hơn những nơi khác. Mới đó đã mười lăm năm - tôi thầm nghĩ một mình. - Thế là mười lăm năm đã trôi qua... Quá lâu rồi! Trên suốt chặng đường ấy đã mất bao nhiêu là chúng bạn! Tôi đã tưởng cái gian “Bắn súng của các Dân tộc” sẽ chẳng bao giờ ngoi ra khỏi vũng bùn ở Sanit-Cloud...^[148*] Thế mà nó lại được chỉnh trang, bây giờ thì gần như mới, cùng với âm nhạc và tất cả. Chẳng phải nói. Người ta đưa

nhau bắn súng trong đó. Một trường bắn bận rộn. Quả trứng cũng đã quay lại nhảy nhót ngay chính giữa, y như tôi, sau một thời gian tưởng chừng chẳng còn gì. Chỗ này phải trả hai quan. Vì trời quá lạnh, chúng tôi bỏ qua không vào bắn, tốt hơn là đi bộ cho ấm người. Chứ không phải vì hết tiền lẻ, chúng tôi vẫn còn đầy túi, tiền súng soẹt trong túi như tiếng nhạc nhỏ.

Vào lúc đó, tôi đã cố thử tìm bất cứ cách nào để mọi người thay đổi ý nghĩ của mình, nhưng chẳng ai chịu. Giá Parapine cũng cùng tham gia với chúng tôi lúc này, chắc chắn là càng tồi tệ hơn nữa, vì ông ta vốn hay buồn rầu ở chỗ đông người. Thật may là ông lại phải ở lại trông bệnh viện. Về phần mình tôi cũng hối tiếc là đã đến đây. Madelon dù sao cũng cố cười lên, nhưng tiếng cười của cô chẳng vui tí nào. Robinson thì không làm gì khác được, đành cười gượng bên cạnh cô. Cũng vì thế, Sophie bắt đầu bông phèng một chút. Thế là đầy đủ.

Khi chúng tôi đi qua cửa hàng tay phó nháy. Anh ta đã chồm chúng tôi khi đang còn lưỡng lự. Chúng tôi định không chụp ảnh, có lẽ trừ Sophie. Nhưng vì đã ngập ngừng trước cửa hàng, chúng tôi đành dàn hàng ra trước ống kính của anh ta. Chúng tôi chịu sự chỉ huy lễ mễ của anh ta, cùng nhau đứng lên một cái cầu tàu bằng các-tông, có lẽ do anh ta tự làm lấy, của cái gọi là chiến hạm “*Nước Pháp xinh đẹp*”. Dòng chữ đó được viết trên những chiếc phao cấp cứu giả. Chúng tôi đứng như thế một lúc khá lâu, mắt nhìn thẳng đằng trước như thách thức tương lai. Các khách hàng khác sốt ruột mong cho chúng tôi mau mau xuống khỏi cầu tàu, họ trả đũa liên bằng cách chê chúng tôi xấu xí và nói hằn ra mồm mỗi lúc một to. Họ lợi dụng lúc chúng tôi không được động đậy. Nhưng Madelon thì chẳng kiêng nể gì, cô mắng lại họ với cái giọng đánh đá miền Nam. Mọi người chúng tôi đều rất đồng tình. Thật là ăn miếng trả miếng đầu vào đấy.

Bột ma-nê bùng sáng. Chúng tôi nhăn nhó cả với nhau. Mỗi người một ảnh. Lại còn xấu hơn cả trước ^[149*]. Trời mưa lợt nước qua mái bạt. Chân đã mỏi lại thêm tê buốt vì giá lạnh. Trong lúc chúng tôi đứng chụp ảnh, gió đã thốc vào người, qua những lỗ hổng ở khắp gian hàng, ngay cả áo ba đờ xuy

cũng không còn chống đỡ nổi.

Lại phải đi tha thần giữa các lều quán. Tôi không dám nêu ra việc trở về Vigny. Vì còn quá sớm. Tiếng đàn oóc đa cảm ở chỗ vòng quay nhân lúc anh đang run rẩy lại càng làm anh căng thêm cân não. Thứ nhạc khí ấy cười cợt sự phá sản trên khắp thế gian. Qua những ống sáo mạ bạc, nó hò hét mọi người lao vào bại hoại, đến không khí ở gần đó cũng phải nổ bung vào đêm tối, băng qua các dãy phố sắc mùi khai đổ từ đồi Buttes xuống.

Các cô sen người vùng Bretagne càng ho hắng hơn mùa đông năm trước, khi các cô mới tới Paris. Đùi vế các cô bị gió rét làm nổi vân xanh vân tím tô điểm thêm cho các bộ yên ngựa gỗ. Những chàng trai Auvergne bỏ tiền mua vé cho các cô, họ là nhân viên thực thụ của Bưu điện và ai cũng biết những tay này rất cẩn thận, đi lại thăm lén với các cô bao giờ cũng có bao cao su. Còn các cô sen thì uốn éo chờ đợi ái tình trong tiếng nhạc ồn ã nhõng nhẽo của vòng quay. Hơi nhói trong tim, nhưng các cô vẫn cứ ngồi đó trong cái rét sáu độ, bởi đây là thời điểm tối hậu, thời điểm thử thách tuổi xanh của mình với người tình quyết định có thể là người đứng đó, đã bị chinh phục, đang xen lẫn giữa những thằng ngu ngốc trong đám đông run rẩy. Thần Ái tình còn chưa dám ra tay... Tuy nhiên rồi mọi cái sẽ đến cùng với hạnh phúc như trong màn ảnh. Dù cậu chỉ yêu thương say đắm trong một tối thì chàng trai con nhà nghiệp chủ ấy sẽ không bao giờ còn xa lìa cô nữa... Cái đó đã thấy trước, thế là đủ. Hơn nữa cậu ta lại tốt, lại đẹp trai, lại giàu.

Trong cái ki ốt bên cạnh, ở gần ga xe điện ngầm, mục chủ quán, bất cần tương lai, ngồi cây mủ trên con mắt đau lâu ngày đã thành toét. Thế cũng thích, âm thầm và chẳng làm sao. Con mắt ấy đau đã sáu năm nay, ngày càng ngứa.

Những người đi dạo ùn lại bởi giá lạnh, chen chúc từng nhóm quanh gian xổ số. Chẳng với được giải nào. Càng như bị lửa thúc sau đít. Họ rảo bước và nhẩy cẳng cho ấm người, vào giữa đám đông đang xúm lại trước con bò hai đầu ở phía trước mặt.

Một gã thanh niên bé nhỏ thất nghiệp rình trong nhà đài, làm giá với một

cặp dưới tỉnh đang bị sự náo động làm cho rạo rức. Tay cảnh sát chuyên theo dõi gái điếm tuy biết rõ chuyện mờ ám đó nhưng cũng mặc kệ, lúc này hắn còn đang mải theo dõi một vụ đã được mật báo ở cửa quán cà phê Miseux. Đã một tuần nay, hắn rình ở quán cà phê này. Chuyện ấy chỉ diễn ra ở quầy thuốc lá hay đằng sau sạp bán sách con heo ở cạnh đó. Dù sao thì việc này cũng đã được mật báo từ lâu. Người ta mách rằng một trong hai nơi ấy chuyên cung cấp gái bán hoa còn vị thành niên. Lại còn những bức thư nặc danh nữa. Tay luật sư hành nghề lậu ở góc phố cũng định nhằm nhè giành phần. Chuyện tất nhiên thôi. Nhưng tất cả những gì xảy ra trên vỉa hè là thuộc quyền Cảnh sát.

Cái tiếng nổ dữ dội liên hồi như súng liên thanh gần đó, từng tràng một, chỉ là tiếng nổ của chiếc mô tô phóng bạt tử trên cái “Đĩa của Thần Chết”. Người ta bảo đấy là một “tay vượt ngục” nhưng không chắc đã phải. Tuy nhiên, cũng đã hai lần nó chọc thủng cả vải rạp lao thẳng ra ngoài, rơi ngay chỗ này, và cách đây hai năm ở dưới Toulouse cũng vậy. Cho nó ngóm luôn cùng với chiếc xe! Cho nó vỡ mặt, gãy xương sống và không ai còn nói đến nữa! Khỏi phải điếc tai vì tiếng nổ dữ dội ấy! Xe điện cũng thế, lại còn thêm tiếng chuông leng keng nữa, thế mà trong vòng có hai tháng nó cũng đã cán chết hai ông già ở Bicêtre, ngay sát các lều quán. Xe buýt thì trái lại, có vẻ kín tiếng hơn. Nó lặng lẽ đến quảng trường Pigalle, rất là thận trọng, gần như lão đảo, hỗn hển vài tiếng còi hơi, chỉ có bốn người trên xe bước xuống thận trọng từ tốn như mấy chú nhỏ đội đồng ca.

Các hàng quán sắp xếp từng nhóm với nhau, từ một bãi trống tối om, nơi các gia đình kéo nhau ra đây tiểu tiện... Quay lại thôi! Trở lại đường cũ, chúng tôi ăn hạt dẻ với nhau. Tưởng là sẽ khát nước nhưng chẳng khát mà chỉ đắng miệng. Lại còn vớ phải một con sâu trong hạt dẻ nữa. Mà người vớ phải nó lại là Madelon, một sự trùng hợp như có sắp đặt trước. Từ nãy đến giờ, chúng tôi đã cố nín nhịn được với nhau một chút, nhưng từ đây trở đi thì mọi việc giữa chúng tôi không còn ra làm sao nữa, cái cú hạt dẻ càng làm cho cô tandữ dần hết chỗ nói. Trong lúc Madelon đi ra rãnh nước để khạc nhổ con

sâu thì Léon bảo cô ta cái gì đó để ngăn lại, tôi không còn nhớ hẳn ta nói gì, cũng không nhớ cái gì xảy ra với hẳn, chỉ biết rằng hẳn bỗng khó chịu việc cô ta đi khạc nhổ như thế. Hẳn lại còn ngốc nghếch hỏi cô ta hay là đã có ghen rồi?... Càng không phải là một câu hỏi có thể nêu ra với cô... Đã thế Sophie còn tìm cách can thiệp vào cuộc cãi vã của họ, cô không hiểu được vì sao họ lại cãi nhau... Cô muốn biết.

Chuyện Sophie, một người xa lạ, chen ngang vào càng làm cho họ bức mình thêm. Cũng đúng lúc một đám thanh niên càn quấy đi qua, tách mấy chúng tôi ra. Thực tế thì bọn này chỉ là mấy đứa đi chèo kéo khách cho các quán hàng, chúng vừa làm điệu bộ vừa huýt sáo và hò la inh ỏi. Khi chúng đi khỏi, chúng tôi tìm lại nhau thì Robinson và Madelon vẫn còn đang cãi cọ.

Tôi nghĩ bụng: “Thôi đã đến lúc ra về được rồi... Còn để họ ở lại đây thêm phút nào là họ sẽ gây gỗ rùm beng ngay giữa đám hội cho mà xem... Ngày hôm nay thế này là đủ rồi!” Phải thừa nhận là mọi việc đã hỏng bét.

-Cậu có đồng ý ta về không? tôi đề nghị với hẳn. Hẳn nhìn tôi, vẻ ngạc nhiên. Tuy vậy tôi thấy đó vẫn là quyết định khôn ngoan nhất và thích đáng nhất.

-Các cậu thấy hội hè thế chưa đủ à? tôi nói thêm. Hẳn ra hiệu cho tôi, tốt hơn là nên hỏi ý kiến Madelon trước đã. Tôi cũng muốn hỏi cô ta, nhưng thấy chẳng hay ho gì. Tôi đành bảo hẳn:

-Thì chúng mình đưa Madelon về.

-Đưa cô ấy về? Cậu muốn đưa cô ấy về đâu? hẳn hỏi lại.

-Thì về Vigny chứ sao! tôi trả lời.

Thật là hớ!... Lại thêm một chuyện hớ nữa. Nhưng tôi không thể chữa lại được, tôi đã nói ra rồi.

-Chúng ta vẫn có một phòng để trống ở Vigny có thể để dành cho cô ấy! tôi nói thêm. Mình thiếu gì phòng ở đó!... Hơn nữa lại có thể ăn tối với nhau trước khi đi ngủ... Như thế lại còn vui hơn là ở đây chúng mình bị lạnh cóng hai tiếng đồng hồ rồi! Không có gì khó đâu...

Madelon không đáp lại những đề nghị của tôi, thậm chí không nhìn tôi

nữa, tuy thế cô không bỏ sót một lời nào của tôi. Thế là, cái gì tôi nói là hợp ý cô. Khi tôi đi ra xa một chút, cô lẻ làng đến gần tôi hỏi nhỏ, liệu có phải tôi mời cô về Vigny là có ý lại chơi cô một vỏ nữa không. Tôi không trả lời gì. Không thể nào cãi lý với một người đàn bà đang ghen như cô bây giờ, sẽ chỉ càng tạo cơ sinh thêm chuyện chẳng bao giờ dứt. Mà tôi cũng không biết được thật chính xác cô ghen tức với ai, ghen tức cái gì. Những tình cảm xuất phát từ hờn ghen thường rất khó xác định. Tóm lại thì tôi cũng mới chỉ đoán là cô ta ghen như mọi người khác thôi.

Sophie thì không còn biết xử sự thế nào, nhưng cô vẫn cố tỏ ra dễ thương. Cô còn khoác luôn tay Madelon, nhưng cô này thì đã quá đổi bức tức và hơn nữa tự bằng lòng với sự bức tức của mình nên chẳng thiết gì những cử chỉ tử tế. Chúng tôi phải luồn lách chật vật giữa đám đông để ra tới bến xe điện ở quảng trường Clichy. Vừa lúc chúng tôi sắp kịp chuyển xe điện thì một cơn mưa ào ào như thác đổ xuống quảng trường. Bóng mưa phủ kín cả vùng trời. Chỉ chốc lát, tất cả xe ô tô bị người ta xông lên chiếm chỗ hết.

“Sao, anh còn định làm nhục tôi trước mặt thiên hạ chẳng?... Hử Léon?” tôi nghe thấy Madelon lại khẽ hỏi hẩn ngay bên cạnh chúng tôi. Thế là chuyện chưa yên rồi. Cô hỏi tiếp: “Anh chán gặp mặt tôi rồi phải không?... Thì cứ nói là anh đã chán rồi. Nói đi. Dù cho không phải anh luôn luôn gặp tôi! Anh muốn chỉ mình anh với hai người ấy chứ gì?... Các người ngủ với nhau khi vắng mặt tôi chứ gì, tôi đánh cược thế đấy!... Anh nói đi, nói cho tôi xem nào...” Sau đó, cô im không nói gì, nét mặt đanh lại, nhãn mũi kéo hếch mồm lên. Chúng tôi đứng chờ trên hè. Cô lại tiếp: “Anh đã thấy các bạn anh đối xử với tôi thế nào chưa? Hử Léon?”

Nhưng Robinson phải công bằng mà nói, hẩn không cãi lại, không gây gổ, mà cứ đứng đó nhìn sang bên kia đường, nhìn mặt tiền các ngôi nhà, nhìn đại lộ và xe cộ.

Tuy rằng, với Robinson, đây là lúc hợp với tính hung bạo của hẩn. Thấy những lời đe dọa của mình không ăn thua, cô ta đổi sang cách khác, chuyển giọng âu yếm với hẩn:

- Léon của em, em yêu anh lắm, anh có nghe thấy không, rằng em yêu anh lắm?... Ít nhất thì anh cũng biết được em đã làm những gì đối với anh chứ? Không thể thì cần gì em phải đến đây hôm nay?... Anh không yêu em lấy một chút xíu nào ư, Léon? Không thể nào mà anh lại không yêu em gì cả... Anh có trái tim, Léon, dù sao thì anh cũng có chút gì trong trái tim chứ? Thế thì tại sao anh lại coi thường tình yêu của em?... Hai đứa mình đã cùng mơ một giấc mơ đẹp cơ mà... Vậy mà anh cứ ác độc với em! Anh coi thường giấc mơ của em đấy, Léon! Anh bôi nhọ lên nó đấy!... Anh có thể nói rằng anh đã phá hoại lý tưởng của em... Vậy là anh muốn em không còn tin vào tình yêu nữa sao, anh?... Vậy là bây giờ anh muốn em mãi mãi đi khỏi hay sao? Có phải anh muốn thế không?

Đó là tất cả những gì cô hỏi hăn, trong lúc mưa vẫn rả rích qua màn quán cà phê.

Cô tuôn ra hết mọi chuyện giữa thiên hạ. Rõ ràng là cô đúng như hăn đã nói trước với tôi. Hăn không bày đặt tí gì, về tính nết của cô. Tôi không thể nào tưởng tượng được hai người lại mau chóng đạt được những tình cảm mạnh mẽ đến thế, nó thế đấy.

Tranh thủ lúc xe cộ qua lại ồn ào, tôi rí tai Robinson rằng tình hình đã thế này, ta liệu tìm cách bứt khỏi cô ta bây giờ và chấm dứt mau thôi, mọi việc đã hỏng cả rồi, rút dù cho sớm kéo tình hình xấu hơn thì càng giận nhau đến chết mất. Thật đáng sợ. “Cậu có muốn tớ tìm cho cậu một cái cớ để mỗi người đi một ngả không?” tôi bàn với hăn. “Chớ, nhất là chớ làm thế! Làm thế cô ta sẽ có thể nổi cơn lên ở ngay đây thì không còn ngăn lại được đâu!” Tôi không nài ép nữa.

Chung quy thì có thể là hăn ta thích cãi nhau công khai, và lại dù sao Robinson vẫn hiểu Madelon hơn tôi. Trận mưa rào vừa tạnh, chúng tôi gọi được một chiếc taxi. Cả mấy người vội vàng leo lên xe và ngồi sát vào nhau. Ban đầu chẳng ai nói với ai. Giữa chúng tôi đang còn bực dọc nhau, về phần mình thì tôi cũng thấy hổ đến thế là quá đủ rồi. Tôi có thể gắng chờ thêm chút nữa trước khi tính chuyện tiếp tục hòa giải.

Tôi và Robinson ngồi hai ghế phụ đối mặt với hai cô ngồi trên ghế trong cùng. Đang đêm hội, đường phố Argenteuil rất đông xe, nhất là quãng cửa ô. Cũng do kẹt xe nên phải một tiếng đồng hồ là ít mới về được đến Vigny. Ngồi đó suốt một tiếng, mặt đối mặt, nhìn ngó nhau, mà không nói một lời thì cũng là chuyện không bình thường, nhất là trời lại tối, người nọ lo lắng vì người kia.

Tuy vậy, giá chúng tôi cứ ngồi yên như thế, hờn giận nhưng người nào phận nấy, thì có lẽ đã chẳng xảy ra chuyện gì. Cho đến nay, mỗi lần nhớ lại, tôi vẫn giữ ý kiến này.

Rút cục thì cũng do tôi mà mấy người lại nói năng với nhau rồi việc cãi cọ xảy ra liền, càng lúc càng dữ. Nói lời với nhau thì mấy ai dè chừng cho hết được, vì lời nói thì có vẻ chẳng là gì hết, càng không có vẻ gì nguy hại, chỉ như gió thoảng, chỉ là những âm thanh phát ra từ cửa miệng, không nóng cũng không lạnh, nhưng khi đầu óc người ta đang quay cuồng trong nỗi buồn phiền nặng trĩu thì những lời nói ấy lọt vào tai ắt cũng thành chuyện. Không dò chừng những lời nói ấy thì bất hạnh sẽ đến thôi.

Có những lời nói được che giấu giữa những lời nói khác như những mảnh đá dăm. Ta không nhận thấy được chúng có gì đặc biệt, ấy thế mà chúng vẫn làm ta ghê sợ suốt đời, ghê sợ toàn bộ, cả mặt yếu và mặt mạnh của cuộc đời... Kinh hãi thế đó... Như một vụ núi lở... Ta như kẻ chết đứng, xúc động hơn bao giờ hết... Nó như một cơn bão ập đến, quá mạnh đối với anh, hung bạo đến mức chỉ bằng tình cảm thì anh không bao giờ có thể ngờ được... Vậy đây, ta không bao giờ có thể dè chừng cho hết được những lời nói đâu, kết luận của tôi là thế. Nhưng trước hết tôi xin kể lại mọi việc... Chiếc xe taxi chạy từ từ theo chiếc xe điện vì đường đang sửa chữa... cứ khoảng trăm thước xe lại vấp phải một rãnh lại kêu lên “Ron...ron...”. Tôi vốn là đứa hay nói như trẻ con, chỉ với chiếc xe điện ở đằng trước thì cũng không đủ làm cho tôi sốt ruột... Nhưng tôi không chịu được là cái điệu đi như đưa đám và trạng thái do dự trùm lên khắp cả... Tôi phải mau mau phá vỡ cái yên lặng để cố tìm hiểu xem có cái gì thật sự ở phía sau mình. Tôi quan sát Madelon, ngồi bên góc

trái, phía trong cùng chiếc taxi, tuy cố quan sát mà hầu như chẳng thấy được gì. Cô quay mặt nhìn ra phía ngoài, nhìn phong cảnh, nói đúng ra là nhìn vào bóng đêm. Tôi bức mình nhận thấy cô vẫn ngoan cố. Mà tôi thì cũng là đứa quấy rầy. Tôi gọi, cốt để cô quay mặt về phía mình:

-Này Madelon! Chắc cô có chương trình giải trí nhưng chưa dám cho bọn tôi biết, phải không? Cô có muốn ta dừng đâu đó trước khi về không? Cô nói ngay đi...

-Giải trí! Giải trí! cô tê tái trả lời như mắng vào mặt tôi. Các người chỉ nghĩ đến cái đó thôi! Chỉ nghĩ đến giải trí thôi!... Và cô buông một loạt những tiếng thở dài nào nuốt hiếm thấy.

-Tôi làm những gì có thể được, tôi trả lời. Hôm nay chủ nhật mà!

-Còn anh, Léon? cô quay sang hỏi thẳng hăn. Anh cũng làm những gì có thể làm chứ?

-Tất nhiên rồi! hăn trả lời.

Xe chạy bên dãy đèn đường, tôi nhìn được mặt cả hai. Cơn giận đã rõ. Madelon bèn cúi xuống như muốn hôn hăn. Rõ ràng là tối hôm ấy chúng tôi đã không bỏ lỡ một lỗi lầm nào!

Chiếc taxi lại phải chạy từ từ, vì từng quãng một lại gặp những xe tải chèn trước mặt. Cái đó đã gây khó chịu cho hăn ta, lại còn thêm chuyện hôn hít, và hăn đã đẩy cô ta ra một cách thô bạo, phải nói là thế. Chắc chắn đó là một cử chỉ không tử tế rồi, nhất là nó lại diễn ra ngay trước mặt chúng tôi.

Đến đầu phố Clichy, vừa vặn tới cửa ô, màn đêm đã buông xuống từ lâu và các cửa hàng đã lên đèn cả. Xe chạy dưới gầm cầu xe lửa, lúc nào cũng rình rình lên, nhưng tôi vẫn nghe rõ được tiếng cô hỏi hăn: “Anh không muốn hôn em phải không?” Cô lại vào cuộc đây. Hăn vẫn không trả lời. Cô liền quay sang: hỏi thẳng tôi một cách cộc lốc. Vì đó là nỗi nhục cô không thể chịu được.

-Các người đã làm gì để cho Léon trở nên ác độc đến thế? Các người có thể nói ngay cho tôi biết không?... Các người đã kể những gì với anh ấy?...

Cô ta gây sự với tôi thế đó. Tôi trả lời:

- Chẳng có cái gì cả! Tôi chẳng nói gì với cậu ấy cả!... Tôi không bận tâm đến chuyện cãi cọ của hai người!...

Mà cũng thật lạ, quả tôi không có nói gì với Robinson về chuyện cô ta. Hẳn tự do lựa chọn, tiếp tục sống với nhau hay chia tay nhau là việc của hẳn. Chẳng liên quan gì đến tôi, nhưng tôi thấy chẳng cần phải cố thuyết phục cô ấy làm gì, cô ấy không còn biết điều nữa. Thế là chúng tôi lại bắt đầu ngậm miệng tuy đối mặt với nhau trong chiếc taxi. Nhưng không khí chứa đầy những ý nghĩ mằng mủn nhau chắc khó mà giữ yên được lâu. Cô ta nói với tôi bằng cái giọng sắc mảnh tôi chưa hề nghe thấy ở cô bao giờ, một giọng đơn điệu như của một người hoàn toàn quyết đoán. Rồi cô lùi vào ngòi sâu trong góc, tôi gần như không còn thấy rõ được các cử chỉ của cô và cái đó lại càng làm cho tôi khó chịu.

Trong lúc đó, Sophie nắm lấy tay tôi. Trong tình hình ấy, cô không còn biết náu vào đâu, cô gái khốn khổ.

Khi chúng tôi vừa qua Saint-Ouen, thì chính Madelon, với sự cuồng nhiệt hơn, lại bắt đầu màn kịch than vãn của cô với Robinson. Bây giờ cô cất cao giọng và liên thoảng đặt ra cho hẳn những câu hỏi về sự triu mến và lòng chung thủy của cô. Sophie và tôi, hai đứa bối rối hết mức. Nhưng cô ta thì, ngược lại, lại tỏ ra không cần biết chúng tôi có nghe hay không. Tất nhiên, về phần tôi, càng thấy thật chẳng khôn ngoan chút nào, lại nhốt chung cô ấy vào cùng một rọ với mình, bản chất cô ta đã thế, việc đó chỉ gây thêm sự cộng hưởng và tạo cho cô sự thèm khát làm to chuyện với chúng tôi. Lại còn cái sáng kiến của tôi kéo nhau đi chung taxi mới càng hay ho làm sao!...

Còn Léon, hẳn chẳng phản ứng gì nữa. Trước hết, do mỗi một bởi suốt buổi vừa trải qua với nhau, hơn nữa hẳn luôn luôn thiếu ngủ, căn bệnh vốn có của hẳn.

Tôi cũng cứ tìm cách gợi ý với Madelon: “Bình tĩnh lại đi nào, để về nhà rồi cô với cậu ta tha hồ mà phát biểu với nhau. Còn khối thời giờ!...

- Về nhà! về nhà! cô trả lời tôi bằng một giọng không thể tưởng tượng được. Về nhà nào? Tôi nói cho anh biết, chúng tôi sẽ chẳng bao giờ về cả!...

Trước hết là tôi đã chán ngấy tất cả những cung cách bẩn thỉu của anh! cô nói tiếp, tôi là một đứa con gái sạch sẽ!... Tôi còn giá trị hơn tất cả các người hợp lại! Một lũ lợn... các người hoài công mà bỏ được tôi vào rọ... Các người không xứng đáng để hiểu được tôi đâu!... Các người còn quá thối nát hơn cả các người tưởng!... Tất cả những gì là sạch sẽ, là đẹp đẽ, các người không còn hiểu được đâu!...

Tóm lại là cô ta cứ như thế đánh vào lòng tự ái của chúng tôi, còn tôi thì cố ra sức mà lấy hết gân cốt, giữ cho mình ngồi thật vững trên chiếc ghế phụ, nín thinh không dám thốt ra đến một tiếng thở dài để khỏi kích động cô ta thêm, thì cũng vô ích. Cô ta cứ như bị ma ám, mỗi lần xe đổi tốc độ thì lại càng nổi cáu. Bây giờ chỉ cần một chuyện chẳng đâu vào đâu cũng có thể làm cho tình hình tồi tệ hơn, và hình như chỉ cần làm cho chúng tôi phải khốn khổ là cô ta thích thú rồi, cô không còn kìm giữ nổi bản thân để trôi tuột đến tận cùng cái bản chất của mình. Cô vẫn tiếp tục đe dọa chúng tôi:

- Mà các người đừng tưởng rằng sự việc sẽ chỉ có thế đâu! Các người tưởng có thể rũ bỏ con bé này êm ru chẳng? Chà! không đâu! Bởi thế mà tôi nói ngay cho các người biết điều đó! Không, chớ có tưởng là sự việc sẽ như các người muốn đâu! Các người là đồ đê tiện hết cả... Các người đã gây cho tôi nỗi bất hạnh này! Tôi sẽ làm cho các người tỉnh ra rằng các người đáng ghê tởm hơn ai hết!...

Thế là cô ta cúi xuống túm lấy áo ba đờ xuy của Robinson và bắt đầu lay lay để cả hai tay. Hẳn không nhúc nhích để gỡ tay cô ra. Tôi cũng không can. Thậm chí chúng tôi thấy như việc đó làm cho Robinson khoái chí, thấy cô ta càng bị kích động hơn vì chuyện của mình. Hẳn cười khẩy, thật là không tự nhiên, trong khi cô ta mắng nhiếc như thế thì hẳn lắc la lắc lư như một con rối trên chiếc ghế, mũi quặp xuống, cổ mềm nhũn ra.

Tôi đang định dù sao mình cũng phải can ngăn đôi chút những trò thô lỗ này thì cũng là lúc cô ta chơi tôi ngay một vố... Cô nói toạc luôn ra cái bấy lâu cô giữ trong bụng... Có thể nói là đến lượt tôi đây, và trước mặt mọi người. Cô ta nói với tôi thế này:

-Này anh, cứ ngồi yên đấy, đồ dê cụt! Việc giữa tôi với Léon không quan hệ gì đến anh! Những thói thô bạo của ngài, tôi không chịu được nữa đâu! Có nghe rõ không? Hử? Tôi không chịu được nữa! Nếu anh còn một lần nữa thượng cẳng tay lên với tôi, thì Madelon này sẽ dạy cho anh biết phải ăn ở thế nào trên đời này!... Cầm sừng lên đầu bạn rồi sau đó lại còn đánh vợ bạn!.. Quân xỏ lá! Anh không biết xấu hổ à?

Robinson nghe được những sự thật đó, như hơi chột tỉnh. Hắn không cười khẩy nữa. Trong giây lát, tôi tự hỏi thầm, liệu chúng tôi có thể gây gổ, chơi nhau một trận như tử ngay đây không, nhưng với bốn người chen chúc trong khoang taxi, hẳn không đủ chỗ để mà đánh nhau. Chật chội quá. Tôi vững dạ.

Nhất là lúc này xe chạy mau hơn trên những con đường lớn bên sông Seine, và lắc mạnh quá, giá có muốn cử động cũng khó... Cô ta ra lệnh cho Robinson:

-Nào, Léon! Tôi yêu cầu anh lần cuối cùng, đi thôi nào! Đi thôi, anh có nghe thấy không? Để mặc xác họ! Anh có nghe tôi nói không?

Giờ trò thật rồi đây.

-Léon, anh bảo dừng xe lại đi! Anh có bảo không hay là để tôi phải bảo dừng lại!

Nhưng Robinson vẫn không nhúc nhích, như bị gắn chặt vào chiếc ghế.

-Thế là anh không muốn đi chứ gì? Cô ta lại bắt đầu, anh không muốn đi hử?

Cô ta đã đe trước rằng tốt nhất là tôi cứ ngồi yên đó. Tôi cũng kiệt lực rồi.

-Anh không đi phải không? cô hỏi lại hắn lần nữa.

Chiếc taxi càng chạy nhanh, lúc này phía trước đường quang, và chúng tôi càng bị đảo loạn lên. Y như các kiện hàng lắc hết bên nọ sang bên kia. Vì hắn không trả lời thì cô kết luận:

-Được! Càng tốt! Càng hay! Chính anh đã muốn thế! Ngày mai! Anh có nghe không, không chậm hơn ngày mai đâu, tôi sẽ đến gặp ông chánh cấm, tôi sẽ nói cho ông ấy biết, bà cụ Henrouille đã bị ngã cầu thang như thế nào! Bây giờ thì anh nghe được tôi nói gì chứ, Léon?... Anh có bằng lòng thế

không?... Anh giả bộ điếc à? Hoặc anh đi với tôi ngay bây giờ, hay anh muốn sáng mai tôi sẽ đi gặp ông chánh cấm?... Thế nào, anh muốn đi hay không thì bảo!...

Thật là một lời đe dọa thẳng thừng. Lúc đó hăn dù sao thì cũng quyết định trả lời cô ta đôi chút:

-Này em, thì lúc ấy em cũng có dính vào đấy mà... Em còn nói gì nữa...

Nghe hăn trả lời như vậy, cô càng không dụ đi mà ngược lại:

-Tôi chẳng cần quái gì cả! Dính vào đó! Anh muốn nói rằng đi tù thì tù cả hai chứ gì?... Rằng tôi đồng lõa với anh chứ gì?... Có phải anh muốn nói thế không?... Mà tôi cũng chẳng đòi hỏi gì hơn!...

Và thế là cô bắt đầu cười khẩy như một kẻ cuồng loạn, như thế cô chưa bao giờ được vui thú hơn thế...

-Này tôi nói lại cho anh biết, tôi không yêu cầu gì hơn đâu! Tôi nói cho anh biết, đi tù thì tôi càng thích!... Đừng tưởng rằng tôi sẽ xì hơi vì cái nhà tù của anh đâu!... Tôi sẽ đi đâu mà người ta muốn, vào tù cũng được! Nhưng cả anh nữa, anh cũng phải vào đó chứ, đồ độc ác?... ít ra thì cũng còn lâu anh mới dứt bỏ được tôi!... Tôi là của anh, thế đấy! Nhưng anh là của tôi! Anh sẽ phải sống với tôi ở đó! Thưa ngài, tôi chỉ có một tình yêu thôi! Tôi không phải là một con đi!

Nói lên điều đó, cô ta cũng đồng thời thách thức cả chúng tôi, tôi và Sophie nữa. Cô muốn nói lên lòng chung thủy và sự đánh giá đúng đắn.

Tuy nhiên, xe vẫn tiếp tục chạy và hăn vẫn không có ý dừng xe lại.

-Vậy là anh không muốn đi? Anh thích đi tù phải không? Được!... Anh để kệ tôi đi tố giác chứ gì?... Anh mặc kệ tình yêu của tôi chứ gì?... Anh cũng mặc kệ phải không?... Và anh mặc kệ cả tương lai của tôi nữa ư?... Trước hết anh mặc kệ tất cả anh nữa phải không? Anh nói đi?

-Phải, với một nghĩa nào đó - hăn trả lời - Em có lý... Nhưng không phải với em hay một ai khác mà anh mặc kệ muốn ra sao thì ra... Nhất là đừng coi đó là một lời riếc móc!. Xét cho cùng thì em rất tử tế... Nhưng anh không còn khao khát tình yêu nữa. Nó làm anh chán ngấy rồi!...

Cô không chờ đợi người ta lại nói thẳng vào mặt mình như thế, và càng ngỡ ngàng không còn biết tiếp tục thế nào cuộc cãi cọ mà mình đã bắt đầu. Cô khá chững hờn nhưng rồi cũng trấn tĩnh được ngay.

-Chà, nó làm anh chán ngấy!... Anh muốn nói nó chán ngấy thế nào? Nói rõ ra đi, đồ bội bạc bản thiêu...

-Không, không phải anh muốn nói em đâu, mà anh chán ngấy tất cả! hăn trả lời. Anh không còn thiết gì... Đừng trách anh điều đó...

-Sao, anh nói sao? Nhắc lại xem nào?... Tôi và tất cả là thế nào? - cô muốn tìm hiểu - Tôi và tất cả, anh hãy nói rõ xem nào? Như thế nghĩa là làm sao?... Tôi và tất cả?... Đừng có nói như nói tiếng Tàu!... Hãy nói điều đó bằng tiếng Pháp, trước mặt mọi người đây này, tại sao bây giờ anh lại chán ngấy tôi ? Anh không còn được khoái như những đứa khác à, nói đi thẳng khốn nạn, làm tình với tao không còn khoái nữa à?... Mà có dám nói cái đó ở đây không?... Có dám nói trước mặt mọi người rằng mày không khoái không?...

Mặc dầu cô ta hung dữ như vậy, nhưng cách tự bảo vệ và những nhận xét ấy của cô vẫn khiến mọi người phải bật cười. Nhưng tôi cũng không cười được lâu, bởi vì cô lại tiếp tục chĩa mũi nhọn vào tôi:

-Còn hăn kia kìa, lần nào vớ được tao ở trong cái xó ấy mà hăn chẳng khoái! Thằng đểu cáng ấy! Thằng chuyên môn sờ mó gái ấy, liệu có dám nói trái điều tao nói không?... Các người nói đi, nói tất cả những gì các người muốn thay đổi đi!... Thú thật đi!.. Rằng các người muốn cái mới hơn... Muốn một cuộc truy hoan cơ!... Muốn gái tân cơ!... Tại sao lại không có gái tân?... Thật là một lũ đồi bại! Đồ con lợn! Tại sao các người còn cố tìm nguyên cớ?... Các người chỉ là một lũ chán chường, thế thôi! Chẳng qua các người không còn can đảm làm chuyện đồi bại nữa thôi!

Và thế là chính Robinson nhận lấy trách nhiệm trả lời. Hăn cũng lên giọng, hăn cũng gào to như cô ta. Hăn trả lời:

- Có chứ! Tôi cũng có can đảm chứ! và chắc chắn là cũng ngang với cô đấy!... Chỉ có điều là liệu cô có muốn biết tất cả về tôi không... Tất tần tật... Vậy thì thế này nhé, bây giờ đây tất cả đối với tôi đều là ghê tởm, đều là chán

ngấy! Không phải chỉ mình cô đâu!... Tất cả! Nhất là tình yêu!... Tình yêu của cô cũng như của những người khác... Những trò tình cảm mà cô dùng nhằm cột tôi lại với cô, chỉ gây cho tôi cái cảm giác của những lời chửi rửa, nếu cô muốn biết... Chính cô cũng không ngờ lại như thế đâu, bởi vì chính cô là một con đáng tởm mà cô không tự biết đấy thôi... Và cô cũng không ngờ được rằng chính cô là một đứa đáng ghét!... Chỉ bằng ấy cũng đủ cho cô nhai lại những lời độc địa của những kẻ khác... Cô coi chuyện ấy là bình thường... Cái đó là đủ cho cô rồi, vì chúng nó nói với cô rằng không có gì hơn là ái tình và ái tình cho tất cả mọi người, tất cả mọi lúc... Thế thì tôi ỉa vào cái thứ ái tình chung chạ ấy của chúng nó! Cô nghe tôi nói chứ? Cái đó không tấn công được tôi nữa đâu, cô gái ơi... cái thứ ái tình ghê tởm của chúng nó!... Cô rơi không đúng chỗ rồi!... Cô đến quá trễ rồi! Không cần câu nữa đâu, tất cả là thế đó!... Và chính vì thế mà cô giận hờn đấy!... Liệu cô vẫn cứ làm tình mặc cho tất cả những gì xảy ra quanh cô chứ?... Mặc cho tất cả người ta nhìn thấy chứ?... Hay là cô không thấy ở đó cái gì cả?... Tôi nghĩ rằng có lẽ cô mặc kệ thì đúng hơn!... Cô làm ra vẻ con người tình cảm trong khi cô ta là một đứa tàn ác hơn ai hết... Cô muốn học thật thôi à? Với thứ nước xốt âu yếm của cô chứ gì?... Nuốt trôi chứ?... Tôi thì không đâu!... Nếu cô không nghĩ thấy thì càng hay cho cô! Vì cô tịt mũi rồi! Trừ phi tất cả các người đã u mê thì mới không thấy cái đó là đáng tởm... Cô muốn biết có điều gì giữa tôi với cô à?... Vậy thì, giữa cô với tôi, có cả cuộc đời... Như thế chưa đủ với cô chăng?

-Nhưng nhà tôi sạch sẽ, cô cãi lại... Chúng tôi có thể nghèo nhưng vẫn giữ cho sạch đấy, anh hiểu không? Anh thấy nhà tôi không sạch lúc nào? Có phải anh muốn chửi tôi vì thế không? Cái dít tôi cũng sạch đấy, thưa ngài! Có lẽ ngài không còn nói được gì hơn nữa!... Cả hai chân ngài cũng không còn nhúc nhích được hơn nữa!

-Nhưng mà, Madelon ơi, tôi không nói thế bao giờ! Tôi chẳng nói gì thế cả!... Tôi lại nói rằng nhà cô không sạch sẽ ư?... Thật là cô không hiểu gì cả!

Đó là tất cả những gì hẩn tìm ra được để trả lời nhằm cho cô ta dịu bớt.

- Vậy là mày chối rằng mày chẳng nói gì cả, phải không? Mày không nói

gì sao? Các người nghe nó nói thế đấy, chửi rửa, vùi tôi xuống tận đất đen, rồi bây giờ lại còn chối rằng không nói gì cả! Phải giết chết đi để nó khỏi nói dối hơn nữa! Một con lợn như thế này thì nhà tù không đủ với nó đâu! Một thằng ma cô bắn thối thối rửa!... Nhà tù không đủ đâu!... Với nó phải là đoạn đầu dài!

Cô không còn muốn ai xoa dịu nữa. Trong taxi, chúng tôi không còn nghe rõ được họ cãi lộn với nhau ra sao. Chỉ thấy tiếng gào thét của họ lẫn vào tiếng động cơ của chiếc xe lăn bánh rào rào trong mưa, trong gió, vỗ từng cơn vào cửa xe. Cô luôn mồm lặp đi lặp lại: “Đồ ghê tởm!” Và cô cũng không nói được cái gì khác... “Đồ ghê tởm!” Rồi cô cố làm cho to chuyện: “Nào, có đi không? Léon, đi chứ? Một, đi không?... Hai?” Cô đợi, “Ba?, ... Vậy là không đi?... - Không! hăn trả lời, không nhích một ly lại còn nói thêm: Tùy cô, muốn làm gì thì làm!” Đó là câu trả lời.

Cô ta lúi sâu thêm vào trong chiếc ghế. Cả hai tay lăm lăm khẩu súng lục, cô nổ một phát trúng thẳng vào bụng hăn rồi tiếp luôn hai phát liên nữa, hai phát như thế.. Khói súng sặc đầy xe.

Xe vẫn chạy. Robinson nẩy người lên từng cơn giật, ngã nghiêng lên người tôi, mồm lúng búng. “Hấp! hấp!” Hăn rên rĩ liên hồi “Hấp hấp!”. Người lái xe chắc chắn đã nghe thấy. Anh ta cho xe chạy chậm lại một chút để hiểu xem chuyện gì. Rồi đổ hăn lại dưới một ngọn lửa ga.

Anh lái xe vừa mở cửa, Madelon liền gạt mạnh anh ta ra và phóng ra ngoài. Cô ta lao vọt qua ụ đất bên đường, chạy biến vào cánh đồng tối om lầy bùn. Tôi hoài hơi gọi, cô đã chạy xa rồi.

Tôi không còn biết giải quyết ra sao với người bị thương. Đưa hăn trở lại Paris có lẽ là thực tế hơn... Nhưng chúng tôi không còn xa nhà là mấy... Người quanh đó sẽ không hiểu được sự việc ra sao... Tôi đành cùng Sophie đặt hăn nằm giữa mấy cái áo ba đờ xuy và ngay cái góc Madelon vừa ngồi bắn. Tôi bảo anh lái xe: “Từ từ!” Nhưng anh ta càng cho xe chạy mau hơn, anh ta đang vội. Xe xóc trên các ổ gà càng làm cho Robinson rên rĩ. Xe đến trước cửa nhà, anh lái xe không muốn cả việc cho chúng tôi biết tên, anh ta lo

phải dính vào những chuyện rắc rối khiến cho cảnh sát để ý theo dõi, rồi lại phải làm chứng lời thôi... Mặc dầu anh ta biết rằng còn những vết máu dây trên đệm xe. Nhưng cũng cứ đi luôn không nán lại thêm nữa. Tuy thế tôi cũng kịp ghi được số xe.

Robinson bị hai phát đạn vào bụng, cũng có thể là ba, tôi chưa biết ngay đích xác.

Cô ta bắn thẳng ngay trước mặt, cái đó thì tôi đã thấy. Các vết thương không chảy máu nữa. Mặc dầu tôi và Sophie ôm giữ, nhưng bắn cứ nẩy người lên bắn bật, lắc đầu rất dữ. Hắn thều thào, khó mà biết được hắn nói gì. Mê sảng rồi đây. Hắn tiếp tục lẩm nhẩm: “Hấp! hấp!” Hắn có lẽ còn đủ thì giờ để chết khi chúng tôi đưa được vào nhà.

Đường phố mới sửa lại. Vừa đến hàng rào, tôi nhờ ngay bà thường trực chạy mau đi tìm Parapine ở trên phòng. Ông ta xuống liền, và nhờ có ông cùng một anh y tá, chúng tôi đưa được Robinson vào tận giường. Cởi quần áo hắn ra, chúng tôi mới có thể khám và sờ nắn thành bụng. Mấy ngón tay tôi sờ nắn, thấy rõ thành bụng đã rất căng, da bụng nhiều chỗ đã xỉn lại. Tôi đã tìm ra hai lỗ đạn nằm trên dưới nhau, lỗ thứ ba không thấy, có lẽ đạn đã lạc.

Ở vào trường hợp như Robinson, thì tôi mong được chảy máu trong ổ bụng, chết nhanh hơn. Máu tràn đầy phúc mạc thì khỏi phải nói nữa. Còn như chỉ bị viêm phúc mạc, tức là có triển vọng chỉ bị ô nhiễm thì đau đớn sẽ còn kéo dài.

Chúng tôi hỏi nhau xem sẽ còn có thể làm gì để kết thúc được. Bụng hắn đã trương phình lên, Robinson nhìn chúng tôi chờ đợi rồi, hắn rên rỉ nhưng không nhiều lắm. Như đã yên yên. Tôi đã từng thấy hắn ốm đau, trong nhiều trường hợp khác nhau, nhưng lần này thì hoàn toàn khác hẳn, ở những tiếng thở dài, ở đôi con mắt và ở tất cả. Có thể nói là không còn cứu được nữa, hắn đang từng phút ra đi. Mồ hôi toát ra thành những giọt lớn ướt đầm đầy mặt như khóc. Trong những lúc này tôi quả là hơi khó chịu lúng túng thấy rằng mình lại nghèo và khổ đến thế. Thiếu thốn đủ mọi thứ cần có để giúp đỡ anh em lúc lâm chung. Ta chỉ có những thứ có ích cho cái sống hàng ngày, cái

sống tiện nghi, cái sống cho bản thân mà thôi, thật là độc địa. Ta đã đánh mất lòng tin trên dọc đường. Còn lại chút tình thương người thì ta đã xua đuổi, xáo trộn nó xuống tận cùng cơ thể như một viên tròn bắn thiu. Ta đã đẩy nó xuống tận cuối đại tràng lẫn vào với cứt. Tự nhủ mình rằng nó vẫn còn đó.

Và tôi đứng đó, trước mặt Robinson, để mà thương hại và cũng để thấy rằng chưa bao giờ mình lại lúng túng đến thế. Tôi không còn vươn lên được nữa... Hắn không nhìn thấy tôi... Hắn đang khốn khổ... Hắn phải tìm một Ferdinand khác thôi, thật lớn hơn tôi, tất nhiên, để mà chết, để giúp hắn chết mau hơn, nhẹ nhàng hơn. Hắn cố tìm hiểu xem họa may trên thế gian này đã có được những tiến bộ nào chẳng. Hắn, kẻ đại khốn khổ ấy, đang tự vấn lương tâm... Lúc hắn còn sống, phải chẳng đã có ít nhiều thay đổi trong con người ta, theo chiều hướng tốt, và có khi nào hắn đã lỡ đối xử không công bằng với họ không... Nhưng chỉ có tôi, đúng là tôi, một mình tôi, ở liền cạnh hắn, một Ferdinand đích thực, người mà hắn trông mong có thể cho hắn cái gì đó để làm nên một con người lớn hơn cuộc đời tầm thường của hắn, tức là tình thương yêu đối với mọi người. Về tình thương yêu ấy thì tôi không có hay đúng hơn là có quá ít không đáng kể. Tôi không lớn được như cái chết. Tôi thật quá nhỏ bé. Tôi không có được ý niệm to tát gì về con người. Tôi nghĩ rằng có lẽ tôi còn dễ cảm thấy đau buồn trước cái chết của một con chó hơn là đối với Robinson, bởi vì con chó không đến nỗi hiểm độc, còn hắn thì dù sao cũng hơi thâm hiểm. Tôi cũng thế, cũng thâm hiểm, chúng ta đều là những kẻ thâm hiểm... Tất cả cái gì còn lại đều đã rơi trên dọc đường rồi, cả những cái nhón nhỏ có thể dùng bên cạnh người hấp hối thì tôi cũng đánh rơi mất rồi, tôi đã đánh mất tất cả trên dọc đường rồi, tôi chẳng tìm lại được cái gì cần có để mà chết, chỉ toàn những mảnh khé ác độc thôi. Tình cảm của tôi cũng giống như ngôi nhà người ta chỉ đến vào mùa nghỉ. Chẳng ở được bao nhiêu. Và lại cũng cần nhớ rằng người hấp hối là khó tính đấy. Hấp hối thôi không đủ đâu. Trong lúc hấp hối người ta vẫn đòi hưởng lạc, cùng với những cái nắc cuối cùng vẫn phải hưởng lạc, với lượng u rê đầy ứ các động mạch.

Những người sắp chết còn khóc than bởi vì họ chưa hưởng được đủ khoái lạc... Họ đòi hỏi... Họ phản đối. Đó là tấn hài kịch của người bất hạnh đang tìm cách chuyển từ cái sống sang cái chết.

Hắn đã hơi tỉnh lại sau khi được Parapine tiêm cho một liều moócphin. Thậm chí còn kể lại nhiều chuyện xung quanh vụ việc vừa xảy ra.

- Kết thúc như thế mà lại hay... hắn nói. Cũng không đau lắm như tôi tưởng.

Khi Parapine hỏi hắn chỗ đau chính xác là đâu, thì chúng tôi thấy rõ hắn đã hơi đi rồi, nhưng vẫn còn cố gượng để nói với chúng tôi vài lời... Sức tàn lực tận rồi. Hắn khóc, hắn nghẹn ngào và hắn lại cười liền ngay đó. Quả không phải là một người bệnh bình thường, chúng tôi không còn biết đứng ngồi ra sao trước mặt hắn.

Cứ như là chính hắn lúc này đang cố giúp cho chúng tôi sống. Cứ như là hắn đã tìm được cho tôi những lạc thú để tồn tại. Hắn chìa tay nắm tay chúng tôi, mỗi người một tay. Tôi ôm hôn hắn. Trong những trường hợp ấy, chỉ còn có thể làm như thế mà không sợ sai lầm. Chúng tôi chờ đợi. Hắn không nói gì nữa. Một lúc sau, có lẽ chỉ một tiếng đồng hồ, không hơn, bắt đầu cơn xuất huyết có tính quyết định, máu chảy rất nhiều, chảy bên trong, chảy dồn dập. Cơn xuất huyết đã đưa hắn đi.

- Tim hắn bắt đầu đập càng lúc càng nhanh, rồi thật là nhanh. Trái tim cố đuổi theo dòng máu đã cạn dần, nhỏ lại dần ở cuối các động mạch, run rẩy trên các đầu ngón tay. Màu xanh tái đã lên đến cổ rồi lên khắp mặt. Hắn đã tắt thở. Hai cánh tay ôm chặt chúng tôi như để lấy đà cho cuộc ra đi.

Rồi, hầu như ngay lập tức, hắn lại trở lại đó, trước mặt chúng tôi, co quắp, như đang nhận lấy tất cả trọng lượng của cái chết.

Chúng tôi đứng dậy, gỡ tay hắn ra. Hai bàn tay đã cứng đờ, giơ lên giữa khoảng không, vàng vọt, tím tái dưới ánh đèn.

Trong căn phòng, lúc này Robinson như người xa lạ từ một sử sở tàn khốc nào đó và người ta không còn dám nói năng gì với hắn nữa.

Parapine vẫn tỉnh táo. Ông tìm được cách phái người đến kiểm ai đó ở sở cảnh sát. Gặp đúng Gustave, anh chàng Gustave của chúng ta, đang nghỉ giải lao sau phiên điều khiển giao thông.

Vừa bước chân vào căn phòng và thấy rõ sự tình, anh ta nói luôn: “Chà, lại chuyện chẳng lành đây!”

Rồi anh ta ngồi xuống bên cạnh đó để thở một chút và cũng là để uống gỡ một cốc trên bàn ăn của đám y tá vẫn còn chưa dọn. “Vì đây là án mạng, tốt nhất ta phải đưa đến đồn cảnh sát” anh ta đề nghị thế và còn nhận xét: “Robinson là một anh chàng tử tế, có lẽ không làm đau đến cả con ruồi. Tôi tự hỏi vì sao mà con bé ấy lại giết cậu ta?...” Rồi anh ta uống tiếp. Lẽ ra anh ta không nên uống thêm, vì tửu lượng kém lắm. Nhưng anh ta vẫn thèm cái chai ấy. Đó là nhược điểm của anh ta.

Tôi cùng với anh ta lên gác kiểm cái cáng ở trong kho. Lúc này đêm đã rất khuya, chúng tôi không muốn làm phiền các nhân viên, nên đã bảo nhau tự khiêng cái xác đến đồn cảnh sát. Đồn ở xa tí bên kia khu phố, sau chỗ chắn tàu, ngôi nhà sau cùng.

Cứ thế chúng tôi cùng nhau lên đường. Parapine khiêng một đầu cáng. Gustave Mandamour khiêng một đầu. Có điều là cả hai đi không thẳng hàng. Sophie phải hướng dẫn họ một chút để xuống cái cầu thang nhỏ. Tôi để ý thấy lúc này Sophie không có vẻ gì xúc động cho lắm. Mặc dầu sự việc diễn ra ngay bên cô, gần sát đến mức có thể bị ăn đạn của cô gái điên kia. Nhưng với Sophie, tôi đã nhận thấy trong nhiều trường hợp khác cũng vậy, phải một lúc sau có chăng cô mới xúc động. Không phải cô là con người lạnh lùng, mà do sự việc xảy ra như một cơn bão mạnh đổ ập xuống cô, phải có thời gian cho cô định thần.

Tôi muốn đi theo họ một quãng nữa cùng với cái xác, để thật tin chắc rằng thế là đã kết thúc hoàn toàn rồi. Nhưng đáng lẽ phải bám sát họ cùng với cái cáng thì tôi lại bước thất thểu hết sang trái lại sang phải suốt con đường dài

và cuối cùng, khi qua ngôi trường lớn bên cạnh chỗ chôn tàu, tôi lủi ngay vào con đường nhỏ đi xuôi giữa các hàng rào rồi tuột dốc thẳng xuống sông Seine.

Ngó lên trên các bờ rào tôi còn thấy họ xa dần với cái cáng, họ đi như bị ngợp giữa những dải sương mù thắt chặt dần lại phía sau. Ngoài bến, nước xô mạnh vào những chiếc sà lan tụ lại với nhau để phòng chống cơn lũ. Những luồng gió lạnh từ phía đồng bằng Gennevilliers thổi tới, phủ lên những xoáy nước làm cho mặt sông lấp loáng giữa những nhịp cầu.

Tít tắp đằng xa kia là biển. Nhưng lúc này tôi chẳng còn gì để mà tưởng tượng đến biển. Tôi đang phải làm cái khác. Tôi đã cố tìm cách lưu lạc biệt tăm để khỏi phải đối mặt với cuộc đời nhưng chỉ hoài công, vì chỗ nào cũng thấy nó một cách thật là đơn giản. Tôi lại trở về với bản thân mình. Lưu lạc giang hồ với hành trang khệ nệ thế là xong đứt đi rồi. Nói gì với ai thì nói, chứ với tôi thì không còn tin nữa đâu!... Thế gian đã khép lại!... Chúng ta đã đến tận cùng rồi!... Vui như hội!... Buồn phiền chưa phải đã xong cả, còn phải nổi đàn địch lên nữa, tìm kiếm thêm buồn phiền hơn nữa... Nhưng tôi không tin đâu!... Họ nhằm đòi lại tuổi thanh xuân mà không tỏ bộ ra đấy thôi... Không biết ngượng!... Trước hết tôi không còn sẵn sàng để chịu đựng, hơn nữa!... Trong lúc tôi cũng chẳng xa gì hơn Robinson trong cuộc sống!... Rút cục thì tôi cũng chẳng thành công. Tôi chẳng đạt được một ý niệm nào thật vững chắc như hẳn đã có để mà thức tỉnh lấy mình. Một ý niệm lớn hơn cái đầu to của tôi, lớn hơn tất cả nỗi sợ hãi chứa chất trong đó, một ý niệm hay, tuyệt diệu và thật đơn giản để mà chết... Phải bao nhiêu cuộc đời mới đủ cho tôi để có được một ý niệm mạnh hơn tất cả thế gian này? Thật không thể nào nói được! Đã hỏng mất rồi! Những ý niệm của tôi có thể là đang nhờn nhờ trong cái đầu trống rỗng, giống như những ngọn nến nhỏ không lấy gì làm sáng sủa, suốt đời chỉ lập lòe giữa một thế giới tối tẻ đến là kinh khủng.

Cái đó có thể khá hơn là hai mươi năm về trước, không thể nói rằng tôi không có được những bước tiến đầu tiên, à mà cũng không thể nhận định rằng tôi, cũng giống như Robinson, không bao giờ đạt được việc chứa vào

đầu mình một ý niệm duy nhất, một tư tưởng tuyệt vời hoàn toàn mạnh hơn cái chết và, chỉ bằng cái ý niệm đó, tôi có thể đạt tới việc rỉ rớt ra khắp nơi những là lạc thú, vô tư và lòng can đảm. Một người hùng tràn trề.

Thế là có lẽ tôi sẽ có tràn đầy lòng can đảm. Tôi sẽ có thể vãi can đảm ra khắp nơi và cuộc sống có lẽ sẽ chỉ còn là một ý niệm đầy đủ về lòng can đảm thúc đẩy tất cả mọi người và mọi vật tiến bước từ Trái Đất lên tận Trời Xanh. Thêm vào thời cơ ấy, tình yêu của người ta có lẽ sẽ dồi dào biết mấy, đến mức Thần Chết cũng chịu nằm yên trong đó với sự thích thú; và trong sự thoải mái, ẩm cúng lão khốn nạn ấy cũng hưởng lạc, cuối cùng rồi lão có lẽ cũng sẽ vui vẻ với ái tình, cùng với mọi người. Có lẽ đó sẽ là cái đẹp! Sẽ là cái thành công! Tôi đứng cười một mình trên bến, nghĩ đến tất cả những mảnh lời và thủ đoạn phải thực hiện để có thể bơm phồng vào người mình những ý định vô tận ấy... Đích thực một con ếch ương lý tưởng. Chung quy chỉ là một cơn nóng đầu.

Đã một giờ là ít, các bạn bỏ đi tìm tôi! Nhất là họ biết rõ lúc rời bỏ họ tôi không vui vẻ gì... Chính Gustave Mandamour là người đầu tiên thấy tôi ở dưới một ngọn đèn ga.

- Ồi bác sĩ ời! anh ta gọi tôi, có thể nói là anh ta có cái giọng rất lạ kỳ. Lại đây nào! Ông chánh cầm đang yêu cầu gặp bác sĩ! Để lấy lời khai của bác sĩ đây!

Anh ta dẫn tôi, anh còn đỡ cho tôi đi. Anh ta rất quý tôi. Tôi không trách cứ anh ta bao giờ về chuyện uống rượu. Tôi thông cảm hết với anh ấy. Trong khi Parapine rất nghiêm khắc, đôi lúc làm cho anh ta phải xấu hổ vì chuyện rượu. Có thể là anh ta đã giúp tôi khá nhiều việc. Thậm chí còn thán phục tôi nữa. Anh ta đã nói với tôi như thế. Anh ta không hiểu vì sao. Tôi cũng thế. Nhưng anh ta phục tôi là người duy nhất.

Chúng tôi đi với nhau vòng qua mấy dãy phố, đến nơi có chiếc đèn treo của đồn cảnh sát. Không còn lạc đi đâu được nữa. Chính bản báo cáo khiến cho Gustave phải loay hoay mãi. Anh ta không dám nói với tôi chuyện ấy. Anh ta đã đưa cho nhiều người ký tên vào đó nhưng bản báo cáo vẫn còn

thiếu nhiều thứ.

Đầu anh ta cũng to bằng cỡ đầu tôi. Tôi đội mũ của anh ta cũng vừa. Kể thì nói thế là đủ rồi, nhưng anh ta dễ dàng bỏ sót những chi tiết. Có phải dễ mà có ý kiến ngay đâu, anh ta phải khó nhọc lắm mới diễn đạt được mà viết ra lại càng khó. Có lẽ Parapine đã giúp anh ta soạn thảo, nhưng ngay cả Parapine cũng có thấy gì đâu những diễn biến của thảm họa ấy. Thế là ông ta phải bịa ra mà viên chánh cầm thì không muốn ai bịa vào báo cáo, như ông ta nói, ông ta chỉ muốn có sự thật thôi.

Bước lên cầu thang nhỏ của đồn cảnh sát mà tôi run cầm cập. Tôi cũng không thể kể lại cho ông chánh cầm cái gì to tát lắm đâu, quả thật là tôi không thoải mái.

Thi thể Robinson đã được họ đặt nằm đó, trước những dãy hồ sơ lớn của đồn.

Những tờ giấy in khẩu hiệu “Giết hết bọn độc ác đi!” chưa xóa hết, vẫn còn đầy xung quanh các ghế băng và những đầu mẫu thuốc lá vứt vương vãi từ bao giờ. Tôi vừa lên đến nơi thì viên thư ký hỏi rất nhã nhặn:

- Chắc Bác sĩ bị lạc đường?

Ai cũng thăm mệt cả, ai cũng lần lượt lúng túng ít nhiều như nhau cả.

Cuối cùng, nhất trí với nhau về lời lẽ trong báo cáo và các đường đạn bắn, còn cả một viên kẹt trong cột sống. Chưa lấy ra được. Có lẽ đành phải chôn theo thôi. Người ta tìm những viên khác. Có thể là các viên khác đều cắm vào trong xe taxi. Đây là một khẩu súng lục loại mạnh.

Sophie đến tìm chúng tôi, cô vừa đi kiểm chiếc áo ba đờ xuy cho tôi. Cô hôn và ghì chặt tôi vào người, như sợ rằng sắp đến lượt tôi chết hay bay biến đi mất. “Anh không đi đâu cả! tôi ra sức nhắc đi nhắc lại với cô. Anh không đi đâu, nhé Sophie!” Thật khó mà làm cho cô yên lòng.

Xung quanh cái cáng, chúng tôi bắt đầu bàn cãi những chuyện vặt với viên thư ký của ông chánh cầm, một người đã từng thấy nhiều vụ khác, như lời lão ta nói, cả án mạng và không phải án mạng và cả những tai họa bi thảm. Lão còn muốn kể cho chúng tôi nghe luôn các chuyện mình đã kinh qua. Chúng

tôi không nỡ bỏ về vì ngại làm lão giận. Lão tử tế quá. Lão rất khoái chí vì đây là một dịp được nói chuyện với những người có học thức chứ không phải với bọn lưu manh. Thế là, do không muốn méch lòng lão, chúng tôi đã trò chuyện lai rai trong đồn.

Parapine không thể dừng đứng trước những chuyện ấy. Còn Gustave ngồi nghe chúng tôi nói cũng thấy tỉnh ra. Mồm há hốc, cái gáy to bè vươn thẳng ra như anh ta phải kéo một chiếc xe. Quả thật là đã nhiều năm nay, từ thời còn là sinh viên, tôi chưa hề thấy Parapine nhiều lời đến thế. Tất cả những gì xảy ra hôm ấy đã làm cho ông say sưa ngây ngất. Muốn sao thì chúng tôi cũng đành phải ra về.

Chúng tôi đưa Mandamour về cùng, và cả Sophie. Chốc chốc cô lại ôm chầm lấy tôi và người cô tràn đầy sức mạnh của cả lo âu lẫn tình âu yếm, tràn đầy trong tim, trong khắp cả, không chút e lệ. Người tôi như căng thêm sức sống do cô truyền sang. Tôi đâm ra lúng túng, đấy không phải cái sức sống của mình, cái tôi cần là sức sống của chính mình để một ngày nào đó sẽ được chết thật tài tình, như Robinson. Tôi không có thì giờ để phí phạm vào những trò giả dối. Bắt tay vào việc thôi! tôi tự nhủ. Nhưng không được!

Cô không muốn ngay cả việc tôi quay lại để nhìn cái xác ấy một lần nữa. Vậy là tôi đi mà không quay lại. “Đóng cửa lại!”, tấm biển viết thế rồi. Parapine vẫn còn khát. Có lẽ do nói, nói quá nhiều đối với ông. Đi qua một quán giải khát bên bờ sông đào, chúng tôi gõ một lúc khá lâu vào cánh cửa chớp. Cảnh vật làm tôi nhớ lại con đường ở thị xã Noireur hồi đang chiến tranh ^[150*]. Cũng một ánh lửa le lói trên khung cửa sắt sàng tắt ngóm. Rồi thì chủ quán cũng đích thân ra mở cửa cho chúng tôi. Lão chưa hay biết gì về những việc vừa xảy ra. Chính chúng tôi kể kết cho lão nghe và cả những tin về tấm thảm kịch. Gustave gọi đó là “Tấn thảm kịch tình yêu”.

Quán rượu bên sông đào này thường mở cửa trước lúc hừng sáng để đón khách là các thủy thủ. Cửa cổng từ từ mở vào lúc tàn đêm. Rồi tất cả mọi vật đều bình tĩnh và cảnh lao động lại bắt đầu. Các bến sông cũng hiện rõ dần, cũng thức dậy ở hai bên mé nước. Cảnh lao động ló dần từ bóng tối. Ta lại

bắt đầu thấy được tất cả, thật đơn giản, thật khó nhọc.

Chỗ này là những chiếc cần câu, chỗ kia là các hàng giậu rào quanh các công trường, và trên con đường phía xa những con người từ xa hơn nữa đang đi tới. Từng đám nhỏ rét cóng run rẩy lẫn vào buổi sớm u ám mù sương. Nét mặt họ sáng dần lên với ánh bình minh bắt đầu ló rạng. Họ đi xa hơn. Chỉ mới thấy được rõ ở họ những khuôn mặt xanh xao và chất phác, còn lại gì thì vẫn đang chìm trong bóng đêm. Tất nhiên rồi đến một ngày nào đó tất cả những người ấy cũng sẽ chết. Nhưng họ sẽ thực hiện việc ấy thế nào?

Họ đi lên phía cầu. Sau đó, họ khuất dần vào vùng đồng bằng và vẫn có những người khác tiếp tục đến, và mặt trời càng lên cao thì càng thấy rõ những người này lại còn xanh xao hơn. Họ đang nghĩ gì đây?

Trong quán rượu họ muốn biết về thảm họa, về các tình huống, chúng tôi kể lại tất.

Lão chủ quán tên là Vandescal, người miền Bắc, rất sạch sẽ.

Gustave kể hết và hơn thế nữa cho lão.

Anh ta lại nhải về các tình huống, mà cái đó có quan trọng gì đâu; rồi thì câu được câu chăng, vì đã bắt đầu say. Và chỉ đến đó anh ta mới thôi, chẳng còn gì để nói. Tôi cứ lặng lẽ nghe thêm một ít, cho đến lúc anh ta ngủ thiếp đi, thế là mọi người phản đối khiến anh ta nổi cáu.

Giận dữ, anh ta vùng lên đi, va luôn thật mạnh vào cái bếp lò con. Đồ lộn cả lên, cái ống lò, mấy cái ghi sắt và than đổ tung tóe bốc cháy. Mandamour vốn dĩ vạm vỡ, một mình bằng cả bốn người.

Anh ta lại còn định biểu diễn cho mọi người xem điệu vũ Thần Lửa! Bỏ luôn giày, lột luôn tất, nhảy ngay vào đống than hồng.

Họ vốn sẵn bất bình với lão chủ về chuyện lão dùng cái “máy đánh bạc” để ăn gian... Lão là con người xảo trá; phải dè chừng, lúc nào cũng quần áo sạch sẽ bánh bao làm ra vẻ rất lương thiện. Nhưng là một kẻ hiểm thù, một tên chỉ điểm.

Parapine đã ngờ luôn rằng lão chủ quán sẽ lợi dụng việc Mandamour say để đổ vấy mọi việc lên đầu anh ta. Ông ngăn anh ta lại, không để cho nhảy

điệu vũ với Thần Lửa và làm cho anh ta phải xấu hổ. Chúng tôi đẩy anh ta ra tận đầu bàn. Cuối cùng anh ta gục xuống đấy, thật ngoan ngoãn, giữa những tiếng thở dài quá thể và sắc mùi rượu. Anh ta đã ngủ.

Ngoài xa, chiếc tàu kéo đã nổi còi; tiếng còi của nó đã vang qua chiếc cầu, thêm một nhịp, lại một nhịp nữa, đến cống, đến một cái cầu nữa, rồi xa, xa hơn... Nó gọi tất cả những chiếc sà lan trên sông, gọi toàn thành phố, gọi cả bầu trời cả đồng quê, cả chúng ta, nó kéo đi tất, cả sông Seine nữa, tất tật, để người ta không còn nói đến chuyện ấy nữa.

HẾT

ĐÔI NÉT VỀ TÁC GIẢ

¹
*L*ouis Ferdinand CÉLINE (tên thật: Louis - Ferdinand Destouches) vừa là nhà văn vừa là thầy thuốc. Ông sinh ngày 22 tháng Năm năm 1894, tại Courbevoie, một trung tâm công nghiệp ở vùng ngoại ô phía tây - bắc Paris, thủ đô Pháp. Cha ông là Ferdinand Destouches, nguyên quán ở Le Havre, một hải cảng lớn bên bờ biển Manche, làm nhân viên hãng bảo hiểm, và mẹ là Louise Céline Guillou, thợ thêu ren và ít nhiều buôn bán đồ cũ. Ông nội là Auguste Destouches, từng là giáo sư thạc sĩ khoa văn ở Le Havre.

Ông lấy tên bà ngoại, Céline, làm bút danh. Suốt thời niên thiếu, ông sống ở ngõ Choiseul, thuộc quận 2 trung tâm Paris. Học hết tiểu học, phải bỏ dở, để đi học nghề, chủ yếu là bị sai phái chạy hàng. Ông cố gắng tự học lấy bằng tú tài. Phần một đậu ở Paris, trước chiến tranh 1914-1918, và cũng phải đợi hết chiến tranh, mới giành được nốt phần hai ở Bordeaux. Ngay từ năm 1912, Céline đã tình nguyện nhập ngũ, tham gia đơn vị thiết giáp số 12, đóng ở Rambouillet (cũng trong vùng Paris). Năm 1914, bị thương ở vùng Flandres (cực bắc Pháp, tiếp giáp Bỉ), với 75% thương tật. Ông được giải ngũ và sang châu Phi tham gia việc chiếm đóng một thuộc địa cũ của Đức là Cameroun; trở về nước năm 1916, với bệnh sốt rét mạn tính. Năm sau, lại được phái sang Luân Đôn (Anh) làm việc tại lãnh sự quán Pháp. Cũng chỉ một năm thì ông được về nước theo học trường đại học y khoa ở Rennes và Paris; bảo vệ xong luận án năm 1924. Qua năm 1926, ông làm cộng tác viên của Hội Quốc Liên (tiền thân của Liên Hợp Quốc bây giờ) với tư cách một nhà nghiên cứu dịch tễ, phòng chống bệnh sốt vàng và bệnh ngủ; rồi lại sang Mỹ một năm theo một khóa chuyên tu về y tế lao động, làm thầy thuốc ở New York và nhà máy ô tô Ford ở Detroit. Năm 1928, ông trở về Pháp làm thầy thuốc bệnh viện ở Clichy (cũng trong vùng ngoại ô tây-bắc Paris).

Năm 1932, cuốn tiểu thuyết đầu tiên của ông xuất hiện, mang tựa đề *Hành trình đến tận cùng đêm tối*, với bút danh Céline, và được tặng luôn Giải văn

học Théophraste Renaudot ^[151*]. Năm 1936, ông cho ra cuốn thứ hai, *Cái chết bán chịu* (Mort à crédit), rồi *Lỗi tại ta* (Mea Culpa) năm 1937, *Chuyện tào lao cho một cuộc tàn sát* (Bagatelle pout un massacre) và *Trường học cho các thầy ma* (L'école des cadavres) năm 1938. Khi Pháp tuyên chiến với Đức trong Chiến tranh thế giới thứ hai thì Céline đang sống ở Saint Germain-en-Laye (cũng ở ngoại ô tây-bắc). Ông lên đường làm nhiệm vụ thầy thuốc trên tàu *Shella*, chạy trên đường biển Marseille-Casablanca. Tàu của ông đã có lần đụng phải một tàu chiến Anh, hai lần khác suýt đắm ở Gibraltar, rồi lại bị Đức bắn chìm trên đường về. Céline thoát chết về được đến Paris và được phân công liền đến Sartrouville thế chân một thầy thuốc ra mặt trận. Ông đưa bệnh nhân đi sơ tán năm 1940, rồi trở lại Paris phụ trách bệnh viện Bezons, gần nơi bệnh viện cũ. Năm 1941, ông viết cuốn *Những tấm đra đẹp* (Les beaux draps) và năm 1944 viết *Gánh múa rối* (Guignol's Band).

Tuy nhiên, với quan điểm hư vô, yếm thế cực đoan, lại thêm tư tưởng bài Do Thái nặng nề, thể hiện rõ nhất trong những tác phẩm viết cuối những năm 30, và thái độ không rõ ràng trong thời Pháp bị Đức quốc xã chiếm đóng, ông bị coi là một phần tử thân phát xít mặc dầu ông chống chiến tranh. Cuối cùng Céline bỏ trốn sang Đức năm 1944, và bị cầm tù ở Baden-Baden, Sigmaringen rồi ở Đan Mạch trong hai năm 1945-1946, sau đó lại bị quản thúc. Những ngày tháng đen tối này được mô tả trong các cuốn *Từ lâu đài đến lâu đài* (D'un château l'autre), *Phía Bắc* (Nord), *Trúng hồng tâm* (Rigodon).

Năm 1951, Céline được Chính phủ Pháp giải tội và về sống ở Meudon (ngoại ô tây-nam Paris), ốm đau, tàn tạ. Ông tiếp tục hành nghề thầy thuốc để giúp đỡ những người bệnh cũng nghèo khó như ông và viết sách. Trong gần mười năm cuối đời, ông còn viết thêm gần chục tác phẩm, trong đó có bộ ba *Từ lâu đài đến lâu đài - Phía Bắc - Trúng hồng tâm* vừa nêu trên.

Ông mất năm 1961 ở Meudon.

2

Trong năm 1995 mới đây, tờ tuần báo Pháp *L'Evènement du Jeudi* cùng

Đài Phát thanh và Trung tâm văn hóa Pompidou ở Paris đã tổ chức một cuộc trưng cầu ý kiến, có hơn một nghìn người thuộc nhiều tầng lớp xã hội, nhiều giới, nhiều lứa tuổi khác nhau tham gia, để chọn lấy **Mười cuốn sách hay nhất trong văn học Pháp cho thế hệ năm 2000**. Kết quả là, cuốn *Hành trình đến tận cùng đêm tối* được xếp thứ hai, sau cuốn *Đi tìm thời gian đã mất* của Marcel Proust, nhưng đứng trên các tác phẩm xưa nay nổi tiếng của Albert Camus, André Malraux, Marguerite Yourcenar hay Jean- Paul Sartre...

Trước khi đi sâu vào *Hành trình đến tận cùng đêm tối*, ta điểm qua một số tác phẩm khác của Céline, như trên vừa kể.

Sau thời gian sống ở châu Phi và ở Mỹ, năm 1928, Céline về nước làm thầy thuốc ở Clichy. Bốn năm sau khi cuốn sách đầu tiên đó của ông ra đời và được tặng ngay Giải thưởng văn học, năm 1936, cuốn thứ hai, *Cái chết bán chịu*, đưa người đọc trở lại thời niên thiếu của tác giả. Qua các chương sách, người ta thấy được những diễn biến trong cuộc đời chàng trai Ferdinand, vật lộn với thời đại mình - nước Pháp và nước Anh trước Chiến tranh thế giới thứ nhất - và với chuyện học hành; rồi một chuỗi những chuyện trong gia đình, trong cuộc đời phiêu bạt, chuyện làm ăn, chuyện học tập cần cù, và dĩ nhiên cả chuyện trai gái dâm bôn... Lớn lên trong cảnh ngột ngạt của gia đình, Ferdinand chỉ còn biết trốn cây vào bà ngoại Caroline và cậu Édouard. Ông này không ngừng đem lòng tin và lòng nhân ái cứu vớt Ferdinand khỏi những cơn bối rối. Trong khi bố mẹ ngày càng lao vào đủ thứ chuyện kiểm soát và bắt con cùng phải ghé vai với mình, rồi ép Ferdinand bỏ học chữ đi học nghề, thực ra chỉ là một chú bé đầu sai, chạy hàng, đóng gói, bỏ mối, và sau đó đi làm thợ, làm thư ký sở tư. Cuộc đời Ferdinand còn phải chứng kiến lắm chuyện bi hài. Như chuyện mẹ vợ ông giám đốc nọ cảm sùng lên đầu chồng rồi tự sát; chuyện bịp bợm của một kẻ mạo nhận nhà phát minh khoa học bị lật mặt nạ cũng tự nã đạn vào đầu...

Năm 1957, khi cuốn *Từ lâu đài đến lâu đài* ra đời, nhiều người đã nghĩ rằng có thể đặt tựa đề là *Tận cùng đêm tối*, coi như phần nối tiếp cuốn sách chúng ta đang đọc. Thông qua những diễn biến ở ba tòa lâu đài ông từng

sống, Céline mô tả những tâm trạng đau đớn, xáo trộn bởi Chiến tranh, Hận thù và Nghèo khổ. Một lâu đài ở Sigmaringen (Đức), sống cùng Pétain và các bộ trưởng trong chính phủ bù nhìn Pháp lúc bấy giờ, một cái khác ở Đan Mạch, nơi ông bị giam giữ trong mười tám tháng, sau đó bị đưa về giam ở một trang trại hoang phế; và cuối cùng ở Meudon, nơi mà các con bệnh cũng nghèo kiệt xác như ông thầy cứu chữa họ.

Xin nói rõ thêm, Sigmaringen là một thành phố của Đức trên sông Danube, d bang Baden Wurtemberg. Năm 1944-45, Pétain, quốc trưởng bù nhìn Pháp, ẩn náu ở đây, tuy trụ sở chính thức vẫn ở Vichy. Dưới ngòi bút của Céline, Sigmaringen được lấy làm nền cho một câu chuyện cổ tích trong đó có đủ cả thần tiên lẫn phù thủy, nhưng thần tiên thì ít mà phù thủy thì vô thiên lủng. Với một sự hài hước hào phóng, ông vẽ ra đáng vẽ những tên Đức phát xít hoảng hốt lo sợ cái khối lực địa châu Âu treo lơ lửng sẵn sàng chụp xuống đầu chúng; còn các bộ trưởng của ngụy quyền Vichy thì chẳng chút quyền hành, đến bản thân Pétain cũng đang nơm nớp đợi ngày bị điệu ra trước Tòa đại hình.

Văn học Pháp hiện đại đánh giá *Hành trình đến tận cùng đêm tối*, *Cái chết bán chịu* và *Từ lâu đài đến lâu đài* là ba tác phẩm lớn nhất của Céline. Nhiều từ điển bách khoa Pháp đặt *Hành trình đến tận cùng đêm tối* ngang với các tác phẩm văn học kinh điển và thường dành một mục từ riêng cho tác phẩm; ngay cả từ điển bách khoa *Le Petit Larousse* (1995) tuy cho rằng tác phẩm đã “được viết với một văn phong méo mó, tràn ngập những lộng ngôn”, nhưng cũng phải thừa nhận “tác phẩm đã ảnh hưởng sâu sắc đến văn học Pháp hiện đại”. Đây là một trong những cuốn sách hiếm hoi vừa ra mắt đã lập tức trở thành một sự kiện lịch sử văn học. Céline đã dựa vào thứ ngôn ngữ truyền khẩu và bình dân mà văn học Pháp đã không biết đến suốt ba thế kỷ, để kịch liệt tố cáo thực trạng xã hội, từ đó tạo ra một sức mạnh chưa từng có và dùng nó để đặt một nghi vấn siêu hình về con người và thân phận làm người.

Mục tiêu thứ nhất của sự tố cáo ấy là chiến tranh, bấy giờ là cuộc chiến tranh giữa các đế quốc vào năm 1914. Tác giả dựng lên một nhân vật mang

tên Ferdinand Bardamu ^[152*], vừa là người kể chuyện vừa là hình bóng của chính ông. Bardamu ngẫu nhiên thấy mình dấn thân vào cuộc chiến tranh và cùng lúc anh ta khám phá ra những khủng khiếp của chết chóc, đồng thời cũng thấy ra ngay trong hàng quân Pháp một cuộc chiến tranh giữa các tướng lĩnh quân phiệt với đám lính tráng bị họ đẩy vào chỗ chết. Bardamu thoát ra được là nhờ bị thương. Nhưng tại các nhà thương trong vùng Paris mà anh ta được cứu chữa, thì chính mắt anh ta lại bắt gặp sự đối kháng giữa đám dân buôn đầu cơ chiến tranh và những chiến binh đã bị đem đi làm bia thịt giờ lại bị chúng bóc lột đến cùng. Ngay cả các thầy thuốc ở đây cũng lăm kè chối bỏ sứ mệnh của mình, tiếp tay cho thần chết. Cái ngôn ngữ bình dân của nhân vật Bardamu đã khiến cho mỗi trang sách của Céline thành một cáo trạng bóc trần những mỹ tự ái quốc ái quần phun ra từ mọi cửa miệng ở nơi này.

Bardamu được giải ngũ. Anh ta tính luôn đến chuyện xa lánh nơi trận mạc ấy, lần mò sang tận châu Phi, đến xứ thuộc địa Bambola-Bragamance ^[153*]. Anh ta xin được một chân quản lý chi nhánh hãng buôn trong tít rừng già nhiệt đới. Nhưng chẳng mấy chốc, anh ta lại thấy ra rằng chiến tranh, bằng nhiều hình thức khác nhau, vẫn bám đuổi mình trong suốt chuyến đi dài trên con tàu “*Đô đốc Bragueton*” rồi những ngày sống ở Fort-Gono, cũng như còn tiếp tục thấy nó suốt những chặng đường xa... ở đâu thì cũng vẫn những kẻ có đặc quyền tha hồ vợ vét bóc lột. Từ cái nhìn ấy, anh ta thấy lăm điều lý thú do chế độ thuộc địa bày ra cả một xã hội phân hóa đẳng cấp, thậm chí cùng người da trắng cũng chẳng tha gì nhau, họ cũng bị các ông chủ ngồi tận bên mẩu quốc bóc lột hay bị những kẻ có quyền thế ở tại chỗ đè đầu cưỡi cổ. Ma cũ bắt nạt ma mới, thượng cấp nạt nộ hạ cấp, rồi lại hòa nhau hành hạ người da đen mà họ vỗ ngực tự xưng là những kẻ đi khai hóa. Đến được cái chi nhánh thương mại Bikobimbo là Bardamu đủ lường hết được những điều phi lý trong thực trạng đó. Rõ thật bất ngờ là Bardamu lại thấy tất cả những cái đó nơi con người mà mình đến thay thế, hẳn ta cũng chẳng phải xa lạ gì với anh, chính là kẻ đã hai lần anh gặp trong cuộc chiến tranh, một kẻ vỗ ngực xưng xưng là người yêu nước. Đó là Robinson, kẻ đồng ngũ và cũng là

nổi ám ảnh bám đuổi anh như hình với bóng.

Ổm đau, mê sảng, người ta khiêng Bardamu ra tận bờ biển, quăng lên một con thuyền ga-le, tức loại thuyền đi biển thường do những người tù khổ sai phải ra sức bươn chải dưới roi vọt của lũ cai tù. Con thuyền lênh đênh trôi đến cái Thế Giới Mới mà anh ta từng thấy trong mơ. Cảnh tượng đầu tiên đập vào mắt Bardamu của thành phố New York - “thành phố dựng đứng” - đã gây cho anh một dấu ấn mạnh mẽ. Nhưng cái xứ sở cực lạc ấy (el colorado) lại mang một vỏ bọc kỹ càng lắm, chẳng dễ gì lọt vào nổi. Để làm được điều đó, Bardamu phải xoay xở xin vào phục vụ trong một cơ quan nhập cư, chuyên bới lông tìm vết đám dân di tản đến xứ này. Đã nghèo thì ở Mỹ cũng chẳng sung sướng gì hơn nơi khác. Tại đây người ta phát minh ra đủ cách để bóc lột. Bardamu đã khám phá ra điều đó ở nhà máy Ford ở Detroit: một hình thức nô dịch tân kỳ được đem ra áp dụng, đó là kiểu lao động dây chuyền. Nhờ có sự âu yếm và tinh khôn của một cô gái điếm, Bardamu thoát khỏi chốn này. Molly sẵn sàng dành cho quãng đời còn lại của Bardamu một cuộc sống đầy triển vọng tươi đẹp, hạnh phúc, yên ấm. Nhưng anh ta đã không được hưởng.

Thế rồi anh ta lại trở về Paris. Câu chuyện chỉ dành chút ít cho những năm học tập trở thành một người thầy thuốc. Cư trú ở vùng ngoại ô “Rancy” ^[154*], Bardamu lại khám phá ra thêm những gian nan mới trong cuộc sống. Làm thầy thuốc tư rồi thầy thuốc bệnh viện. Do nghề nghiệp của mình, anh phải đối mặt với bệnh tật và chết chóc, và dưới “ánh sáng” của những cái đó, anh ta lại thấy ra một thế giới mới khác nữa, trước hết là cái thế giới của tầng lớp tiểu tư sản, qua những nhân vật như cặp vợ chồng một viên chức hưu trí có tên là Henrouille ^[155*], hay bà mẹ một sản phụ trẻ chết vì sảy thai. Nào nuốt nhất là cái chết của Bébert, một đứa nhỏ bị bệnh thương hàn cướp đi trước những cố gắng đến tuyệt vọng của Bardamu. Nhưng cũng nhờ có chuyện ấy mà cái “công trình nghiên cứu y học” của tiến sĩ Parapine, thuộc Viện “Bioduret” được nhiều người xếp ngang với Viện Pasteur, té ra chỉ là một trò bịp.

Bardamu ngồi giu giú một nơi có hay đâu, xoay quanh anh, người ta khởi sự một trò gian ác: vợ chồng lão Henrouille mưu toan giũ bỏ bà mẹ già ốm yếu. Họ trước hết định đưa bà cụ vào bệnh viện để nhờ sự tiếp tay của Bardamu; việc không xong, vì bị từ chối, họ dàn dựng một tai nạn để hại bà cụ. Trợ thủ cho những đứa con quỷ quái này, vẫn không phải ai khác, lại chính là Robinson mà Bardamu vừa gặp ở Detroit và từ đó hăn theo riết anh đến tận Rancy này. Robinson gài một quả mìn nhỏ vào chiếc lồng thỏ nhằm hãm hại bà cụ. Bất đồ, mìn lại nổ ngay vào mắt hăn. Vợ chồng Henrouille bỗng dưng phải cưu mang thêm một thằng mù. Đến lượt một ông thầy tu là linh mục Protiste, được sự đồng tình của Bardamu, giúp cặp vợ chồng kia giải quyết cả bà cụ lẫn thằng mù, bằng cách đưa họ xuống Toulouse (miền nam nước Pháp), thu xếp cho họ trông giữ một căn hầm nhà thờ chứa những xác ướp rất hấp dẫn đối với khách du lịch.

Trong khi đó thì Bardamu rời bỏ Rancy. Một thời gian đi theo gánh ca vũ “Tarapout”, đóng những vai phụ. Gần gũi các cô vũ nữ dễ tính, anh ta mau trở thành một gã phóng đảng, giao lưu cả với tay chủ chứa ở đường Batignolles. Nhưng rồi sự tò mò xui khiến Bardamu xuống Toulouse dò xem Robinson và bà cụ Henrouille đã ra sao. Anh ta không thể ngờ rằng bà cụ lại khỏe mạnh và hoạt bát hơn bao giờ hết. Còn Robinson tuy vẫn mù lòa và thiếu não, thế mà hăn ta lại đang chấp chơi làm rể bà hàng nển trong nhà thờ. Cô gái ấy tên là Madelon ^[156*]. Cô ta không có vẻ gì ác cảm với Bardamu mà còn dẫn anh đi tham quan căn hầm nổi tiếng đó. Trong thời gian lưu lại đây, một hôm cùng đi chơi vùng nông thôn, Bardamu đã có dịp bắt gặp hai anh chị tỏ tình với nhau rất mùi mẫn. Hai hôm sau, hay tin “một tai nạn tử vong” đã xảy ra với bà cụ Henrouille, Bardamu hiểu ngay thực chất sự việc, vội vàng chuồn thẳng.

Đoạn chót của anh ta diễn ra tại một bệnh viện tâm thần trong vùng Paris. Bardamu đến đây xin việc, thế nào lại gặp đúng lão Parapine. Lão đã trở thành một tay thân tín của bác sĩ Baryton, chủ bệnh viện này. Ông ta là người chống đối phương pháp điều trị phân tâm học. Bardamu tưởng như đã tìm

được ở bệnh viện này một chốn nương thân lý tưởng. Lão Baryton rần rỏi ấy, ban đầu có ý sử dụng Bardamu vì thấy anh ta thạo tiếng Anh, nhưng bản thân ông ta gặp phải chuyện bất ổn, liền từ bỏ bệnh viện, trút hết mọi trách nhiệm lên đầu Bardamu. Thì ngay đó, lại một lần nữa xuất hiện Robinson. Hẳn ta đã khỏi mù lòa nhưng quá ngán cuộc sống chần gỗi và chạy hàng chạy chợ của Madelon. Lại càng không chịu nổi tính thù vặt và dai như đĩa của cô nàng, thế là hẳn bỏ chạy tháo thân. Robinson cầu xin Bardamu cho hẳn lánh vào bệnh viện. Nhưng rồi Madelon cũng mò ra. Cô nàng trút hết giận dữ lên đầu anh và lôi Robinson về bằng được. Hồi ấy Bardamu đang vui hưởng những “đặc ân” của Sophie, một cô y tá người Xlôvác trong bệnh viện. Với thiện ý hòa giải, anh rủ cả bốn người cùng đi dự một cuộc vui ở Batignolles. Nhưng đây lại là một việc làm vụng về và đã dẫn đến thảm họa. Trên chiếc taxi, lúc quay về bệnh viện, Robinson cự tuyệt những cử chỉ làm lành của Madelon; đã thế lại còn khiêu khích, phỉ báng mối tình của Madelon dành cho hẳn. Cô ta rút ngay súng bắn chết Robinson. Trực tiếp chứng kiến cơn hấp hối của Robinson và ra làm chứng ở đồn cảnh sát, tiếp đó Bardamu trở lại bên con sông đào, trong buổi sớm mai, và nhớ đến cái cung cách mà “chuyện ấy đã bắt đầu” (“çà a débuté” - những từ mở đầu cuốn tiểu thuyết này). Một tiếng còi tàu lan tỏa trên mặt sông đào khiến anh ta mừng tượng cảnh con tàu đang lai dắt theo nó cả cái thế giới “không còn được ai nhắc đến nữa”.

Suốt cuộc hành trình, Bardamu đã không tự thỏa mãn việc tố cáo tất cả mọi cơ chế và mọi sự bất công trong xã hội. Trong chiến tranh, giáp mặt với lửa đạn, anh ta tưởng tượng ra cái chết và lấy nó làm chỗ dựa cho sự hèn nhát coi như đó là chuyện đương nhiên và ai cũng có quyền tránh né. Trong các bạn đồng ngũ của anh ta, người nào tỏ ra dũng cảm hoặc đơn giản chỉ là phục tùng mệnh lệnh, thì anh ta coi là người không có được sự tưởng tượng ấy. Nhưng ngay trong cuộc chiến, Bardamu cũng đã bắt gặp quả tang những kẻ tiếp tay cho Thần Chết bằng cách xô đẩy đồng loại vào cuộc chém giết lẫn nhau. Trải qua kinh nghiệm cơ bản này, Bardamu nảy sinh ý niệm về một sự hồ nghi rằng phải chăng trong mỗi con người đều tiềm chứa những ham

muốn sát nhân, những sự chết chóc? Tiếp đó, trong cuộc sống phiêu bạt trên nhiều lục địa, qua mỗi bước đường, mỗi tình huống mới, anh ta cố tìm cho mình những yếu tố để giải đáp những vấn đề luôn luôn lớn vồn trong đầu. Đó cũng là nguyên nhân của sự khắc khoải khiến cho Bardamu (và cả Robinson cũng như Baryton) không thể đành lòng với cuộc sống yên ổn, bình thường, và có thể nói là hạnh phúc nữa. Cái chết được thấy ở Robinson rút cục lại nằm ngay trong viễn cảnh cuộc tìm tòi. Hơn nữa, theo cách nào đó, nó là kết quả của cái đã bắt đầu của chiến tranh.

Từ thân phận con người và từ mỗi con người, không phân biệt thuộc giai tầng nào, *Hành trình đến tận cùng đêm tối* đưa ra một ý niệm vô cùng đen tối. Phải chăng đó là thứ chủ nghĩa phản nhân văn hay chỉ vì ý muốn thôi thúc con người hãy vươn lên cao hơn chính mình, mà, trình bày cho họ thấy một hình ảnh được tô đen đậm hằn lên? Dường như điều đó đã được nhiều nhân vật trong truyện chứng minh. Có những nhân vật được tác giả xây dựng theo ước lệ nữa, như Molly hay như viên trung sĩ thuộc địa dám hy sinh thân mình vì đứa cháu gái nhỏ; những nhân vật khác lại càng độc đáo hơn, như bà cụ Henrouille, vượt lên tất cả, không để cho những sự khiêu khích, những nỗi đớn đau, thậm chí cả cái chết, có thể nhận chìm tinh thần ham sống và ngôn ngữ lạc quan của bà. Ngay trong truyện, ta thấy chỗ nào cũng có sự đối trọng giữa những hình ảnh hoặc những quyết đoán bi quan nhưng lại mang tính hài hước không ngừng phát triển, với một sức sống mãnh liệt được truyền vào văn phong bởi thứ ngôn ngữ bình dân đã được tìm lại.

Cái không khí rất lạ lùng của cuốn tiểu thuyết, với bối cảnh tăm tối, với nội dung câu chuyện được tạo nên qua một sự tích anh hùng bị nhìn bằng một lăng kính méo mó lỗ bịch, những mộng mị phi lý và những tình tiết nhớp nhúa, với cái thi vị đời thường mà tác giả khéo tạo dựng, khiến cho *Hành trình đến tận cùng đêm tối* trở nên một trong những tác phẩm nổi bật nhất của văn học Pháp giữa hai cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất và thứ hai, đặc biệt là trong những năm cuối thập kỷ 30. Ta còn nhớ hồi ấy, với phong trào Mặt trận Bình dân (1936 - 1939) nhiều tác phẩm hiện thực phê phán lớn như của

Gide tố cáo những tệ ỨC hiếp của bọn thực dân ở Congo, của Duhamel vạch trần chế độ man rợ mới của tư bản Mỹ... Nhưng, những gì được Céline mô tả trong *Hành trình đến tận cùng đêm tối* lại đập mạnh hơn cả vào dư luận đương thời. Bernanos, Aragon, Elsa Triolet đều bị thuyết phục bởi cái chất cách mạng trong sự tố cáo mạnh mẽ của Céline. Ông còn tìm tòi được một bút pháp mới mẻ, bất chấp văn phạm chính thống của văn viết; ông đã đưa vào văn học Pháp một thứ văn nói, đặc biệt là sự phong phú trong ngữ điệu dân gian và những sống sượng của tiếng lóng dân dã ngoại ô. Cách biểu đạt của ông, nhất là trong *Hành trình đến tận cùng đêm tối*, đã tác động lớn đến văn phong của nhiều nhà văn khác cũng có xu hướng chính trị và cá tính khác thường như ông.

Hai nhà văn lớn Jean - Paul Sartre và Raymond Quéneau tự coi như “mang nợ” Céline trên lĩnh vực này...

Tất nhiên, bên cạnh những tiếng khen, cũng không ít tiếng chê và coi Céline không những là người hư vô, yếm thế mà còn là phần tử vô chính phủ, “kẻ gào thét sự vô lý” nữa... Nhưng dù thế nào thì đến tận ngày nay người ta vẫn cứ phải xếp nó bên cạnh các tác phẩm hàng đầu trong văn học Pháp.

Tuy chúng tôi đã cố gắng chuyển nguyên bản sang tiếng Việt ta, nhưng gặp phải một tác phẩm viết với một văn phong đã rất độc đáo, lại chứa đựng những ngôn ngữ bình dân và cả những tiếng lóng dân gian Pháp mà người dịch cũng không hiểu được hết, nên không tránh khỏi những thiếu sót. Mong bạn đọc thông cảm và chỉ bảo. (Các chú thích ở cuối trang là của người dịch).

Tư liệu giới thiệu tác giả và tác phẩm tổng hợp từ các từ điển và sách báo Pháp

Người dịch: HOÀNG PHONG

CHÚ THÍCH

[1] Paul Déroulède (1846 - 1914), nhà văn, nhà chính trị Pháp. Năm 1882 sáng lập và làm chủ tịch “Liên đoàn những nhà ái quốc”, tác giả Những bài ca người lính. Ông là người sôi nổi hoạt động, từng là nghị sĩ và năm 1899 mưu toan lôi kéo quân đội chống tổng thống, ông bị lưu đầy từ năm 1900 đến 1905.

[2] Bélisaire (sinh và mất khoảng năm 500 - 565 đầu công nguyên), tướng Byzantin. Dưới thời vua Justianus đệ nhất, vào thế kỷ thứ VI, ông đã từng là người xướng xuất và tiến hành các cuộc viễn chinh đánh đuổi quân Phốt để chiếm lại các thuộc địa ở châu Phi, đảo Sicile và Italia.

[3] Đây là lối chơi chữ của tác giả. Trên kia, trong buổi lễ, viên đại tá kêu gọi chiến binh của mình: “Hãy dũng cảm lên!”, nguyên văn tiếng Pháp là “Haut les coeurs!”, thì dưới này nhân vật Bardamu lại hô hào: “Hãy hèn nhát đi!” - “Bas les coeurs!”-, nghĩa đen hai câu tiếng Pháp: Nâng trái tim lên, hạ trái tim xuống.

[4] Quân hàm hàng tá trong lục quân Pháp biểu hiện các cấp bậc bằng vạch, không bằng sao.

[5] Pinçon có nghĩa đen là: vết cấu véo, kìm kẹp trên thân thể.

[6] Brandebourg, một tỉnh của Đức với thủ phủ là Potsdam, ở phía tây Berlin, nổi tiếng là vùng đất kinh kỳ văn hiến của nước này.

[7] Có thể hiểu ý tác giả muốn nói: đã phải thồ năng lại còn phải mệt nhọc mất ngủ mò mẫm trong đêm tối.

[8] Tức adjudant, thượng sĩ. Trước đây, thời Pháp thuộc, trong quân đội thuộc địa, thường gọi là thầy quản, hay phiên âm nôm na là ách-xì-đăng, gọi tắt là thầy ách.

[9] Thuộc mạn bắc Pháp, giáp với Bỉ, nhưng địa danh này có lẽ cũng chỉ là hư cấu.

[10] Một tộc người da đỏ ở Bắc Mỹ, đã từng định cư và lập quốc suốt hai trăm năm ở vùng đất ngày nay là Mê-hi-cô, từ khoảng đầu thế kỷ XIV đến khi nước này bị người Tây Ban Nha chinh phục vào năm 1521.

[11] Tháp Eiffel cao 320 mét ở trung tâm thủ đô Paris.

[12] Đây là câu chuyện có thật trong lịch sử chiến tranh 1914 – 1918 ở Pháp. Hồi đầu chiến tranh, khoảng tháng 9 -1914, khi quân Đức tiến vào vùng Champagne-Ardenne, một vùng nổi tiếng về rượu sâm banh và rượu vang, chúng thấy rượu ngon, đua nhau nốc lấy nốc để, say bí tỉ không còn chiến đấu nổi, chịu để bị bắt làm tù binh hàng loạt. Khi ấy, tướng Joffre đã tìm thấy sâm banh và rượu vang là đồng minh tự nhiên của mình để chiến thắng quân Đức.

[13] Tiền tệ Pháp, cùng với tiền giấy, có tiền kim loại. Đồng franc (FF) trước đây ta thường gọi nôm na là đồng quan hay quan tiền tây.

[14] Mỗi quan Pháp bằng 100 xăng-tim (centimes) và mỗi đồng xu Pháp bằng 5 xăng-tim, hay 1/20 đồng quan. Bardamu đưa đồng năm quan để trả tiền rượu, tương đương với 100 đồng xu. Tác giả dùng cụm từ “cent sous” (100 xu), còn có nghĩa bóng là “kếch xù, rất lớn, quá đáng”...

[15] Hồi đó tại Pháp còn nhiều nơi thắp đèn đường bằng lửa ga.

[16] Les mères: có thể hiểu “các bà mẹ” (của các chiến binh ra trận), cũng có thể hiểu “các bà mẹ” trong các nhà tu, thường làm việc thiện ở các nhà thương. Có thể ở đây tác giả viết theo nghĩa thứ hai.

[17] Jeanne D’Arc (1412 - 1431), nữ anh hùng dân tộc Pháp, đã đánh thắng quân Anh, giải vây thành Orléans nhưng rồi bị chúng bắt và thiêu sống. Với công tích của bà, về sau bà được Nhà thờ phong thánh.

[18] Bạng (livre), đơn vị đo lường cũ ở Pháp, tương đương 487 gram.

[19] Mentir, baiser, mourir (nói dối, làm tình, chết), ý nói hồi ấy người ta chỉ có ba việc ấy thôi. Gần cùng loại với câu phong dao của dân Pháp hiện nay: Boulot, métro, dodo (đi làm, đi métro, đi ngủ) đời người mỗi ngày chỉ bấy nhiêu việc chính.

[20] Xem lại chú thích 6. Bài ca La Madelon nổi tiếng này sáng tác năm 1914 nhưng đến cuối năm 1915 mới được các nghệ sĩ trong các đoàn văn công quân đội đưa ra hát trong các cuộc biểu diễn phục vụ binh sĩ ngoài mặt trận. Ngay từ buổi đầu tiên, bài ca đã thành công, và chỉ mấy tuần sau, trên hầu khắp nước Pháp, cả tiền tuyến lẫn hậu phương, chỗ nào cũng thấy người ta luôn miệng hát La Madelon, cũng như luôn miệng hô khẩu hiệu:

“Ta sẽ chiến thắng chúng nó” .

[21] Khi ấy tờ *Le Petit Journal* là phương tiện truyền thông chủ yếu của giới cầm quyền nhằm cổ vũ chiến tranh, kích thích tinh thần yêu nước và ý thức dân tộc của nhân dân Pháp... Câu trên chúng tôi chưa tra cứu được xuất xứ cũng như nội dung cụ thể. Có thể hiểu tác giả muốn giấu những ngôn từ và khẩu hiệu hoa hòe, rùm beng của tờ báo trong việc đòi lại vùng Lorraine bị Đức thôn tính, hô hào độ gắng chiến đấu. Được biết, phụ trương chủ nhật 8-12-1918 của báo này nêu khẩu hiệu lớn trên đầu trang bìa hoan hô Metz và Lorraine đã được trả về cho Pháp.

[22] Xin xem lại trang 96 và chú thích 24.

[23] Một thị xã ở vùng ngoại ô tây-nam Paris

[24] Trong nguyên bản: “*Dans cette cuisine-là*” ; theo tiếng lóng Pháp, “*cuisine*” có nghĩa “sở cảnh sát”, tác giả muốn coi cái ổ điểm ấy như một nơi chỉ điểm.

[25] Cuộc chiến tranh Pháp-Đức ấy bắt đầu từ tháng 8/1914. Ngày 3/8/1914 Đức tuyên chiến với Pháp; trước đó hai ngày để chuẩn bị đối phó với Đức, chính quyền Pháp đã ra lệnh tổng động viên từ 1/8/1914.

[26] Một thị xã nằm trong lưu vực sông Loire ở phía tây-nam Paris, vùng đất cổ đô Pháp.

[27] Cuộc chiến tranh giữa Pháp và Anh từ năm 1337 đến năm 1453.

[28] Nguyên bản viết: *Porter les armes patriotes*. Có hai nghĩa: cầm súng yêu nước, hay mang những huy hiệu yêu nước. Không rõ tác giả muốn viết theo nghĩa nào, vì cả hai đều thích ứng trong văn cảnh này.

[29] Tức ngày quốc khánh Pháp.

[30] Dumouriez là một viên tướng Pháp đã đánh thắng quân Phổ ở Valmy năm 1792, nhưng về sau lại đào ngũ sang Áo.

[31] Flandres: một vùng nằm giữa hai nước Pháp và Bỉ.

[32] Bismarck: chính khách Phổ (1815 - 1898), năm 1871 là quốc trưởng nước Đức, thi hành một chính sách độc tài nổi tiếng.
Hai vua Napoléon, tức Napoléon đệ nhất (1769 - 1821) và Napoléon đệ tam (1808 - 1873) là hai ông vua Pháp đã tiến hành nhiều cuộc chiến tranh

chống các nước khác.

Barrès, nhà văn Pháp (1862-1923), thuộc xu hướng quốc gia chủ nghĩa.

[33] Tác giả sáng tạo ra tính từ *drapeautique* (religion *drapeautipue*), chúng tôi tạm dịch là cờ sí.

[34] Trong chiến tranh 1914-1918, 60 vạn quân Anh chiến đấu trên đất Pháp.

[35] Marcel Proust (1871 - 1922), nhà văn Pháp, tác giả bộ tiểu thuyết đồ sộ và độc đáo *Đi tìm thời gian đã mất*, gồm tới 7 quyển, dày hàng nghìn trang, in thành 16 tập. Bộ tiểu thuyết này được xếp trên cuốn *Hành trình đến tận cùng đêm tối* trong cuộc trưng cầu ý kiến năm 1995 như chúng tôi đã giới thiệu ở đầu sách này. Ông dựng lên một nhân vật mất công đi tìm hạnh phúc trong cuộc sống ăn chơi của giới thượng lưu, trong tình ái, trong sự chiêm ngưỡng các tác phẩm nghệ thuật, nhưng chỉ thấy trống rỗng và tẻ nhạt. Cuối cùng, anh ta đi sâu vào tiềm thức, khám phá ra hạnh phúc trong sự gợi lại ký ức theo bản năng, biến dĩ vãng thành hiện thực sống mãi. Người ta coi tác phẩm của Proust mang tính huyền thoại về con người.

[36] Antoine Watteau (1684 - 1721), họa sĩ Pháp. Tác phẩm chính của ông là *Hành hương về đảo Cythère*.

[37] *Cythère*, một hòn đảo Hy Lạp nằm trên biển Égée, nổi tiếng vì đây là thánh địa của nữ thần sắc đẹp và tình yêu *Aphrodite*.

[38] Tương tự như ta gọi “cô Thơ”.

[39] Xin xem lại chú thích 30.

[40] Ngoại vi tây-nam *Pari*.

[41] Từ *Billancourt* vào đến cầu *Grenelle*, trên sông *Seine*, cũng khá xa, đi bộ cũng khoảng dặm cây số.

[42] Tháng 12/1915, Nhà hát quân đội được tổ chức ở Pháp và các nghệ sĩ ra mặt trận biểu diễn phục vụ các chiến sĩ.

[43] *Rio*, theo chúng tôi hiểu, là tác giả viết tắt tên một cửa sông ở Nam Mỹ, *Rio de la Plata*, chảy ra Đại Tây Dương, và ngăn đôi hai nước Ác-giăng-tin với U-ru-goay. Hai thủ đô *Buenos Aires* và *Montevideo* nằm hai bên bờ. Có lẽ đây cũng là nơi xuất phát của các tay chủ tàu buôn Ác-giăng-tin mà tác giả nêu.

[44] Claude Lorrain (1600-1682), họa sĩ. Phần chính yếu trong sự nghiệp của ông là ở Rome. Ông là một trong những bậc thầy về những bức họa phong cảnh lịch sử.

[45] Sociophile, một từ có lẽ do tác giả sáng tạo, không thấy có trong các từ điển thông thường, chúng tôi tạm dịch là “nhà yêu mến xã hội”. Có thể hiểu tác giả dùng từ này với ý mỉa mai.

[46] Nhật nhĩ man, tức Germanie (nước Đức), gọi theo cách phiên âm cũ.

[47] Val-de-Grâce, một tu viện cổ ở quận V Paris, xây dựng từ thế kỷ 17. Sau này dùng làm trường và bệnh viện quân y.

[48] Nguyên văn là omnibus, một loại xe chở khách do súc vật kéo thời ấy. Chúng tôi mượn từ “thổ mộ” của ta để dịch, vì loại xe này cũng tương tự.

[49] Bicêtre: pháo đài này nằm ở vùng ngoại ô đông-nam Paris, xây dựng từ thế kỷ 17 và 18. Nay là một nhà thương đa khoa thuộc tỉnh Val-de-Marne.

[50] Tác giả dùng tiếng lóng “le petit plan”, tức là cái ống nhỏ đựng dụng cụ để vượt ngục của tù khổ sai thường giấu vào đũng quần, thậm chí vào trong lỗ đít.

[51] Có lẽ nhại từ Pirouette, có nghĩa “con quay”.

[52] Dupré, Vaudesquin và Margeton là những thầy thuốc nổi tiếng của Pháp. Trong đó Ernest Dupré (1862-1921) là một viện sĩ y khoa chuyên về thần kinh và tâm thần thuộc Viện Hàn lâm Y học Pháp từ năm 1918.

[53] Thuật ngữ tâm thần học gọi đây là “ám ảnh hồi ức”, một trong những hiện tượng ám ảnh của người bệnh tâm thần. “Ám ảnh hồi ức” là sự bận tâm nhớ lại, hết sức hình tượng và không thể nén được về một sự kiện cực kỳ khó chịu, nhục nhã trong quá khứ, kèm theo cảm giác đau đớn, xấu hổ và hối hận, dù người bệnh cố quên mà không thể nào quên.

[54] Chúng tôi tạm dịch cụm từ “diarrhée cognitive de libération”, trong đó tác giả đã tính từ hóa nguyên lý của Descartes: Cogito, ergo sum (Ta suy nghĩ, vậy là ta tồn tại).

[55] Nguyên văn: une intouchable, tức là lớp người hạ đẳng ở Ấn Độ.

[56] Tức Trường Mỹ Nghệ quốc gia (Conservatoire nationale des Arts et Métiers) ở Paris. Tương tự Trường Kỹ nghệ thực hành ở ta trước đây.

[57] Meuse, một tỉnh trong vùng Lorraine, mạn đông nước Pháp, giáp ranh nước Bỉ, nơi đây bị tàn phá nặng nề trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất 1914-1918.

[58] Somme một tỉnh nằm trên miền tây - bắc Pháp, giáp biển Manche. Bretagne ở phía dưới khá xa, cũng giáp với biển Manche và cả với Đại Tây Dương.

[59] Nguyên bản: *Compagnie des Corsaires Réunis*, một tên hư cấu. Có lẽ dựa theo tên một hãng tàu biển của Pháp trước đây thường chạy sang các thuộc địa: *Compagnie des Chargeurs Réunis* - Công ty các nhà Bốc vác liên hiệp, mà nhân dân ta ở Hải Phòng thời Pháp thuộc thường gọi là Hãng Năm Sao.

[60] Đây là một nhãn dao cạo do tác giả đặt ra, có lẽ để nhại nhãn “Gillette”.

[61] Đây là tên những viên tướng thực dân đã đi chinh phục các thuộc địa: Charles Mangin (1865 - 1925) từng đánh chiếm Congo năm 1898; Louis Faidherbe (1818 - 1889) từng là toàn quyền ở Sénégal; Joseph Galliéni (1849 - 1916), đã từng tham gia các trận đánh chiếm thuộc địa ở Soudan và Bắc Bộ Việt Nam.

[62] Absinthe: rượu ngải đắng (một thứ rượu bị cấm sản xuất ở Pháp); cassis: rượu lý đen.

[63] La Garenne – Bezons: một thị xã ngoại vi Paris.

[64] Pédéraste: kẻ loạn dâm đồng giới.

[65] Theo đạo Thiên Chúa, ngày 15-8 hằng năm là ngày lễ Đức Trinh nữ Maria lên trời. Đây là ngày lễ trọng. Tiếng Pháp là Assomption (Lễ Lên Trời).

[66] Bạn đọc sẽ thấy việc này xảy ra ở quá dưới, cách ba chương. Trong truyện, tác giả viết là Rio del Rio, nhưng có lẽ đây là Rio Muni (nay là Mbini), một thuộc địa cũ của Tây Ban Nha, từ cuối thế kỷ 19 đến giữa thế kỷ 20. Nay là một bộ phận của nước Ghi-nê Xích đạo, tuyên bố Độc lập từ năm 1968.

[67] Bên trên, tác giả viết nhà lão giám đốc bằng gỗ, lợp rạ. Không hiểu sao ở đây lại là mái tôn.

[68] Giá trị đồng quan (franc) khi ấy không được như bây giờ.

[69]Phố Moncey là một đường phố lớn nằm ở quận IX, trung tâm Paris. Không rõ ở đây có trụ sở gì quan trọng. Phố này mang tên một công tước đã từng là người đầu tiên làm thanh tra hiến binh ở thủ đô Pháp năm 1801. Phải chăng tác giả ngầm lấy tên ông này dùng vào văn cảnh trên.

[70]La Rochelle-. thành phố chính của tỉnh Charente - Maritime, nằm trên bờ Đại Tây Dương, cách Paris 466km về phía tây-nam.

[71]Ariège: một tỉnh trong vùng núi Pyrénées, miền nam nước Pháp, tiếp giáp với Tây -Ban Nha.

[72]Négrier: kẻ buôn người da đen, hoặc đối xử người da đen như nô lệ. Đây chỉ là cách gọi, thực chất mấy chú nhỏ này chưa phải như vậy.

[73]Nguyên văn là bougnole, tiếng của bọn thực dân phân biệt chủng tộc, khinh mạn gọi người da đen và da màu nói chung. Thậm chí cả đến nông dân vùng Bretagne ở Pháp cũng bị gọi như thế. Gốc của từ này theo tiếng Xê-nê-gan là ouolof hay bou-gnoul: người đen.

[74]Nguyên bản viết: cagna, tiếng của bọn lính Tây ngày trước, thời Pháp thuộc, nhại theo từ cái nhà trong tiếng Việt của ta để chỉ những ngôi nhà thô sơ tồi tàn.

[75]Francé: tức français - tiếng Pháp - phiên âm theo kiểu bồi. Những từ tiếp sau đó là tiếng lóng địa phương, chúng tôi không dịch được.

[76]Tác giả muốn nhắc đến việc Bardamu gặp và đi theo trung đoàn bộ binh ra trận, ở đầu truyện.

[77]Ở quá trên, tác giả viết là Tiểu Congo, dưới này lại viết Tiểu Togo. Về địa lý, hai nơi này ở cách nhau khá xa, tuy cùng trong vùng Xích đạo. Không rõ ý tác giả thế nào.

[78]Ckarleroi và Verdun là hai trận đánh lớn trong Chiến tranh 1914 - 1918. Trận Chareroi diễn ra trên đất Bỉ và quân Đức đã thắng (cuối tháng 8-1914). Trận Verdun (kéo dài từ tháng 2 đến tháng 12-1916) là một trận đẫm máu nhất trong cuộc chiến đó. Quân Pháp đã dũng cảm chiến đấu và chiến thắng.

[79]Nguyên bản Midi, miền nam nước Pháp.

[80]Tác giả chơi chữ: plus tropicale que les Tropiques, nhiệt đới hơn cả vùng

Nhiệt đới - tức vùng Xích đạo.

[81] *Calvados*: rượu mạnh cất từ táo.

[82] Nguyên bản viết: *Bon Dieu le Noubas*: một vị thần ẩm thực của lính Bắc Phi xưa.

[83] Nguyên bản viết: *Les bruits de la quinine*, và tiếp đó lại viết: *Les grosses mouches et la quinine*. Chúng tôi đoán là muỗi rừng gây bệnh sốt rét phải chữa bằng kí ninh, nên họ lấy tên thuốc để gọi vật gây bệnh.

[84] Tác giả muốn nhắc đến những đêm hành quân gian khổ trong chiến tranh, với những khẩu phần gồm có món cá ngừ khó nuốt.

[85] Nguyên bản: *Luna Park*, một công viên giải trí nổi tiếng thế giới lập ra ở Hoa Kỳ từ năm 1904 trù định một chuyến dạo chơi trên mặt trăng. Năm 1909 ở Paris cũng lập ra một thứ *Luna Park*, nhưng đến 1948 thì đóng cửa.

[86] Noé, tiếng Do Thái là Noah. Theo Kinh thánh, ông là một trong các bậc anh hùng trong Cựu ước. Noé là hậu duệ thứ mười của Adam, do có đức tin nên được Chúa báo trước tai họa sẽ xảy ra, nhờ vậy ông đã kịp đóng một chiếc tàu lớn chở cả vợ con và những mẫu của muôn loài qua khỏi cơn đại hồng thủy kéo dài suốt bốn chục ngày đêm. Ông được coi là thủy tổ của loài người.

[87] Chúng tôi không rõ ý của tác giả về cái tên này. Xin tạm hiểu là “quân y sĩ tổng hợp”. Tiếng Pháp, *surgeon* có nghĩa “chồi gốc”, “con nòi cháu giống”; còn tiếng Anh lại có nghĩa là “thầy thuốc phẫu thuật”. Viên chỉ huy trạm này có chức danh *major* tức thầy thuốc quân đội.

[88] Năm 1626, khi Mỹ còn là thuộc địa của Hà Lan, thành phố này mang tên *New Amsterdam*, là tên kinh đô của Hà Lan. Đến 1664, qua tay người Anh, thành phố đổi tên là *New York*, là tên của quận công York tức vua Anh James II về sau. Nước Mỹ giành được Độc lập vẫn giữ nguyên tên thành phố này, lấy nơi đây làm thủ đô đầu tiên của Hoa Kỳ (1789-90) và lễ đăng quang của vị Tổng thống đầu tiên Washington cũng được tổ chức ở đây năm 1789.

[89] Trong nguyên bản viết: *Après les heures verticales*, có nghĩa đen: Sau những giờ thẳng đứng. Chúng tôi đoán là những giờ mà hai kim đồng hồ dựng thành một đường thẳng đứng, tức là 6 giờ, và ở đây phải là 6 giờ chiều.

[90] Villejuif, một trong 49 tổng của tỉnh Val-de-Marne, nằm trong vùng ngoại ô phía nam Paris.

[91] Giống như câu tục ngữ ở miền Nam nước ta nói về quả mướp đắng: “Khổ qua tuy đắng mà ngon”. (Khổ qua = mướp đắng).

[92] Chabanais là một nhà thổ hạng sang mọc lên từ cuối thế kỷ XIX ở trung tâm Paris, nổi tiếng hầu khắp thế giới, nơi lui tới của những kẻ giàu có, quyền quý ở Pháp; Invalides tức Điện Phế binh, nơi thờ phụng các danh tướng Pháp, cũng ở trung tâm Paris.

[93] Nữ hoàng Elisabeth đệ nhất của nước Anh (1533 - 1603). Trong thời trị vì của bà, nền văn hóa và nghệ thuật Anh được phát triển mạnh mẽ. Shakespeare là một trong những người nổi tiếng của thời này.

[94] Tiếng Bồ Đào Nha trong nguyên bản. Có nghĩa: Tự do! Tự do!

[95] Tức đồ đạc vào thế kỷ 18 ở Pháp.

[96] Tiếng Anh trong nguyên bản. Có nghĩa: Cút! Cút! Cút!

[97] Detroit, một thành phố thuộc bang Michigan, phía tây thành phố New York, trung tâm sản xuất ô tô của Mỹ với hãng Ford nổi tiếng.

[98] Một nơi nghỉ mát bên bờ Đại Tây Dương, phía tây - nam nước Pháp, phía dưới Bordeaux.

[99] Tiếng Anh trong nguyên bản. Có nghĩa: bộ quần áo gồm bốn thứ: áo, quần, gi-lê và có lẽ thêm áo khoác ngoài.

[100] Về thời gian “ba mươi năm”, không rõ ý tác giả nói chung về nghề đó hay riêng đối với Robinson. Những từ Exit và Lavatory viết tiếng Anh trong nguyên bản, có nghĩa Lối ra và Nhà Vệ sinh.

[101] Nhà thờ Trái Tim Thiên (Sacré-Coeur) ở mạn đông-bắc thành phố Paris.

[102] Xin xem lại chú thích 20.

[103] Chợ Đền (Marché du Temple), nơi bán đồ cũ nổi tiếng ở quận 3 trung tâm Paris, tương tự Chợ Trời ở Hà Nội.

[104] Honoraires: tiền thù lao trả cho thầy thuốc, thầy cãi... Cùng dạng với Honoraire: danh dự. Tác giả có ý mỉa mai.

[105]Tiếng Anh trong nguyên bản, có nghĩa: Không còn âu lo!

[106]Quartier des “Filles-du-Calvaire”, ở quận 3 trung tâm Paris. Đây cũng là nơi có nhiều gái làm tiền.

[107]Xứ Basque là một vùng thuộc Pháp, nằm ở hai sườn núi Tây Pyrénées, giáp Tây Ban Nha. Dân ở đây có nền văn hóa lâu đời và đến nay vẫn còn duy trì. Họ thường nổi dậy đòi quyền tự trị. Từ démeng nói theo giọng basque từ dément có nghĩa là điên rồ.

[108]Ngày trước đèn đường ở các thành phố Pháp còn thắp bằng lửa ga, nên phải có người chuyên đi châm đèn hoặc tắt đèn.

[109]Nguyên văn: *Fantaisie bourgeoiso-byzantine de haut goût*. Chúng tôi tạm dịch như trên.

[110]Tác giả chơi chữ: *Recherche* vừa có nghĩa nghiên cứu cũng có nghĩa tìm kiếm. Nhân vật Bardamu đang tìm kiếm một người ở nơi người ta đang tiến hành những cuộc nghiên cứu khoa học.

[111]Laponie một vùng ở Bắc cực thuộc châu Âu, với khoảng 45.000 dân; Pérou một nước Nam Mỹ, bên bờ Thái Bình Dương, có gần ba mươi triệu dân.

[112]Hệ thống cung cấp hơi nóng đến từng nhà hoặc từng phòng từ một nguồn duy nhất của thành phố.

[113]*Ses caoutchoucs* có nghĩa là “đồ cao su”, “giày cao su” và cũng có thể hiểu là “bao cao su”. Không rõ ý tác giả, nhất là dưới đó vài đoạn, bạn đọc sẽ thấy ông Parapine này bộc lộ rõ mình hơn.

[114]Ý nói không phải ai cũng một mình quyết đoán được.

[115]Michel Eyquem de Montaigne (1533-1592), nhà văn và nhà triết học Pháp. Nổi tiếng với tập *Luận văn* (*Essais*) mà ông viết trong hơn hai mươi năm, từ lúc 38 tuổi cho đến khi qua đời. Tập sách này viết với văn phong gần như đàm thoại, đề cập đến nhiều loại vấn đề: văn học, chính trị, tôn giáo, tình bạn, giáo dục, cái chết... Trong đó, Montaigne đề cao chủ nghĩa chiết trung, sống theo tự nhiên. Ông nhận định tính chất con người là “uyển chuyển và đa dạng”, và nhận định của ông đã có ý nghĩa quan trọng đối với sáng tác văn học.

[116]Plutarkos (tiếng Pháp viết là Plutarque) nhà văn cổ Hy Lạp thế kỷ thứ

nhất công nguyên, có ảnh hưởng lớn đến Montaigne, Shakespeare...

[117] Nguyên văn: *Avec des sels d'or*. Chúng tôi tra cứu chưa tìm ra thật đúng nghĩa là gì.

[118] Xin xem lại trang 109: Gian hàng các dân tộc.

[119] Một tỉnh ở cực bắc nước Pháp, giáp với Bỉ.

[120] Tiếng Anh trong nguyên bản. Có nghĩa: Dành cho quý ông trước đây!

[121] Xin đọc lại trang (316)

[122] Trái bun (*boule*): trái tròn bằng gang, nhỏ bằng quả cam, dùng trong trò chơi trên hiên đất nện rất phổ thông ở Pháp, xuất xứ từ miền Nam, tên gọi *Pétanque*, có thể dịch là trò ném trái tròn. Đại khái như trò chơi bi của trẻ em; nhưng trò ném bun thường chủ yếu người lớn, người già tham gia.

[123] Tác giả cố ý viết tắt là Poléon.

[124] Epinal là tỉnh lỵ tỉnh Vosges, cách Paris 372km về phía đông, một trung tâm sản xuất tranh dân gian ở Pháp từ cuối thế kỷ 18.

[125] Xin đọc lại trang 134.

[126] Tên một đạo sĩ (hay thầy pháp) trong truyện cổ tích Ba Tư.

[127] Tiếng Anh trong nguyên bản. Tạm dịch: Em dù có đi đâu... dù có tìm đâu... thì cũng chỉ vì anh thôi.

[128] Bá tước La Pérouse, nhà hàng hải Pháp (1741 - 1788), được vua Louis XVI trao cho chỉ huy một cuộc thám hiểm các hòn đảo trên Thái Bình Dương. Ông chết trong một vụ đắm tàu.

[129] Tên một vở kịch của Corneille, từ giữa thế kỷ 17 ở Pháp.

[130] Tác giả nhắc đến nhân vật Princhard, một hạ sĩ, vốn là một thầy giáo dạy môn sử địa, tình nguyện nhập ngũ như Bardamu, cùng nằm bệnh viện tâm thần. Xin đọc lại trang 118.

[131] Một loại bánh ga tô có rắc nho và tưới rượu rum.

[132] Cayenne: thủ phủ “Guyane thuộc Pháp”, ở Nam Mỹ, nằm giữa Bra-xin và Xu-ri-nam. Hồi cuối thế kỷ 18 sang đầu thế kỷ 19, Cayenne là nơi tù đầy của các chính trị phạm, mà người ta mệnh danh là “cái máy chém khô”;

đến giữa thế kỷ 19 đế quốc Pháp lập lại nhà tù ở đây, bị phản đối rất dữ; mãi đến năm 1938, nhà tù này mới thực sự bị bãi bỏ.

[133] Nguyên văn: *Demi-sel*, nghĩa đen là bơ hay pho mát nhạt muối, chỉ mặn khoảng 2%; nghĩa bóng là: kẻ giả bộ tự do phóng khoáng, tên chủ chứa không phải chỗ. Cũng có chỗ giải thích là một thứ hoạn quan.

[134] Jean de La Bruyère (1645-1696), nhà văn cổ điển Pháp. Ông chỉ viết một cuốn sách mà thành bất tử. Đó là cuốn: *Les caractères de Théophraste, traduits du grec, avec les mœurs de ce siècle* (Những tính cách, tác phẩm của Théophraste, dịch từ tiếng Hy Lạp, kèm theo những tính cách và phong tục của thế kỷ này). Sách được ra đời năm 1688, sau mười năm viết và mười năm sửa chữa bổ sung. Sách được người đương thời rất hoan nghênh và ngay khi ông còn sống đã phải in đi in lại tới chín lần. Tuy gọi là sách dịch nhưng phần dịch không được chú ý bao nhiêu bằng phần ông viết thêm, thêm mãi mỗi lần in. Nội dung trào phúng, phê phán phong hóa suy đồi, chỉ trích những cái rườm rà của xã hội thượng lưu và nêu lên những suy nghĩ về các vấn đề lớn của xã hội đương thời. Xin lưu ý: Théophraste nói đây là nhà triết học, Hy Lạp ở thế kỷ thứ III; không phải Théophraste Renaudot là nhà báo và nhà y học Pháp (1586 - 1653) mà cuốn sách này của Céline được Giải thưởng văn học mang tên ông.

[135] Về nhân vật Alcide, xin đọc lại trang 269-286.

[136] Nơi này có thể nằm ở vùng ngoại ô phía tây-bắc Paris.

[137] Nguyên văn: *Maison de Santé*. Một cơ sở y tế tư nhân chuyên chữa bệnh tâm thần.

[138] Nguyên bản viết *superconscience*, một từ không thấy có trong các từ điển phổ thông Pháp. Chúng tôi tạm dịch là: hoang tưởng, vì trong tâm thần học có phân tích loại bệnh hoang tưởng tự đại về thiên tài...

[139] Xin đọc lại những chương tả cảnh sống ở châu Phi.

[140] Cà phê màu đen... Áo sơ mi tôi màu trắng... Vườn màu xanh... Bardamu, hôm nay anh khỏe không?

[141] Anh nói thế nào từ “không thể” bằng tiếng Anh, hả Ferdinand?

[142] Xin xem lại chú thích 98.

[143] Tức Công tước James Scott (1649 - 1685), con hoang của vua Anh

Charles II Stuart. Thủ lĩnh phái đối lập Tin lành, mưu đoạt ngôi vua của Jacques II nhưng không thành và bị xử tử.

[144] *Bois de Colombes: một thị trấn nhỏ ở vùng ngoại ô tây-bắc Paris, không xa nơi tác giả đang kể.*

[145] *Xin đọc lại trang 580.*

[146] *Thuộc miền Trung nước Pháp.*

[147] *Đây chỉ là trò đua xe trong công viên hay đám hội.*

[148] *Xin đọc lại trang 109.*

[149] *Hồi ấy chưa có đèn flash, phải dùng bột magnesium để sáng tạo. Nhưng cũng chưa có “ảnh lấy ngay” như bây giờ. Tác giả nói kết quả xấu đẹp có lẽ là vế sau.*

[150] *Xin đọc lại những trang 70 và 80.*

[151] *Giải thưởng văn học Théophraste Renaudot mang tên một ký giả và cũng là một thầy thuốc Pháp (1586 - 1653), người đã sáng lập tờ báo đầu tiên của nước Pháp: La Gazette, vào năm 1631. Giải này được lập ra từ năm 1925, hàng năm trao cho các tác phẩm văn học cùng lúc với Giải Goncourt, có giá trị ngang nhau.*

[152] *Tác giả chọn cho nhân vật chính của mình cái tên Bardamu đã hàm ý đó là một con người luôn luôn gặp gian nan cực nhọc, nghĩa đen của cái tên đó là: kẻ phải mang vác những thứ nặng nề linh kinh trên người.*

[153] *Một địa danh hư cấu. Trong đời thật, tác giả sang Cameroun.*

[154] *Cũng là một địa danh hư cấu.*

[155] *Henrouille có thể hiểu là “đồ han gí”.*

[156] *La Madelon, tên một bài ca được sáng tác ở Paris năm 1914, rất phổ biến trong các binh sĩ Pháp và đồng minh. Bài hát này cũng rất thịnh hành ở Việt Nam cho đến những năm 40.*